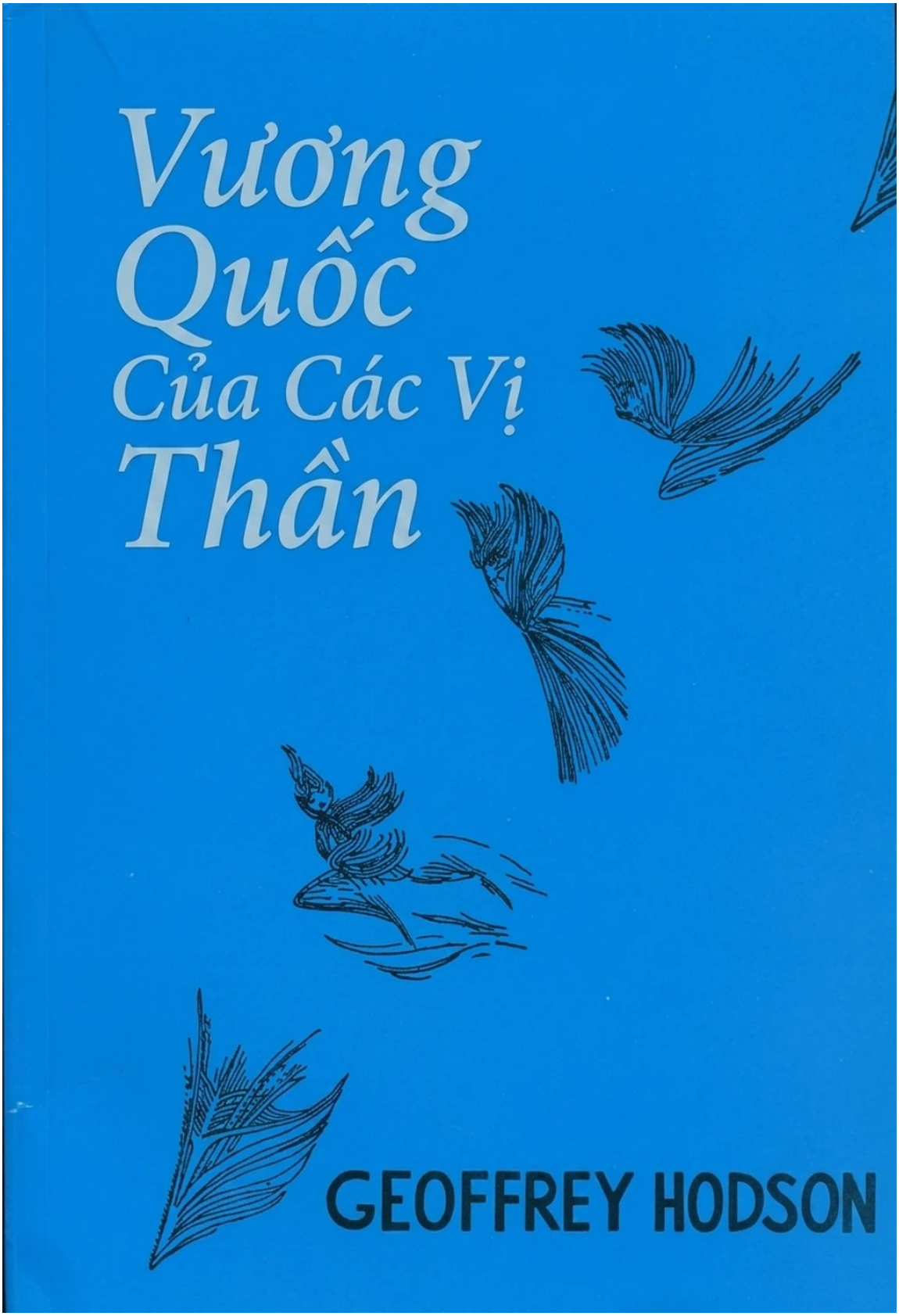
Vương Quốc Của Các Vị Thần



GEOFFREY HODSON

The KINGDOM Of the GODS

VƯƠNG QUỐC CỦA CÁC THƯỢNG ĐẾ

Books of Interest – Các Sách Đáng Quan Tâm

Geoffrey Hodson

Music Forms — Superphysical Effects of Music Clairvoyantly Observed (Illustrated with Photographs and Colour Plates)

Occult Powers in Nature and in Man

The Supreme Splendour

Meditations on the Occult Life

The Miracle of Birth — A Clairvoyant Study of Prenatal Life

H. P. Blavatsky

The Secret Doctrine — 3 Vol. Set

(1979 edn., presenting original 1888 edn.)

Vol. 1: Cosmogenesis

Vol. 2: Anthropogenesis

Vol. 3: Index and Bibliography

C. W. Leadbeater

The Monad — And Other Essays on the Higher Consciousness

Annie Besant and C. W. Leadbeater

Thought Forms

PLATE 10. A MOUNTAIN GOD NATAL

Geoffrey Hodson

Các Hình Âm Nhạc — Những Tác Động Siêu Hồng Trần của Âm Nhạc Được Quan Sát Bằng Thông Nhãn (Có Minh Họa bằng Hình Ảnh và Tranh Màu)

Các Quyền Năng Huyền Bí trong Thiên Nhiên và nơi Con Người

Vẻ Huy Hoàng Tối Thượng

Các Bài Tham Thiền về Đời Sống Huyền Bí

Phép Mầu của Sự Sinh Thành — Một Nghiên Cứu Bằng Thông Nhãn về Đời Sống Trước Khi Sinh

H. P. Blavatsky

Giáo Lý Bí Nhiệm — Bộ 3 Tập

(Ấn bản 1979, trình bày ấn bản gốc 1888)

Tập 1: Vũ trụ khởi nguyên

Tập 2: Nhân loại khởi nguyên

Tập 3: Mục lục và Thư mục

C. W. Leadbeater

Chân Thần — Và Các Tiểu Luận Khác về Tâm Thức Cao Siêu

Annie Besant và C. W. Leadbeater

Các Hình Tư Tưởng

BẢN 10. MỘT THẦN NÚI BẢN MỆNH

The KINGDOM THIÊN GIỚI

Of the GODS

Geoffrey Hodson

ILLUSTRATED BY ETHELWYNNE M. QUAIL

THE THEOSOPHICAL PUBLISHING HOUSE Adyar, Chennai 600 020, India • Wheaton, IL, USA

© The Theosophical

Publishing House, Adyar, 1952

First Edition, Thirteenth Reprint 2007

ISBN 81-7059-060-4 (Hard Cover)

ISBN 81-7059-292-5 (Soft Cover)

Printed at the Vasanta Press The Theosophical Society Adyar, Chennai 600 020, India

CỦA CÁC THẦN

Geoffrey Hodson

MINH HỌA BỞI ETHELWYNNE M. QUAIL

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG THIÊN HỌC Adyar, Chennai 600 020, Ấn Độ • Wheaton, Illinois, Hoa Kỳ

© Nhà Xuất Bản Thông Thiên Học

Adyar, 1952

Ấn bản đầu tiên, lần tái bản thứ mười ba 2007

ISBN 81-7059-060-4 (Bìa cứng)

ISBN 81-7059-292-5 (Bìa mềm)

In tại Nhà in Vasanta Hội Thông Thiên Học Adyar, Chennai 600 020, Ấn Độ



DEDICATION – ĐỀ TẶNG

This book is gratefully dedicated to the late Ethelwynne M. Quail who in March, 1937, provided the illustrations based upon my researches, carried out between 1921 and 1929, during which period six books on the subject were published. Although widely projected as slides throughout the world, the pictures themselves were not published until this book first appeared in 1952.

GEOFFREY HODSON

Quyển sách này được trân trọng đề tặng, với lòng biết ơn, cho cố Ethelwynne M. Quail, người vào tháng Ba năm 1937 đã cung cấp các minh họa dựa trên những nghiên cứu của tôi, được thực hiện trong khoảng 1921 đến 1929, thời kỳ mà sáu quyển sách về chủ đề này đã được xuất bản. Dù đã được phóng chiếu rộng rãi dưới dạng ảnh đèn chiếu khắp thế giới, chính các bức tranh ấy vẫn chưa được xuất bản cho đến khi quyển sách này lần đầu ra mắt vào năm 1952.

GEOFFREY HODSON

ACKNOWLEDGEMENTS – LỜI CẢM TẠ

Acknowledgements are gratefully made for financial help received from Theosophists in Java, New Zealand and America, from the Young Theosophists of Blavatsky Lodge of the Theosophical Society, Sydney, New South Wales, Australia, and Dr. W. M. Davidson of Chicago and his colleagues, who generously helped to meet the cost of publication.

Tôi xin trân trọng ghi nhận với lòng biết ơn sự giúp đỡ tài chính nhận được từ các nhà Thông Thiên Học ở Java, New Zealand và Hoa Kỳ, từ các nhà Thông Thiên Học Trẻ của Chi bộ Blavatsky thuộc Hội Thông Thiên Học, Sydney, New South Wales, Úc, và từ Tiến sĩ W. M. Davidson ở Chicago cùng các đồng sự của ông, những người đã quảng đại giúp trang trải chi phí xuất bản.

I am especially grateful to my friends Roma and Brian Dunningham for their generosity throughout many years and the provision of much-needed stenographers.

Tôi đặc biệt biết ơn các bạn tôi là Roma và Brian Dunningham vì lòng hào phóng của họ trong nhiều năm, và vì đã cung cấp những thư ký tốc ký rất cần thiết.

"The philosopher should be a man willing to listen to every gestion but determined to judge for himself. He should not be biased by appearances; have no favourite hypothesis; be of no school; and in doctrine have no master. Truth should be his primary object. If to these qualities he adds industry he may hope indeed to walk within the veil of the Temple of Nature."

FARADAY

"Triết gia phải là người sẵn lòng lắng nghe mọi gợi ý nhưng quyết tâm tự mình phán đoán. Y không nên bị thiên lệch bởi vẻ ngoài; không có giả thuyết ưa thích; không thuộc trường phái nào; và trong giáo lý không có chân sư nào. Chân lý phải là đối tượng chính yếu của y. Nếu thêm vào những phẩm tính này sự chuyên cần, y quả thật có thể hy vọng bước đi bên trong bức màn của Đền Thờ Tự Nhiên."

FARADAY

PREFACE – LỜI TỰA

THE successful study of the subject of the

Việc nghiên cứu thành công chủ đề về các Đạo

Angelic Hosts restores to its essential monotheism every apparently polytheistic religion. At the heart of every great World Faith is the concept of an Absolute, Unknowable, Infinite and Unchanging Source and Foundation. From this, at regular intervals, emanates the potentiality of divine Ideation as the purest abstraction. This is the reality behind the One God, however formalised, of all religions and especially of the esotericism of the Ancient Mysteries. At this stage in the process of emanation from the Absolute, unity alone exists. No later changes, no series of successive emanations from this ONE ALONE, alter the fact that the manifested Source is a Monad.

Quân Thiên Thần khôi phục cho mọi tôn giáo có vẻ đa thần tính độc thần cốt yếu của nó. Nơi trung tâm của mọi Đức Tin Thế Giới vĩ đại là quan niệm về một Nguồn Cội và Nền Tảng Tuyệt Đối, Bất Khả Tri, Vô Biên và Bất Biến. Từ đó, theo những chu kỳ đều đặn, xuất lộ tiềm năng của Ý Niệm thiêng liêng như sự trừu tượng tinh thuần nhất. Đây là thực tại đằng sau Đấng Thượng đế Duy Nhất, dù được hình thức hóa ra sao, của mọi tôn giáo và đặc biệt của huyền bí học thuộc các Bí Nhiệm Cổ Đại. Ở giai đoạn này trong tiến trình xuất lộ từ Tuyệt Đối, chỉ có nhất thể tồn tại. Không có những biến đổi về sau, không có chuỗi những xuất lộ kế tiếp từ ĐẤNG DUY NHẤT NÀY, làm thay đổi sự kiện rằng Nguồn Cội biểu hiện là một chân thần.

By reflection of Itself in the eternal, pre-cosmic, virginal Space, the ONE is said thereupon to establish a dyad which is positive-negative, male-female, potential father-mother in one Existence. It should be noted that not an actual but a reflected "Second Person "has now come into existence, or rather is conceived, after which numerical law assumes supreme rule of the process of emergence or emanation and objective appearance of creative Gods in multiplicity.

Bằng sự phản chiếu của Chính Ngài trong Không Gian vĩnh cửu, tiền vũ trụ, trinh nguyên, ĐẤNG DUY NHẤT khi ấy được nói là thiết lập một nhị nguyên, vừa dương vừa âm, nam-nữ, cha-mẹ tiềm năng trong một Hiện Tồn. Cần lưu ý rằng không phải một "Ngôi Hai" thực sự, mà là một "Ngôi Hai" được phản chiếu, nay đã đi vào hiện hữu, hay đúng hơn là được quan niệm; sau đó, định luật số học nắm quyền tối thượng trong tiến trình xuất hiện hay xuất lộ và sự hiện ra khách quan của các Thần sáng tạo trong tính đa thù.

The positive and negative aspects of the ONE interact interiorly, as an androgyne, to produce an objective Third. This Third is not regarded as a self-separate unit, an independent existence. Monad, dyad, triad, remain as a trifunctioning unit, a three-in-one, behind and yet within the veil of pre-cosmic Substance.

Các phương diện dương và âm của ĐẤNG DUY NHẤT tương tác bên trong, như một lưỡng tính thể, để tạo ra một Ngôi Ba khách quan. Ngôi Ba này không được xem là một đơn vị tự tách biệt, một hiện hữu độc lập. Chân thần, nhị nguyên, tam nguyên vẫn là một đơn vị vận hành theo ba chức năng, một ba-trong-một, phía sau và đồng thời bên trong bức màn của chất liệu tiền vũ trụ.

An irresistible process has now been initiated. An omnipotent force has begun to emanate from Absolute Existence. The Three-in-one is propelled, as it were, towards objectivity and finiteness. The Triple God awakes and opens

Một tiến trình không thể cưỡng lại nay đã được khởi phát. Một mãnh lực toàn năng đã bắt đầu xuất lộ từ Hiện Hữu Tuyệt Đối. Ba-trong-một, có thể nói, được thúc đẩy hướng tới tính khách quan và tính hữu hạn. Thượng

Its single eye. The triangle of light emits rays. These are inevitably seven in number. Sub-rays shine from them, each an intelligent Power, each a creative Logos, each an Archangel of spiritual light.

đế Tam phân thức tỉnh và mở con mắt duy nhất của Ngài. Tam giác ánh sáng phát ra các tia. Những tia này tất yếu là bảy về số lượng. Các cung phụ tỏa sáng từ chúng, mỗi cung là một Quyền Năng thông tuệ, mỗi cung là một Thượng đế sáng tạo, mỗi cung là một Tổng Thiên Thần của ánh sáng tinh thần.

Universal, divine Ideation becomes focused creative thought. The single, all-inclusive Idea passes through the phases of duality, triplicity and sevenfold expression into the almost infinite diversity potentially present in primordial thought. The purely spiritual has thus become manifest as the purely mental, which is formative and, by the ceaseless action of the propellent force, projects its Ideations as the Archetypes of Cosmoi, Solar Systems and all that they ever produce.

Ý Niệm phổ quát, thiêng liêng trở thành tư tưởng sáng tạo được tập trung. Ý Tưởng duy nhất, bao gồm tất cả, đi qua các giai đoạn nhị nguyên, bộ ba và biểu hiện thất phân để vào sự đa dạng gần như vô hạn vốn hiện diện tiềm tàng trong tư tưởng nguyên thủy. Như vậy, cái thuần túy tinh thần đã biểu hiện thành cái thuần túy trí tuệ, vốn có tính định hình và, do tác động không ngừng của mãnh lực thúc đẩy, phóng chiếu các Ý Niệm của nó như những Nguyên Mẫu của các Vũ Trụ, các hệ mặt trời và tất cả những gì chúng từng sản sinh.

Numerical law, time in succession, involutionary and evolutionary processes, replace spaceless eternity. Divine thought sets up time-space conditions and in them produces material forms which increase in density until a limit has been reached. Thereafter, the whole process is reversed until limited time and space disappear into eternity, thus bringing the great cycle to a close.

Định luật số học, thời gian trong trình tự kế tiếp, các tiến trình giáng hạ tiến hoá và thăng thượng tiến hoá, thay thế cho vĩnh cửu không gian tính. Tư tưởng thiêng liêng thiết lập các điều kiện thời gian-không gian và trong đó tạo ra những hình tướng vật chất gia tăng về độ đậm đặc cho đến khi đạt tới một giới hạn. Sau đó, toàn bộ tiến trình đảo ngược cho đến khi thời gian và không gian hữu hạn biến mất vào vĩnh cửu, nhờ vậy khép lại chu kỳ vĩ đại.

The Angelic Hosts may be regarded as the active, creative Intelligences and form-builders of all objective creation. They are manifestations of the One, the Three, the Seven and all products thereof. From dawn to eve of Creative Day, they are ceaselessly in action as directors, rectors, designers, artists, producers and builders, ever subservient to and expressive of the One Will, the One Substance and the One Thought.

Các Đạo Quân Thiên Thần có thể được xem là những Trí Tuệ sáng tạo, hoạt động, và những đấng kiến tạo hình tướng của toàn thể cuộc sáng tạo khách quan. Các Ngài là những biểu hiện của Đấng Duy Nhất, của Ba, của Bảy và của mọi sản phẩm từ đó. Từ bình minh đến hoàng hôn của Ngày Sáng Tạo, Các Ngài không ngừng hoạt động như những vị điều khiển, cai quản, thiết kế, nghệ sĩ, sản xuất và kiến tạo, luôn phụ thuộc và biểu đạt Ý Chí Duy Nhất, Chất Liệu Duy Nhất và Tư Tưởng Duy Nhất.

In the exoteric aspects of ancient Faiths, these

Trong các phương diện ngoại môn của những

Beings, as also the underlying principles, the laws, the processes and the modes of manifestation of the creative force are personified, named and given traditional forms. Esoterically, however, these personifications were in no sense regarded as realities but rather as thought forms and symbols of major creative Powers and Beings. These symbols were partly invented by the Initiated Teachers of earlier peoples as aids to the masses for whom abstractions could possess no reality. Generations of worship gave to them durable concrete shapes in the mental world which served as links between the human mind and the realities which the symbols represented. These symbolic figures also served as channels through which the true Intelligences could be invoked and pour down Their beneficent influence, enlightening truths and occult forces for the helping of mankind.

Đức Tin cổ xưa, các Đấng này, cũng như những nguyên khí nền tảng, các định luật, các tiến trình và các phương thức biểu hiện của mãnh lực sáng tạo, được nhân cách hóa, đặt tên và ban cho những hình tướng truyền thống. Tuy nhiên, một cách huyền bí, các nhân cách hóa này tuyệt nhiên không được xem là các thực tại, mà đúng hơn là các hình tư tưởng và biểu tượng của những Quyền Năng và Đấng sáng tạo chủ yếu. Những biểu tượng này phần nào do các Huấn Sư đã được điểm đạo của các dân tộc xưa tạo ra như những phương tiện trợ giúp đại chúng, những người mà đối với họ các điều trừu tượng không thể có thực tại. Nhiều thế hệ thờ phụng đã ban cho chúng những hình thể cụ thể bền vững trong thế giới trí tuệ, những hình thể này đã phục vụ như các mối liên kết giữa thể trí con người và các thực tại mà những biểu tượng ấy đại diện. Các hình tượng biểu tượng này cũng phục vụ như các kênh dẫn qua đó những Trí Tuệ chân thật có thể được khẩn cầu và tuôn xuống ảnh hưởng lành thiện, các chân lý soi sáng và các mãnh lực huyền bí của Các Ngài để trợ giúp nhân loại.

These are the exoteric Gods of all religions, not to be confused with the Hosts of the Logos, the Archangels of the Face, the Sephiroth, the Angels of the Presence, the Mighty Spirits before the Throne, the physically invisible yet omnipresent manifestors and engineers of the one propellent Power by which alone all things are made and without which nothing was made that was made. From nature spirit to Cherubim, all these Intelligences make manifest—without the intervention of individuality—the One Divine Thought.

Đây là các Thần ngoại môn của mọi tôn giáo, không nên nhầm lẫn với các Đạo Quân của Thượng đế, các Tổng Thiên Thần của Diện Mạo, các Sephiroth, các Thiên Thần của Hiện Diện, các Thánh Linh Hùng Mạnh trước Thánh Ngai, những vị biểu hiện và kỹ sư của Quyền Năng thúc đẩy duy nhất, vô hình về mặt hồng trần nhưng hiện diện khắp nơi, nhờ đó mà mọi sự vật được tạo thành, và nếu không có nó thì không có gì được tạo thành trong những gì đã được tạo thành. Từ tinh linh tự nhiên đến các Cherubim, tất cả những Trí Tuệ này biểu hiện — không qua sự can thiệp của biệt ngã — Tư Tưởng Thiêng Liêng Duy Nhất.

This is the foundation upon which this book is constructed. This is the idea underlying all its contents. This, I believe, is the key to a subject

Đây là nền tảng trên đó quyển sách này được xây dựng. Đây là ý tưởng nằm dưới toàn bộ nội dung của nó. Tôi tin rằng đây là chìa khóa cho

so vast and so important that complete comprehension and exposition of it are impossible to the purely human mind. Continued neglect of these teachings of the Arcane Wisdom by a race which is being led by science into knowledge and practical use of the one Creative Force—cosmic, solar and planetary electricity—of which Angelic Hosts are the chief and subordinate engineers, can lead to disastrous consequences, of which the Hiroshima and Nagasaki atom bombs might possibly be regarded as foreshadowings.

This work appears as man is thus learning to release physically, and under his control, atomic energy. Despite my great limitations of knowledge and power of exposition, it is my hope that, with other works on the subject of greater merit, this book may lead to the investigation and ultimate discovery of and reverence for the noumena behind phenomena and that One Presence and Power within which all things live and move and have their being.

The safeguards which can prevent man from self-destruction by the natural forces which he is now learning to employ are reverence, probity, morality. These qualities are amongst the greatest of the needs of modern man as he seeks world confidence, world security and the freedom from fear by which alone he can advance into an age rich with promise of lofty human achievement, material, cultural, intellectual and spiritual.

If, in addition, there is a single idea which emerges from a study of the Gods and an attempted presentation of the fruits of such study, that idea seems to me to be: "Man can know the facts. Faith need not be blind." Man is endowed with all the faculties necessary for complete knowledge both of himself and the visible and invisible universe. Extended vision is one of the required faculties. By its

một chủ đề rộng lớn và quan trọng đến mức thể trí thuần túy nhân loại không thể nào lĩnh hội và trình bày trọn vẹn. Sự tiếp tục bỏ quên những giáo huấn này của Minh Triết Huyền Bí bởi một nhân loại đang được khoa học dẫn vào tri thức và việc sử dụng thực tiễn Mãnh Lực Sáng Tạo duy nhất — điện lực vũ trụ, thái dương và hành tinh — mà các Đạo Quân Thiên Thần là những kỹ sư chính yếu và phụ thuộc, có thể dẫn tới những hậu quả tai hại, mà các quả bom nguyên tử Hiroshima và Nagasaki có thể được xem như những điềm báo trước.

Tác phẩm này xuất hiện khi con người đang học cách phóng thích năng lượng nguyên tử trên bình diện hồng trần và dưới sự kiểm soát của y. Dù tri thức và khả năng trình bày của tôi còn rất hạn chế, tôi hy vọng rằng, cùng với những tác phẩm khác có giá trị hơn về chủ đề này, quyển sách này có thể dẫn tới việc khảo sát, cuối cùng khám phá và tôn kính các bản thể ẩn sau hiện tượng, cùng Sự Hiện Diện và Quyền Năng Duy Nhất trong đó mọi sự vật sống, chuyển động và có hiện tồn của mình.

Những bảo hộ có thể ngăn con người tự hủy diệt bởi các mãnh lực tự nhiên mà y nay đang học cách vận dụng là lòng tôn kính, sự liêm chính, đạo đức. Những phẩm tính này thuộc vào các nhu cầu lớn nhất của con người hiện đại khi y tìm kiếm lòng tin cậy thế giới, an ninh thế giới và sự thoát khỏi sợ hãi, nhờ đó mà thôi y mới có thể tiến vào một thời đại phong phú với lời hứa về thành tựu nhân loại cao cả, cả vật chất, văn hóa, trí tuệ lẫn tinh thần.

Nếu, thêm vào đó, có một ý tưởng duy nhất nổi lên từ việc nghiên cứu các Thần và từ nỗ lực trình bày thành quả của sự nghiên cứu ấy, thì ý tưởng đó đối với tôi dường như là: "Con người có thể biết các sự kiện. Đức tin không cần phải mù quáng." Con người được phú cho mọi năng lực cần thiết để có tri thức trọn vẹn cả về chính mình lẫn vũ trụ hữu hình và vô hình. Tầm nhìn mở rộng là một trong các

development and use, the boundaries of human knowledge may be gradually advanced until noumenon and phenomenon are fully investigated and ultimately known as one.

năng lực cần thiết. Bằng sự phát triển và sử dụng nó, những ranh giới của tri thức nhân loại có thể dần dần được đẩy tới cho đến khi bản thể và hiện tượng được khảo sát đầy đủ và cuối cùng được biết như một.

This fact is of importance, for at heart man is a seeker, an investigator, an explorer. Human life is a search, first for the ponderables that they may be possessed and give pleasure and security, and later that they may be shared. At last, shattered and frustrated by the impermanence of things tangible and visible, man turns towards the imponderables. Especially does he seek conviction founded upon immovable reality.

Sự kiện này có tầm quan trọng, vì nơi tâm khảm con người là một kẻ tìm kiếm, một nhà khảo sát, một nhà thám hiểm. Đời sống nhân loại là một cuộc tìm kiếm, trước hết là tìm những thứ có thể cân đong để có thể sở hữu chúng và chúng mang lại khoái lạc cùng an ninh, rồi về sau để chúng có thể được chia sẻ. Cuối cùng, bị tan vỡ và thất vọng bởi tính vô thường của những sự vật hữu hình và có thể chạm tới, con người quay về phía những điều không thể cân đong. Đặc biệt y tìm kiếm niềm xác tín đặt nền trên thực tại bất lay chuyển.

Guided by the methods and the findings of successful explorers, I have also begun to search. Whilst I think I have found out what the ultimate discovery is, its attainment is obviously, as yet, very far off. *En route*, certain experiences have been passed through, certain intermediate discoveries made. Since they seem to be interesting and useful in themselves and also have their place in reaching ultimate truth, I share them, hoping that they may inform and help others who similarly seek.

Được hướng dẫn bởi các phương pháp và những phát hiện của các nhà thám hiểm thành công, tôi cũng đã bắt đầu tìm kiếm. Dù tôi nghĩ mình đã phát hiện ra khám phá tối hậu là gì, việc đạt tới nó hiển nhiên, cho đến nay, vẫn còn rất xa. *Trên đường*, một số kinh nghiệm đã được trải qua, một số khám phá trung gian đã được thực hiện. Vì chúng dường như tự thân thú vị và hữu ích, đồng thời cũng có vị trí trong việc đạt tới chân lý tối hậu, tôi chia sẻ chúng với hy vọng rằng chúng có thể thấm nhuần và giúp đỡ những người khác cũng đang tìm kiếm tương tự.

Knowledge when substantiated is valuable for its own sake. It is still more valuable if it can be applied to human welfare. The present approach of science to the idea that the universe is the product of creative thought and purpose renders valuable knowledge concerning the realm of universal mind in which, according to occult investigation, creative Intelligences are active.

Tri thức, khi được xác chứng, có giá trị vì chính nó. Nó còn có giá trị hơn nữa nếu có thể được áp dụng cho phúc lợi nhân loại. Cách tiếp cận hiện nay của khoa học đối với ý tưởng rằng vũ trụ là sản phẩm của tư tưởng và mục đích sáng tạo khiến tri thức về cõi của Vũ Trụ Trí trở nên có giá trị, nơi mà, theo khảo sát huyền bí, các Trí Tuệ sáng tạo đang hoạt động.

Modern medicine proclaims the causes of many human illnesses to be in the mind and seeks to cure them by the correction of mental

Y học hiện đại tuyên bố rằng nguyên nhân của nhiều bệnh tật nơi con người nằm trong thể trí, và tìm cách chữa trị chúng bằng việc chỉnh

disabilities. Knowledge of the inhabitants of the plane of mind and of the agents which direct formative and corrective thought currents can, in consequence, be very helpful in healing the sick.

sửa các khiếm khuyết trí tuệ. Do đó, tri thức về các cư dân của cõi trí và về các tác nhân điều khiển những dòng tư tưởng định hình và hiệu chỉnh có thể rất hữu ích trong việc chữa lành người bệnh.

Information upon these subjects is offered in this book.

Thông tin về các chủ đề này được trình bày trong quyển sách này.

What then is the utlimate discovery, the Himalayan summit? At the heart of the Cosmos there is ONE. That ONE has Its sanctuary and shrine in the heart of every human being. The first major discovery is of this Presence within, "the Inner Ruler Immortal seated in the heart of all beings." *(Bhagavad Gita.)* Ultimately identity with the ONE ALONE, fully conscious absorption for evermore in the eternal, self-existent ALL, is attained. *This is the goal.*

Vậy thì khám phá tối hậu, đỉnh Himalaya, là gì? Nơi trung tâm của Vũ Trụ có ĐẤNG DUY NHẤT. ĐẤNG DUY NHẤT ấy có thánh điện và đền thờ của Ngài trong tim của mỗi con người. Khám phá chủ yếu đầu tiên là về Sự Hiện Diện bên trong này, "Đấng Cai Quản Bên Trong Bất Tử ngự trong tim của mọi sinh linh." *(Chí Tôn Ca.)* Cuối cùng đạt được sự đồng nhất với ĐẤNG DUY NHẤT, sự hấp thu hoàn toàn hữu thức mãi mãi vào TOÀN THỂ vĩnh cửu, tự hữu. *Đây là mục tiêu.*

As a mountaineering expedition includes geologists, botanists, surveyors and photographers who observe for the service of others the nature of the country, the foothills and the higher slopes leading to the summit, so the climber in the mountains of truth may usefully observe and describe the phenomena of the levels through which he passes. This book is a record of such observations.

Cũng như một đoàn thám hiểm leo núi gồm các nhà địa chất, thực vật học, trắc địa và nhiếp ảnh gia, những người quan sát vì sự phụng sự người khác bản chất của vùng đất, các chân đồi và những sườn cao hơn dẫn tới đỉnh, người leo núi trong các dãy núi của chân lý cũng có thể quan sát và mô tả một cách hữu ích các hiện tượng của những cấp độ mà y đi qua. Quyển sách này là một ghi chép về những quan sát như thế.

Admittedly, knowledge concerning the Lesser and Greater Gods is not essential to the rediscovery of the inseparable unity and the identity of man-spirit and God-spirit which is the goal. Admittedly, also, unless used as a stepping stone from the unreal to the Real, for some temperaments, undue interest in external phenomena, physical or superphysical, can prove a distraction.

Phải thừa nhận rằng tri thức về các Thần Nhỏ và Thần Lớn không thiết yếu cho việc tái khám phá nhất thể bất khả phân và sự đồng nhất của tinh thần-con người với tinh thần-Thượng đế, vốn là mục tiêu. Cũng phải thừa nhận rằng, trừ phi được dùng như một bậc thang từ cái không thực đến cái Thực, đối với một số khí chất, sự quan tâm quá mức đến các hiện tượng bên ngoài, hồng trần hay siêu hồng trần, có thể trở thành một sự xao lãng.

The controlled mind is, however, capable of directing its attention where it will and a controlled mind is essential to success in the Great Search. Few major attainments stand

Tuy nhiên, thể trí được kiểm soát có khả năng hướng sự chú ý của nó đến nơi nào nó muốn, và một thể trí được kiểm soát là điều thiết yếu để thành công trong Cuộc Tìm Kiếm Vĩ Đại. Ít

alone. Nearly all are led up to by preceding successes and discoveries which at the time were not necessarily regarded as leading to a greater truth. As long, therefore, as the ultimate goal is remembered, a study of the results of intermediate phases of illumination can assist, encourage, inspire and instruct.

có thành tựu lớn nào đứng riêng lẻ. Gần như tất cả đều được dẫn tới bởi những thành công và khám phá trước đó, những điều vào thời điểm ấy không nhất thiết được xem là dẫn tới một chân lý lớn hơn. Vì vậy, miễn là mục tiêu tối hậu được ghi nhớ, việc nghiên cứu các kết quả của những giai đoạn soi sáng trung gian có thể trợ giúp, khích lệ, truyền cảm hứng và chỉ dạy.

The pure mystic, absorbed in contemplation of the Eternal One and in the ecstasy of union, is no longer interested in the external. Once the capacity for contemplation has been attained, naught else is needed. One-pointedly the exalted devotee pursues his path to the lotus feet of the Immortal One.

Nhà thần bí thuần khiết, chìm đắm trong chiêm ngưỡng Đấng Duy Nhất Vĩnh Cửu và trong xuất thần của sự hợp nhất, không còn quan tâm đến cái bên ngoài. Một khi năng lực chiêm ngưỡng đã đạt được, không còn cần gì khác. Với sự nhất tâm, người sùng tín cao cả theo đuổi con đường của y đến đôi chân hoa sen của Đấng Bất Tử.

Men are not all mystics, though all must one day attain to the mystical union, each following his own road to bliss of which there are said to be seven. Upon one of them, especially, and possibly upon others, direct knowledge of the forces and Intelligences of Nature and acquirement of the faculty of co-operating with them in what is sometimes called the Great Work can be of much value. If, therefore, the contents of such a work as this seem to some minds to be irrelevant to the true purpose of the human life and the true nature of the human quest, I would draw attention to the words of a Great One: "However men approach Me, even so do I welcome them, for the path men take from every side is Mine." *(Bhagavad Gita,* IV, 11, translated by A. Besant.)

Không phải mọi người đều là nhà thần bí, dù tất cả một ngày kia đều phải đạt tới sự hợp nhất thần bí, mỗi người theo con đường riêng của mình đến chí phúc, mà người ta nói có bảy con đường. Trên một trong số đó, đặc biệt, và có thể trên những con đường khác, tri thức trực tiếp về các mãnh lực và Trí Tuệ của Tự Nhiên, cùng việc đạt được năng lực hợp tác với các Ngài trong điều đôi khi được gọi là Đại Công Trình, có thể có giá trị lớn lao. Vì vậy, nếu nội dung của một tác phẩm như quyển này đối với một số thể trí dường như không liên quan đến mục đích chân thật của đời sống con người và bản chất chân thật của cuộc tìm kiếm nhân loại, tôi xin lưu ý đến lời của một Đấng Cao Cả: "Dù người ta đến với Ta bằng cách nào, thì cũng chính theo cách ấy Ta đón nhận họ, vì con đường mà người ta đi từ mọi phía đều là của Ta." *(Chí Tôn Ca,* IV, 11, do A. Besant dịch.)

INTRODUCTION – DẪN NHẬP

ONE day as, on a hillside at the edge of a beech forest in a secluded valley in the West of England, I was seeking ardently to enter the Sanctuary of Nature's hidden life, for me the

Một ngày nọ, khi trên một sườn đồi ở rìa một khu rừng sồi trong một thung lũng hẻo lánh ở miền Tây nước Anh, tôi đang tha thiết tìm cách đi vào Thánh Điện của đời sống ẩn tàng

heavens suddenly became filled with light. My consciousness was caught up into a realm radiant with that light which never was on land or sea. Gradually I realised the presence of a great Angelic Being, who was doubtless responsible for my elevated state. From his mind to mine there began to flow a stream of ideas concerning the life, the force and the consciousness of the universe and their self-expression as angels and as men. This description is not strictly accurate, however, because during such communication, the sense of duality was reduced to a minimum. Rather did the two centres of consciousness, those of the angel and myself, become almost co-existent, temporarily forming one "being "*within* which the stream of ideas arose. This, I believe, is essentially true of all interchanges which occur above the level of the formal mind, and especially at those of spiritual Wisdom and spiritual Will. In the latter, duality virtually disappears and oneness, uttermost interior unity, alone remains.

trong Tự Nhiên, thì đối với tôi, bầu trời bỗng tràn đầy ánh sáng. Tâm thức của tôi được nâng lên một cõi rạng ngời ánh sáng vốn chưa từng hiện trên đất liền hay biển cả. Dần dần tôi nhận ra sự hiện diện của một Đấng Thiên Thần vĩ đại, chắc chắn là vị chịu trách nhiệm cho trạng thái được nâng cao của tôi. Từ thể trí của Ngài đến thể trí của tôi bắt đầu tuôn chảy một dòng ý tưởng về sự sống, mãnh lực và tâm thức của vũ trụ, cùng sự tự biểu đạt của chúng như thiên thần và như con người. Tuy nhiên, sự mô tả này không hoàn toàn chính xác, bởi trong lúc giao tiếp như thế, ý thức về nhị nguyên đã giảm đến mức tối thiểu. Đúng hơn, hai trung tâm tâm thức, của thiên thần và của chính tôi, đã trở nên gần như đồng hiện hữu, tạm thời tạo thành một "hữu thể" *bên trong* đó dòng ý tưởng khởi sinh. Tôi tin rằng điều này về bản chất đúng với mọi trao đổi xảy ra bên trên cấp độ của thể trí hình thức, và đặc biệt ở các cấp độ của minh triết tinh thần và Ý Chí tinh thần. Ở cấp độ sau, nhị nguyên hầu như biến mất và chỉ còn lại nhất thể, sự hợp nhất nội tại tuyệt đối.

Daily entering that realm of light, I found that the great ocean of the life, the force and the soul of the universe had its myriad denizens. These are the Spiritual Selves of men and Super-men and the vast company of the Angelic Hosts, of which the Being who "addressed "me was a member. He was supernally beautiful, majestic, godlike, and impassive and impersonal to the last degree. As teacher to pupil, he began to tell of—and to enable me, with gradually increasing clarity, to perceive—the Angelic Hosts, their Orders and degrees. He told of their communion with men, as in ancient Greece, Egypt and Eastern lands, their place in Nature as Ministers of the Most High and of that great dawn of creation when, metaphorically, as the Morning Stars they sang together and as the Sons of God they shouted for joy. He spoke of the creative process as the composition and performance

Hằng ngày đi vào cõi ánh sáng ấy, tôi nhận thấy rằng đại dương bao la của sự sống, mãnh lực và linh hồn của vũ trụ có vô số cư dân. Đó là các Chân Ngã Tinh Thần của con người và Siêu nhân, cùng đoàn thể rộng lớn của các Đạo Quân Thiên Thần, mà Đấng đã "nói" với tôi là một thành viên. Ngài đẹp thiên thượng, uy nghi, như thần, và điềm nhiên, vô ngã đến mức tột cùng. Như huấn sư với học trò, Ngài bắt đầu kể về — và giúp tôi, với sự rõ ràng tăng dần, tri giác — các Đạo Quân Thiên Thần, các Đẳng cấp và cấp bậc của Các Ngài. Ngài kể về sự giao cảm của Các Ngài với con người, như ở Hy Lạp cổ đại, Ai Cập và các vùng đất phương Đông; về vị trí của Các Ngài trong Tự Nhiên như các Vị Phụng Sự của Đấng Tối Cao; và về buổi bình minh vĩ đại của sáng tạo khi, theo ẩn dụ, như các Sao Mai, Các Ngài cùng ca hát, và như các Con của Thượng đế, Các Ngài reo mừng hoan hỉ. Ngài nói về tiến trình sáng tạo

of a celestial symphony, of the Logos as Divine Musician and of His universe as a manifestation of celestial harmony. He told of the great Gods who assimilate the mighty creative chords in their primordial potency and relay them through all their ranks from the highest spiritual worlds to the realm of everlasting Archetypes, the great sound-forms upon and by which the physical universe is modelled. Therefrom, he said, the music of the Creative "Word "passes on to the lower worlds, where lesser Hosts formatively echo and re-echo it, thereby building all Nature's varied forms. Since the Great Artist of the Universe perpetually creates, the Creative Symphony is ever being composed and ever performed. Angels and men live amidst celestial harmonies, the everlasting music of the spheres.

như sự sáng tác và trình diễn một giao hưởng thiên giới, về Thượng đế như Nhạc Sĩ Thiêng Liêng và về vũ trụ của Ngài như một biểu hiện của hòa điệu thiên giới. Ngài kể về các Thần vĩ đại, những Đấng tiếp nhận các hợp âm sáng tạo hùng mạnh trong quyền năng nguyên thủy của chúng và truyền lại chúng qua mọi hàng ngũ của Các Ngài, từ các thế giới tinh thần cao nhất đến cõi của các Nguyên Mẫu vĩnh hằng, những hình tướng-âm thanh vĩ đại mà trên đó và nhờ đó vũ trụ hồng trần được mô phỏng. Từ đó, Ngài nói, âm nhạc của "Linh từ" Sáng Tạo truyền xuống các cõi thấp hơn, nơi các Đạo Quân nhỏ hơn vọng âm và tái vọng âm nó theo cách định hình, nhờ đó xây dựng mọi hình tướng đa dạng của Tự Nhiên. Vì Nghệ Sĩ Vĩ Đại của Vũ Trụ không ngừng sáng tạo, Giao Hưởng Sáng Tạo luôn luôn được sáng tác và luôn luôn được trình diễn. Thiên thần và con người sống giữa những hòa điệu thiên giới, âm nhạc vĩnh cửu của các khối cầu.

Such, in part, is the vision which once I had and which still lives with me. With it there has come the knowledge that, in their real existence, the Gods who once were so near to men were none other than the Angelic Hosts, that throughout the great racial darkness they have still been near, though unperceived, and that the time approaches when again the Major Creative Powers and Beings, the laws by which Cosmos emerges from chaos and the place of humanity in the vast process of divine manifestation will become apparent to mankind. For that day, it was intimated, man may well prepare. Ugliness must be banished, war must be outlawed, brotherhood must reign, beauty must be enshrined in human hearts and revealed through human lives. Then to a humanity united in one fraternity the High Gods will reveal their immortal loveliness and lend their aid in building a new world in which all men may perceive and serve the Supreme as Beauty and as Truth.

Đó, một phần, là tầm nhìn mà một lần tôi đã có và vẫn còn sống trong tôi. Cùng với nó đã đến tri thức rằng, trong hiện hữu chân thật của Các Ngài, các Thần từng rất gần gũi với con người không ai khác hơn là các Đạo Quân Thiên Thần; rằng suốt thời kỳ bóng tối lớn lao của nhân loại, Các Ngài vẫn gần kề, dù không được nhận thấy; và rằng thời điểm đang đến gần khi một lần nữa các Quyền Năng và Đấng Sáng Tạo Chủ Yếu, các định luật nhờ đó Vũ Trụ xuất hiện từ hỗn mang, và vị trí của nhân loại trong tiến trình rộng lớn của biểu hiện thiêng liêng sẽ trở nên hiển nhiên đối với nhân loại. Người ta đã gợi ý rằng con người rất nên chuẩn bị cho ngày ấy. Sự xấu xí phải bị xua đi, chiến tranh phải bị đặt ngoài vòng pháp luật, tình huynh đệ phải trị vì, vẻ đẹp phải được tôn trí trong tim con người và được mặc khải qua đời sống con người. Khi ấy, đối với một nhân loại hợp nhất trong một tình huynh đệ duy nhất, các Thần Cao Cả sẽ mặc khải vẻ đẹp bất tử của Các Ngài và trợ giúp xây dựng một thế giới mới, trong đó mọi người có

thể nhận thấy và phụng sự Đấng Tối Cao như Vẻ Đẹp và như Chân Lý.

GEOFFREY HODSON

Epsom,

Auckland, New Zealand,

1952.

GEOFFREY HODSON

Epsom,

Auckland, New Zealand,

1952.

PART 1 FOUNDATION – PHẦN 1 NỀN TẢNG

CHAPTER I DEFINITION OF TERMS – CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ

SINCE in this book certain familiar words are used in a special sense and certain ideas unfamiliar to most. Western readers are presented, this first Chapter consists of a definition of terms and a brief exposition of the philosophic basis upon which the book is founded.

VÌ trong quyển sách này một số từ quen thuộc được dùng theo một ý nghĩa đặc biệt và một số ý tưởng xa lạ với phần lớn độc giả phương Tây được trình bày, nên Chương đầu tiên này gồm phần định nghĩa các thuật ngữ và một sự trình bày ngắn gọn về nền tảng triết học trên đó quyển sách được đặt nền.

THE DEITY – THƯỢNG ĐẾ

In Occult philosophy, the Deific Power of the universe is not regarded as a personal God. Although imbued with intelligence, It is not an Intellect. Although using the One Life as vehicle, It is not Itself a Life. Deity is an inherent Principle in Nature, having Its extensions beyond the realm of manifested forms, however tenuous.

Trong triết học Huyền bí, Quyền Năng Thượng đế của vũ trụ không được xem là một Thượng đế hữu ngã. Dù được thấm nhuần bằng trí thông minh, Ngài không phải là một Trí Năng. Dù dùng Sự Sống Duy Nhất làm hiện thể, tự Ngài không phải là một Sự Sống. Thượng đế là một Nguyên Khí nội tại trong Tự Nhiên, có những phần mở rộng của Ngài vượt ngoài cõi của các hình tướng biểu hiện, dù vi tế đến đâu.

The Immanence of God is not personal, neither is the Transcendence. Each is an expression in time, space and motion of an impersonal Principle, which of Itself is eternal, omnipresent and at rest.

Tính Nội Tại của Thượng đế không mang tính hữu ngã, và Tính Siêu Việt cũng vậy. Mỗi điều là một biểu hiện trong thời gian, không gian và chuyển động của một Nguyên Khí vô ngã, tự nó là vĩnh cửu, hiện diện khắp nơi và an nghỉ.

Finiteness is essential to the manifestation of THAT which is Infinite. Ideas, rhythms and forms are essential for the expression of THAT

Tính hữu hạn là thiết yếu cho sự biểu hiện của CÁI vốn Vô Biên. Các ý tưởng, nhịp điệu và hình tướng là thiết yếu cho sự biểu đạt của CÁI

which is Absolute. God, then, may best be defined as Infinity and Absoluteness made manifest through finite forms. Such manifestation can never be singular or even dual alone; it must always be primarily threefold and secondarily sevenfold. Point, circumference and radii; power, receiver and conveyer; knower, known and knowledge; these must ever constitute the basic triplicity without which Absoluteness can never produce finiteness, at however lofty a level.

vốn Tuyệt Đối. Vậy, Thượng đế có thể được định nghĩa tốt nhất là Vô Biên và Tuyệt Đối được làm cho biểu hiện qua các hình tướng hữu hạn. Sự biểu hiện như thế không bao giờ có thể đơn nhất, hoặc thậm chí chỉ là nhị phân; nó luôn phải chủ yếu là tam phân và thứ yếu là thất phân. Điểm, chu vi và các bán kính; quyền năng, vật tiếp nhận và vật truyền dẫn; thức giả, cái được biết và tri thức; những điều này luôn phải cấu thành bộ ba căn bản, nếu thiếu nó thì Tuyệt Đối không bao giờ có thể tạo ra hữu hạn, dù ở cấp độ cao cả đến đâu.

Creation, therefore, involves a change from a unity to a triplicity. In order to become the many, the One must first become the three. The possible combinations of three are seven. Continuance of advance from unity to diversity inevitably involves passage through seven modes of the manifestation and expression of that which essentially is one. Thus divisions arise in the One Alone. Thus beings arise within the One Life and intelligences appear within Universal Mind, all inherent within the Whole.

Do đó, sáng tạo bao hàm một sự chuyển đổi từ nhất thể sang bộ ba. Để trở thành nhiều, Đấng Duy Nhất trước hết phải trở thành ba. Những tổ hợp khả hữu của ba là bảy. Sự tiếp tục tiến triển từ nhất thể đến đa dạng tất yếu bao hàm việc đi qua bảy phương thức biểu hiện và biểu đạt của cái mà về bản chất là một. Như vậy các phân chia nảy sinh trong Đấng Duy Nhất. Như vậy các sinh linh nảy sinh bên trong Sự Sống Duy Nhất và các trí tuệ xuất hiện bên trong Vũ Trụ Trí, tất cả đều nội tại trong Toàn Thể.

Of the Trinity, the point is the highest because the Source. Of the Seven, the Trinity is the highest because the parent. Thus hierarchy exists when manifestation occurs Parent hierarchies give birth to offspring in a descending scale of nearness to the original Source. Emanated beings in hierarchical order inevitably come into existence when movement first occurs in THAT which of Itself is still.

Trong Ba Ngôi, điểm là cao nhất vì là Nguồn Cội. Trong Bảy, Ba Ngôi là cao nhất vì là cha mẹ. Như vậy Thánh Đoàn tồn tại khi biểu hiện xảy ra. Các Thánh Đoàn cha mẹ sinh ra con cháu theo một thang bậc đi xuống của sự gần gũi với Nguồn Cội nguyên thủy. Các sinh linh xuất lộ theo trật tự Thánh Đoàn tất yếu đi vào hiện hữu khi chuyển động lần đầu xảy ra trong CÁI mà tự nó là tĩnh lặng.

Absolute stillness implies absolute motion, the two terms being synonymous. The Absolute, therefore, can be both still and in motion whilst retaining absoluteness. The finite is therefore contained within the Absolute, which in its turn enfolds and permeates the finite. Because of this, finite beings have regarded the Absolute as divine and have named it God.

Sự tĩnh lặng tuyệt đối hàm ý chuyển động tuyệt đối, hai thuật ngữ này đồng nghĩa. Vì vậy, Tuyệt Đối có thể vừa tĩnh lặng vừa chuyển động mà vẫn giữ tính tuyệt đối. Do đó cái hữu hạn được chứa trong Tuyệt Đối, và đến lượt mình, Tuyệt Đối bao bọc và thấm nhuần cái hữu hạn. Vì điều này, các sinh linh hữu hạn đã xem Tuyệt Đối là thiêng liêng và gọi nó là Thượng đế.

The worship of the all-enfolding and all-permeating Source of all is true religion. To reverence the omnipresent Source and to conform to its laws of manifestation is true religious practice. To conceive the Source of all as a person, however exalted, and to give it human attributes, is not true religion. To reverence that false conception and live in fear of its vengeance is not true religious practice.

Sự thờ phụng Nguồn Cội bao bọc tất cả và thấm nhuần tất cả của vạn hữu là tôn giáo chân thật. Tôn kính Nguồn Cội hiện diện khắp nơi và tuân theo các định luật biểu hiện của nó là thực hành tôn giáo chân thật. Quan niệm Nguồn Cội của vạn hữu như một ngôi vị, dù cao cả đến đâu, và gán cho nó các thuộc tính của con người, không phải là tôn giáo chân thật. Tôn kính quan niệm sai lầm ấy và sống trong sợ hãi sự trả thù của nó không phải là thực hành tôn giáo chân thật.

Absolute existence and absolute law—these are the highest existences and therefore are worthy of man's study and reverence. Finite existence and finite law are not the highest existences and therefore are not worthy of the title "God". They are offspring and not parent, secondary and not primary, and their elevation to primary rank can only lead to confusion and dismay.

Hiện hữu tuyệt đối và định luật tuyệt đối — đây là những hiện hữu cao nhất và do đó xứng đáng để con người nghiên cứu và tôn kính. Hiện hữu hữu hạn và định luật hữu hạn không phải là những hiện hữu cao nhất và do đó không xứng đáng với danh hiệu "Thượng đế". Chúng là con cháu chứ không phải cha mẹ, là thứ yếu chứ không phải nguyên sơ, và việc nâng chúng lên địa vị nguyên sơ chỉ có thể dẫn tới rối loạn và kinh hãi.

Modern man needs to emancipate himself from the delusion and worship of a personal, and therefore finite, God, and to substitute therefore an impersonal and infinite Deific Power and Law, with Deific Life as the essential Third.

Con người hiện đại cần giải phóng mình khỏi ảo tưởng và sự thờ phụng một Thượng đế hữu ngã, và do đó hữu hạn, rồi thay vào đó bằng một Quyền Năng và Định Luật Thượng đế vô ngã và vô biên, với Sự Sống Thượng đế là Ngôi Ba thiết yếu.

Deific Life is the vehicle of Deific Power, and Deific Law rules their combined expression. By the instrumentation of Life, therefore, all things truly were made. Life is the Creator. Sustainer and Transformer of the Cosmos. Life should ba reverenced in all its manifestations and such reverence of omnipresent, ever-active Life is true religion.

Sự Sống Thượng đế là hiện thể của Quyền Năng Thượng đế, và Định Luật Thượng đế cai quản sự biểu đạt phối hợp của các Ngài. Vì vậy, nhờ công cụ của Sự Sống, mọi sự vật thật sự đã được tạo thành. Sự Sống là Đấng Sáng Tạo, Đấng Duy Trì và Đấng Chuyển Đổi của Vũ Trụ. Sự Sống nên được tôn kính trong mọi biểu hiện của nó, và sự tôn kính Sự Sống hiện diện khắp nơi, luôn hoạt động như thế là tôn giáo chân thật.

What, then, is Life to the human intellect? How may Deific Life be conceived, perceived and worshipped—that is the supreme problem. Life may be conceived as. The soul of form, its relationship to which is comparable

Vậy, Sự Sống là gì đối với trí năng con người? Sự Sống Thượng đế có thể được quan niệm, tri giác và thờ phụng như thế nào — đó là vấn đề tối thượng. Sự Sống có thể được quan niệm như linh hồn của hình tướng, mà mối quan hệ

to that of the sun to the solar system. The difference between the two relationships is that Life is omnipresent and the sun has a fixed location, even though its rays pervade the universe. Life does not send forth rays; for as the interior source of existence, Life is all-pervading and all-penetrating.

Life is beneficent in that by it all things are sustained. Without it, nothing can exist that does exist. It is the Thought-Soul, the Spirit-Intelligence, of all Creation. Vehicle for Power imbued with ideative thought, Life is the one essential to existence, to evolution and to transfiguration. "Life, then, is God and God is Life.

The term "God" thus implies all Nature, physical and superphysical, the evolutionary impulse imparted to it and the irresistible creative force which bestows the attribute of self-reproduction and the capacity to express it indefinitely. This concept of Deity includes the creative Intelligences—the Elohim—which direct the manifestations and the operations of the one creative force, the divine thought or Ideation of the whole Cosmos from its beginning to its end and the "sound" of the Creative "Voice" by which that Ideation is impressed upon the matter of Cosmos. All these, together with all seeds and all beings, forces and laws, including the one parent law of harmony, constitute that totality of existence to which in this work is given the title "God".

If so vast a synthesis may be designated a Being, then that Being is so complex, so all-inclusive as to be beyond the comprehension of the human mind and beyond the possibility of restriction to any single form: for the idea of God includes Everlasting Law, Everlasting Will, Everlasting Life, Everlasting Mind.

của nó với hình tướng có thể so sánh với mối quan hệ của mặt trời với hệ mặt trời. Sự khác biệt giữa hai mối quan hệ là Sự Sống hiện diện khắp nơi, còn mặt trời có vị trí cố định, dù các tia của nó thấm nhập vũ trụ. Sự Sống không phóng ra các tia; vì là nguồn cội nội tại của hiện hữu, Sự Sống thấm nhuần tất cả và xuyên thấu tất cả.

Sự Sống là lành thiện vì nhờ nó mọi sự vật được duy trì. Không có nó, không gì đang hiện hữu có thể tồn tại. Nó là Linh Hồn-Tư Tưởng, Trí Tuệ-Tinh Thần của toàn thể Sáng Tạo. Là hiện thể cho Quyền Năng được thấm nhuần bằng tư tưởng ý niệm, Sự Sống là điều thiết yếu duy nhất cho hiện hữu, cho tiến hoá và cho Biến hình. "Vậy, Sự Sống là Thượng đế và Thượng đế là Sự Sống."

Như vậy, thuật ngữ "Thượng đế" hàm ý toàn thể Tự Nhiên, hồng trần và siêu hồng trần, xung lực tiến hoá được truyền cho nó và mãnh lực sáng tạo không thể cưỡng lại, vốn ban cho thuộc tính tự sinh sản và năng lực biểu đạt thuộc tính ấy một cách vô hạn. Quan niệm này về Thượng đế bao gồm các Trí Tuệ sáng tạo — các Elohim — vốn điều khiển các biểu hiện và hoạt động của mãnh lực sáng tạo duy nhất, tư tưởng hay Ý Niệm thiêng liêng của toàn thể Vũ Trụ từ khởi đầu đến kết thúc, và "âm thanh" của "Tiếng Nói" Sáng Tạo nhờ đó Ý Niệm ấy được in dấu lên vật chất của Vũ Trụ. Tất cả những điều này, cùng với mọi hạt giống và mọi sinh linh, mãnh lực và định luật, bao gồm định luật cha mẹ duy nhất của hòa điệu, cấu thành toàn thể hiện hữu mà trong tác phẩm này được trao danh hiệu "Thượng đế".

Nếu một tổng hợp rộng lớn như thế có thể được gọi là một Đấng, thì Đấng ấy phức tạp đến mức, bao gồm tất cả đến mức vượt ngoài sự lĩnh hội của thể trí con người và vượt ngoài khả năng bị giới hạn vào bất kỳ hình tướng đơn nhất nào; vì ý tưởng về Thượng đế bao gồm Định Luật Vĩnh Cửu, Ý Chí Vĩnh Cửu, Sự Sống Vĩnh Cửu, Trí Tuệ Vĩnh Cửu.

In manifestation, "God" is objectively active. In nonmanifestation, "God" is quiescent. Behind both activity and quiescence is THAT which is eternal and unchanging, the Absolute, Self-Existent Self. The Creative Agent referred to by various names in the world's cosmogonies is the active expression of that eternal, incomprehensible One Alone.

Trong biểu hiện, "Thượng đế" hoạt động khách quan. Trong không biểu hiện, "Thượng đế" tĩnh lặng. Đằng sau cả hoạt động lẫn tĩnh lặng là CÁI vĩnh cửu và bất biến, Tuyệt Đối, Bản Ngã Tự Hữu. Tác Nhân Sáng Tạo được gọi bằng nhiều tên khác nhau trong các vũ trụ khởi nguyên luận của thế giới là biểu hiện hoạt động của Đấng Duy Nhất vĩnh cửu, bất khả tri ấy.

The names "God" and "Logos" are thus used in this book to connote a Divine Being, omnipresent as the Universal Energising Power, Indwelling Life and Directing Intelligence within all substance, all beings and all things, separate from none. This Being is manifest throughout the Solar System as Divine Law, Power, Wisdom, Love and Truth, as Beauty, Justice and Order.

Các tên "Thượng đế" và "Thượng đế Ngôi Lời" do đó được dùng trong quyển sách này để chỉ một Đấng Thiêng Liêng, hiện diện khắp nơi như Quyền Năng Tiếp Sinh Lực Phổ Quát, Sự Sống Nội Tại và Trí Tuệ Chỉ Đạo bên trong mọi chất liệu, mọi sinh linh và mọi sự vật, không tách rời khỏi bất kỳ điều gì. Đấng này biểu hiện khắp hệ mặt trời như Định Luật, Quyền Năng, Minh Triết, Bác Ái và Chân Lý thiêng liêng, như Vẻ Đẹp, Công Lý và Trật Tự.

The Solar Logos is regarded as both immanent within and transcendent beyond His System, of which He is the threefold "Creator", Sustainer and Regenerator of all worlds and the Spiritual Parent of all beings.

Thái dương Thượng đế được xem là vừa nội tại bên trong vừa siêu việt bên ngoài Hệ của Ngài, mà đối với Hệ ấy, Ngài là "Đấng Sáng Tạo" tam phân, Đấng Duy Trì và Đấng Tái Sinh của mọi thế giới, cùng Cha Mẹ Tinh Thần của mọi sinh linh.

Whether as Principle or Being, God has been conceived in many aspects and as playing many roles. Ancient Egyptian, Hellenic, Hebrew, Hindu and Christian Cosmogonies represent Him as bringing His worlds into existence by means of the creative power of sound. In Christianity we are told: "In the beginning was the Word, and the Word was with God, and the Word was God." Then God spake and in six creative epochs or "days", each followed by a period of quiescence or "night", all worlds, all kingdoms of Nature and all beings came into existence. As a result of this outpouring of creative energy as sound, forms appeared expressive of the divine creative Intent, embodiments of divine Life and vehicles for divine Intelligence. Thus God may be conceived as Celestial Composer,

Dù như Nguyên Khí hay như Đấng, Thượng đế đã được quan niệm dưới nhiều phương diện và như đảm nhận nhiều vai trò. Các vũ trụ khởi nguyên luận Ai Cập cổ đại, Hy Lạp, Hebrew, Hindu và Kitô giáo đều trình bày Ngài như đưa các thế giới của Ngài vào hiện hữu bằng quyền năng sáng tạo của âm thanh. Trong Kitô giáo, chúng ta được dạy: "Ban đầu có Linh từ, Linh từ ở cùng Thượng đế, và Linh từ là Thượng đế." Rồi Thượng đế phán, và trong sáu kỷ nguyên sáng tạo hay "ngày", mỗi kỷ nguyên tiếp theo bởi một thời kỳ tĩnh lặng hay "đêm", mọi thế giới, mọi giới của Tự Nhiên và mọi sinh linh đi vào hiện hữu. Như kết quả của sự tuôn đổ năng lượng sáng tạo này dưới dạng âm thanh, các hình tướng xuất hiện như biểu đạt của Ý Định sáng tạo thiêng liêng, những hiện thân của Sự Sống thiêng liêng và

Divine Musician, perpetually composing and performing His creative symphony; with its central theme and myriad variations. This concept of creation by the Voice, known as the Logos doctrine, important in the study of the subject of the Gods, is developed in later Chapters of this book.

những hiện thể cho Trí Tuệ thiêng liêng. Như vậy, Thượng đế có thể được quan niệm như Nhà Soạn Nhạc Thiên Giới, Nhạc Sĩ Thiêng Liêng, không ngừng sáng tác và trình diễn giao hưởng sáng tạo của Ngài, với chủ đề trung tâm và vô số biến tấu. Quan niệm về sáng tạo bằng Tiếng Nói này, được biết như giáo lý Thượng đế Ngôi Lời, quan trọng trong việc nghiên cứu chủ đề về các Thần, được phát triển trong các Chương sau của quyển sách này.

God has also been poetically and mystically described as Divine Dancer. Nature—with all its varied rhythmic motions, including the cyclic swing of planets round the sun, terrestrial changes, the flow of river, waterfall, and stream, the ceaseless movement of the ocean waves, the swaying of the trees and flowers, the ever-changing forms of fire and flame, the motions of electrons around their nuclei—is conceived, notably in Hinduism, as part of the great dance of the Supreme by which all things are created and sustained.

Thượng đế cũng đã được mô tả một cách thi vị và thần bí như Vũ Công Thiêng Liêng. Tự Nhiên — với mọi chuyển động nhịp nhàng đa dạng của nó, bao gồm chuyển động chu kỳ của các hành tinh quanh mặt trời, các biến đổi trên địa cầu, dòng chảy của sông, thác và suối, chuyển động không ngừng của sóng biển, sự đong đưa của cây cối và hoa lá, các hình tướng luôn biến đổi của lửa và ngọn lửa, các chuyển động của điện tử quanh hạt nhân của chúng — được quan niệm, đặc biệt trong Ấn giáo, như một phần của vũ điệu vĩ đại của Đấng Tối Cao, nhờ đó mọi sự vật được tạo ra và duy trì.

Again, God is variously portrayed, as Dramatist whose stage upon which the drama of life is played is the Solar System; as Weaver, whose many-coloured tapestry, Nature and all her sons, is woven on the loom of time and space; as Gardener, with the Angelic Hosts as husbandmen, the universe His garden sown with every kind of seed of His own creating, and every one destined to produce its own facsimile of Himself. He further is regarded as Architect and Engineer, Geometrician and Scientist, Magician and Ceremonialist with the universe as a temple of many shrines in which creative rituals are perpetually performed. A still higher conception reveals Him as Spiritual King, Divine Emperor, ruling through His hierarchy of ministers His Solar Empire. All beings are His subjects over whom He presides with all-inclusive knowledge and

Một lần nữa, Thượng đế được mô tả theo nhiều cách: như Nhà Soạn Kịch, mà sân khấu nơi vở kịch của sự sống được trình diễn là hệ mặt trời; như Người Thợ Dệt, mà tấm thảm muôn màu của Ngài, Tự Nhiên và mọi người con của bà, được dệt trên khung cửi của thời gian và không gian; như Người Làm Vườn, với các Đạo Quân Thiên Thần như những người canh tác, vũ trụ là khu vườn của Ngài được gieo bằng mọi loại hạt giống do chính Ngài tạo ra, và mỗi hạt đều được định sẵn để tạo ra bản sao của chính Ngài. Ngài còn được xem là Kiến Trúc Sư và Kỹ Sư, Nhà Hình Học và Nhà Khoa Học, nhà huyền thuật và Nghi Lễ Sư, với vũ trụ như một ngôi đền có nhiều điện thờ, trong đó các nghi lễ sáng tạo được cử hành không ngừng. Một quan niệm còn cao hơn mặc khải Ngài như Vua Tinh Thần, Hoàng Đế Thiêng Liêng, cai quản Đế Quốc Thái Dương của Ngài qua

wisdom all-embracing. All these He is and doubtless far more—Creator, Preserver, Transformer of the universe, Spiritual Parent of all its inhabitants.

Thánh Đoàn các vị phụ tá của Ngài. Mọi sinh linh là thần dân của Ngài, trên họ Ngài chủ trì với tri thức bao gồm tất cả và minh triết ôm trọn tất cả. Tất cả những điều này Ngài là, và chắc chắn còn hơn thế nữa — Đấng Sáng Tạo, Đấng Bảo Tồn, Đấng Chuyển Đổi của vũ trụ, Cha Mẹ Tinh Thần của mọi cư dân trong đó.

"A man's idea of God is that image of blinding light that he sees reflected in the concave mirror of his own soul, and yet this is not in very truth God, but only His reflection. His glory is there, but it is the light of his own Spirit that man sees, and it is all he can bear to look upon. *The clearer the mirror, the brighter will be the divine image.* But the external world cannot be witnessed in it at the same moment. In the ecstatic Yogin, in the illuminated Seer, the spirit will shine like the noon-day sun; in the debased victim of earthly attraction, the radiance has disappeared, for the mirror is obscured with the stains of matter."

"Ý tưởng của một con người về Thượng đế là hình ảnh ánh sáng chói lòa mà y thấy phản chiếu trong tấm gương lõm của chính linh hồn y, nhưng điều này thật ra không phải là Thượng đế, mà chỉ là sự phản chiếu của Ngài. Vinh quang của Ngài ở đó, nhưng chính ánh sáng của Tinh Thần của y mà con người thấy, và đó là tất cả những gì y có thể chịu đựng để nhìn vào. *Tấm gương càng trong, hình ảnh thiêng liêng càng rực rỡ.* Nhưng thế giới bên ngoài không thể được chứng kiến trong đó cùng lúc. Nơi vị Yogi xuất thần, nơi nhà thông nhãn được soi sáng, tinh thần sẽ tỏa sáng như mặt trời giữa trưa; nơi nạn nhân sa đọa của sức hút trần gian, sự rạng rỡ đã biến mất, vì tấm gương bị che mờ bởi những vết nhơ của vật chất."

THE EVOLUTIONARY PLAN – THIÊN CƠ TIẾN HOÁ

From these concepts of the Deity there emerges inevitably the idea of a divine purpose, a great plan. That plan is assumed throughout this book to be evolution, but not of form alone. The word "evolution" is herein used to connote a process which is dual in its operation, spiritual as well as material, and directed rather than purely natural or "blind". This process is understood to consist of a continuous development of form accompanied by a complementary and parallel unfolding of consciousness within the form.

Từ những quan niệm này về Thượng đế tất yếu nảy sinh ý tưởng về một Thiên Ý, một Thiên Cơ vĩ đại. Xuyên suốt quyển sách này, Thiên Cơ ấy được giả định là tiến hoá, nhưng không chỉ là tiến hoá của hình tướng. Từ "tiến hoá" ở đây được dùng để chỉ một tiến trình có tính nhị phân trong hoạt động của nó, tinh thần cũng như vật chất, và được chỉ đạo hơn là thuần túy tự nhiên hay "mù quáng". Tiến trình này được hiểu là bao gồm sự phát triển liên tục của hình tướng đi kèm với một sự khai mở bổ sung và song song của tâm thức bên trong hình tướng.

Although man cannot completely know the evolutionary plan-from his Superiors, Sages and Spiritual Teachers throughout the ages he learns that the motive is to awaken and bring

Dù con người không thể biết trọn vẹn Thiên Cơ tiến hoá, từ các Bậc Cao Cả, Hiền triết và Huấn Sư Tinh Thần của y qua các thời đại, y học được rằng động cơ là đánh thức và đưa

to fulfilment that which is latent, seedlike, germinal. Divine Will, divine Wisdom, divine Intellect and divine Beauty, these are latent in all seeds, Macrocosmic and microcosmic. The apparent purpose for which the universe comes into existence is to change potentialities into actively manifested powers.

đến viên mãn cái vốn tiềm tàng, giống như hạt giống, như mầm sống. Ý Chí thiêng liêng, Minh Triết thiêng liêng, Trí Năng thiêng liêng và Vẻ Đẹp thiêng liêng, những điều này tiềm tàng trong mọi hạt giống, Đại thiên địa và Tiểu thiên địa. Mục đích hiển nhiên khiến vũ trụ đi vào hiện hữu là chuyển các tiềm năng thành những quyền năng được biểu hiện hoạt động.

On Earth, for example, for each of the kingdoms of Nature there is a standard or ideal which is dual, as is the evolutionary process. The ideal for consciousness in the mineral kingdom is physical awareness and for form, hardness and beautv. For plant consciousness the ideal is sensitivity, capacity to feel, and for the plant form, beauty. For animal consciousness, it is self-consciousness of feeling and thought, and for animal form it is beauty. For man the evolutionary goal is the complete unfoldment and expression of his inherent divine powers—will to omnipotence, wisdom to omnipresence and intellect to omniscience. In the "perfect" man or Adept, these powers are expressed in fully conscious unity, and therefore perfect co-operation, with the Creator of all in the fulfilment of His plan.

Trên Trái Đất, chẳng hạn, đối với mỗi giới của Tự Nhiên có một chuẩn mực hay lý tưởng mang tính nhị phân, cũng như tiến trình tiến hoá. Lý tưởng cho tâm thức trong giới kim thạch là sự nhận biết hồng trần, và cho hình tướng là độ cứng cùng vẻ đẹp. Đối với tâm thức thực vật, lý tưởng là tính nhạy cảm, năng lực cảm nhận, và đối với hình tướng thực vật là vẻ đẹp. Đối với tâm thức động vật, đó là ngã thức của cảm xúc và tư tưởng, và đối với hình tướng động vật là vẻ đẹp. Đối với con người, mục tiêu tiến hoá là sự khai mở và biểu đạt trọn vẹn các quyền năng thiêng liêng nội tại của y — ý chí hướng đến toàn năng, minh triết hướng đến hiện diện khắp nơi và trí năng hướng đến toàn tri. Trong con người "hoàn thiện" hay Chân sư, các quyền năng này được biểu đạt trong nhất thể hoàn toàn hữu thức, và do đó trong sự hợp tác hoàn hảo với Đấng Sáng Tạo của vạn hữu trong việc hoàn thành Thiên Cơ của Ngài.

Human perfection attained, superhuman ideals present themselves. We as men can but conceive of the nature of these by the aid of analogy and the little that the Supermen Themselves have in these days permitted us to know. We may conceive these ideals to be: to compose and perform perfectly with God the great symphony of creation; to produce and enact with Him the drama of life; to weave with and for

Khi sự hoàn thiện nhân loại đạt được, các lý tưởng siêu nhân hiện ra. Chúng ta, với tư cách con người, chỉ có thể quan niệm bản chất của những lý tưởng này nhờ sự trợ giúp của tương đồng và phần nhỏ mà chính các Siêu nhân trong những ngày này đã cho phép chúng ta biết. Chúng ta có thể quan niệm những lý tưởng ấy là: cùng Thượng đế sáng tác và trình diễn hoàn hảo bản giao hưởng vĩ đại của sáng tạo; cùng Ngài tạo ra và diễn xuất vở kịch của sự sống; dệt cùng và vì

Him, consciously contributing to the perfection of His great design; to till His garden with Him, tending His plants of the

Ngài, góp phần một cách hữu thức vào sự hoàn thiện của thiết kế vĩ đại của Ngài; cùng Ngài canh tác khu vườn của Ngài, chăm sóc

fullness of their flowering; to manage as Heads of Departments, the organisation which is His Solar System; to build with Him His temple of the universe and, as Principal Officers, to enact therein great rituals of creation; to serve as Regents and Ministers in the Solar and Planetary Governments through which He, as Solar Emperor, administers His wide dominions beneath the stars. This in part, we may assume, is God's plan for Supermen, and indeed for all, since the attainment of superhumanity is the destiny of all:

cây cỏ của Ngài đến sự nở hoa viên mãn; quản lý, với tư cách các Trưởng Ban, tổ chức vốn là hệ mặt trời của Ngài; cùng Ngài xây dựng ngôi đền vũ trụ của Ngài và, với tư cách các Chức Sắc Chính, cử hành trong đó những nghi lễ sáng tạo vĩ đại; phụng sự như các Nhiếp Chính và Bộ Trưởng trong các Chính Phủ Thái Dương và Hành Tinh, qua đó Ngài, với tư cách Hoàng Đế Thái Dương, quản trị các lãnh địa rộng lớn của Ngài dưới các vì sao. Phần nào, chúng ta có thể giả định, đây là Thiên Cơ của Thượng đế dành cho các Siêu nhân, và quả thật dành cho tất cả, vì việc đạt tới siêu nhân tính là vận mệnh của tất cả:

"the one far-off divine event

towards which the whole creation moves."

"sự kiện thiêng liêng xa xăm duy nhất

mà toàn thể cuộc sáng tạo hướng đến."

CREATION – SÁNG TẠO

The emergence and subsequent development of a universe and its contents is regarded in occult science as being less the result of an act of creation, followed by natural evolution, than a process of emanation guided by intelligent Forces under immutable Law. The creation or emergence of universes from nothing is not an acceptable concept, all being regarded as emanating from an all-containing, Sourceless Source. This Source is regarded as triune, consisting of pre-cosmic spirit, pre-cosmic matter and eternal motion. This doctrine is further expounded in Part II of this book.

Sự xuất hiện và phát triển tiếp theo của một vũ trụ cùng các nội dung của nó, trong khoa học huyền bí, được xem không phải là kết quả của một hành vi sáng tạo, theo sau bởi tiến hoá tự nhiên, cho bằng một tiến trình xuất lộ được dẫn dắt bởi các Mãnh Lực thông tuệ dưới Định Luật bất biến. Sự sáng tạo hay xuất hiện của các vũ trụ từ hư không không phải là một quan niệm có thể chấp nhận, vì mọi sự được xem là xuất lộ từ một Nguồn Cội không nguồn cội, chứa đựng tất cả. Nguồn Cội này được xem là tam nhất, gồm tinh thần tiền vũ trụ, vật chất tiền vũ trụ và chuyển động vĩnh cửu. Giáo lý này được trình bày thêm trong Phần II của quyển sách này.

SEERSHIP – KHẢ NĂNG THÔNG NHÃN

As part of the unfoldment of the human intellect into omniscience, the development occurs at a certain stage of human evolution of the faculty of fully-conscious, positive clairvoyance. This implies an extension, which can be hastened by means of self-training, of the normal range of visual response to include both physical rays beyond

Như một phần của sự khai mở trí năng con người thành toàn tri, ở một giai đoạn nhất định của tiến hoá nhân loại, năng lực thông nhãn tích cực, hoàn toàn hữu thức, phát triển. Điều này hàm ý một sự mở rộng, có thể được thúc đẩy nhanh bằng tự huấn luyện, của phạm vi đáp ứng thị giác bình thường để bao gồm cả các tia hồng trần vượt ngoài tím, và xa

the violet and, beyond them again, the light of the superphysical worlds.

The mechanism of supersensual vision and the process of its development are referred to in the descriptive matter accompanying Plate 28. It is important to differentiate between the passive psychism of the medium, and even the extra sensory perception (ESP) of parapsychology, and the positive clairvoyance of the student of Occultism. This latter, completely under the control of the will and used in full waking consciousness, is the instrument of research with which during the past thirty years I have endeavoured to enter and explore the Kingdom of the Gods.

hơn nữa là ánh sáng của các thế giới siêu hồng trần.

Bộ máy của tầm nhìn siêu giác quan và tiến trình phát triển của nó được đề cập trong phần mô tả đi kèm Bản 28. Điều quan trọng là phân biệt giữa thông linh thụ động của đồng tử, và ngay cả tri giác ngoại cảm của siêu tâm lý học, với thông nhãn tích cực của đạo sinh Huyền bí học. Loại sau, hoàn toàn dưới sự kiểm soát của ý chí và được sử dụng trong tâm thức tỉnh thức đầy đủ, là công cụ nghiên cứu mà trong ba mươi năm qua tôi đã cố gắng dùng để đi vào và thám hiểm Thiên Giới của các Thần.

THE GODS – CÁC THẦN

This term is used throughout this book to denote, not the symbolic images to which the title was given by ancient peoples, but hierarchical Orders of Intelligences, quite distinct from man in this Solar System, but who either have been or will be men. Information concerning their immensely varied nature and functions forms the subject matter of the third Chapter of Part I and succeeding Chapters of this book. Part V consists of illustrations and descriptions of various types of Gods, as they have appeared to me when attempting to study them by means of extended vision.

Thuật ngữ này được dùng xuyên suốt quyển sách này để chỉ, không phải những hình ảnh biểu tượng được các dân tộc cổ xưa trao danh hiệu ấy, mà là các Đẳng cấp Thánh Đoàn của những Trí Tuệ, hoàn toàn khác với con người trong hệ mặt trời này, nhưng hoặc đã từng là người hoặc sẽ là người. Thông tin về bản chất và chức năng vô cùng đa dạng của Các Ngài tạo thành chủ đề của Chương thứ ba thuộc Phần I và các Chương tiếp theo của quyển sách này. Phần V gồm các minh họa và mô tả về nhiều loại Thần khác nhau, như Các Ngài đã hiện ra với tôi khi tôi cố gắng nghiên cứu Các Ngài bằng tầm nhìn mở rộng.

Eastern peoples, as well as numerous members of the Keltic and other naturally psychic races, are familiar with the idea of the existence of the Gods. In the East they are called *devas*, a Sanskrit word meaning "shining ones" and referring to their self-luminous appearance. They are regarded as omnipresent, superphysical agents of the Creative Will, as directors of all natural forces, laws and processes, solar, interplanetary and planetary.

Các dân tộc phương Đông, cũng như nhiều thành viên của các giống dân Keltic và những nhân loại có tính thông linh tự nhiên khác, quen thuộc với ý tưởng về sự hiện hữu của các Thần. Ở phương Đông, Các Ngài được gọi là *thiên thần*, một từ Sanskrit có nghĩa là "những đấng tỏa sáng" và chỉ vẻ ngoài tự phát quang của Các Ngài. Các Ngài được xem là những tác nhân siêu hồng trần, hiện diện khắp nơi của Ý Chí Sáng Tạo, là các vị điều khiển mọi mãnh lực, định luật và tiến trình tự nhiên, thuộc thái dương, liên hành tinh và hành tinh.

For these beings the term “the Gods” is chiefly employed in this work. The Kabbalistic term “Sephira” is used in Part III. *Deva* occurs occasionally, as does its useful adjective *devic,* which applies equally to Archangels, angels and nature spirits. Certain types of Gods, associated more closely with man than with Nature, are referred to as “angels”, the four terms being used synonymously. The three main stages of *devic* development have each their own names. Nature spirits, like animals and birds, are actuated by a group-consciousness shared with others of the same genus. Gods, Sephiras, *devas* and angels, have evolved out of group consciousness into separate individuality, as has man. Archangels, especially, have transcended the limitations of individuality and have entered into universal or cosmic consciousness, as has the Superman or Adept.

* * * * *

Before proceeding to a fuller consideration of the nature, the functions and the activities of the Gods, I offer an answer to those who quite naturally will ask: “Where is the proof of their existence?” Of concrete, demonstrable proof of the fruits of mystical experience there can be none. Of evidence for mystical states of consciousness, in which supersensual faculties may operate, and for the existence of the superphysical worlds and their inhabitants, there is an abundance. Most universal and enduring of this evidence is the folklore of all nations. Throughout all time of which records exist, men have borne testimony to their perception of forces, phenomena and beings not normally visible. Despite wide separation both in time and space, there is a remarkable resemblance between the myths, the legends and the folklore of the various peoples of the earth. This universality, similarity and persistence through the ages of belief in the Gods and the

Đối với các hữu thể này, thuật ngữ “các Thần” được dùng chủ yếu trong tác phẩm này. Thuật ngữ Kabbalah “Sephira” được dùng trong Phần III. *Deva* thỉnh thoảng xuất hiện, cũng như tính từ hữu ích của nó là *devic,* vốn áp dụng đồng đều cho các Tổng thiên thần, thiên thần và tinh linh tự nhiên. Một số loại Thần, liên hệ với con người mật thiết hơn với Thiên nhiên, được gọi là “thiên thần”, bốn thuật ngữ này được dùng đồng nghĩa. Ba giai đoạn chính của sự phát triển *devic* đều có tên gọi riêng. Các tinh linh tự nhiên, giống như thú vật và chim chóc, được thúc đẩy bởi một tâm thức nhóm được chia sẻ với những loài khác cùng giống. Các Thần, Sephira, *deva* và thiên thần đã tiến hóa ra khỏi tâm thức nhóm để đi vào cá tính riêng biệt, cũng như con người. Đặc biệt, các Tổng thiên thần đã vượt lên trên những giới hạn của cá tính và đã đi vào tâm thức phổ quát hay vũ trụ, cũng như Siêu nhân hay Chân sư.

* * * * *

Trước khi tiến tới việc khảo sát đầy đủ hơn về bản chất, chức năng và hoạt động của các Thần, tôi xin đưa ra một câu trả lời cho những ai rất tự nhiên sẽ hỏi: “Bằng chứng về sự hiện hữu của các Ngài ở đâu?” Không thể có bằng chứng cụ thể, có thể chứng minh được, về những thành quả của kinh nghiệm thần bí. Nhưng có rất nhiều chứng cứ về các trạng thái tâm thức thần bí, trong đó các quan năng siêu giác quan có thể hoạt động, cũng như về sự hiện hữu của các thế giới siêu hồng trần và cư dân của chúng. Phổ quát và bền bỉ nhất trong các chứng cứ này là văn hóa dân gian của mọi dân tộc. Suốt mọi thời đại có ghi chép, con người đã làm chứng về sự tri nhận của mình đối với các mãnh lực, hiện tượng và hữu thể vốn bình thường không thể thấy được. Dù cách biệt rộng lớn cả về thời gian lẫn không gian, vẫn có một sự tương đồng đáng chú ý giữa các thần thoại, truyền thuyết và văn hóa dân gian của nhiều dân tộc khác nhau trên Trái Đất. Tôi cho rằng tính phổ quát, tương

Kingdom of the Gods is strong evidence, I submit, for the existence of a kernel of reality within that belief, a basis of fact upon which folklore is founded.

đồng và bền bỉ qua các thời đại của niềm tin vào các Thần và Thiên Giới là chứng cứ mạnh mẽ cho sự hiện hữu của một hạt nhân thực tại bên trong niềm tin ấy, một nền tảng sự kiện mà trên đó văn hóa dân gian được xây dựng.

Added to this is the testimony of those who have made both a science and an art of the process of self-illumination called in the East "yoga". The followers of this, the oldest and greatest of the sciences, the science of the Soul, aver that extension of visual and auditory power and mastery of the forces, first of one's own nature and then of Nature herself, can be deliberately and consciously achieved. Anyone, they say, who will fulfil the necessary conditions, who will obey laws as certain in their operation as those to which the chemist subscribes in his laboratory, can pierce the veil of matter which normally hides from view the eternal, spiritual realities, as the veil of day conceals the ever-shining stars.

Thêm vào đó là chứng ngôn của những người đã biến tiến trình tự soi sáng, được gọi ở phương Đông là "yoga", thành cả một khoa học lẫn một nghệ thuật. Những người theo khoa học cổ xưa nhất và vĩ đại nhất này, khoa học về Linh hồn, xác quyết rằng việc mở rộng quyền năng thị giác và thính giác, cùng sự làm chủ các mãnh lực, trước hết của bản chất chính mình rồi sau đó của chính Thiên nhiên, có thể được thành tựu một cách chủ ý và có ý thức. Họ nói rằng bất cứ ai hoàn thành các điều kiện cần thiết, tuân theo các định luật chắc chắn trong sự vận hành như những định luật mà nhà hóa học chấp nhận trong phòng thí nghiệm của mình, đều có thể xuyên thủng bức màn vật chất vốn thường che khuất khỏi tầm nhìn những thực tại tinh thần, vĩnh cửu, cũng như bức màn ban ngày che khuất các vì sao luôn tỏa sáng.

In individual experiment and individual investigation alone is proof to be found. Whilst demonstration is admittedly impossible, test by personal research is not. That test I have attempted to apply, and this book is in part a record of my own findings. Whilst all are entitled to question, only those, I submit, who have similarly experimented and explored, have the right to deny.

Chỉ trong thực nghiệm cá nhân và khảo cứu cá nhân mới có thể tìm thấy bằng chứng. Dù phải thừa nhận rằng việc chứng minh là bất khả, nhưng việc kiểm nghiệm bằng nghiên cứu cá nhân thì không. Tôi đã cố gắng áp dụng phép kiểm nghiệm ấy, và cuốn sách này một phần là ghi chép về những phát hiện của chính tôi. Dù mọi người đều có quyền chất vấn, tôi cho rằng chỉ những ai đã thực nghiệm và thăm dò tương tự mới có quyền phủ nhận.

CHAPTER II SCIENCE, ANCIENT AND MODERN – CHƯƠNG II KHOA HỌC, CỔ ĐẠI VÀ HIỆN ĐẠI

THE ATOM OF SCIENCE – NGUYÊN TỬ CỦA KHOA HỌC

THE pronouncements of some modern scientists concerning the nature and construction of the material universe coincide very closely with the teachings of occult

NHỮNG tuyên bố của một số nhà khoa học hiện đại về bản chất và cấu tạo của vũ trụ vật chất rất gần gũi với các giáo huấn của triết học huyền bí qua các thời đại. Cuộc tìm kiếm chân

philosophy throughout the ages. The quest for truth, directed in this age by physical scientists, is leading away from the materialistic and towards the transcendental outlook. The mechanistic view of scientific phenomena is being discarded, and the method of explaining them by the construction of models has come to be regarded as a hindrance rather than an aid to understanding. In one generation physical science has turned its back upon the mechanistic view and upon such models. Sir James Jeans states:

lý, được các nhà khoa học hồng trần dẫn dắt trong thời đại này, đang đưa con người rời khỏi quan điểm duy vật và hướng về quan điểm siêu việt. Quan niệm cơ giới về các hiện tượng khoa học đang bị loại bỏ, và phương pháp giải thích chúng bằng cách xây dựng các mô hình đã được xem là một trở ngại hơn là một trợ giúp cho sự thấu hiểu. Trong một thế hệ, khoa học hồng trần đã quay lưng lại với quan niệm cơ giới và những mô hình như thế. Ngài James Jeans phát biểu:

"A review of modern physics has shown that all attempts at mechanical models or pictures have failed and must fail. For a mechanical model or picture must represent things as happening in space and time, while it has recently become clear that the ultimate processes of nature neither occur in, nor admit of representation in, space and time."

"Một cuộc duyệt xét về vật lý học hiện đại đã cho thấy rằng mọi nỗ lực nhằm tạo ra các mô hình hay hình ảnh cơ học đều đã thất bại và tất yếu phải thất bại. Bởi một mô hình hay hình ảnh cơ học phải trình bày sự vật như đang diễn ra trong không gian và thời gian, trong khi gần đây đã trở nên rõ ràng rằng các tiến trình tối hậu của thiên nhiên vừa không xảy ra trong, vừa không chấp nhận sự biểu thị trong, không gian và thời gian."

Within living memory, the foremost men of science were proclaiming that in matter was to be found the promise of life. That dictum has since been reversed. The atom as a material particle has itself been found capable of subdivision. All substance is now said to be composed of discrete units of electricity of differing polarities, like minute grains of sand. The structure of all atoms is at present regarded as being similar. Their shape can be taken as spherical and their mass is concentrated at their centre. This nucleus is composed of neutrons and protons, the former being neutral or uncharged particles and the latter being charged with positive electricity; it is surrounded by an electrical field formed of a planetary system of negatively charged particles, moving in round or elliptical paths or orbits and called electrons.

Trong ký ức của những người còn sống, những nhà khoa học hàng đầu từng tuyên bố rằng trong vật chất có thể tìm thấy lời hứa của sự sống. Mệnh đề ấy từ đó đã bị đảo ngược. Chính nguyên tử, với tư cách một hạt vật chất, đã được phát hiện là có khả năng phân chia. Nay người ta nói rằng mọi chất liệu đều gồm các đơn vị điện riêng biệt có các cực tính khác nhau, giống như những hạt cát li ti. Cấu trúc của mọi nguyên tử hiện nay được xem là tương tự nhau. Hình dạng của chúng có thể được coi là hình cầu và khối lượng của chúng tập trung ở trung tâm. Hạt nhân này gồm các neutron và proton, loại trước là các hạt trung hòa hay không mang điện, loại sau mang điện dương; nó được bao quanh bởi một trường điện tạo thành bởi một hệ hành tinh gồm các hạt mang điện âm, chuyển động theo các đường hay quỹ đạo tròn hoặc elip và được gọi là electron.

The relatively simple concept of the atom, in which all protons and neutrons are in the nucleus and all electrons are outside of it is by no means final. Evidence is appearing for the existence of other elemental particles. Whilst the whole universe is regarded as being composed of atoms and every atom known up to now has consisted of combinations of the above basic particles, other types of particles have been discovered. One of these is the positron or positive electron which has the mass of an electron. The neutron is suspected to be a proton-electron pair, a close combination of protons and electrons. The meson, throught by many to be the agent of cohesion in all substance, has been discovered in cosmic rays.

These discoveries of protons and neutrons in the nucleus are leading directly towards the view of occult science, that all matter is an extremely concentrated, "crystallised" or "frozen" form of energy. The Einstein equation, further evidence for the correctness of which was provided by the atomic bomb, is $E = MC^2$, with E as the energy in ergs, M the mass in grams and C the speed of light in centimetres per second. Sir James Jeans in *Physics and Philosophy,* p. 200, writes:

"For the materialists, space was filled with real particles, exercising on one another forces which were electric or magnetic or gravitational in their nature; these directed the motions of the particles and so were responsible for all the activity of the world. These forces were of course as real as the particles they moved.

"But the physical theory of relativity has now shown that electric and magnetic forces are not real at all; they are mere mental constructs of our own, resulting from our rather misguided efforts to understand the motions of the particles. It is the same with the Newtonian force of gravitation and with

Quan niệm tương đối đơn giản về nguyên tử, trong đó mọi proton và neutron đều ở trong hạt nhân và mọi electron đều ở bên ngoài nó, hoàn toàn chưa phải là cuối cùng. Bằng chứng đang xuất hiện cho sự hiện hữu của những hạt hành khí khác. Dù toàn thể vũ trụ được xem là gồm các nguyên tử, và mọi nguyên tử được biết cho đến nay đều gồm các tổ hợp của những hạt căn bản nói trên, những loại hạt khác cũng đã được phát hiện. Một trong số đó là positron hay electron dương, có khối lượng của một electron. Người ta nghi ngờ neutron là một cặp proton-electron, một tổ hợp gần gũi giữa proton và electron. Meson, được nhiều người cho là tác nhân của sự cố kết trong mọi chất liệu, đã được phát hiện trong các tia vũ trụ.

Những phát hiện này về proton và neutron trong hạt nhân đang dẫn thẳng đến quan điểm của khoa học huyền bí rằng mọi vật chất là một dạng năng lượng cực kỳ cô đặc, "kết tinh" hay "đóng băng". Phương trình Einstein, mà bằng chứng thêm nữa về tính đúng đắn của nó đã được cung cấp bởi bom nguyên tử, là $E = MC^2$, với E là năng lượng tính bằng erg, M là khối lượng tính bằng gram và C là tốc độ ánh sáng tính bằng centimet trên giây. Ngài James Jeans, trong *Vật Lý và Triết Học,* tr. 200, viết:

"Đối với những người duy vật, không gian đầy những hạt thực, tác động lên nhau bằng các mãnh lực vốn có bản chất điện, từ hoặc hấp dẫn; các mãnh lực này điều khiển chuyển động của các hạt và do đó chịu trách nhiệm cho mọi hoạt động của thế giới. Dĩ nhiên, các mãnh lực này cũng thực như những hạt mà chúng làm chuyển động.

"Nhưng thuyết vật lý về tương đối nay đã cho thấy rằng các mãnh lực điện và từ hoàn toàn không thực; chúng chỉ là những cấu trúc trí tuệ của chính chúng ta, phát sinh từ những nỗ lực khá lầm hướng của chúng ta nhằm thấu hiểu các chuyển động của các hạt. Điều này cũng đúng với mãnh lực Newton về hấp dẫn,

energy, momentum and other concepts which were introduced to help us understand the activities of the world."

Thus, the idea of the structure of matter becomes more and more abstract. The electron itself, for example, is not regarded only as a discrete, spherical body moving in geometrical paths. Another way of picturing particles is as waves which concentrate in volumes corresponding to or centred round the above paths. The concept is rather—strange though it appears to the lay mind—" more analogous to a noise which is spread throughout a certain region ... a kind of disturbance in the aether, most intense at one spot and diminishing very rapidly in intensity as we move away from this spot." *{The ABC of Atoms,* Bertrand Russell.)

Occult science adds to this the existence of "but one indivisible and absolute Omniscience and Intelligence in the Universe, and this thrills throughout every atom and infinitesimal point of the whole Kosmos... There is design in the action of the seemingly blindest forces." *{The Secret Doctrine,* H. P. Blavatsky, Adyar Edition, Vol. I, p. 320.) "Each particle—whether you call it organic or inorganic—is a life." (p. 305) "The 'breath of Heaven' or rather the breath of Life. ...is in every animal, in every animate speck and in every mineral atom." (p. 260). This breath of Life is defined as Cosmic. Electricity, the Force that formed the universe, the noumenon of such "manifestations as light, heat, sound, adhesion and the 'spirit' of Electricity, which is the Life of the Universe." (p. 195) For the occultist the One Life is an objective reality: "We speak of a septenary scale of manifestation, which begins at the upper rung with the One Unknowable Causality, and ends as Omnipresent Mind and Life, immanent in every atom of Matter." (p. 196)

và với năng lượng, động lượng cùng các khái niệm khác được đưa vào để giúp chúng ta thấu hiểu các hoạt động của thế giới."

Do đó, ý tưởng về cấu trúc của vật chất ngày càng trở nên trừu tượng hơn. Chẳng hạn, bản thân electron không chỉ được xem như một vật thể hình cầu, riêng biệt, chuyển động theo các đường hình học. Một cách khác để hình dung các hạt là như những làn sóng tập trung trong các thể tích tương ứng với, hoặc xoay quanh, các đường nói trên. Quan niệm này đúng hơn là—dù đối với trí tuệ thông thường nó có vẻ kỳ lạ—"tương tự với một tiếng ồn lan khắp một vùng nào đó... một loại xáo động trong dĩ thái, mạnh nhất tại một điểm và giảm cường độ rất nhanh khi chúng ta rời xa điểm ấy." *{The ABC of Atoms,* Bertrand Russell.)

Khoa học huyền bí thêm vào đó sự hiện hữu của "chỉ một Toàn Tri và Trí Tuệ tuyệt đối, bất khả phân trong Vũ Trụ, và điều này rung động xuyên suốt mỗi nguyên tử và điểm vô cùng nhỏ của toàn thể Vũ Trụ... Có thiết kế trong hoạt động của những mãnh lực dường như mù quáng nhất." *{Giáo Lý Bí Nhiệm,* H. P. Blavatsky, Ấn bản Adyar, Quyển I, tr. 320.) "Mỗi hạt—dù các bạn gọi nó là hữu cơ hay vô cơ—đều là một sự sống." (tr. 305) "'Hơi thở của Thiên Đàng' hay đúng hơn là hơi thở của Sự Sống....có trong mọi động vật, trong mọi hạt sống động và trong mọi nguyên tử khoáng vật." (tr. 260). Hơi thở Sự Sống này được định nghĩa là Vũ trụ. Điện lực, Mãnh lực đã hình thành vũ trụ, thực tại bản nguyên của những "biểu hiện như ánh sáng, nhiệt, âm thanh, sự bám dính và 'tinh thần' của Điện lực, vốn là Sự Sống của Vũ Trụ." (tr. 195) Đối với nhà huyền bí học, Sự Sống Duy Nhất là một thực tại khách quan: "Chúng tôi nói về một thang biểu hiện thất phân, bắt đầu ở nấc trên với Căn Nguyên Duy Nhất Bất Khả Tri, và kết thúc như Trí Tuệ và Sự Sống Hiện Diện Khắp Nơi, nội tại trong mọi nguyên tử của Vật Chất." (tr. 196)

UNIVERSAL MIND – VŨ TRỤ TRÍ

The occult teaching of the existence of a Universal, Directive Intelligence receives support from certain men of science, if not from all. Sir James Jeans in *The Mysterious Universe* writes:

"We discover that the universe shows evidence of a designing or controlling power that has something in common with our own individual minds. . . (p. 137)

"The Universe can be best pictured... as consisting of pure thought, the thought of what, for want of a wider word, we must describe as a mathematical thinker." (p. 124)

"A thought or idea cannot exist without a mind in which to exist. We may say an object exists in our minds while we are conscious of it, but this will not account for its existence during the time we are not conscious of it. The planet Pluto, for instance, was in existence long before any human mind suspected it, and was recording its existence on photographic plates long before any human eye saw it. Considerations such as these led Berkeley to postulate an Eternal Being, in whose mind all objects existed. . . . Modern science seems to me to lead, by a very different road, to a not altogether dissimilar conclusion." (pp. 125-6)

Giáo huấn huyền bí về sự hiện hữu của một Trí Tuệ Phổ Quát, Chỉ Đạo, nhận được sự ủng hộ từ một số nhà khoa học, nếu không phải từ tất cả. Ngài James Jeans, trong *Vũ Trụ Huyền Bí*, viết:

"Chúng ta khám phá rằng vũ trụ cho thấy bằng chứng về một quyền năng thiết kế hay kiểm soát có điều gì đó chung với các thể trí cá nhân của chính chúng ta... (tr. 137)

"Vũ Trụ có thể được hình dung tốt nhất... như gồm bởi tư tưởng thuần túy, tư tưởng của điều mà, vì thiếu một từ rộng hơn, chúng ta phải mô tả như một nhà tư tưởng toán học." (tr. 124)

"Một tư tưởng hay ý tưởng không thể hiện hữu nếu không có một thể trí để nó hiện hữu trong đó. Chúng ta có thể nói một vật hiện hữu trong thể trí của chúng ta khi chúng ta có ý thức về nó, nhưng điều này không giải thích được sự hiện hữu của nó trong thời gian chúng ta không có ý thức về nó. Chẳng hạn, hành tinh Sao Diêm Vương đã hiện hữu từ lâu trước khi bất kỳ thể trí con người nào nghi ngờ về nó, và đã ghi nhận sự hiện hữu của nó trên các bản ảnh từ lâu trước khi bất kỳ mắt người nào nhìn thấy nó. Những suy xét như thế đã dẫn Berkeley đến việc giả định một Đấng Vĩnh Cửu, trong thể trí của Ngài mọi vật đều hiện hữu.... Khoa học hiện đại, đối với tôi, dường như dẫn đến một kết luận không hoàn toàn khác biệt bằng một con đường rất khác." (tr. 125-6)

Sir Arthur S. Eddington has stated:

"Something Unknown is doing we don't know what—that is what our theory amounts to. . . . Modern physics has eliminated the notion of substance. . . . Mind is the first and most direct thing in our experience. ... I regard Consciousness as fundamental. I regard matter as derivative from Consciousness. . . . The old atheism is gone... Religion belongs to

Ngài Arthur S. Eddington đã phát biểu:

"Một Cái Gì Đó Chưa Biết đang làm điều gì đó mà chúng ta không biết—đó là điều mà lý thuyết của chúng ta quy về.... Vật lý học hiện đại đã loại bỏ khái niệm về chất liệu.... Thể trí là điều đầu tiên và trực tiếp nhất trong kinh nghiệm của chúng ta.... Tôi xem Tâm thức là nền tảng. Tôi xem vật chất là phát sinh từ Tâm thức.... Thuyết vô thần cũ đã qua... Tôn giáo

the realm of Spirit and Mind, and cannot be shaken."

J. T. Sutherland, writing in *The Modern Review* (of Calcutta) for July, 1936, quotes the following

Einstein: "I believe in God . . . who reveals Himself in the orderly harmony of the universe. I believe that Intelligence is manifested throughout all Nature. The basis of scientific work is the conviction that the world is an ordered and comprehensible entity and not a thing of chance."

J. B. S. Haldane: "The material world, which has been taken for a world of blind Mechanism, is in reality a Spiritual world seen very partially and imperfectly. The only real world is the Spiritual world. . '. . The truth is that not Matter, not Force, not any physical thing, but Mind, personality, JS the central fact of the Universe."

Kirtley F. Mather, geologist, Harvard: "The nearest approach we have thus far made to the Ultimate, in our analysis of Matter and of Energy, indicate that the Universal Reality is Mind."

Similarly, in psychology the brain is no longer regarded as a satisfactory model of the mind, a mechanism of concrete particles which constitute the whole machinery of thought. The brain is now looked upon by many as an instrument, thought a separate energy which drives it.

Dr. Kennedy's A. Walter Suiter lecture, Buffalo, April 29, 1941, published in the *New York State Journal of Medicine,* October 15th, 1941, contained the following, reproduced in *Main Currents in Modern Thought*, November 1941:

". . . The notion of 'space-empty' or 'space-ethereal' has today been abandoned, and

thuộc về lĩnh vực của Tinh thần và Thể trí, và không thể bị lay chuyển."

J. T. Sutherland, viết trong *The Modern Review* ở Calcutta số tháng Bảy, 1936, trích dẫn những đoạn sau:

Einstein: "Tôi tin vào Thượng đế... Đấng mặc khải Chính Ngài trong sự hài hòa có trật tự của vũ trụ. Tôi tin rằng Trí Tuệ được biểu lộ khắp toàn bộ Thiên nhiên. Nền tảng của công việc khoa học là niềm xác tín rằng thế giới là một thực thể có trật tự và có thể thấu hiểu, chứ không phải là một vật của ngẫu nhiên."

J. B. S. Haldane: "Thế giới vật chất, vốn đã bị xem là một thế giới của Cơ Chế mù quáng, thực ra là một thế giới Tinh thần được nhìn thấy rất phần nào và bất toàn. Thế giới thực duy nhất là thế giới Tinh thần.. '.. Sự thật là không phải Vật Chất, không phải Mãnh lực, không phải bất kỳ điều hồng trần nào, mà chính Thể trí, phàm ngã, là sự kiện trung tâm của Vũ Trụ."

Kirtley F. Mather, nhà địa chất, Harvard: "Cách tiếp cận gần nhất mà cho đến nay chúng ta đã đạt được đối với Tối Hậu, trong sự phân tích về Vật Chất và về Năng Lượng, cho thấy rằng Thực Tại Phổ Quát là Thể trí."

Tương tự, trong tâm lý học, bộ não không còn được xem là một mô hình thỏa đáng của thể trí, một cơ cấu gồm các hạt cụ thể tạo thành toàn bộ bộ máy của tư tưởng. Nay nhiều người xem bộ não như một khí cụ, còn tư tưởng là một năng lượng riêng biệt vận hành nó.

Bài giảng A. Walter Suiter của Tiến sĩ Kennedy, tại Buffalo, ngày 29 tháng Tư, 1941, được xuất bản trong *New York State Journal of Medicine,* ngày 15 tháng Mười, 1941, có đoạn sau, được đăng lại trong *Main Currents in Modern Thought*, tháng Mười Một 1941:

"... Khái niệm về 'không gian-trống rỗng' hay 'không gian-dĩ thái' ngày nay đã bị từ bỏ, và

Nature is now viewed as Energy, patterned into Worlds, patterned variously also for every stick, stone, or bit of life upon them. Man thus becomes one with his environment, which pervades him wholly and into which he extends himself hugely; born according to his manner, he holds his unique pattern as a momentary opportunity for experience; a stream of creative continuity, with aim.

Thiên nhiên nay được xem như Năng Lượng, được định hình thành các Thế Giới, cũng được định hình theo nhiều cách khác nhau cho mỗi cành cây, viên đá, hay mảnh sự sống trên chúng. Như vậy, con người trở nên hợp nhất với môi trường của mình, môi trường ấy thấm nhập hoàn toàn vào y và y mở rộng chính mình rất lớn vào đó; được sinh ra theo cách của mình, y giữ mô hình độc đáo của mình như một cơ hội nhất thời cho kinh nghiệm; một dòng liên tục sáng tạo, có mục đích.

"Anywhere where vitality exists, aim is found. A primitive consciousness exists as'purpose' in every living cell and organized itself as structure; this primitive mind becomes specialized, layer upon layer, super-segment upon super-segment, into complicated reflexes, later more complicated instincts, and later, still more complex emotional tones and feelings, integrated and channelled for expression through thalamus and hypothalamus. Finally, there has been added the neopallium, the new brain, more and more exquisitely integrated—a concatenation of such ordered representation and swift activity that through it primitive power can eventually appear even as the gift of critical discrimination. Slowly, too, this primitive cellular power is distilled into a sense of spatial, and temporal relationship. Up to the present of evolutionary time, the highest product of this captured, specialized, focused Energy of Cosmic Origin is our self-awareness, self-direction, power of surmise, the power of speculative imagination which almost denies the Universe itself for Boundary—all radiated, implemented, and sometimes disturbed, by Emotion."

"Ở bất cứ nơi nào có sinh lực, ở đó có mục đích. Một tâm thức nguyên thủy hiện hữu như 'mục đích' trong mọi tế bào sống và tự tổ chức thành cấu trúc; thể trí nguyên thủy này trở nên chuyên biệt hóa, từng lớp một, siêu phân đoạn này chồng lên siêu phân đoạn khác, thành các phản xạ phức tạp, rồi sau đó thành các bản năng phức tạp hơn, và về sau nữa thành các âm điệu và cảm giác xúc cảm còn phức tạp hơn, được tích hợp và dẫn kênh để biểu lộ qua đồi thị và vùng dưới đồi. Cuối cùng, đã thêm vào tân vỏ não, bộ não mới, ngày càng được tích hợp tinh vi hơn—một chuỗi nối kết của sự biểu hiện có trật tự và hoạt động nhanh chóng đến nỗi qua đó quyền năng nguyên thủy cuối cùng có thể xuất hiện ngay cả như thiên tư của sự phân biện phê phán. Dần dần, quyền năng tế bào nguyên thủy này cũng được chưng cất thành một ý thức về tương quan không gian và thời gian. Cho đến hiện tại của thời gian tiến hóa, sản phẩm cao nhất của Năng Lượng bị nắm bắt, chuyên biệt hóa, tập trung này có Nguồn Gốc Vũ Trụ là ngã thức của chúng ta, sự tự định hướng, quyền năng suy đoán, quyền năng của sự tưởng tượng suy lý, vốn hầu như phủ nhận chính Vũ Trụ như là Biên Giới—tất cả đều được bức xạ, được thực thi, và đôi khi bị khuấy động, bởi Xúc cảm."

"Purpose is mediated by protoplasm. Our consciousness is an enormous amplification of early purpose as primitive as tropism, and

"Mục đích được trung gian bởi chất nguyên sinh. Tâm thức của chúng ta là một sự khuếch đại khổng lồ của mục đích sơ khai cũng

it is raised to its highest form and focused for its greatest good by the contrivance of symbolism and imagery and the invention of the tool of speech. This distillate of consciousness is thus focused into self-awareness. Such achievement is nothing but the flowering of the aim, drive, and purpose, innate and part and parcel of every cell in our bodies."

nguyên thủy như hướng động, và nó được nâng lên hình thức cao nhất và được tập trung cho điều thiện lớn nhất của nó nhờ phương tiện của biểu tượng và hình ảnh, cùng sự phát minh ra khí cụ của lời nói. Phần chưng cất này của tâm thức vì thế được tập trung thành ngã thức. Thành tựu như thế không gì khác hơn là sự nở hoa của mục tiêu, xung lực và mục đích, vốn bẩm sinh và là phần không thể tách rời của mọi tế bào trong thân thể chúng ta."

Referring again to J. T. Sutherland's article, one finds the following quotations:

Lại tham chiếu bài viết của J. T. Sutherland, người ta thấy các trích dẫn sau:

Robert A. Milliken, physicist. Institute of Technology, Pasadena: "God is the Unifying Principle of the universe. No more sublime conception has been presented to the mind of man, than that which is presented by Evolution, when it represents Him as revealing Himself, through countless ages, in the age-long inbreathing of life into constituent Matter, culminating in man with his Spiritual nature and all his God-like powers."

Robert A. Milliken, nhà vật lý, Viện Công nghệ Pasadena: "Thượng đế là Nguyên Khí Hợp Nhất của vũ trụ. Không có quan niệm nào cao cả hơn từng được trình bày cho thể trí của con người, hơn quan niệm do Tiến hóa trình bày khi nó mô tả Ngài như đang mặc khải Chính Ngài, qua vô số thời đại, trong sự thở vào kéo dài qua các thời đại của sự sống vào Vật Chất cấu thành, đạt đến đỉnh điểm nơi con người với bản chất Tinh thần và mọi quyền năng giống Thượng đế của y."

Sir James Arthur Thomson (The Great Design.) "Throughout the World of Animal Life there are expressions of something akin to the Mind in ourselves. There is, from the Amoeba upwards, a stream of inner, of subjective life; it may be only a slender rill, but sometimes it is a strong current. It includes feeling, imagining, purposing, as well as occasionally thinking. It includes the Unconscious."

Ngài James Arthur Thomson (The Great Design.) "Khắp Thế Giới của Đời Sống Động Vật có những biểu hiện của một điều gì đó tương tự với Thể trí trong chính chúng ta. Từ trùng amip trở lên, có một dòng đời sống bên trong, nội tâm; nó có thể chỉ là một dòng nhỏ mảnh, nhưng đôi khi lại là một luồng chảy mạnh. Nó bao gồm cảm giác, tưởng tượng, chủ đích, cũng như đôi khi tư duy. Nó bao gồm Vô thức."

Of the nature and origin of these forces science as yet says little, but the movement of scientific thought is away from the concrete and towards the abstract. This is parallel with the evolution of human intelligence, the direction of which is through the analytical and concrete towards the development of the faculties of synthesising and abstract thinking. As an illustration of this, the idea is

Về bản chất và nguồn gốc của các mãnh lực này, khoa học cho đến nay vẫn nói rất ít, nhưng chuyển động của tư tưởng khoa học đang rời khỏi cái cụ thể và hướng về cái trừu tượng. Điều này song hành với sự tiến hóa của trí tuệ con người, chiều hướng của nó là đi qua cái phân tích và cụ thể để hướng tới sự phát triển các quan năng tổng hợp và tư duy trừu tượng. Như một minh họa cho điều này, ý

beginning to dawn that time itself is typical of the kind of material of which the physical world is built. In thus probing external phenomena to their depth, the scientist and the mathematician fall back upon symbols and equations as their only means of expressing their discoveries. Solid substance has melted into a shadow. Only mathematical equations and flowing forces remain.

What is the next step likely to be? The latest pronouncements, as indicated by the above quotations, show that certain men of science—admittedly not all—are beginning to postulate mind as the ultimate reality. Sir James Jeans in his book *The Mysterious Universe* also says (the italics throughout being mine):

"To my mind, the laws which nature obeys are less suggestive of those which a machine obeys in its motion than of those which a musician obeys in writing a fugue, or a poet in composing a sonnet. The motions of electrons and atoms do not resemble those of the parts of a locomotive so much as those of the dancers in a cotillion. And if the 'true essence of substances' is forever unknowable, it does not matter whether the cotillion is danced at a ball in real life, or on a cinematograph screen, or in a story of Boccaccio. If all this is so, then the universe can be best pictured, although still very imperfectly and inadequately, as consisting of pure thought, the thought of what, for want of a wider world, we must describe as a mathematical thinker. (pp. 123, 124)

. . in the stately and sonorous diction of a bygone age, he (Berkeley) summed up his philosophy in the words:

tưởng đang bắt đầu ló dạng rằng chính thời gian là điển hình cho loại chất liệu mà thế giới hồng trần được xây dựng từ đó. Khi thăm dò các hiện tượng bên ngoài đến tận chiều sâu như vậy, nhà khoa học và nhà toán học phải dựa vào các biểu tượng và phương trình như phương tiện duy nhất để diễn đạt những phát hiện của mình. Chất liệu rắn đã tan chảy thành một cái bóng. Chỉ còn lại các phương trình toán học và những mãnh lực trôi chảy.

Bước kế tiếp có khả năng là gì? Những tuyên bố mới nhất, như được chỉ ra bởi các trích dẫn trên, cho thấy một số nhà khoa học—phải thừa nhận là không phải tất cả—đang bắt đầu giả định thể trí là thực tại tối hậu. Ngài James Jeans trong sách của ông, *Vũ Trụ Huyền Bí*, cũng nói như sau, các phần in nghiêng đều là của tôi:

"Đối với thể trí của tôi, các định luật mà thiên nhiên tuân theo ít gợi ý về những định luật mà một cỗ máy tuân theo trong chuyển động của nó hơn là về những định luật mà một nhạc sĩ tuân theo khi viết một fugue, hay một thi sĩ khi sáng tác một sonnet. Các chuyển động của electron và nguyên tử không giống các chuyển động của những bộ phận của một đầu máy xe lửa cho bằng giống các chuyển động của những vũ công trong một điệu cotillion. Và nếu 'bản chất đích thực của các chất liệu' mãi mãi bất khả tri, thì việc điệu cotillion được múa tại một vũ hội trong đời thực, hay trên màn ảnh điện ảnh, hay trong một câu chuyện của Boccaccio, cũng không quan trọng. Nếu tất cả điều này là như vậy, thì vũ trụ có thể được hình dung tốt nhất, dù vẫn còn rất bất toàn và không đầy đủ, như gồm tư tưởng thuần túy, tư tưởng của điều mà, vì thiếu một từ rộng hơn, chúng ta phải mô tả như một nhà tư tưởng toán học. (tr. 123, 124)

.. trong lối diễn đạt trang nghiêm và ngân vang của một thời đại đã qua, ông (Berkeley) đã tóm kết triết học của mình bằng những lời sau:

"'All the choir of heaven and furniture of earth, in a word all those bodies which compose the mighty frame of the world, have not any substance without the mind. ... So long as they are not actually perceived by me, or do not exist in my mind, or that of any other created spirit, they must either have no existence at all, or else subsist in the mind of some Eternal Spirit.'" (p. 126)

"'Toàn thể ca đoàn của thiên đường và đồ vật của trần gian, nói một lời là tất cả những thể cấu thành khung vĩ đại của thế giới, không có bất kỳ chất liệu nào ngoài thể trí.... Chừng nào chúng không thật sự được tôi tri nhận, hoặc không hiện hữu trong thể trí của tôi, hay trong thể trí của bất kỳ tinh thần được tạo dựng nào khác, thì chúng hoặc hoàn toàn không có sự hiện hữu, hoặc tồn tại trong thể trí của một Đấng Tinh thần Vĩnh Cửu nào đó.'" (tr. 126)

"Today there is a wide measure of agreement, which on the physical side of science approaches almost to unanimity that the stream of knowledge is heading towards a non-mechanical reality; the universe begins to look more like a great thought than like a great machine. Mind no longer appears as an accidental intruder into the realm of matter; we are beginning to suspect that we ought rather to hail it as the creator and governor of the realm of matter—not of course our individual minds, but the mind in which the atoms out of which our individual minds have grown exist as thoughts. . . .

"Ngày nay có một mức độ đồng thuận rộng rãi, mà ở phía hồng trần của khoa học gần như tiến đến sự nhất trí rằng dòng tri thức đang hướng tới một thực tại phi cơ giới; vũ trụ bắt đầu trông giống một tư tưởng vĩ đại hơn là một cỗ máy vĩ đại. Thể trí không còn xuất hiện như một kẻ xâm nhập ngẫu nhiên vào lĩnh vực của vật chất; chúng ta bắt đầu nghi ngờ rằng đúng hơn, chúng ta nên chào đón nó như đấng sáng tạo và cai quản lĩnh vực của vật chất—dĩ nhiên không phải các thể trí cá nhân của chúng ta, mà là thể trí trong đó các nguyên tử, từ đó các thể trí cá nhân của chúng ta đã lớn lên, hiện hữu như những tư tưởng....

"We discover that the universe shows evidence of a designing or controlling power that has something in common with our own individual minds— not, so far as we have discovered, emotion, morality, or, aesthetic appreciation, but the tendency to think in the way which, for want of a better word, we describe as mathematical. And while much in it may be hostile to the material appendages of life, and also is akin to the fundamental activities of life; we are not so much strangers or intruders in the universe as we at first thought. Those inert atoms in the primeval slime which first began to foreshadow the attributes of life were putting themselves more, and not less, in accord with the fundamental nature of the universe." (pp. 137, 138)

"Chúng ta khám phá rằng vũ trụ cho thấy bằng chứng về một quyền năng thiết kế hay kiểm soát có điều gì đó chung với các thể trí cá nhân của chính chúng ta—không phải, theo như chúng ta đã khám phá, là xúc cảm, đạo đức, hay sự thưởng thức thẩm mỹ, mà là khuynh hướng tư duy theo cách mà, vì thiếu một từ tốt hơn, chúng ta mô tả là toán học. Và trong khi nhiều điều trong nó có thể thù nghịch với các phụ kiện vật chất của sự sống, nó cũng tương cận với các hoạt động nền tảng của sự sống; chúng ta không phải là những kẻ xa lạ hay xâm nhập trong vũ trụ nhiều như lúc đầu chúng ta tưởng. Những nguyên tử trơ lì trong bùn nguyên thủy, vốn lần đầu bắt đầu báo trước các thuộc tính của sự sống, đang tự đặt mình ngày càng, chứ không phải ít hơn, phù hợp với bản chất nền tảng của vũ trụ." (tr.

137, 138)

This, if the concept be added of individual Intelligences, Archangelic and angelic embodiments of the "great thought", might well have been written by an exponent of occult philosophy. It is, however, but just to quote also Sir James Jeans's further words, "that everything that has been said and every conclusion that has been tentatively put forward, is quite frankly speculative and uncertain", (p. 138)

Điều này, nếu thêm vào quan niệm về các Trí Tuệ cá biệt, những hiện thân Tổng thiên thần và thiên thần của "tư tưởng vĩ đại", thì rất có thể đã được viết bởi một người trình bày triết học huyền bí. Tuy nhiên, để công bằng, cũng cần trích thêm những lời sau của Ngài James Jeans, "rằng mọi điều đã được nói và mọi kết luận đã được tạm thời nêu ra, nói thật thẳng thắn, đều có tính suy đoán và bất định", (tr. 138)

THE SOURCE OF KNOWLEDGE – NGUỒN GỐC CỦA TRI THỨC

The position of the occultist, on the other hand, is somewhat different. The age-old teachings of occult science are founded, not upon speculations but upon the continually repeated, direct observations of highly trained occult investigators. With the inner eye itself fully operative and the technique of its use fully developed as a result of training under their Adept seniors in evolution, these seers perceive direct the phenomena of Nature on all planes of existence and corroborate the findings of their brother seers who have gone before. For this reason, "to the Occultists who believe in the knowledge acquired by countless generations of Seers and Initiates, the data offered in the Secret Books are all sufficient".

Trái lại, lập trường của nhà huyền bí học hơi khác. Các giáo huấn cổ xưa của khoa học huyền bí được đặt nền tảng, không phải trên các suy đoán, mà trên những quan sát trực tiếp, được lặp đi lặp lại liên tục của các nhà khảo cứu huyền bí được huấn luyện cao độ. Với con mắt bên trong đã hoàn toàn hoạt động và kỹ thuật sử dụng nó đã phát triển đầy đủ nhờ kết quả của việc được huấn luyện dưới các Chân sư, những vị đàn anh trong tiến hóa của họ, các nhà thông nhãn này trực tiếp tri nhận các hiện tượng của Thiên nhiên trên mọi cõi hiện hữu và xác nhận các phát hiện của các huynh đệ thông nhãn đã đi trước. Vì lý do này, "đối với các Nhà Huyền bí học tin vào tri thức được vô số thế hệ Nhà thông nhãn và Điểm đạo đồ thu nhận, các dữ liệu được đưa ra trong các Sách Bí Truyền là hoàn toàn đầy đủ".

The assertions of occult science are "made on the cumulative testimony of endless series of Seers who have testified to this fact. Their spiritual visions, real explorations by, and through psychical and spiritual sense untrammelled by blind flesh, were systematically checked and compared one with the other, and their nature sifted. All that was not corroborated by unanimous and collective experience was rejected, while that only was recorded as established truth which, in various ages, under different climes, and

Những xác quyết của khoa học huyền bí được "đưa ra dựa trên chứng ngôn tích lũy của những chuỗi vô tận các Nhà thông nhãn đã làm chứng cho sự kiện này. Các linh thị tinh thần của họ, những cuộc thăm dò thực sự bằng, và thông qua, giác quan thông linh và tinh thần không bị xác thịt mù quáng trói buộc, đã được kiểm tra và so sánh có hệ thống với nhau, và bản chất của chúng được sàng lọc. Mọi điều không được xác nhận bởi kinh nghiệm nhất trí và tập thể đều bị loại bỏ, trong khi chỉ những điều nào, ở nhiều thời đại khác

throughout an untold series of incessant observations, was found to agree and receive constantly further corroboration.

nhau, dưới các khí hậu khác nhau, và qua một chuỗi không kể xiết các quan sát không ngừng, được thấy là phù hợp và liên tục nhận thêm sự xác nhận, mới được ghi lại như chân lý đã được xác lập.

"The methods used by our scholars and students of the psycho-spiritual sciences do not differ from those of students of the natural and physical sciences. Only our fields of research are on two different planes, and our (Theosophical) instruments are made by no human hands, for which reason, perchance, they are only the more reliable."

"Các phương pháp được các học giả và môn sinh của chúng tôi trong các khoa học tâm linh-tinh thần sử dụng không khác với phương pháp của các môn sinh trong các khoa học tự nhiên và hồng trần. Chỉ có các lĩnh vực nghiên cứu của chúng tôi là ở hai cõi khác nhau, và các khí cụ Thông Thiên Học của chúng tôi không do tay người làm ra; có lẽ vì lý do đó mà chúng chỉ càng đáng tin cậy hơn."

Even so, such teachings of occult science as are offered to the general public are invariably presented as ideas for consideration, and never as dogmas representing final truths. Above all things, free enquiry is insisted upon by those who practise and teach the methods of occult science.

Dù vậy, các giáo huấn của khoa học huyền bí được đưa ra cho công chúng nói chung luôn được trình bày như những ý tưởng để suy xét, chứ không bao giờ như các tín điều đại diện cho những chân lý cuối cùng. Trên hết mọi điều, những người thực hành và giảng dạy các phương pháp của khoa học huyền bí luôn nhấn mạnh việc tự do khảo cứu.

CHAPTER III CREATIVE PROCESSES – CHƯƠNG III CÁC TIẾN TRÌNH SÁNG TẠO

THE MINERAL KINGDOM – GIỚI KIM THẠCH

THE manner of the original creation or physical formation of mineral substances, whether crystalline and capable of crystallisation or amorphous (colloidal) is as yet unknown to science. In offering the results of attempted observations of the process. I do not for a moment presume to have solved this problem. If what follows is of any worth, it may perhaps be regarded as the observations of a single onlooker which may later be found to have some validity.

CÁCH THỨC sáng tạo nguyên thủy hay sự hình thành hồng trần của các chất khoáng, dù là kết tinh và có khả năng kết tinh hay vô định hình (keo), cho đến nay khoa học vẫn chưa biết. Khi đưa ra các kết quả của những quan sát đã cố gắng thực hiện về tiến trình này, tôi không hề giả định dù chỉ trong một khoảnh khắc rằng mình đã giải quyết được vấn đề này. Nếu những điều sau đây có giá trị nào, có lẽ chúng có thể được xem như những quan sát của một người chứng kiến đơn lẻ, về sau có thể được nhận thấy là có phần giá trị.

The existence of physical agencies is partly, but not wholly, sufficient to account for the appearance of minerals. They are known to be functions of heat and pressure in certain ratios and aqueous vapours, but why a

Sự hiện hữu của các tác nhân hồng trần là một phần, nhưng không hoàn toàn, đủ để giải thích sự xuất hiện của khoáng vật. Người ta biết chúng là các hàm số của nhiệt và áp suất theo những tỉ lệ nhất định và của hơi nước,

substance crystallises, generally into a characteristic geometrical form or molecular arrangement, is, as yet, unknown. Crystals of regular design always appear when a solution of substance is allowed to evaporate and the same substance usually assumes the same crystal form, *e.g.* salt in cubes, alum in octahedra, nitre in prisms. The term growth is applied to minerals, but this is not regarded as being the result of the addition of newly formed substance but rather of the activity of external agencies which change the contents. The majority of crystalline minerals pre-existed and were gradually deposited in rocks by percolating water or from the molten state as the earth cooled down.

nhưng vì sao một chất lại kết tinh, thường thành một hình thể hình học đặc trưng hay sự sắp xếp phân tử đặc trưng, thì cho đến nay vẫn chưa biết. Các tinh thể có thiết kế đều đặn luôn xuất hiện khi để một dung dịch chất liệu bay hơi, và cùng một chất liệu thường mang cùng một dạng tinh thể, *ví dụ* muối thành khối lập phương, phèn thành bát diện, diêm tiêu thành lăng trụ. Thuật ngữ tăng trưởng được áp dụng cho khoáng vật, nhưng điều này không được xem là kết quả của việc thêm vào chất liệu mới được hình thành, mà đúng hơn là của hoạt động của các tác nhân bên ngoài làm thay đổi nội dung. Phần lớn khoáng vật kết tinh đã hiện hữu trước và dần dần được lắng đọng trong đá bởi nước thấm qua, hoặc từ trạng thái nóng chảy khi Trái Đất nguội đi.

THE LOGOS DOCTRINE – GIÁO LÝ LOGOS

One part of the explanation offered by Theosophy consists of one aspect of what is called the Logos Doctrine. In one sense, and as far as my understanding goes, this implies the emission of a formative or shape-producing electro-spiritual energy—the noumenon of physical electricity—of the order or quality of sound, a soniferous creative force or Word, a creative chord. In terms of frequency of oscillation, the notes of this chord are expressive of the component ideas of an archetype pre-conceived and held in the major Creative Mind throughout *Manvantara.* This archetypal idea partly serves as a dynamic model in the superphysical worlds for the shaping of etheric and physical matter into the conceived pattern. This is the source of the impulse which causes inorganic and organic substance to assume geometrically-governed forms and of the organising, pattern-assuming characteristic of protoplasm.

Một phần của lời giải thích do Thông Thiên Học đưa ra gồm một phương diện của điều được gọi là Giáo Lý Logos. Theo một nghĩa, và trong chừng mực hiểu biết của tôi, điều này hàm ý sự phát ra của một năng lượng điện-tinh thần có tính tạo hình hay sinh hình—thực tại bản nguyên của điện lực hồng trần—thuộc trật tự hay phẩm tính của âm thanh, một mãnh lực sáng tạo hữu thanh hay Linh từ, một hợp âm sáng tạo. Xét theo tần số dao động, các âm điệu của hợp âm này biểu đạt những ý tưởng cấu thành của một nguyên mẫu được dự kiến trước và được giữ trong Thể Trí Sáng Tạo lớn suốt *Giai kỳ sinh hóa.* Ý tưởng nguyên mẫu này một phần đóng vai trò như một mô hình năng động trong các thế giới siêu hồng trần cho việc uốn nắn vật chất dĩ thái và hồng trần thành mô hình đã được quan niệm. Đây là nguồn gốc của xung lực khiến chất liệu vô cơ và hữu cơ mang những hình thể chịu sự chi phối của hình học, và là nguồn gốc của đặc tính tổ chức, mang mô hình, của chất nguyên sinh.

THE BUILDERS – NHỮNG ĐẤNG KIẾN TẠO

My own observations suggest that the form-producing process is aided by the actions of Hierarchies of Creative Intelligences—Archangels and their angel hosts—who, as embodiments of Universal Intelligence, know the design or archetypes and, by allying themselves with the Word-force, enhance or amplify its formative capacity. These Beings live in the superphysical worlds and act perpetually as form-moulding agencies, according to the Word. It should be understood that the terms spiritual and superphysical do not imply spatial separation from the physical universe. Matter at every degree of density co-exists spatially, the finer interpenetrating the denser. The laboratory of Nature and its "engineers", "artists" and "chemists" are *within* physical substance, somewhat as Hertzian waves are transmitted through the air and an electrical current along a wire. Both protyle and protoplasm are "charged" from within by an indwelling, immanent, thought-directed, creative, formative Life-force.

Những quan sát của chính tôi gợi ý rằng tiến trình tạo hình được hỗ trợ bởi các hoạt động của những Huyền Giai Trí Tuệ Sáng Tạo—các Tổng thiên thần và các đạo quân thiên thần của các Ngài—những Đấng, với tư cách là hiện thân của Trí Tuệ Phổ Quát, biết thiết kế hay các nguyên mẫu và, bằng cách liên kết Chính Các Ngài với mãnh lực Linh từ, tăng cường hay khuếch đại năng lực tạo hình của nó. Các Sinh Mệnh này sống trong các thế giới siêu hồng trần và hành động liên tục như các tác nhân nắn đúc hình tướng, theo Linh từ. Cần thấu hiểu rằng các thuật ngữ tinh thần và siêu hồng trần không hàm ý sự tách biệt không gian khỏi vũ trụ hồng trần. Vật chất ở mọi mức độ đậm đặc cùng hiện hữu trong không gian, cái tinh anh hơn xuyên thấu cái đậm đặc hơn. Phòng thí nghiệm của Thiên nhiên và các "kỹ sư", "nghệ sĩ" và "nhà hóa học" của nó ở *bên trong* chất liệu hồng trần, phần nào như các sóng Hertz được truyền qua không khí và dòng điện đi dọc theo một sợi dây. Cả protyle lẫn chất nguyên sinh đều được "nạp" từ bên trong bởi một Mãnh lực-Sự sống sáng tạo, tạo hình, được tư tưởng chỉ đạo, nội tại và cư ngụ bên trong.

At the etheric-physical level, the Hierarchies of Creative Intelligences are represented by the minor builders of form, the nature spirits, the Sephiroths in miniature, who operate instinctually, largely by playing along the lines of force— stimulating to them—which form the geometrical patterns set up in the all-pervasive ether by the emitted and vibrating THOUGHT-WORD-FORCE.

Ở cấp độ dĩ thái-hồng trần, các Huyền Giai Trí Tuệ Sáng Tạo được đại diện bởi những vị tiểu kiến tạo hình tướng, các tinh linh tự nhiên, những Sephiroth thu nhỏ, vốn hoạt động theo bản năng, phần lớn bằng cách vui đùa dọc theo các đường mãnh lực—kích thích đối với chúng—tạo thành các mô hình hình học được thiết lập trong dĩ thái thấm khắp bởi MÃNH LỰC-TƯ TƯỞNG-LINH TỪ được phát ra và rung động.

THE" WORD" – "LINH TỪ"

In Chapter I the concept was presented of the Logos as Musician and the continuous process of creation as the performance of a great symphony. This, "the Great Work", He

Trong Chương I, quan niệm về Logos như Nhạc Sĩ và tiến trình sáng tạo liên tục như cuộc trình diễn của một bản giao hưởng vĩ đại đã được trình bày. Điều này, "Công Trình Vĩ

conceived and developed in earlier creative "Days', and perchance perfected it in the silence and darkness of intermediate, creative "Night". When once more there is to be light, He "speaks" and by the power of His "Word" brings all things into being. This first expression of the "motif" of the new universe is "heard" or responded to by virgin matter, and the planes of Nature with their forms and inhabitants gradually appear. Into these the Logos pours forth perpetually His Life that they may live, this being His continuous sacrifice, His everlasting oblation.

Đại", Ngài đã quan niệm và phát triển trong những "Ngày" sáng tạo trước kia, và có lẽ đã hoàn thiện nó trong sự im lặng và bóng tối của "Đêm" sáng tạo trung gian. Khi một lần nữa phải có ánh sáng, Ngài "phán" và bằng quyền năng "Linh từ" của Ngài đưa muôn vật vào hiện hữu. Sự biểu đạt đầu tiên này của "motif" của vũ trụ mới được vật chất nguyên sơ "nghe" hay đáp ứng, và các cõi của Thiên nhiên cùng các hình tướng và cư dân của chúng dần dần xuất hiện. Vào trong những điều này, Logos tuôn đổ liên tục Sự Sống của Ngài để chúng có thể sống; đây là sự hi sinh liên tục của Ngài, lễ hiến dâng vĩnh viễn của Ngài.

The Logos or *Verbum* is, in reality, no word or voice of any Being. It is pure Will expressive of the presumed purpose or intent of the divine Father-Mother in bringing forth the Universe. It is the irresistible, all-pervasive, inherent impul[se] to self-expression, expansion (hence the name of Brahma, from the Sanskrit word *brih,* to expand and grow) and fullness which reigns at the heart of all Nature and all Creation from the highest to the lowest. It is the will to fullness which "sounds forth" at that Cosmic moment when divine Ideation is first emanated as Will-Light from the Absolute.

Logos hay *Verbum*, trong thực tại, không phải là linh từ hay tiếng nói của bất kỳ Đấng nào. Đó là Ý Chí thuần túy biểu đạt mục đích hay ý định giả định của Cha-Mẹ thiêng liêng trong việc sinh thành Vũ Trụ. Đó là xung lực[c] nội tại, thấm khắp, không thể cưỡng lại hướng tới sự tự biểu đạt, mở rộng, do đó có danh xưng Brahma, từ tiếng Sanskrit *brih,* nghĩa là mở rộng và tăng trưởng, và sự viên mãn ngự trị nơi trái tim của toàn thể Thiên nhiên và toàn thể Sáng tạo, từ cao nhất đến thấp nhất. Đó là ý chí hướng tới sự viên mãn, "vang lên" vào khoảnh khắc Vũ trụ khi Thiên Tư Duy lần đầu được xuất lộ như Ý Chí-Ánh Sáng từ Tuyệt Đối.

Throughout the Cosmic Days and Years which follow, that Will-Light calls into existence suns, planets, beings, in obedience to law. Level after level and plane after plane of increasing density come into existence and gradually embody and show forth the Will-Light. Monads flash forth their Rays. Beings are emanated and inhabit the planes. Deeper and deeper penetrates the Cosmic Will-Thought-Word, awakening the sleeping substance, forcing its atoms to answer, to embody and echo, or re-sound, the Cosmic Word. The Light shines forth from the Centre to illumine the darkness and render visible

Suốt những Ngày và Năm Vũ Trụ tiếp theo, Ý Chí-Ánh Sáng ấy gọi các mặt trời, hành tinh và hữu thể vào hiện hữu, trong sự tuân phục định luật. Cấp độ này tiếp cấp độ khác và cõi này tiếp cõi khác với độ đậm đặc gia tăng đi vào hiện hữu và dần dần hiện thân, biểu lộ Ý Chí-Ánh Sáng. Các Chân thần lóe phát các Cung của mình. Các Sinh Mệnh được xuất lộ và cư ngụ trên các cõi. Tư Tưởng-Ý Chí-Linh Từ Vũ Trụ thâm nhập ngày càng sâu hơn, đánh thức chất liệu đang ngủ, buộc các nguyên tử của nó đáp ứng, hiện thân và vọng lại, hay vang đáp, Linh từ Vũ Trụ. Ánh Sáng tỏa ra từ Trung Tâm để soi sáng bóng tối và làm cho

the hitherto invisible robes in which the All-Mother is enwrapped.

những tấm áo choàng trước kia vô hình, trong đó Mẹ Toàn Thể được bao bọc, trở nên hữu hình.

The Will becomes more potent. The Sound of the Word becomes louder and the Light becomes brighter as the Aeons pass. The Monads become more radiant and their forth-flashed Monadic Rays wider and more brilliant. The denser regions assume the intended forms. The outer darknesses give way to Light, and where once there was Chaos, divine Order rules.

Ý Chí trở nên mạnh mẽ hơn. Âm Thanh của Linh từ trở nên lớn hơn và Ánh Sáng trở nên rực rỡ hơn khi các Đại chu kỳ trôi qua. Các Chân thần trở nên rạng rỡ hơn và các Cung Chân thần lóe phát từ các Ngài trở nên rộng hơn và sáng chói hơn. Những vùng đậm đặc hơn mang lấy các hình tướng đã được dự định. Những bóng tối bên ngoài nhường chỗ cho Ánh Sáng, và nơi một thời từng là Hỗn Mang, Trật Tự thiêng liêng cai quản.

In each and every being thus called into existence as dweller and toiler in the created worlds, the Cosmic processes are, microcosmically, reproduced and fulfilled in parallel. As the whole responds so does every part. In man, as one such dweller and toiler in the worlds, the inertia and silence inherent in matter give place to rhythmic motion and to the "heard" and "answered" creative Voice. In man, as in universe, darkness is displaced by light.

Trong mỗi một hữu thể được gọi vào hiện hữu như cư dân và người lao tác trong các thế giới được tạo dựng như vậy, các tiến trình Vũ trụ được tái hiện và hoàn thành song song theo lối tiểu thiên địa. Toàn thể đáp ứng thế nào thì mỗi phần cũng đáp ứng như vậy. Trong con người, với tư cách một cư dân và người lao tác như thế trong các thế giới, quán tính và sự im lặng vốn có trong vật chất nhường chỗ cho chuyển động nhịp nhàng và cho Tiếng Nói sáng tạo được "nghe" và được "đáp lại". Trong con người, cũng như trong vũ trụ, bóng tối bị ánh sáng thay thế.

The universal "Word" when uttered becomes manifest as myriads of chords, each a coherent, self-existent sound with its force and light manifestations. Each chord appears as a relatively changeless, abstract form, Archetype or divine idea, in the higher worlds of each of the planets. These Archetypes in their turn sound their "word", "relaying" into the lower worlds the primal Word-force. Magnetic fields are set up therein, matter is drawn into them and, with the aid of the Gods, is moulded into evolving forms. These forms, vivified by divine Life, become the abode of intelligences (the Monads) at the mineral, plant, animal, human and superhuman phases of development. As a result of experience in the forms, these

"Linh từ" phổ quát khi được thốt ra trở nên biểu hiện như vô số hợp âm, mỗi hợp âm là một âm thanh cố kết, tự hữu, với các biểu hiện mãnh lực và ánh sáng của nó. Mỗi hợp âm xuất hiện như một hình tướng trừu tượng, tương đối bất biến, một Nguyên mẫu hay ý tưởng thiêng liêng, trong các thế giới cao hơn của mỗi hành tinh. Đến lượt mình, các Nguyên mẫu này xướng "linh từ" của chúng, "tiếp vận" Mãnh lực-Linh từ nguyên sơ vào các thế giới thấp hơn. Các trường từ tính được thiết lập trong đó, vật chất bị hút vào chúng và, với sự trợ giúp của các Thần, được nắn đúc thành các hình tướng đang tiến hóa. Những hình tướng này, được Sự Sống thiêng liêng làm sinh động, trở thành nơi cư ngụ của các trí tuệ, tức các Chân thần, ở các giai đoạn phát

intelligences, assisted by the Gods, gradually unfold their innate faculties and powers until the degree of development set both for them and for the forms has been attained. The Gods are thus conceived both as builders of form and assistants in the evolution of consciousness.

triển khoáng vật, thực vật, động vật, nhân loại và siêu nhân loại. Nhờ kinh nghiệm trong các hình tướng, các trí tuệ này, với sự hỗ trợ của các Thần, dần dần khai mở các quan năng và quyền năng bẩm sinh của mình cho đến khi đạt tới mức độ phát triển đã được ấn định cho cả chúng lẫn các hình tướng. Do đó, các Thần được quan niệm vừa là những đấng kiến tạo hình tướng vừa là những vị trợ giúp trong sự tiến hóa của tâm thức.

When this standard has been reached by all beings and, in obedience to the law of cycles, the time limit of objective manifestation has been attained, the whole Solar System is withdrawn into the subjective state. In this condition it remains until under the same cyclic law it reappears and the process of development or ascent is continued from the point reached at the close of the preceding period of objective manifestation. Occult philosophy sees this process as continuing indefinitely, there being no limit to the evolutionary possibilities. This orderly progression has no conceivable beginning and no imaginable end.

Khi mọi sinh linh đã đạt đến chuẩn mực này và, tuân theo định luật chu kỳ, giới hạn thời gian của sự biểu hiện khách quan đã đạt tới, toàn bộ hệ mặt trời được thu hồi vào trạng thái chủ quan. Trong tình trạng này, nó vẫn ở đó cho đến khi, dưới cùng định luật chu kỳ ấy, nó tái xuất hiện và tiến trình phát triển hay thăng lên được tiếp tục từ điểm đã đạt ở cuối thời kỳ biểu hiện khách quan trước đó. Triết học huyền môn xem tiến trình này là tiếp diễn vô hạn, vì không có giới hạn nào đối với các khả năng tiến hoá. Sự tiến triển có trật tự này không có khởi đầu nào có thể quan niệm được và không có kết thúc nào có thể hình dung được.

CREATIVE HIERARCHIES – CÁC HUYỀN GIAI SÁNG TẠO

The creative energies of which all forms are the product, first emitted as sound by the utterance of the "Word", may be thought of as arising from a central, spiritual Source, represented physically by the sun. At their source, these energies have tremendous potency. The whole race of the Gods from the Solar Archangels to the planetary angels serve somewhat as electrical transformers. They receive into themselves the primordial, creative power, and as if by resistance to its flow reduce its "voltage". From the Solar Gods it passes through their lesser brethren, rank upon rank, until it reaches the physical worlds. There, with the assistance of the nature spirits, it throws matter into shapes

Các năng lượng sáng tạo, mà mọi hình tướng đều là sản phẩm của chúng, lúc đầu được phát ra như âm thanh qua việc xướng "Linh từ", có thể được nghĩ là phát sinh từ một Nguồn tinh thần trung tâm, được biểu tượng về mặt hồng trần bởi mặt trời. Tại nguồn của chúng, các năng lượng này có uy lực phi thường. Toàn thể giống dòng các Thượng đế, từ các Tổng Thiên Thần Thái Dương đến các thiên thần hành tinh, phần nào phụng sự như những máy biến thế điện. Các Ngài tiếp nhận vào trong chính mình quyền năng sáng tạo nguyên thuỷ, và như thể nhờ sức cản đối với dòng chảy của nó mà làm giảm "điện áp" của nó. Từ các Thượng đế Thái Dương, nó truyền qua các huynh đệ nhỏ hơn của Các Ngài, từng cấp bậc một, cho

conceived by the Creative Mind.

đến khi đến các thế giới hồng trần. Ở đó, với sự trợ giúp của các tinh linh tự nhiên, nó đưa vật chất vào những hình dạng do Trí Sáng Tạo quan niệm.

The capacity of sound to produce forms may perhaps find support from sonorous figures which can be formed by the vibrations of substance emitting a musical tone. Geometrical figures are, for example, formed by sand on a plate of glass or metal when the bow of a violin is drawn along the edge. Ernst Florens Friedrich Chladni (1756-1827), a German physicist, produced geometrical acoustic figures which were formed by the nodal lines in a vibrating plate, made visible by sprinkling sand on a plate, where it settles on the lines of least resistance. Jules A. Lissajous, a French scientist (1822-1880), produced figures formed by curves due to the combination of two simple harmonic motions. They are commonly exhibited by the successive reflections of a beam oflight from the prongs of two tuning forks or by the mechanical tracing of the resultant motion of two pendulums as in a, harmonograph, or by means of Wheatstone's rods. Lissajous also produced figures given by a horizontal and a vertical tuning fork vibrating simultaneously. The figures differ when the forks are either in unison or at varying differences of phase and of notes apart. If the capacity of physical sound to produce forms may also be attributed to sonorous creative energy or Word-force emitted at superphysical levels, then the Logos Doctrine finds some scientific support.

Khả năng của âm thanh trong việc tạo ra hình tướng có lẽ có thể tìm thấy sự hỗ trợ từ các hình âm, vốn có thể được tạo thành bởi những rung động của chất liệu phát ra một âm điệu nhạc. Chẳng hạn, các hình hình học được cát tạo thành trên một tấm kính hoặc kim loại khi kéo vĩ của đàn vĩ cầm dọc theo mép tấm ấy. Ernst Florens Friedrich Chladni, một nhà vật lý người Đức, đã tạo ra các hình âm học hình học, vốn được tạo thành bởi các đường nút trong một tấm rung động, được làm cho thấy rõ bằng cách rắc cát lên tấm, nơi cát lắng xuống trên các đường ít trở ngại nhất. Jules A. Lissajous, một nhà khoa học người Pháp, đã tạo ra các hình được hình thành bởi những đường cong do sự kết hợp của hai chuyển động điều hòa đơn giản. Chúng thường được trình bày bằng những phản xạ liên tiếp của một chùm ánh sáng từ các nhánh của hai âm thoa, hoặc bằng sự vạch cơ học chuyển động tổng hợp của hai con lắc như trong một máy vẽ điều hòa, hoặc bằng các thanh Wheatstone. Lissajous cũng tạo ra các hình do một âm thoa ngang và một âm thoa dọc rung động đồng thời. Các hình khác nhau khi các âm thoa hoặc đồng âm, hoặc có những sai biệt khác nhau về pha và về khoảng cách nốt. Nếu khả năng của âm thanh hồng trần trong việc tạo ra hình tướng cũng có thể được quy cho năng lượng sáng tạo có tính âm, hay mãnh lực Linh từ, được phát ra ở các cấp độ siêu hồng trần, thì Giáo lý về Thượng đế tìm được một sự hỗ trợ khoa học nào đó.

The Order of the Gods who thus assist the Logos in the process of the production of evolving forms by the utterance of the "Word", are known as the Builders. The members of the higher ranks of this Order—one race of which is known in Hinduism as

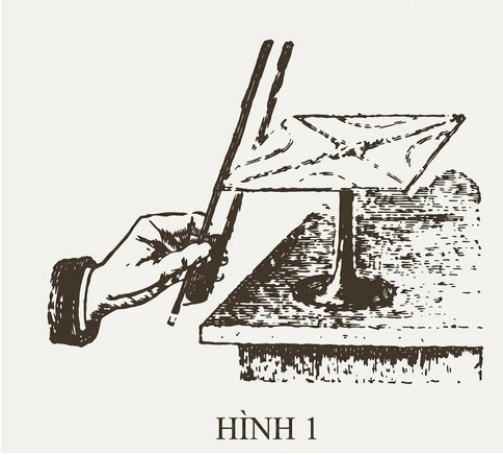
Đẳng cấp các Thượng đế trợ giúp Thượng đế trong tiến trình tạo ra các hình tướng đang tiến hoá như thế qua việc xướng "Linh từ" được biết đến là các Đấng Kiến Tạo. Các thành viên thuộc những cấp bậc cao hơn của Đẳng cấp này — một giống dòng trong đó được biết

the *Gandharvas* or Gods of Music—are aware of the creative intent, perceive and know the Archetypes or divine ideas. By self-unification with the descending Word-force, particularly with such streams as are vibrating at frequencies which are identical with those of their own nature, they amplify them and consequently augment their form-producing power. For within the Order of the Builders are hierarchies which are manifestations of those chords in the creative "Word" of which the Archetypes and forms are expressions. This affinity of vibration draws the particular hierarchy into its appropriate field of work as form-builders in the four kingdoms of Nature.

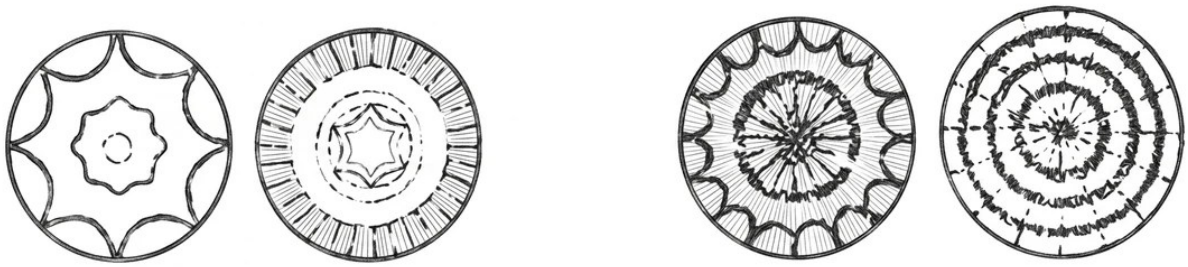
đến trong Ấn giáo là *Gandharvas* hay các Thượng đế của Âm Nhạc — ý thức được ý định sáng tạo, tri nhận và biết các Nguyên mẫu hay những ý tưởng thiêng liêng. Bằng sự tự hợp nhất với mãnh lực Linh từ đang giáng xuống, đặc biệt với những dòng đang rung động ở các tần số đồng nhất với tần số của chính bản chất mình, Các Ngài khuếch đại chúng và do đó gia tăng quyền năng tạo hình tướng của chúng. Vì bên trong Đẳng cấp các Đấng Kiến Tạo có những huyền giai vốn là các biểu hiện của những hợp âm trong "Linh từ" sáng tạo mà các Nguyên mẫu và hình tướng là sự biểu lộ. Sự tương hợp rung động này thu hút huyền giai đặc thù vào lĩnh vực công việc thích hợp của nó với tư cách các đấng kiến tạo hình tướng trong bốn giới của Tự Nhiên.

Gold, for example, may be regarded as the physical product of creative energy vibrating at the frequency at which gold is manifest in terms of force. Gold, as also all substances, is represented in the creative "Word" as a chord, which is the expression in terms of sound of the divine idea of gold. This Word-force is emitted from the spiritual Source and, impinging upon virgin matter, by processes previously described, causes it physically to assume the typical molecular arrangement and crystalline form of gold.

Chẳng hạn, vàng có thể được xem là sản phẩm hồng trần của năng lượng sáng tạo rung động ở tần số mà tại đó vàng biểu hiện xét theo mãnh lực. Vàng, cũng như mọi chất liệu, được biểu thị trong "Linh từ" sáng tạo như một hợp âm, vốn là sự biểu lộ bằng âm thanh của ý tưởng thiêng liêng về vàng. Mãnh lực Linh từ này được phát ra từ Nguồn tinh thần và, khi tác động lên vật chất nguyên sơ, qua các tiến trình đã mô tả trước đây, khiến nó về mặt hồng trần mang lấy sự sắp xếp phân tử điển hình và hình thể tinh thể của vàng.



HÌNH 1



Hình 2

THE GODS OF GOLD – CÁC THƯỢNG ĐẾ CỦA VÀNG

This process is not purely automatic. There is a hierarchy of Gods, the chord of whose nature is identical with that of gold. They may be thought of as the divine idea of gold manifest as an Order of living beings. Members of this hierarchy are drawn by vibratory affinity into the streams of gold force which are constantly descending from the creative Source into the physical world. Their presence and assistance intensify the component frequencies and thereby augment the form-producing power of the Word-force. Thus, part of the function of the Gods of gold, as also of all Gods of the Order of the Builders, is to assist in the process of the production of physical substances and forms.

Tiến trình này không hoàn toàn tự động. Có một huyền giai các Thượng đế mà hợp âm bản chất của Các Ngài đồng nhất với hợp âm của vàng. Có thể nghĩ về Các Ngài như ý tưởng thiêng liêng về vàng biểu hiện thành một Đẳng cấp các sinh linh sống động. Các thành viên của huyền giai này được thu hút bởi sự tương hợp rung động vào những dòng mãnh lực vàng vốn liên tục giáng xuống từ Nguồn sáng tạo vào thế giới hồng trần. Sự hiện diện và trợ giúp của Các Ngài làm tăng cường các tần số thành phần và nhờ đó gia tăng quyền năng tạo hình tướng của mãnh lực Linh từ. Vì vậy, một phần chức năng của các Thượng đế của vàng, cũng như của mọi Thượng đế thuộc Đẳng cấp các Đấng Kiến Tạo, là trợ giúp trong tiến trình tạo ra các chất liệu và hình tướng hồng trần.

On the surface of such a gold-bearing reef as the Wit-watersrand in South Africa, I have seen numbers of Gods and nature spirits associated with the creative force, the ensouling life and the indwelling consciousness of gold. Above them both spatially and in evolution, were groups of higher Gods, whilst beyond these again, dimly perceived, was the one planetary Intelligence of Gold. This great Being appeared to be merged, as Co-ordinator, Director and Awakener, with the force, the life and the consciousness of Gold.

Trên bề mặt của một mạch đá chứa vàng như Witwatersrand ở Nam Phi, tôi đã thấy nhiều Thượng đế và tinh linh tự nhiên liên kết với mãnh lực sáng tạo, sự sống phú linh và tâm thức nội tại của vàng. Phía trên họ, cả theo không gian lẫn theo tiến hoá, là các nhóm Thượng đế cao hơn, trong khi vượt xa hơn nữa, được tri nhận lờ mờ, là Trí Tuệ Hành Tinh duy nhất của Vàng. Sinh Mệnh vĩ đại này dường như hoà nhập, với tư cách Đấng Phối hợp, Đấng Chỉ đạo và Đấng Đánh thức, với mãnh lực, sự sống và tâm thức của Vàng.

On the Rand, at the levels of emotion and concrete thought, a Gold group consciousness

Trên vùng Rand, ở các cấp độ cảm xúc và tư tưởng cụ thể, có một tâm thức nhóm của

exists. This is separated from other mineral groups by its enveloping membrane, the differences of the frequency of gold creative force and the fact of the superior development of the ensouling life of gold. The descending force, if described diagrammatically rather than actually, or from a three-rather than a four-dimensional viewpoint, resembles roughly a glowing, conical shaft of sunlight shining from the apex which is the planetary creative Source, down into the earth. The life within the stream is more highly coloured and more awake than that of any other mineral in this region. Attuned to its frequency or rhythm, I felt its power playing through my own bodies, arousing, stimulating all that corresponds to gold in the human constitution.

Vàng. Nó được tách biệt khỏi các nhóm khoáng vật khác bởi lớp màng bao bọc của nó, bởi những khác biệt về tần số của mãnh lực sáng tạo vàng và bởi sự kiện về mức phát triển cao hơn của sự sống phú linh của vàng. Mãnh lực giáng xuống, nếu được mô tả theo sơ đồ hơn là theo thực tại, hoặc từ quan điểm ba chiều hơn là bốn chiều, đại khái giống như một trục ánh sáng mặt trời hình nón rực sáng, chiếu từ đỉnh là Nguồn sáng tạo hành tinh xuống vào lòng đất. Sự sống trong dòng ấy có màu sắc rực rỡ hơn và tỉnh thức hơn sự sống của bất kỳ khoáng vật nào khác trong vùng này. Khi hòa điệu với tần số hay nhịp điệu của nó, tôi cảm thấy quyền năng của nó vận hành qua các thể của chính mình, khơi dậy và kích thích tất cả những gì tương ứng với vàng trong cấu tạo con người.

The hosts of the Gods of gold were seen moving amidst the descending stream of gold power. As shown on Plate 18, these are somewhat feminine in appearance. The face gives the impression of a very pale, almost colourless skin. The "hair" —in reality streaming force—is flaxen with a glint of gold. The aura sweeps down in flowing curves, widening as it descends in bands of very soft shades of leaf green, rose, yellow and delicate blue. The lower third of the aura is filled with myriads of points of gold light. These are all in rapid motion and grow more and more numerous towards the "hem" of this lovely auric robe. The whole form and aura of the God—or Goddess—shine brilliantly with the sheen of gold.

Các đạo quân của những Thượng đế của vàng được thấy đang chuyển động giữa dòng quyền năng vàng đang giáng xuống. Như được trình bày trên Hình 18, các vị này có vẻ ngoài phần nào nữ tính. Gương mặt tạo ấn tượng về một làn da rất nhợt, gần như không màu. "Tóc" — thực ra là mãnh lực tuôn chảy — có màu vàng nhạt với ánh vàng lấp lánh. Hào quang quét xuống theo những đường cong tuôn chảy, mở rộng khi giáng xuống thành những dải sắc thái rất dịu của xanh lá non, hồng, vàng và xanh lam thanh nhã. Một phần ba phía dưới của hào quang đầy vô số điểm ánh sáng vàng. Tất cả đều chuyển động nhanh và càng về phía "gấu" của chiếc áo hào quang đáng yêu này thì càng trở nên nhiều hơn. Toàn bộ hình tướng và hào quang của Thượng đế — hay Nữ Thượng đế — rực sáng với ánh vàng chói lọi.

These lesser Gods of gold are curiously impassive. Occasionally those near the surface of the veldt move slowly in a chainlike interweaving, as of a movement in some stately dance. At the same time they maintain a graceful motion of the arms, as in the hand-sowing of seed. , Apparently oblivious of

Những Thượng đế nhỏ hơn của vàng này có vẻ thản nhiên một cách kỳ lạ. Thỉnh thoảng những vị ở gần bề mặt đồng cỏ chuyển động chậm rãi trong một sự đan xen như dây xích, tựa như một chuyển động trong điệu múa trang nghiêm nào đó. Đồng thời, Các Ngài duy trì một chuyển động duyên dáng của cánh tay,

externals, they use their minds to impart to the "descending" triple stream of gold power, life and consciousness an additional force and individuality. Even if the attention of one of them is caught and held, it sees one but dimly as if through a gold mist and makes no effort to respond.

giống như động tác gieo hạt bằng tay. Dường như không để ý đến những gì bên ngoài, Các Ngài dùng trí tuệ của mình để truyền cho dòng tam phân "giáng xuống" của quyền năng, sự sống và tâm thức vàng một mãnh lực và tính cá thể bổ sung. Ngay cả nếu sự chú ý của một vị trong Các Ngài bị thu hút và giữ lại, vị ấy chỉ thấy người ta lờ mờ như qua một màn sương vàng và không cố gắng đáp ứng.

Various types of nature spirits are down in the depths, often a mile below. Some have weird, satyr-like bodies— etheric relics of Nature's unaided efforts to build forms in earlier cycles—with long, thin, pointed faces and nude, swart bodies of human shape, save that the legs and feet of subterranean rock. They appear to be manipulating earth forces, using tremendous will-power in the process, as if they were hammering and welding the descending energies into homogeneity and solidarity. This work is, however, not manual but the result of instinctively exerted will. They seem to gain great satisfaction from this activity, to experience a feeling of mastery over powerful forces which gives them the impulse to sustain their concentration.

Nhiều loại tinh linh tự nhiên khác nhau ở dưới sâu, thường cách bên dưới một dặm. Một số có những thể kỳ dị, giống thần rừng — các di tích dĩ thái của những nỗ lực không được trợ giúp của Tự Nhiên nhằm xây dựng hình tướng trong các chu kỳ trước — với gương mặt dài, mảnh, nhọn và thân thể trần, sẫm màu, có hình dáng con người, ngoại trừ chân và bàn chân của đá ngầm. Chúng dường như đang thao tác các mãnh lực đất, sử dụng ý chí lực phi thường trong tiến trình ấy, như thể chúng đang rèn và hàn các năng lượng đang giáng xuống thành tính đồng nhất và tính rắn chắc. Tuy nhiên, công việc này không phải là thủ công mà là kết quả của ý chí được vận dụng theo bản năng. Chúng dường như đạt được sự thỏa mãn lớn từ hoạt động này, trải nghiệm một cảm giác làm chủ đối với các mãnh lực hùng mạnh, điều đem lại cho chúng xung lực duy trì sự tập trung.

The gold appears amongst the rock like tiny beads, whilst the smallest gold nature spirits moving around and within them resemble minute bacteria of spiral form, in colour glowing gold. At the etheric level, myriads of them are "swimming" about in the descending stream where the deposits occur. The whole gives the impression of a vast laboratory with innumerable workers, in which elements are continually being formed and over which a Mastermind presides.

Vàng xuất hiện giữa đá như những hạt nhỏ li ti, trong khi những tinh linh tự nhiên nhỏ nhất của vàng di chuyển quanh và bên trong chúng giống như vi khuẩn cực nhỏ có hình xoắn ốc, màu vàng rực. Ở cấp độ dĩ thái, vô số chúng đang "bơi" trong dòng đang giáng xuống nơi các mỏ tích tụ xuất hiện. Toàn thể tạo ấn tượng về một phòng thí nghiệm rộng lớn với vô số người hoạt động, trong đó các nguyên tố liên tục được hình thành và trên đó có một Trí Chủ quản chủ trì.

The Gods and nature spirits of gold do not appear to resent the mining. They are utterly impersonal and wherever the gold is taken

Các Thượng đế và tinh linh tự nhiên của vàng dường như không phẫn nộ việc khai mỏ. Họ hoàn toàn vô ngã và bất cứ nơi nào vàng được

they are in contact with the life within it. Similarly the rock gnomes do not resent rocks being broken up. On the contrary, explosions and drilling stimulate them and they revel in the display of power, not caring that the rock is shattered. Indeed, they are less aware of the solid rock than of the force compressed within it. They can see the boring tools but are not normally aware of men, being so remote in terms of frequency from man that they are almost blind to human existence. They regard their own participation somewhat as a great game which they enjoy because it stimulates them to added awareness and increased activity.

đem tới, họ vẫn tiếp xúc với sự sống bên trong nó. Tương tự, các gnome đá không phẫn nộ việc đá bị phá vỡ. Trái lại, các vụ nổ và việc khoan kích thích chúng, và chúng say mê sự biểu lộ quyền năng, không bận tâm rằng đá bị vỡ tan. Thật vậy, chúng ít ý thức về khối đá rắn hơn là về mãnh lực bị nén bên trong nó. Chúng có thể thấy các dụng cụ khoan nhưng thông thường không ý thức về con người, vì chúng quá xa con người xét theo tần số đến nỗi gần như mù đối với sự hiện hữu của nhân loại. Chúng xem sự tham gia của chính mình phần nào như một trò chơi lớn mà chúng vui thích vì nó kích thích chúng đến sự nhận biết thêm và hoạt động gia tăng.

CREATION IN THE PLANT KINGDOM – SÁNG TẠO TRONG GIỚI THỰC VẬT

As far as my observations go, similar creative processes occur in the organic kingdoms of Nature. The problems connected with organic life are profound and, as when referring to the formation of minerals, I do not presume to offer final solutions of them. It is admitted that chemical characteristics alone do not constitute living, organic material. Life is presumed to be present, but it has up to now eluded scientific research. The various processes of biological organisation leading to the development of form, such as progression from a fertilised egg to the adult plant or animal, are as yet a profound enigma.

Theo như các quan sát của tôi, những tiến trình sáng tạo tương tự xảy ra trong các giới hữu cơ của Tự Nhiên. Các vấn đề liên hệ đến sự sống hữu cơ thật sâu xa và, cũng như khi đề cập đến sự hình thành khoáng vật, tôi không tự nhận đưa ra những lời giải cuối cùng cho chúng. Người ta thừa nhận rằng chỉ riêng các đặc tính hóa học không cấu thành vật liệu hữu cơ sống. Sự sống được giả định là hiện diện, nhưng cho đến nay nó vẫn lẩn tránh nghiên cứu khoa học. Các tiến trình khác nhau của tổ chức sinh học dẫn đến sự phát triển của hình tướng, như sự tiến triển từ một trứng đã thụ tinh thành cây hay động vật trưởng thành, cho đến nay vẫn là một bí ẩn sâu xa.

Some of the machinery of this progression has been discovered. Genes and chromosomes control development to some extent and step into the process at the right time and place, but the emergence of the form of a body from the fertilised seed appears to demand the operation of a designing and co-ordinating mind; for regulatory activity is shown in all types of biological organisation arising in a series of orderly steps from the mysterious substance known as protoplasm. The form of

Một phần bộ máy của sự tiến triển này đã được khám phá. Các gen và nhiễm sắc thể kiểm soát sự phát triển đến một mức nào đó và tham gia vào tiến trình đúng lúc, đúng chỗ, nhưng sự xuất hiện hình tướng của một thể từ hạt giống đã thụ tinh dường như đòi hỏi sự vận hành của một trí tuệ thiết kế và phối hợp; vì hoạt động điều hòa được thấy trong mọi loại tổ chức sinh học phát sinh qua một chuỗi các bước có trật tự từ chất liệu huyền bí được gọi là nguyên sinh chất. Hình tướng của thể được

the body is assumed to be immanent in the fertilised egg, but how that which is latent becomes objective is, as yet, unknown. Under the microscope, a section of a group of cells from which a plant or fruit will develop looks like a chaos of dividing cells. Nevertheless, each cell has its particular task in the combination and the whole organism is part of a patterned system.

giả định là nội tại trong trứng đã thụ tinh, nhưng bằng cách nào điều tiềm tàng trở thành khách quan thì cho đến nay vẫn chưa được biết. Dưới kính hiển vi, một lát cắt của một nhóm tế bào mà từ đó một cây hay quả sẽ phát triển trông giống như một hỗn mang các tế bào đang phân chia. Tuy nhiên, mỗi tế bào có nhiệm vụ đặc thù của nó trong tổ hợp, và toàn bộ cơ thể là một phần của một hệ thống có mô hình.

CELL GROWTH – SỰ TĂNG TRƯỞNG CỦA TẾ BÀO

A living cell is able to store up energy which leads to growth and the process of reproduction. Simple materials, unlike themselves but of the same atomic structure, are absorbed as food. Plant cells absorb carbon dioxide, for example, and under photo-synthesis can build up carbohydrates. A crystal, however, only grows in material which is the same as itself. The more evolved condition than in minerals of the indwelling life of plants is also indicated by the ability of living organisms to react to external stimuli, such as sunlight, and to display powers of self-preservation or maintenance of identity and integrity, and by observed behaviour.

Một tế bào sống có khả năng tích trữ năng lượng dẫn đến tăng trưởng và tiến trình sinh sản. Những vật liệu đơn giản, không giống chính nó nhưng có cùng cấu trúc nguyên tử, được hấp thụ làm thức ăn. Chẳng hạn, tế bào thực vật hấp thụ khí cacbonic và, dưới quang hợp, có thể xây dựng các carbohydrat. Tuy nhiên, một tinh thể chỉ lớn lên trong vật liệu giống như chính nó. Tình trạng tiến hoá hơn so với khoáng vật của sự sống nội tại trong thực vật cũng được chỉ ra bởi khả năng của các cơ thể sống trong việc phản ứng với các kích thích bên ngoài, như ánh sáng mặt trời, và biểu lộ các quyền năng tự bảo tồn hay duy trì bản sắc và tính toàn vẹn, cũng như bởi hành vi được quan sát.

The presence of this indwelling and evolving life is so far undetectable by science but not necessarily by the higher senses of man. It is, however, being regarded as a logical necessity in view of the behaviour of living matter. Whether this life essence universally distributed throughout space is called “cosmoszoa” or “panspermia”, under right conditions it plays its essential part in giving rise to living matter. In addition, the cell grows by the deposit of electrically-charged particles or ions. Charged molecules are deposited in correct balance so that perfect development may take place for the particular organism.

Sự hiện diện của sự sống nội tại và đang tiến hoá này cho đến nay khoa học chưa thể phát hiện, nhưng không nhất thiết là các giác quan cao hơn của con người cũng không thể phát hiện. Tuy nhiên, nó đang được xem là một tất yếu hợp lý xét theo hành vi của vật chất sống. Dù tinh chất sự sống này, được phân bố phổ quát khắp không gian, được gọi là “cosmoszoa” hay “panspermia”, dưới các điều kiện đúng đắn nó vẫn đóng vai trò thiết yếu trong việc làm phát sinh vật chất sống. Thêm vào đó, tế bào lớn lên nhờ sự lắng đọng của các hạt mang điện hay ion. Các phân tử mang điện được lắng đọng trong sự cân bằng đúng đắn để sự phát triển hoàn hảo có thể diễn ra cho cơ

thể đặc thù ấy.

GENES AND CHROMOSOMES – GEN VÀ NHIỄM SẮC THỂ

The processes of germination, cell division and specialisation according to types of structure to be built are thought to occur partly as a result of self-energising processes. Within the seed, minute bodies, called genes, transmit hereditary qualities. These contain an enzyme system and act as organisers which give birth to particular functions of the total form which is to grow. These processes are initiated as a result of adequate stimulation such as the union of the positive and the negative germ cell. This then starts to divide without an initial increase in size. Thereafter, different types of cells begin to evolve in order to produce different types of tissue. After a certain phase, an increase of substance from outside occurs and this is organised into types according to the structure and function of the organism-to-be. A shaping, formative agency produces changes in the energy relationships within the structure affecting the speed of division of the cells, the metabolic rate and the chemical constitution of individual types of cells. All this occurs according to the *Anlagen* (German, prototype) of organs which will later be formed.

Các tiến trình nảy mầm, phân chia tế bào và chuyên biệt hóa theo các loại cấu trúc cần được xây dựng được cho là xảy ra một phần do các tiến trình tự tiếp năng lượng. Bên trong hạt giống, những thể cực nhỏ, gọi là gen, truyền các phẩm tính di truyền. Chúng chứa một hệ enzym và hoạt động như các tác nhân tổ chức, sinh ra những chức năng đặc thù của toàn bộ hình tướng sẽ tăng trưởng. Các tiến trình này được khởi phát do sự kích thích đầy đủ, như sự hợp nhất của tế bào mầm dương và âm. Tế bào ấy sau đó bắt đầu phân chia mà ban đầu không tăng kích thước. Kế đó, các loại tế bào khác nhau bắt đầu tiến hoá nhằm tạo ra các loại mô khác nhau. Sau một giai đoạn nhất định, có sự gia tăng chất liệu từ bên ngoài và chất liệu này được tổ chức thành các loại theo cấu trúc và chức năng của cơ thể tương lai. Một tác nhân tạo hình, định hình, tạo ra các thay đổi trong những tương quan năng lượng bên trong cấu trúc, ảnh hưởng đến tốc độ phân chia của tế bào, mức chuyển hóa và cấu tạo hóa học của từng loại tế bào riêng biệt. Tất cả điều này xảy ra theo *Anlagen*, tiếng Đức nghĩa là nguyên mẫu, của các cơ quan sẽ được hình thành về sau.

REGENERATION – TÁI SINH

The processes of regeneration are as mysterious as those which bring about the original formation from protoplasm. A plant, for example, will regenerate roots if the shoot is cut oif. If a young animal embryo is divided into two cells and one of them is killed, the remaining one will develop into a whole animal. The head end of an earthworm which has been cut in two will grow a new tail and the giant sequoia will rebuild trunk tissue after having been burned almost to a shell. Both growth and regeneration are clearly

Các tiến trình tái sinh cũng huyền bí như những tiến trình đem lại sự hình thành ban đầu từ nguyên sinh chất. Chẳng hạn, một cây sẽ tái sinh rễ nếu chồi bị cắt đi. Nếu một phôi động vật non được chia thành hai tế bào và một trong hai bị giết, tế bào còn lại sẽ phát triển thành một con vật trọn vẹn. Đầu của một con giun đất bị cắt làm đôi sẽ mọc một cái đuôi mới, và cây tùng sequoia khổng lồ sẽ xây dựng lại mô thân cây sau khi đã bị cháy gần như chỉ còn vỏ. Cả sự tăng trưởng lẫn sự tái sinh rõ ràng đều xảy ra dưới sự kiểm soát theo một

occurring under control according to a characteristic design.

thiết kế đặc trưng.

The control consists, says Theosophy, of an indwelling, universal directing Intelligence containing, if not wholly consisting of, the thought of the universe and all it will ever produce, reproduce, generate and regenerate at all stages of growth and throughout every phase of evolutionary development. Progression according to pattern or organised assumption of characteristic forms, stage by stage, is produced or established as a function of protoplasm by the agency of an emitted, form-producing electrical potency, in some ways similar to that of sound. This form-producing energy, originally emitted at superphysical levels and frequencies by the Universal Mind as Emanator and Architect of the universe, is inherent and active within matter itself, and so within protoplasm, bestowing upon it its impulse and capacity progressively and timelessly to produce patterned cell changes to the end of the construction of cell-built types of tissue. As elsewhere described, embodiments of this Universal Mind, certain Hierarchies of Angelic Hosts, assist in these processes.

Thông Thiên Học nói rằng sự kiểm soát ấy gồm một Trí Tuệ chỉ đạo phổ quát nội tại, chứa đựng, nếu không hoàn toàn cấu thành bởi, tư tưởng của vũ trụ và tất cả những gì nó sẽ từng sản sinh, tái sản sinh, phát sinh và tái sinh ở mọi giai đoạn tăng trưởng và xuyên suốt mọi pha của sự phát triển tiến hoá. Sự tiến triển theo mô hình, hay sự đảm nhận có tổ chức các hình tướng đặc trưng, từng giai đoạn một, được tạo ra hoặc thiết lập như một chức năng của nguyên sinh chất nhờ tác động của một uy lực điện được phát ra, có khả năng tạo hình tướng, theo một vài cách tương tự như âm thanh. Năng lượng tạo hình tướng này, nguyên thuỷ được phát ra ở các cấp độ và tần số siêu hồng trần bởi Vũ Trụ Trí với tư cách Đấng Phát Xạ và Kiến Trúc Sư của vũ trụ, vốn cố hữu và hoạt động bên trong chính vật chất, và do đó bên trong nguyên sinh chất, ban cho nó xung lực và khả năng tạo ra một cách tiệm tiến và vượt thời gian những thay đổi tế bào có mô hình, nhằm mục đích xây dựng các loại mô được cấu thành bởi tế bào. Như đã mô tả ở nơi khác, các hiện thân của Vũ Trụ Trí này, một số Huyền Giai các Đạo Quân Thiên Thần, trợ giúp trong các tiến trình này.

Occult science thus teaches that nothing which exists is truly inanimate. Life is present in the mineral as in all other forms. Every seed, and especially every germ, is informed or ensouled by a vital energy which causes it to germinate and develop according to its species.

Khoa học huyền môn vì thế dạy rằng không có gì đang tồn tại thật sự là vô tri. Sự sống hiện diện trong khoáng vật cũng như trong mọi hình tướng khác. Mỗi hạt giống, và đặc biệt mỗi mầm, đều được thấm nhuần hay phú linh bởi một năng lượng sống động khiến nó nảy mầm và phát triển theo loài của nó.

THE CALL TO THE NATURE SPIRITS – TIẾNG GỌI ĐẾN CÁC TINH LINH TỰ NHIÊN

A living centre which contains the stored-up results of the previous season as a vibratory possibility is in the heart of every seed. The seasonal awakening or stirring to life in an appropriate soil produces a subtle equivalent to “sound”. This “sound” is then “heard” in the

Một trung tâm sống động chứa các kết quả tích lũy của mùa trước như một khả năng rung động nằm trong tâm của mỗi hạt giống. Sự thức tỉnh theo mùa hay sự khuấy động đi vào sự sống trong một loại đất thích hợp tạo ra một đối phần tinh vi của “âm thanh”. “Âm

elemental regions surrounding its source and the nature spirit builders answer the call. Every type of growth—stem, shoot, leaf and flower— has its own note or call, to which the appropriate builder responds. As sound itself has a form-producing effect, it is the means by which the archetypal form of the plant, latent in the seed and in the minds of a superior order of nature spirits, is projected to the etheric level as a patterned shape. Some of the results of this vibratory call from the seed are:

thanh" này sau đó được "nghe" trong các vùng hành khí bao quanh nguồn của nó, và các tinh linh tự nhiên kiến tạo đáp lại tiếng gọi. Mỗi loại tăng trưởng — thân, chồi, lá và hoa — đều có âm điệu hay tiếng gọi riêng, mà đấng kiến tạo thích hợp đáp ứng. Vì chính âm thanh có tác dụng tạo hình tướng, nên nó là phương tiện nhờ đó hình tướng nguyên mẫu của cây, tiềm tàng trong hạt giống và trong trí tuệ của một đẳng cấp tinh linh tự nhiên cao hơn, được phóng chiếu đến cấp độ dĩ thái như một hình dạng có mô hình. Một số kết quả của tiếng gọi rung động này từ hạt giống là:

1. To separate and insulate the atmosphere around the seed.

1. Tách biệt và cách ly bầu khí quyển quanh hạt giống.

2 .To set the matter within the insulated space vibrating at the required rate, and to specialise it in readiness for the work of the nature spirit builders.

2. Làm cho vật chất bên trong không gian được cách ly rung động ở nhịp độ cần thiết, và chuyên biệt hóa nó để sẵn sàng cho công việc của các tinh linh tự nhiên kiến tạo.

3. To call the builders who, entering the specialisedsphere, are then able to materialise themselves down to the level at which they have to work.

3. Kêu gọi các đấng kiến tạo, những vị sau khi đi vào khối cầu đã được chuyên biệt hóa thì có thể hiện hình xuống đến cấp độ nơi họ phải làm việc.

4. To assist in shaping an etheric pattern or mouldof the plant as a guide or a ground-plan, ready for the builders.

4. Trợ giúp việc định hình một mô hình hay khuôn dĩ thái của cây như một chỉ dẫn hoặc bản đồ nền, sẵn sàng cho các đấng kiến tạo.

Different vibrational "cells" arise, as stem, shoot, leaf and flower have in turn to be built and the corresponding builders then arrive to work at their own appropriate task.

Các "tế bào" rung động khác nhau phát sinh, khi thân, chồi, lá và hoa lần lượt phải được xây dựng, và các đấng kiến tạo tương ứng khi đó đến để làm công việc thích hợp riêng của họ.

The subtle sound appears to radiate not only from the life centre of the seed, but also from every embryo cell as each develops. The builder concerned with that cell absorbs the material required—that which responds to the same vibration as itself and the cell it is building—and transforms it by changing it from free to specialised material. This substance then passes to the cell from which the sound is uttered and is built into the etheric pattern. The cell is thus gradually

Âm thanh tinh vi dường như tỏa ra không chỉ từ trung tâm sự sống của hạt giống, mà còn từ mỗi tế bào phôi khi từng tế bào phát triển. Đấng kiến tạo liên quan đến tế bào ấy hấp thụ vật liệu cần thiết — tức vật liệu đáp ứng với cùng rung động như chính mình và như tế bào mà y đang xây dựng — và chuyển đổi nó bằng cách biến nó từ vật liệu tự do thành vật liệu chuyên biệt hóa. Chất liệu này sau đó chuyển đến tế bào phát ra âm thanh và được xây dựng vào mô hình dĩ thái. Tế bào nhờ vậy

nourished and enlarged till it reaches its proper limit, when it divides and the process is repeated. While the material is in close association with the builder it is not only specialised to suit the growing cell; it is also coloured by the vibratory rate of the tiny nature spirit concerned.

dần dần được nuôi dưỡng và mở rộng cho đến khi đạt giới hạn thích hợp của nó, khi đó nó phân chia và tiến trình được lặp lại. Trong khi vật liệu ở trong sự liên kết mật thiết với đấng kiến tạo, nó không chỉ được chuyên biệt hóa cho phù hợp với tế bào đang tăng trưởng; nó còn được nhuộm màu bởi nhịp độ rung động của tinh linh tự nhiên bé nhỏ liên quan.

When examining bulbs growing in bowls, I have seen large numbers of these microscopic, etheric creatures moving in and around the growing plants. They are visible at the etheric level as points of light playing around the stem and passing in and out of the bulb. They absorb matter from the surrounding atmosphere, which they deposit on re-entering the tissues, and this process goes on continuously until the plant is full-grown. The creatures are entirely self-absorbed and sufficiently self-conscious to experience a dim sense of well-being and even of affection for the plant. When outside of it and absorbing matter, they become enlarged and look like pale violet and lilac-coloured spheres about two inches in diameter. Having expanded to the largest size of which they are capable they return and, as stated above, reenter the plant, into which they discharge the matter and vital force which they have absorbed.

Khi quan sát các củ đang mọc trong chậu, tôi đã thấy số lượng lớn những sinh vật dĩ thái vi mô này chuyển động trong và quanh các cây đang lớn. Chúng có thể thấy được ở cấp độ dĩ thái như những điểm sáng vui đùa quanh thân và đi vào, đi ra khỏi củ. Chúng hấp thụ vật chất từ bầu khí quyển xung quanh, rồi lắng đọng vật chất ấy khi tái nhập vào các mô, và tiến trình này tiếp tục liên tục cho đến khi cây trưởng thành hoàn toàn. Các sinh vật này hoàn toàn tự hấp thu và đủ ngã thức để trải nghiệm một cảm giác an lạc mờ nhạt, thậm chí cả tình cảm đối với cây. Khi ở bên ngoài cây và hấp thụ vật chất, chúng trở nên lớn hơn và trông giống như những khối cầu màu tím nhạt và màu hoa cà, đường kính khoảng hai inch. Sau khi đã mở rộng đến kích thước lớn nhất mà chúng có khả năng đạt tới, chúng quay trở lại và, như đã nói ở trên, tái nhập vào cây, nơi chúng xả vào đó vật chất và sinh lực mà chúng đã hấp thụ.

In addition to this, the plants themselves can be seen to take in directly a certain amount of substance from the atmosphere. There is also a natural outflow of vital energy from the half-grown plants to about two feet above and all around them and in this other tiny creatures play and dance. The nature spirit builders do not confine their work to one plant or even to one bowl; for when bowls are near each other, they flit about from one to the other. The bulbs themselves give the impression of being small power houses, each charged with potent forces. The etheric colour of the bulb when growing is pinkish-violet,

Ngoài điều này, có thể thấy bản thân cây trực tiếp hấp thụ một lượng chất liệu nhất định từ bầu khí quyển. Cũng có một dòng chảy tự nhiên của năng lượng sống động từ những cây đã lớn nửa chừng lên khoảng hai bộ phía trên và quanh khắp chúng, và trong dòng này những sinh vật nhỏ bé khác vui đùa và nhảy múa. Các tinh linh tự nhiên kiến tạo không giới hạn công việc của mình trong một cây hay thậm chí trong một chậu; vì khi các chậu ở gần nhau, chúng bay lượn từ chậu này sang chậu khác. Bản thân các củ tạo ấn tượng như những nhà máy năng lượng nhỏ, mỗi củ được nạp đầy các mãnh lực mạnh mẽ. Màu dĩ thái

with an intenser light in the centre, from which rises an upward-flowing etheric stream, carrying with it, at a slower pace, both physical moisture and nutriment.

Each change in structure and colour calls for another group of builders and when the bulb begins to be formed, an appropriate order of nature spirits arrives on the scene. When the flower itself begins to be built, the fairies proper appear, and they are responsible for all the colouring and the structure of the bloom. Flower fairies are sufficiently aware of their special work to take a keen pleasure in its performance. They remain in close attendance as each bud and petal develops and appear to be appreciative of human admiration of the results of their labours. When flowers are cut, the fairy builders may accompany the blooms and stay with them for some hours. By the time the bloom is fully out, the creative chord or "Word" of the plant is fully sounding forth. All the appropriate nature spirits are then present and at work.

Similarly, everywhere throughout Nature, all substances and all forms owe their existence to the ever-uttered, creative "Word" and to the activity of the nature spirits and the Gods. When we look upon Nature's varied forms, her metals and jewels, her flowers, trees and forests, her rivers, lakes and falls, her oceans, her hills and mountain ranges, we are gazing indeed not only upon the materialised auras of the Gods but, if with all reverence one may say so, upon God Himself. For Nature is but God revealed, God's dream made manifest by the continued utterance of His "Word", the chant of His mighty Name, and the ceaseless constructive and beautifying ministry of the greater and lesser Gods. By these, and doubtless by many other means, He brings into existence all beings and all things and sustains them by the perpetual sacrificial

của củ khi đang mọc là tím hồng, với một ánh sáng mạnh hơn ở trung tâm, từ đó dâng lên một dòng dĩ thái chảy lên, mang theo cùng với nó, với nhịp chậm hơn, cả độ ẩm hồng trần lẫn dưỡng chất.

Mỗi thay đổi về cấu trúc và màu sắc đều kêu gọi một nhóm đấng kiến tạo khác, và khi củ bắt đầu được hình thành, một đẳng cấp tinh linh tự nhiên thích hợp xuất hiện tại hiện trường. Khi chính bông hoa bắt đầu được xây dựng, các tiên hoa đúng nghĩa xuất hiện, và họ chịu trách nhiệm về toàn bộ màu sắc và cấu trúc của đóa hoa. Các tiên hoa đủ ý thức về công việc đặc biệt của họ để có được niềm vui sâu sắc trong việc thực hiện nó. Họ ở lại chăm chú gần bên khi mỗi nụ và cánh hoa phát triển, và dường như biết thưởng thức sự ngưỡng mộ của con người đối với kết quả lao nhọc của họ. Khi hoa bị cắt, các tiên kiến tạo có thể đi theo các đóa hoa và ở lại với chúng trong vài giờ. Khi đóa hoa nở trọn vẹn, hợp âm sáng tạo hay "Linh từ" của cây vang lên trọn vẹn. Khi ấy, tất cả các tinh linh tự nhiên thích hợp đều hiện diện và đang làm việc.

Tương tự, khắp nơi trong Tự Nhiên, mọi chất liệu và mọi hình tướng đều có sự hiện hữu của mình nhờ "Linh từ" sáng tạo được xướng mãi mãi và nhờ hoạt động của các tinh linh tự nhiên và các Thượng đế. Khi chúng ta nhìn vào những hình tướng đa dạng của Tự Nhiên, kim loại và đá quý của bà, hoa, cây và rừng của bà, sông, hồ và thác của bà, đại dương của bà, đồi núi và dãy núi của bà, quả thật chúng ta đang chiêm ngưỡng không chỉ các hào quang đã hiện hình của các Thượng đế mà, nếu có thể nói với tất cả lòng tôn kính, còn là chính Thượng đế. Vì Tự Nhiên chỉ là Thượng đế được mặc khải, giấc mộng của Thượng đế được biểu hiện nhờ việc xướng liên tục "Linh từ" của Ngài, bài tụng Danh Vĩ Đại của Ngài, và sự phụng sự kiến tạo và làm đẹp không ngừng của các Thượng đế lớn hơn và nhỏ hơn. Bằng những phương tiện này, và chắc chắn bằng

outpouring of His Life.

nhiều phương tiện khác nữa, Ngài đưa mọi sinh linh và mọi sự vật vào hiện hữu và duy trì chúng bằng sự tuôn đổ hy sinh vĩnh viễn của Sự Sống Ngài.

CHAPTER IV MAN THE MICROCOSM – CHƯƠNG IV CON NGƯỜI, TIỂU THIÊN ĐỊA

"THE UNIVERSE IS A MAN ON A LARGE SCALE" – "VŨ TRỤ LÀ MỘT CON NGƯỜI Ở QUY MÔ LỚN"

WE may now proceed to study these form-building processes as they are carried out by angels and nature spirits in the construction of the physical, etheric and superphysical bodies of man. In both Nature and man the creative forces, agents and methods are, in general, very much the same. Perhaps the most profound of all the profound truths contained within the esoteric teachings are those of the unity of the Macrocosm or "Great Man" with the microcosm or individual man, and of the close similarity between the processes by which both become manifest and evolve. Man, in very truth, was created in the image of God. "The mystery of the earthly and mortal man is after the mystery of the supernal and immortal One." The universe is the manifestation of a Supreme, Deific Power, a ray of which is present in every man. Realisation of this presence as the true human individuality, the real Self, behind the bodily veil leads to the further realisation that this Dweller in the Innermost is itself forever at one with the Supreme Lord, the eternal Source of light and life and power.

Bây giờ chúng ta có thể tiến hành nghiên cứu những tiến trình xây dựng hình tướng này khi chúng được các thiên thần và tinh linh tự nhiên thực hiện trong việc kiến tạo các thể hồng trần, dĩ thái và siêu hồng trần của con người. Trong cả Tự Nhiên lẫn con người, các mãnh lực, tác nhân và phương pháp sáng tạo nói chung rất giống nhau. Có lẽ sâu xa nhất trong tất cả các chân lý sâu xa chứa trong các giáo huấn huyền bí là những chân lý về sự hợp nhất của Đại thiên địa hay "Đại Nhân" với tiểu thiên địa hay con người cá biệt, và về sự tương đồng mật thiết giữa các tiến trình nhờ đó cả hai trở nên biểu hiện và tiến hoá. Con người, trong chân lý thực sự, đã được tạo ra theo hình ảnh của Thượng đế. "Bí nhiệm của con người trần thế và hữu tử theo sau bí nhiệm của Đấng thiên thượng và bất tử." Vũ trụ là sự biểu hiện của một Quyền Năng Tối Cao, Thần Tính, mà một cung của Quyền Năng ấy hiện diện trong mỗi con người. Sự chứng nghiệm hiện diện này như cá thể tính nhân loại chân thật, Bản Ngã thật, đằng sau bức màn thân thể, dẫn đến sự chứng nghiệm xa hơn rằng Kẻ Ngự Trong Nơi Sâu Thẳm Nhất này tự nó mãi mãi hợp nhất với Chúa Tể Tối Cao, Nguồn vĩnh cửu của ánh sáng, sự sống và quyền năng.

H. P. Blavatsky refers to this unity and similarity in her monumental work, *The Secret Doctrine* :

Bà H. P. Blavatsky đề cập đến sự hợp nhất và tương đồng này trong tác phẩm đồ sộ của bà, *Giáo Lý Bí Nhiệm*:

"To the learner who would study the Esoteric Sciences with their double object: (a) of proving Man to be identical in spiritual and

"Đối với người học muốn nghiên cứu các Khoa Học Huyền Bí với mục tiêu kép của chúng: (a) chứng minh rằng Con Người đồng nhất về

physical essence with both the Absolute Principle and with God in Nature; and (6) of demonstrating the presence in him of the same potential powers as exist in the creative forces in Nature—to such a one a perfect knowledge of the correspondences between Colours, Sounds, and Numbers is the first requisite. ... It is on the thorough knowledge and comprehension of the meaning and potency of these numbers, in their various and multiform combinations, and in their mutual correspondence with sounds or words, and colours or rates of motion (represented in physical science by vibrations), that the progress of a student in Occultism depends."

tinh chất tinh thần và hồng trần với cả Nguyên Khí Tuyệt Đối lẫn với Thượng đế trong Tự Nhiên; và (b) chứng minh sự hiện diện trong y của cùng những quyền năng tiềm tàng như đang tồn tại trong các mãnh lực sáng tạo trong Tự Nhiên — đối với người như thế, tri thức hoàn hảo về các tương ứng giữa Màu Sắc, Âm Thanh và Con Số là điều kiện tiên quyết đầu tiên.... Chính trên tri thức và sự lĩnh hội thấu đáo về ý nghĩa và uy lực của các con số này, trong những tổ hợp khác nhau và đa dạng của chúng, và trong sự tương ứng hỗ tương của chúng với âm thanh hay từ ngữ, và màu sắc hay các nhịp độ chuyển động, được biểu thị trong khoa học hồng trần bằng các rung động, mà sự tiến bộ của một đạo sinh trong Huyền bí học tùy thuộc."

"These seven senses of ours correspond with every other septenate in Nature and in ourselves. Physically, though invisibly, the human Auric Envelope (the amnion of the physical man in every age of Life) has seven layers, just as Cosmic Space and our physical epidermis have. It is this Aura which, according to our mental and physical state of purity or impurity, either opens for us vistas into other worlds, or shuts us out altogether from anything but this three-dimensional world of Matter.

"Bảy giác quan này của chúng ta tương ứng với mọi bộ bảy khác trong Tự Nhiên và trong chính chúng ta. Về mặt hồng trần, dù vô hình, Bao Hào Quang của con người, tức màng ối của con người hồng trần trong mọi thời kỳ của Sự Sống, có bảy lớp, cũng như Không Gian Vũ Trụ và lớp biểu bì hồng trần của chúng ta có vậy. Chính Hào Quang này, tùy theo trạng thái trí tuệ và hồng trần của chúng ta về sự thanh khiết hay bất tịnh, hoặc mở ra cho chúng ta những viễn cảnh vào các thế giới khác, hoặc hoàn toàn đóng chúng ta lại trước bất cứ điều gì ngoài thế giới Vật Chất ba chiều này.

"Each of our seven physical senses (two of which are still unknown to profane Science), and also of our seven states of consciousness—viz.: (1) waking; (2) waking-dreaming; (3) natural sleeping; (4) induced or trance sleep; (5) psychic; (6) super-psychic; and (7) purely spiritual^-corresponds with one of the seven Cosmic Planes, develops and uses one of the seven super-senses, and is connected directly, in its use on the terrestro-spiritual plane, with the cosmic and divine centre of force that gave it birth, and which is

"Mỗi giác quan hồng trần trong bảy giác quan của chúng ta, trong đó hai giác quan vẫn còn chưa được Khoa Học phàm tục biết đến, và cả bảy trạng thái tâm thức của chúng ta — tức là: (1) thức; (2) thức-mộng; (3) ngủ tự nhiên; (4) ngủ do cảm ứng hay xuất thần; (5) thông linh; (6) siêu thông linh; và (7) thuần tinh thần — tương ứng với một trong bảy Cõi Vũ Trụ, phát triển và sử dụng một trong bảy siêu giác quan, và được nối kết trực tiếp, trong việc sử dụng nó trên cõi trần-tinh thần, với trung tâm mãnh lực vũ trụ và thiêng liêng đã sinh ra nó,

its direct creator. Each is also connected with, and under the direct influence of, one of the seven sacred Planets."

và vốn là đấng sáng tạo trực tiếp của nó. Mỗi giác quan cũng được nối kết với, và ở dưới ảnh hưởng trực tiếp của, một trong bảy Hành Tinh thiêng liêng."

Thus the Logos and man are not only one in essence but all that is in the Logos, which includes the Solar System, is innate in man. Their constitution is precisely similar, that is to say sevenfold. Man as Monad is also immanent within and transcendent beyond his field of manifestation, his seven principles. The creative power and processes by which a Solar System comes into being also operate in human procreation and subsequent bodily development. Significant, therefore, is the statement that "the proper study of mankind is man". The injunction of the Mystery Schools of old, "Man know thyself", was wise; for when man truly knows himself, he knows all.

Như vậy, Thượng đế và con người không chỉ là một về tinh chất, mà tất cả những gì ở trong Thượng đế, bao gồm hệ mặt trời, đều bẩm sinh trong con người. Cấu tạo của hai bên giống nhau chính xác, nghĩa là thất phân. Con người với tư cách chân thần cũng nội tại bên trong và siêu việt vượt ngoài lĩnh vực biểu hiện của mình, tức bảy nguyên khí của y. Quyền năng và các tiến trình sáng tạo nhờ đó một hệ mặt trời đi vào hiện hữu cũng vận hành trong sự sinh sản của con người và sự phát triển thân thể về sau. Vì vậy, phát biểu rằng "đối tượng nghiên cứu thích đáng của nhân loại là con người" thật có thâm nghĩa. Huấn thị của các Trường Bí Nhiệm xưa, "Hỡi con người, hãy biết chính mình", là khôn ngoan; vì khi con người thật sự biết chính mình, y biết tất cả.

MICROCOSMIC CREATION – SÁNG TẠO TIỂU THIÊN ĐỊA

In partial exposition of these great truths, in this Chapter the descent of the human Ego into incarnation is considered and certain elairvoyantly observed processes of pre-natal life, in which angels participate, are described. Before this subject can be adequately presented, however, it is necessary to advance certain Theosophical teachings concerning the superphysical and spiritual nature of man.

Nhằm trình bày phần nào những chân lý vĩ đại này, trong Chương này sẽ xem xét sự giáng xuống của Chân ngã con người vào lâm phàm, và mô tả một số tiến trình của đời sống tiền sinh được quan sát bằng thông nhãn, trong đó các thiên thần tham dự. Tuy nhiên, trước khi chủ đề này có thể được trình bày đầy đủ, cần nêu ra một số giáo huấn Thông Thiên Học liên quan đến bản chất siêu hồng trần và tinh thần của con người.

Man is described as that being in whom highest spirit and lowest matter are united by intellect. Although this makes of him a triplicity, his constitution is said to be at least sevenfold. At the present stage of human evolution, the seven bodies or principles of man, beginning with the most dense, are stated to be the physical body, vehicle of thought, feeling, awareness, and action in the physical world; the etheric double, the

Con người được mô tả là sinh linh trong đó tinh thần cao nhất và vật chất thấp nhất được hợp nhất bởi trí năng. Dù điều này khiến y thành một bộ ba, cấu tạo của y được nói là ít nhất thất phân. Ở giai đoạn hiện tại của sự tiến hoá nhân loại, bảy thể hay nguyên khí của con người, bắt đầu với thể đậm đặc nhất, được nêu là thể xác, vận cụ của tư tưởng, cảm xúc, sự nhận biết và hành động trong thế giới hồng trần; bản sao dĩ thái, mắt xích nối kết giữa con

connecting link between the inner and the outer man and the container of the vital energy or *prana* received physically from the sun and superphysically from the spiritual sun; the emotional or astral body, vehicle of desire; the mental body, vehicle of the formal mind and instrument of concrete thought; the higher mental or Causal Body, vehicle at the level of abstract mind of the threefold Spiritual Self, called by the Greeks the Augoeides and frequently referred to as the Ego; the Buddhic Body, vehicle of spiritual intuitiveness ; and the Atmic Body, vehicle of the spiritual will. Overshadowing and empowering the whole sevenfold man is the Dweller in the Innermost, the Monad or Divine Spark.

người bên trong và con người bên ngoài, đồng thời là bình chứa năng lượng sống động hay *prana* được tiếp nhận về mặt hồng trần từ mặt trời và về mặt siêu hồng trần từ mặt trời tinh thần; thể cảm xúc hay thể cảm dục, vận cụ của dục vọng; thể trí, vận cụ của trí tuệ hình thức và khí cụ của tư tưởng cụ thể; thể thượng trí hay thể nguyên nhân, vận cụ ở cấp độ trí trừu tượng của Bản Ngã Tinh Thần tam phân, được người Hy Lạp gọi là Augoeides và thường được gọi là Chân ngã; Thể Bồ đề, vận cụ của trực giác tinh thần; và Thể Atma, vận cụ của ý chí tinh thần. Phủ bóng và ban quyền năng cho toàn bộ con người thất phân là Kẻ Ngự Trong Nơi Sâu Thẳm Nhất, chân thần hay Tia Lửa Thiêng Liêng.

As the Macrocosmic creative process begins with the "Word", so the microcosmic creation of the mental, astral and, later, the etheric and physical bodies of man is initiated by the utterance of the Egoic "Word". At or near the time of conception, the physical permanent atom of the Ego about to incarnate is attached by an angel to the twin cell then formed. The permanent or seed atoms are single, ultimate atoms of the planes of will, wisdom, abstract intelligence, formal thought, emotion and physical matter. At the beginning of the descent of the Monadic Ray into the evolutionary field they are attached to this life-thread or Ray of the Monad, which is thus represented on the third, fourth, fifth (that of both abstract and concrete thought), sixth and seventh planes of Nature, counting from above. The Monad itself is situated on the second plane and obtains communication with the planes below through its life-thread on which the atoms are thus strung.

Cũng như tiến trình sáng tạo Đại thiên địa bắt đầu với "Linh từ", sự sáng tạo tiểu thiên địa của các thể trí, thể cảm dục và, về sau, thể dĩ thái và thể xác của con người được khởi phát bởi việc xướng "Linh từ" chân ngã. Vào hoặc gần thời điểm thụ thai, nguyên tử trường tồn hồng trần của Chân ngã sắp lâm phàm được một thiên thần gắn vào tế bào đôi vừa hình thành. Các nguyên tử trường tồn hay nguyên tử hạt giống là những nguyên tử đơn nhất, tối hậu của các cõi ý chí, minh triết, trí tuệ trừu tượng, tư tưởng hình thức, cảm xúc và vật chất hồng trần. Vào lúc bắt đầu sự giáng xuống của Cung Chân Thần vào lĩnh vực tiến hoá, chúng được gắn vào sinh mệnh tuyến này hay Cung của chân thần, nhờ đó được đại diện trên các cõi thứ ba, thứ tư, thứ năm, tức cõi của cả tư tưởng trừu tượng và cụ thể, thứ sáu và thứ bảy của Tự Nhiên, tính từ trên xuống. Bản thân chân thần tọa lạc trên cõi thứ hai và đạt được sự thông giao với các cõi bên dưới qua sinh mệnh tuyến của nó, trên đó các nguyên tử được xâu lại như vậy.

At the opening of each cycle of rebirth, the microcosmic Word-force or Egoic power, life and consciousness descends down the thread

Khi mở đầu mỗi chu kỳ tái sinh, mãnh lực Linh từ tiểu thiên địa hay quyền năng, sự sống và tâm thức chân ngã giáng xuống theo sợi

of life connecting the Causal Body with the mental, astral and physical permanent or seed atoms. This triple stream of creative energy vibrates on frequencies expressive of the Egoic Ray or Monadic classification, the evolutionary standing, the qualities of character and consciousness already developed and the *karma*, both happy and unhappy in its outworking. All these are represented as "sounds" in the chord of the Egoic "Word" and modify greatly the parental characteristics transmitted via the mental and astral bodies and the ovum and spermatozoon. This creative power originates microcosmically in the Monad or the one indivisible Self of man, the integral spark within the Parent flame, by which the "Word" is primarily uttered. This Monadic "Word" is in its turn a chord in the Macrocosmic *verbum.*

dây sự sống nối thể nguyên nhân với các nguyên tử trường tồn hay nguyên tử hạt giống trí tuệ, cảm dục và hồng trần. Dòng tam phân năng lượng sáng tạo này rung động trên các tần số biểu lộ Cung chân ngã hay sự phân loại chân thần, địa vị tiến hoá, những phẩm tính của tính cách và tâm thức đã được phát triển, và *nghiệp quả*, cả hạnh phúc lẫn bất hạnh trong sự vận hành của nó. Tất cả những điều này được biểu thị như các "âm thanh" trong hợp âm của "Linh từ" chân ngã và biến đổi rất lớn các đặc tính cha mẹ được truyền qua các thể trí và thể cảm dục, cùng trứng và tinh trùng. Quyền năng sáng tạo này có nguồn gốc tiểu thiên địa trong chân thần hay Bản Ngã bất khả phân duy nhất của con người, tia lửa toàn vẹn trong Ngọn lửa Cha Mẹ, nhờ đó "Linh từ" được xướng lên trước tiên. Đến lượt nó, "Linh từ" chân thần này là một hợp âm trong *verbum* Đại thiên địa.

The Causal or Egorc Body, the permanent vehicle of the Spiritual Self of man, the Augoeides, may be thought of as the microcosmic Archetype; it is the vehicle for and expression of Monadic creative power, tuned or coloured, as stated above, by the products of past experience, both on its own plane and through successive personalities. Thus is constituted the "Word" which the Ego in the Causal Body, as microcosm, utters creatively to initiate a new descent into incarnation.

Thể Nguyên nhân hay Thể Chân ngã, vận cụ trường tồn của Bản Ngã Tinh Thần của con người, Augoeides, có thể được nghĩ là Nguyên mẫu tiểu thiên địa; nó là vận cụ cho quyền năng sáng tạo chân thần và là sự biểu lộ của quyền năng ấy, được hòa âm hay nhuộm màu, như đã nói ở trên, bởi các sản phẩm của kinh nghiệm quá khứ, cả trên cõi riêng của nó lẫn qua các phàm ngã kế tiếp. Như vậy được cấu thành "Linh từ" mà Chân ngã trong thể nguyên nhân, với tư cách tiểu thiên địa, xướng lên một cách sáng tạo để khởi đầu một cuộc giáng xuống mới vào lâm phàm.

The permanent atom on each plane, awakened from the relatively static condition of inter-incarnation periods, then becomes the focus for, and the transmitter on that plane of, the relayed Word-force. As centres of the magnetic fields they then set up, the permanent atoms attract the type of matter which is capable of response to the emitted wave lengths. This is especially the case as regards the preponderance of one or other of

Nguyên tử trường tồn trên mỗi cõi, được đánh thức khỏi tình trạng tương đối tĩnh tại của các thời kỳ giữa những lần lâm phàm, bấy giờ trở thành tiêu điểm cho mãnh lực Linh từ được chuyển tiếp, và là tác nhân truyền dẫn mãnh lực ấy trên cõi đó. Với tư cách các trung tâm của những từ trường mà chúng bấy giờ thiết lập, các nguyên tử trường tồn thu hút loại vật chất có khả năng đáp ứng với các bước sóng được phát ra. Điều này đặc biệt đúng đối với sự

the primary Rays in Monad and Ego and of the three corresponding *gunas* in matter. Thus, in the very substance of which bodies are built, as also in every other particular, perfect justice is automatically meted out to every individual as regards the mental, emotional and physical equipment with which life's journey is begun.

trội hơn của cung căn bản này hay cung căn bản kia trong chân thần và Chân ngã, và của ba *guna* tương ứng trong vật chất. Như vậy, trong chính chất liệu mà các thể được xây dựng, cũng như trong mọi chi tiết khác, công lý hoàn hảo tự động được phân phối cho mỗi cá nhân xét về trang bị trí tuệ, cảm xúc và hồng trần mà với nó hành trình đời sống được bắt đầu.

HOW MAN'S BODIES ARE BUILT – CÁC THỂ CỦA CON NGƯỜI ĐƯỢC XÂY DỰNG NHƯ THẾ NÀO

This stage immediately following conception may perhaps be compared to that in Macrocosmic processes at which the "Word" has produced the Archetype, and through that the magnetic centres with their fields, within and round which the planets will later be formed. The principles governing the formation of the mental, astral and physical bodies are the same at the three levels, but in order to present as clear an account of the results of my observations as possible, the process of building the physical body *in utero* will be in part described.

Giai đoạn ngay sau thụ thai này có lẽ có thể được so sánh với giai đoạn trong các tiến trình Đại thiên địa, khi "Linh từ" đã tạo ra Nguyên mẫu, và qua đó tạo ra các trung tâm từ tính cùng các trường của chúng, bên trong và quanh đó các hành tinh về sau sẽ được hình thành. Các nguyên lý chi phối sự hình thành của các thể trí, thể cảm dục và thể xác giống nhau ở ba cấp độ, nhưng để trình bày một tường thuật rõ ràng nhất có thể về kết quả các quan sát của tôi, tiến trình xây dựng thể xác *trong tử cung* sẽ được mô tả một phần.

As above stated, at the moment of germination the physical permanent atom is attached by an angel to the newly-formed twin cell. This presence of the permanent atom, vivified by the descending, Egoic, creative energy or microcosmic Word-force, bestows upon the twin-celled organism its ordered, biological impetus, causes it, in fact, to grow according to the "Word".

Như đã nêu trên, vào khoảnh khắc nảy mầm, nguyên tử trường tồn hồng trần được một thiên thần gắn vào tế bào đôi mới hình thành. Sự hiện diện này của nguyên tử trường tồn, được tiếp sinh lực bởi năng lượng sáng tạo chân ngã đang giáng xuống hay mãnh lực Linh từ tiểu thiên địa, ban cho cơ thể hai tế bào xung lực sinh học có trật tự của nó, trên thực tế khiến nó lớn lên theo "Linh từ".

The creative energy, now emitted into and through the permanent atom and twin cell, is found to produce at least four results:

Năng lượng sáng tạo, nay được phát vào trong và xuyên qua nguyên tử trường tồn cùng tế bào đôi, được thấy tạo ra ít nhất bốn kết quả:

First, the establishment of a field or sphere of influence within which the building is to occur. This corresponds to the formation of the Ring-Pass-Not of the Solar System in Macrocosmic creation, represents the range of the emitted rays, and serves to insulate an

Thứ nhất, sự thiết lập một trường hay khối cầu ảnh hưởng bên trong đó việc xây dựng sẽ xảy ra. Điều này tương ứng với sự hình thành vòng-giới-hạn của hệ mặt trời trong sáng tạo Đại thiên địa, biểu thị tầm của các cung được phát ra, và dùng để cách ly một vùng khỏi sự

area against the intrusion of foreign vibrations and substances.

xâm nhập của các rung động và chất liệu ngoại lai.

Second, the magnetisation or attunement of the matter within this field. The play of creative energy brings surrounding matter into vibrational harmony with the individual about to incarnate.

Thứ hai, sự từ hóa hay hòa điệu vật chất bên trong trường này. Sự vận hành của năng lượng sáng tạo đưa vật chất xung quanh vào sự hòa hợp rung động với cá nhân sắp lâm phàm.

Third, the production of a form. This form, which might be regarded as the etheric mould into which the physical body will be built, must now be described in some detail, such description delaying reference to the fourth effect of the emitted Word-force. Clairvoyantly examined, the pre-natal etheric mould, which appears very soon after conception, resembles a baby body built of etheric matter, somewhat self-luminous, vibrating slightly, a living being, the etheric projection of the Archetype as modified by *karma.*

Thứ ba, sự tạo ra một hình tướng. Hình tướng này, có thể được xem là khuôn dĩ thái mà thể xác sẽ được xây vào, bây giờ phải được mô tả khá chi tiết, sự mô tả này tạm hoãn việc đề cập đến hiệu quả thứ tư của mãnh lực Linh từ được phát ra. Khi được khảo sát bằng thông nhãn, khuôn dĩ thái tiền sinh, xuất hiện rất sớm sau thụ thai, giống như một thể em bé được xây bằng vật chất dĩ thái, phần nào tự phát quang, rung động nhẹ, một sinh linh sống động, sự phóng chiếu dĩ thái của Nguyên mẫu như đã được biến đổi bởi *nghiệp quả.*

Within the etheric mould there is to be seen, in terms of flowing energy or lines of force, each on its own wave length, a sketch plan of the whole body. Every type of tissue-to-be is represented, differing from other types because the energy of which it is an end-product is itself on another frequency. Thus the bony structure, muscular and vascular tissues, the nerves, the brain and other substances, are all represented in the etheric mould by currents of energy on specific frequencies.

Bên trong khuôn dĩ thái, có thể thấy, xét theo năng lượng tuôn chảy hay các đường mãnh lực, mỗi đường trên bước sóng riêng của nó, một bản phác thảo của toàn bộ thể. Mỗi loại mô sẽ hình thành đều được biểu thị, khác với các loại khác vì năng lượng mà nó là sản phẩm cuối cùng tự nó ở trên một tần số khác. Như vậy, cấu trúc xương, các mô cơ và mạch máu, dây thần kinh, bộ não và các chất liệu khác, tất cả đều được biểu thị trong khuôn dĩ thái bằng các dòng năng lượng trên những tần số đặc thù.

The play of the emitted vibrations on the free surrounding matter may possibly be the factor which causes atoms to enter into differing molecular combinations to produce various types of tissue. These molecules are attracted towards the lines of force and "settle" into their appropriate places in the growing body by virtue of sympathetic vibration or mutual resonance. Thus, again, every part of the physical body in substance

Sự vận hành của các rung động được phát ra trên vật chất tự do xung quanh có thể là yếu tố khiến các nguyên tử đi vào những tổ hợp phân tử khác nhau để tạo ra các loại mô khác nhau. Các phân tử này được thu hút về phía các đường mãnh lực và "lắng" vào những vị trí thích hợp của chúng trong thể đang tăng trưởng nhờ rung động đồng cảm hay cộng hưởng hỗ tương. Như vậy, một lần nữa, mọi phần của thể xác, cả về chất liệu lẫn hình

and in form exactly fits the incarnating Ego. *Karmic* deficiencies, which are to work out in terms of malformation, weakness and disease, are represented in the mould by dissonances, or even breaks in the particular lines of force along and according to which the tissues are built.

tướng, đều hoàn toàn phù hợp với Chân ngã đang lâm phàm. Những khiếm khuyết *nghiệp quả*, vốn sẽ vận hành dưới hình thức dị dạng, yếu đuối và bệnh tật, được biểu thị trong khuôn bằng các bất hòa, hoặc thậm chí những đứt đoạn trong các đường mãnh lực đặc thù dọc theo đó và theo đó các mô được xây dựng.

To digress briefly, if this generalisation be at all accurate, the whole body—as also the Solar System—can be expressed in terms of frequency, each type of tissue and each organ having its own wave length, note and colour, these in their turn varying in states of health and of disease. In perfect health, every part is in tune and the chord of the human body perfectly harmonised. In ill-health the opposite exists; there is a dissonance at some part or other. The chord is out of tune. The true art of healing, therefore, is that of the restoration of rhythm.

Xin tạm đi lạc đề ngắn gọn, nếu sự khái quát này có chút chính xác nào, thì toàn bộ thể — cũng như hệ mặt trời — có thể được diễn đạt theo tần số, mỗi loại mô và mỗi cơ quan có bước sóng, âm điệu và màu sắc riêng, đến lượt chúng lại biến đổi trong các trạng thái sức khỏe và bệnh tật. Trong sức khỏe hoàn hảo, mọi phần đều hòa âm và hợp âm của thể người được hòa hợp hoàn toàn. Trong tình trạng bệnh tật thì điều ngược lại hiện hữu; có sự bất hòa ở phần này hay phần khác. Hợp âm bị sai điệu. Vì vậy, nghệ thuật chữa lành chân chính là nghệ thuật phục hồi nhịp điệu.

Fourth of the effects of germination is the evocation of the *devic* builders of form. The class or order of these which is evoked is also decided by resonance. Thus, nature spirits of the building order in the immediate neighbourhood, which are in vibrational attunement with the currents or notes in Word-force emitted by the reincarnating individual, alone hear and respond. Arriving on the scene, they enter the sphere of influence and find themselves in an atmosphere entirely congenial to them, because ruled by their own inherent chord. They then proceed instinctively to absorb into themselves, and therefore further to specialise, the free matter, after which they assist in its vibrationally-governed deposit into its appropriate place in the growing structure of the body.

Thứ tư trong các hiệu quả của sự nảy mầm là sự gợi lên các đấng kiến tạo hình tướng thuộc thiên thần. Loại hay đẳng cấp được gợi lên cũng do cộng hưởng quyết định. Như vậy, chỉ những tinh linh tự nhiên thuộc đẳng cấp xây dựng ở vùng lân cận gần đó, vốn đang hòa điệu rung động với các dòng hay âm điệu trong mãnh lực Linh từ được phát ra bởi cá nhân tái lâm phàm, mới nghe và đáp ứng. Khi đến hiện trường, họ đi vào khối cầu ảnh hưởng và thấy mình ở trong một bầu khí hoàn toàn thích hợp với họ, vì được cai quản bởi hợp âm cố hữu của chính họ. Sau đó họ tiến hành theo bản năng hấp thụ vào chính mình, và do đó tiếp tục chuyên biệt hóa, vật chất tự do, rồi họ trợ giúp việc lắng đọng, được chi phối bằng rung động, của vật chất ấy vào vị trí thích hợp trong cấu trúc đang tăng trưởng của thể.

THE MECHANISM OF CONSCIOUSNESS – BỘ MÁY CỦA TÂM THỨC

The building angels at the astral and mental levels, in addition to the supervision of these

Các thiên thần kiến tạo ở các cấp độ cảm dục và trí tuệ, ngoài việc giám sát những tiến trình

processes through the instinctive response of the nature spirits to their thought, concern themselves also with the construction and extremely delicate adjustment of the mechanism of consciousness. This consists physically of the body itself, the cerebro-spinal system with the seven nerve and glandular centres, situated at the sacrum, the spleen, the solar plexus, the heart, the throat, and the pituitary and the pineal glands. At the etheric level, the etheric counterparts of these centres and glands, and in addition the etheric *chakras,* must be perfectly adjusted to the physical organs, the health and efficiency of which they govern. Similarly, in the astral and mental bodies the seven *chakras* in their turn must be adapted to the corresponding etheric and physical parts of the mechanism. A sevenfold mode of manifestation in the body, and seven channels through which it can gain experience therein, are thus provided for the Ego by the *chakras* and their corresponding physical centres. These human *chakras* are projections of the seven corresponding vortices in the planetary and Solar Archetypes, and, with *devic* assistance, are produced by the play of Word-force from them through the human Causal Body.

Here, also, numerical principles are involved. Each of the *chakras* has its own specific chord or group of frequencies, colours and numbers of divisions resembling the petals of a flower. Through each there flows a type of energy, life and consciousness, vibrationally in harmony with that chord. When *karma* is favourable to perfect function, the chord of each *chakra* is perfectly harmonised, the seven in tune with each other and with each of the bodies in which they exist, as also with the corresponding centres in the other bodies. Under such conditions perfect health and efficiency of function are assured. When there is dissonance—created by transgressions, mental, emotional or physical and the

này thông qua đáp ứng bản năng của các tinh linh tự nhiên đối với tư tưởng của Các Ngài, còn quan tâm đến việc kiến tạo và điều chỉnh cực kỳ tinh vi bộ máy của tâm thức. Về mặt hồng trần, bộ máy này gồm chính thể xác, hệ não-tủy với bảy trung tâm thần kinh và tuyến, tọa lạc tại xương cùng, lá lách, tùng thái dương, tim, cổ họng, và các tuyến yên cùng tuyến tùng. Ở cấp độ dĩ thái, các đối phần dĩ thái của những trung tâm và tuyến này, và thêm vào đó các *chakra* dĩ thái, phải được điều chỉnh hoàn hảo với các cơ quan hồng trần mà chúng cai quản sức khỏe và hiệu năng. Tương tự, trong các thể cảm dục và thể trí, bảy *chakra* đến lượt chúng phải được thích ứng với những phần dĩ thái và hồng trần tương ứng của bộ máy. Một phương thức biểu hiện thất phân trong thể, và bảy kênh qua đó Chân ngã có thể thu nhận kinh nghiệm trong đó, nhờ vậy được cung cấp cho Chân ngã bởi các *chakra* và các trung tâm hồng trần tương ứng của chúng. Các *chakra* con người này là những phóng chiếu của bảy xoáy tương ứng trong các Nguyên mẫu hành tinh và Thái Dương, và, với sự trợ giúp của thiên thần, được tạo ra bởi sự vận hành của mãnh lực Linh từ từ chúng xuyên qua thể nguyên nhân của con người.

Ở đây, các nguyên lý số học cũng liên quan. Mỗi *chakra* có hợp âm đặc thù riêng, hay nhóm tần số, màu sắc và số lượng phân chia giống như các cánh hoa. Qua mỗi *chakra* tuôn chảy một loại năng lượng, sự sống và tâm thức, hòa hợp về rung động với hợp âm ấy. Khi *nghiệp quả* thuận lợi cho chức năng hoàn hảo, hợp âm của mỗi *chakra* được hòa hợp hoàn toàn, bảy *chakra* hòa điệu với nhau và với từng thể trong đó chúng hiện hữu, cũng như với các trung tâm tương ứng trong những thể khác. Dưới các điều kiện như thế, sức khỏe hoàn hảo và hiệu năng chức năng được bảo đảm. Khi có bất hòa — do những vi phạm về trí tuệ, cảm xúc hay hồng trần tạo ra, và do sự dị dạng hay biến dạng hệ quả của các *chakra* — kết quả là chức

consequent malformation or distortion of the *chakras*—imperfection of function is the result. The *karma* of disease would seem to operate primarily by disturbing vibrational attunement. A break in the rhythm of descending energies at any level ultimately causes ill-health in the physical body. It would appear, therefore, that *final* healing must come from within the sufferer, from the Ego itself; for from the Ego— the human Archetype—alone is emitted creative, and therefore corrective and curative, energy on groups of frequencies numerically expressive of the ideal form.

năng không hoàn hảo. *Nghiệp quả* của bệnh tật dường như vận hành chủ yếu bằng cách làm rối loạn sự hòa điệu rung động. Một đứt đoạn trong nhịp điệu của các năng lượng giáng xuống ở bất kỳ cấp độ nào cuối cùng gây ra bệnh tật trong thể xác. Vì vậy, dường như sự chữa lành *cuối cùng* phải đến từ bên trong người đau khổ, từ chính Chân ngã; vì chỉ từ Chân ngã — Nguyên mẫu con người — mới phát ra năng lượng sáng tạo, và do đó là năng lượng chỉnh sửa và chữa trị, trên các nhóm tần số biểu thị bằng con số hình tướng lý tưởng.

In successful spiritual healing, a flood of corrective and vitalising force descends through the Ego and superphysical bodies and their *chakras* into the physical body, sweeping out inharmonious substances, restoring harmony and therefore the free and unimpeded flow of the inner life-force throughout the whole Nature. The Healing Angels carry out their mission largely, but not entirely, by the use of this power, by restoration of the full function of the *chakras* concerned, and on occasion by the actual change of substances in the superphysical, etheric and physical bodies. They also direct a powerful stream of cleansing, vitalising and healing forces from their own auras and other natural reservoirs through the physical, etheric and astral bodies especially, thereby setting up conditions under which the natural processes of elimination and of healing can restore the sufferer to health.

Trong sự chữa lành tinh thần thành công, một dòng lũ mãnh lực điều chỉnh và tiếp sinh lực tuôn xuống qua chân ngã cùng các thể siêu hồng trần và các *luân xa* của chúng vào thể xác, cuốn đi những chất liệu bất hòa, phục hồi sự hài hòa và nhờ đó khôi phục dòng chảy tự do, không bị cản trở của sinh lực bên trong khắp toàn bộ bản chất. Các Thiên Thần Chữa Lành thực hiện sứ mệnh của mình phần lớn, nhưng không hoàn toàn, bằng cách sử dụng quyền năng này, bằng việc phục hồi đầy đủ chức năng của các *luân xa* liên hệ, và đôi khi bằng sự thay đổi thực sự các chất liệu trong các thể siêu hồng trần, dĩ thái và hồng trần. Các Ngài cũng hướng một luồng mãnh lực thanh lọc, tiếp sinh lực và chữa lành mạnh mẽ từ hào quang của chính Các Ngài và từ những nguồn dự trữ tự nhiên khác xuyên qua đặc biệt là các thể hồng trần, dĩ thái và cảm dục, nhờ đó thiết lập những điều kiện để các tiến trình tự nhiên của sự đào thải và chữa lành có thể phục hồi sức khỏe cho người đau khổ.

Throughout the pre-natal period and for the whole of the lifetime, Egoic Word-force is continuously emitted through the permanent atoms, the *chakras* and the superphysical and physical bodies. When injury occurs, it is this ever-active, formative power which makes possible the repair and rebuilding of tissue

Trong suốt thời kỳ tiền sinh và trọn cả đời sống, mãnh lực Linh từ chân ngã liên tục được phát ra qua các nguyên tử trường tồn, các *luân xa* và các thể siêu hồng trần cùng hồng trần. Khi thương tổn xảy ra, chính quyền năng tạo hình luôn hoạt động này làm cho việc sửa chữa và tái tạo mô theo hình tướng nguyên

according to the original form. In this process, also, angels and nature spirits play their constructive parts. Thus, up to the moment of death, when the Ego withdraws, the physical body is subjected to the influence of the Egoic "Word". The disordered *post mortem* cell and bacterial activity known as decay is due to the absence of this directive influence of the Ego. As the astral and mental bodies are in their turn laid aside, the "Word" also becomes astrally and mentally silent, the Ego having withdrawn into the subjective condition of creative rest and heavenly bliss. From this, in due course, it awakens. Again the Word-force is emitted and a new incarnation begins.

thủy trở nên khả hữu. Trong tiến trình này, các thiên thần và tinh linh tự nhiên cũng đóng các vai trò kiến tạo của mình. Như vậy, cho đến khoảnh khắc chết, khi chân ngã rút lui, thể xác vẫn chịu ảnh hưởng của "Linh từ" chân ngã. Hoạt động tế bào và vi khuẩn rối loạn sau khi chết, được gọi là sự phân hủy, là do sự vắng mặt của ảnh hưởng chỉ đạo này của chân ngã. Khi các thể cảm dục và thể trí lần lượt được đặt sang một bên, "Linh từ" cũng trở nên im lặng trên phương diện cảm dục và trí tuệ, vì chân ngã đã rút vào trạng thái chủ quan của sự nghỉ ngơi sáng tạo và chí phúc thiên giới. Từ đó, đúng kỳ hạn, nó thức tỉnh. Một lần nữa mãnh lực Linh từ được phát ra và một lần lâm phàm mới bắt đầu.

Since man is an epitome of the Solar System, a microcosmic manifestation of the Macrocosm, close resemblances are found between the creative processes described above and those by which a universe comes into being. In man, the microcosm and Macrocosm meet. This cannot be said of the angels since they do not normally possess etheric and physical bodies; neither is it true of animals who are without the three higher principles of Will, Wisdom and abstract Intelligence. In man, however, the full possibilities of Macrocosmic self-expression are contained. The purpose of his existence is the unfolding from within of his Macrocosmic powers, that he may in his turn attain to the stature of the Logos of a Solar System, "perfect as his Father which is in Heaven is perfect" . One might almost assume that since the same principles govern Macrocosmic and microcosmic creative processes, repeated incarnation provides the training and practice necessary for man's later Macrocosmic manifestation of creative power.

Vì con người là hình ảnh thu nhỏ của hệ mặt trời, một biểu hiện tiểu thiên địa của Đại thiên địa, nên có thể thấy những tương đồng gần gũi giữa các tiến trình sáng tạo đã mô tả ở trên và những tiến trình nhờ đó một vũ trụ đi vào hiện tồn. Trong con người, Tiểu thiên địa và Đại thiên địa gặp nhau. Điều này không thể nói về các thiên thần, vì thông thường các ngài không có thể dĩ thái và thể xác; cũng không đúng với loài vật, vốn không có ba nguyên khí cao là Ý Chí, Minh Triết và Trí tuệ trừu tượng. Tuy nhiên, trong con người chứa đựng đầy đủ các khả năng tự biểu lộ của Đại thiên địa. Mục đích hiện hữu của y là sự khai mở từ bên trong các quyền năng Đại thiên địa của y, để đến lượt mình y có thể đạt đến tầm vóc của Thượng đế của một hệ mặt trời, "hoàn thiện như Cha của y ở trên Trời là hoàn thiện". Người ta hầu như có thể giả định rằng, vì cùng những nguyên khí chi phối các tiến trình sáng tạo Đại thiên địa và tiểu thiên địa, nên sự lâm phàm lặp đi lặp lại đem lại sự huấn luyện và thực hành cần thiết cho sự biểu hiện Đại thiên địa về sau của quyền năng sáng tạo nơi con người.

PART II DESCRIPTIONS – PHẦN II CÁC MÔ TẢ

CHAPTER I THE GREATER GODS – CHƯƠNG I CÁC VỊ THẦN VĨ ĐẠI HƠN

THE SEPHIROTHAL HOSTS – CÁC ĐOÀN SEPHIROTH

THE contribution of occult philosophy to the problem of the emanation and constitution of the universe is dual. It consists first of an affirmation of the existence in Nature of a directive Intelligence, a sustaining Life and a creative Will; and second of information concerning the existence, nature and function of those individual embodiments of these three Powers in Nature, called in Egypt and Greece "Gods", in the East **Devas**, and in the West "Angelic Hosts".

Sự đóng góp của triết học huyền bí vào vấn đề xuất lộ và cấu tạo của vũ trụ mang tính kép. Trước hết, nó gồm sự khẳng định về sự hiện hữu trong Thiên Nhiên của một Trí tuệ chỉ đạo, một Sự Sống nâng đỡ và một Ý Chí sáng tạo; thứ hai, nó cung cấp thông tin về sự hiện hữu, bản chất và chức năng của những hiện thân cá biệt của ba Quyền năng này trong Thiên Nhiên, được gọi ở Ai Cập và Hy Lạp là "các vị Thần", ở phương Đông là **các thiên thần**, và ở phương Tây là "các Đoàn Thiên Thần".

Occult philosophy shares with modern science the view that the universe consists not of matter but of energy, and adds that the universe of force is the Kingdom of the Gods. For fundamentally these Beings are directors of universal forces, power agents of the Logos, His engineers in the great creative process, which is regarded as continuous. Creative energy is perpetually outpoured. On its way from its source to material manifestation as physical substance and form, it passes through the bodies and auras of the Gods. In the process it is "transformed", "stepped down" from its primordial potency. Thus the creative Gods are also "transformers" of power.

Triết học huyền bí chia sẻ với khoa học hiện đại quan điểm rằng vũ trụ không gồm vật chất mà gồm năng lượng, và thêm rằng vũ trụ của mãnh lực là Thiên Giới của các vị Thần. Vì về căn bản, các Sinh Mệnh này là những vị điều khiển các mãnh lực vũ trụ, những tác nhân quyền năng của Thượng đế, những kỹ sư của Ngài trong tiến trình sáng tạo vĩ đại, vốn được xem là liên tục. Năng lượng sáng tạo không ngừng tuôn đổ. Trên đường đi từ nguồn cội đến sự biểu hiện vật chất dưới dạng chất liệu và hình tướng hồng trần, nó đi qua các thể và hào quang của các vị Thần. Trong tiến trình ấy, nó được "chuyển đổi", được "hạ thế" khỏi quyền năng nguyên sơ của nó. Như vậy, các vị Thần sáng tạo cũng là những "máy biến đổi" quyền năng.

Highest amongst the objective or fully manifested Gods are the seven Solar Archangels, the Seven Mighty Spirits before the Throne. These are the seven Viceroys of the threefold Solar Emperor. A planetary Scheme or Kingdom in the new-born universe is assigned to each of the Seven from the beginning. Each is a splendid figure, effulgent

Cao nhất trong số các vị Thần khách quan hay đã biểu hiện trọn vẹn là bảy Tổng Thiên Thần Thái Dương, Bảy Thánh Linh Hùng Mạnh trước Thánh Ngai. Các Ngài là bảy vị Phó Vương của Hoàng Đế Thái Dương tam phân. Ngay từ khởi đầu, một hệ hành tinh hay một giới trong vũ trụ mới sinh được giao cho mỗi vị trong Bảy Vị. Mỗi Ngài là một hình thể huy

with solar light and power, an emanation of the sevenfold Logos, whose Power, Wisdom and Beauty no single form can manifest. These mighty Seven, standing amidst the first primordial flame, shape the Solar System according to the divine "idea". These are the seven Sephiras concerning whom and their three Superiors, the Supernal Trinity, fuller information is offered in Part III. Collaborating with them, rank upon rank in a vast hierarchy of beings, are the hosts of Archangels and angels who "imbue primordial matter with the evolutionary impulse and guide its formative powers in the fashioning of its productions".

hoàng, rực rỡ ánh sáng và quyền năng thái dương, một xuất lộ của Thượng đế thất phân, Đấng mà Quyền năng, Minh Triết và Vẻ Đẹp không một hình tướng đơn lẻ nào có thể biểu hiện. Bảy Đấng Hùng Mạnh này, đứng giữa ngọn lửa nguyên sơ đầu tiên, định hình hệ mặt trời theo "ý tưởng" thiêng liêng. Đây là bảy Sephira, về các Ngài và ba Đấng Cao Cả hơn Các Ngài, Tam Vị Thiên Thượng, sẽ có thêm thông tin đầy đủ hơn trong Phần III. Cộng tác với Các Ngài, từng cấp bậc nối tiếp trong một thánh đoàn rộng lớn gồm các sinh linh, là các đoàn Tổng Thiên Thần và thiên thần, những vị "thấm nhuần vật chất nguyên sơ bằng xung lực tiến hoá và hướng dẫn các quyền năng tạo hình của nó trong việc định hình các sản phẩm của nó".

The Gods differ from man in that in the present *Maha-Manvantara* their will does not become so markedly differentiated from the One Will. The human sense of separated personality is almost entirely absent in them. Their path of evolution which, in the present Solar System, does not deeply penetrate the physical worlds as does that of man, leads from instinctive to self-conscious co-operation with the One Will. Occult science teaches, however, that in preceding or succeeding periods of manifestation they either have been or will be men. H. P. Blavatsky says:

Các vị Thần khác với con người ở chỗ trong *Đại-giai kỳ sinh hóa* hiện nay, ý chí của các Ngài không trở nên biến phân rõ rệt khỏi Ý Chí Duy Nhất. Ý thức của con người về phàm ngã tách biệt hầu như hoàn toàn vắng mặt nơi các Ngài. Con đường tiến hoá của các Ngài, trong hệ mặt trời hiện tại, không thâm nhập sâu vào các cõi hồng trần như con đường của con người, mà dẫn từ sự hợp tác theo bản năng đến sự hợp tác tự ý thức với Ý Chí Duy Nhất. Tuy nhiên, khoa học huyền bí dạy rằng trong những thời kỳ biểu hiện trước hoặc sau, các Ngài đã từng là, hoặc sẽ là, con người. Bà H. P. Blavatsky nói:

"The whole Kosmos is guided, controlled, and animated by almost endless series of Hierarchies of sentient Beings, each having a mission to perform, and who—whether we give them one name or another, whether we call them Dhyan Chohans or Angels—are 'Messengers', in the sense only that they are the agents of Karmic and Cosmic Laws. They vary infinitely in their respective degrees of consciousness and intelligence; and to call them all pure Spirits, without any of the earthly alloy 'which time is wont to prey

"Toàn thể Vũ trụ được hướng dẫn, kiểm soát và làm sinh động bởi những chuỗi gần như vô tận các Thánh Đoàn gồm những Sinh Mệnh hữu cảm, mỗi vị có một sứ mệnh phải thực hiện, và dù chúng ta gọi các vị ấy bằng tên này hay tên khác, dù gọi là các Chân sư Minh Triết hay các Thiên Thần, các vị ấy chỉ là 'Sứ giả' theo nghĩa các vị ấy là tác nhân của các Định luật Nghiệp quả và Vũ trụ. Các vị ấy khác nhau vô hạn về những cấp độ tâm thức và trí tuệ tương ứng; và gọi tất cả các vị ấy là các Tinh thần thuần khiết, không có chút hợp kim trần

upon,' is only to indulge in poetical fancy. For each of these Beings either was, or prepares to become, a man, if not in the present, then in a past or a coming cycle (Manvantara). They are perfected, when not incipient, men; and in their higher, less material spheres differ morally from terrestrial human beings only in that they are devoid of the feeling of personality, and of the human emotional nature—two purely earthly characteristics. The former, or the 'perfected,' have become free from these feelings, because (a) they have no longer fleshly bodies—an ever-numbing weight on the Soul; and (b) the pure spiritual element being left untrammelled and more free, they are less influenced by Maya than man can ever be, unless he is an Adept who keeps his two personalities—the spiritual and the physical—entirely separated. The incipient Monads, having never yet had terrestrial bodies, can have no sense of personality or EGO-ism. That which is meant by 'personality' being a limitation and a relation, or, as defined by Coleridge, 'individuality existing in itself but with a nature as a ground,' the term cannot of course be applied to non-human Entities; but, as a fact insisted upon by generations of Seers, none of these Beings, high or low, have either individuality or personality as separate Entities, i.e., they have no individuality in the sense in which a man says, 'I am myself and no one else'; in other words, they are conscious of no such distinct separateness as men and things have on earth Individuality is.the characteristic of their respective Hierarchies, not of their units; and these characteristics vary only with the degree of the plane to which these Hierarchies belong; the nearer to the region of Homogeneity and the One Divine, the purer and the less accentuated is that individuality in the Hierarchy. They are finite in all respects, with the exception of their higher principles—the

thế nào 'mà thời gian thường gặm nhấm', thì chỉ là buông mình theo tưởng tượng thi vị. Vì mỗi Sinh Mệnh này hoặc đã từng là, hoặc đang chuẩn bị trở thành, một con người, nếu không trong hiện tại thì trong một chu kỳ đã qua hay sẽ đến, tức một Giai kỳ sinh hóa. Các vị ấy là những con người đã hoàn thiện, nếu không phải là những con người sơ khởi; và trong các khối cầu cao hơn, ít vật chất hơn của các vị ấy, các vị ấy chỉ khác con người nơi trần gian về mặt đạo đức ở chỗ không có cảm thức về phàm ngã và bản chất cảm xúc của con người — hai đặc điểm thuần túy trần thế. Những vị trước, hay 'những vị đã hoàn thiện', đã thoát khỏi các cảm thức này, bởi vì (a) các vị ấy không còn thể xác bằng thịt — một gánh nặng luôn làm tê liệt Linh hồn; và (b) vì yếu tố tinh thần thuần khiết được để tự do hơn, không bị trói buộc, nên các vị ấy ít chịu ảnh hưởng của ảo lực hơn con người có thể đạt được, trừ khi y là một Chân sư giữ hai phàm ngã của mình — tinh thần và hồng trần — hoàn toàn tách biệt. Các chân thần sơ khởi, vì chưa bao giờ có thể xác nơi trần gian, nên không thể có cảm thức về phàm ngã hay chủ nghĩa chân ngã. Điều được hiểu bởi 'phàm ngã' là một giới hạn và một quan hệ, hay như Coleridge định nghĩa, 'cá thể tính hiện hữu trong chính nó nhưng với bản chất làm nền tảng', nên dĩ nhiên thuật ngữ ấy không thể áp dụng cho các Thực Thể không thuộc nhân loại; nhưng, như một sự kiện được nhiều thế hệ nhà thông nhãn nhấn mạnh, không một Sinh Mệnh nào trong các vị ấy, cao hay thấp, có cá thể tính hay phàm ngã như những Thực Thể riêng biệt, nghĩa là các vị ấy không có cá thể tính theo nghĩa mà một người nói: 'Tôi là chính tôi và không ai khác'; nói cách khác, các vị ấy không ý thức về một sự tách biệt rõ rệt như con người và sự vật có trên địa cầu. Cá thể tính là đặc điểm của các Thánh Đoàn tương ứng của các vị ấy, chứ không phải của các đơn vị; và những đặc điểm này chỉ biến đổi theo cấp độ của cõi mà các Thánh Đoàn ấy thuộc về; càng gần vùng Đồng

immortal Sparks reflecting the Universal Divine Flame, individualised and separated only on the spheres of Illusion, by a differentiation as illusive as the rest. They are 'Living Ones,' because they are the streams projected on the Kosmic screen of Illusion from the absolute life; Beings in whom life cannot become extinct, before the fire of ignorance is extinct in those who sense these 'Lives'."

Nhất và Đấng Thiêng Liêng Duy Nhất, cá thể tính trong Thánh Đoàn ấy càng tinh khiết và càng ít được nhấn mạnh. Các vị ấy hữu hạn về mọi phương diện, ngoại trừ các nguyên khí cao của mình — những Tia Lửa bất tử phản chiếu Ngọn Lửa Thiêng Liêng Vũ Trụ, được biệt ngã hóa và tách biệt chỉ trên các khối cầu của Ảo tưởng, bởi một sự biến phân cũng hư ảo như mọi sự khác. Các vị ấy là 'Những Đấng Sống', bởi vì các vị ấy là những dòng chảy được phóng chiếu trên màn ảnh Vũ trụ của Ảo tưởng từ sự sống tuyệt đối; những Sinh Mệnh nơi đó sự sống không thể tắt, trước khi ngọn lửa vô minh tắt trong những ai cảm nhận các 'Sự Sống' này."

TWO STREAMS OF EVOLVING LIFE – HAI DÒNG SỰ SỐNG ĐANG TIẾN HOÁ

The concept, founded upon occult research, of certain Orders of the Angelic Hosts as creative and directive Intelligences, expressions of aspects of the Divine nature and consciousness, Lords of the subtle elements of earth, water, air and fire and Gods of regions of the Earth, differs in one respect at least from that of certain schools of Christian thought. Investigation does not support the view that angels are deceased human beings. On the contrary, it reveals that human nature and human character undergo no change whatever immediately after death; that temperament, likes and dislikes, gifts, capacities, and for the most part memory, at first remain unchanged. According to the Bible, angels were in existence before the death of the first man. They were present when sentence was passed upon Adam and Eve, and one was placed with flaming sword "to keep the way of the Tree of Life". There would seem, therefore, to be no scriptural foundation for the belief that death transforms men into angels. Indeed, speaking of man, St. Paul says: "Thou madest him a little lower than the angels."

Khái niệm, đặt nền trên nghiên cứu huyền bí, về một số Đẳng cấp của các Đoàn Thiên Thần như những Trí tuệ sáng tạo và chỉ đạo, những biểu hiện của các phương diện thuộc bản chất và tâm thức thiêng liêng, các Chúa Tể của những nguyên tố vi tế của đất, nước, khí và lửa, cùng các vị Thần của những vùng thuộc Trái Đất, khác ít nhất ở một phương diện với quan niệm của một số trường phái tư tưởng Ki-tô giáo. Sự khảo sát không ủng hộ quan điểm rằng thiên thần là những con người đã chết. Trái lại, nó mặc khải rằng bản chất con người và Tính cách con người không hề thay đổi ngay sau khi chết; rằng khí chất, những điều ưa và không ưa, thiên tư, năng lực, và phần lớn ký ức, lúc đầu vẫn không đổi. Theo Kinh Thánh, các thiên thần đã hiện hữu trước cái chết của con người đầu tiên. Các vị ấy có mặt khi án lệnh được tuyên trên Adam và Eve, và một vị được đặt với thanh gươm rực lửa "để giữ đường đến Cây Sự Sống". Do đó, dường như không có nền tảng thánh thư nào cho niềm tin rằng cái chết chuyển đổi con người thành thiên thần. Thật vậy, khi nói về con người, Thánh Paul nói: "Ngài đã làm cho y thấp hơn các thiên thần một chút."

The Biblical account of the angels as ministers and messengers from God to man, appearing to individuals in times of need, is supported by the teaching of occult philosophy. So, also, is the vision of Jacob at Bethel, in which he saw "a ladder set up on the earth, and the top of it reached to heaven; and behold the angels of God ascending and descending on it". The Order of the angels is hierarchical. On the lower rungs of the angelic ladder of life are the lesser nature spirits, brownies and gnomes, associated with the element of earth; fairies and sylphs with that of air; undines or nereids with water; and salamanders with fire. Above them, as previously stated, are angels and Archangels in an ascending scale of evolutionary stature, reaching up to the Seven Mighty Spirits before the Throne.

Tường thuật trong Kinh Thánh về các thiên thần như những vị phụng sự và sứ giả từ Thượng đế đến con người, xuất hiện với các cá nhân trong những lúc cần thiết, được giáo huấn của triết học huyền bí ủng hộ. Cũng vậy là linh ảnh của Jacob tại Bethel, trong đó ông thấy "một chiếc thang dựng trên đất, đỉnh của nó chạm tới trời; và kìa các thiên thần của Thượng đế đang lên xuống trên đó". Đẳng cấp của các thiên thần có tính thánh đoàn. Trên những bậc thấp của chiếc thang sự sống thiên thần là các tinh linh tự nhiên thấp hơn, brownie và gnome, liên kết với nguyên tố đất; tiên nữ và sylph với nguyên tố khí; undine hay nereid với nước; và salamander với lửa. Phía trên các vị ấy, như đã nói trước, là các thiên thần và Tổng Thiên Thần theo một thang cấp tăng dần của tầm vóc tiến hoá, vươn lên đến Bảy Thánh Linh Hùng Mạnh trước Thánh Ngai.

Countless in their numbers, innumerable in their Orders and degrees, the Gods dwell in the superphysical worlds, each Order performing its particular task, each possessing specific powers and each presenting a characteristic appearance. The whole constitutes a race of evolving beings at present pursuing an evolutionary pathway which is parallel to that of man, and which with him uses this planet and Solar System as a field of activity and unfoldment.

Vô số về số lượng, không thể đếm xiết về các Đẳng cấp và cấp độ, các vị Thần cư ngụ trong các cõi siêu hồng trần, mỗi Đẳng cấp thực hiện nhiệm vụ riêng, mỗi Đẳng cấp sở hữu những quyền năng đặc thù và mỗi Đẳng cấp trình hiện một dáng vẻ đặc trưng. Toàn thể hợp thành một nhân loại các sinh linh đang tiến hoá, hiện đang theo đuổi một con đường tiến hoá song song với con đường của con người, và cùng với y dùng hành tinh này cùng hệ mặt trời làm trường hoạt động và khai mở.

THE APPEARANCE OF THE GREATER AND THE LESSER GODS – DÁNG VẺ CỦA CÁC VỊ THẦN LỚN VÀ NHỎ

As will be seen from the descriptions which follow and the illustrations in Part V, the angelic form is founded upon the same Archetype or divine "idea" as is that of man. The outlines, however, are less clearly defined, the bodies less substantial, suggesting flowing forces rather than solid forms. Angels themselves differ in appearance according to the Order to which they belong,

Như sẽ thấy từ các mô tả tiếp theo và các minh họa trong Phần V, hình tướng thiên thần đặt nền trên cùng một Nguyên mẫu hay "ý tưởng" thiêng liêng như hình tướng của con người. Tuy nhiên, các đường nét ít được xác định rõ hơn, các thể ít đậm đặc hơn, gợi ra những mãnh lực đang tuôn chảy hơn là các hình tướng rắn chắc. Chính các thiên thần khác nhau về dáng vẻ tùy theo Đẳng cấp mà các

the functions which they perform and the level of evolution at which they stand.

ngài thuộc về, các chức năng mà các ngài thực hiện và cấp độ tiến hoá mà các ngài đang đứng.

Brownies, elves and gnomes appear in Western countries much as are described in folk-lore. In some Eastern and Central and South American countries their forms are more archaic, and even grotesque. Undines or nereids, associated with the element of water, resemble beautiful, and generally unclothed, female figures, femininity being suggested by roundness of form, there being, as far as I have found, differences of polarity but no sex differentiation in the Kingdom of the Gods. Varying in height from a few inches to two or three feet, undines are to be seen playing in the spray of waterfalls, reclining in the depths of deep pools or floating swiftly over the surface of river and lake. Fairies and sylphs, associated with the element of air, generally appear to clairvoyant vision much as represented in fairy-tale. They look like beautiful maidens with brightly-coloured wings, not used for flight since these beings float swiftly or slowly at will, their rosy, glowing forms partly concealed by gossamer, force-built "garments". Salamanders, associated with the element offire, appear as if built of flame, the form constantly changing but suggestive of human shape, the eyes alight with fiery Power. The chin and ears are sharply pointed and the "hair" frequently streams back from the head, appearing like tongues offlame, as the salamanders dive steeply into the flames of Physical fires and fly through them.Variations of these forms are to be seen in different countries of the world and in different parts of the same country. Where unspoilt, and not too highly populated, the countryside of England is rich in fairy life, descriptions being given in Part II, Chapter IV.

Brownie, elf và gnome xuất hiện ở các nước phương Tây gần giống như được mô tả trong truyện dân gian. Ở một số nước phương Đông, Trung Mỹ và Nam Mỹ, hình tướng của chúng cổ sơ hơn, thậm chí kỳ dị. Undine hay nereid, liên kết với nguyên tố nước, giống những hình dáng nữ giới xinh đẹp và thường không y phục, nữ tính được gợi ra bởi sự tròn đầy của hình tướng; theo như tôi đã thấy, trong Thiên Giới của các vị Thần có những khác biệt về phân cực nhưng không có sự biến phân giới tính. Cao từ vài phân đến hai hoặc ba bộ, có thể thấy undine vui chơi trong bụi nước của thác, nằm nghỉ trong lòng những hồ sâu hoặc lướt nhanh trên mặt sông hồ. Tiên nữ và sylph, liên kết với nguyên tố khí, thường hiện ra trước linh thị thông nhãn gần giống như được trình bày trong truyện thần tiên. Chúng trông như những thiếu nữ xinh đẹp với đôi cánh rực màu, không dùng để bay vì các sinh linh này lơ lửng nhanh hay chậm tùy ý, những hình tướng hồng hào, rực sáng của chúng phần nào được che bởi những "y phục" mỏng nhẹ, do mãnh lực tạo thành. Salamander, liên kết với nguyên tố lửa, hiện ra như thể được tạo bằng ngọn lửa, hình tướng liên tục thay đổi nhưng gợi dáng người, đôi mắt rực sáng với Quyền năng bốc lửa. Cằm và tai nhọn sắc, và "tóc" thường tuôn ngược ra sau đầu, trông như những lưỡi lửa, khi các salamander lao dốc vào ngọn lửa của các đám lửa hồng trần và bay xuyên qua chúng. Những biến thể của các hình tướng này có thể được thấy ở các nước khác nhau trên thế giới và ở các vùng khác nhau trong cùng một nước. Nơi nào còn hoang sơ và dân cư không quá đông, vùng thôn dã của Anh rất phong phú đời sống tiên linh, các mô tả được đưa ra trong Phần II, Chương IV.

THE ABODE OF THE GODS – NƠI CƯ NGỤ CỦA CÁC VỊ THẦN

The Gods know the sun, physical and superphysical, as the heart and source of all power and life within the Solar System. From that heart, the vitalising energies which are the life "blood" of the solar and planetary "body" of the Logos are continually outpoured and withdrawn. In bringing the universe into existence, He, the Solar Logos, "breathes" forth His creative power, which flows to the very confines of His system, causing the material universe to appear. At the end of creative Day, He "breathes" in, His power is withdrawn and the material universe disappears, re-absorbed into THAT from which all came forth. This outbreathing and inbreathing of the solar life and energy is rhythmical. The one major creative "Word" or chord of the Solar System consists of innumerable frequencies, differences of vibratory rate producing differences of substance and form. The great race of the Gods lives and evolves amid this universe of out-rushing and returning force.

Các vị Thần biết mặt trời, hồng trần và siêu hồng trần, là trái tim và nguồn của mọi quyền năng và sự sống trong hệ mặt trời. Từ trái tim ấy, các năng lượng tiếp sinh lực, vốn là "máu" sự sống của "thể" thái dương và hành tinh của Thượng đế, liên tục được tuôn đổ và rút về. Khi đưa vũ trụ vào hiện hữu, Ngài, Thái dương Thượng đế, "thở ra" quyền năng sáng tạo của Ngài, quyền năng ấy tuôn chảy đến tận biên giới hệ thống của Ngài, khiến vũ trụ vật chất xuất hiện. Vào cuối Ngày sáng tạo, Ngài "hít vào", quyền năng của Ngài được rút về và vũ trụ vật chất biến mất, được tái hấp thu vào CÁI mà từ đó tất cả đã phát ra. Sự thở ra và hít vào này của sự sống và năng lượng thái dương có tính nhịp điệu. "Linh từ" hay hợp âm sáng tạo chủ yếu duy nhất của hệ mặt trời gồm vô số tần số, các khác biệt về tốc độ rung động tạo ra những khác biệt về chất liệu và hình tướng. Đại chủng tộc các vị Thần sống và tiến hoá giữa vũ trụ của mãnh lực tuôn ra và trở về này.

MOUNTAIN GODS – CÁC VỊ THẦN NÚI

On a single planet such as our Earth, Solar Archangels and angels are represented by corresponding planetary Gods. In addition to these major creative Intelligences, there are the angels presiding over divisions and areas of the surface of the Earth. They are called Landscape Angels and are partly concerned with creative and evolutionary processes in the mineral and plant kingdoms of Nature. A mountain is a living, evolving organism, a body, as indeed is the whole

Trên một hành tinh đơn lẻ như Trái Đất của chúng ta, các Tổng Thiên Thần Thái Dương và các thiên thần được đại diện bởi các vị Thần hành tinh tương ứng. Ngoài những Trí tuệ sáng tạo chính yếu này, còn có các thiên thần chủ trì những phân khu và vùng trên bề mặt Trái Đất. Các ngài được gọi là Thiên Thần Cảnh Quan và phần nào liên hệ với các tiến trình sáng tạo và tiến hoá trong giới kim thạch và giới thực vật của Thiên Nhiên. Một ngọn núi là một cơ thể sống, đang tiến hoá, một thể, cũng như toàn thể

Earth, in which the Three Aspects of the Logos are incarnate. At least three processes are occurring within and about every mountain: the creation and evolution by the action of the Divine Will-Thought of atoms, molecules and

Trái Đất, trong đó Ba Phương diện của Thượng đế đang lâm phàm. Ít nhất có ba tiến trình đang diễn ra trong và quanh mỗi ngọn núi: sự sáng tạo và tiến hoá, do tác động của Tư tưởng-Ý Chí thiêng liêng, của các nguyên tử,

crystals of which the mountain is built, the vivification of substance and form by the indwelling Divine Life and the awakening and development of the incarnate mineral consciousness. In each of these, Nature is assisted by hosts of nature spirits and Gods working under the direction of a responsible Official, who is the mountain God. When a peak is part of a range, the whole range in its turn will be presided over by a far more highly evolved Being of the same Order as the Gods of single peaks.

phân tử và tinh thể cấu thành ngọn núi; sự làm sinh động chất liệu và hình tướng bởi Sự Sống thiêng liêng nội tại; và sự thức tỉnh cùng phát triển của tâm thức kim thạch đang lâm phàm. Trong mỗi tiến trình này, Thiên Nhiên được trợ giúp bởi các đoàn tinh linh tự nhiên và các vị Thần làm việc dưới sự chỉ đạo của một Vị Chức Trách có trách nhiệm, là vị Thần của ngọn núi. Khi một đỉnh núi là một phần của dãy núi, thì đến lượt toàn bộ dãy núi sẽ được chủ trì bởi một Sinh Mệnh tiến hoá cao hơn rất nhiều, thuộc cùng Đẳng cấp với các vị Thần của những đỉnh núi riêng lẻ.

The appearance of these Beings is most magnificent, as is shown in the illustrations in Part V of this book, far from adequate though they be despite the artist's skill. In height colossal, often ranging from thirty to sixty feet, the mountain God is surrounded on every side by outrushing, brilliantly coloured auric forces. These flow out from the central form in waves, eddies and vortices, varying continuously in colour, in response to changes of consciousness and activity. The face is generally more clearly visible than the rest of the form, which not infrequently is veiled by the outflowing energies. The features are always strongly yet beautifully modelled. The brow is broad, the eyes wide set and ablaze with power and light. Whilst in man the heart and solar plexus *chakras* are distinct, in mountain and other Gods they are sometimes conjoined to form a brilliant force-centre, often golden in colour, from which many of the streams of power arise and flow forth. On occasions these streams take the form of great wings stretched out for hundreds of yards on either side of the majestic figure.

Dáng vẻ của các Sinh Mệnh này cực kỳ huy hoàng, như được trình bày trong các minh họa ở Phần V của sách này, dù các minh họa ấy còn rất xa mới tương xứng, bất chấp tài năng của họa sĩ. Có chiều cao khổng lồ, thường từ ba mươi đến sáu mươi bộ, vị Thần núi được bao quanh mọi phía bởi các mãnh lực hào quang tuôn trào, rực rỡ sắc màu. Các mãnh lực này tuôn ra từ hình tướng trung tâm thành những làn sóng, xoáy nước và vòng xoáy, liên tục biến đổi màu sắc để đáp ứng với những thay đổi của tâm thức và hoạt động. Khuôn mặt thường rõ ràng hơn phần còn lại của hình tướng, vốn không hiếm khi được che phủ bởi các năng lượng tuôn ra. Các đường nét luôn được tạo hình mạnh mẽ nhưng đẹp đẽ. Trán rộng, mắt cách xa nhau và rực cháy quyền năng cùng ánh sáng. Trong khi ở con người, các *luân xa* tim và tùng thái dương riêng biệt, thì ở các vị Thần núi và các vị Thần khác, đôi khi chúng hợp lại để tạo thành một trung tâm mãnh lực rực sáng, thường có màu vàng kim, từ đó nhiều dòng quyền năng phát sinh và tuôn ra. Đôi khi các dòng này mang hình dạng những đôi cánh lớn vươn ra hàng trăm thước ở hai bên hình thể uy nghi.

Whilst all such Gods live their own intensely vivid life amongst their peers in the higher superphysical worlds, one part of their attention is almost continuously turned

Trong khi tất cả các vị Thần như vậy sống đời sống riêng vô cùng sinh động giữa các đồng đẳng của mình trong các cõi siêu hồng trần cao hơn, một phần sự chú ý của các ngài hầu

towards the mountain below, into the sleeping consciousness and life of which they continually direct streams of stimulating, quickening force. Occasionally, in order to perform its awakening functions more quickly and effectively, a God will descend deep into the mento-astral double of the mountain, its potent energies unified with the creative forces of which the mountain substance and form are products, its life blended with the indwelling Life and its consciousness one with the incarnate, Divine Mind. After a time it reappears and resumes its station high above the peak.

như liên tục hướng về ngọn núi bên dưới, vào tâm thức và sự sống đang ngủ yên của nó, nơi các ngài liên tục hướng các dòng mãnh lực kích thích và làm thức tỉnh. Đôi khi, để thực hiện các chức năng đánh thức của mình nhanh chóng và hiệu quả hơn, một vị Thần sẽ đi sâu xuống bản sao trí-cảm của ngọn núi, các năng lượng mạnh mẽ của vị ấy hợp nhất với những mãnh lực sáng tạo mà chất liệu và hình tướng của ngọn núi là sản phẩm, sự sống của vị ấy hòa lẫn với Sự Sống nội tại và tâm thức của vị ấy hợp nhất với Trí thiêng liêng đang lâm phàm. Sau một thời gian, vị ấy lại xuất hiện và tiếp tục vị trí của mình cao trên đỉnh núi.

As stated above the Gods of single peaks are subordinate to a still greater God which, though larger and more brilliant, resembles its subordinates and performs similar functions for the whole mountain range and surrounding landscape. Such great Gods of Nature are not usually interested in man, neither do they display knowledge of human life and modes of thought. Intensely concentrated upon their task, they are generally remote and impassive, even as are the snowclad peaks. Certain of them, however, would seem to have had contact with men in earlier civilisations, to have retained interest in human evolution and to be willing, on occasion, to inspire and advise human individuals and groups responsive to their influence.

Như đã nói ở trên, các vị Thần của những đỉnh núi riêng lẻ lệ thuộc một vị Thần còn lớn hơn, tuy lớn hơn và rực rỡ hơn, nhưng giống các vị dưới quyền mình và thực hiện các chức năng tương tự cho toàn bộ dãy núi và cảnh quan chung quanh. Những vị Thần vĩ đại của Thiên Nhiên như vậy thường không quan tâm đến con người, cũng không biểu lộ tri thức về đời sống và các lối tư tưởng của nhân loại. Tập trung mãnh liệt vào nhiệm vụ của mình, các ngài thường xa cách và điềm nhiên, giống như các đỉnh núi phủ tuyết. Tuy nhiên, một số vị dường như đã từng tiếp xúc với con người trong các nền văn minh xưa, đã giữ lại sự quan tâm đối với tiến hoá nhân loại và đôi khi sẵn lòng truyền cảm hứng cũng như khuyên bảo các cá nhân và nhóm người đáp ứng với ảnh hưởng của các ngài.

MESSAGES FROM THE HEIGHTS – THÔNG ĐIỆP TỪ NHỮNG ĐỈNH CAO

Amongst the many mountain Gods observed in the Sierra Nevada Mountains in California, the two presently described showed interest in and knowledge of man. Of the first of these Gods, I wrote at the time of observation:

Trong số nhiều vị Thần núi được quan sát tại dãy Sierra Nevada ở California, hai vị được mô tả dưới đây đã bày tỏ sự quan tâm và tri thức về con người. Về vị Thần đầu tiên trong hai vị này, tôi đã viết vào lúc quan sát:

The great sphere of his outer aura gleams white as sunlit snow-fields across which he moves majestically. Within the white

Khối cầu lớn của hào quang bên ngoài của Ngài lấp lánh trắng như những cánh đồng tuyết dưới ánh mặt trời mà Ngài di chuyển

radiance, and partially veiled by it, shine the deep greens of the cypress trees, and within these again the golden glory of the noonday sun. Then glows a rosy light of softest hue, next azure blue and last, all white and radiant, the Godlike form.

qua một cách uy nghi. Bên trong ánh rạng trắng ấy, và phần nào bị nó che phủ, rực sáng màu xanh thẫm của những cây bách, và bên trong các màu xanh ấy lại là vinh quang vàng kim của mặt trời giữa trưa. Rồi một ánh sáng hồng với sắc độ dịu dàng nhất phát rạng, kế đó là xanh thiên thanh và cuối cùng, toàn trắng và rực rỡ, là hình tướng như Thần.

The face is moulded in strength, square-jawed and powerful. The "hair" resembles flickering, backward-sweeping flames and in the air above a crown of upward-rushing, radiant energies flashes with the brightly coloured jewels of his thoughts.

Khuôn mặt được tạo khuôn trong sức mạnh, hàm vuông và đầy quyền lực. "Tóc" giống những ngọn lửa chập chờn quét ngược ra sau, và trong không trung phía trên, một vương miện bằng các năng lượng rạng rỡ tuôn vọt lên lóe sáng với những viên ngọc rực màu của các tư tưởng của Ngài.

An attempt to discover something of the content of his consciousness and, more particular, his views concerning the Gods, visible Nature and the ideal relation of man thereto, produces upon me the impression of the utterance of successive principles, each followed by a profound stillness in which the idea is dwelt upon and assimilated. The God thus seems to "say":

Một nỗ lực nhằm khám phá phần nào nội dung tâm thức của Ngài, và đặc biệt hơn, quan điểm của Ngài về các vị Thần, Thiên Nhiên hữu hình và mối quan hệ lý tưởng của con người với Thiên Nhiên, tạo nơi tôi ấn tượng về sự thốt ra các nguyên lý nối tiếp nhau, mỗi nguyên lý được theo sau bởi một sự tĩnh lặng sâu xa, trong đó ý tưởng được lưu trú và đồng hóa. Vị Thần ấy dường như "nói":

"The globe is a living being with incarnate power, life and consciousness. The Earth breathes. Its heart beats. It is the body of a God who is the Spirit of the Earth. Rivers are as its nerves, oceans great nerve-centres. Mountains are the denser structure of the giant whose outer form is man's evolutionary field, whose inner life and potent energies are the abiding place of the Gods.

"Bầu hành tinh là một sinh linh sống, với quyền năng, sự sống và tâm thức đang lâm phàm. Trái Đất thở. Trái tim của nó đập. Nó là thể của một vị Thần, Đấng là Tinh Linh Địa Cầu. Các dòng sông như những dây thần kinh của nó, các đại dương là những trung tâm thần kinh lớn. Núi non là cấu trúc đậm đặc hơn của người khổng lồ mà hình tướng bên ngoài là trường tiến hoá của con người, còn sự sống bên trong và các năng lượng mạnh mẽ là nơi cư ngụ của các vị Thần.

"The approach to Nature by modern man is almost exclusively through action and his outer senses. Too few among her human devotees approach her in stillness, with outer senses quieted and inner sense aroused. Few, therefore, discover the Goddess herself behind her earthly veil.

"Cách con người hiện đại tiếp cận Thiên Nhiên hầu như hoàn toàn thông qua hành động và các giác quan bên ngoài của y. Quá ít người trong số những kẻ sùng kính Thiên Nhiên tiếp cận bà trong tĩnh lặng, với các giác quan bên ngoài được lắng dịu và giác quan bên trong được đánh thức. Do đó, ít người khám phá

được chính Nữ Thần phía sau tấm màn trần thế của bà.

"There is a value in the active life, a power and a beauty in Nature's outer garb. Power far greater, and beauty far deeper, lie beneath her veil, only to be drawn aside by silent contemplation of her hidden life.

"Có một giá trị trong đời sống hoạt động, một quyền năng và một vẻ đẹp trong chiếc áo bên ngoài của Thiên Nhiên. Quyền năng lớn hơn rất nhiều, và vẻ đẹp sâu hơn rất nhiều, nằm bên dưới tấm màn của bà, chỉ được vén lên bằng sự chiêm ngưỡng thầm lặng về sự sống ẩn kín của bà.

"The heart of Nature, save for its rhythmic pulse, abides [In] silence. The devotee at Nature's shrine must approach her altar reverently and with quiet mind if he would find her beating heart and know the power within the form.

"Trái tim của Thiên Nhiên, ngoại trừ nhịp đập đều đặn của nó, an trú [trong] im lặng. Người sùng kính tại điện thờ Thiên Nhiên phải đến gần bàn thờ của bà một cách cung kính và với thể trí tĩnh lặng, nếu y muốn tìm thấy trái tim đang đập của bà và biết quyền năng bên trong hình tướng.

"The doorway of her temple exists and is to be found in every natural form. Contemplation of a single flower may lead the seeker through. A plant displaying Nature's symmetry, a tree, a mountain range, a single peak, flowing river, a thundering cascade—each and all of these will serve the contemplative soul of man as entrance to the realm of the Real wherein Nature's Self abides.

"Cửa vào đền thờ của bà hiện hữu và có thể được tìm thấy trong mọi hình tướng tự nhiên. Sự chiêm ngưỡng một bông hoa duy nhất có thể dẫn người tìm kiếm đi qua. Một cây cỏ biểu lộ sự cân xứng của Thiên Nhiên, một thân cây, một dãy núi, một đỉnh núi đơn lẻ, dòng sông đang chảy, một thác nước vang dội — mỗi điều và tất cả những điều này sẽ phụng sự linh hồn chiêm ngưỡng của con người như lối vào cõi giới của Thực Tại, nơi Bản Ngã của Thiên Nhiên an trú.

"In contemplation of Nature's outward forms, the doorway to her temple should be approached. Self-identification with her inner Life, deep response to her beauty without and within—these are the means of entry to her inmost Shrine.

"Trong sự chiêm ngưỡng các hình tướng bên ngoài của Thiên Nhiên, nên đến gần cửa vào đền thờ của bà. Sự tự đồng hoá với Sự Sống bên trong của bà, sự đáp ứng sâu xa với vẻ đẹp của bà bên ngoài và bên trong — đó là những phương tiện để đi vào Điện Thờ thâm sâu nhất của bà.

"Within, await the High Gods, the timeless Ones, the everlasting Priests, who minister throughout creative Day within the temple, which is the natural world.

"Bên trong, các vị Thần Cao Cả đang chờ đợi, các Đấng vượt thời gian, các Tư Tế vĩnh cửu, những vị phụng sự suốt Ngày sáng tạo trong đền thờ, vốn là thế giới tự nhiên.

"Few, far too few, have found entrance there since Greece became a ruin and Rome fell into decay. The Grecians of old dwelt in simplicity.

"Ít người, quá ít người, đã tìm được lối vào đó từ khi Hy Lạp trở thành phế tích và La Mã rơi vào suy tàn. Người Hy Lạp thời xưa sống trong

Complexities had not yet appeared. Human character was direct, human life simple and human minds, if somewhat primitive, attuned to the Universal Soul.

"The wheel revolves. The golden days return. Nature calls again to man who, as he hears, endeavours to respond. Man has passed through the cycle of darkness which followed the decay of Rome. Yet, involved in increasing complexities, he has lost his contact with Nature's hidden life. To regain it, all that dulls the senses, everything gross, everything impure and all indulgence must be left behind. The divine heart of Life must be approached in silent contemplation and single-mindedness; thus only may that heart be found." A second mountain God whose picture appears on Plate 15, was in its turn described at the time and as follows: There comes a great white angel of the heights shining with the light of sunshine upon snow. On every side his far-flung aura gleams with brilliant hues, ordered in successive bands from central form to aura's edge, pale rose, pale blue, soft green and purple. From his head a widening stream of white and fiery force arises and from behind the form flow waves of power suggesting auric wings.

The face is strong, virile, masculine. The brow is broad, the eyes wide apart and alight with power. The "hair" is formed of flashes of flame, like fiery power shooting upwards from the head. The nose and chin are delicately yet strongly modelled, the lips full, the whole face instinct with the majesty and power of the mountain range. The form itself is veiled by streams of white, flowing energy. At intervals, throughout the form and outward-flowing power there flashes a white radiance, dazzlingly bright, as of the sunlit snows.

giản dị. Những phức tạp chưa xuất hiện. Tính cách con người trực tiếp, đời sống con người giản đơn và thể trí con người, dù có phần nguyên sơ, vẫn hòa điệu với Linh Hồn Vũ Trụ.

"Bánh xe xoay chuyển. Những ngày vàng son trở lại. Thiên Nhiên lại gọi con người, và khi nghe thấy, y cố gắng đáp ứng. Con người đã đi qua chu kỳ bóng tối theo sau sự suy tàn của La Mã. Tuy nhiên, bị cuốn vào những phức tạp ngày càng tăng, y đã mất tiếp xúc với sự sống ẩn kín của Thiên Nhiên. Để giành lại điều đó, mọi thứ làm giác quan cùn mòn, mọi thứ thô trược, mọi thứ bất tịnh và mọi sự buông thả phải được bỏ lại phía sau. Trái tim thiêng liêng của Sự Sống phải được tiếp cận trong sự chiêm ngưỡng thầm lặng và sự nhất tâm; chỉ như vậy trái tim ấy mới có thể được tìm thấy." Một vị Thần núi thứ hai, có hình ảnh xuất hiện ở Bản 15, đến lượt mình đã được mô tả vào lúc ấy như sau: Một thiên thần trắng vĩ đại của những đỉnh cao đang đến, rực sáng với ánh mặt trời trên tuyết. Ở mọi phía, hào quang trải rộng của Ngài lấp lánh những sắc thái rực rỡ, được sắp xếp thành các dải kế tiếp từ hình tướng trung tâm đến rìa hào quang: hồng nhạt, xanh nhạt, lục dịu và tím. Từ đầu Ngài, một dòng mãnh lực trắng và bốc lửa mở rộng vươn lên, và từ phía sau hình tướng tuôn ra những làn sóng quyền năng gợi nên đôi cánh hào quang.

Khuôn mặt mạnh mẽ, cường tráng, nam tính. Trán rộng, mắt cách xa nhau và sáng rực quyền năng. "Tóc" được tạo bằng những tia lửa lóe, như quyền năng bốc lửa phóng lên từ đầu. Mũi và cằm được tạo hình tinh tế nhưng mạnh mẽ, môi đầy đặn, toàn bộ khuôn mặt thấm đẫm uy nghi và quyền năng của dãy núi. Chính hình tướng ấy được che phủ bởi các dòng năng lượng trắng đang tuôn chảy. Từng lúc, khắp hình tướng và quyền năng tuôn ra bên ngoài lại lóe lên một ánh rạng trắng, chói sáng rực rỡ như tuyết dưới ánh mặt trời.

He answers my call for light, "speaking" as if in a deep, resonant bass, vibrant as if with the power of the Earth itself:

"The Gods await the conscious reunion of the mind of man with the Universal Mind. Humanity awakens slowly. Matter-blinded through centuries, few men as yet perceive the Mind within the substance, the Life within the form.

"In search of power and wealth, men have traversed the whole Earth, have penetrated the wilds, scaled the peaks and conquered the polar wastes. Let them now seek within the form, scale the height of their own consciousness, penetrate its depths, in search of that inner Power and Life by which alone they may become strong in will and spiritually enriched.

"He who thus throws open his life and mind to the Universal Life and Mind indwelling in all things, will enter into union therewith and to him the Gods will appear.

"Let him with full intent of mind and will thus meditate:

'Power universal,

Life indwelling,

Mind all-pervading,

I am one with Thee.

'Gods of Power, Life and Mind,

I greet you.

In the Self of the Universe, we are one.

I am that Self, that Self am I.'"

Ngài đáp lại lời tôi kêu gọi ánh sáng, "nói" như bằng một giọng trầm sâu vang dội, rung động như với quyền năng của chính Trái Đất:

"Các vị Thần chờ đợi sự tái hợp có ý thức của thể trí con người với Vũ Trụ Trí. Nhân loại thức tỉnh chậm chạp. Bị vật chất làm mù lòa qua nhiều thế kỷ, cho đến nay ít người nhận ra Trí bên trong chất liệu, Sự Sống bên trong hình tướng.

"Trong cuộc tìm kiếm quyền năng và của cải, con người đã đi khắp toàn bộ Trái Đất, đã thâm nhập những vùng hoang dã, leo lên các đỉnh núi và chinh phục các miền băng giá cực địa. Giờ đây, hãy để họ tìm kiếm bên trong hình tướng, leo lên độ cao của chính tâm thức mình, thâm nhập các chiều sâu của nó, để tìm kiếm Quyền năng và Sự Sống bên trong ấy, nhờ đó mà thôi họ mới có thể trở nên mạnh mẽ trong ý chí và được làm giàu về mặt tinh thần.

"Kẻ nào như vậy mở rộng đời sống và thể trí của mình cho Sự Sống Vũ Trụ và Trí Vũ Trụ đang nội tại trong mọi sự, sẽ đi vào hợp nhất với các điều ấy và các vị Thần sẽ hiện ra với y.

"Hãy để y, với trọn chủ ý của thể trí và ý chí, tham thiền như sau:

'Quyền năng vũ trụ,

Sự Sống nội tại,

Trí bao trùm tất cả,

Tôi là một với Ngài.

'Các vị Thần của Quyền năng, Sự Sống và Trí,

Tôi chào các Ngài.

Trong Bản Ngã của Vũ Trụ, chúng ta là một.

Tôi là Bản Ngã ấy, Bản Ngã ấy là tôi.'"

CHAPTER II THE EARTH'S ANGELIC HIERARCHIES – CHƯƠNG II CÁC THÁNH ĐOÀN THIÊN THẦN CỦA TRÁI ĐẤT

ONE STUPENDOUS WHOLE – MỘT TOÀN THỂ KỲ VĨ

OCCULT science affirms that the universe, as spirit and matter, life and form, consciousness and vehicles, with all its constituents and inhabitants, is a single organism, a living unity. All individuals are as centres, organs or cells in a higher Being, of whom they are a manifestation and a part. These higher Beings in their turn are expressions of the power, the life and the consciousness of still more highly evolved Intelligences. This hierarchical system culminates in one all-inclusive All-Being, the summation and synthesis of all creation, the supreme Deity, the One Alone.

Khoa học huyền bí khẳng định rằng vũ trụ, xét như tinh thần và vật chất, sự sống và hình tướng, tâm thức và các hiện thể, cùng với mọi thành phần và cư dân của nó, là một cơ thể duy nhất, một sự hợp nhất sống động. Mọi cá thể như các trung tâm, cơ quan hay tế bào trong một Sinh Mệnh cao hơn, mà họ là một biểu hiện và một phần của Sinh Mệnh ấy. Đến lượt mình, các Sinh Mệnh cao hơn này là những biểu hiện của quyền năng, sự sống và tâm thức của các Trí tuệ tiến hoá còn cao hơn nữa. Hệ thống thánh đoàn này đạt đến đỉnh điểm trong một Toàn Thể-Sinh Mệnh bao gồm tất cả, là tổng kết và tổng hợp của toàn thể tạo vật, Thượng Đế tối cao, Đấng Đơn Nhất.

As all the atoms, cells and organs of the human body are unified in that organism, so all beings are unified within the one all-embracing divine Power, Life and Consciousness and its various vehicles, from the most tenuous to the most dense. Those vehicles in their turn constitute the visible and invisible universe which is created by the One Power, sustained by the One Life, shaped, directed and transformed by the One Intelligence, ordered by One Law and composed, fundamentally, of One Element.

Như mọi nguyên tử, tế bào và cơ quan của thể xác con người được hợp nhất trong cơ thể ấy, mọi sinh linh cũng được hợp nhất trong một Quyền năng, Sự Sống và Tâm thức thiêng liêng bao trùm tất cả duy nhất cùng các hiện thể khác nhau của nó, từ vi tế nhất đến đậm đặc nhất. Đến lượt mình, các hiện thể ấy cấu thành vũ trụ hữu hình và vô hình, được tạo bởi Quyền năng Duy Nhất, được duy trì bởi Sự Sống Duy Nhất, được định hình, chỉ đạo và chuyển đổi bởi Trí tuệ Duy Nhất, được sắp đặt bởi Định luật Duy Nhất và, về căn bản, được cấu thành bởi Nguyên tố Duy Nhất.

Physically, the universe displays exuberant variety and richness of individuality of apparently separate beings and forms. Superphysically, however, the unifying, vital principle begins to be perceived. Spiritually, all is seen to be the product and expression of one deific, creative Power under the operation of one immutable Law.

Về mặt hồng trần, vũ trụ biểu lộ sự đa dạng phong phú và tính cá biệt dồi dào của những sinh linh và hình tướng dường như tách biệt. Tuy nhiên, về mặt siêu hồng trần, nguyên khí hợp nhất và làm sinh động bắt đầu được nhận ra. Về mặt tinh thần, tất cả được thấy là sản phẩm và biểu hiện của một Quyền năng thiêng liêng, sáng tạo duy nhất, dưới sự vận hành của một Định luật bất biến duy nhất.

THE SCREEN OF TIME AND SPACE – MÀN ẢNH CỦA THỜI GIAN VÀ KHÔNG GIAN

An analogy may perhaps be taken from the cinema. Numerous continually-moving forms appear on the screen. If the beam between the projector and the screen be observed, especially if the picture be coloured, only the changes in colour, light and shade can be perceived. These changes, in their turn, are produced by the passage in front of the source of light of the film on which the original pictures were taken. This film itself, though invisible to the audience, is the factor which determines the nature of the phenomena appearing on the screen. The figures on the screen, the changes and the movements in the beam and the pictures on the film strip ire all numerous and diverse. Behind them all, however, is the single light by which the pictures themselves are produced, and without which they could not be made to appear.

Có lẽ có thể lấy một phép tương đồng từ điện ảnh. Nhiều hình tướng liên tục chuyển động xuất hiện trên màn ảnh. Nếu quan sát chùm sáng giữa máy chiếu và màn ảnh, đặc biệt nếu hình ảnh có màu, chỉ có thể nhận ra những thay đổi về màu sắc, ánh sáng và bóng tối. Đến lượt mình, những thay đổi này được tạo ra bởi sự đi qua trước nguồn sáng của cuộn phim trên đó các hình ảnh nguyên thủy đã được ghi lại. Chính cuộn phim này, dù vô hình đối với khán giả, là yếu tố quyết định bản chất của các hiện tượng xuất hiện trên màn ảnh. Các hình ảnh trên màn ảnh, những thay đổi và chuyển động trong chùm sáng, cùng các hình ảnh trên dải phim đều rất nhiều và đa dạng. Tuy nhiên, đằng sau tất cả là ánh sáng duy nhất nhờ đó chính các hình ảnh được tạo ra, và nếu không có ánh sáng ấy, chúng không thể hiện ra.

If the analogy—admittedly not quite perfect—be applied to the phenomena revealed to man through his senses, the space-time universe corresponds to the screen. The beam represents creative energy emitted from its Source, parsing through the superphysical worlds to produce the visible universe. The lens represents Creative Mind, through which Archetypes are focussed on to the universal screen. The film corresponds to the archetypal "forms" and the single light represents the primary effect of the activity of the One Creative Power (the current) by which all things were made. Just as the figures on the screen, the beam, the lens, the rolls of film, the light and electrical current, are all part of one co-ordinated scheme for the projection of pictures, so all the apparently separated portions of the universe are, in reality, parts of a single mechanism. The function of this animate "machine" charged with life-force is to create, project into matter and ultimately

Nếu phép tương đồng này — phải thừa nhận là không hoàn toàn hoàn hảo — được áp dụng cho các hiện tượng được mặc khải cho con người qua các giác quan của y, thì vũ trụ không-thời gian tương ứng với màn ảnh. Chùm sáng tượng trưng cho năng lượng sáng tạo được phát ra từ Nguồn của nó, đi qua các cõi siêu hồng trần để tạo ra vũ trụ hữu hình. Thấu kính tượng trưng cho Trí Sáng Tạo, qua đó các Nguyên mẫu được tập trung lên màn ảnh vũ trụ. Cuộn phim tương ứng với các "hình tướng" nguyên mẫu, và ánh sáng duy nhất tượng trưng cho hiệu quả sơ khởi của hoạt động của Quyền năng Sáng tạo Duy Nhất, tức dòng điện, nhờ đó mọi sự được tạo thành. Cũng như các hình ảnh trên màn ảnh, chùm sáng, thấu kính, các cuộn phim, ánh sáng và dòng điện đều là một phần của một hệ thống phối hợp duy nhất để phóng chiếu hình ảnh, thì mọi phần dường như tách biệt của vũ trụ, trong thực tại, đều là những phần của một bộ máy duy nhất. Chức năng của "cỗ máy" sống

perfect myriads of previously-conceived substances, objects and beings.

động này, được nạp đầy sinh lực, là sáng tạo, phóng chiếu vào vật chất và rốt cuộc hoàn thiện vô số chất liệu, đối tượng và sinh linh đã được quan niệm từ trước.

SOLAR ARCHANGELS – CÁC TỔNG THIÊN THẦN THÁI DƯƠNG

This principle of unity amidst diversity is well exemplified by the Kingdom of the Gods. The totality of the Angelic Hosts and nature spirits of a Solar System is a manifestation of one Solar Archangel of unimaginable splendour, within whom all angels live, move and have their being. From this centre and source of their existence all have emanated, and into it all will ultimately return.

Nguyên lý hợp nhất giữa đa dạng này được minh họa rõ ràng bởi Thiên Giới của các vị Thần. Toàn thể các Đoàn Thiên Thần và tinh linh tự nhiên của một hệ mặt trời là biểu hiện của một Tổng Thiên Thần Thái Dương duy nhất với vẻ huy hoàng không thể tưởng tượng, trong Ngài mọi thiên thần sống, vận động và có hiện tồn của mình. Từ trung tâm và nguồn hiện hữu này của họ, tất cả đã xuất lộ, và vào đó cuối cùng tất cả sẽ trở về.

In order to manifest, the One Supreme Being becomes expressed in three modes of activity, Three Aspects, each of which may be presumed to find expression as an archangel only slightly less great than the One Alone. These Three are creative, preserving and transforming Aspects, masculine, androgyne and feminine creative potencies, and in their representative and presiding Archangels one of those forces will predominate. Although three mighty Beings, they are also projections and expressions of the Primordial One. These three Emanations in their turn unite in every possible combination to produce a sevenfold self-expression of the Divine Monad. Each such expression is represented in the Angelic Kingdom by a lofty Archangel, and all these together are referred to in Christianity as the Seven Mighty Spirits before the Throne, and elsewhere as the Seven Archangels of the Face, the Cosmocratores, the Sephiroth.

Để biểu hiện, Sinh Mệnh Tối Cao Duy Nhất tự biểu lộ trong ba phương thức hoạt động, Ba Phương diện, mỗi phương diện có thể được giả định là tìm thấy biểu hiện như một Tổng Thiên Thần chỉ kém vĩ đại hơn Đấng Đơn Nhất đôi chút. Ba Phương diện này là các Phương diện sáng tạo, bảo tồn và chuyển đổi, các tiềm năng sáng tạo nam tính, lưỡng tính và nữ tính; và trong các Tổng Thiên Thần đại diện và chủ trì chúng, một trong những mãnh lực ấy sẽ chiếm ưu thế. Dù là ba Sinh Mệnh hùng mạnh, các Ngài cũng là các phóng chiếu và biểu hiện của Đấng Nguyên Sơ Duy Nhất. Đến lượt mình, ba Xuất lộ này hợp nhất trong mọi kết hợp có thể có để tạo ra sự tự biểu lộ thất phân của Chân thần Thiêng Liêng. Mỗi biểu hiện như vậy được đại diện trong Giới Thiên Thần bởi một Tổng Thiên Thần cao cả, và tất cả các vị này cùng được gọi trong Ki-tô giáo là Bảy Thánh Linh Hùng Mạnh trước Thánh Ngai, và ở nơi khác là Bảy Tổng Thiên Thần của Diện Mạo, các Đấng Cai Quản Vũ Trụ, các Sephiroth.

The creative impulse shines forth as light from the One, through the Three and the Seven to produce, at the highest spiritual levels and under the laws of number and

Xung lực sáng tạo tỏa chiếu như ánh sáng từ Đấng Duy Nhất, qua Ba và Bảy, để tạo ra, ở các cấp độ tinh thần cao nhất và dưới các định luật về số lượng và hòa âm, những hình tướng

harmony, the ideal forms, the Archetypes of every living thing in all kingdoms of Nature, including the human and the angelic. An Archangel presides over each stage of the projection of the Archetype. At every degree of densification, in each successively denser plane of Nature, angels of appropriate Orders embody the power and intent of the Creative Will-Thought and assist in its expression as evolving forms. This hierarchical system obtains throughout all levels, each of the lower groups being an expression of a single higher Intelligence.

lý tưởng, các Nguyên mẫu của mọi sự sống trong tất cả các giới của Thiên Nhiên, bao gồm giới nhân loại và giới thiên thần. Một Tổng Thiên Thần chủ trì mỗi giai đoạn phóng chiếu Nguyên mẫu. Ở mọi cấp độ đậm đặc hóa, trong mỗi cõi Thiên Nhiên kế tiếp đậm đặc hơn, các thiên thần thuộc những Đẳng cấp thích hợp hiện thân cho quyền năng và ý định của Tư tưởng-Ý Chí Sáng Tạo và trợ giúp sự biểu lộ của nó như các hình tướng đang tiến hoá. Hệ thống thánh đoàn này hiện hữu khắp mọi cấp độ, mỗi nhóm thấp hơn là biểu hiện của một Trí tuệ cao hơn duy nhất.

On the astral and etheric planes, non-individualised nature spirits are the lowest Order in the hierarchy of the Angelic Hosts. In their purely instinctive response to the will-thought of their seniors, and in their apparently aimless, though unconsciously purposeful, play, they correspond somewhat to the various shades and colours moving in the beam of the cinema projector, the visible universe coming into existence as the result of their creative activity.

Trên các cõi cảm dục và dĩ thái, các tinh linh tự nhiên chưa được biệt ngã hóa là Đẳng cấp thấp nhất trong thánh đoàn của các Đoàn Thiên Thần. Trong sự đáp ứng thuần túy theo bản năng của chúng đối với tư tưởng-ý chí của các bậc trên, và trong trò chơi dường như vô mục đích nhưng vô thức mà có mục đích của chúng, chúng tương ứng phần nào với các sắc độ và màu sắc khác nhau chuyển động trong chùm sáng của máy chiếu điện ảnh, khi vũ trụ hữu hình đi vào hiện hữu như kết quả của hoạt động sáng tạo của chúng.

This hierarchical method of self-expression by the primordial, deific Principle, is also in operation through Orders of angelic directors of the evolution of life and form in areas of differing dimensions. A single Archangel thus presides over the Solar System as a whole. Each of its major parts is also under the direction of an Intelligence of appropriate evolutionary stature. Our Earth, for example, as a physical unit composed of earth, water, air, fire and ether and its superphysical planes and life, is a vehicle for the Archangel of the planet. For this Being, each of the physical and superphysical planes or spheres—seven in all—which together constitute the whole Earth, is a vehicle of consciousness. The vast company of Solar and Planetary angelic beings is sometimes referred to as the Army of the

Phương pháp thánh đoàn này của sự tự biểu lộ bởi Nguyên khí nguyên sơ, thiêng liêng, cũng vận hành qua các Đẳng cấp thiên thần điều khiển sự tiến hoá của sự sống và hình tướng trong những vùng có kích thước khác nhau. Như vậy, một Tổng Thiên Thần duy nhất chủ trì toàn bộ hệ mặt trời. Mỗi phần chính của hệ ấy cũng ở dưới sự chỉ đạo của một Trí tuệ có tầm vóc tiến hoá thích hợp. Chẳng hạn, Trái Đất của chúng ta, như một đơn vị hồng trần gồm đất, nước, khí, lửa và dĩ thái cùng các cõi siêu hồng trần và sự sống của nó, là một hiện thể cho Tổng Thiên Thần của hành tinh. Đối với Sinh Mệnh này, mỗi cõi hay khối cầu hồng trần và siêu hồng trần — tất cả là bảy — cùng cấu thành toàn thể Trái Đất, là một hiện thể của tâm thức. Đoàn thể rộng lớn gồm các sinh linh thiên thần Thái Dương và Hành Tinh đôi

Light and the Hosts of the Logos.

khi được gọi là Đạo Quân Ánh Sáng và các Đoàn của Thượng đế.

PLANETARY ARCHANGELS – CÁC TỔNG THIÊN THẦN HÀNH TINH

The Archangels or Spiritual Regents of the planets, each of whom maintains an Ambassador and an "Embassy" on Earth, have been referred to somewhat graphically as Heavenly Snails who move with apparent slowness on their orbits round the sun, each carrying their physical planet on their back like a house or shell. The astrological attributes and psychological, mental and spiritual influences of heavenly bodies emanate in large measure from these ensouling Intelligences.

Các Tổng Thiên Thần hay các Nhiếp Chính Tinh Thần của các hành tinh, mỗi vị duy trì một Đại Sứ và một "Đại Sứ Quán" trên Trái Đất, đã được gọi một cách khá sống động là Những Con Ốc Thiên Đình, di chuyển với vẻ chậm chạp trên quỹ đạo quanh mặt trời, mỗi vị mang hành tinh hồng trần của mình trên lưng như một ngôi nhà hay chiếc vỏ. Các thuộc tính chiêm tinh và các ảnh hưởng tâm lý, trí tuệ và tinh thần của các thiên thể phát xuất phần lớn từ những Trí tuệ phú linh này.

The Archangel of a planet may be regarded as a synthesis of all other Archangels, angels and nature spirits within the planetary field. Immediately below the planetary Archangel may perhaps be placed the Archangels of each of the seven planes or spheres, all the substance of each of which is a vehicle for the Archangel of that plane. From this it follows that each of the apparently individual angels of a plane is. in reality, an expression of the power, the life and the consciousness of that plane as a whole and of its Archangel. Comprehension of this fundamental unity is all important in achieving contact, communion and collaboration with the greater and lesser Gods.

Tổng Thiên Thần của một hành tinh có thể được xem như sự tổng hợp của mọi Tổng Thiên Thần, thiên thần và tinh linh tự nhiên khác trong trường hành tinh. Ngay bên dưới Tổng Thiên Thần hành tinh, có lẽ có thể đặt các Tổng Thiên Thần của mỗi một trong bảy cõi hay khối cầu, toàn bộ chất liệu của mỗi cõi là một hiện thể cho Tổng Thiên Thần của cõi ấy. Từ đó suy ra rằng mỗi thiên thần dường như cá biệt của một cõi, trong thực tại, là một biểu hiện của quyền năng, sự sống và tâm thức của cõi ấy như một toàn thể và của Tổng Thiên Thần của nó. Sự thấu hiểu về sự hợp nhất căn bản này là điều vô cùng quan trọng để đạt được tiếp xúc, giao cảm và cộng tác với các vị Thần lớn và nhỏ.

Magic, it is said, is the process of producing visible, physical results determined upon by the trained will-thought of the magician who has found the way to communicate with the appropriate angelic Intelligences and win their collaboration. Magic has therefore been described as the power to address the Gods in their own tongues.

Huyền thuật, người ta nói, là tiến trình tạo ra các kết quả hữu hình, hồng trần, đã được xác định bởi tư tưởng-ý chí được rèn luyện của nhà huyền thuật, người đã tìm ra cách giao tiếp với các Trí tuệ thiên thần thích hợp và giành được sự cộng tác của các vị ấy. Vì vậy, huyền thuật đã được mô tả là quyền năng để nói với các vị Thần bằng chính ngôn ngữ của các Ngài.

THE CHERUBIM – CÁC CHERUBIM

The One Law also finds expression in great Archangels of Light and is administered by them. These are said to be four in number, each with innumerable subordinates in hierarchical order fulfilling the Law according to the twofold principle of equilibrium and cause and effect. These Four are sometimes called the *Lipika,* or Recorders, and sometimes the *Devarajas* of the four quarters of the compass, the Rulers of the North, the South, the East and the West. They are personified in the Egyptian religion by the great law-giver and chronologer, Tehuti and the four Sons of Horus, Mestha, Hapi, Tuamutef and Qebhsennuf; in Judaism by the Four Holy Living Creatures, the Cherubim, or sometimes as a single Cherub with four faces—of a man, an eagle, a lion and an ox—and by various three or four-headed beings in other systems of angelology. In Christianity the *Lipika*—assigned to the Order of angels known as the Watchers—are personified as the Recording Angel who writes in a great book men's deeds by which they are judged.

Định luật Duy Nhất cũng tìm thấy biểu hiện trong các Tổng Thiên Thần Ánh Sáng vĩ đại và được các Ngài thi hành. Người ta nói các vị này gồm bốn vị, mỗi vị có vô số cấp dưới theo trật tự thánh đoàn, hoàn thành Định luật theo nguyên lý nhị phân của cân bằng và nhân quả. Bốn Vị này đôi khi được gọi là *Lipika,* hay các Đấng Ghi Chép, và đôi khi là *Devaraja* của bốn phương la bàn, các Đấng Cai Quản phương Bắc, Nam, Đông và Tây. Các vị ấy được nhân cách hóa trong tôn giáo Ai Cập bởi vị đại lập luật và nhà niên đại học Tehuti cùng bốn Người Con của Horus, Mestha, Hapi, Tuamutef và Qebhsennuf; trong Do Thái giáo bởi Bốn Sinh Vật Thánh Sống, các Cherubim, hoặc đôi khi như một Cherub duy nhất với bốn khuôn mặt — của một người, một chim ưng, một sư tử và một bò đực — và bởi nhiều sinh linh ba hoặc bốn đầu trong các hệ thống thiên thần học khác. Trong Ki-tô giáo, các *Lipika* — được gán cho Đẳng cấp thiên thần gọi là các Đấng Canh Giữ — được nhân cách hóa như Thiên Thần Ghi Chép, vị viết vào một cuốn sách lớn các hành vi của con người mà nhờ đó họ bị phán xét.

THE FIERY CROSS – THẬP GIÁ RỰC LỬA

The idea is not easy to comprehend that different kinds of energy, each with its own occult properties, flow to and from the four directions of space and that an Archangel is stationed at each quarter as Director of that energy. In further explanation it may therefore be said that the Creative Fite is conceived as descending vertically from zenith to nadir to penetrate hitherto virginal, pre-cosmic substance or space, regarded diagrammatically as horizontal. A cross is thus formed, the point of penetration being at the intersection of the arms. This point in space denotes the centre from which the creative and constructive process arises to

Không dễ thấu hiểu ý tưởng rằng các loại năng lượng khác nhau, mỗi loại có những đặc tính huyền bí riêng, tuôn đến và tuôn đi từ bốn hướng của không gian, và rằng một Tổng Thiên Thần được đặt ở mỗi phương như Đấng Điều Khiển năng lượng ấy. Do đó, để giải thích thêm, có thể nói rằng Lửa Sáng Tạo được quan niệm là giáng xuống theo chiều dọc từ thiên đỉnh đến thiên để, để thâm nhập chất liệu hay không gian tiền vũ trụ, trinh nguyên cho đến lúc ấy, được xem theo sơ đồ là nằm ngang. Như vậy, một thập giá được tạo thành, điểm thâm nhập nằm tại giao điểm của các cánh. Điểm này trong không gian chỉ trung tâm từ đó tiến trình sáng tạo và kiến tạo phát sinh để

transform chaos into Cosmos. Here is the central sun. Here, the Logos as Creative Intelligence and Power establishes the Cosmic Archetype or Ideation from which all develops under the rule of Time, or throughout successive cycles.

chuyển đổi hỗn mang thành Vũ trụ. Đây là mặt trời trung tâm. Tại đây, Thượng đế, như Trí tuệ và Quyền năng Sáng Tạo, thiết lập Nguyên mẫu hay Ý niệm Vũ trụ, từ đó mọi sự phát triển dưới quyền cai quản của Thời Gian, hay xuyên suốt các chu kỳ kế tiếp.

The thought-imbued, descending Creative Fire radiates horizontally from the point of intersection chiefly in the four lateral directions or to the North, the South, the East and the West, to which it is self-limited for purposes of manifestation. With the existing vertical rays, the six-armed cross is thus formed, which is the fiery core of the resultant Cosmos. The Cosmic Christos is symbolically crucified upon this cross and this is mirrored in the Crucifixion of the historical Christ.

Lửa Sáng Tạo đang giáng xuống và được thấm nhuần tư tưởng tỏa ra theo chiều ngang từ giao điểm, chủ yếu theo bốn hướng bên hay về phương Bắc, Nam, Đông và Tây, mà nó tự giới hạn vào đó vì mục đích biểu hiện. Cùng với các tia dọc hiện hữu, thập giá sáu tay như vậy được tạo thành, vốn là lõi rực lửa của Vũ trụ phát sinh. Đức Christ Vũ Trụ được đóng đinh một cách biểu tượng trên thập giá này, và điều này được phản chiếu trong Sự Đóng Đinh của Đức Christ lịch sử.

Each of the six creative rays or six arms of the cross is conceived as possessing distinctive characteristics which find expression in an Order of Intelligences. Thus to each quarter is attributed a special influence and an Archangel with its associated Angelic Hosts, one hierarchy being stationed at each corner of the Universe, as it were. Each Archangel is also a Lord of one of the four elements, the fifth, aether, being associated with the centre of the cross. As previously stated, these Intelligences are the Sacred Four of World Religions, the Mind-born Sons of *Brahma* and the Four *Devarajas* of Hinduism, the Cherubim and the four-faced Archangels of Kabbalism and Judaism, including the four symbolic animals of the vision of Ezekiel and associated with the four Evangelists.

Mỗi một trong sáu cung sáng tạo hay sáu cánh của thập giá được quan niệm là sở hữu những đặc tính riêng biệt, tìm thấy biểu hiện trong một Đẳng cấp các Trí tuệ. Như vậy, mỗi phương được gán một ảnh hưởng đặc biệt và một Tổng Thiên Thần cùng các Đoàn Thiên Thần liên kết với Ngài, như thể một thánh đoàn được đặt tại mỗi góc của Vũ trụ. Mỗi Tổng Thiên Thần cũng là Chúa Tể của một trong bốn nguyên tố, nguyên tố thứ năm, dĩ thái, được liên kết với trung tâm của thập giá. Như đã nói trước, các Trí tuệ này là Bốn Đấng Thiêng Liêng của các Tôn giáo Thế giới, các Người Con do Trí sinh của *Brahma* và Bốn *Devaraja* của Ấn giáo, các Cherubim và các Tổng Thiên Thần bốn mặt của Kabbalah và Do Thái giáo, bao gồm bốn con vật biểu tượng trong linh ảnh của Ezekiel và liên kết với bốn Tác giả Phúc Âm.

The cosmic, fiery cross is said to revolve round its vertical axis, as does the physical Cosmos round its Central Sun. This gyratory motion is reproduced throughout Nature as the axial revolutions of suns, planets and spinning

Thập giá rực lửa vũ trụ được nói là xoay quanh trục dọc của nó, cũng như Vũ trụ hồng trần xoay quanh Mặt trời Trung Ương của nó. Chuyển động xoáy này được tái hiện khắp Thiên Nhiên như các vòng quay theo trục của

chemical atoms in which electrons and other particles follow planetary paths round their nuclei. Solar Systems, both in groups and individually, and their component planets, also move through space on orbital paths round central suns.

những mặt trời, hành tinh và các nguyên tử hóa học đang xoay, trong đó các electron và những hạt khác đi theo các quỹ đạo hành tinh quanh hạt nhân của chúng. Các hệ mặt trời, cả theo nhóm lẫn riêng lẻ, và các hành tinh cấu thành của chúng, cũng di chuyển trong không gian trên các quỹ đạo quanh những mặt trời trung tâm.

These axial and orbital motions of stellar, solar, planetary and atomic bodies are physical manifestations of the revolutions round the central Spiritual Sun at the nave or hub, of the six-armed cosmic, fiery cross of three dimensions of which the swastika is a two-dimensional symbol. The swastika is an equal-armed cross with short secondary arms at right angles to the primary ones. These hooks, as they are sometimes called, represent the flames and sparks which stream backwards as the fiery, *fohatic* cross revolves continuously throughout creative Day.

Những chuyển động trục và quỹ đạo này của các thể sao, mặt trời, hành tinh và nguyên tử là những biểu hiện hồng trần của các cuộc xoay vòng quanh Mặt trời Tinh thần Trung Ương tại tâm trục hay ổ trục của thập giá vũ trụ bằng lửa, sáu tay, ba chiều, mà chữ vạn là biểu tượng hai chiều. Chữ vạn là một thập giá có các tay bằng nhau, với những tay phụ ngắn tạo góc vuông với các tay chính. Những móc này, như đôi khi chúng được gọi, tượng trưng cho các ngọn lửa và tia lửa tuôn ngược lại khi thập giá *fohat* bằng lửa liên tục xoay chuyển suốt Ngày sáng tạo.

Vortices, cosmic, nebular, stellar, solar, planetary and atomic, whirlwinds in space, maelstroms in matter—and perhaps the *chakras* of animals and men—are produced by this vast circumgyration of the cosmic cross of Creative Fire. "*Fohat*," it is said, "digs through space seven holes." *Fohat,* however, is not electrical energy alone. It is endowed with intelligence. It is, in fact, a Being, though inconceivable as such by man, an Archangel of Fire, a veritable God. The vertical descent of fiery power, of horizontal radiations into the four quarters of the spherical field, the revolution of the resultant cross, the formation of vortical centres at the heart and along the arms and the creation and densification of universes and their components according to cruciform and vortical designs—all this is directed by the so-called Seven Sons (and Brothers) of *Fohat,* the great Gods of the six directions of space, the

Các xoáy lực — vũ trụ, tinh vân, sao, mặt trời, hành tinh và nguyên tử — những cơn lốc trong không gian, những xoáy nước dữ trong vật chất, và có lẽ cả các *luânxa* của động vật và con người, đều được tạo ra bởi sự xoay vòng bao la này của thập giá vũ trụ thuộc Lửa Sáng Tạo. Người ta nói: "*Fohat* đào xuyên không gian bảy lỗ." Tuy nhiên, *Fohat,* không chỉ là năng lượng điện. Nó được phú cho trí tuệ. Thật vậy, nó là một Đấng, dù con người không thể quan niệm nó như thế, một Tổng Thiên Thần của Lửa, một Thượng đế đích thực. Sự giáng xuống theo chiều dọc của quyền năng lửa, các bức xạ ngang vào bốn phương của trường hình cầu, sự xoay chuyển của thập giá được tạo thành, sự hình thành các trung tâm xoáy ở tim và dọc theo các tay, cùng việc sáng tạo và làm đậm đặc các vũ trụ và các thành phần của chúng theo những mô hình thập giá và xoáy lực — tất cả những điều này đều do cái gọi là Bảy Con Trai và Huynh Đệ của *Fohat,*

Cosmocratores, the Archangels of the Face, the Sephiroth.

các Thượng đế vĩ đại của sáu hướng trong không gian, các Đấng Kiến Tạo Vũ Trụ, các Tổng Thiên Thần của Dung Nhan, các Sephiroth, điều khiển.

THE COSMIC CRUCIFIXION – SỰ ĐÓNG ĐINH VŨ TRỤ

The Seventh, the synthesis, the Cosmic Logos, the Spiritual Sun, the Christos by whom all things were made, is enthroned at the centre. Thereon, throughout *Manvantara,* He is voluntarily self-crucified, not in agony and death and downflowing sweat and blood, but in creative ecstasy and with perpetually outpoured power and life. The Mighty Four, the Cherubim, who are also the Recorders of the activities of the successive Nights and Days down to the minutest events occurring to the smallest lives, the *Lipika* or Archangels of Time and Law, are stationed at the extremities of the horizontal arms. These four cosmic Beings at the arms of the horizontal cross are the master-mathematicians, as it were, who comprehend the inconceivable complexity of the everchanging and ever-growing network of the *karmas* of all universes, planets and beings. Since representatives of these Angels of *karma* administer the *karmic* law on this planet in order to effect the greatest possible evolutionary advancement and the strictest justice for every individual, they and their planetary agents, the *karmadevas,* must be included amongst the Angelic Hierarchies of our Earth.

Đấng Thứ Bảy, sự tổng hợp, Thượng đế Vũ Trụ, Mặt trời Tinh thần, Christos, nhờ Ngài mà muôn vật được tạo thành, ngự trên ngai tại trung tâm. Tại đó, suốt *Giai kỳ sinh hóa,* Ngài tự nguyện tự đóng đinh mình, không trong thống khổ, chết chóc, mồ hôi và máu tuôn xuống, mà trong sự xuất thần sáng tạo, với quyền năng và sự sống tuôn đổ không ngừng. Bốn Đấng Đại Hùng, các Cherubim, cũng là những Đấng Ghi Chép các hoạt động của các Đêm và Ngày kế tiếp nhau, cho đến những biến cố nhỏ nhất xảy ra với những sự sống nhỏ bé nhất, các *Lipika* hay các Tổng Thiên Thần của Thời Gian và Định Luật, được đặt tại các đầu mút của những tay ngang. Bốn Đấng vũ trụ này nơi các tay của thập giá ngang, có thể nói, là những nhà toán học bậc thầy, thông hiểu tính phức tạp không thể quan niệm nổi của mạng lưới luôn biến đổi và luôn tăng trưởng của các *nghiệp quả* thuộc mọi vũ trụ, hành tinh và sinh linh. Vì các đại diện của những Thiên Thần *nghiệp quả* này quản trị định luật *nghiệp quả* trên hành tinh này nhằm đem lại sự tiến bộ tiến hoá lớn lao nhất có thể và công lý nghiêm ngặt nhất cho từng cá nhân, nên các Ngài và những tác nhân hành tinh của các Ngài, các *thiên thần nghiệp quả,* phải được kể vào trong các Huyền Giai Thiên Thần của Trái Đất chúng ta.

NATIONAL ANGELS – CÁC THIÊN THẦN QUỐC GIA

The whole human race is presided over by a lofty Archangel who exerts continually a spiritualising influence upon the Higher Selves of all men. This Archangel of the human race unifies itself at the level of Spiritual Will, or Atma with every human Ego,

Toàn thể nhân loại được một Tổng Thiên Thần cao cả chủ trì, Đấng liên tục tạo ảnh hưởng tinh thần hoá lên các Bản Ngã Cao Siêu của mọi người. Tổng Thiên Thần của nhân loại này hợp nhất với từng chân ngã con người ở cấp độ Ý Chí Tinh Thần, hay Atma, và bằng

and by lending its own far more highly developed Atmic power to each, enhances for them the influence of their own Monad and its Ray. The degree of such enhancement and man's response thereto varies through thousands of centuries according to the effect of cyclic progression and the culmination and coincidence of component cycles. Nevertheless it is to be assumed that this ministration continues without intermission throughout the whole world period the duration of which, in terms of physical time, has been said to be at least fifty million years.

cách cho mỗi người mượn quyền năng Atma của chính Ngài, vốn phát triển cao hơn rất nhiều, Ngài tăng cường cho họ ảnh hưởng của chính chân thần và cung của họ. Mức độ tăng cường ấy và sự đáp ứng của con người đối với nó thay đổi qua hàng ngàn thế kỷ, tùy theo tác động của tiến trình chu kỳ và sự đạt đỉnh cùng trùng hợp của các chu kỳ thành phần. Tuy nhiên, có thể giả định rằng sự phụng sự này tiếp diễn không gián đoạn suốt toàn bộ thời kỳ thế giới, mà thời lượng của nó, xét theo thời gian hồng trần, được nói là ít nhất năm mươi triệu năm.

Each well-established nation is similarly presided over by a National Angel or Archangel Potentate. This lofty Intelligence is associated more especially with the Egos of all members of the nation. It unifies itself with each and continually enhances the spiritual power and life of the Ego. On occasion it also sends an impulse down to the personality to act in a manner which will best contribute to the fulfilment of *dharma* and evolution to the stature of the perfect man.

Mỗi quốc gia đã được thiết lập vững chắc cũng tương tự được một Thiên Thần Quốc Gia hay Tổng Thiên Thần Toàn Quyền chủ trì. Trí Tuệ cao cả này đặc biệt liên hệ với các chân ngã của mọi thành viên trong quốc gia. Ngài hợp nhất với từng chân ngã và liên tục tăng cường quyền năng cùng sự sống tinh thần của chân ngã. Đôi khi Ngài cũng gửi một xung lực xuống phàm ngã để hành động theo cách góp phần tốt nhất vào sự hoàn thành *thiên chức* và tiến hoá đến tầm vóc của con người hoàn thiện.

A National Angel may be studied from two distinct points of view. According to one aspect, he may be regarded as a member of the more elevated ranks of the Angelic Hierarchy who has been appointed to this high office. In that capacity he works largely from the level of Spiritual Will, from which he obtains a full knowledge of the *karma* and the *dharma* of his nation, and of the ideal development towards which it is part of his duty to guide and inspire its people. His work is to quicken the evolution of his nation and to inspire its leaders to make decisions which will help towards the fulfilment of the national *dharma;* he seeks to minimise the effects of errors and to exercise a restraining influence, so that the nation may not depart unduly from the path leading to its highest destiny, or

Có thể nghiên cứu Thiên Thần Quốc Gia từ hai quan điểm riêng biệt. Theo một phương diện, Ngài có thể được xem là một thành viên thuộc các cấp bậc cao hơn của Huyền Giai Thiên Thần, đã được bổ nhiệm vào chức vụ cao cả này. Trong cương vị đó, Ngài hoạt động phần lớn từ cấp độ Ý Chí Tinh Thần, từ đó Ngài có được tri thức đầy đủ về *nghiệp quả* và *thiên chức* của quốc gia mình, cũng như về sự phát triển lý tưởng mà một phần nhiệm vụ của Ngài là hướng dẫn và truyền cảm hứng cho dân tộc ấy đạt tới. Công việc của Ngài là thúc nhanh sự tiến hoá của quốc gia mình và truyền cảm hứng cho các nhà lãnh đạo của quốc gia ấy đưa ra những quyết định giúp hoàn thành *thiên chức* quốc gia; Ngài tìm cách giảm thiểu các hậu quả của sai lầm và tạo một ảnh hưởng kiềm chế, để quốc gia ấy

fail to take its appointed place in the family of nations.

không rời quá xa con đường dẫn đến vận mệnh cao nhất của mình, hay không thất bại trong việc đảm nhận vị trí đã được ấn định trong gia đình các quốc gia.

As previously stated, above the National Angels of the world there is a still greater Being, who serves the whole human race on this planet in a manner similar to that in which the National Angel serves his particular race. Superior to this Official there are, in all probability, interplanetary Angels who serve the whole of humanity in one Planetary Round, Chain and Scheme. No doubt this hierarchical system is extended to include Solar Systems, and even Cosmoi, all of which are linked together by angelic beings of increasing spiritual stature.

Như đã nêu trước đây, bên trên các Thiên Thần Quốc Gia của thế giới còn có một Đấng lớn lao hơn nữa, phụng sự toàn thể nhân loại trên hành tinh này theo cách tương tự như Thiên Thần Quốc Gia phụng sự nhân loại riêng biệt của Ngài. Cao hơn Vị Chức Sắc này, rất có thể có các Thiên Thần liên hành tinh phụng sự toàn thể nhân loại trong một cuộc tuần hoàn, Dãy và hệ hành tinh. Không nghi ngờ gì, hệ thống huyền giai này được mở rộng để bao gồm các hệ mặt trời, và thậm chí các Vũ Trụ, tất cả đều được liên kết với nhau bởi những Đấng thiên thần có tầm vóc tinh thần ngày càng tăng.

A somewhat similar hierarchical method would seem to be employed by the advanced members of the human race forming the Great White Brotherhood of Adepts, who guide and guard humanity throughout the ages. There are Adepts responsible for the evolution of individual nations, still higher Officials who have charge of continents, and above them the great Planetary Adept, Ruler, the Spiritual King who is the earthly Representative of the Solar Logos. Complete and perfect co-operation is maintained between the human and angelic branches of this Inner Government of the World. In the future, as higher orders of consciousness are unfolded and a wider range of sensory response is developed, the human ministers responsible for the religious, governmental and cultural development of a nation will doubtless consciously collaborate with their spiritual superiors in both human and angelic hierarchies. Then, at last, this earth will enter upon the longed-for Golden Age.

Một phương pháp huyền giai phần nào tương tự dường như cũng được các thành viên tiến bộ của nhân loại, những vị hợp thành Thánh Đoàn các Chân sư, sử dụng để hướng dẫn và bảo vệ nhân loại qua các thời đại. Có những Chân sư chịu trách nhiệm về sự tiến hoá của từng quốc gia, những Vị Chức Sắc cao hơn nữa phụ trách các lục địa, và bên trên các Ngài là vị Chân sư Hành Tinh vĩ đại, Đấng Cai Quản, vị Vua Tinh Thần là Đại Diện trên Trái Đất của Thái dương Thượng đế. Sự hợp tác hoàn toàn và hoàn hảo được duy trì giữa hai ngành nhân loại và thiên thần của Chính Phủ Nội Tại của Thế Giới này. Trong tương lai, khi những trật tự tâm thức cao hơn được khai mở và một phạm vi đáp ứng giác quan rộng hơn được phát triển, các vị phụng sự nhân loại chịu trách nhiệm về sự phát triển tôn giáo, chính quyền và văn hoá của một quốc gia chắc chắn sẽ cộng tác một cách có ý thức với các bậc thượng cấp tinh thần của mình trong cả hai huyền giai nhân loại và thiên thần. Khi ấy, cuối cùng, Trái Đất này sẽ bước vào Kỷ Nguyên Hoàng Kim hằng được mong đợi.

To return to the conditions of the present time, the international Race Angel may be thought of as a weaver who uses as his threads the national characteristics, the *dharma* and the *karma* of the nations of the world, weaving them as the centuries pass into the pattern which the nations will produce according to the plan held in the Universal Mind, "the pattern on the mount". By his weaving he is also drawing the races together, helping to establish on earth the brotherhood of man. In spite of his mighty power and his perfect understanding of the divine Plan, he seeks neither fo impose his will upon men nor to oppose the collective will of a nation, however wrongly that will may be directed at any particular period. For man must grow by virtue of his own experience and the unfolding life within him.

Trở lại với các điều kiện của thời hiện tại, Thiên Thần Nhân Loại quốc tế có thể được nghĩ đến như một người thợ dệt, dùng các đặc tính quốc gia, *thiên chức* và *nghiệp quả* của các quốc gia trên thế giới làm những sợi chỉ của mình, dệt chúng qua các thế kỷ vào mô hình mà các quốc gia sẽ tạo nên theo Thiên Cơ được giữ trong Vũ Trụ Trí, "mô hình trên núi". Bằng việc dệt ấy, Ngài cũng đang kéo các dân tộc lại gần nhau, giúp thiết lập trên Trái Đất tình huynh đệ của con người. Dù có quyền năng hùng mạnh và sự thấu hiểu hoàn hảo về Thiên Cơ, Ngài không tìm cách áp đặt ý chí của mình lên con người, cũng không chống lại ý chí tập thể của một quốc gia, dù ý chí ấy có thể bị hướng dẫn sai lạc đến đâu trong một thời kỳ riêng biệt nào đó. Vì con người phải trưởng thành nhờ chính kinh nghiệm của mình và nhờ sự sống đang khai mở bên trong y.

The other aspect from which the National Angel may be studied is more difficult to understand and to explain, for it pertains to abstract levels of consciousness. In addition to the Angel's life and work as an individual, he is also the summation of the whole national consciousness. The millions of Egos incarnated in a nation to form the national Oversoul are united in him. The three aspects of a nation's life, the national *karma*, *dharma* and consciousness, meet and find a single expression in the National Angel.

Phương diện còn lại mà từ đó có thể nghiên cứu Thiên Thần Quốc Gia thì khó thấu hiểu và khó giải thích hơn, vì nó thuộc về các cấp độ tâm thức trừu tượng. Ngoài sự sống và công việc của Thiên Thần như một cá thể, Ngài còn là tổng hợp của toàn bộ tâm thức quốc gia. Hàng triệu chân ngã nhập thể trong một quốc gia để tạo thành đại hồn quốc gia đều hợp nhất trong Ngài. Ba phương diện của sự sống quốc gia — *nghiệp quả* quốc gia, *thiên chức* và tâm thức — gặp nhau và tìm thấy một biểu hiện duy nhất nơi Thiên Thần Quốc Gia.

Under the Lords of *Karma*, the National Angel is granted a certain amount of latitude and control in the working out of the nation's *karma.* He can concentrate it, so that sections are paid off quickly or he can extend it over long periods. He has a complete knowledge of his nation's capacity to endure adversity, of the amount of adverse *karma* it is capable of bearing without suffering serious evolutionary delay. He is also able to balance the favourable against the adverse *karma* of

Dưới quyền các Chúa Tể *Nghiệp Quả*, Thiên Thần Quốc Gia được ban một mức độ tự do và kiểm soát nhất định trong việc thực hiện *nghiệp quả* của quốc gia. Ngài có thể tập trung nó, để một số phần được trả xong nhanh chóng, hoặc Ngài có thể kéo dài nó qua những thời kỳ dài. Ngài có tri thức đầy đủ về khả năng chịu đựng nghịch cảnh của quốc gia mình, về lượng *nghiệp quả* bất lợi mà quốc gia ấy có thể gánh chịu mà không bị chậm trễ tiến hoá nghiêm trọng. Ngài cũng có thể cân

the nation, to modify present conditions by drawing on *karma* from the past.

bằng *nghiệp quả* thuận lợi với bất lợi của quốc gia, điều chỉnh các điều kiện hiện tại bằng cách rút *nghiệp quả* từ quá khứ.

In all this ministration, the Angel looks to the future and to the fulfilment of the national *dharma.* He not only lends his own power, but also utilises the capacities and characteristics of the nation in guiding it towards the fulfilment of its highest destiny. In the realm of Egoic consciousness, he is able at a given period to accentuate national traits so that the nation, if responsive, then tends to pursue a particular course. If the forces and qualities of a people are thought of as being visible in terms of colour, then he may be said to cause a special colour or group of colours to shine out at certain times with greater luminosity in the consciousness of the nation.

Trong toàn bộ sự phụng sự này, Thiên Thần hướng về tương lai và sự hoàn thành *thiên chức* quốc gia. Ngài không chỉ cho mượn quyền năng của chính mình, mà còn sử dụng các khả năng và đặc tính của quốc gia để hướng dẫn nó đến sự hoàn thành vận mệnh cao nhất của nó. Trong lĩnh vực tâm thức chân ngã, vào một thời kỳ nhất định, Ngài có thể làm nổi bật các nét đặc trưng quốc gia, để quốc gia ấy, nếu đáp ứng, sẽ có khuynh hướng theo đuổi một đường lối đặc thù. Nếu các mãnh lực và phẩm tính của một dân tộc được hình dung như có thể thấy được bằng màu sắc, thì có thể nói rằng Ngài khiến một màu đặc biệt, hay một nhóm màu, vào những thời điểm nhất định, toả sáng với độ rực rỡ lớn hơn trong tâm thức của quốc gia.

Such, in small part, is the nature and the activity of an Angel-Ruler. Occult tradition assigns to the Goddess, Pallas Athene, at least down to the end of the Golden Age, the office of Archangelic Ruler of the Grecian nation.

Đó, trong một phần nhỏ, là bản chất và hoạt động của một Thiên Thần Cai Quản. Truyền thống huyền bí gán cho Nữ thần Pallas Athene, ít nhất cho đến cuối Kỷ Nguyên Hoàng Kim, chức vụ Tổng Thiên Thần Cai Quản của quốc gia Hy Lạp.

ANGEL BUILDERS OF HUMAN FORMS – CÁC THIÊN THẦN KIẾN TẠO HÌNH TƯỚNG CON NGƯỜI

Every human individual is also on occasion under the direct care of a member of one of the Orders of the Angelic Hosts. Each cycle of human rebirth is presided over by members of the Orders of angels which are especially associated with man. As stated in Part I, Chapter IV, at each successive rebirth individual human Egos receive the special assistance of angels responsible for the construction of mental, emotional, etheric and physical forms. These angels operate partly under the direction of representatives of the *Lipika.* The choice of era, continent,

Mỗi cá nhân con người đôi khi cũng ở dưới sự chăm sóc trực tiếp của một thành viên thuộc một trong các Đẳng Cấp của Đạo Quân Thiên Thần. Mỗi chu kỳ tái sinh của con người được các thành viên thuộc các Đẳng Cấp thiên thần đặc biệt liên hệ với con người chủ trì. Như đã nêu trong Phần I, Chương IV, ở mỗi lần tái sinh kế tiếp, các chân ngã con người cá biệt nhận được sự trợ giúp đặc biệt của những thiên thần chịu trách nhiệm kiến tạo các hình tướng trí tuệ, cảm xúc, dĩ thái và hồng trần. Những thiên thần này hoạt động một phần dưới sự chỉ đạo của các đại diện của *Lipika.*

nation, religion, parents, environment and opportunity, sex, type and condition of body and degree of potential or actual health and disease, are all decided according to Law by these presiding Intelligences and corresponding Adept officials. The several *karmas* of the incarnating Ego, of the natal nation, of members of groups with whom there will be association, of the whole family and of the future husband or wife and children, are all fully considered. The inherent rhythm of the Monad-Ego, the ultimate destiny according to Monadic temperament or Ray, the past *karma* and the immediate and future missions are all reviewed and with unfailing justice the most favourable choices are made under *karmic* circumstances.

Việc lựa chọn thời đại, lục địa, quốc gia, tôn giáo, cha mẹ, môi trường và cơ hội, giới tính, loại và tình trạng thể xác, cùng mức độ sức khỏe và bệnh tật tiềm tàng hay thực tế, tất cả đều được các Trí Tuệ chủ trì này và các chức sắc Chân sư tương ứng quyết định theo Định luật. Các *nghiệp quả* khác nhau của chân ngã đang nhập thể, của quốc gia nơi sinh, của các thành viên trong những nhóm mà y sẽ liên hệ, của toàn gia đình, và của người chồng hay người vợ cùng con cái tương lai, tất cả đều được xem xét đầy đủ. Nhịp điệu cố hữu của Chân Thần-chân ngã, vận mệnh tối hậu theo khí chất hay cung chân thần, *nghiệp quả* quá khứ và các sứ mạng tức thời cũng như tương lai đều được duyệt xét, và với công lý không sai chạy, những lựa chọn thuận lợi nhất được thực hiện trong các hoàn cảnh *nghiệp quả*.

Since the number of Monads using the Earth as a planetary field is stated to be sixty thousand million, and all of those who are at present passing through the human kingdom receive this ministration, angels of the Order responsible for the descent of the human Ego into incarnation are thus included in this enumeration of the angelic population of our globe.

Vì số lượng chân thần sử dụng Trái Đất như một trường hành tinh được nói là sáu mươi nghìn triệu, và tất cả những ai hiện đang đi qua giới nhân loại đều nhận được sự phụng sự này, nên các thiên thần thuộc Đẳng Cấp chịu trách nhiệm về sự giáng xuống của chân ngã con người vào lâm phàm cũng được kể vào bản liệt kê dân số thiên thần của bầu hành tinh chúng ta.

The function of these beings is partially described in the above-mentioned Chapter.

Chức năng của những Đấng này đã được mô tả một phần trong Chương đã nêu trên.

ANGELS OF RELIGIONS – CÁC THIÊN THẦN CỦA TÔN GIÁO

Each major World Religion has its Archangel and angelic ministrants appointed by high planetary Officials, Adept and Archangelic. The highest of the Archangels of Religions preside over the reservoirs of spiritual power appointed to each World Faith. They conserve and supply this power as it is invoked, to the end of the maximum effectiveness. Each duly consecrated Temple, Mosque, Cathedral, Abbey, Church and Oratory is placed under the direction of a presiding angel of the Order associated with World Religions. These

Mỗi Tôn Giáo Thế Giới lớn đều có Tổng Thiên Thần và các vị phụng sự thiên thần được các Vị Chức Sắc hành tinh cao cả, Chân sư và Tổng Thiên Thần, bổ nhiệm. Những Tổng Thiên Thần cao nhất của các Tôn Giáo chủ trì các kho chứa quyền năng tinh thần được chỉ định cho mỗi Đức Tin Thế Giới. Các Ngài bảo tồn và cung cấp quyền năng này khi nó được khẩn cầu, nhằm đạt hiệu quả tối đa. Mỗi Đền Thờ, Thánh Đường Hồi giáo, Đại Giáo Đường, Tu viện, Nhà thờ và Nguyện đường đã được thánh hiến đúng nghi thức đều được đặt dưới sự chỉ

conserve both the power apportioned to the particular edifice and that which is generated at the ceremony of Consecration. They also receive and direct the uprising streams of human aspiration, worship and prayer and the power, force and devotion evoked by ceremonial. In addition, they transmit the responses from the Deity, the World Teacher, the Angelic Hosts and Members of the Communion of Saints, together with the descending power from the reservoir.

đạo của một thiên thần chủ trì thuộc Đẳng Cấp liên hệ với các Tôn Giáo Thế Giới. Các vị này bảo tồn cả quyền năng được phân bổ cho kiến trúc đặc thù ấy lẫn quyền năng được tạo ra trong nghi lễ Thánh Hiến. Các Ngài cũng tiếp nhận và điều khiển các dòng khát vọng, tôn thờ và cầu nguyện của con người đang dâng lên, cùng quyền năng, mãnh lực và lòng sùng tín được gợi lên bởi nghi lễ. Ngoài ra, các Ngài truyền dẫn những đáp ứng từ Thượng đế, Đức Chưởng Giáo, Đạo Quân Thiên Thần và các Thành Viên của Cộng Đoàn Thánh, cùng với quyền năng giáng xuống từ kho chứa.

The supreme Teacher of Angels and of Men, known in the East as the *Bodhisattva* and in the West as the Lord Christ, has under His direction, it is said, great companies of Archangels and angels, who find in His service their continual delight. In His perpetual ministration to all mankind and to the members of the angelic and sub-human kingdoms, He sends out according to their needs great streams of power, wisdom, blessing, inspiration, healing and love. He employs hosts of angels to conserve, direct and apply these expressions of His loving compassion for all that lives.

Đức Huấn Sư tối cao của Thiên Thần và Con Người, ở phương Đông được biết đến là *Đức Bồ Tát* và ở phương Tây là Đức Christ, được nói là có dưới sự chỉ đạo của Ngài những đoàn thể lớn gồm các Tổng Thiên Thần và thiên thần, những Đấng tìm thấy niềm hoan hỉ liên tục trong sự phụng sự Ngài. Trong sự phụng sự không ngừng của Ngài đối với toàn thể nhân loại và đối với các thành viên của các giới thiên thần và dưới nhân loại, Ngài tuôn ra, tùy theo nhu cầu của họ, những dòng lớn quyền năng, minh triết, phúc lành, cảm hứng, chữa lành và bác ái. Ngài sử dụng các đạo quân thiên thần để bảo tồn, điều khiển và áp dụng những biểu hiện này của lòng từ bi yêu thương của Ngài đối với tất cả những gì đang sống.

Angels also attend religious services for purposes of devotion, and certain of them may be seen reverently hovering within the radiance which surrounds the consecrated Elements.

Các thiên thần cũng tham dự các buổi lễ tôn giáo vì mục đích sùng tín, và một số vị có thể được thấy đang lơ lửng một cách cung kính trong ánh rạng rỡ bao quanh các Nguyên tố đã được thánh hiến.

The Eucharistic Ceremony is under the direction of an exalted Angel, sometimes called the Angel of the Eucharist. At the moment of the Consecration of the Elements, a glorious Angelic Being in the likeness of the Lord Christ, known as the Angel of the Presence, descends upon the Altar as His

Nghi Lễ Thánh Thể ở dưới sự chỉ đạo của một Thiên Thần cao cả, đôi khi được gọi là Thiên Thần Thánh Thể. Vào khoảnh khắc Thánh Hiến các Nguyên tố, một Đấng Thiên Thần huy hoàng giống như Đức Christ, được biết đến là Thiên Thần của Hiện Diện, giáng xuống Bàn Thờ như đại diện thiên thần của Ngài. Khi

angelic representative. At the chanting of the Preface, when reference is made to the Nine Orders of the Angels recognised in Christian angelology, who are none other than the Sephirothal Angels, a representative of each Order responds to the Invocation and bestows the power, light and benediction of his Order upon Officiants, congregation, Church and surrounding regions.

xướng tụng Lời Tựa, lúc nhắc đến Chín Đẳng Cấp Thiên Thần được công nhận trong thiên thần học Cơ Đốc, vốn không gì khác hơn là các Thiên Thần Sephiroth, một đại diện của mỗi Đẳng Cấp đáp ứng với Khẩn Cầu và ban quyền năng, ánh sáng cùng phúc lành của Đẳng Cấp mình lên các vị Chủ Lễ, hội chúng, Nhà thờ và các vùng chung quanh.

Other World Religions have equally the assistance of appointed Orders of the Angelic Hosts. The great Hindu *mantric* ceremony, known as the *Gayatri,* calls down Solar power and is the occasion for ministration to mankind by Archangels and angels especially associated with the sun.

Các Tôn Giáo Thế Giới khác cũng như vậy có sự trợ giúp của những Đẳng Cấp được chỉ định trong Đạo Quân Thiên Thần. Nghi lễ *mantram* vĩ đại của Ấn giáo, được biết đến là *Gayatri,* triệu thỉnh quyền năng Thái Dương giáng xuống và là dịp để các Tổng Thiên Thần và thiên thần đặc biệt liên hệ với mặt trời phụng sự nhân loại.

All other valid (occultly effective and accepted by Adept and Archangel Officials) ceremonial Orders throughout the world, and especially those which, like Freemasonry, originated in the Lesser and Greater Mysteries and are still representative of them, also receive the benediction, the presence and the co-operation of angels and Archangels.

Tất cả các Đẳng Cấp nghi lễ hợp lệ khác trên khắp thế giới, tức có hiệu lực huyền bí và được các Chức Sắc Chân sư cùng Tổng Thiên Thần chấp nhận, đặc biệt là những Đẳng Cấp, như Hội Tam Điểm, vốn bắt nguồn từ các Huyền Môn Nhỏ và Lớn và vẫn còn đại diện cho chúng, cũng nhận được phúc lành, sự hiện diện và sự hợp tác của các thiên thần và Tổng Thiên Thần.

GROUP SOUL ANGELS – CÁC THIÊN THẦN HỒN NHÓM

The evolving, conscious life of the animal, plant, mineral and elemental kingdoms of Nature, as previously stated, is under the direction of appropriate Orders of angels. This life is not individualised, as is the case in the human kingdom, where each human being is a fully self-conscious, responsible individual. Vast areas of the Earth with its mineral contents, large numbers of trees, plants and insects, and smaller numbers of animals and birds, are physical vehicles for a specific, ensouling life which is called a Group Soul. The evolution of Group Souls reaches its apotheosis in the animal kingdom, in which the number of physical representatives

Sự sống đang tiến hoá, hữu thức của các giới động vật, thực vật, kim thạch và hành khí trong Tự Nhiên, như đã nêu trước đây, ở dưới sự chỉ đạo của các Đẳng Cấp thiên thần thích hợp. Sự sống này chưa được biệt ngã hóa, như trường hợp trong giới nhân loại, nơi mỗi con người là một cá nhân hoàn toàn có ngã thức và có trách nhiệm. Những vùng rộng lớn của Trái Đất cùng các thành phần kim thạch của nó, số lượng lớn cây cối, thực vật và côn trùng, cùng số lượng nhỏ hơn các loài thú và chim, là các vận cụ hồng trần cho một sự sống đặc thù, phú linh, được gọi là Hồn nhóm. Sự tiến hoá của các Hồn nhóm đạt đến đỉnh cao trong giới động vật, nơi số lượng các đại diện hồng trần

becomes smaller and smaller until at last the process of individualisation—generally of a domestic animal—occurs and a human soul is born. This aeonic unfoldment and development is continuously supervised and aided by angelic ministrants, amongst whom are those who direct the process of the division of the animal Group Soul into single human entities.

ngày càng nhỏ lại cho đến cuối cùng tiến trình biệt ngã hóa — thường là của một con vật nuôi trong nhà — xảy ra và một linh hồn con người được sinh ra. Sự khai mở và phát triển kéo dài qua các thời đại này liên tục được các vị phụng sự thiên thần giám sát và trợ giúp, trong số đó có những vị điều khiển tiến trình phân chia Hồn nhóm động vật thành các thực thể con người đơn lẻ.

THE INSECT KINGDOM – GIỚI CÔN TRÙNG

An Angelic Order exists which has evolved through the insect-branch of Nature. Universal Mind contains the ideation of all possible modes and forms of manifestation. The primordial ideation and Archetype includes the insect kingdom in all its immense variety. Monads evolve through that kingdom ultimately to become Solar and Cosmic Archangels associated, though not exclusively with, that creative Ray.

Có một Đẳng Cấp Thiên Thần đã tiến hoá qua nhánh côn trùng của Tự Nhiên. Vũ Trụ Trí chứa đựng ý tưởng về mọi phương thức và hình tướng biểu hiện có thể có. Ý tưởng nguyên thủy và Nguyên Mẫu bao gồm giới côn trùng trong toàn bộ sự đa dạng mênh mông của nó. Các chân thần tiến hoá qua giới ấy để cuối cùng trở thành các Tổng Thiên Thần Thái Dương và Vũ Trụ, liên hệ, dù không độc quyền, với cung sáng tạo đó.

If, in view of the fact that certain insects are inimical to man, this concept should appear strange, it must be remembered that parasitism, for example, is only loathsome when the host is conscious of disequilibrium set up by the parasite. The types most objectionable in man's eyes, the disease-carrying and the blood-sucking, are no more repulsive in reality than any other parasite. Since parasitism is the principle by which physical life is enabled to persist, logically no individual parasite can be condemned, however much its depredations must be resisted. The inherent divinity of the more that of those which appear ugly and are hurtful to man. To many minds, the beauty of the dragonfly, the moth and the butterfly, would be theii justification.

Nếu, xét đến sự kiện một số côn trùng thù nghịch với con người, quan niệm này có vẻ kỳ lạ, thì cần nhớ rằng ký sinh, chẳng hạn, chỉ đáng ghê tởm khi vật chủ có ý thức về sự mất cân bằng do ký sinh trùng gây ra. Những loại đáng ghét nhất trong mắt con người, những loài mang bệnh và hút máu, trong thực tế không ghê tởm hơn bất kỳ ký sinh trùng nào khác. Vì ký sinh là nguyên khí nhờ đó sự sống hồng trần có thể tiếp tục tồn tại, nên về mặt hợp lý, không một ký sinh trùng cá biệt nào có thể bị kết án, dù các hành vi tàn phá của nó cần phải được chống lại đến đâu. Thiên tính cố hữu của những loài có vẻ xấu xí và gây hại cho con người cũng không kém những loài khác. Đối với nhiều trí tuệ, vẻ đẹp của chuồn chuồn, bướm đêm và bướm ngày chính là sự biện minh cho chúng.

Just as Monads, manifested through other facets of divine ideation, are guarded and aided by their evolutionary seniors, so are those who, when their Rays first touch the

Cũng như các chân thần, biểu hiện qua những mặt khác của ý tưởng thiêng liêng, được các bậc tiến hoá đi trước mình bảo vệ và trợ giúp, thì những chân thần mà khi các cung của họ

physical world, find their embodiment as thousands of tiny insects. From then on throughout their upward journey, which will culminate in becoming a perfected, divine being on one of the Seven Rays into which, the insect kingdom, like every other, is classifiable, they are the subject of ministration by their seniors. They pass their physical existence and achieve all that is desired of them by passage through that kingdom as butterflies, bees, beetles, ants or other leading examples of the insect Ray types, and pass on to the superphysical worlds through which first as nature spirits and later as *rupa* and *arupa devas,* they ascend to Archangelic heights and beyond. Monads passing through the insect kingdom and the forms which they ensoul are therefore of equal importance with all other manifestations, facets, modes and forms of divine existence. Presiding over their Rays, their Orders and their species are Archangels and angels, who not only shepherd the indwelling life but preserve and fashion to greater beauty the insect form. Their presence as guardians and tutors stimulates into action the natural instinct of the numerous species to pursue those physical habits by which the genus is perpetuated, the stages of gestation are successfully passed through, food is found, mating is performed and eggs are deposited.

lần đầu chạm đến thế giới hồng trần, tìm thấy hiện thân của mình dưới dạng hàng ngàn côn trùng bé nhỏ, cũng như vậy. Từ đó trở đi, suốt hành trình đi lên của họ, vốn sẽ đạt đỉnh trong việc trở thành một sinh linh thiêng liêng hoàn thiện trên một trong Bảy Cung mà giới côn trùng, như mọi giới khác, có thể được phân loại vào, họ là đối tượng của sự phụng sự bởi các bậc đi trước. Họ trải qua sự tồn tại hồng trần và hoàn thành tất cả những gì được mong muốn nơi họ bằng cách đi qua giới ấy như bướm, ong, bọ cánh cứng, kiến hay những ví dụ tiêu biểu khác của các loại cung côn trùng, rồi đi tiếp vào các thế giới siêu hồng trần, qua đó, trước hết với tư cách các tinh linh tự nhiên và về sau như các *deva hữu sắc* và *deva vô sắc,* họ thăng lên các tầm cao Tổng Thiên Thần và xa hơn nữa. Do đó, các chân thần đi qua giới côn trùng và các hình tướng mà họ phú linh có tầm quan trọng ngang bằng với mọi biểu hiện, mặt, phương thức và hình tướng khác của hiện tồn thiêng liêng. Chủ trì các cung, các Đẳng Cấp và các loài của họ là các Tổng Thiên Thần và thiên thần, những vị không chỉ chăn dắt sự sống nội tại mà còn bảo tồn và tạo hình hình tướng côn trùng đến vẻ đẹp lớn hơn. Sự hiện diện của các Ngài với tư cách những vị bảo hộ và huấn sư kích thích bản năng tự nhiên của vô số loài đi vào hoạt động, để chúng theo đuổi những tập tính hồng trần nhờ đó giống loài được duy trì, các giai đoạn thai nghén được vượt qua thành công, thức ăn được tìm thấy, việc giao phối được thực hiện và trứng được đẻ ra.

The mass instinct or race memory which leads each variety to pursue its appropriate modes of life is stimulated and directed by the angel tutors of the insect kingdom of Nature. In some cases, in earlier *Manvantaras* they themselves have evolved through that kingdom and know well its ways and needs. Such angels would be embodiments, however tenuous their forms, of that aspect of the One

Bản năng tập thể hay ký ức chủng loại dẫn dắt mỗi giống theo đuổi các phương thức sống thích hợp của nó được các huấn sư thiên thần của giới côn trùng trong Tự Nhiên kích thích và điều khiển. Trong một số trường hợp, trong các *Giai kỳ sinh hóa* trước kia, chính các Ngài đã tiến hoá qua giới ấy và biết rõ những đường lối cùng nhu cầu của nó. Những thiên thần như thế là những hiện thân, dù hình tướng

Mind which finds expression and expansion in and through the insect world. The all-protective, maternal Mind cares for its progeny in every realm, partly by enclosing it within its protective and guiding thought and partly by the ministrations of certain Orders of the Angelic Hosts. The Group Souls of insects, as also of birds, which find embodiment in very large numbers of forms, are all under the direction of senior angel officials, each supported or assisted by junior members of its own Order. Under this protection and tuition the whole insect kingdom, like every other, evolves to higher states, to more beautiful forms and to increased intelligence.

của các Ngài tinh tế đến đâu, của phương diện ấy của Đấng Trí Tuệ Duy Nhất, vốn tìm thấy sự biểu hiện và mở rộng trong và qua thế giới côn trùng. Trí Tuệ mẫu tính, toàn bảo hộ, chăm sóc con cháu của mình trong mọi lĩnh vực, một phần bằng cách bao bọc chúng trong tư tưởng bảo vệ và hướng dẫn của mình, và một phần bằng các sự phụng sự của một số Đẳng Cấp trong Đạo Quân Thiên Thần. Các Hồn nhóm của côn trùng, cũng như của chim, vốn tìm hiện thân trong số lượng hình tướng rất lớn, đều ở dưới sự chỉ đạo của các chức sắc thiên thần cao cấp, mỗi vị được các thành viên cấp dưới trong Đẳng Cấp của chính mình hỗ trợ hay trợ giúp. Dưới sự bảo hộ và giáo huấn này, toàn bộ giới côn trùng, như mọi giới khác, tiến hoá đến các trạng thái cao hơn, các hình tướng đẹp hơn và trí tuệ gia tăng.

The development to which this process leads in Rounds and Chains which follow the present Fourth (of each) can only be assumed. There is, for example, a possibility, supported by hints in occult literature, that so high a degree of development of insect mind and form could be reached that individualisation could occur and further evolution be continued in that form. This obtains in the present ascent from the human to the superhuman kingdoms when the same physical form is used, if one is retained, or the same kind of form is assumed, if a new one is taken. Admittedly, the idea of an insect, butterfly, ant, bee or beetle as large or as intelligent as modern man might regard himself to be, may at first seem fantastic. If, however, one grants the prolonged continuance of the evolutionary processes observable throughout Nature and the existence and action of both Universal Mind and its angelic embodiments, then there is at least nothing illogical in the supposition.

Sự phát triển mà tiến trình này dẫn đến trong các cuộc tuần hoàn và Dãy theo sau Dãy Thứ Tư hiện tại của mỗi loại chỉ có thể được giả định. Chẳng hạn, có một khả năng, được các gợi ý trong văn liệu huyền bí hỗ trợ, rằng trí tuệ và hình tướng côn trùng có thể đạt tới một mức độ phát triển cao đến nỗi sự biệt ngã hóa có thể xảy ra và sự tiến hoá tiếp theo được tiếp tục trong hình tướng ấy. Điều này hiện diễn ra trong sự thăng lên từ giới nhân loại đến các giới siêu nhân, khi cùng một hình tướng hồng trần được sử dụng, nếu nó được giữ lại, hoặc cùng một loại hình tướng được đảm nhận, nếu một hình tướng mới được nhận lấy. Phải thừa nhận rằng ý tưởng về một côn trùng, bướm, kiến, ong hay bọ cánh cứng lớn hoặc thông minh như con người hiện đại có thể tự cho mình là vậy, lúc đầu có thể có vẻ huyễn tưởng. Tuy nhiên, nếu người ta chấp nhận sự tiếp diễn lâu dài của các tiến trình tiến hoá có thể quan sát trong khắp Tự Nhiên, cùng sự tồn tại và hoạt động của cả Vũ Trụ Trí lẫn các hiện thân thiên thần của nó, thì ít nhất giả định ấy không có gì phi lý.

Beelzebub, the so-called, if mis-called, God of

Beelzebub, cái gọi là, nếu gọi sai, Thượng đế

Flies may perhaps be regarded as an enemy of a human race which suffers from certain classes of insects, but if thought of as a Lord of Scarabs or, indeed, of all insect life, Beelzebub, thus conceived, is divine rather than Satanic. It is sometimes necessary to divest oneself of certain preconceptions in order to be receptive to truth. This applies especially to the popular ideas of such postulations as Satan, Moloch and Beelzebub as Directors of processes and Lords of creatures which appear evil to man; for the involutionary procedure which such imaginary beings partly personify is as important as the evolutionary process for which it is a preparation. Bees gather honey and so feed man; they pollinate flowers and in this way also feed man. Bees sting in self-protection and their sting is painful and can be mortal to man, but they should not therefore be regarded as evil in themselves.

của Ruồi, có lẽ có thể được xem là kẻ thù của một nhân loại chịu khổ vì một số lớp côn trùng; nhưng nếu được nghĩ đến như một Chúa Tể của Bọ Hung, hay thật ra của toàn bộ sự sống côn trùng, thì Beelzebub, được quan niệm như vậy, là thiêng liêng hơn là Satan. Đôi khi cần phải gỡ bỏ khỏi bản thân mình một số định kiến để có thể tiếp nhận chân lý. Điều này đặc biệt áp dụng cho các ý niệm phổ thông về những giả định như Satan, Moloch và Beelzebub với tư cách các Đấng Chỉ Đạo những tiến trình và các Chúa Tể của những sinh vật có vẻ xấu ác đối với con người; vì thủ tục giáng hạ tiến hoá mà các hữu thể tưởng tượng ấy phần nào nhân cách hoá cũng quan trọng như tiến trình thăng thượng tiến hoá mà nó chuẩn bị cho. Ong thu mật và nhờ vậy nuôi dưỡng con người; chúng thụ phấn cho hoa và theo cách này cũng nuôi dưỡng con người. Ong đốt để tự bảo vệ, và vết đốt của chúng gây đau đớn, có thể gây chết người; nhưng vì thế không nên xem chúng là xấu ác trong chính chúng.

A DEVA OF THE BEE KINGDOM – MỘT THIÊN THẦN CỦA GIỚI ONG

My own observations have led me to a belief in the existence of protective and directive angel guardians of bees. Once, whilst watching some hives, I became aware of a very lofty angel established at the level of abstract thought, whose aura displayed the typical colours of the bee body sublimated to the higher mental level of intensity and delicacy of light and colour. This Intelligence appeared to be an agent of an Archangel presiding over the whole of bee life, consciousness, form and evolution upon this planet. My notes made at the time state that a hierarchy of angels serves under this

Những quan sát của riêng tôi đã dẫn tôi đến niềm tin vào sự tồn tại của các vị bảo hộ thiên thần canh giữ và điều hướng loài ong. Một lần, trong khi quan sát vài tổ ong, tôi nhận biết một thiên thần rất cao cả được thiết lập ở cấp độ tư tưởng trừu tượng, hào quang của vị ấy biểu lộ các màu sắc điển hình của thể ong đã được thăng hoa lên cõi thượng trí về cường độ và sự tinh tế của ánh sáng cùng màu sắc. Trí Tuệ này dường như là một tác nhân của một Tổng Thiên Thần chủ trì toàn bộ sự sống, tâm thức, hình tướng và sự tiến hoá của loài ong trên hành tinh này. Các ghi chú của tôi lúc đó nói rằng một huyền giai thiên thần phụng sự dưới quyền vị

Archangel and is represented at the etheric level by the nature spirit builders of the physical forms of bees. There was such an

Tổng Thiên Thần này và được đại diện ở cấp độ dĩ thái bởi các tinh linh tự nhiên kiến tạo những hình tướng hồng trần của ong. Có một

angel connected with the hives at which this study was made, and presumably there would be one with every active hive. These angels closely resemble other angels associated with the subhuman kingdoms of Nature in temperament and appearance, but yellow, gold and dark browns predominate in their auras. They seem to regard the evolution of the bee as of very great importance and to take seriously, though joyously, their work of directing, guarding and quickening the evolution of bee consciousness. They are in continuous contact with their superiors and, through them, with the planetary Archangel or Overlord of bees.

thiên thần như thế liên hệ với các tổ ong nơi cuộc nghiên cứu này được thực hiện, và có lẽ sẽ có một vị nơi mỗi tổ ong đang hoạt động. Những thiên thần này rất giống các thiên thần khác liên hệ với các giới dưới nhân loại của Tự Nhiên về khí chất và diện mạo, nhưng màu vàng, vàng kim và nâu sẫm chiếm ưu thế trong hào quang của các Ngài. Các Ngài dường như xem sự tiến hoá của loài ong là điều có tầm quan trọng rất lớn và thực hiện công việc điều khiển, bảo vệ và thúc nhanh sự tiến hoá của tâm thức ong một cách nghiêm túc, dù đầy hoan hỉ. Các Ngài liên tục tiếp xúc với các bậc thượng cấp của mình và, qua các bậc ấy, với Tổng Thiên Thần hành tinh hay Chúa Tể tối cao của loài ong.

The queen bee in a hive shows astrally as a golden centre of glowing light and colour within the luminous aura of the hive. She shines therein as a nucleus, and is a centre of life, superphysically as well as physically. Forces are continually flowing through her into the hive group soul; these consist of life-forces and certain electro-magnetic, creative energies for which she is a centre or focus in the hive. These forces flow outwards from the centre in minute ripples and this ceaseless movement produces a superphysical sound not unlike that of the buzzing of the bees. The shape of the aura of the hive and community is that of the old-fashioned straw hive, *i.e.,* a pointed dome with a flat base. Each bee appears to superphysical vision as a speck or point of light, the queen's aura being larger and brighter than that of the other bees.

Ong chúa trong một tổ ong hiện ra trên cõi cảm dục như một trung tâm vàng kim của ánh sáng và màu sắc rực sáng bên trong hào quang phát quang của tổ ong. Nó toả sáng trong đó như một hạt nhân, và là một trung tâm sự sống, ở phương diện siêu hồng trần cũng như hồng trần. Các mãnh lực liên tục tuôn qua nó vào hồn nhóm của tổ ong; những mãnh lực này gồm các sinh lực và một số năng lượng điện-từ sáng tạo mà nó là trung tâm hay tiêu điểm trong tổ ong. Những mãnh lực này tuôn ra ngoài từ trung tâm thành những gợn sóng li ti, và chuyển động không ngừng ấy tạo ra một âm thanh siêu hồng trần không khác nhiều tiếng vo ve của ong. Hình dạng hào quang của tổ ong và cộng đồng là hình dạng của tổ ong rơm kiểu xưa, *tức là,* một vòm nhọn có đáy phẳng. Mỗi con ong hiện ra trước linh thị siêu hồng trần như một đốm hay điểm sáng, hào quang của ong chúa lớn hơn và sáng hơn hào quang của các con ong khác.

The angel appears to work especially for those of his charges who are at the larva phase and to exercise a very distinct and definite protecting and guiding function at that stage, almost as though bees on this planet were not yet quite capable, without such help, of

Thiên thần dường như hoạt động đặc biệt cho những đối tượng được Ngài chăm sóc đang ở giai đoạn ấu trùng, và thực hiện một chức năng bảo vệ, hướng dẫn rất rõ rệt và xác định ở giai đoạn ấy, gần như thể ong trên hành tinh này chưa hoàn toàn có khả năng, nếu không

passing through all the growth processes after hatching. The angel also influences the selection, special feeding and development of the queen and makes the necessary links between the permanent atoms, the bee over-soul and the selected queen.

có sự trợ giúp như thế, đi qua tất cả các tiến trình tăng trưởng sau khi nở. Thiên thần cũng ảnh hưởng đến việc tuyển chọn, nuôi dưỡng đặc biệt và phát triển ong chúa, đồng thời tạo các mối liên kết cần thiết giữa các nguyên tử trường tồn, đại hồn ong và ong chúa được chọn.

The consciousness of the bee is instinctive and the many evidences, of oitlered community life amongst bees result from a high development of that instinct, rather than of intelligence. Here, again, the work of the angel is of considerable importance in awakening the instincts of the different groups in the community and in arousing the impulse towards certain courses of conduct. Broadly, one might say that the queen is the life centre of the community and the angel the directing intelligence. He unifies his mind with the group consciousness of the hive and is to some extent imprisoned therein, submitting to that limitation for the sake of the service it enables him to render. Outside the hive, however, he has a certain measure of freedom of consciousness though at the emotional and mental levels he seems permanently attached to it, as if his complete withdrawal would mean an absence of control, and consequent disorder in the community. Under this limitation there is no sense of restriction; on the contrary, there is an absorbing interest and delight in the work, the joy of the craftsman and the artist. The angel is responsible for the development of both life and form, and is happy in the knowledge that he is helping to perfect these and is playing his part in the great evolutionary plan. Just as plants and trees are developing emotion, the bee is developing mind. The queen represents the nascent higher, abstract mind, the workers the lower, concrete mind, the drones the creative principle. The creative urge is experienced as instinct, rather than desire; feeling exists, but is reduced to a minimum, as

Tâm thức của ong là bản năng, và nhiều bằng chứng về đời sống cộng đồng có trật tự giữa loài ong phát sinh từ sự phát triển cao của bản năng ấy, hơn là của trí tuệ. Ở đây, một lần nữa, công việc của thiên thần có tầm quan trọng đáng kể trong việc đánh thức các bản năng của những nhóm khác nhau trong cộng đồng và khơi dậy xung lực hướng tới một số đường lối hành vi nhất định. Nói rộng ra, có thể nói ong chúa là trung tâm sự sống của cộng đồng, còn thiên thần là trí tuệ điều khiển. Ngài hợp nhất thể trí của mình với tâm thức nhóm của tổ ong và đến một mức độ nào đó bị giam giữ trong đó, chấp nhận giới hạn ấy vì sự phụng sự mà nó giúp Ngài thực hiện. Tuy nhiên, bên ngoài tổ ong, Ngài có một mức độ tự do tâm thức nào đó, dù ở các cấp độ cảm xúc và trí tuệ, Ngài dường như gắn bó thường xuyên với nó, như thể sự rút lui hoàn toàn của Ngài sẽ có nghĩa là thiếu vắng kiểm soát, và hậu quả là hỗn loạn trong cộng đồng. Dưới giới hạn này không có cảm giác bị hạn chế; trái lại, có một sự quan tâm và hoan hỉ cuốn hút trong công việc, niềm vui của người thợ thủ công và nghệ sĩ. Thiên thần chịu trách nhiệm về sự phát triển của cả sự sống lẫn hình tướng, và hạnh phúc trong tri thức rằng Ngài đang giúp hoàn thiện chúng và đang đóng phần của mình trong Thiên Cơ tiến hoá vĩ đại. Cũng như cây cỏ và cây lớn đang phát triển cảm xúc, ong đang phát triển thể trí. Ong chúa tượng trưng cho thượng trí trừu tượng đang nảy sinh, ong thợ tượng trưng cho hạ trí cụ thể, ong đực tượng trưng cho nguyên khí sáng tạo. Thôi thúc sáng tạo được trải nghiệm như bản năng hơn là dục vọng; cảm giác có tồn tại, nhưng được giảm đến mức tối thiểu, như thể nó đã

if it had long ago been sublimated.

The angel, from whom I sought counsel, indicated that attempts by man to co-operate with his kingdom were welcomed and expressed the hope that they foreshadowed the approach of an era of human and angelic co-operation in bee culture, as well as in other branches of husbandry. Bees will respond, he said to attempts by man to unify his consciousness with theirs, just as plants respond, however faintly, to admiration and affection. But there is a distinct danger of over-development in the culture of bees. Their organisation is marvellously adaptable, but if they are over-exploited, and if the hives are made too complex and artificial, harm will be done. Man must recognise the evolving life in the bee, and not regard that insect as a mere mechanical honey-gatherer for the sole benefit of the human race.

In other fields, other Orders of angels and nature spirits perform analogous functions and use the Earth as a field of evolution and activity, references being made to some of them in later parts of this work. Numerous other Orders of angels are using this Earth as a field of evolution and activity. Information concerning them is contained in Hindu and Buddhist Scriptures, the literature of Kabbalism and in that great synthesis of Occult Science, *The Secret Doctrine,* by H. P. Blavatsky.

được thăng hoa từ lâu.

Thiên thần, vị mà tôi tìm đến xin chỉ dẫn, cho biết những nỗ lực của con người nhằm hợp tác với giới của Ngài được hoan nghênh, và bày tỏ hy vọng rằng chúng báo trước sự đến gần của một kỷ nguyên hợp tác giữa con người và thiên thần trong việc nuôi ong, cũng như trong các ngành chăn nuôi trồng trọt khác. Ngài nói, ong sẽ đáp ứng với những nỗ lực của con người nhằm hợp nhất tâm thức của y với tâm thức của chúng, cũng như cây cối đáp ứng, dù yếu ớt, với sự ngưỡng mộ và tình cảm. Nhưng có một nguy cơ rõ rệt về sự phát triển quá mức trong việc nuôi ong. Tổ chức của chúng thích nghi một cách kỳ diệu, nhưng nếu chúng bị khai thác quá mức, và nếu các tổ ong bị làm cho quá phức tạp và nhân tạo, thì tổn hại sẽ xảy ra. Con người phải nhận ra sự sống đang tiến hoá trong ong, và không xem côn trùng ấy như một máy thu mật đơn thuần chỉ vì lợi ích duy nhất của nhân loại.

Trong các lĩnh vực khác, những Đẳng Cấp thiên thần và tinh linh tự nhiên khác thực hiện các chức năng tương tự và sử dụng Trái Đất như một trường tiến hoá và hoạt động, với một số vị được nhắc đến trong các phần sau của tác phẩm này. Nhiều Đẳng Cấp thiên thần khác cũng đang sử dụng Trái Đất này như một trường tiến hoá và hoạt động. Thông tin về các Ngài có trong Kinh điển Ấn giáo và Phật giáo, trong văn liệu của Kabbalah, và trong sự tổng hợp vĩ đại của Khoa Học Huyền Bí, *Giáo Lý Bí Nhiệm,* của H. P. Blavatsky.

CHAPTER III THE COLOUR LANGUAGE OF THE ANGELS – CHƯƠNG III NGÔN NGỮ MÀU SẮC CỦA CÁC THIÊN THẦN

ANGELIC forms are built of light, or rather of tenuous material which is self-luminous; for every atom of their bodies, as also of the worlds in which they dwell, is a glowing particle of light. The form they use closely resembles our own and is, in fact, built upon

Các hình tướng THIÊN THẦN được xây dựng bằng ánh sáng, hay đúng hơn bằng chất liệu tinh tế tự phát quang; vì mọi nguyên tử trong thể của các Ngài, cũng như trong các thế giới nơi các Ngài cư ngụ, đều là một hạt ánh sáng rực sáng. Hình tướng các Ngài sử dụng rất

the same model as is the human physical body. As stated earlier and shown in the illustrations, fairies and angels thus generally appear as very beautiful, ethereal human-like beings. Their faces, however, wear an expression which is distinctly non-human, for they are stamped with an impression of dynamic energy, of vividness of consciousness and life, with a certain supernal beauty and another worldliness which is rarely seen among men.

giống hình tướng của chúng ta và, thật ra, được xây dựng theo cùng một mô hình như thể xác con người. Như đã nói trước đây và như được trình bày trong các minh họa, các tiên và thiên thần do đó thường hiện ra như những hữu thể rất đẹp, thanh nhẹ, giống con người. Tuy nhiên, khuôn mặt của các Ngài mang một biểu cảm rõ rệt không thuộc về con người, vì chúng in dấu ấn của năng lượng năng động, của sự sống và tâm thức sinh động, với một vẻ đẹp thiên thượng nào đó và tính thuộc về một thế giới khác, hiếm khi thấy nơi con người.

The appearance of the angels is also remarkable to human sight on account of the continual play of energy within and through their bodies and their glowing auras. They may be thought of both as agents, and even engineers, of the fundamental forces of Nature. The powers which they control and manipulate are continually passing through and radiating from them, producing as they flow an effect which somewhat resembles the aurora.

Diện mạo của các thiên thần cũng đáng chú ý đối với thị giác con người do sự vận hành liên tục của năng lượng bên trong và xuyên qua các thể cùng các hào quang rực sáng của các Ngài. Có thể nghĩ về các Ngài vừa như những tác nhân, thậm chí những kỹ sư, của các mãnh lực căn bản của Tự Nhiên. Những quyền năng mà các Ngài kiểm soát và điều khiển liên tục đi xuyên qua và bức xạ ra từ các Ngài, tạo ra khi tuôn chảy một hiệu ứng phần nào giống cực quang.

Distinct force-centres, vortices and certain clearly defined lines of force are visible in their bodies. In the auric discharges definite forms are produced, which sometimes suggest a crown upon the head and outspread wings of brilliant and ever-changing hues. The auric pinions, however, are not used for flying, for angels move swiftly through the air at will, with a graceful, floating motion and need no aids to flight. The old painters and writers, some of whom seem to have caught glimpses of them, apparently mistook these flowing forces for their clothing and their wings, and so depicted them as robed in human dress, and even gave the angels feathers in their wings.

Những trung tâm mãnh lực riêng biệt, các xoáy lực và một số đường mãnh lực được xác định rõ ràng có thể thấy được trong các thể của các Ngài. Trong các phóng xuất hào quang, những hình tướng xác định được tạo ra, đôi khi gợi đến một vương miện trên đầu và đôi cánh xoè rộng với những sắc màu rực rỡ và luôn biến đổi. Tuy nhiên, những cánh hào quang không được dùng để bay, vì các thiên thần di chuyển nhanh chóng trong không khí theo ý muốn, bằng một chuyển động uyển chuyển, bồng bềnh, và không cần trợ cụ nào để bay. Các họa sĩ và tác giả xưa, một số dường như đã thoáng nhìn thấy các Ngài, hiển nhiên đã lầm các mãnh lực tuôn chảy này là y phục và đôi cánh của các Ngài, nên đã miêu tả các Ngài khoác áo như con người, và thậm chí còn gán lông vũ cho đôi cánh của thiên thần.

As their bodies are formed of light, every

Vì các thể của các Ngài được tạo thành bằng

variation in the flow of force produces a change of colour. A change of consciousness is instantly visible as an alteration in the shape and colour of their auras. An outpouring of love, for example, suffuses them with a crimson glow while, in addition, a vivid stream of roseate love-force flows out towards the object of their affection. Activity of thought appears as an uprush of yellow light and power from the head, so that they frequently appear as if crowned with a shining halo of light—a crown of gold which is their thought, set with many jewels, each jewel an idea. Perhaps this is the origin of one of their titles in Hinduism, *Chitra Shikhandina,* "the bright-crested".

ánh sáng, mọi biến đổi trong dòng chảy mãnh lực đều tạo ra một thay đổi màu sắc. Một thay đổi trong tâm thức tức khắc có thể thấy được như một biến đổi trong hình dạng và màu sắc của hào quang các Ngài. Chẳng hạn, một lần tuôn đổ của bác ái thấm nhuần các Ngài bằng ánh đỏ thẫm, đồng thời một dòng mãnh lực bác ái hồng tươi sống động tuôn ra hướng về đối tượng tình cảm của các Ngài. Hoạt động tư tưởng hiện ra như một luồng ánh sáng và quyền năng màu vàng vọt lên từ đầu, đến nỗi các Ngài thường hiện ra như được đội một vầng hào quang sáng chói — một vương miện vàng vốn là tư tưởng của các Ngài, khảm nhiều viên ngọc, mỗi viên ngọc là một ý tưởng. Có lẽ đây là nguồn gốc của một trong các danh hiệu của các Ngài trong Ấn giáo, *Chitra Shikhandina,* "những Đấng có mào sáng".

All the phenomena of emotion and thought which we term subjective, are objective to angels, as also to men endowed with superphysical vision. Angels thus see thought processes, emotions and aspirations as external and material phenomena; for they live in the worlds of feeling, thought, spiritual intuition and spiritual will. Their "speech" produces colour and form rather than sound. A system of symbology is included in their mode of communication, symbols and flashes of colour always appearing in the superphysical worlds as natural expressions of both human and angelic thought. The angels' sense of the oneness of Life is so vivid that their every thought expresses an aspect of the fundamental truth of unity. This gives to their colour conversations a depth and a beauty not present in the ordinary interchange of human thought. They are incapable of a concept, either purposeless or untrue, or which fails in some measure to express that inherent divinity of which they never lose consciousness, and which illumines and inspires their every thought

Tất cả các hiện tượng cảm xúc và tư tưởng mà chúng ta gọi là chủ quan, đối với các thiên thần, cũng như đối với những người được phú cho linh thị siêu hồng trần, đều là khách quan. Do đó, các thiên thần thấy các tiến trình tư tưởng, cảm xúc và khát vọng như những hiện tượng bên ngoài và vật chất; vì các Ngài sống trong các thế giới của cảm giác, tư tưởng, trực giác tinh thần và Ý Chí Tinh Thần. "Lời nói" của các Ngài tạo ra màu sắc và hình tướng hơn là âm thanh. Một hệ thống biểu tượng học được bao gồm trong phương thức giao tiếp của các Ngài, các biểu tượng và tia chớp màu sắc luôn xuất hiện trong các thế giới siêu hồng trần như những biểu hiện tự nhiên của cả tư tưởng con người lẫn thiên thần. Ý thức của các thiên thần về tính nhất thể của Sự Sống sinh động đến nỗi mọi tư tưởng của các Ngài đều biểu hiện một phương diện của chân lý căn bản về sự hợp nhất. Điều này đem lại cho các cuộc đối thoại bằng màu sắc của các Ngài một chiều sâu và vẻ đẹp không có trong sự trao đổi tư tưởng thông thường của con người. Các Ngài không có khả năng có một quan niệm vô mục đích hay không chân thật, hoặc không

and deed. In this respect their colour language somewhat resembles the ancient Senzar, in which each letter and syllable is an expression of a basic truth. Unlike that ancient priestly tongue, however—the product of profoundly inspired minds —the mental language of the angels is instinctive and natural, calling for no conscious effort on their part in the choice and production of colour, form or symbol.

biểu hiện ở một mức độ nào đó thiên tính cố hữu mà các Ngài không bao giờ mất ý thức, và vốn soi sáng cũng như truyền cảm hứng cho mọi tư tưởng và hành vi của các Ngài. Về phương diện này, ngôn ngữ màu sắc của các Ngài phần nào giống Senzar cổ xưa, trong đó mỗi chữ cái và âm tiết là một biểu hiện của một chân lý căn bản. Tuy nhiên, khác với ngôn ngữ tư tế cổ xưa ấy — sản phẩm của những trí tuệ được cảm hứng sâu xa — ngôn ngữ trí tuệ của các thiên thần là bản năng và tự nhiên, không đòi hỏi nỗ lực hữu thức nào từ phía các Ngài trong việc lựa chọn và tạo ra màu sắc, hình tướng hay biểu tượng.

An angel who on occasion has mentally instructed me concerning his Kingdom, also provided examples of angelic communication and of the operation of the law by which superphysical matter assumes appropriate form and colour in response to the impact of thought. An account of two of these lessons is here given from notes taken at the time. I must, however, first explain that *arupa devas* are in the highest degree impersonal, impassive, detached. Their consciousness is universal and exclusively concentrated upon their tasks. They are not normally accustomed to experience any personal attachments whatever. *Rupa devas* associated with the evolving life in Nature do not, as far as I am aware, usually experience or express the emotion of personal love. Their minds are universal and their "hearts" belong to the One Life of which they are impersonal embodiments. Certain *rupa devas,* however, may be regarded as incarnations of the qualities of divine love, compassion, tenderness for all that lives and these do feel, in however sublimated and impersonal a manner, a sense of unity with each other and with man.

Một thiên thần, vị đôi khi đã chỉ dạy tôi bằng trí tuệ về Giới của Ngài, cũng cung cấp các ví dụ về giao tiếp thiên thần và về sự vận hành của định luật theo đó vật chất siêu hồng trần đảm nhận hình tướng và màu sắc thích hợp để đáp ứng với tác động của tư tưởng. Tường thuật về hai bài học này được đưa ra ở đây từ các ghi chú ghi lại lúc ấy. Tuy nhiên, trước hết tôi phải giải thích rằng các *deva vô sắc* ở mức độ cao nhất là phi cá nhân, bất cảm, tách rời. Tâm thức của các Ngài là vũ trụ và chỉ chuyên chú vào các nhiệm vụ của mình. Thông thường các Ngài không quen trải nghiệm bất kỳ sự gắn bó cá nhân nào. Các *deva hữu sắc* liên hệ với sự sống đang tiến hoá trong Tự Nhiên, theo như tôi biết, thường không trải nghiệm hay biểu lộ cảm xúc của tình yêu cá nhân. Thể trí của các Ngài có tính vũ trụ, và "trái tim" của các Ngài thuộc về Sự Sống Duy Nhất mà các Ngài là những hiện thân phi cá nhân. Tuy nhiên, một số *deva hữu sắc,* có thể được xem là những hiện thân của các phẩm tính bác ái thiêng liêng, lòng từ bi, sự dịu dàng đối với tất cả những gì đang sống, và các vị này có cảm nhận, dù theo một cách đã được thăng hoa và phi cá nhân đến đâu, về sự hợp nhất với nhau và với con người.

[1] As before stated, the masculine pronoun is used for convenience only, angels being

[1] Như đã nói trước đây, đại từ giống đực chỉ được dùng cho tiện, vì các thiên thần không có

asexual.

[1] See footnote 2, p. 81.

As the following descriptions indicate, their love power can become temporarily directed to persons but without the faintest tinge of I-ness and possessiveness.

Certain nature spirits on the threshold of individualisation into angelhood, particularly those associated with the element of air—fairies and sylphs—can feel attracted towards men who possess the power consciously to enter their kingdom and communicate with them. Their submission to this attraction is rarely complete and even whilst seeking to allure the object of their affections, they do not usually conceive a permanent relationship. Such close mento-emotional associations with human beings can be helpful to them even though very harmful to their human partner. For them, the attainment of individualisation might be hastened by a blending of their mento-emotional nature with that of an individualised human being, but for man the adventure would be likely to lead to insanity.

Medieval legends in which sylphs and other nature spirits for their own advantage seek, and even physically attain, unions with men are probably more allegorical than historical. Physical union would demand materialisation on the part of the sylph which is most unlikely and, if ever attained, very rare. It would seem to be more probable that a veiled reference is being made to the evolutionary value to such nature spirits of close psychical association and collaboration with members of the human family.

An occult tradition does exist that, as an exception to that impersonality which is characteristic of highly evolved *devas,* intimate egoic attachments with human beings have been formed and have even

giới tính.

[1] Xem chú thích 2, tr. 81.

Như các mô tả sau đây cho thấy, quyền năng bác ái của các Ngài có thể tạm thời hướng đến những con người, nhưng không hề có chút sắc thái nào của cái tôi và sự chiếm hữu.

Một số tinh linh tự nhiên ở ngưỡng biệt ngã hóa thành trạng thái thiên thần, đặc biệt những tinh linh liên hệ với nguyên tố khí — các tiên và sylph — có thể cảm thấy bị thu hút đối với những người có quyền năng bước vào giới của chúng một cách có ý thức và giao tiếp với chúng. Sự khuất phục của chúng trước sức hút này hiếm khi hoàn toàn, và ngay cả khi tìm cách quyến rũ đối tượng tình cảm của mình, chúng thường không quan niệm một mối quan hệ lâu dài. Những liên kết trí-cảm gần gũi như thế với con người có thể hữu ích cho chúng, dù rất có hại cho người bạn đời con người. Đối với chúng, việc đạt tới biệt ngã hóa có thể được thúc nhanh nhờ sự hòa trộn bản chất trí-cảm của chúng với bản chất của một con người đã biệt ngã hóa; nhưng đối với con người, cuộc phiêu lưu ấy rất có thể dẫn đến điên loạn.

Các truyền thuyết Trung Cổ trong đó sylph và các tinh linh tự nhiên khác, vì lợi ích riêng của chúng, tìm kiếm và thậm chí đạt được sự kết hợp hồng trần với con người, có lẽ mang tính ẩn dụ hơn là lịch sử. Sự kết hợp hồng trần sẽ đòi hỏi sylph phải hiện hình, điều này rất khó xảy ra và, nếu từng đạt được, thì cực kỳ hiếm. Có vẻ có khả năng hơn là một sự ám chỉ được che phủ đang được đưa ra về giá trị tiến hoá đối với các tinh linh tự nhiên như thế của sự liên kết và hợp tác thông linh gần gũi với các thành viên của gia đình nhân loại.

Có tồn tại một truyền thống huyền bí rằng, như một ngoại lệ đối với tính phi cá nhân vốn là đặc trưng của các *deva* tiến hoá cao, những gắn bó chân ngã mật thiết với con người đã được hình thành và thậm chí trở nên mạnh

become so strong as to cause the *deva* to seek and obtain admission to the human kingdom in order to be near the beloved human being. Birth in a human body then follows and, when a physical meeting with the beloved occurs, a very deep and fiery love is awakened in both of them. So strong is this emotion, that, if conventional barriers exist, they are ignored. Tragedy is not infrequently the result.

mẽ đến mức khiến *deva* tìm kiếm và đạt được sự gia nhập vào giới nhân loại để được gần người con người yêu dấu. Khi ấy sự sinh ra trong một thể xác con người tiếp theo, và khi một cuộc gặp gỡ hồng trần với người yêu dấu xảy ra, một tình yêu rất sâu xa và mãnh liệt được đánh thức trong cả hai. Cảm xúc này mạnh đến nỗi, nếu có các rào cản quy ước, chúng bị phớt lờ. Bi kịch không hiếm khi là kết quả.

A CONVERSATION IN COLOUR – MỘT CUỘC ĐỐI THOẠI BẰNG MÀU SẮC

Whilst resting in the garden of my cottage in Gloucestershire, I observed the angel teacher travelling at a great height in the air and sent out a greeting and a mental call for further knowledge concerning the Angelic Hosts. At once he paused in his "flight" and descended steeply towards the garden. As he came down, he sent an answering stream of love, which extended from the region of his heart and appeared as rays of glowing rose and crimson light. This outflowing love resembled a flower, for the sides of the funnel form which it produced were divided into petals and in the centre was a brilliant golden "rose", the whole opening gradually as the angel drew near. This "flower" pulsed rhythmically and the lines of force of which it was composed quivered as he poured forth his affection and life-force. He resembled a glorious Greek God, upon whose breast was an open rose. The petallike radiations reached out and over me, the maximum diameter of the "flower "being about eight feet. A continuous play of brilliantly coloured force in bands of varying size and degrees of luminosity also shone above the angel's head.

Trong khi nghỉ ngơi trong khu vườn ngôi nhà nhỏ của tôi ở Gloucestershire, tôi quan sát thấy vị thiên thần huấn sư đang di chuyển ở độ cao lớn trong không trung, và tôi gửi đi một lời chào cùng một tiếng gọi bằng trí tuệ để xin thêm tri thức về Đạo Quân Thiên Thần. Ngay lập tức Ngài dừng lại trong "chuyến bay" của mình và lao xuống dốc về phía khu vườn. Khi Ngài đi xuống, Ngài gửi một dòng bác ái đáp lại, dòng ấy vươn ra từ vùng tim của Ngài và hiện ra như những tia sáng hồng rực và đỏ thẫm. Dòng bác ái tuôn ra này giống một bông hoa, vì các cạnh của hình phễu mà nó tạo ra được chia thành các cánh hoa, và ở trung tâm là một "hoa hồng" vàng kim rực rỡ, toàn thể dần dần mở ra khi thiên thần đến gần. "Bông hoa" này đập theo nhịp, và các đường mãnh lực cấu thành nó rung động khi Ngài tuôn đổ tình cảm và sinh lực của mình. Ngài giống một Thượng đế Hy Lạp huy hoàng, trên ngực có một hoa hồng đang nở. Những bức xạ giống cánh hoa vươn ra và phủ lên tôi, đường kính tối đa của "bông hoa" khoảng tám bộ. Một sự vận hành liên tục của mãnh lực màu sắc rực rỡ, theo các dải có kích thước và mức độ sáng khác nhau, cũng toả sáng phía trên đầu thiên thần.

Another angel, chiefly blue in colour, soon appeared and the two engaged in "conversation". As they "spoke" their auras reached out towards each other, touched and

Một thiên thần khác, chủ yếu có màu xanh lam, chẳng bao lâu xuất hiện, và hai vị bắt đầu "đối thoại". Khi các Ngài "nói", hào quang của các Ngài vươn về phía nhau, chạm nhau rồi

drew back, like the wings of celestial butterflies. They were about twenty-five yards apart, and a little above the fruit trees in the orchard. The fluidic nature of their auras was demonstrated by the ease with which they extended them to cover the intervening space. They "spoke" both with their hearts and their minds, for colours and symbols appeared in the emotional and mental matter of their auras, above their head for the most part, but also flashing between them with a rapidity and brilliance quite beyond my capacity to observe fully and record accurately. The main theme of the first angel found its natural expression through that soft, pale green sometimes seen in a summer sunset, this shade appearing continually both in the bands of colour above his head and in the symbol formed; it also tinged the larger portion of his aura, suggesting the qualities of sympathy and understanding.

rút lại, như đôi cánh của những con bướm thiên thượng. Các Ngài cách nhau khoảng hai mươi lăm thước Anh, và hơi ở phía trên các cây ăn quả trong vườn. Bản chất linh động của hào quang các Ngài được chứng minh bởi sự dễ dàng mà các Ngài kéo dài chúng để phủ kín khoảng không gian ở giữa. Các Ngài "nói" bằng cả trái tim lẫn thể trí của mình, vì các màu sắc và biểu tượng xuất hiện trong chất liệu cảm xúc và trí tuệ của hào quang các Ngài, phần lớn ở phía trên đầu, nhưng cũng lóe lên giữa các Ngài với tốc độ và độ rực rỡ vượt xa khả năng quan sát đầy đủ và ghi chép chính xác của tôi. Chủ đề chính của thiên thần thứ nhất tìm thấy biểu hiện tự nhiên của nó qua màu xanh lục nhạt, dịu, đôi khi thấy trong hoàng hôn mùa hè; sắc thái này liên tục xuất hiện cả trong các dải màu phía trên đầu Ngài lẫn trong biểu tượng được tạo thành; nó cũng nhuốm lên phần lớn hào quang của Ngài, gợi đến các phẩm tính cảm thông và thấu hiểu.

Three beautiful forms like vertical, elongated scallop shells next appeared and hovered in the air above his head, quivering with life and light; in colour they were rose, yellow, and dark blue deepening to purple. Presently they expanded into the shape and appearance of large fans, met and became interwoven into one large, fan-shaped radiation. Alternately widening and narrowing, the single stream of flowing force extended high into the air and then disappeared. From his brother angel this called forth a perfect blaze of response, like a pyrotechnic display. His first answer turned the upper part of his aura into three bands of colours of the same shades as the shells; it then swept forward and embraced the first angel, holding him thus for some two or three seconds and then withdrawing. Three greatly enlarged fan-shaped symbols next appeared above him in succession, each symbol disappearing into the upper air in a flash of colour. A radiant smile illumined his face, and it was evident that the remark of the first

Ba hình tướng đẹp như những vỏ sò điệp thon dài theo chiều dọc tiếp đó xuất hiện và lơ lửng trong không trung phía trên đầu Ngài, rung động với sự sống và ánh sáng; về màu sắc, chúng là hồng, vàng và xanh lam sẫm chuyển sâu thành tím. Ngay sau đó, chúng mở rộng thành hình dạng và diện mạo của những chiếc quạt lớn, gặp nhau và đan xen thành một bức xạ lớn hình quạt. Luân phiên mở rộng và thu hẹp, dòng mãnh lực tuôn chảy duy nhất vươn cao vào không trung rồi biến mất. Từ vị thiên thần huynh đệ của Ngài, điều này gợi ra một ánh rực đáp ứng hoàn hảo, giống một màn pháo hoa. Câu trả lời đầu tiên của Ngài biến phần trên của hào quang Ngài thành ba dải màu cùng sắc thái với các vỏ sò; rồi nó quét tới trước và ôm lấy thiên thần thứ nhất, giữ Ngài như vậy trong chừng hai hay ba giây rồi rút lui. Tiếp đó, ba biểu tượng hình quạt được phóng lớn rất nhiều lần lượt xuất hiện phía trên Ngài, mỗi biểu tượng biến mất vào tầng không phía trên trong một tia chớp màu sắc. Một nụ cười rạng rỡ soi sáng khuôn mặt Ngài,

angel had touched some responsive chord in his nature.

và rõ ràng lời nhận xét của thiên thần thứ nhất đã chạm đến một dây đàn đáp ứng nào đó trong bản chất của Ngài.

The first angel then explained to me the meaning of this interchange. The blue angel who was the second to appear contained within himself something of the fundamental forces and qualities of character underlying the second, fifth and seventh Rays. His life was an expression of the deepest love and the highest intellect, whilst in his work he displayed perfect precision of action. These qualities represented his ideal of perfection and he was consciously linked with an Archangel Superior in whom they were fully developed. In all Nature he perceived predominantly these three powers, traced the effects of their operation in members of the human race and expressed them in all his own activities.

Vị thiên thần thứ nhất bấy giờ giải thích cho tôi ý nghĩa của cuộc trao đổi này. Vị thiên thần màu lam, là vị thứ hai xuất hiện, chứa đựng trong chính mình một phần các mãnh lực căn bản và những phẩm tính của Tính cách nằm dưới cung hai, cung năm và cung bảy. Sự sống của y là một biểu hiện của tình thương sâu thẳm nhất và trí tuệ cao cả nhất, trong khi trong công việc, y biểu lộ sự chính xác hoàn hảo trong hành động. Những phẩm tính này tượng trưng cho lý tưởng hoàn thiện của y, và y được liên kết một cách có ý thức với một Tổng Thiên Thần Cao Cả nơi các phẩm tính ấy đã phát triển trọn vẹn. Trong toàn thể Thiên Nhiên, y nhận thấy nổi bật ba quyền năng này, lần theo các hiệu quả hoạt động của chúng nơi các thành viên của nhân loại, và biểu lộ chúng trong mọi hoạt động của chính mình.

In order to help human beings, for example, he would unify himself with their love nature, enhancing the human power of love by adding to it his own impersonal and universal affection. He would help scientists by stimulating their mental powers, by increasing their capacity for profound abstraction, and would endeavour to illumine their minds with the solution of any problems which they were seeking to solve. He would assist artists, actors, dancers and ceremonialists to attain greater perfection, grace and beauty of portrayal and more accurate expression of the idea by which their art was inspired. He would similarly aid his brother angels and the evolving life in the sub-human kingdoms of Nature. In all his activities these three characteristics would predominate, forming the background of his life and the source of his inspiration.

Chẳng hạn, để giúp đỡ con người, y sẽ hợp nhất chính mình với bản chất bác ái của họ, làm tăng cường quyền năng yêu thương của con người bằng cách thêm vào đó tình cảm vô ngã và phổ quát của chính y. Y sẽ giúp các nhà khoa học bằng cách kích thích các quyền năng trí tuệ của họ, gia tăng khả năng trừu tượng sâu xa của họ, và cố gắng soi sáng thể trí họ bằng lời giải cho bất cứ vấn đề nào họ đang tìm cách giải quyết. Y sẽ trợ giúp các nghệ sĩ, diễn viên, vũ công và những người hành lễ đạt đến sự hoàn thiện, duyên dáng và vẻ đẹp lớn lao hơn trong sự thể hiện, cũng như biểu đạt chính xác hơn ý tưởng đã truyền cảm hứng cho nghệ thuật của họ. Tương tự, y sẽ giúp các huynh đệ thiên thần của mình và sự sống đang tiến hoá trong các giới dưới nhân loại của Thiên Nhiên. Trong mọi hoạt động của y, ba đặc tính này sẽ chiếm ưu thế, tạo thành hậu cảnh của đời sống y và nguồn cảm hứng của y.

The first angel, with deep and intuitive

Vị thiên thần thứ nhất, với sự cảm thông sâu

sympathy, discerned this fact and mentally expressed his brother angel's ideals with all the fullness and completeness of which he was capable, thereby producing the three shell-like forms in the colours typical of the three Rays. The second angel responded by causing the three highly developed qualities of his nature to shine out successively in greatly enlarged fan-shaped forms.

xa và trực giác, phân biện tinh thần sự kiện này và biểu đạt bằng trí tuệ các lý tưởng của huynh đệ thiên thần mình với tất cả sự đầy đủ và trọn vẹn mà y có thể đạt được, nhờ đó tạo ra ba hình dạng giống vỏ sò trong các màu sắc tiêu biểu cho ba cung. Vị thiên thần thứ hai đáp ứng bằng cách khiến ba phẩm tính phát triển cao trong bản chất của y lần lượt toả sáng thành những hình quạt mở rộng rất lớn.

This account, lengthy as it is, is still but a very incomplete description of an interchange of thought and feeling between the angels, which probably lasted no more than a minute. The use of the word "Ray" fails adequately to express the concept in the angel's mind; he would probably call it an aspect of the Divine Life and Consciousness which is projected as a tongue of flame from the central fiery heart of things, or a stream of specially attuned vital energy permeating the universe. These conceptions were included within each of the shell-shaped symbols which, it will be noticed, are apt representations of the fundamental idea. The point of the shell would be at the central source of power which, as it poured forth, would widen out into the fan shape.

Bản tường thuật này, tuy dài như vậy, vẫn chỉ là một mô tả rất không đầy đủ về một cuộc trao đổi tư tưởng và cảm xúc giữa các thiên thần, có lẽ kéo dài không quá một phút. Việc dùng từ "cung" không đủ để diễn đạt khái niệm trong thể trí của vị thiên thần; y có lẽ sẽ gọi đó là một phương diện của Sự Sống và Tâm Thức Thiêng Liêng được phóng chiếu như một lưỡi lửa từ trung tâm rực lửa của vạn vật, hoặc một dòng sinh lực được điều hợp đặc biệt thấm nhuần vũ trụ. Những quan niệm này được hàm chứa trong mỗi biểu tượng hình vỏ sò, mà cần lưu ý rằng đó là những hình biểu trưng rất thích hợp cho ý tưởng căn bản. Đầu nhọn của vỏ sò sẽ ở nguồn quyền năng trung tâm, nguồn này khi tuôn đổ ra sẽ mở rộng thành hình quạt.

Each of these symbols consisted of radiating lines of force, the number of which I was not able to count, though doubtless that also would have its significance. As the whole symbol took form, the lines of force crossed each other and became interwoven until a broad, expanding stream of the three types of energy was formed. Each stream, however, could still be traced, because it maintained its own shape and colour in spite of the interweaving. The combined effect of these three aspects of Life working both in and through the second angel and in Nature was most appropriately portrayed by this shell-like form.

Mỗi biểu tượng này gồm các đường mãnh lực toả ra, số lượng của chúng tôi không thể đếm được, mặc dù chắc chắn điều ấy cũng có thâm nghĩa riêng. Khi toàn bộ biểu tượng thành hình, các đường mãnh lực giao nhau và trở nên đan dệt vào nhau cho đến khi một dòng rộng lớn, mở rộng của ba loại năng lượng được tạo thành. Tuy nhiên, mỗi dòng vẫn có thể được lần theo, vì nó duy trì hình dạng và màu sắc riêng của mình bất chấp sự đan dệt ấy. Hiệu quả tổng hợp của ba phương diện Sự Sống này, hoạt động cả trong và qua vị thiên thần thứ hai cũng như trong Thiên Nhiên, được diễn tả hết sức thích hợp bằng hình dạng giống vỏ sò này.

The angel further explained that, in addition

Vị thiên thần giải thích thêm rằng, ngoài ngôn

to this colour language, there is a direct interchange of ideas at mental levels. The colours and symbols are largely produced by that interchange, though they may also be used as illustrations and elucidations of the central idea.

ngữ màu sắc này, còn có một sự trao đổi trực tiếp các ý tưởng ở các cấp độ trí tuệ. Các màu sắc và biểu tượng phần lớn do sự trao đổi ấy tạo ra, mặc dù chúng cũng có thể được dùng làm minh hoạ và làm sáng tỏ ý tưởng trung tâm.



vỏ sò điệp

THE DANCE OF THE SYLPHS – VŨ ĐIỆU CỦA CÁC SYLPH

The aerial heights above the district of Gloucestershire in which these teachings were received are peopled with various orders of nature spirits, and especially with sylphs of differing degrees of development. The angel teacher referred to in the preceding description, still remaining near the ground, turned his attention upwards, opened his arms towards the sky and sent out a call which had the effect of bringing a large number of sylphs down into the garden where I was seated. As they descended they drew together in groups, and their blended auras produced the effect of living, sylph-made cloud forms, rose-coloured for the most part and brilliantly self-luminous. They brought with them an atmosphere of superabundant joy, as of a happy band of older children suddenly released from school, though in their case the opposite had occurred, as the angel called them from the freedom of the upper air to serve as subjects for human education.

Những tầng cao của không khí phía trên vùng Gloucestershire, nơi các giáo huấn này được tiếp nhận, có nhiều cấp bậc tinh linh tự nhiên khác nhau cư ngụ, đặc biệt là các sylph thuộc nhiều mức độ phát triển khác nhau. Vị huấn sư thiên thần được nói đến trong phần mô tả trước, vẫn ở gần mặt đất, hướng sự chú ý lên trên, mở rộng hai tay về phía bầu trời và phát ra một tiếng gọi, khiến một số lượng lớn sylph hạ xuống khu vườn nơi tôi đang ngồi. Khi hạ xuống, chúng tụ lại thành từng nhóm, và các hào quang hòa quyện của chúng tạo nên hiệu quả của những hình mây sống động do sylph tạo ra, phần lớn có màu hồng và tự phát quang rực rỡ. Chúng mang theo một bầu không khí hoan hỉ tràn đầy, như một nhóm trẻ lớn vui vẻ bỗng được tan học, mặc dù trong trường hợp của chúng điều ngược lại đã xảy ra, vì vị thiên thần gọi chúng từ tự do của tầng không khí cao xuống để làm đối tượng cho sự giáo dục con người.

The summons consisted of a strong and highly concentrated stream of will-power

Lời triệu gọi gồm một dòng ý chí mạnh mẽ và tập trung cao độ khoác trong chất liệu trí tuệ,

clothed in mental matter, a will-thought, a mental "shout" as it were. From the upper portion of the angel's aura a number of small, cone-shaped forms also flashed into the air point upwards; the main colouring was rose, though the points were tipped with steel-blue. Each one "struck" a sylph, attracted its attention and conveyed an order, in response to which it descended. The angel was so far above them in evolution that an expression of his thought and will amounted to a command.

một ý chí-tư tưởng, có thể nói là một "tiếng gọi" trí tuệ. Từ phần trên của hào quang vị thiên thần, một số hình nhỏ dạng nón cũng loé lên trong không trung, đầu nhọn hướng lên; màu sắc chính là hồng, dù các đầu nhọn được viền xanh thép. Mỗi hình "chạm" vào một sylph, thu hút sự chú ý của nó và truyền đạt một mệnh lệnh, để đáp ứng lại nó liền hạ xuống. Vị thiên thần cao hơn chúng rất xa trong tiến hoá đến nỗi một biểu hiện của tư tưởng và ý chí của y có giá trị như một mệnh lệnh.

The angel smiled on them and rose-coloured rays of love shone from the sylphs towards the angel, each one drawing immediate response from him, his aura becoming suffused with a rosy light. He extended it laterally into tw'o wing-like radiations and then stretched these forward until they enveloped and passed beyond the group of sylphs, who were thus played upon by the intensely vivid and luminous auric energies of the angel. With these auric "wings" he maintained a continual, graceful sweeping and swinging movement backwards and forwards between himself and the sylphs, each beat of the "wings" pouring more life and love into them and filling them with an added joy, until their state became one of rapture.

Vị thiên thần mỉm cười với chúng, và các tia bác ái màu hồng từ các sylph chiếu về phía vị thiên thần, mỗi tia đều gợi ngay một đáp ứng từ y, khiến hào quang của y thấm đẫm ánh sáng hồng. Y mở rộng hào quang ấy sang hai bên thành hai bức xạ giống đôi cánh, rồi duỗi chúng ra phía trước cho đến khi chúng bao bọc và vượt qua nhóm sylph, nhờ vậy các sylph được tác động bởi những năng lượng hào quang cực kỳ sống động và sáng chói của vị thiên thần. Với đôi "cánh" hào quang này, y duy trì một chuyển động quét và đong đưa liên tục, duyên dáng, tới lui giữa chính y và các sylph; mỗi nhịp "cánh" lại tuôn thêm sự sống và bác ái vào chúng, làm chúng tràn đầy một niềm hoan hỉ tăng thêm, cho đến khi trạng thái của chúng trở thành ngây ngất.

Towards each other, they displayed considerable mutual affection, many of them "standing" with arms outstretched to rest upon each other's shoulders. When these felicitations were completed, a concerted movement began in which all were linked in this way, the whole group arranging itself in circular tiers into the shape of a convolvulus flower. One sylph formed the point; three formed a circle above it, all facing inwards; the remainder formed ring upon ring, each larger than the one below, the whole glowing and flashing with rosy light, within which the natural colours of their auras appeared like

Đối với nhau, chúng biểu lộ tình cảm hỗ tương đáng kể, nhiều sylph "đứng" với hai tay dang ra đặt lên vai nhau. Khi những lời chào mừng này hoàn tất, một chuyển động phối hợp bắt đầu, trong đó tất cả đều liên kết với nhau theo cách ấy; toàn nhóm tự sắp xếp thành các tầng tròn theo hình một bông hoa bìm bìm. Một sylph tạo thành điểm nhọn; ba sylph tạo thành một vòng tròn phía trên, tất cả đều hướng mặt vào trong; số còn lại tạo thành vòng này tiếp vòng khác, mỗi vòng lớn hơn vòng bên dưới, toàn thể rực sáng và lóe lên ánh hồng, trong đó các màu tự nhiên của hào quang chúng hiện ra như những sắc thái biến

the changing hues of an opal. Then the whole "flower" began to turn, all the sylphs moving together and maintaining perfectly the convolvulus flower form. Their faces bore an expression of joy and their long "hair" floated out behind them and their shining auric robes blending in expression of their perfect unity of feeling and of thought.

đổi của đá opal. Rồi toàn bộ "bông hoa" bắt đầu xoay, tất cả sylph cùng chuyển động và duy trì hoàn hảo hình dạng hoa bìm bìm. Gương mặt chúng mang vẻ hoan hỉ, "tóc" dài của chúng bay ra phía sau, và các áo choàng hào quang sáng chói của chúng hòa quyện, biểu lộ sự hợp nhất hoàn hảo trong cảm xúc và tư tưởng.

They revolved with increasing rapidity, until the angel gave the signal of dismissal by his raising his right hand above his head. Then the whole group, still revolving and maintaining the flower formation, rose high into the heavens, after which each ring opened out into a line and broke up into groups of two and three sylphs. Still rotating and rising as it turned, the flower form created in superphysical matter by this aerial dance remained, shining in heavens. Shortly afterwards, as if perceiving this and animated by a new idea, the sylphs re-formed into one big circle round the "flower" and by united thought built an enclosing, translucent sphere of the soft green colour of the teaching angel's aura. This did not "grow" entirely into a closed sphere, but remained open at the top, streams of energy flowing up through the interior of the form to play out into the air above.

Chúng xoay tròn với tốc độ ngày càng tăng, cho đến khi vị thiên thần ra dấu giải tán bằng cách đưa tay phải lên trên đầu. Khi ấy toàn nhóm, vẫn xoay tròn và duy trì đội hình bông hoa, bay cao lên các tầng trời; sau đó mỗi vòng mở ra thành một hàng và tách thành các nhóm hai hoặc ba sylph. Vẫn xoay và bay lên khi xoay, hình hoa được tạo trong chất liệu siêu hồng trần bởi vũ điệu trên không này vẫn còn lại, sáng rực trên các tầng trời. Ít lâu sau, như thể nhận ra điều này và được một ý tưởng mới làm linh hoạt, các sylph lại hợp thành một vòng tròn lớn quanh "bông hoa" và bằng tư tưởng hợp nhất xây dựng một khối cầu bao quanh, trong mờ, có màu xanh lục dịu của hào quang vị thiên thần giảng dạy. Khối cầu này không "lớn" hoàn toàn thành một khối cầu khép kín, mà vẫn mở ở phía trên, các dòng năng lượng chảy lên qua bên trong hình thể để tỏa ra trong không khí phía trên.

A certain abandon now became apparent in the movements of the sylphs, who continued to wheel with extreme rapidity round the flower form. Their heads were thrown back and their bodies were curved outwards from the circle. At last they dispersed glancing and sending towards the angel thoughts of love which descended upon him in a shower of crimson cones. These entered his aura, within which they flowed for a time with rosy light.

Giờ đây, một sự buông thả nào đó trở nên rõ rệt trong các chuyển động của các sylph, khi chúng tiếp tục xoay vòng với tốc độ cực nhanh quanh hình hoa. Đầu chúng ngửa ra sau và thân chúng cong ra ngoài khỏi vòng tròn. Cuối cùng chúng phân tán, liếc nhìn và gửi về phía vị thiên thần những tư tưởng yêu thương, các tư tưởng ấy đổ xuống trên y như một trận mưa các hình nón đỏ thẫm. Chúng đi vào hào quang của y, và trong đó chúng chảy một thời gian với ánh hồng.

The flower form was evidently created as an offering and the dance was an expression of love, unity and joy, performed in honour of the angel who called them, to whom they paid

Hình hoa rõ ràng được tạo ra như một lễ vật dâng hiến, và vũ điệu là một biểu hiện của tình thương, sự hợp nhất và hoan hỉ, được thực hiện để tôn vinh vị thiên thần đã gọi

the compliment of building the surrounding form in the predominating colour of his aura. A smile lighted his face as he turned to me in a gesture of farewell, and then disappeared.

chúng, và chúng bày tỏ lòng kính trọng với y bằng cách xây dựng hình bao quanh trong màu chủ đạo của hào quang y. Một nụ cười làm gương mặt y bừng sáng khi y quay sang tôi trong một cử chỉ từ biệt, rồi biến mất.

CHAPTER IV THE LESSER GODS – CHƯƠNG IV CÁC VỊ THẦN NHỎ HƠN

THE ASTRAL AND THE ETHERIC FORMS – CÁC HÌNH TƯỚNG CẢM DỤC VÀ DĨ THÁI

ON the lower rungs of the ladder of the Angelic Hierarchy are to be found the nature spirits of the four subtle elements of earth, water, air and fire. The English countryside where these studies were made is well populated with the almost infinite variety of denizens of these four kingdoms of Nature.

Ở các nấc thấp của chiếc thang Thánh Đoàn Thiên Thần có thể tìm thấy các tinh linh tự nhiên của bốn nguyên tố vi tế là đất, nước, khí và lửa. Vùng đồng quê Anh quốc nơi các nghiên cứu này được thực hiện có rất nhiều cư dân thuộc bốn giới này của Thiên Nhiên, với sự đa dạng gần như vô tận.

My observations suggest that nature spirits use two distinct forms. One of these is the permanent astral body and the other a temporarily materialised etheric vehicle. The astral form consists of a spherical, many-coloured aura surrounding the delicate, force-built fairy form within. The etheric vehicle is assumed for at least two reasons. One is that, when an etheric body is worn, an added sense of individuality or entity is experienced by the nascent mind, which is normally unselfconscious and diffused throughout a group. The other is that an increased vitality and vividness of life are attained by closer contact with the physical world, both during seasons of plant germination, growth and full development, and in bright sunshine. These experiences provide pleasure. Under these conditions nature spirits emerge from the astral into the etheric levels where they become more easily visible and are more generally first seen. There they dance, play, see each other, and human beings to some extent, imitate them and on occasions become attached to those sufficiently sensitive to respond to their presence and even communicate with them.

Những quan sát của tôi gợi ý rằng các tinh linh tự nhiên sử dụng hai hình tướng riêng biệt. Một trong số đó là thể cảm dục trường tồn, và cái kia là một vận cụ dĩ thái tạm thời được hiện hình. Hình tướng cảm dục gồm một hào quang hình cầu, nhiều màu, bao quanh hình dạng tiên nhỏ bé, tinh tế, được xây bằng mãnh lực ở bên trong. Vận cụ dĩ thái được khoác lấy ít nhất vì hai lý do. Một là, khi mặc lấy một thể dĩ thái, thể trí mới chớm nở—vốn bình thường không có ngã thức và phân tán khắp một nhóm—trải nghiệm thêm một ý thức về tính cá thể hoặc thực thể. Lý do kia là, qua sự tiếp xúc gần hơn với thế giới hồng trần, cả trong các mùa cây cối nảy mầm, tăng trưởng và phát triển đầy đủ, lẫn dưới ánh nắng rực rỡ, chúng đạt được sinh lực và sự sống động gia tăng. Những kinh nghiệm này đem lại khoái cảm. Trong các điều kiện ấy, các tinh linh tự nhiên xuất hiện từ cõi cảm dục vào các cấp độ dĩ thái, nơi chúng trở nên dễ thấy hơn và thường được nhìn thấy lần đầu. Ở đó chúng nhảy múa, vui chơi, nhìn thấy nhau, và ở một mức độ nào đó nhìn thấy con người; chúng bắt chước con người và đôi khi trở nên gắn bó với những người đủ nhạy cảm để đáp ứng với sự hiện diện của chúng, thậm chí giao tiếp với chúng.

When the etheric form is assumed, its shape would appear to be governed by at least three influences. The first of these is that of the Archetype, which is the same for both the Angelic and the human kingdoms. The second is the modification of the Archetype characteristic of the nature spirits of each of the four elements of earth, water, air and fire. Variations of each of these are also to be observed at different levels-below, on and above the surface of the earth, in diverse natural conditions and in differing districts.

Khi hình tướng dĩ thái được khoác lấy, dáng hình của nó dường như chịu sự chi phối của ít nhất ba ảnh hưởng. Ảnh hưởng thứ nhất là của Nguyên Mẫu, vốn giống nhau đối với cả giới thiên thần lẫn giới nhân loại. Ảnh hưởng thứ hai là sự biến đổi của Nguyên Mẫu đặc trưng cho các tinh linh tự nhiên của mỗi trong bốn nguyên tố đất, nước, khí và lửa. Những biến thể của mỗi loại này cũng có thể được quan sát ở các cấp độ khác nhau—dưới, trên và phía trên bề mặt trái đất, trong các điều kiện tự nhiên đa dạng và tại những vùng khác nhau.

The third influence is exerted by the human habits, the dress and the popular thought concerning the appearance of fairy people of particular times and places.

Ảnh hưởng thứ ba do các tập quán của con người, y phục và tư tưởng phổ biến liên quan đến vẻ ngoài của dân tiên ở những thời kỳ và nơi chốn riêng biệt tạo ra.

Certain periods in history have thus left their mark upon the nature spirit kingdom. The gnome shape apparently dates from the first physical inhabitants of the planet in ancient Lemurian days. The impress of Atlantean thought is still to be seen upon the Greater and Lesser Gods of such countries as Central and South America and the Pacific Islands and Archipelagos which were for long periods inhabited by Atlanteans. The appearance of other nature spirits of earth is evidently moulded according to the medieval European rustic, of whom the brownie is in part a miniature reproduction. Whole tribes of earth nature spirits are to be found in England wearing an Elizabethan style of male attire. Fairies frequently assume a relatively modern appearance, even to the style of "hair," as is also shown in the fairies who were photographed by the two children in Yorkshire. Some nature spirits assume the blacksmith's attire, and even carry thought-made tools, others the .cobbler's, whilst, others again, consciously or unconsciously, display similar forms of mimicry of human activities, habits and dress.

Do đó, một số thời kỳ trong lịch sử đã để lại dấu ấn của chúng trên giới tinh linh tự nhiên. Hình dạng gnome dường như có từ những cư dân hồng trần đầu tiên của hành tinh trong thời Lemuria cổ đại. Dấu ấn của tư tưởng Atlantis vẫn còn thấy được trên các Vị Thần Lớn và Nhỏ của những xứ như Trung và Nam Mỹ, cũng như các đảo và quần đảo Thái Bình Dương, những nơi trong thời gian dài đã có người Atlantis cư ngụ. Vẻ ngoài của các tinh linh tự nhiên khác thuộc đất rõ ràng được nặn theo người thôn quê châu Âu thời trung cổ, mà brownie phần nào là một bản sao thu nhỏ. Có thể tìm thấy ở Anh toàn bộ các bộ tộc tinh linh tự nhiên của đất mặc kiểu y phục nam giới thời Elizabeth. Các tiên thường khoác lấy vẻ ngoài tương đối hiện đại, thậm chí đến cả kiểu "tóc", như cũng được thấy trong những tiên đã được hai đứa trẻ ở Yorkshire chụp ảnh. Một số tinh linh tự nhiên khoác trang phục của thợ rèn, thậm chí mang theo các công cụ do tư tưởng tạo ra; những tinh linh khác khoác trang phục của thợ đóng giày, trong khi những tinh linh khác nữa, một cách có ý thức hoặc vô thức, biểu lộ các hình thức bắt chước tương tự đối với hoạt động, thói quen và y

phục của con người.

Fairy thought is powerfully formative upon astral and etheric matter. As far as their limited powers of observation permit, they delight to copy the appearance of such human beings as they can see, an art at which they are very expert. In North America the earth nature spirits are often nude to the waist and wear what appear to be leather or buckskin trousers, these sometimes being fringed after the habit of the American Indian, Their auras, too, are not infrequently arranged in concentric bands of colour, causing them somewhat to suggest the appearance of the Indian war bonnet of dyed eagle feathers. Unclothed, black gnomes resembling aborigines are to be seen in South Africa and Australia whilst certain earth nature spirits in New Zealand look rather like miniature, half-dressed Maori men.

Tư tưởng của tiên có sức tạo hình mạnh mẽ trên vật chất cảm dục và dĩ thái. Trong phạm vi khả năng quan sát hạn chế của mình, chúng thích sao chép vẻ ngoài của những con người mà chúng có thể thấy, một nghệ thuật mà chúng rất thành thạo. Ở Bắc Mỹ, các tinh linh tự nhiên của đất thường để trần đến thắt lưng và mặc thứ trông như quần da hoặc da hươu, đôi khi có tua theo thói quen của người Mỹ bản địa. Hào quang của chúng cũng không hiếm khi được sắp xếp thành các dải màu đồng tâm, khiến chúng phần nào gợi nhớ đến vẻ ngoài của mũ chiến bằng lông đại bàng nhuộm màu của người bản địa. Ở Nam Phi và Úc có thể thấy các gnome đen, không mặc y phục, giống người bản địa, trong khi một số tinh linh tự nhiên của đất ở New Zealand trông khá giống những người Maori thu nhỏ, mặc nửa người.

All descriptions of the hair, wings and garments of nature spirits, especially including the appearance of filmy, gossamerlike clothing, refer to densifications, to the level of the fourth sub-plane from above of the ether, of certain inner portions of their astro-etheric auras. Wands, on the other hand, appear spontaneously as symbols of authority, forms naturally assumed by the attribute of rule by instinctual will by the leaders of concerted movements of nature spirits which control and direct those in their charge.

Mọi mô tả về tóc, cánh và y phục của các tinh linh tự nhiên, đặc biệt bao gồm vẻ ngoài của trang phục mỏng manh như tơ nhện, đều chỉ các sự cô đặc, đến cấp độ của cõi phụ thứ tư tính từ trên xuống của dĩ thái, của một số phần bên trong các hào quang cảm-dĩ thái của chúng. Mặt khác, đũa xuất hiện tự phát như những biểu tượng của quyền uy, là các hình tướng tự nhiên được thuộc tính cai quản bằng ý chí bản năng khoác lấy nơi những thủ lĩnh của các chuyển động phối hợp của tinh linh tự nhiên, vốn kiểm soát và chỉ đạo những đơn vị thuộc quyền mình.

The consciousness of these fairy creatures normally functions upon the astral plane which is a life plane. When a more objective self-expression is entered upon, a process of self-clothing in the matter of the ether which is a form plane is more or less instinctively carried out. This culminates in the temporary creation of an etheric body ensouled, interpenetrated and surrounded by the astral creator. The reproduction as relatively fixed

Tâm thức của các sinh vật tiên này bình thường hoạt động trên cõi cảm dục, vốn là một cõi sự sống. Khi bước vào một sự tự biểu hiện khách quan hơn, một tiến trình tự khoác lấy chất liệu của dĩ thái, vốn là một cõi hình tướng, được thực hiện ít nhiều theo bản năng. Điều này đạt đến cao điểm trong việc tạm thời tạo ra một thể dĩ thái được phú linh, thấm nhập và bao quanh bởi đấng sáng tạo cảm dục. Việc tái tạo thành những hình tướng tương

forms of currents in the astral aura and the formation of garlands, belts and wands as expressive of attributes are natural processes. They are, I believe, manifestations in the small world of fairy of those Cosmic creative processes and laws by which external Nature comes into existence as an expression of THAT from which it emanates. Admittedly the nature spirit forms are illusory and evanescent, but so is the whole objective universe from the point of view of ultimate reality.

This microcosmic expression of Macrocosmic powers and laws gives even to the smallest forms and beings of nature their profound interest and significance. The chemical atom is thought to reproduce in ultra-microscopic proportions the form and interior movements of a solar system, themselves both manifestations of still greater units and objective expressions of universal numerical and geometrical principles. Similarly, my observations have led me to believe the forms of elf, fairy and dryad are the result of the operation of the laws by which the Cosmos is built. A study of these beings can, therefore, lead the observer from the minute effect to the great Cause, from the single existence to the general principle.

The remarks and descriptions which follow are admittedly limited, both in range and understanding, being taken from records of my first halting attempts to investigate the Kingdom of Fairy. For the sake of accuracy, however, they are presented almost as then written, rather than expanded in the light of later knowledge. If further explanation and even apology be needed for the inclusion of so much of the apparent *trivia* of fairy lore in this work, I would answer that in the light of fuller knowledge the little people may be found to occupy, however unconsciously, positions of

đối cố định các dòng chảy trong hào quang cảm dục, và việc tạo thành các tràng hoa, dây đai và đũa như những biểu hiện của thuộc tính, là những tiến trình tự nhiên. Tôi tin rằng chúng là các biểu hiện trong thế giới nhỏ bé của tiên của những tiến trình và định luật sáng tạo vũ trụ, nhờ đó Thiên Nhiên bên ngoài đi vào hiện hữu như một biểu hiện của CÁI mà từ đó nó xuất lộ. Phải thừa nhận rằng các hình tướng tinh linh tự nhiên là hư ảo và thoáng qua, nhưng toàn bộ vũ trụ khách quan cũng vậy, xét từ quan điểm của thực tại tối hậu.

Biểu hiện tiểu thiên địa này của các quyền năng và định luật đại thiên địa đem lại cho ngay cả những hình tướng và sinh linh nhỏ bé nhất của thiên nhiên mối quan tâm và thâm nghĩa sâu xa của chúng. Người ta cho rằng nguyên tử hoá học tái tạo, trong tỷ lệ siêu hiển vi, hình dạng và các chuyển động bên trong của một hệ mặt trời; chính cả hai đều là các biểu hiện của những đơn vị còn lớn hơn và là các biểu đạt khách quan của những nguyên lý số học và hình học phổ quát. Tương tự, những quan sát của tôi đã dẫn tôi đến niềm tin rằng các hình tướng của elf, tiên và nữ thần cây là kết quả của sự vận hành các định luật nhờ đó Vũ Trụ được xây dựng. Do đó, việc nghiên cứu các sinh linh này có thể dẫn người quan sát từ hiệu quả nhỏ bé đến Nguyên Nhân vĩ đại, từ sự hiện hữu đơn lẻ đến nguyên lý phổ quát.

Các nhận xét và mô tả tiếp theo, phải thừa nhận, bị giới hạn cả về phạm vi lẫn sự thấu hiểu, vì được lấy từ những ghi chép về các nỗ lực đầu tiên còn ngập ngừng của tôi nhằm khảo sát Giới Tiên. Tuy nhiên, vì sự chính xác, chúng được trình bày gần như đúng như khi được viết ra, thay vì được mở rộng dưới ánh sáng của tri thức về sau. Nếu cần thêm lời giải thích, thậm chí lời xin lỗi, về việc đưa vào tác phẩm này quá nhiều điều có vẻ là *chi tiết vụn vặt* của truyền thuyết về tiên, tôi xin đáp rằng dưới ánh sáng của tri thức đầy đủ hơn, có thể thấy những người bé nhỏ này, dù vô thức đến

importance in the fulfilment of Nature's mysterious plans and processes. The power of the single cell to move, breathe, reproduce and nourish itself and that of groups of cells to communicate, cooperate and co-ordinate their activities in the development of organic bodies, may be explained by the presence and instinctually directive influence of the nature spirits. Amoeba are known to move towards a conjoined, communal existence stimulated and guided physically by certain chemical substances. The origin and action of such substances and of the mechanism apparent in the evolution of the slime moulds and their successors in the scale, may perhaps be traceable to the activities of invisible, astro-etheric organisms of the order of the nature spirits of the four elements.

đâu, vẫn giữ những vị trí quan trọng trong việc hoàn thành các Thiên Cơ và tiến trình huyền nhiệm của Thiên Nhiên. Quyền năng của một tế bào đơn lẻ trong việc di chuyển, hô hấp, sinh sản và tự nuôi dưỡng, cũng như quyền năng của các nhóm tế bào trong việc giao tiếp, hợp tác và phối hợp các hoạt động của chúng trong sự phát triển của các thể hữu cơ, có thể được giải thích bằng sự hiện diện và ảnh hưởng chỉ đạo theo bản năng của các tinh linh tự nhiên. Người ta biết rằng amip di chuyển hướng tới một sự hiện hữu cộng đồng liên hợp, được kích thích và hướng dẫn về mặt hồng trần bởi một số chất hoá học nhất định. Nguồn gốc và tác động của các chất ấy, cũng như của bộ máy hiển lộ trong sự tiến hoá của các loại nấm nhầy và những dạng kế tiếp chúng trên thang bậc, có lẽ có thể được lần về các hoạt động của những sinh thể cảm-dĩ thái vô hình thuộc cấp bậc các tinh linh tự nhiên của bốn nguyên tố.

Nothing in Nature is insignificant. The extremely minute is as important as the inconceivably vast. Dimension and apparent significance in the light of present human knowledge cannot be regarded as standards of importance. Moreover since the smallest atom and the greatest Archangel are produced, shaped and evolved in accordance with the same laws, a study of the minute and the apparently unimportant can lead to a comprehension of all that exists. From this point of view a nature spirit is of as much consequence as a creative God and those who take all Nature for their field of study can hardly afford to neglect these embodiments of Nature's indwelling life. Nature spirits may one day be found to be links in the chain of causation by which a universe is conceived, mentally "named" and its "name" or "word" uttered so that the sound thereof causes the primordial single concept to become manifest as physical nature in all its infinite complexity and variety of evolving beings, species and

Không gì trong Thiên Nhiên là không có thâm nghĩa. Cái cực kỳ nhỏ bé cũng quan trọng như cái bao la không thể quan niệm. Kích thước và thâm nghĩa bề ngoài dưới ánh sáng tri thức hiện tại của con người không thể được xem là tiêu chuẩn của tầm quan trọng. Hơn nữa, vì nguyên tử nhỏ nhất và Tổng Thiên Thần lớn lao nhất đều được tạo ra, định hình và tiến hoá theo cùng những định luật, nên việc nghiên cứu cái nhỏ bé và cái có vẻ không quan trọng có thể dẫn đến sự lĩnh hội tất cả những gì hiện hữu. Từ quan điểm này, một tinh linh tự nhiên có ý nghĩa không kém một Vị Thần sáng tạo, và những ai lấy toàn thể Thiên Nhiên làm lĩnh vực nghiên cứu của mình khó có thể bỏ qua những hiện thân này của sự sống nội tại trong Thiên Nhiên. Một ngày kia, các tinh linh tự nhiên có thể được phát hiện là những mắc xích trong chuỗi nhân quả nhờ đó một vũ trụ được quan niệm, được "đặt tên" bằng trí tuệ, và "tên" hay "linh từ" của nó được xướng lên, để âm thanh ấy khiến khái niệm đơn nhất nguyên sơ trở nên biểu hiện thành thiên

forms.

nhiên hồng trần trong toàn bộ tính phức tạp và đa dạng vô tận của các sinh linh, loài và hình tướng đang tiến hoá.

I admit that I have also been moved by the thought that readers—and those read to—of tender years may find in these descriptions much that will entertain, and perhaps provide later on an easy gateway to a deeper study of the Kingdom of the Gods. There is, moreover, a further reason for interest in the elementáis of earth, water, air and fire which will be apparent to those of my readers who are interested in alchemy.

Tôi thừa nhận rằng tôi cũng đã bị thúc đẩy bởi ý nghĩ rằng những độc giả—và những người được đọc cho nghe—còn nhỏ tuổi có thể tìm thấy trong các mô tả này nhiều điều làm họ thích thú, và có lẽ về sau cung cấp một lối vào dễ dàng cho việc nghiên cứu sâu hơn về Giới của các Vị Thần. Hơn nữa, còn có một lý do khác để quan tâm đến các hành khí của đất, nước, khí và lửa, điều này sẽ rõ ràng đối với những độc giả của tôi quan tâm đến thuật luyện kim.



GNOME
DỰA THEO ẢNH CHỤP
" IRISH VÀ GNOME "

BROWNIES – BROWNIE

The European brownies I have studied, though differing considerably in detail, have always presented certain common characteristics which place them unmistakably in their own family.

Những brownie châu Âu mà tôi đã nghiên cứu, tuy khác nhau đáng kể về chi tiết, luôn biểu lộ một số đặc điểm chung đặt chúng một cách không thể nhầm lẫn vào gia đình riêng của chúng.

A medieval style of attire is generally affected. A short brown coat, sometimes with a wide scalloped collar, bright buttons and facings of green, brown knee-breeches, rough stockings and two distinct kinds of boots are worn. Sometimes a large, heavy "agricultural" boot is seen, and at others a long, pointed, lighter shoe. One way in which variations can occur is suggested in the description given later of the manufacture of a pair of fairy shoes.

Chúng thường ưa khoác một kiểu trang phục trung cổ. Chúng mặc một chiếc áo khoác ngắn màu nâu, đôi khi có cổ rộng viền lượn sóng, nút sáng và nẹp màu xanh lục, quần chẽn nâu đến gối, vớ thô và hai loại ủng khác biệt. Đôi khi thấy một loại ủng "nông nghiệp" lớn và nặng, lúc khác lại là một chiếc giày dài, nhọn và nhẹ hơn. Một cách mà các biến thể có thể xảy ra được gợi ý trong phần mô tả sau đây về việc chế tạo một đôi giày tiên.

A pointed cap is the usual head-dress, though a low-brimmed hat occasionally replaces the nightcap-shape more generally worn. Groups of brownies, apparently believing themselves to be hard at work, have been seen wearing aprons closely resembling those worn by blacksmiths; bright buckles and clasps are generally part of their equipment. Working brownies carry and pretend to use tools, chiefly spades and picks, with which they delve in the earth with great earnestness. Some tribes of brownies are short and squat, with fat, round bodies and short limbs, others being slim and youthful in appearance. Their height varies from some four to twelve inches. Usually the face is that of an old man, with grey eyebrows, moustache and beard, red complexion and a weatherbeaten aspect. The eyes are small and beady and the expression simple and kindly.

Mũ nhọn là vật đội đầu thông thường, mặc dù đôi khi một chiếc mũ vành thấp thay thế cho hình dạng mũ ngủ thường được đội hơn. Các nhóm brownie, dường như tin rằng mình đang làm việc chăm chỉ, đã được thấy mang tạp dề rất giống tạp dề của thợ rèn; các khoá và móc sáng thường là một phần trong trang bị của chúng. Các brownie làm việc mang và giả vờ sử dụng công cụ, chủ yếu là thuổng và cuốc, để đào đất với vẻ hết sức nghiêm túc. Một số bộ tộc brownie thấp và chắc nịch, với thân tròn béo và chi ngắn; những bộ tộc khác thì mảnh mai và có vẻ trẻ trung. Chiều cao của chúng thay đổi từ khoảng bốn đến mười hai inch. Thường thì gương mặt là gương mặt của một ông già, với lông mày, ria mép và râu xám, nước da đỏ và vẻ phong sương. Đôi mắt nhỏ và sáng như hạt cườm, còn nét mặt thì giản dị và hiền hậu.

By nature they are communicative and friendly creatures, living in tribes and, like most of the fairy peoples, highly imitative of man in their habits, their attire and their methods of work and play. They belong to the soil and have much of the rustic simplicity of the tiller of the ground. What function they perform in the processes of Nature is not clear; they are generally to be found on or just beneath the surface of the ground. I have seen them digging most solemnly amongst the roots of growing plants, yet such an expression of mock seriousness and make-

Theo bản chất, chúng là những sinh vật giao tiếp và thân thiện, sống thành bộ tộc, và giống như hầu hết các dân tộc tiên, chúng bắt chước con người rất nhiều trong thói quen, trang phục và các phương pháp làm việc cũng như vui chơi. Chúng thuộc về đất và mang nhiều nét giản dị thôn dã của người canh tác ruộng đồng. Chúng thực hiện chức năng gì trong các tiến trình của Thiên Nhiên thì chưa rõ; thường có thể tìm thấy chúng trên hoặc ngay dưới bề mặt đất. Tôi đã thấy chúng đào bới rất trang nghiêm giữa rễ các cây đang mọc, nhưng một biểu hiện nghiêm túc giả tạo và trò giả vờ

believe pervades all their activities that it is never quite clear whether they regard their endeavour as work or play. The following accounts of nature spirits of earth, water, air and fire are taken from descriptions of scenes observed on different occasions, and may help to an understanding of these little people.

thấm nhuần mọi hoạt động của chúng đến nỗi không bao giờ thật rõ chúng xem nỗ lực của mình là công việc hay trò chơi. Các tường thuật sau đây về các tinh linh tự nhiên của đất, nước, khí và lửa được lấy từ những mô tả các cảnh quan sát vào những dịp khác nhau, và có thể giúp thấu hiểu những người bé nhỏ này.

A BROWNIE VILLAGE – MỘT LÀNG BROWNIE

On the steep side of one of the crags on the western shores of Thirlmere is a very large colony of brownies; they live a few feet below the ground level and spend their time as much beneath as above the surface. I see a number of small houses, just under the surface of the hill. Quite perfect in shape, with windows and doors, they are scattered irregularly about the hillside, and amongst the leaves, the roots and the rocks which surround them numbers of brownie figures are to be seen. The following is an attempt to describe one of these selected at' random.

Trên sườn dốc của một trong các mỏm đá ở bờ tây Thirlmere có một thuộc địa brownie rất lớn; chúng sống cách mặt đất vài foot và dành thời gian ở dưới mặt đất cũng nhiều như trên mặt đất. Tôi thấy một số ngôi nhà nhỏ, ngay dưới bề mặt ngọn đồi. Có hình dạng khá hoàn hảo, với cửa sổ và cửa ra vào, chúng rải rác không đều trên sườn đồi; giữa lá cây, rễ cây và đá xung quanh chúng, có thể thấy vô số hình dáng brownie. Sau đây là một nỗ lực mô tả một trong số chúng, được chọn ngẫu nhiên.

Not more than six inches high, he looks like a little old man, wearing a brown hat shaped like a nightcap, and a brown suit consisting of what appears to be the brownie regulation knickerbockers, stockings and boots. The face is grey-beared and bears the impress of an ancient rusticity. Undoubtedly there is the make-believe of domestic life, though I do not see any female figure in this fairy village. Brownies literally swarm over this hillside and vary little in appearance, expression or intelligence. They seem to be just “evolving” here. They differ from any brownies I have previously seen in that they do not appear to “work” in connection with any processes of Nature; though they venerate the trees, they do not serve them in any capacity.

Không cao quá sáu inch, y trông như một ông già nhỏ bé, đội một chiếc mũ nâu hình mũ ngủ, và mặc một bộ đồ nâu gồm thứ có vẻ là quần chẽn, vớ và ủng theo quy định của brownie. Gương mặt có râu xám và mang dấu ấn của một vẻ thôn dã cổ xưa. Chắc chắn có trò giả vờ về đời sống gia đình, mặc dù tôi không thấy bất cứ hình dáng nữ nào trong làng tiên này. Brownie thật sự nhung nhúc trên sườn đồi này và rất ít khác biệt về vẻ ngoài, nét mặt hoặc trí thông minh. Chúng dường như chỉ đang “tiến hoá” ở đây. Chúng khác với bất cứ brownie nào tôi từng thấy trước đó ở chỗ chúng dường như không “làm việc” liên quan đến bất kỳ tiến trình nào của Thiên Nhiên; mặc dù chúng tôn kính cây cối, chúng không phụng sự cây cối trong bất kỳ khả năng nào.

One of a younger looking type of nature spirit which also lives here has now approached me and, standing some two or three yards on my

Một tinh linh tự nhiên thuộc loại trông trẻ hơn, cũng sống ở đây, giờ đã tiến lại gần tôi và, đứng cách tôi khoảng hai hoặc ba yard bên

right, is proceding to display himself with extravagant gestures and simple-minded humour. He is much slimmer than the older-looking brownies, and has a touch of colour about him—a little red on the hat (which is conical with the point hanging back) and a little green in his costume. I hardly think he can be a brownie; his feet run down to a point, his nether limbs are thin and elongated and his hands are too large for the rest of his body. He rests his left hand on his hip and points with his right hand in the direction of the wood, as if proudly displaying the beauties of the place. Added to his pride there is a good deal of vain glory and childish self-satisfaction. His face is clean-shaven and red, his eyes small, his nose and chin prominent, his mouth very wide and still further expanded into a grin. His gestures and postures are extravagant and amazing. His body is so supple that he can bend and stretch to almost any position.

phải, bắt đầu phô diễn bản thân bằng những cử chỉ phóng đại và sự hài hước ngây ngô. Y mảnh mai hơn nhiều so với các brownie trông già hơn, và có một chút màu sắc trên người—một chút đỏ trên mũ, vốn có hình nón với đầu nhọn rủ ra sau, và một chút xanh lục trong trang phục. Tôi khó nghĩ rằng y có thể là một brownie; bàn chân y thu lại thành đầu nhọn, các chi dưới mảnh và kéo dài, còn hai bàn tay quá lớn so với phần còn lại của thân thể. Y đặt tay trái lên hông và chỉ tay phải về phía khu rừng, như thể tự hào phô bày vẻ đẹp của nơi này. Thêm vào niềm kiêu hãnh của y còn có khá nhiều tự phụ và tự mãn trẻ con. Gương mặt y nhẵn nhụi và đỏ, mắt nhỏ, mũi và cằm nhô, miệng rất rộng và còn mở rộng hơn nữa thành một nụ cười toe toét. Các cử chỉ và tư thế của y phóng đại và đáng kinh ngạc. Thân thể y mềm dẻo đến nỗi y có thể uốn cong và duỗi ra hầu như bất cứ tư thế nào.

I cannot persuade him to approach any nearer, as when I try to do so he immediately begins to show apprehension. He appears to feel uncomfortable, though not, I think, really afraid. The human aura is inharmonious to him and he would probably lose his equilibrium within it. By contrast I realise how ethereal and fragile is his make-up, possessing less consistency than a puff of wind; yet the form is clearly outlined and the details are sharply defined.

Tôi không thể thuyết phục y tiến lại gần hơn, vì khi tôi cố làm vậy, y lập tức bắt đầu tỏ vẻ lo ngại. Y dường như cảm thấy khó chịu, mặc dù tôi nghĩ là không thật sự sợ hãi. Hào quang con người không hài hòa đối với y, và có lẽ y sẽ mất thăng bằng trong đó. Ngược lại, tôi nhận ra cấu tạo của y thanh nhẹ và mong manh biết bao, có độ đặc còn kém hơn một luồng gió; tuy vậy hình tướng vẫn có đường nét rõ ràng và các chi tiết được xác định sắc nét.

Looking again at the brownie community and striving to grasp some of the details of its life, certain peculiar facts present themselves. For example, an endeavour to see the inside of their houses showed to my surprise that when one “went in at the door” there was nothing there! The outside shape is fairly perfect and quite picturesque, but the inside is just darkness. In fact, the illusion of a house entirely disappears when the consciousness is

Nhìn lại cộng đồng brownie và cố nắm bắt một số chi tiết trong đời sống của nó, một vài sự kiện kỳ lạ hiện ra. Chẳng hạn, một nỗ lực nhìn vào bên trong nhà của chúng đã cho tôi thấy, thật ngạc nhiên, rằng khi một người “đi vào cửa” thì bên trong chẳng có gì cả! Hình dáng bên ngoài khá hoàn hảo và rất nên thơ, nhưng bên trong chỉ là bóng tối. Thật ra, ảo ảnh về một ngôi nhà hoàn toàn biến mất khi tâm thức hướng vào bên trong. Tất cả những

directed to the interior. Certain fine lines of flowing magnetism are all that one sees. The brownies enter by the door and then put off the brownie form, descending deeper into the earth in a relatively formless state. They all seem to have the conception of being busy, hurrying about the place in a pseudo-serious manner; but to me the whole thing is pure make-believe.

gì người ta thấy là một số đường từ điện tinh tế đang chảy. Các brownie đi vào qua cửa rồi cởi bỏ hình tướng brownie, hạ xuống sâu hơn trong lòng đất trong một trạng thái tương đối vô hình tướng. Tất cả chúng dường như có quan niệm rằng mình bận rộn, vội vã quanh nơi ấy theo một cách giả-nghiêm túc; nhưng đối với tôi toàn bộ việc ấy thuần túy là trò giả vờ.

The houses do not belong to any individual or group. Any member of the colony uses them, this "use" being limited merely to passing in and out through the door. They certainly get some satisfaction from contemplating the exterior of these thought-built structures. I do not see, belonging to these woodland brownies, any of the working tools, satchels or aprons which I have noticed on other occasions. They appear to be less intelligent and less highly evolved and far more aimless in their existence than any others I have met.

Các ngôi nhà không thuộc về bất kỳ cá nhân hay nhóm nào. Bất cứ thành viên nào của thuộc địa cũng sử dụng chúng, sự "sử dụng" này chỉ giới hạn ở việc đi vào và đi ra qua cửa. Chắc chắn chúng nhận được một sự thỏa mãn nào đó từ việc chiêm ngưỡng bên ngoài các cấu trúc do tư tưởng xây dựng này. Tôi không thấy, thuộc về các brownie trong rừng này, bất cứ công cụ làm việc, túi đeo hay tạp dề nào mà tôi đã nhận thấy vào những dịp khác. Chúng dường như kém thông minh hơn, kém tiến hoá cao hơn và hiện hữu vô định hơn nhiều so với bất kỳ loại nào khác tôi đã gặp.

MANUFACTURE OF FAIRY BOOTS – CHẾ TẠO ỦNG TIÊN

Among the little folk on this hillside facing Helvellyn, the first to be observed is an elderly brownie who, now that we have seated ourselves, steps out to the edge of the firewood behind us. He is some six or eight inches high and wears a long, pointed cap, like a slightly imperfect cone, and a little green jerkin scalloped at the lower edge and falling about his hips; it is edged with brown, fastened with buttons and has a broad, cape-like collar, also scalloped and edged. Little trousers complete his attire. At first he shows the lower limbs of an elf, elongated and pointed. He has a long, grey, scanty beard, and both his face and body are thinner and more austere than those of the usual brownie. He reminds me slightly of a caricature of Uncle Sam, clothed in the constume of Falstaff.

Giữa những người bé nhỏ trên sườn đồi đối diện Helvellyn này, đối tượng đầu tiên được quan sát là một brownie già, giờ đây khi chúng tôi đã ngồi xuống, bước ra đến rìa đống củi phía sau chúng tôi. Y cao khoảng sáu hoặc tám inch và đội một chiếc mũ dài, nhọn, giống một hình nón hơi không hoàn hảo, mặc một chiếc áo chẽn xanh lục nhỏ có mép dưới viền lượn sóng và rủ quanh hông; nó được viền nâu, cài nút và có cổ rộng giống áo choàng ngắn, cũng viền lượn sóng và có nẹp. Một chiếc quần nhỏ hoàn tất trang phục của y. Lúc đầu y để lộ các chi dưới của một elf, kéo dài và nhọn. Y có một bộ râu dài, xám và thưa, cả gương mặt lẫn thân thể y đều gầy hơn và khắc khổ hơn so với brownie thông thường. Y làm tôi hơi nhớ đến một bức biếm hoạ Chú Sam, mặc trang phục của Falstaff.

He takes much interest in our dog and

Y rất quan tâm đến con chó của chúng tôi và

fearlessly approaches close to its nose. He appears unable to take in the group as a whole. He realises the presence of human beings, but the first detail which strikes him is the type of boots which I am wearing— canvas-topped, army gum-boots. After looking at mine steadily he proceeds to make himself a very respectable imitation of them, of which he is inordinately proud. His simple mental image is quite sufficient to cover his own feet with a copy of the pair of boots at which he looks so admiringly. After strutting about for a time, as if to get used to them, he finally stalks off into the woods.

không sợ hãi tiến sát đến mũi nó. Y dường như không thể nắm bắt cả nhóm như một toàn thể. Y nhận ra sự hiện diện của con người, nhưng chi tiết đầu tiên gây ấn tượng với y là kiểu ủng tôi đang mang—ủng cao su quân đội, phần trên bằng vải bạt. Sau khi chăm chú nhìn đôi ủng của tôi, y bắt đầu tạo cho mình một bản sao chép rất đáng nể của chúng, và y tự hào quá mức về điều đó. Hình ảnh trí tuệ giản dị của y hoàn toàn đủ để phủ lên đôi chân mình một bản sao của đôi ủng mà y nhìn một cách ngưỡng mộ đến vậy. Sau khi bước đi vênh vang một lúc, như thể để làm quen với chúng, cuối cùng y sải bước vào rừng.

ELVES – ELF

Elves differ from other nature spirits chiefly in that they are not usually clothed in any reproduction of human attire, and their bodily constitution consists of one solid mass of etheric substance, entirely without interior organisation.

Elf khác với các tinh linh tự nhiên khác chủ yếu ở chỗ chúng thường không khoác bất kỳ bản sao nào của trang phục con người, và cấu tạo thân thể của chúng gồm một khối đặc duy nhất bằng chất liệu dĩ thái, hoàn toàn không có tổ chức bên trong.

WOOD ELVES – ELF RỪNG

Two tiny wood elves come racing over the ground past us, as we sit on a fallen tree trunk. Seeing us they pull up about five feet away and stand regarding us with considerable amusement, but quite without fear. They appear as if completely covered in a tight-fitting, one-piece skin, which glistens as if wet, and is coloured like the bark of a beech tree. There is a large number of these figures racing about the ground. Their hands and feet are large out of all proportion to the rest of their bodies. Their legs are thin and their ears run upwards to a point, being almost pear-shaped. Their noses, too, are pointed and their mouths wide. No teeth, no structures, exist inside the mouth—not even a tongue, so far as can be seen—just as if the whole were made up of a piece of etheric jelly. A small green aura surrounds them. The two I am specially observing live in the roots of a huge beech

Hai elf rừng tí hon chạy vụt trên mặt đất ngang qua chúng tôi, khi chúng tôi ngồi trên một thân cây đổ. Thấy chúng tôi, chúng dừng lại cách khoảng năm foot và đứng nhìn chúng tôi với vẻ rất thích thú, nhưng hoàn toàn không sợ hãi. Chúng có vẻ như được phủ kín bởi một lớp da liền thân, bó sát, lấp lánh như ướt, và có màu như vỏ cây sồi beech. Có rất nhiều hình dáng như vậy chạy khắp mặt đất. Tay và chân của chúng lớn quá mức so với phần còn lại của thân thể. Chân chúng mảnh, tai vươn lên thành đầu nhọn, gần như có hình quả lê. Mũi chúng cũng nhọn và miệng rộng. Không có răng, không có cấu trúc nào bên trong miệng—ngay cả lưỡi cũng không thấy được—như thể toàn bộ được tạo nên từ một mảnh thạch dĩ thái. Một hào quang xanh lục nhỏ bao quanh chúng. Hai elf mà tôi đặc biệt quan sát sống trong rễ của một cây sồi beech khổng lồ. Giờ chúng biến mất qua một khe

tree. Now they disappear through a crevice, into which they walk as one might enter a cave, and sink below the ground to become merged into the etheric double of the tree.

nứt, bước vào đó như người ta có thể vào một hang động, rồi chìm xuống dưới mặt đất để hòa vào bản sao dĩ thái của cây.

SEASIDE ELVES – ELF VEN BIỂN

Playing on the shore, amongst the seaweed and the stones, are queer little elf-like forms. They have oversize heads, elfish faces, large ears, little round bodies and short, thin legs ending in feet which appear almost web-like. They are from three to six inches in height, are familiar with human beings and are in no way disturbed by their presence. They are apparently concerned with the life and the cell processes of seaweed.

Đang chơi trên bờ biển, giữa rong biển và đá, là những hình tướng nhỏ kỳ lạ giống elf. Chúng có đầu quá khổ, gương mặt elf, tai lớn, thân nhỏ tròn và đôi chân ngắn, mảnh, kết thúc bằng bàn chân trông gần như có màng. Chúng cao từ ba đến sáu inch, quen thuộc với con người và không hề bị sự hiện diện của con người làm xáo trộn. Dường như chúng liên quan đến sự sống và các tiến trình tế bào của rong biển.

GNOMES – GNOME

"Gnome" is a generic title for the nature spirits of the element of earth. Investigation shows that while all the types of traditional fairy exist in Nature, there are wide divergences within each type. Some of the differentiations are so great as to call for new names and new classifications. In the future, when doubtless the naturalist, ethnologist and explorer will enter Fairyland and text-books of the Kingdom of Fairy will be studied in every school, special names will of necessity be given to all the many and various kinds of fairy people. As I find the traditional names to be the most satisfactory from many points of view, I have classified such inhabitants of Fairyland as I have studied under the name given to the race they most nearly resemble.

"Gnome" là danh xưng chung cho các tinh linh tự nhiên của nguyên tố đất. Sự khảo sát cho thấy rằng, mặc dù mọi loại tiên truyền thống đều tồn tại trong Thiên Nhiên, vẫn có những khác biệt rộng lớn trong mỗi loại. Một số biến phân lớn đến mức đòi hỏi tên gọi và phân loại mới. Trong tương lai, khi chắc chắn nhà tự nhiên học, nhà dân tộc học và nhà thám hiểm sẽ bước vào Xứ Tiên và các sách giáo khoa về Giới Tiên sẽ được học trong mọi trường, tất yếu sẽ cần đặt những tên gọi đặc biệt cho tất cả rất nhiều loại dân tiên khác nhau. Vì tôi thấy các tên gọi truyền thống là thỏa đáng nhất từ nhiều quan điểm, tôi đã phân loại những cư dân của Xứ Tiên mà tôi đã nghiên cứu dưới tên gọi được trao cho nhân loại mà chúng giống nhất.

Tree creatures and winged manikins are described under this heading, although they differ in many important particulars from the true gnome. The students may hesitate to accept the existence of a winged gnome which lives in a tree; nevertheless, so far as my observation goes, those I have classed under this heading resemble the gnome more closely

Các sinh vật cây và mannikin có cánh được mô tả dưới đề mục này, mặc dù chúng khác với gnome thật ở nhiều điểm quan trọng. Các đạo sinh có thể ngần ngại chấp nhận sự tồn tại của một gnome có cánh sống trong cây; tuy nhiên, theo như quan sát của tôi, những sinh vật tôi xếp dưới đề mục này giống gnome hơn bất cứ loại nào khác. Vì vậy, tôi sẽ xếp vào "gnome"

than any other type. I shall class as “gnomes”, therefore, several creatures which differ in many respects from the gnome of fairy tradition.

một số sinh vật khác với gnome của truyền thống tiên ở nhiều phương diện.

The true gnome normally lives within the etheric double of the earth, is usually thin and lanky, grotesque in appearance, cadaverous and lantern-jawed and is sometimes a solitary. He gives the impression of extreme old age; his whole appearance and bearing are utterly different from those of present-day man. His arms are too long for our sense of proportion and, like his legs, are bent at the joints as if they had grown stiff with age. The complexion is very rough and coarse, the eyes are small and black, sloping slightly upwards at the sides. As has been said, the gnome is apparently a relic of the days of ancient Lemuria, and if this is true it may mean that the type is a representation of the appearance of the peoples of those days. The earth gnome is not a pleasant type of elemental; those met with in England have been either quite black or peat-brown in colour and though I have rarely incurred their active hostility, their atmosphere is decidedly unpleasant.

Gnome thật bình thường sống trong bản sao dĩ thái của đất, thường gầy và cao lêu nghêu, có vẻ ngoài kỳ quái, hốc hác và hàm dài, và đôi khi sống đơn độc. Y gây ấn tượng về tuổi già cực độ; toàn bộ vẻ ngoài và phong thái của y hoàn toàn khác với con người ngày nay. Cánh tay y quá dài đối với Ý thức về tỉ lệ của chúng ta, và giống như chân y, chúng cong ở các khớp như thể đã cứng lại vì tuổi tác. Nước da rất thô ráp và sần sùi, mắt nhỏ và đen, hơi xếch lên ở hai bên. Như đã nói, gnome dường như là một tàn tích của thời Lemuria cổ đại, và nếu điều này đúng, nó có thể có nghĩa là loại hình ấy là một hình biểu trưng cho vẻ ngoài của các dân tộc thời đó. Gnome đất không phải là một loại hành khí dễ chịu; những gnome gặp ở Anh hoặc hoàn toàn đen hoặc có màu nâu than bùn, và mặc dù tôi hiếm khi chuốc lấy sự thù địch chủ động của chúng, bầu không khí của chúng rõ ràng là khó chịu.



Gnome Trái Đất

AN EMBRYO ROCK GNOME – MỘT GNOME ĐÁ PHÔI THAI

Deep within the solid rock behind us there is an evolving consciousness which manifests chiefly as formless blotches of colour within the otherwise almost colourless elemental essence of the rock—a sort of embryo gnome. The beginnings of a head, with eyes and mouth, are visible in shadowy outline, but the rest of the body is only faintly suggested, like the preliminary work of an artist who might put in his main patches of colour and leave the clear outlines to a later stage. But for this vagueness, the creature would be excessively ugly, not to say monstrous in appearance. To etheric sight, the whole rock is transparent and its inhabitant appears as if within a huge celluloid receptacle, through which it is but hazily aware of its surroundings. The only power of volition that it appears to possess is that of slowly changing the focus and direction of its dim and limited consciousness; this it does very vaguely and dreamily. The presence of this creature gives a certain

Sâu bên trong khối đá rắn phía sau chúng tôi có một tâm thức đang tiến hoá, biểu hiện chủ yếu như những mảng màu vô định hình trong tinh chất hành khí gần như không màu của đá—một loại gnome phôi thai. Những khởi đầu của một cái đầu, với mắt và miệng, có thể thấy trong đường nét lờ mờ, nhưng phần còn lại của thân thể chỉ được gợi ý rất nhạt, giống công việc sơ khởi của một nghệ sĩ có thể đặt vào các mảng màu chính và để các đường nét rõ ràng cho một giai đoạn sau. Nếu không vì sự mơ hồ này, sinh vật ấy sẽ cực kỳ xấu xí, nếu không muốn nói là quái dị về vẻ ngoài. Đối với thị giác dĩ thái, toàn bộ khối đá trong suốt và cư dân của nó hiện ra như ở trong một vật chứa bằng chất trong khổng lồ, qua đó nó chỉ nhận biết mờ mịt về môi trường xung quanh. Quyền năng ý chí duy nhất mà nó dường như sở hữu là quyền năng chậm rãi thay đổi tiêu điểm và hướng của tâm thức lờ mờ, hạn hẹp của nó; nó làm điều này một cách rất mơ hồ và mộng mị. Sự hiện diện của sinh vật này đem

individuality to the rock, noticeable on the physical plane as specialised magnetic vibration. It is difficult to judge the size of the gnome, but it is probably ten to fifteen feet high. The embryo feet are deep below the surface of the earth in which the rock is buried, and the head some three feet from the top of the rock.

lại một tính cá thể nào đó cho khối đá, có thể nhận thấy trên cõi hồng trần như một rung động từ tính chuyên biệt. Khó đánh giá kích thước của gnome, nhưng có lẽ nó cao từ mười đến mười lăm foot. Đôi chân phôi thai nằm sâu dưới bề mặt đất nơi khối đá bị chôn vùi, còn đầu cách đỉnh khối đá khoảng ba foot.

AN ENGLISH FAIRYLAND – MỘT XỨ TIÊN ANH QUỐC

Deep in the heart of the Cotswold district of England there is a lovely, verdant valley through which no highway passes. Its name, said to mean "Vale of Peace", truly indicates one of its greatest charms. The ubiquitous motor-bus brings parties of tourists to nearly all the famous beauty spots of Britain, but not to the Vale of Peace.

Sâu trong trung tâm vùng Cotswold của Anh có một thung lũng xanh tươi, đáng yêu, không có đường lớn nào chạy qua. Tên của nó, được cho là có nghĩa "Thung Lũng Bình An", thật sự chỉ ra một trong những nét quyến rũ lớn nhất của nó. Xe buýt du lịch có mặt khắp nơi đưa các đoàn khách đến gần như tất cả các thắng cảnh nổi tiếng của Anh, nhưng không đến Thung Lũng Bình An.

The winding valley is perhaps two miles in length. Its steep hillsides are partly covered with thick beech-woods, with here and there a grove of larch and fir. Dotted about on the green hillsides are the grey stone cottages and farms of which the little village consists. A stream runs through wood and meadow and flows with gentle murmur past orchards and cottage gardens to the great world beyond. Within the valley there is green beauty, a wealth of wild flowers, seclusion and the peace of the countryside. The woodmen's voices and the blows of their axes, the call of the birds, the lowing of the cattle in the pastures, the sighing of the trees in the soft breezes, are the only sounds which normally reach one in summer time when gazing on the restful scene. These are blended to form a harmonious undertone, the song which Nature sings in those places where her beauty is unspoiled. Sometimes, on calm and windless summer days, the valley seems to be steeped in silence and in peace.

Thung lũng uốn lượn này có lẽ dài khoảng hai dặm. Các sườn đồi dốc của nó một phần được phủ bởi những rừng sồi beech rậm rạp, đây đó có một lùm cây thông rụng lá và linh sam. Rải rác trên các sườn đồi xanh là các nông trại và nhà tranh bằng đá xám tạo nên ngôi làng nhỏ. Một dòng suối chảy qua rừng và đồng cỏ, rồi róc rách nhẹ nhàng qua các vườn cây ăn quả và vườn nhà tranh để đi ra thế giới rộng lớn bên ngoài. Trong thung lũng có vẻ đẹp xanh tươi, sự phong phú của hoa dại, sự biệt lập và bình an của thôn quê. Tiếng nói của những người đốn gỗ và tiếng rìu của họ, tiếng chim gọi, tiếng bò rống trong đồng cỏ, tiếng cây thở dài trong làn gió nhẹ, là những âm thanh duy nhất thường đến tai người vào mùa hè khi ngắm nhìn cảnh vật yên bình. Chúng hòa quyện để tạo thành một âm nền hài hòa, bài ca mà Thiên Nhiên hát ở những nơi vẻ đẹp của bà chưa bị làm hư hoại. Đôi khi, vào những ngày hè lặng gió và êm đềm, thung lũng dường như đắm trong im lặng và bình an.

TREE MANIKINS – MANNIKIN CÂY

The fairy folk seem less shy of human beings in these woods and meadows than elsewhere. The tree nymphs, the water spirits and the numerous tribes of little brownie men have not learned as yet to shrink and hide themselves when man appears. Playing about on the thick carpet of the beech leaves of past seasons, with which the ground under the trees is covered, are hundreds of small brown manikins. From eight to twelve inches high, they vary in colour from the grey-green of the beech trunks to the rich brown of the dead leaves. Many of them have the faces of old men and they wear coats and knee-breeches of a material which looks like brown beech bark. They have long, pointed feet and some wear tiny boots.

Dân tiên trong các khu rừng và đồng cỏ này dường như ít e dè con người hơn ở những nơi khác. Các nữ thần cây, các tinh linh nước và nhiều bộ tộc người brownie nhỏ bé vẫn chưa học cách co mình và ẩn trốn khi con người xuất hiện. Đang chơi trên tấm thảm dày bằng lá sồi beech của những mùa trước, phủ mặt đất dưới tán cây, là hàng trăm mannikin nhỏ màu nâu. Cao từ tám đến mười hai inch, chúng thay đổi màu sắc từ xám lục của thân sồi beech đến nâu đậm của lá khô. Nhiều con có gương mặt của ông già và mặc áo khoác cùng quần chẽn đến gối bằng một chất liệu trông như vỏ sồi beech màu nâu. Chúng có bàn chân dài, nhọn, và một số mang những chiếc ủng tí hon.

Their facial expression is one of intent seriousness and earnestness—all about nothing. At first glance one might think that they were very important people, but in looking into what corresponds to their minds—the merest instinct as of young animals or birds—one finds an almost complete blank.

Nét mặt của chúng là sự nghiêm trọng và chuyên chú—tất cả đều chẳng vì điều gì. Thoạt nhìn, người ta có thể nghĩ chúng là những nhân vật rất quan trọng, nhưng khi nhìn vào cái tương ứng với thể trí của chúng—chỉ là bản năng đơn sơ nhất như của thú non hoặc chim non—người ta thấy gần như hoàn toàn trống rỗng.

They "live" inside the etheric double of the trees into which there are accepted entrances. These are generally at small hollows in the trunk, frequently, though not always, level with the ground. There are groups which live up in the forks where the branches leave the main trunk and the etheric currents divide. Though they can move for a short distance in the air, they seem to prefer to run up the trunks of the trees. This they do as easily as if they ran upon the flat ground. They seem to be unaffected by the law of gravity, for they sometimes maintain a horizontal position with their bodies at right angles to the trunks as they pass up and down.

Chúng "sống" bên trong bản sao dĩ thái của cây, nơi có những lối vào được chấp nhận. Những lối này thường ở các hốc nhỏ trên thân cây, thường, dù không phải luôn luôn, ngang mặt đất. Có những nhóm sống trên các chạc nơi cành rời khỏi thân chính và các dòng dĩ thái phân chia. Mặc dù chúng có thể di chuyển một quãng ngắn trong không khí, chúng dường như thích chạy lên các thân cây hơn. Chúng làm điều này dễ dàng như thể đang chạy trên mặt đất phẳng. Chúng dường như không chịu ảnh hưởng của định luật trọng lực, vì đôi khi chúng duy trì tư thế nằm ngang, thân thể vuông góc với thân cây khi đi lên đi xuống.

Although their ether-built forms are a

Mặc dù các hình tướng được xây bằng dĩ thái

homogeneous "solid", without interior organisations, a close observation of their movements seems to indicate something corresponding to a muscular system. This is particularly noticeable when they jump, as they often do for short distances, the last half-yard of their journey back to their trees being frequently covered by a leap. The leg with which the take-off is made certainly seems slightly to harden and stiffen, to relax during flight, and both legs to be braced up for the landing; this is perfectly smooth, the forward movement continuing at practically the same speed.

A great number of these little people have gradually become aware of the presence of our party and, gathered in a semicircular crowd, are observing us from within the wood. Some are sitting as if transfixed; others walk up and down and appear to be addressing remarks to their seated fellows as they pass them. Others again make little exploratory journeys in our direction, retiring as our auras become too much for them. This contact with us seems slightly to quicken all their faculties, such as they are. Whilst the comparison is not a nice one, the effect is not unlike that of alcohol upon one unaccustomed to it. Though it will die down, it will leave some permanent result upon them—one hopes a quickening of their evolution.

của chúng là một "khối đặc" đồng nhất, không có các tổ chức bên trong, việc quan sát kỹ các chuyển động của chúng dường như cho thấy một cái gì đó tương ứng với hệ cơ. Điều này đặc biệt dễ thấy khi chúng nhảy, như chúng thường làm trong các khoảng ngắn; nửa yard cuối cùng trong hành trình trở về cây của chúng thường được vượt qua bằng một cú nhảy. Chân dùng để bật lên chắc chắn dường như hơi cứng lại và săn chắc, rồi thả lỏng trong lúc bay, và cả hai chân căng lên để tiếp đất; việc tiếp đất này hoàn toàn trơn tru, chuyển động về phía trước tiếp tục với gần như cùng một tốc độ.

Rất nhiều người bé nhỏ này đã dần nhận biết sự hiện diện của nhóm chúng tôi và, tụ lại thành một đám đông hình bán nguyệt, đang quan sát chúng tôi từ trong khu rừng. Một số ngồi như bị thôi miên; những con khác đi tới đi lui và dường như đang nói những lời nhận xét với các bạn ngồi của chúng khi đi ngang qua. Những con khác nữa thực hiện các chuyến thám sát nhỏ về phía chúng tôi, rồi rút lui khi hào quang của chúng tôi trở nên quá mạnh đối với chúng. Sự tiếp xúc này với chúng tôi dường như làm linh hoạt nhẹ mọi năng lực của chúng, dù các năng lực ấy là gì. Mặc dù sự so sánh này không mấy dễ nghe, hiệu quả không khác mấy tác động của rượu lên một người chưa quen với nó. Dù nó sẽ lắng xuống, nó sẽ để lại một kết quả trường tồn nào đó trên chúng—người ta hy vọng là một sự thúc đẩy tiến hoá của chúng.

A LANDSCAPE ANGEL – MỘT THIÊN THẦN PHONG CẢNH

Some gnomes, as far as my observations reveal, eventually evolve into presiding geniuses or gods of areas of countryside of increasing dimensions. A beautiful landscape angel presides over this valley. About twenty feet tall, its brilliant, many-coloured aura, when extended, reaches out to a distance of at least one hundred yards on all sides.

Theo như các quan sát của tôi tiết lộ, một số gnome cuối cùng tiến hoá thành các tinh thần chủ quản hoặc các vị thần của những vùng quê có kích thước ngày càng lớn. Một thiên thần phong cảnh xinh đẹp chủ quản thung lũng này. Cao khoảng hai mươi foot, hào quang rực rỡ, nhiều màu của nó, khi được mở rộng, vươn ra đến khoảng cách ít nhất một

Occasionally it is further extended to reach across the valley at its widest, as well as down to the little stream below.

trăm yard ở mọi phía. Đôi khi nó còn được mở rộng thêm để vươn ngang qua thung lũng ở chỗ rộng nhất, cũng như xuống đến dòng suối nhỏ bên dưới.

The face is noble and beautiful and the eyes are dazzlingly bright. They are centres of force rather than organs of sight, for they are not used, as are the human eyes, for vision and the expression of thought and emotion. The colours of the aura are brilliant, and change constantly as the auric forces flow in waves and vortices outward from the central form. Now the predominant hue is deep royal blue, with scarlet and golden yellow sweeping across and through it, making eddies and waves of colour as they flow outwards in a continuous stream. Then a background of pale rose appears, with soft nile-green, sky-blue and the palest of yellow shining through. In addition, streams of force flow upwards from the head and shoulders, the most brilliant of these arising from a force centre in the middle of the head, which is the seat of consciousness in the form.

Gương mặt cao quý và đẹp đẽ, đôi mắt sáng chói lòa. Chúng là các trung tâm mãnh lực hơn là cơ quan thị giác, vì chúng không được sử dụng, như mắt người, cho tầm nhìn và cho sự biểu đạt tư tưởng cùng cảm xúc. Các màu sắc của hào quang rực rỡ và liên tục thay đổi khi các mãnh lực hào quang tuôn ra từ hình tướng trung tâm thành từng đợt sóng và xoáy. Lúc này sắc thái chủ đạo là xanh lam hoàng gia đậm, với đỏ tươi và vàng kim quét ngang và xuyên qua nó, tạo thành những xoáy và sóng màu khi chúng tuôn ra ngoài trong một dòng liên tục. Rồi một hậu cảnh hồng nhạt xuất hiện, với xanh lục dịu, xanh da trời và vàng rất nhạt chiếu xuyên qua. Ngoài ra, các dòng mãnh lực tuôn lên từ đầu và vai, rực rỡ nhất trong số đó phát sinh từ một trung tâm mãnh lực ở giữa đầu, là nơi trú của tâm thức trong hình tướng.

By moving slowly down the valley with extended aura, the angel is able to touch with its auric forces every living thing within it, pouring into each a share of its own stimulating life-force. The hosts of the lesser nature spirits instinctively respond to the quickening impulses from this angel, and I see the brownies, the tree spirits and the fairies answering to its touch as its powers rush out upon them. The elves and the brownies feel a sudden exaltation, the source of which they cannot fully comprehend, though they recognise it as a constant feature of their lives. The fairies feel an added joy under the stimulating influence of the *deva's* outpoured power.

Bằng cách di chuyển chậm rãi xuống thung lũng với hào quang mở rộng, vị thiên thần có thể chạm đến bằng các mãnh lực hào quang của nó mọi sinh vật sống trong thung lũng, tuôn vào mỗi sinh vật một phần sinh lực kích thích của chính nó. Đoàn đông các tinh linh tự nhiên nhỏ hơn đáp ứng theo bản năng với các xung động làm linh hoạt từ vị thiên thần này, và tôi thấy các brownie, các tinh linh cây và các tiên đáp lại sự chạm đến của nó khi các quyền năng của nó đổ ào ra trên chúng. Các elf và brownie cảm thấy một sự nâng cao đột ngột, nguồn gốc của nó chúng không thể thấu hiểu đầy đủ, mặc dù chúng nhận ra đó là một đặc điểm thường hằng trong đời sống của mình. Các tiên cảm thấy một niềm hoan hỉ gia tăng dưới ảnh hưởng kích thích của quyền năng tuôn đổ từ vị thiên thần.

The character of this *genius loci* is an unusual

Tính cách của vị tinh thần chủ quản nơi chốn

combination of *devic* universality of consciousness and impersonality of outlook with a human comprehension of the needs and the sufferings of man. I feel sure that every birth and death within the valley must be known to this *deva,* and that any pain which might accompany either is eased as far as its powers permit. I see memory thought-forms in the aura, which show the angel taking within its glowing radiance the souls of those who have recently died. I see, too, that it watches the children at play and the old folk taking their ease. It is, indeed, the Guardian Angel of the valley, and happy are those who live within its care. The experiences referred to in the Introduction, which proved so far-reaching in its results, came to me in this delightful place.

này là một sự kết hợp khác thường giữa tính phổ quát thiên thần của tâm thức và quan điểm vô ngã với sự thấu hiểu của con người về các nhu cầu và đau khổ của con người. Tôi tin chắc rằng mọi sinh và tử trong thung lũng đều phải được vị thiên thần này biết đến, và bất cứ đau đớn nào có thể đi kèm với một trong hai đều được làm dịu đến mức quyền năng của nó cho phép. Tôi thấy trong hào quang những hình tư tưởng ký ức, cho thấy vị thiên thần đón vào ánh sáng rực rỡ của nó các linh hồn của những người mới qua đời. Tôi cũng thấy rằng nó dõi theo trẻ em đang vui chơi và người già đang nghỉ ngơi. Quả thật, nó là Thiên Thần Hộ Mệnh của thung lũng, và hạnh phúc thay những ai sống trong sự chăm sóc của nó. Những kinh nghiệm được nói đến trong Phần Dẫn Nhập, vốn tỏ ra có kết quả sâu rộng đến vậy, đã đến với tôi tại nơi đầy vui thú này.

The presence of this angel gives a certain quality to the atmosphere, a local characteristic, distinctly noticeable throughout the whole length of the valley, which has a charm amounting to glamour. It must also affect every human being who resides here for any length of time, particularly those who are born and live within the angel's consciousness and the continual play of its aura.

Sự hiện diện của thiên thần này đem lại một phẩm tính nào đó cho bầu khí quyển, một đặc trưng địa phương, có thể nhận thấy rõ rệt suốt chiều dài thung lũng, với một vẻ quyến rũ gần như thành ảo cảm. Điều đó hẳn cũng ảnh hưởng đến mọi con người cư trú ở đây trong bất kỳ khoảng thời gian đáng kể nào, đặc biệt là những ai sinh ra và sống trong tâm thức của thiên thần ấy và trong sự vận động liên tục của hào quang của vị ấy.

UNDINES – THỦY TIÊN NỮ

The undine belongs to the subtle element of water and, so far as my experience goes, is never to be found far away from ocean, lake, river, stream and fall. She is definitely feminine in form, is always unclothed, does not usually have wings and only rarely wears any kind of adornment. Her form, whether diminutive or of human stature, is entrancingly beautiful, and her movements are full of grace. The waterfall is one of her favourite haunts and there she is to be seen disporting herself, often with a group of water

Thủy tiên nữ thuộc về nguyên tố vi tế của nước và, theo kinh nghiệm của tôi, không bao giờ thấy ở xa đại dương, hồ, sông, suối và thác nước. Nàng rõ rệt có hình tướng nữ tính, luôn không mặc y phục, thường không có cánh và chỉ hiếm khi mang bất kỳ vật trang sức nào. Hình tướng của nàng, dù nhỏ bé hay cao bằng người, đều đẹp mê hồn, và mọi cử động đều đầy duyên dáng. Thác nước là một trong những nơi nàng ưa thích nhất, và ở đó có thể thấy nàng đang nô đùa, thường cùng với một nhóm tinh linh nước, tận hưởng trọn vẹn các

sprites, enjoying to the full the magnetic forces of the fall.

mãnh lực từ tính của thác.

Apparently there are periods when the undine retires from the vivid, external life in which she is most frequently observed and finds a measure of calm and repose deep down in the still, cool depths of the pools below the falls or in the quieter reaches of the rivers, as well as in lakes and tarns. This peaceful life below the waters is in marked contrast to the intense activity and joy she manifests amid falling water and sunlit spray.

Dường như có những thời kỳ thủy tiên nữ rút lui khỏi đời sống bên ngoài rực rỡ mà trong đó nàng thường được quan sát nhất, và tìm được một mức độ tĩnh lặng, nghỉ ngơi sâu dưới những tầng nước yên ắng, mát lạnh của các hồ nhỏ bên dưới thác, hoặc trong những khúc sông êm đềm hơn, cũng như trong các hồ và hồ nhỏ miền núi. Đời sống an bình dưới nước này tương phản rõ rệt với hoạt động mãnh liệt và niềm hoan hỉ mà nàng biểu lộ giữa dòng nước đổ và làn bụi nước chan hòa ánh mặt trời.

The three fundamental processes of Nature—absorption, assimilation and discharge—are expressed fully in the outer life of the undine; indeed, that life may be said to consist of a continued repetition of those three processes. Poised amid the spray, or in the centre of the downward rushing torrent, she gradually absorbs the vital energy from the sunlight and the magnetism from the fall. As the limit of absorption is reached, in one dazzling flash of light and colour, she releases the energy with which she has become surcharged. At that magical moment of release she experiences an ecstasy and exaltation beyond anything normally possible to mere mortals dwelling in the prison of the flesh. The expression on the face, and particularly in the eyes, is beautiful beyond description. The countenance expresses rapturous joy and a sense of heightened vitality and power, whilst the eyes flash with dazzling radiance. The whole bearing, the perfect form and the brilliant splendour of the auric radiance combine to produce a vision of enchanting loveliness. This condition is immediately followed by one of dreamy pleasure, in which the consciousness is largely withdrawn from the physical world and its etheric counterpart, and centred in the astral world. The undine

Ba tiến trình căn bản của Thiên nhiên—hấp thu, đồng hóa và phóng thích—được biểu hiện trọn vẹn trong đời sống bên ngoài của thủy tiên nữ; quả thật, có thể nói đời sống ấy gồm một sự lặp lại liên tục của ba tiến trình đó. Giữ thăng bằng giữa làn bụi nước, hoặc ở trung tâm của dòng nước đổ ào xuống, nàng dần dần hấp thu sinh lực từ ánh mặt trời và từ điện từ thác nước. Khi đạt đến giới hạn hấp thu, trong một tia chớp rực rỡ của ánh sáng và màu sắc, nàng phóng thích năng lượng mà mình đã được nạp đầy quá mức. Vào khoảnh khắc phóng thích huyền diệu ấy, nàng trải nghiệm một sự xuất thần và hân hoan siêu vượt mọi điều thường có thể xảy ra đối với những người phàm cư ngụ trong nhà tù xác thịt. Vẻ mặt, và đặc biệt là đôi mắt, đẹp vượt ngoài mọi mô tả. Khuôn mặt biểu lộ niềm hoan hỉ ngây ngất và một cảm thức về sinh lực cùng quyền năng được gia tăng, trong khi đôi mắt lóe lên vẻ rạng rỡ chói ngời. Toàn bộ dáng vẻ, hình tướng hoàn hảo và vẻ huy hoàng sáng chói của bức xạ hào quang kết hợp lại để tạo nên một linh ảnh về vẻ đẹp quyến rũ mê hồn. Tình trạng này lập tức được tiếp nối bởi một trạng thái khoái lạc mơ màng, trong đó tâm thức phần lớn rút khỏi thế giới hồng trần và đối phần dĩ thái của nó, rồi tập trung vào thế giới cảm dục. Thể dĩ thái của thủy tiên nữ trở nên

etheric body becomes vague and indistinct for the time being until, she having enjoyed and assimilated the whole experience, it reappears and the threefold process is repeated. After a time she returns to the quietude of the watery depths.

mờ nhạt và không rõ rệt trong một thời gian, cho đến khi nàng đã tận hưởng và đồng hóa toàn bộ kinh nghiệm ấy, nó lại hiện ra và tiến trình tam phân được lặp lại. Sau một thời gian, nàng trở về sự tĩnh lặng của những tầng sâu nước.

UNDINES AT A WATERFALL – THỦY TIÊN NỮ TẠI MỘT THÁC NƯỚC

These water fairies resemble graceful young girls, are entirely unclothed and are probably from eight to twelve inches tall. Their long "hair" streams behind them and they wear a decoration, resembling a garland of small flowers, around their foreheads. They play in and out of the fall, flashing through it from different directions, and calling all the time in wild, unearthly tones. The voice is infinitely remote and reaches me but faintly, like a shepherd's call across some Alpine valley. It is a complex vowel sound, but as yet I cannot easily name the series of vowels of which it is composed. Undines can either travel up the fall against the stream or remain motionless within it, but they generally play and flash through it. When a cloud has passed away from the face of the sun and the fall again becomes brilliantly sunlit, they appear to experience an added joy; the *tempo* of their movements then quickens and their singing becomes more unrestrained. I can most nearly represent their song by the vowels e, o, u, a, i, in one long, plaintive tone which ends with an appealing cadence.

Các tiên nữ nước này giống những cô gái trẻ duyên dáng, hoàn toàn không mặc y phục và có lẽ cao từ tám đến mười hai inch. "Tóc" dài của họ buông bay phía sau, và họ mang một vật trang trí quanh trán, giống như vòng hoa nhỏ. Họ nô đùa ra vào thác, lóe sáng xuyên qua đó từ nhiều hướng khác nhau, và luôn gọi nhau bằng những âm điệu hoang dã, phi trần. Tiếng gọi xa xăm vô cùng và chỉ đến với tôi rất mờ nhạt, như tiếng gọi của người chăn cừu vọng qua một thung lũng Alps nào đó. Đó là một âm nguyên âm phức hợp, nhưng cho đến nay tôi vẫn chưa thể dễ dàng gọi tên chuỗi nguyên âm cấu thành nó. Thủy tiên nữ có thể đi ngược lên thác chống lại dòng nước, hoặc đứng yên bất động trong đó, nhưng nói chung họ nô đùa và lóe sáng xuyên qua thác. Khi một đám mây vừa trôi khỏi mặt trời và thác nước lại trở nên rực rỡ trong ánh nắng, dường như họ trải nghiệm thêm một niềm hoan hỉ; khi ấy *nhịp độ* chuyển động của họ nhanh hơn và tiếng hát của họ trở nên phóng khoáng hơn. Tôi có thể diễn tả gần đúng nhất khúc hát của họ bằng các nguyên âm e, o, u, a, i, trong một âm điệu dài, ai oán, kết thúc bằng một nhịp luyến đầy khẩn cầu.

There are between eight and twelve undines of varying heights playing at this fall, the tallest being about twelve inches high. Some of them have rosy-coloured auras, some pale green, and the closer contact I am now obtaining shows me what extremely beautiful creatures they are, and at the same time how utterly remote from the human family. Their etheric bodies pass in and out of the great

Có khoảng tám đến mười hai thủy tiên nữ với chiều cao khác nhau đang nô đùa tại thác này, người cao nhất khoảng mười hai inch. Một số có hào quang màu hồng, một số màu xanh lục nhạt, và sự tiếp xúc gần hơn mà tôi hiện đang đạt được cho tôi thấy họ là những sinh linh đẹp đẽ đến mức nào, đồng thời cũng hoàn toàn xa cách gia đình nhân loại đến mức nào. Các thể dĩ thái của họ đi vào và đi ra khỏi những

rocks at the side of the fall without experiencing any obstruction. I am quite unable to attract their attention or to influence them in any way. Some of them pass under the water in the basin at the foot of the fall, and occasionally appear amidst the swirling froth. The garland, referred to previously, is luminous and apparently forms part of their auras.

tảng đá lớn bên cạnh thác mà không gặp bất kỳ sự cản trở nào. Tôi hoàn toàn không thể thu hút sự chú ý của họ hay ảnh hưởng đến họ theo bất kỳ cách nào. Một số đi dưới nước trong hồ nhỏ ở chân thác, và thỉnh thoảng xuất hiện giữa lớp bọt xoáy. Vòng hoa đã nói trước đây phát sáng và dường như tạo thành một phần hào quang của họ.

THE PRESIDING SPIRIT OF A FALL – TINH LINH CHỦ QUẢN CỦA MỘT THÁC NƯỚC

We are in a bower of bracken and rocks, a veritable fairyland, close to a waterfall in the Lake District of England. The undine of this fall looks like a tall and graceful young girl, unclothed and of singular beauty. She differs in some characteristics from undines previously observed in that she is taller, has a more highly developed intelligence and auric forces flow out behind her in wing-like form as well as on every side. She seems to ensoul the rocks, trees, ferns and mosses, in addition to the waterfall and pools. When first seen, she sprang out of the solid rock—a marvellously beautiful figure—and remained poised for a moment in the air, after which the etheric form disappeared. She repeated this process several times but her presence, whether etherically visible or not, continued to be distinctly felt.

Chúng tôi ở trong một vòm cây dương xỉ và đá, một xứ sở thần tiên thật sự, gần một thác nước trong Vùng Hồ của nước Anh. Thủy tiên nữ của thác này trông như một cô gái trẻ cao và duyên dáng, không mặc y phục và đẹp lạ thường. Nàng khác với các thủy tiên nữ đã quan sát trước đây ở một số đặc điểm: nàng cao hơn, có trí thông minh phát triển hơn, và các mãnh lực hào quang tuôn ra phía sau nàng thành hình giống cánh, cũng như tỏa ra mọi phía. Dường như nàng phú linh cho đá, cây, dương xỉ và rêu, ngoài thác nước và các hồ nhỏ. Khi được thấy lần đầu, nàng bật ra khỏi khối đá đặc—một hình bóng đẹp kỳ diệu—và giữ thăng bằng trong không trung trong chốc lát, rồi hình tướng dĩ thái biến mất. Nàng lặp lại tiến trình này nhiều lần, nhưng sự hiện diện của nàng, dù có thể thấy bằng dĩ thái hay không, vẫn tiếp tục được cảm nhận rõ rệt.

Her whole form is a soft rose pink. The "hair" is fair and shining, the brow broad, the features beautifully modelled, the eyes large and luminous and, whilst their expression has something of the spirit of the wild, their glance is not unkindly. The auric wings are small in proportion to the body and would surely be inadequate for flight, if such had been their purpose; they, too, are of a glowing roseate hue. Even more striking than the form is the rainbow-like aureole which surrounds her, as a halo sometimes seems to surround the moon. This aura is almost spherical in

Toàn bộ hình tướng của nàng có màu hồng phấn dịu. "Tóc" vàng nhạt và sáng, vầng trán rộng, các nét mặt được nắn tạo đẹp đẽ, đôi mắt lớn và phát sáng; tuy trong biểu cảm có điều gì đó thuộc tinh thần hoang dã, ánh nhìn của chúng không hề thiếu thiện cảm. Đôi cánh hào quang nhỏ so với thân thể và chắc chắn sẽ không đủ để bay nếu đó là mục đích của chúng; chúng cũng có sắc hồng rực sáng. Còn nổi bật hơn hình tướng là quầng sáng giống cầu vồng bao quanh nàng, như đôi khi một vầng hào quang dường như bao quanh mặt trăng. Hào quang này gần như có dạng khối

shape and consists of evenly arranged, concentric spheres of colour, too numerous and in far too rapid movement for detailed description. It would seem to contain all the colours of the spectrum in their palest shades, with rose, green and blue predominating. Some of the spheres of colour are outlined with a golden fire and beyond the outer edge a shimmering radiance of pearly white gives added beauty to the aureole and lovely form within. Over the head a powerful upward flow of forces interpenetrates the aura in a fan-shaped radiation. This appears to come from a point in the middle of the head, where there is a brilliant golden centre, slightly below the level of the eyes and midway between them. The whole region of the fall is vibrant with her life.

cầu và gồm các khối cầu màu đồng tâm được sắp xếp đều đặn, quá nhiều và chuyển động quá nhanh để có thể mô tả chi tiết. Dường như nó chứa tất cả các màu của quang phổ trong những sắc thái nhạt nhất, với hồng, xanh lục và xanh lam chiếm ưu thế. Một số khối cầu màu được viền bằng lửa vàng, và vượt ngoài mép ngoài, một bức xạ lung linh trắng ngọc trai làm tăng thêm vẻ đẹp cho quầng sáng và hình tướng đáng yêu bên trong. Trên đầu, một luồng mãnh lực mạnh mẽ hướng lên xuyên thấu hào quang trong một bức xạ hình quạt. Dường như luồng này xuất phát từ một điểm ở giữa đầu, nơi có một trung tâm vàng rực rỡ, hơi thấp hơn mức của đôi mắt và nằm giữa hai mắt. Toàn bộ vùng thác rung động với sự sống của nàng.

LAKE SPIRITS – CÁC TINH LINH HỒ

At different parts of the surface of Lake Thirlmere, which lies beneath us, numbers of nature spirits of the element of water are to be seen skimming swiftly over the surface, generally at a height of some six or eight feet, but sometimes rising much higher. Although they usually remain over the water, they make occasional flights above the fields. They somewhat resemble large, white birds flying at great speed. At this distance I cannot make out any distinct shape, for they assume and discard many different, bird-like forms with great rapidity. There is a permanent suggestion of a wing-like formation of the aura, and sometimes the likeness of a human face and head.

Ở nhiều phần khác nhau trên mặt hồ Thirlmere, nằm bên dưới chúng tôi, có thể thấy nhiều tinh linh tự nhiên của nguyên tố nước lướt nhanh trên bề mặt, thường ở độ cao khoảng sáu hoặc tám feet, nhưng đôi khi vươn lên cao hơn nhiều. Dù thường ở trên mặt nước, họ thỉnh thoảng bay qua các cánh đồng. Họ hơi giống những con chim lớn màu trắng bay với tốc độ rất nhanh. Ở khoảng cách này, tôi không thể nhận ra hình dạng rõ rệt nào, vì họ nhận lấy rồi bỏ đi nhiều hình dạng khác nhau giống chim với tốc độ rất nhanh. Luôn có gợi ý về một cấu tạo hào quang giống cánh, và đôi khi có nét giống khuôn mặt và đầu người.



FAIRIES – TIÊN NỮ

In order to help the reader to visualise clearly the appearance of a fairy when materialised, I recommend the study of the fairy photographs in Sir Arthur Conan Doyle's book *The Coming of the Fairies* and E. L. Gardner's book *Fairies* . I am personally convinced of the *bona fides* of the two girls who took these photographs. I spent some weeks with them and their family, staying in their home, and became assured of the genuineness of their clairvoyance, of the presence of fairies exactly like those photographed in the glen at Cottingley, and of the complete honesty of all parties concerned.

Để giúp độc giả hình dung rõ ràng dáng vẻ của một tiên nữ khi hiện hình, tôi khuyên nên nghiên cứu các bức ảnh tiên nữ trong sách *Sự Đến của Các Tiên Nữ* của Sir Arthur Conan Doyle và sách *Các Tiên Nữ* của E. L. Gardner. Cá nhân tôi tin chắc vào thiện tín của hai cô gái đã chụp những bức ảnh này. Tôi đã ở vài tuần với họ và gia đình họ, lưu trú trong nhà họ, và trở nên xác tín về tính chân thực của thông nhãn nơi họ, về sự hiện diện của các tiên nữ đúng hệt như những tiên nữ được chụp trong thung lũng nhỏ ở Cottingley, và về sự trung thực hoàn toàn của tất cả những người liên quan.

In order that such photographs could be taken, the fairies had to be materialised, presumably by an invisible Adept operator; for only thus could they reflect actinic light. In this process of densification, the true nature of the fairy form was concealed beneath the covering of etheric and tenuous, reflective, physical substance. The photographs show, in consequence, apparently solid, fleshy forms, clothed with transparent garments. At the astral level, the fairy body is at once seen to be without solid substance, to consist of streams of flowing energies which might give, especially at first glance, the illusory appearance of a fixed shape.

Để có thể chụp được những bức ảnh như vậy, các tiên nữ phải được hiện hình, có lẽ bởi một chân sư vận hành vô hình; vì chỉ như thế họ mới có thể phản chiếu ánh sáng tác quang. Trong tiến trình đậm đặc hóa này, bản chất thật của hình tướng tiên nữ bị che khuất bên dưới lớp bao phủ bằng chất liệu dĩ thái và hồng trần mỏng manh, có tính phản chiếu. Do đó, các bức ảnh cho thấy những hình tướng dường như rắn chắc, bằng thịt, mặc các y phục trong suốt. Ở cấp độ cảm dục, thể của tiên nữ lập tức được thấy là không có chất liệu rắn, mà gồm các dòng năng lượng đang chảy, có thể tạo nên, đặc biệt thoạt nhìn, vẻ ngoài ảo tưởng của một hình dạng cố định.

The human mind inevitably tends to give to

Thể trí con người tất yếu có khuynh hướng

its perceptions familiar forms. In consequence, unless great care is taken, every appearance of solidity will present itself to the mind-brain of seers, and generally without their being in the least aware of the process and its effects. The observer must, in consequence, be constantly on guard against this action of the mind and try to see and record the reality, however unusual it may appear. Although I have thus tried, I cannot guarantee the complete absence of error in my descriptions.

trao cho các tri giác của mình những hình tướng quen thuộc. Do đó, nếu không hết sức cẩn thận, mọi vẻ ngoài của tính rắn chắc sẽ tự trình hiện với trí-tuệ-bộ-não của các nhà thông nhãn, và nói chung họ hoàn toàn không ý thức chút nào về tiến trình ấy cũng như các hiệu quả của nó. Vì vậy, người quan sát phải luôn cảnh giác trước hoạt động này của thể trí, và cố gắng thấy cũng như ghi lại thực tại, dù nó có vẻ khác thường đến đâu. Dù tôi đã cố gắng như vậy, tôi không thể bảo đảm rằng các mô tả của mình hoàn toàn không có sai lầm.

DRYADS – MỘC TIÊN

The mento-emotional counterparts of woods are often filled with entrancing interest and beauty. The life forces from the plant kingdom and other emanations from the trees, particularly the larger ones, fill the atmosphere with fine radiations amidst which the tree nature spirits play and angels live and move. The latter sometimes give the impression of a rather dreamy state of consciousness and of being themselves expressions of tree life, one with the ensouling spirit of all the vegetation. They merge into and emerge from the trees, glide about the wood rather like tall, somewhat shy maidens, slender, graceful and robed in diaphanous garments of many shades of green. A description may serve as illustration:

Các đối phần trí-cảm của rừng cây thường đầy sức hấp dẫn và vẻ đẹp mê hồn. Các mãnh lực sống từ giới thực vật và những xuất lộ khác từ cây cối, đặc biệt là những cây lớn hơn, làm đầy bầu khí quyển bằng các bức xạ tinh tế, giữa đó các tinh linh tự nhiên của cây nô đùa, còn các thiên thần sống và chuyển động. Những vị sau đôi khi tạo ấn tượng về một trạng thái tâm thức khá mơ màng, và về chính họ như những biểu hiện của sự sống cây cối, hợp nhất với tinh thần phú linh cho toàn bộ thảm thực vật. Họ hòa nhập vào và xuất hiện ra khỏi cây cối, lướt qua rừng khá giống những thiếu nữ cao, hơi e lệ, mảnh mai, duyên dáng và khoác những y phục trong mờ với nhiều sắc xanh lục. Một mô tả có thể dùng làm minh họa:

The tree fairies and higher nature spirits inhabiting a wood near Kendal, in Westmorland, are truly beautiful. They move about amongst the trees with a gentle, quiet grace. One of them whom I think has observed us and does not seem to be afraid, slightly raises her light, filmy garment, through which the rosy form can faintly be seen. The "hair" is long and tiny lights play like a garland around her head. So beautiful is her carriage that, were it not for the complete absence of self-consciousness and the perfect

Các tiên nữ cây và các tinh linh tự nhiên cao hơn cư ngụ trong một khu rừng gần Kendal, ở Westmorland, thật sự đẹp đẽ. Họ chuyển động giữa cây cối với một vẻ duyên dáng dịu dàng, lặng lẽ. Một trong số họ, mà tôi nghĩ đã quan sát chúng tôi và dường như không sợ, hơi nâng chiếc y phục nhẹ, mỏng như sương, qua đó hình tướng hồng nhạt có thể thấy lờ mờ. "Tóc" dài và những ánh sáng nhỏ chơi đùa như một vòng hoa quanh đầu nàng. Dáng điệu của nàng đẹp đến nỗi, nếu không có sự hoàn toàn vắng bóng ngã thức và vẻ thành thật trọn

candour shown in the expression of face and eyes, I should have thought she was posing. All around are others equally beautiful, each differing in some slight degree from her fellows, and many of them far less outward-turned in consciousness. Another, whose back is toward me, has lovely, long, dark “hair”, which hangs well below the waist. One slender white arm is stretched out before her, a little to the side, as she glides slowly through the wood. They often seem to be less nature spirits with separate identities than the souls of the trees, as it were nature spirit expressions of the evolving tree life; for they blend themselves with the larger trees, disappearing from view for a time, later to re-emerge and move about the wood.

vẹn hiện rõ trong nét mặt và đôi mắt, tôi hẳn đã nghĩ nàng đang tạo dáng. Chung quanh là những người khác cũng đẹp như vậy, mỗi người khác biệt đôi chút so với các bạn đồng loại, và nhiều người trong số họ ít hướng ngoại hơn nhiều trong tâm thức. Một người khác, quay lưng về phía tôi, có “tóc” dài, sẫm màu, rất đẹp, buông xuống quá eo. Một cánh tay trắng mảnh mai duỗi ra trước mặt nàng, hơi lệch sang bên, khi nàng chậm rãi lướt qua khu rừng. Họ thường dường như ít là những tinh linh tự nhiên có bản sắc riêng biệt hơn là linh hồn của cây cối, như thể là những biểu hiện tinh linh tự nhiên của sự sống cây đang tiến hoá; vì họ hòa mình với những cây lớn hơn, biến mất khỏi tầm nhìn trong một thời gian, rồi sau đó lại xuất hiện và chuyển động trong rừng.

Similes can prove misleading but, when watching the nature spirits and angel inhabitants of wood and forest, they sometimes appear before one as would fishes floating out of ocean depths into clear focus for a few moments and then receding, to be lost as if merged once more with their watery element. The more advanced tree angels, those associated with very old and large trees, exhibit a more human clarity of mental outlook and power. Their gaze can be keen and penetrating as they turn their attention upon one who enters their realm and is able to see and communicate with them. Nevertheless, in their case also the impression is received of an intimate blending of their life and consciousness with that of the tree which they ensoul, and the evolution of which they assist.

Những so sánh có thể gây hiểu lầm, nhưng khi quan sát các tinh linh tự nhiên và cư dân thiên thần của rừng cây và rừng lớn, đôi khi họ hiện ra trước người ta như những con cá nổi lên từ đáy đại dương vào một tiêu điểm rõ ràng trong vài khoảnh khắc, rồi lùi xa, mất hút như thể lại hòa nhập với nguyên tố nước của mình. Các thiên thần cây tiến hóa hơn, những vị liên kết với các cây rất già và lớn, biểu lộ một sự rõ ràng trí tuệ và quyền năng có tính người hơn. Ánh nhìn của họ có thể sắc bén và xuyên thấu khi họ hướng sự chú ý vào người bước vào lãnh vực của họ và có thể thấy cũng như giao tiếp với họ. Tuy nhiên, trong trường hợp của họ cũng vậy, người ta nhận được ấn tượng về sự hòa trộn mật thiết giữa sự sống và tâm thức của họ với sự sống và tâm thức của cây mà họ phú linh, và sự tiến hoá của cây ấy mà họ hỗ trợ.

FAIRY GLAMOUR – ẢO CẢM TIÊN NỮ



Sự hoan hỉ của nàng tiên

On one occasion, whilst studying the nature spirit life in the countryside of Lancashire, a somewhat advanced nature spirit of air associated with the plant kingdom provided an interesting display of the glamorous influence which certain kinds of fairies are able to throw over one who approaches their domain. My record of the experience reads:

Có một lần, khi đang nghiên cứu đời sống tinh linh tự nhiên ở vùng nông thôn Lancashire, một tinh linh tự nhiên của khí khá tiến bộ, liên kết với giới thực vật, đã cung cấp một biểu hiện thú vị về ảnh hưởng ảo cảm mà một số loại tiên nữ có thể phủ lên người tiến gần lãnh địa của họ. Bản ghi chép kinh nghiệm của tôi như sau:

A beautiful and highly developed fairy is associated with a briar hedge on which wild roses are blooming in profusion. She is of an especially engaging character and in stature is some four feet tall. Lightly robed in a flowing, transparent, filmy, auric garment, she regards us with the friendliest of smiles. Her aura is noticeably vital and looks like a cloud of many soft yet radiant hues, through which shafts of dazzling light flash and radiate. The colours include soft, luminous pale rose, pale green, lavender and misty blue, throughout which shoot the brilliant lances of light. She is in a state of exalted happiness.

Một tiên nữ đẹp đẽ và phát triển cao liên kết với một hàng rào tầm xuân, trên đó những đóa hồng dại đang nở rộ. Nàng có tính cách đặc biệt lôi cuốn và cao khoảng bốn feet. Khoác nhẹ một y phục hào quang chảy buông, trong suốt, mỏng như sương, nàng nhìn chúng tôi với nụ cười thân thiện nhất. Hào quang của nàng rõ rệt đầy sinh lực và trông như một đám mây gồm nhiều sắc thái dịu nhẹ nhưng rạng rỡ, xuyên qua đó những tia sáng chói lòa lóe lên và tỏa chiếu. Các màu gồm hồng nhạt mềm mại, sáng trong, xanh lục nhạt, tím oải hương và xanh lam mờ sương, khắp đó phóng qua những mũi giáo ánh sáng rực rỡ. Nàng ở trong một trạng thái hạnh phúc cao vời.

As an experiment, I yielded partially to the enchantment which she deliberately exercised and to the appealing call with which she invited, nay even challenged me to forsake

Như một thí nghiệm, tôi phần nào thuận theo bùa mê mà nàng cố ý thi triển, và theo tiếng gọi quyến rũ mà qua đó nàng mời gọi, thậm chí thách thức tôi từ bỏ thế giới của loài người

the worldof men and share with her, and others of her kin hovering near, the irresponsible gaiety of the Kingdom of Fairy. For a time, almost unconscious of the body yet always sufficiently awake in it to return at will, I experienced some measure of the joyful, care-free radiant happiness which seems to be the permanent condition of a'l the dwellers in the fairy world. There is danger in too close a contact;[1] for it requires a decided effort to withdraw and take up the burden—as it then seemed—of physical existence once again.

để cùng nàng và những người đồng loại của nàng đang lượn lờ gần đó chia sẻ niềm vui vô trách nhiệm của Vương quốc Tiên. Trong một thời gian, gần như không ý thức về thân thể nhưng vẫn luôn đủ tỉnh thức trong đó để trở về theo ý muốn, tôi trải nghiệm một phần niềm hạnh phúc rạng rỡ, vui tươi, vô tư, dường như là tình trạng thường hằng của tất cả cư dân trong thế giới tiên. Có nguy hiểm trong sự tiếp xúc quá gần;[1] vì cần một nỗ lực dứt khoát để rút lui và lại gánh lấy gánh nặng—như khi ấy tôi cảm thấy—của sự tồn tại hồng trần.



Một Lời Mời Của Tiên

FAIRIES AND GRASS ELVES – TIÊN NỮ VÀ ELF CỎ



The surface of this field is densely populated by fairies, brownies and a species of tiny elves associated with grass. The fairies float through the air, assuming graceful poses and expressing in the highest degree the qualities of lightheartedness and gaiety. A number of them are flitting about singly, pausing a moment between each flight and bearing in their hands something which they appear to give to the plants and flowers at each of their stopping places. They stretch out their hands as if applying vital forces to the plants, the etheric doubles of which glow in consequence and then move swiftly away again. They are definitely feminine in appearance, dressed in white or very pale rose coloured, shimmering material of exceedingly fine texture. This is

Bề mặt cánh đồng này có mật độ cư dân dày đặc gồm các tiên nữ, brownie và một loài elf nhỏ bé liên kết với cỏ. Các tiên nữ trôi nổi trong không khí, nhận những dáng điệu duyên dáng và biểu lộ ở mức độ cao nhất các phẩm tính nhẹ lòng và vui tươi. Một số bay lượn đơn lẻ, dừng lại một chốc giữa mỗi chuyến bay và cầm trong tay một điều gì đó mà dường như họ trao cho cây cối và hoa ở mỗi nơi họ dừng lại. Họ duỗi tay ra như thể đang áp dụng các mãnh lực sinh lực vào cây cối, khiến các bản sao dĩ thái của chúng phát sáng, rồi lại nhanh chóng bay đi. Về dáng vẻ, họ rõ rệt nữ tính, mặc chất liệu trắng hoặc hồng rất nhạt, lung linh, có kết cấu cực kỳ tinh tế. Chất liệu này thắt lại ở eo và sáng như xà cừ. Khi hiện hình bằng dĩ thái, đôi cánh hào

drawn in at the waist and shines like mother-of-pearl. The auric wings, when etherically materialised, are small and oval in shape.

quang nhỏ và có dạng bầu dục.

The elves are from three to six inches in height. They are little, force-built figures, shining with a green light, and look as if they were clothed with a single close-fitting grass-green garment.

Các elf cao từ ba đến sáu inch. Họ là những hình bóng nhỏ được xây bằng mãnh lực, sáng với ánh xanh lục, và trông như thể mặc một y phục duy nhất ôm sát màu xanh cỏ.

Their faces are chubby and childlike. The eyes have a somewhat arch expression and they are wholly absorbed in the short, swinging flights with which, alone and in groups, they move about the field.

Khuôn mặt họ bầu bĩnh và giống trẻ con. Đôi mắt có vẻ hơi tinh nghịch, và họ hoàn toàn mải mê trong những chuyến bay ngắn, đung đưa, qua đó họ di chuyển quanh cánh đồng, một mình và theo nhóm.

Occasionally the currents of force in their auras seem to join and cross above the head, giving to some of them the appearance of being horned. They are associated with the ensouling life in the cells of the grass and other plants and presumably play some part, however small, in its enclosure in form.

Thỉnh thoảng, các dòng mãnh lực trong hào quang của họ dường như nối lại và giao nhau phía trên đầu, khiến một số trông như có sừng. Họ liên kết với sự sống phú linh trong các tế bào của cỏ và những cây khác, và có lẽ đóng một vai trò nào đó, dù nhỏ bé đến đâu, trong việc bao bọc sự sống ấy vào hình tướng.

DANCING FAIRIES, COTTINGLEY – TIÊN NỮ NHẢY MÚA, COTTINGLEY

A bright radiance suddenly shines out over the field, some sixty yards away. It is due to the arrival of a group of fairies under the control of a superior fairy, who is autocratic and definite in her orders, holding unquestioned command. They spread themselves out into a gradually widening circle around her, and as they do so a soft glow shines over the grass. Since they swung high over the tree tops and down into the field, the circle has spread to approximately twelve feet in width. Each member of this fairy band is connected by a stream of light with the directing fairy, who is in the centre and slightly above them. These streams are of different shades of yellow, deepening to orange; they meet in the centre, merging in her aura, and there is a constant flow backwards and forwards along them. The form produced by this is something like an inverted opalescent, glass fruit dish, with the

Một ánh rạng rỡ sáng chói đột nhiên tỏa ra trên cánh đồng, cách khoảng sáu mươi yard. Điều này do sự xuất hiện của một nhóm tiên nữ dưới sự kiểm soát của một tiên nữ cấp cao hơn, người có tính chuyên quyền và dứt khoát trong các mệnh lệnh, nắm quyền chỉ huy không ai chất vấn. Họ tỏa ra thành một vòng tròn dần mở rộng quanh nàng, và khi làm như vậy, một ánh sáng dịu tỏa trên cỏ. Từ khi họ vung mình cao trên ngọn cây rồi hạ xuống cánh đồng, vòng tròn đã lan rộng đến khoảng mười hai feet. Mỗi thành viên của nhóm tiên này được nối với tiên nữ chỉ đạo bằng một dòng ánh sáng, nàng ở trung tâm và hơi cao hơn họ. Những dòng này có các sắc thái vàng khác nhau, đậm dần thành cam; chúng gặp nhau ở trung tâm, hòa vào hào quang của nàng, và có một luồng chảy liên tục tới lui dọc theo chúng. Hình tướng do điều này tạo ra hơi giống một đĩa đựng trái cây bằng thủy tinh óng ánh úp ngược, với tiên nữ trung tâm làm

central fairy as the stem and the lines of light, which flow in graceful, even curves, forming the sides of the bowl. The impression was received, that the interchanges and the complex designs produced by the dance which followed stimulated, and provided a model for, the development of forms in the plant kingdom of Nature in the neighbourhood.

cuống và các đường ánh sáng, chảy thành những đường cong đều đặn, duyên dáng, tạo thành thành bát. Người ta nhận được ấn tượng rằng những trao đổi và các thiết kế phức tạp do vũ điệu tiếp theo tạo ra đã kích thích và cung cấp một mô hình cho sự phát triển các hình tướng trong giới thực vật của Thiên nhiên ở vùng lân cận.

LAKE DISTRICT – VÙNG HỒ

A group of fairies is gambolling and dancing on a small plateau on the side of the Wythburn stream. Their bodies, some six inches in height, are feminine in appearance. Their clothing is chiefly pale blue and their "wings", which are similarly coloured and almost oval in shape, are constantly fluttering as they dance in a circle, hand in hand. Some of them wear a loose girdle from which is suspended an instrument like a horn. All are draped with a material which serves to conceal the roseate form more completely than is usual with this type of nature spirit. Their "hair", which in all cases is brown, varies from very light to quite dark shades.

Một nhóm tiên nữ đang nô đùa và nhảy múa trên một cao nguyên nhỏ bên cạnh dòng Wythburn. Thân thể họ, cao khoảng sáu inch, có dáng vẻ nữ tính. Y phục của họ chủ yếu màu xanh lam nhạt, và "cánh" của họ, cũng có màu tương tự và gần như hình bầu dục, liên tục rung động khi họ nhảy múa thành vòng tròn, tay trong tay. Một số mang một dây đai lỏng, từ đó treo một nhạc cụ giống kèn. Tất cả đều phủ một chất liệu giúp che giấu hình tướng hồng nhạt hoàn toàn hơn mức thường thấy nơi loại tinh linh tự nhiên này. "Tóc" của họ, trong mọi trường hợp đều màu nâu, thay đổi từ sắc rất nhạt đến khá sẫm.

They are carrying out a concerted movement which resembles a country dance and I think it must be their thought and their movements that cause numbers of small, astro-etheric daisy-like flowers to appear and disappear near the ground, within and around the circle, sometimes singly and sometimes as wreaths or chains. They are also discharging into the surrounding atmosphere a specialised energy in the form of silver sparks, and an entrancingly beautiful effect is produced by this miniature electrical display flowing through their auras and the luminous mist in which the whole group is bathed. This mist extends to a height of probably eight or ten inches above their heads and reaches its highest point over the centre of the group. The effect of it upon the fairies is to give them the

Họ đang thực hiện một chuyển động phối hợp giống một điệu nhảy đồng quê, và tôi nghĩ hẳn chính tư tưởng và chuyển động của họ khiến nhiều bông hoa nhỏ dạng cảm dục-dĩ thái, giống hoa cúc, hiện ra và biến mất gần mặt đất, bên trong và chung quanh vòng tròn, đôi khi đơn lẻ và đôi khi thành vòng hoa hoặc chuỗi hoa. Họ cũng đang phóng thích vào bầu khí quyển chung quanh một năng lượng chuyên biệt dưới dạng các tia lửa bạc, và một hiệu quả đẹp mê hồn được tạo ra bởi màn trình diễn điện nhỏ bé này chảy qua hào quang của họ và làn sương phát sáng trong đó toàn bộ nhóm được tắm gội. Làn sương này vươn lên đến độ cao có lẽ tám hoặc mười inch trên đầu họ và đạt điểm cao nhất phía trên trung tâm của nhóm. Tác động của nó đối với các tiên nữ là đem lại cho họ cảm thức hoàn

sense of complete seclusion. In fact, no nature spirit in the neighbourhood enters the charmed sphere.

toàn tách biệt. Thật vậy, không tinh linh tự nhiên nào trong vùng lân cận đi vào khối cầu được mê hoặc ấy.

The fairy dancers have now changed their formation and are going through an evolution of considerable intricacy, making radial "chains" across the circle. This does not remain in the same place, and when the group moves the secluding aura moves with it. The dance, which is also a ritual, resembles certain figures in the *Lancers*. The fairies have a decided sense of rhythm, for although their movements are spontaneous and free, they are to some extent keeping time.

Các vũ công tiên nữ giờ đã thay đổi đội hình và đang trải qua một diễn biến khá phức tạp, tạo nên các "chuỗi" xuyên tâm ngang qua vòng tròn. Điều này không ở lại cùng một chỗ, và khi nhóm di chuyển, hào quang tách biệt cũng di chuyển theo. Vũ điệu, vốn cũng là một nghi thức, giống một số hình thể trong điệu *Lancers*. Các tiên nữ có ý thức nhịp điệu rõ rệt, vì dù các chuyển động của họ tự phát và tự do, ở một mức nào đó họ vẫn giữ nhịp.

As I watch them, there develops slowly in the centre of the circle a rose-coloured, heart-shaped form whose pulsations discharge the silvery force, which flows out in fine lines or striations. The auric encasement has now increased considerably in size and is not unlike a large, inverted glass bowl. They seem to have some idea that they are creating or building a definite shape, for radial divisions, extremely thin and glittering, have been built, dividing the tenuous form into compartments. Gradually the group drifts away out of range of my vision, having doubtless carried out some formative function on behalf of the plant kingdom.

Khi tôi quan sát họ, ở trung tâm vòng tròn dần phát triển một hình tướng màu hồng, hình trái tim, mà các nhịp đập của nó phóng thích mãnh lực bạc, chảy ra thành những đường mảnh hoặc vân sọc. Lớp bao hào quang giờ đã tăng kích thước đáng kể và không khác mấy một chiếc bát thủy tinh lớn úp ngược. Dường như họ có ý niệm nào đó rằng họ đang sáng tạo hoặc xây dựng một hình dạng xác định, vì các vách chia xuyên tâm, cực kỳ mỏng và lấp lánh, đã được xây dựng, chia hình tướng mỏng manh ấy thành các ngăn. Dần dần nhóm trôi ra khỏi tầm nhìn của tôi, chắc chắn đã thực hiện một chức năng tạo hình nào đó thay mặt cho giới thực vật.

A FAIRY QUEEN – MỘT NỮ HOÀNG TIÊN

We are surrounded by a group of joyous, dancing fairies. The leader is some two feet tall, clothed in transparent, flowing draperies, and has a star on her forehead. She has large, glistening "wings" of delicate shades of pink and lavender. Her "hair" is light golden brown and streams behind her, merging with the other flowing forces of her aura. The form is perfectly modelled and rounded, like that of a young girl, and the right hand holds a wand. Her face is stamped with a decided impress of power, especially noticeable in the clear blue

Chúng tôi được bao quanh bởi một nhóm tiên nữ vui tươi, đang nhảy múa. Người dẫn đầu cao khoảng hai feet, khoác những dải y phục trong suốt, chảy buông, và có một ngôi sao trên trán. Nàng có đôi "cánh" lớn, lấp lánh, với những sắc hồng và tím oải hương tinh tế. "Tóc" nàng màu nâu vàng nhạt và buông bay phía sau, hòa vào các mãnh lực chảy khác của hào quang nàng. Hình tướng được nắn tạo và làm tròn hoàn hảo, như của một cô gái trẻ, và tay phải cầm một cây đũa. Khuôn mặt nàng in rõ dấu ấn quyền năng, đặc biệt dễ nhận thấy

eyes which, on occasion, glow as with living fire. Her brow is broad, her features small and rounded, the tiny ears a poem of physical perfection. The bearing of head, neck and shoulders is queenly, the whole pose being full of grace. A pale blue radiance surrounds this beautiful creature, while golden flashes of light play around and above her head. The lower portion of the aura is shell pink, irradiated with white light.

trong đôi mắt xanh lam trong trẻo, đôi khi rực lên như lửa sống. Trán nàng rộng, nét mặt nhỏ và tròn, đôi tai tí hon là một bài thơ của sự hoàn hảo hồng trần. Dáng đầu, cổ và vai mang vẻ nữ vương, toàn bộ tư thế đầy duyên dáng. Một bức xạ xanh lam nhạt bao quanh sinh linh đẹp đẽ này, trong khi những tia sáng vàng chơi đùa quanh và trên đầu nàng. Phần dưới của hào quang có màu hồng vỏ sò, được ánh sáng trắng chiếu rạng.

She is aware of our presence, seems to understand my purpose, and has graciously remained more or less motionless for this description. She holds up her wand, which is about the length of her forearm and is white and shining, glowing at the tip with a golden light. I hear faint, far-away music, too ethereal to capture, such music as might be given forth by diminutive, pendant needles, delicately tuned and struck with tiny hammers. It is more a series of tinkles than a consecutive melody, possibly because I am unable fully to catch the sound. Perchance it is a far-off echo of divine creative song, the music of the Voice, thus audible deep down in these etheric regions of the physical world. Now the whole group rises into the air and vanishes.

Nàng ý thức về sự hiện diện của chúng tôi, dường như thấu hiểu mục đích của tôi, và đã nhã nhặn giữ gần như bất động để tôi mô tả. Nàng giơ cây đũa lên, dài khoảng bằng cẳng tay của nàng, màu trắng và sáng, đầu đũa rực lên ánh sáng vàng. Tôi nghe thấy âm nhạc mờ nhạt, xa xăm, quá thanh nhẹ để nắm bắt, thứ âm nhạc như có thể phát ra từ những kim nhỏ bé treo lơ lửng, được lên dây tinh tế và gõ bằng những chiếc búa tí hon. Đó là một chuỗi tiếng leng keng hơn là một giai điệu liên tục, có lẽ vì tôi không thể nắm bắt trọn vẹn âm thanh. Có lẽ đó là tiếng vọng xa xôi của khúc ca sáng tạo thiêng liêng, âm nhạc của Âm Thanh, nhờ vậy có thể nghe được sâu bên dưới trong các vùng dĩ thái này của thế giới hồng trần. Bây giờ toàn bộ nhóm vươn lên không trung và biến mất.

SYLPHS – SYLPH

Above the high moorlands of Lancashire, revelling in the force of the wind, large numbers of angels and nature spirits of air are to be seen. These sylphs are rather below human height, but quite human in form, though asexual.

Trên các vùng đồng hoang cao của Lancashire, vui hưởng mãnh lực của gió, có thể thấy rất nhiều thiên thần và tinh linh tự nhiên của khí. Các sylph này hơi thấp hơn chiều cao con người, nhưng khá giống người về hình tướng, dù vô tính.

They are disporting themselves wildly in groups of two and three, travelling at great speed across the sky. There is a certain fierceness in their joy as they call to each other, their cries sounding like the whistling of the wind, reminiscent of the call of the Valkyries in Wagner's opera of that name.

Họ đang nô đùa hoang dại theo nhóm hai hoặc ba, di chuyển với tốc độ rất lớn ngang qua bầu trời. Có một sự dữ dội nào đó trong niềm hoan hỉ của họ khi họ gọi nhau, tiếng kêu nghe như tiếng gió rít, gợi nhớ tiếng gọi của các nữ chiến binh trong vở opera cùng tên của Wagner.

At first sight they appear to be winged a pair

Thoạt nhìn, họ dường như có cánh, một đôi

of magnificent white pinions being attached to the body from the top of the shoulders and reaching down to the feet. One even seems to detect a regular, featherlike formation within these “wings”.

cánh trắng tuyệt đẹp gắn vào thân thể từ đỉnh vai và kéo xuống đến bàn chân. Người ta thậm chí dường như nhận ra một cấu tạo đều đặn như lông vũ bên trong những “cánh” này.

This is, however, an illusion produced by the forces flowing through their auras. Pale shades of rose and azure blue predominate, while a radiant light of many hues plays continually about their heads. A group of three, which I am especially watching, presents a most spectacular appearance. As they wheel and fly across the wide arch of the heavens, brightly coloured forces flash with extreme rapidity between and all about them, but more especially in the air above. Occasionally, variegated sheets of colour, arranged in shining bands, stream from one sylph to the other. These are chiefly pale blue, rose, green and lavender, through which golden, flame-like energies continually scintillate. There is a definite order in this colour communication, the meaning of which is hidden from me, though the chief notes seem to be fierce exultation and joy-.

Tuy nhiên, đây là một ảo tưởng do các mãnh lực chảy qua hào quang của họ tạo ra. Các sắc hồng nhạt và xanh lam thiên thanh chiếm ưu thế, trong khi một ánh sáng rạng rỡ nhiều màu liên tục chơi đùa quanh đầu họ. Một nhóm ba vị mà tôi đặc biệt quan sát tạo nên một cảnh tượng hết sức ngoạn mục. Khi họ xoay vòng và bay ngang qua vòm trời rộng, các mãnh lực có màu sáng chói lóe lên với tốc độ cực nhanh giữa họ và khắp quanh họ, nhưng đặc biệt hơn cả là trong không khí phía trên. Thỉnh thoảng, những tấm màu loang lổ, sắp thành các dải sáng, tuôn từ sylph này sang sylph kia. Chúng chủ yếu là xanh lam nhạt, hồng, xanh lục và tím oải hương, xuyên qua đó các năng lượng vàng, giống ngọn lửa, liên tục lấp lánh. Có một trật tự rõ rệt trong sự giao tiếp bằng màu này, ý nghĩa của nó bị che khuất đối với tôi, dù các âm điệu chính dường như là sự hân hoan dữ dội và niềm hoan hỉ.

The faces of these astro-mental creatures of the air are like those of strangely beautiful but fierce Amazons, strong, vital, and controlled despite their apparently reckless abandon.

Khuôn mặt của các sinh linh cảm dục-trí tuệ của khí này giống những nữ chiến binh đẹp lạ lùng nhưng dữ dội, mạnh mẽ, đầy sinh lực và có kiểm soát bất chấp vẻ buông thả dường như liều lĩnh của họ.

Their movement through the air is very rapid, for they appear to travel distances of ten to fifteen miles in a moment of time.

Chuyển động của họ trong không khí rất nhanh, vì họ dường như đi qua những khoảng cách mười đến mười lăm dặm chỉ trong một khoảnh khắc.



sylph

STORM SYLPHS – SYLPH BÃO

While I watched from the slopes of Helvellyn the approach of dark masses of storm-cloud, I observed a number of birdlike air spirits travelling in front of the on-coming clouds. Many of these sylphs are dark and fearsome to look upon, being slightly suggestive of large, swiftly swooping bats. They are darting backwards and forwards across the Wythburn valley, sometimes following quite closely the conformation of the hills. They appear to be in a condition of high excitement and give the impression that they are intensifying the electric and magnetic conditions characteristic of a storm. Their faces are human and fully formed, though their

Khi tôi quan sát từ các sườn núi Helvellyn sự tiến đến của những khối mây bão đen, tôi nhận thấy một số tinh linh khí giống chim đang di chuyển phía trước các đám mây đang tới. Nhiều sylph trong số này tối đen và đáng sợ khi nhìn, hơi gợi đến những con dơi lớn đang sà xuống nhanh chóng. Họ phóng qua phóng lại ngang thung lũng Wythburn, đôi khi bám khá sát hình thể các ngọn đồi. Họ dường như ở trong một tình trạng phấn khích cao độ và tạo ấn tượng rằng họ đang tăng cường các điều kiện điện và từ tính đặc trưng của một cơn bão. Khuôn mặt họ có tính người và được tạo hình đầy đủ, dù biểu cảm rõ rệt khó chịu. Có rất nhiều—có lẽ một trăm—trong

expression is distinctly unpleasant. There are large numbers of them—probably a hundred—including some whiter varieties of sylph. They utter a weird, shrieking noise and occasionally shoot vertically upwards, passing into the clouds and reappearing above them.

đó gồm một số biến thể sylph trắng hơn. Họ phát ra một tiếng rít kỳ dị, the thé, và thỉnh thoảng phóng thẳng đứng lên trên, đi vào các đám mây rồi lại xuất hiện phía trên chúng.

THE GREAT STORM IN LONDON – CƠN BÃO LỚN Ở LONDON

Demoniacal and terrific beyond description are the beings who, high in the aerial regions, are to be seen exulting in the fury of the storm as the jagged flashes of the lightning and the deafening roar of the thunder continue hour after hour through the night. Their appearance faintly resembles that of gigantic bats. Their bodies are human in shape, yet it is no human spirit which shines through those large, upward slanting eyes. Their colour is black as night, red and flamelike, the aura which surrounds them dividing into two huge pinions behind the central form. The "hair" streams back from the head like tongues of flame. Thousands of beings, of whom this is but a halting description, revel in the power of the storm. The clash of the mighty forces produces in them intense exaltation of consciousness as they soar, hover, dart, wheel and swoop, apparently intensifying the forces of the storm which in them seem to find embodiment.

Ma quái và khủng khiếp vượt ngoài mọi mô tả là những sinh linh, ở cao trong các vùng không trung, được thấy đang hân hoan trong cơn cuồng nộ của bão, khi những tia chớp răng cưa và tiếng sấm gầm điếc tai tiếp diễn giờ này sang giờ khác suốt đêm. Dáng vẻ của họ hơi giống những con dơi khổng lồ. Thân thể họ có hình người, nhưng không phải tinh thần con người chiếu qua đôi mắt lớn, xếch lên ấy. Màu của họ đen như đêm, đỏ và giống lửa; hào quang bao quanh họ tách thành hai cánh khổng lồ phía sau hình tướng trung tâm. "Tóc" tuôn ngược khỏi đầu như những lưỡi lửa. Hàng ngàn sinh linh, mà đây chỉ là một mô tả vụng về, đang say sưa trong quyền năng của bão. Sự va chạm của các mãnh lực hùng mạnh tạo nơi họ một sự hân hoan tâm thức mãnh liệt khi họ bay vút, lơ lửng, lao nhanh, xoay vòng và sà xuống, dường như tăng cường các mãnh lực của bão, vốn có vẻ tìm được sự hiện thân nơi họ.

Behind these and above them, in the very heart of the tempest, is one beside whom the elementáis of storm and disintegration are but as fluttering bats. There, in the midst of it all, is to be seen one of the great *devas* of the elements, human in form, yet in beauty, majesty and power like unto an exalted superman. The knowledge of this presence inspired courage and calmness when, just before a flash of lightning cleaved the heavens with a ribbon of fire, one of the dark beings seemed to swoop down and for a moment hover threateningly, close above us. The

Đằng sau và phía trên những sinh linh này, ngay trong tâm bão tố, có một vị mà so với vị ấy, các hành khí của bão và tan rã chỉ như những con dơi chập chờn. Ở đó, giữa tất cả, có thể thấy một trong các *thiên thần* vĩ đại của các nguyên tố, có hình tướng người, nhưng trong vẻ đẹp, uy nghi và quyền năng thì giống một siêu nhân cao cả. Sự nhận biết về hiện diện này khơi dậy can đảm và bình tĩnh khi, ngay trước lúc một tia chớp xé đôi bầu trời bằng một dải lửa, một trong các sinh linh tối đen dường như sà xuống và trong chốc lát lơ lửng đầy đe dọa ngay phía trên chúng tôi. Đôi

baleful eyes, gleaming with frenzy, were fixed upon the earth below. For a fraction of a second the consciousness behind those eyes was touched, producing a feeling of vertigo and terror such as had not been experienced since the days and nights of the first World War. Under this present test the value of those trials was realised, for automatically the will overcame the fear and stilled the trembling of the body, caused by the vision and the deafening crack of thunder by which it was accompanied. Then the dark storm-fiend sped away, uttering the weird, exulting, unearthly cry of his kind, which was continually audible throughout the storm.

mắt ác hiểm, lóe sáng vì cuồng loạn, chăm chăm nhìn xuống mặt đất bên dưới. Trong một phần rất nhỏ của giây, tâm thức phía sau đôi mắt ấy được chạm đến, tạo nên một cảm giác chóng mặt và kinh hoàng như chưa từng trải nghiệm kể từ những ngày đêm của Thế chiến thứ nhất. Dưới thử thách hiện tại này, giá trị của những thử thách kia được nhận ra, vì ý chí tự động thắng vượt nỗi sợ và làm lắng yên sự run rẩy của thân thể do linh ảnh và tiếng sấm nổ điếc tai đi kèm gây nên. Rồi quỷ bão tối đen ấy lao đi, phát ra tiếng kêu kỳ dị, hân hoan, phi trần của giống loài mình, vốn liên tục nghe được suốt cơn bão.

In the midst of all this uproar was a calm, an unshake able poise, a power acknowledged even by these unruly legions. Beyond a certain limit they could not go, for they were ever held in check by the will of that Lord of the Storm who reigned supreme over the elemental forces.

Giữa tất cả tiếng náo động này có một sự tĩnh lặng, một thế quân bình bất lay chuyển, một quyền năng được ngay cả các đạo quân ngang ngược này thừa nhận. Vượt quá một giới hạn nhất định, họ không thể đi, vì họ luôn bị kiềm chế bởi ý chí của vị Chúa Tể Bão Tố, Đấng ngự trị tối cao trên các mãnh lực hành khí.

SALAMANDERS – SALAMANDER

Since, like their relatively formless element, nature spirits of fire are without a fixed form, descriptions of them are somewhat difficult to obtain and record. The suggestion is received of an underlying human shape, limbs and “hair” being built of streams of rushing fiery energy and only rarely conforming in shape and position to the human frame.

Vì, giống nguyên tố tương đối vô hình tướng của họ, các tinh linh tự nhiên của lửa không có hình tướng cố định, nên việc đạt được và ghi lại các mô tả về họ khá khó khăn. Người ta nhận được gợi ý về một hình dạng người nằm bên dưới, với tay chân và “tóc” được xây bằng các dòng năng lượng lửa lao nhanh, và chỉ hiếm khi phù hợp về hình dạng và vị trí với khung người.

The face, however, when not veiled by auric flames is distinctly human in appearance. Quite non-human, however, is its expression, whilst the upward-slanting eyes seem to be lit with a kind of unholy delight in the destructive power of their element. The face is triangular, chin and ears being pointed, and the head surrounded and outlined by flickering, orange-red flamelets, through which shoot flashing tongues of fire.

Tuy nhiên, khuôn mặt, khi không bị các ngọn lửa hào quang che phủ, rõ rệt có dáng vẻ người. Nhưng biểu cảm của nó lại hoàn toàn không phải người, trong khi đôi mắt xếch lên dường như được thắp sáng bằng một thứ khoái cảm bất thiện trước quyền năng hủy diệt của nguyên tố họ. Khuôn mặt hình tam giác, cằm và tai nhọn, đầu được bao quanh và viền bởi những ngọn lửa nhỏ màu cam-đỏ chập chờn, xuyên qua đó phóng ra những lưỡi

Salamanders vary in height from two or three feet to the great colossi of fire-power who are the Fire Lords associated with the sun. The description which follows, although not of Lesser but of Greater Gods, and included here for the sake of continuity in the study of the four elements and their denizens, is taken from the Introduction to and Chapter IV of my book, The Angelic Hosts.

I seemed to be standing with him (the angel teacher referred to in the Introduction to the present book) submerged in a sea of fire, which was homogeneous and all-pervasive, yet translucent and transparent. I seemed also to see the sunflower formation of the fire aspect of the Solar Logos and His System, as if the angel and I were standing on one of the petals. Though the distances and dimensions of this fire-world were so colossal as to be physically incomprehensible and beyond measure, yet at this level they were well within my grasp, and the fact that I was standing completely submerged in a veritable cataract of flame as it rushed past and swirled about me, did not prevent me from seeing the whole of it and its shape, as if I were also looking down upon it from above. I could trace its source in the sun and see its limits where the tip of a petal touched the Ring-Pass-Not, or edge, of the System. I was not able to discover the relation of the physical sun to the fiery sun, but the relative size and luminosity were such that the physical sun would be almost lost in its fiery counterpart.

Under the angel's guidance I moved about within this world of fire but, however great the distance we covered, the same aspect always presented itself. Whether we rose or fell in the sea of fire, or crossed a wide area of flame, the System continued to appear like a sunflower presenting its full face towards us. Contradictory though this may sound, it will

lửa lóe sáng. Salamander thay đổi chiều cao từ hai hoặc ba feet đến các khổng thể vĩ đại của quyền năng lửa, vốn là các Chúa Tể Lửa liên kết với mặt trời. Mô tả tiếp theo, dù không nói về các Vị Thần Nhỏ mà về các Vị Thần Lớn, và được đưa vào đây vì tính liên tục trong việc nghiên cứu bốn nguyên tố và cư dân của chúng, được trích từ phần Dẫn nhập và Chương Bốn trong sách của tôi, Các Đạo Quân Thiên Thần.

Dường như tôi đang đứng cùng vị ấy—vị huấn sư thiên thần được nhắc đến trong phần Dẫn nhập của quyển sách hiện tại—chìm trong một biển lửa, đồng nhất và thấm khắp, nhưng trong mờ và trong suốt. Tôi dường như cũng thấy cấu tạo hoa hướng dương của phương diện lửa của Thái dương Thượng đế và Hệ của Ngài, như thể vị thiên thần và tôi đang đứng trên một trong các cánh hoa. Dù các khoảng cách và kích thước của thế giới lửa này khổng lồ đến mức không thể hiểu được bằng hồng trần và vượt ngoài đo lường, nhưng ở cấp độ này chúng vẫn hoàn toàn nằm trong tầm nắm bắt của tôi; và việc tôi đang đứng chìm hẳn trong một thác lửa thật sự khi nó lao qua và xoáy quanh tôi không ngăn tôi thấy toàn bộ nó và hình dạng của nó, như thể tôi cũng đang nhìn xuống nó từ phía trên. Tôi có thể lần theo nguồn của nó trong mặt trời và thấy các giới hạn của nó nơi đầu một cánh hoa chạm đến vòng-giới-hạn, hay rìa, của Hệ. Tôi không thể khám phá mối liên hệ giữa mặt trời hồng trần và mặt trời lửa, nhưng kích thước và độ sáng tương đối thì đến mức mặt trời hồng trần gần như sẽ mất hút trong đối phần lửa của nó.

Dưới sự hướng dẫn của thiên thần, tôi di chuyển trong thế giới lửa này, nhưng dù khoảng cách chúng tôi đi qua lớn đến đâu, cùng một phương diện vẫn luôn trình hiện. Dù chúng tôi vươn lên hay hạ xuống trong biển lửa, hoặc băng qua một vùng lửa rộng, Hệ vẫn tiếp tục hiện ra như một hoa hướng dương phô trọn mặt về phía chúng tôi. Dù điều này

be intelligible to those who are familiar with the idea of the fourth dimension. At the fire-level, however, the apparent directions of space, or characteristics revealed by superphysical cognition, are more than four.

nghe có vẻ mâu thuẫn, nó sẽ dễ hiểu đối với những ai quen thuộc với ý niệm về chiều kích thứ tư. Tuy nhiên, ở cấp độ lửa, các hướng không gian biểu kiến, hay các đặc tính được nhận biết qua tri thức siêu hồng trần, nhiều hơn bốn.

The appearance of the solar Fire Lords was glorious and awe-inspiring. Their stature must be gigantic. Though they did not approach the size of the main petals themselves, as they stood like an inner corolla round the central fiery heart of the flower they were large enough to be noticeable from points near the outer edge of the System. When we approached the centre, they were seen to be solar colossi, and at one of our resting places a single Fire Lord completely filled the field of vision. Their forms were definitely human, though every cell in their bodies resembled a roaring furnace, while flames leapt and played about them continuously. I was not able to see their faces with any distinctness and their eyes were shaded from my view—perhaps by a merciful providence—but I received the impression of beauty quite as strongly as I received that of power. Their beauty was not so much that of shape and form, though their bodies are inexpressibly beautiful. Rather does it belong to the abstract ideal of beauty which they embody. In the fire-world I perceived beauty in the abstract as a living power, equally potent with fire, and realised that as there is a fire aspect of God, so is there a beauty aspect, equal to that of fire in its regenerating, transforming and destructive effects, equally glorious, equally terrible, equally dangerous to him who gazes upon its naked power. I begin to appreciate the truth of the saying that no man may see God and live. Man may climb the heights of the spiritual mountain and the beauty of God may transfigure him, but unless he is prepared for its resistless power, he may be utterly destroyed. In the

Dáng vẻ của các Chúa Tể Lửa thái dương thật huy hoàng và gây kính sợ. Tầm vóc của Các Ngài hẳn là khổng lồ. Dù Các Ngài không gần bằng kích thước của chính các cánh hoa chính, nhưng khi đứng như một tràng hoa bên trong quanh trái tim lửa trung tâm của bông hoa, Các Ngài đủ lớn để được nhận thấy từ các điểm gần rìa ngoài của Hệ. Khi chúng tôi đến gần trung tâm, Các Ngài được thấy là những khổng thể thái dương, và tại một trong những nơi chúng tôi dừng lại, một Chúa Tể Lửa duy nhất lấp đầy hoàn toàn trường nhìn. Hình tướng của Các Ngài rõ rệt có tính người, dù mỗi tế bào trong thân thể Các Ngài giống một lò lửa gầm roaring, trong khi các ngọn lửa liên tục nhảy vọt và chơi đùa quanh Các Ngài. Tôi không thể thấy khuôn mặt Các Ngài một cách rõ ràng, và đôi mắt Các Ngài bị che khỏi tầm nhìn của tôi—có lẽ do một sự quan phòng từ bi—nhưng tôi nhận được ấn tượng về vẻ đẹp cũng mạnh mẽ như ấn tượng về quyền năng. Vẻ đẹp của Các Ngài không hẳn là vẻ đẹp của dáng vẻ và hình tướng, dù thân thể Các Ngài đẹp không thể diễn tả. Đúng hơn, nó thuộc về lý tưởng trừu tượng của vẻ đẹp mà Các Ngài hiện thân. Trong thế giới lửa, tôi tri giác vẻ đẹp trong trừu tượng như một quyền năng sống, mạnh mẽ ngang với lửa, và nhận ra rằng cũng như có một phương diện lửa của Thượng đế, cũng có một phương diện vẻ đẹp, ngang bằng với lửa trong các hiệu quả tái sinh, chuyển đổi và hủy diệt của nó, huy hoàng như nhau, đáng sợ như nhau, nguy hiểm như nhau đối với người nhìn vào quyền năng trần trụi của nó. Tôi bắt đầu cảm nhận chân lý của câu nói rằng không ai có thể thấy Thượng đế mà còn sống. Con người có thể leo lên các đỉnh cao của ngọn núi tinh thần và vẻ đẹp của Thượng đế có thể

world of fire there seems to be a highly organised system whereby such dangers are made as remote as possible. The illimitable power, glory and beauty of the Logos pass through the Angelic Hierarchy, which serves as a transformer to reduce and temper them so that forms are built instead of destroyed and dwellers at lower levels are not blinded by their awful might.

biến hình y, nhưng nếu y không được chuẩn bị cho quyền năng không thể cưỡng của nó, y có thể bị hủy diệt hoàn toàn. Trong thế giới lửa, dường như có một hệ thống được tổ chức cao nhờ đó những nguy hiểm như vậy được làm cho xa vời nhất có thể. Quyền năng, vinh quang và vẻ đẹp vô hạn của Thượng đế đi qua Thánh Đoàn Thiên Thần, vốn phụng sự như một bộ biến áp để giảm bớt và điều hòa chúng, nhờ đó các hình tướng được xây dựng thay vì bị hủy diệt, và cư dân ở các cấp độ thấp hơn không bị làm mù bởi uy lực khủng khiếp của chúng.

The Archangels of Fire dwell amidst these forces and direct the play of the fiery, solar energies according to the will of that supreme Lord of Fire who is the Source of their existence. They are the Gods of Fire, the Archangels of Flame, the spiritual regenerators of the System. Living embodiments of fire-power, they are Viceregents of the Supreme Ruler, of whom both Solar System and Lords of Fire are expressions. All golden and flamelike, they resemble gigantic men built of flame, in the hand of each a spear and on the head a golden crown of living fire. Flames shoot forth from them on every side. Every change of consciousness sends forth tongues of flame, each gesture a flood of fire.

Các Tổng Thiên Thần Lửa cư ngụ giữa những mãnh lực này và điều khiển sự vận động của các năng lượng lửa, thái dương, theo ý chí của vị Chúa Tể Lửa tối cao, Đấng là Nguồn của sự tồn tại của Các Ngài. Các Ngài là các Thần Lửa, các Tổng Thiên Thần của Ngọn Lửa, những Đấng tái sinh tinh thần của Hệ. Là những hiện thân sống động của quyền năng lửa, Các Ngài là các Phó Vương của Đấng Cai Trị Tối Cao, mà cả Hệ Mặt Trời lẫn các Chúa Tể Lửa đều là những biểu hiện của Ngài. Toàn vàng và giống lửa, Các Ngài giống những người khổng lồ được xây bằng ngọn lửa, trong tay mỗi Ngài có một ngọn giáo và trên đầu là một vương miện vàng bằng lửa sống. Lửa phóng ra từ Các Ngài về mọi phía. Mỗi biến đổi của tâm thức đều phóng ra những lưỡi lửa, mỗi cử chỉ là một dòng lửa tràn.

Power passes through them, transformed lest its naked force should destroy the very system which, by their mediation, it recreates, regenerates and transforms. They shield the Solar System lest the fiery energy should blind the eyes of those to whom it is a source of light, burn those to whom it is a source of heat, and shatter those to whom it is a source of power. Such in small part are the Mighty Ones who stand before the fiery throne of the Father of Angels and of Men. Below them, rank on rank, are ranged the Gods of Fire. Youngest

Quyền năng đi qua Các Ngài, được chuyển đổi để mãnh lực trần trụi của nó không hủy diệt chính hệ thống mà, qua trung gian của Các Ngài, nó tái tạo, tái sinh và chuyển đổi. Các Ngài che chở Hệ Mặt Trời để năng lượng lửa không làm mù đôi mắt của những ai mà đối với họ nó là nguồn ánh sáng, không đốt cháy những ai mà đối với họ nó là nguồn nhiệt, và không làm tan vỡ những ai mà đối với họ nó là nguồn quyền năng. Chỉ một phần nhỏ như vậy là các Đấng Đại Hùng đang đứng trước ngai lửa của Cha của các Thiên Thần và của

amongst them are the nature spirits of their elements, the salamanders, Lords of Fire in-the-becoming.

Con Người. Bên dưới Các Ngài, hàng hàng lớp lớp, là các Thần Lửa. Trẻ nhất trong số đó là các tinh linh tự nhiên của các nguyên tố của họ, các salamander, những Chúa Tể Lửa đang-trở-thành.



Salamander

PART III THE SEPHIROTH – PHẦN BA

SEPHIROTH

CHAPTER I THE ANGELS OF WILL, WISDOM AND INTELLIGENCE – CHƯƠNG MỘT CÁC THIÊN THẦN CỦA Ý CHÍ, MINH TRIẾT VÀ TRÍ TUỆ

UNIVERSES are formed and permeated by an infinite, creative, vitalising and transforming deific Power which, in Tibetan, is called *Fohat.* This One Life contains within itself infinite

CÁC VŨ TRỤ được hình thành và thấm nhuần bởi một Quyền Năng thiêng liêng vô hạn, sáng tạo, tiếp sinh lực và chuyển đổi, trong tiếng Tây Tạng được gọi là *Fohat.* Sự Sống Duy Nhất

potentialities for the production of universes, beings and forms. It has two modes of existence, one passive, one active. During the reign of the passive mode, from the objective point of view, darkness alone exists. The processes of emergence, densification, evolution and transformation of universes, beings and forms into spiritual states occur during the period of activity. These two phases, the passive and the active, alternate ceaselessly throughout eternity. In the world's cosmogonies they are known as Nights and Days.

này chứa trong chính nó những tiềm năng vô hạn để tạo ra các vũ trụ, các sinh linh và các hình tướng. Nó có hai phương thức tồn tại, một thụ động, một hoạt động. Trong thời kỳ phương thức thụ động ngự trị, theo quan điểm khách quan, chỉ có bóng tối tồn tại. Các tiến trình xuất hiện, đậm đặc hóa, tiến hoá và chuyển đổi các vũ trụ, các sinh linh và các hình tướng thành những trạng thái tinh thần diễn ra trong thời kỳ hoạt động. Hai giai đoạn này, thụ động và hoạt động, luân phiên không ngừng suốt vĩnh cửu. Trong các vũ trụ khởi nguyên luận của thế giới, chúng được biết đến như các Đêm và các Ngày.

At the opening of the creative period, the principle of Ideation inherent in the One Life becomes manifest as Universal Mind or divine Intelligence. This is not yet a Being, but a power which awakens from boundless Space at the fructifying touch or "breath" of the One Life. Within Universal Mind, localised or focussed areas of divine Thought appear. These are the "nuclei" within the first "thought cell" of a universe, from which emanate creative impulses. They are not yet individual Beings, though they contain the potentiality of all beings.

Vào lúc mở đầu thời kỳ sáng tạo, nguyên khí Ý niệm vốn cố hữu trong Sự Sống Duy Nhất trở nên biểu hiện như Vũ Trụ Trí hay Trí Tuệ thiêng liêng. Đây chưa phải là một Đấng, mà là một quyền năng thức dậy từ Không Gian vô biên dưới sự chạm đến thụ tinh hay "hơi thở" của Sự Sống Duy Nhất. Bên trong Vũ Trụ Trí, các vùng Tư Tưởng thiêng liêng được định vị hay tập trung xuất hiện. Đây là các "hạt nhân" bên trong "tế bào tư tưởng" đầu tiên của một vũ trụ, từ đó phát xuất các xung lực sáng tạo. Chúng chưa phải là các Đấng riêng biệt, dù chúng chứa tiềm năng của tất cả các sinh linh.

The process of emanation continues, the first to emerge being the Sephiras, the Numerations, the divine Creative Intelligences. These combine under numerical law to carry out the designs included within divine Ideation. The highest Archangels, from whom in turn the Angelic Hosts emerge, are included within such Emanations. Angels are thus Mind-born Emanations from Absolute Life and the nearer in time and condition to Absoluteness, the greater the beings… Thus hierarchy is part of the established order of Creation. At the summit of the ladder of angelic existence are the primordial Sephirothal Intelligences, the Archangels of the Face, the Mighty Spirits before the Throne.

Tiến trình phát xuất tiếp tục, những vị đầu tiên xuất hiện là các Sephira, các Số Đếm, các Trí Tuệ Sáng Tạo thiêng liêng. Các vị này kết hợp dưới định luật số học để thực hiện những thiết kế được bao hàm trong Ý niệm thiêng liêng. Các Tổng Thiên Thần cao nhất, từ các Ngài đến lượt các Đạo Quân Thiên Thần xuất hiện, được bao hàm trong những Xuất lộ như vậy. Vì thế, thiên thần là các Xuất lộ sinh từ Trí của Sự Sống Tuyệt Đối, và càng gần về thời gian cũng như trạng thái với Tính Tuyệt Đối, các sinh linh càng vĩ đại… Như vậy, thánh đoàn là một phần của trật tự đã được thiết lập của Sáng tạo. Trên đỉnh thang tồn tại thiên thần là các Trí Tuệ Sephiroth nguyên thủy, các Tổng Thiên Thần của Thánh Nhan, các Tinh

These are the First Born, the highest, greatest—save for the Primal Embodiment of Universal Mind—manifestations of Creative Intelligence and Power in the Universe. They are everlasting, existing from dawn to eve of Creative Day. At the other end of the scale of angelic existence are the last born, the minute lives emergent from the ocean of Life, the Sephiras in miniature, the nature spirits.

Thần Hùng Mạnh trước Thánh Ngai. Đây là các Đấng Đầu Sinh, những biểu hiện cao nhất, vĩ đại nhất—ngoại trừ Hiện Thân Nguyên Thủy của Vũ Trụ Trí—của Trí Tuệ và Quyền Năng Sáng Tạo trong Vũ Trụ. Các Ngài trường tồn, hiện hữu từ bình minh đến hoàng hôn của Ngày Sáng Tạo. Ở đầu kia của thang tồn tại thiên thần là các sinh linh sinh sau cùng, những sự sống nhỏ bé xuất hiện từ đại dương Sự Sống, các Sephira thu nhỏ, tức các tinh linh tự nhiên.

THE SONS OF WILL – CÁC CON CỦA Ý CHÍ

Within this hierarchically-ordered race of beings are at least seven main divisions, classified according to the predominant power manifest in each. The Sephira of Will gives birth to innumerable, but not unnumbered, "sons", each in its turn the parent of a vast progeny, all imbued with the fire of the omnipotent Will. Their attribute is power and they are agents for the manifested will of that summation of the Sephiras which is the Logos of the Universe. Invested

Bên trong nhân loại các sinh linh được sắp xếp theo thánh đoàn này có ít nhất bảy phân bộ chính, được phân loại theo quyền năng nổi trội biểu hiện trong mỗi phân bộ. Sephira của Ý Chí sinh ra vô số, nhưng không phải không được đánh số, "người con", mỗi người đến lượt mình là cha mẹ của một hậu duệ bao la, tất cả đều được thấm nhuần bằng lửa của Ý Chí toàn năng. Thuộc tính của họ là quyền năng và họ là các tác nhân cho ý chí biểu hiện của tổng hợp các Sephira, vốn là Thượng đế của Vũ Trụ. Được khoác

with cosmic power, robed in white radiance, these parent "Morning Stars" shine more brightly than a thousand suns. They are creators in that the creative ray, the *fohatic* "dart", the arrow of Eros, is by them as "bowmen" directed to its mark, which in the beginning is that region of space in which the universe is to appear. Throughout its formation and growth they continue to direct the fiery ray which, "bursting" into innumerable, whirling shafts of force brings atoms into being. Primordial atoms are of one kind alone. They form the upper layer of each of the seven degrees of density of matter of which the seven worlds or planes are formed. Different atomic combinations form different substances or chemical elements in both the noumenal and phenomenal aspects of the

quyền năng vũ trụ, mặc áo bằng bức xạ trắng, các "Sao Mai" cha mẹ này sáng hơn một ngàn mặt trời. Họ là những đấng sáng tạo ở chỗ cung sáng tạo, "mũi lao" *fohat*, mũi tên của Ái Thần, do họ như những "cung thủ" hướng đến mục tiêu của nó, mà lúc khởi đầu là vùng không gian nơi vũ trụ sẽ xuất hiện. Trong suốt sự hình thành và tăng trưởng của vũ trụ ấy, họ tiếp tục điều hướng cung lửa vốn, khi "bùng vỡ" thành vô số trục mãnh lực xoáy tròn, đưa các nguyên tử vào hiện hữu. Các nguyên tử nguyên thủy chỉ có một loại duy nhất. Chúng tạo thành lớp trên của mỗi một trong bảy cấp độ đậm đặc của vật chất, từ đó bảy thế giới hay cõi được hình thành. Những tổ hợp nguyên tử khác nhau tạo thành những chất liệu khác nhau hay các nguyên tố hóa học khác nhau trong cả các phương diện bản thể và hiện

universe. The atom-forming power is *Fohat.* The directors of the process are the Sephira of Will and its Emanations.

tượng của vũ trụ. Quyền năng tạo nguyên tử là *Fohat.* Những vị điều khiển tiến trình này là Sephira của Ý Chí và các Xuất lộ của vị ấy.

In full self-consciousness, the Will-Archangels wield this mighty power. In diminishing degrees, angels of will perform their parts. Pure instinct guides the nature spirits in their functions as servants of the One Will. These are the gnomes, the elementalis of earth.

Trong ngã thức trọn vẹn, các Tổng Thiên Thần của Ý Chí vận dụng quyền năng hùng mạnh này. Ở những mức độ giảm dần, các thiên thần của ý chí thực hiện phần việc của mình. Bản năng thuần khiết hướng dẫn các tinh linh tự nhiên trong chức năng phụng sự Ý Chí Duy Nhất. Đó là các gnome, các hành khí của đất.

THE SONS OF WISDOM – NHỮNG NGƯỜI CON CỦA MINH TRIẾT

The Sephira of Wisdom and its "sons" embody and make manifest the principles of cohesion, balance, harmony, inherent in *Fohat* and all that it creates. They also direct the vitalising currents of solar energy by which atomic combinations, molecules, substances and forms are given co-ordination and life. They are called Sons of Wisdom, because Intelligences which blend and harmonise are ever wise. They consciously maintain the balanced equipoise of Nature's several and diverse parts. Each enfolds vast regions within its aura and serves as both vehicle and container for outrushing and returning *fohatic* shafts of power.

Xê-phi-ra của Minh Triết và các "người con" của nó hiện thân và làm biểu hiện các nguyên khí cố kết, cân bằng, hài hòa, vốn nội tại trong *Fohat* và trong mọi điều mà nó sáng tạo. Các Ngài cũng điều khiển những dòng sinh lực của năng lượng thái dương, nhờ đó các tổ hợp nguyên tử, phân tử, chất liệu và hình tướng được phối hợp và được ban sự sống. Các Ngài được gọi là Những Người Con của Minh Triết, vì những Trí Tuệ biết hòa hợp và điều hòa thì bao giờ cũng minh triết. Các Ngài hữu thức duy trì sự quân bình thăng bằng của những phần khác nhau và đa dạng trong Thiên Nhiên. Mỗi vị bao bọc những vùng rộng lớn trong hào quang của mình và phụng sự vừa như vận cụ vừa như bình chứa cho những tia quyền năng Fohat phóng ra và trở về.

These activities of the Sons of Wisdom and other Sephiras were portrayed in the language of the Mysteries as creative intercourse, lawful or unlawful, between Gods and Goddesses and as the progeny supposedly produced. Sephirothal functions and the resulting natural phenomena were thus explained by allegory and fable which, revealing the sacred truths to the sanctified, concealed them from the profane. For such has ever been the method of the Mysteries.

Những hoạt động này của các Người Con của Minh Triết và các Xê-phi-ra khác được diễn tả trong ngôn ngữ của các Bí Pháp như sự giao hợp sáng tạo, hợp luật hoặc phi luật, giữa các Nam Thần và Nữ Thần, cùng hậu duệ được cho là do đó sinh ra. Như vậy, các chức năng Xê-phi-rốt và những hiện tượng tự nhiên phát sinh được giải thích bằng ngụ ngôn và huyền thoại; những điều ấy mặc khải các chân lý thiêng liêng cho người đã được thánh hóa, đồng thời che giấu chúng khỏi kẻ phàm tục. Vì đó luôn là phương pháp của các Bí Pháp.

Angels of Wisdom serve in regions of lesser dimensions and deeper density. Nature spirits

Các thiên thần của Minh Triết phụng sự trong những vùng có kích thước nhỏ hơn và mật độ

of water as a subtle element, the great container and conductor in Nature, instinctively play their parts in the outermost regions and densest states of substance in the universe.

sâu hơn. Các tinh linh tự nhiên của nước, như một nguyên tố vi tế, bình chứa và chất dẫn lớn trong Thiên Nhiên, theo bản năng thực hiện phần việc của mình trong những vùng ngoài cùng và các trạng thái chất liệu đậm đặc nhất của vũ trụ.

THE SONS OF INTELLIGENCE – NHỮNG NGƯỜI CON CỦA TRÍ TUỆ

The Thought that slept as a potency throughout creative Night awoke at Dawn to find embodiment in the most tenuous of all substance, pre-atomic Space. When, thereafter, *Fohat* formed the first atoms, Mind directed their formation. When atoms blended into denser substance, Mind ordered the pattern of their cohesion. When elements appeared, it was Mind that conceived them. When forms followed, Mind fashioned them according to a transcendental "dream" from which it had awakened at Dawn. Mind is the Artist-Crafts-man of the universe.

Tư Tưởng từng ngủ yên như một tiềm lực suốt Đêm sáng tạo đã thức dậy lúc Bình Minh để tìm sự hiện thân trong chất liệu vi tế nhất trong mọi chất liệu, Không Gian tiền nguyên tử. Sau đó, khi *Fohat* tạo thành những nguyên tử đầu tiên, Trí Tuệ điều khiển sự hình thành của chúng. Khi các nguyên tử hòa trộn thành chất liệu đậm đặc hơn, Trí Tuệ sắp đặt mô hình cố kết của chúng. Khi các nguyên tố xuất hiện, chính Trí Tuệ đã quan niệm chúng. Khi các hình tướng tiếp nối, Trí Tuệ tạo tác chúng theo một "giấc mộng" siêu việt mà từ đó nó đã thức dậy lúc Bình Minh. Trí Tuệ là Nghệ Sĩ-Thợ Thủ Công của vũ trụ.

The Sephira of Mind, through and from itself, brought forth innumerable progeny, the Angelic Hosts of Mind from which, in their turn, came forth sylphs and nature spirits, fairies and all the aerial hosts. These serve the Universal Mind. These fashion Nature's outer garb. These conceive and, plane by plane, mentally project the Archetypes, until the densest world is reached and earthly forms appear.

Xê-phi-ra của Trí Tuệ, xuyên qua và từ chính nó, đã sinh ra vô số hậu duệ, các Đạo Quân Thiên Thần của Trí Tuệ; từ các đạo quân ấy, đến lượt mình, phát sinh các sylph và tinh linh tự nhiên, các tiên nữ và mọi đạo quân của khí. Các vị này phụng sự Vũ Trụ Trí. Các vị này tạo tác lớp áo ngoài của Thiên Nhiên. Các vị này quan niệm và, từng cõi một, phóng chiếu bằng trí tuệ các Nguyên Mẫu, cho đến khi đạt tới thế giới đậm đặc nhất và các hình tướng trần thế xuất hiện.

The Universal Mind is omnipresent. With the Egyptians, the God Tehuti, Sephira of Thought and Law, was its symbol and embodiment, preceding in time yet standing behind the creative Logos, ram-headed Amen Ra. Upon his palette he both calculates and records the cosmic cycles and the Nights and Days of Ra. Even *Fohat* is obedient to the Sephira of Thought, the Lord of Number and of Law,

Vũ Trụ Trí hiện diện khắp nơi. Đối với người Ai Cập, Thần Tehuti, Xê-phi-ra của Tư Tưởng và Định Luật, là biểu tượng và hiện thân của nó, có trước trong thời gian nhưng đứng đằng sau Thượng Đế sáng tạo, Amen Ra đầu cừu. Trên bảng ghi của Ngài, Ngài vừa tính toán vừa ghi lại các chu kỳ vũ trụ và những Đêm cùng Ngày của Ra. Ngay cả *Fohat* cũng vâng phục Xê-phi-ra của Tư Tưởng, Chúa Tể của Con Số và Định Luật,

GODS AND GODDESSES – CÁC NAM THẦN VÀ NỮ THẦN

Each Sephira is assisted by its twin. Every Archangel has its counterpart which is the animate "shadow" of itself, its duplicate. All Gods thus have Goddess consorts who are spiritual embodiments and expressions of their powers, just as the Gods themselves are in their turn embodied Universal Power in one or more of its many aspects. The last three of the seven Sephiras are the reflections of the first three, their Goddesses, though each is a mighty individual Intelligence which, in this and preceding universes, has evolved to its present high degree.

Mỗi Xê-phi-ra đều được đối phần song sinh trợ giúp. Mỗi Tổng Thiên Thần có đối phần của mình, là "bóng" sống động của chính mình, bản sao của mình. Vì thế mọi Nam Thần đều có phối ngẫu Nữ Thần, là những hiện thân tinh thần và biểu hiện của quyền năng các Ngài, cũng như chính các Nam Thần, đến lượt mình, là Quyền Năng Vũ Trụ được hiện thân trong một hay nhiều phương diện của nó. Ba Xê-phi-ra cuối trong bảy Xê-phi-ra là phản chiếu của ba Xê-phi-ra đầu, là các Nữ Thần của chúng, dù mỗi vị là một Trí Tuệ cá biệt hùng mạnh, đã tiến hoá đến cấp độ cao hiện nay trong vũ trụ này và trong những vũ trụ trước.

Each of the seven Sephiras is an Official, appointed to an office in the government of the universe. Each is a specialist in one group of creative activities, an expert in creative processes, with special powers in one of the seven "fields".

Mỗi trong bảy Xê-phi-ra là một Vị Chức Trách, được bổ nhiệm vào một chức vụ trong sự cai quản vũ trụ. Mỗi vị là chuyên gia trong một nhóm hoạt động sáng tạo, một bậc tinh thông trong các tiến trình sáng tạo, với những quyền năng đặc biệt trong một trong bảy "lĩnh vực".

Sephirothal Intelligences are great beyond the comprehension of man. Will and thought are virtually omnipotent in them. By means of these two agencies they establish and maintain throughout creative Day those regions within the circumscribed field at which sun and planets will later be built. Throughout the periods of densification from pure Spirit-Matter to physical sun and globes, and the subsequent progressive etherealisation back to the original pure state, the concentration by which these phenomena are produced is perfectly sustained. Perpetually creating according to numerical law by the action of unified will-thought, the Sephiras are the motionless Lords whose concentration is unbroken and unwavering throughout the whole period of creative activity.

Các Trí Tuệ Xê-phi-rốt vĩ đại vượt ngoài sự hiểu biết của con người. Ý chí và tư tưởng nơi các Ngài hầu như toàn năng. Bằng hai tác nhân này, các Ngài thiết lập và duy trì suốt Ngày sáng tạo những vùng trong phạm vi đã được giới hạn, nơi mặt trời và các hành tinh về sau sẽ được xây dựng. Suốt các thời kỳ cô đặc hóa từ Tinh Thần-Vật Chất thuần khiết đến mặt trời và các bầu hành tinh hồng trần, rồi sự tinh luyện dĩ thái tăng tiến sau đó trở về trạng thái thuần khiết nguyên thủy, sự tập trung tạo ra những hiện tượng này được duy trì hoàn hảo. Không ngừng sáng tạo theo định luật số học bằng tác động của ý chí-tư tưởng hợp nhất, các Xê-phi-ra là những Chúa Tể bất động, có sự tập trung không gián đoạn và không dao động trong suốt toàn bộ thời kỳ hoạt động sáng tạo.

CHAPTER II THE ANGELS OF BEAUTY, MIND AND FIRE – CHƯƠNG II CÁC THIÊN THẦN CỦA VẺ ĐẸP, TRÍ TUỆ VÀ LỬA

THE first three Sephiras; those of Will, Wisdom and Intelligence, are the primaries. The last three are their secondaries. The fourth represents the linking principle between these two groups. The power of the three primaries and the "responses" of the three secondaries all pass through the intermediate fourth Sephira. The interplay between such mighty Powers, the interflow between the three spiritual and three material Sephiras, sets up a stress in the interspace. Lines of force are formed in primordial substance, and it is these which provide the major and minor Archetypes, the living geometrical models upon which all forms are founded.

Ba Xê-phi-ra đầu tiên; tức các Xê-phi-ra của Ý Chí, Minh Triết và Trí Tuệ, là những nguyên cấp. Ba Xê-phi-ra cuối là các thứ cấp của chúng. Xê-phi-ra thứ tư biểu thị nguyên khí nối kết giữa hai nhóm này. Quyền năng của ba nguyên cấp và các "đáp ứng" của ba thứ cấp đều đi qua Xê-phi-ra thứ tư trung gian. Sự tương tác giữa những Quyền Năng hùng mạnh như thế, dòng chảy tương nhập giữa ba Xê-phi-ra tinh thần và ba Xê-phi-ra vật chất, tạo nên một sức căng trong khoảng giữa. Các tuyến mãnh lực được hình thành trong chất liệu nguyên sơ, và chính chúng cung cấp các Nguyên Mẫu chính và phụ, những mô hình hình học sống động mà trên đó mọi hình tướng được đặt nền.

The fourth Sephira is therefore an Official of supreme significance. Amid the creative stress it must maintain the predetermined "forms", the parent and the offspring Archetypes. Maintenance of rhythm and of pre-chosen frequencies of oscillation in the interplay between the apparently opposing primaries and secondaries, are the preoccupation of the fourth Sephira and its subordinates. All the powers, attributes, offices and activities of the six Sephiras must be possessed and mastered by the fourth, which has to contain and direct them according to numerical Law. The mind of man perceives products of these labours of the fourth Sephira as the order and the beauty of the universe.

Vì vậy, Xê-phi-ra thứ tư là một Vị Chức Trách có thâm nghĩa tối thượng. Giữa sức căng sáng tạo, vị này phải duy trì những "hình tướng" đã được định trước, các Nguyên Mẫu cha mẹ và hậu duệ. Việc duy trì nhịp điệu và các tần số dao động đã được chọn trước trong sự tương tác giữa các nguyên cấp và thứ cấp dường như đối lập là mối bận tâm của Xê-phi-ra thứ tư và các vị dưới quyền. Tất cả quyền năng, thuộc tính, chức vụ và hoạt động của sáu Xê-phi-ra phải được Xê-phi-ra thứ tư sở hữu và làm chủ, và vị này phải chứa đựng cũng như điều khiển chúng theo Định Luật số học. Thể trí của con người nhận biết các sản phẩm từ những công việc này của Xê-phi-ra thứ tư như trật tự và vẻ đẹp của vũ trụ.

In concentric spheres from the innermost to the outermost, or from the topmost rung of the sephirothal ladder to its lowest, the fashioners of forms labour in the workshop-studio, which is the objective universe. Their tool is creative fire; their medium creatively impregnated substance. The Source of the power and the genius with which they work is creative Intelligence, active also in both tool

Trong các khối cầu đồng tâm từ trong cùng đến ngoài cùng, hoặc từ bậc cao nhất của chiếc thang Xê-phi-rốt đến bậc thấp nhất, các vị tạo tác hình tướng lao động trong xưởng-nghiên cứu, tức vũ trụ khách quan. Công cụ của các Ngài là lửa sáng tạo; môi trường của các Ngài là chất liệu được thụ thai một cách sáng tạo. Nguồn của quyền năng và thiên tài mà các Ngài dùng để làm việc là Trí Tuệ sáng tạo,

and medium. From the centre to the arm-tips of the fiery, six-armed cross formed of the six paths followed by the forthgoing and returning creative energy, the fourth Sephira and its Emanations are omnipresent and ceaselessly at work.

cũng hoạt động trong cả công cụ lẫn môi trường. Từ trung tâm đến tận đầu các cánh tay của thập giá sáu tay bằng lửa, được tạo nên bởi sáu con đường mà năng lượng sáng tạo đi ra và trở về noi theo, Xê-phi-ra thứ tư và các Xuất lộ của nó hiện diện khắp nơi và không ngừng làm việc.

The Contemplative Lord itself stands at the centre whence all arms radiate, all force arises. From it all force flashes and to it all force returns. Archangels and angels have their stations along the arms at increasing distances from the naked power. Nature spirits, like dancing motes within a beam, dwell at the outer ends. Yet all are one. Archangels, angels and nature spirits are but emanations and embodiments of the One Life within their own sephirothal Source. Being thus at one, all are moved solely by impulses arising in that Source and are obedient to a single sephirothal thought and will.

Chính Chúa Tể Chiêm Ngưỡng đứng ở trung tâm, nơi mọi cánh tay tỏa ra và mọi mãnh lực phát sinh. Từ vị ấy mọi mãnh lực lóe ra, và về vị ấy mọi mãnh lực trở lại. Các Tổng Thiên Thần và thiên thần có vị trí của mình dọc theo các cánh tay ở những khoảng cách ngày càng xa quyền năng trần trụi. Các tinh linh tự nhiên, như những hạt bụi nhảy múa trong một tia sáng, cư ngụ ở các đầu ngoài. Tuy vậy, tất cả đều là một. Các Tổng Thiên Thần, thiên thần và tinh linh tự nhiên chỉ là những xuất lộ và hiện thân của Sự Sống Duy Nhất trong Nguồn Xê-phi-rốt riêng của họ. Vì hợp nhất như thế, tất cả chỉ được thúc đẩy bởi những xung lực phát sinh trong Nguồn ấy và vâng phục một tư tưởng cùng một ý chí Xê-phi-rốt duy nhất.

THE SEPHIRA OF MIND-FORMS – XÊ-PHI-RA CỦA CÁC HÌNH TƯỚNG TRÍ TUỆ

The fifth Sephira and all its Hosts are the first conceivers of evolving forms. Through the mind of this mighty One, the divine Ideations pass from the archetypal to the concrete state. Time, the deceiver, confines the limitless and the timeless within thiat prison-house, the "walls" of which are built of thousands of centuries. Past, present and future imprison therein that divine Thought which for the third Sephira is durational, for the second is everlasting and for the first is eternal. With one foot, as it were, in time and one in timelessness, the fourth Sephira links the form and the formless states, makes possible the transference of divine Ideation from the non-evolving Archetype into myriads of evolving forms. At first these local, temporal

Xê-phi-ra thứ năm và toàn thể các Đạo Quân của vị ấy là những vị đầu tiên quan niệm các hình tướng đang tiến hoá. Qua thể trí của Đấng hùng mạnh này, các Ý niệm thiêng liêng đi từ trạng thái nguyên mẫu sang trạng thái cụ thể. Thời gian, kẻ lừa dối, giam giữ cái vô hạn và phi thời gian trong ngục thất ấy, mà "tường" của nó được xây bằng hàng nghìn thế kỷ. Quá khứ, hiện tại và tương lai giam giữ trong đó Tư Tưởng thiêng liêng vốn, đối với Xê-phi-ra thứ ba, là kéo dài trong thời hạn; đối với Xê-phi-ra thứ hai, là trường tồn; và đối với Xê-phi-ra thứ nhất, là vĩnh cửu. Như thể một chân đặt trong thời gian và một chân trong phi thời gian, Xê-phi-ra thứ tư nối kết trạng thái có hình tướng và vô hình tướng, làm cho việc chuyển dịch Ý niệm thiêng liêng từ

forms are faulty, crude and imperfect. At last they are faultless, finished, flawless.

Nguyên Mẫu không tiến hoá vào vô số hình tướng đang tiến hoá trở nên khả hữu. Ban đầu, những hình tướng cục bộ, thời gian này còn khiếm khuyết, thô sơ và bất toàn. Sau cùng, chúng trở nên không khiếm khuyết, hoàn tất, hoàn mỹ.

The processes of perfecting forms are directed by the fifth Sephira, beneath whom, rank upon rank, labour Archangels, angels and nature spirits. These beings do not create the forms. Divine Ideation from within the One Life, through the third Sephira, gives birth to parental Archetypes. These "breathe" upon the virgin waters of lower space and "speak" the archetypal "Word". Space conceives and slowly brings forth the separate forms, the potentiality of which resides forever in divine Thought.

Các tiến trình hoàn thiện hình tướng do Xê-phi-ra thứ năm điều khiển; bên dưới vị ấy, từng cấp bậc một, các Tổng Thiên Thần, thiên thần và tinh linh tự nhiên lao động. Những sinh linh này không sáng tạo các hình tướng. Ý niệm thiêng liêng từ bên trong Sự Sống Duy Nhất, xuyên qua Xê-phi-ra thứ ba, sinh ra các Nguyên Mẫu cha mẹ. Các Nguyên Mẫu này "thở" trên những dòng nước trinh nguyên của không gian thấp và "xướng" "Linh từ" nguyên mẫu. Không gian thụ thai và chậm rãi sinh ra các hình tướng riêng biệt, mà tiềm năng của chúng cư ngụ mãi mãi trong Tư Tưởng thiêng liêng.

These first, time-prisoned forms, life-filled and developing, appearing as if spontaneously in the mind-stuff of the universe, are immediately subjected to two processes by the fifth Sephira and its Hosts. Their shape is improved and, in successive cycles, they are projected into the astral and physical regions where the sixth and seventh Sephiras preside. There they are perfected and hardened, polished and densified by the combined activities of the last three Sephiras and their Hosts. They first appear as thought-forms, imperfect, ill-formed. Life-filled and with dawning sentiency, they are clothed in denser substance. Fully hardened or manifest as densest physical, like plaster models cast in bronze, their deepest density is in course of time attained. Thus are born planets. Ultimately, they die and disintegrate; but their life and ideal forms are preserved and projected anew into their successors.

Những hình tướng đầu tiên bị giam trong thời gian này, đầy sự sống và đang phát triển, xuất hiện như thể tự phát trong chất liệu trí tuệ của vũ trụ, lập tức chịu hai tiến trình do Xê-phi-ra thứ năm và các Đạo Quân của vị ấy thực hiện. Hình dạng của chúng được cải thiện và, trong các chu kỳ liên tiếp, chúng được phóng chiếu vào các vùng cảm dục và hồng trần, nơi Xê-phi-ra thứ sáu và thứ bảy chủ trì. Tại đó chúng được hoàn thiện và làm cứng lại, được đánh bóng và cô đặc hóa bởi hoạt động phối hợp của ba Xê-phi-ra cuối và các Đạo Quân của các vị ấy. Trước hết chúng xuất hiện như các hình tư tưởng, bất toàn, dị dạng. Đầy sự sống và với cảm năng đang ló dạng, chúng được khoác bằng chất liệu đậm đặc hơn. Khi đã hoàn toàn cứng lại hoặc biểu hiện như hồng trần đậm đặc nhất, giống như các mô hình thạch cao được đúc bằng đồng, mật độ sâu nhất của chúng theo thời gian được đạt tới. Như vậy các hành tinh được sinh ra. Sau cùng, chúng chết và tan rã; nhưng sự sống và các hình tướng lý tưởng của chúng được bảo tồn và phóng chiếu

lại vào những hình tướng kế thừa.

The sephirothal labours do not cease. The perfection implicit within the imperfect dominates the resistant substance. Matter becomes more malleable, thought more formative, life more sentient, as forms improve. Eventually thought becomes omnipotent. The sevenfold sephirothal "Word" is then "made flesh" and finally in full perfection "dwells among us", or is made materially manifest.

Các công việc Xê-phi-rốt không ngừng nghỉ. Sự hoàn thiện tiềm ẩn trong cái bất toàn chế ngự chất liệu kháng cự. Vật chất trở nên dễ uốn nắn hơn, tư tưởng có sức tạo hình hơn, sự sống có cảm năng hơn, khi các hình tướng được cải thiện. Cuối cùng, tư tưởng trở nên toàn năng. Bấy giờ "Linh từ" Xê-phi-rốt thất phân được "làm thành xác thịt" và sau cùng, trong sự hoàn thiện trọn vẹn, "ở giữa chúng ta", hay được biểu hiện bằng vật chất.

The fifth Sephira is thus responsible for the mental reproduction in form of abstract creative Ideation, which has passed.Through he archetypal stage under the third Sephira. This all-inclusive, single thought-form, which divides into myriads of separate forms, must be mentally maintained throughout *Manvantara.* No break in the concentration of the will-thought of the fifth Sephira must mar the projection and evolution to perfection of the universe of concrete forms.

Như vậy, Xê-phi-ra thứ năm chịu trách nhiệm về sự tái tạo bằng trí tuệ trong hình tướng của Ý niệm sáng tạo trừu tượng, vốn đã đi qua giai đoạn nguyên mẫu dưới quyền Xê-phi-ra thứ ba. Hình tư tưởng đơn nhất, bao gồm tất cả này, phân chia thành vô số hình tướng riêng biệt, phải được duy trì bằng trí tuệ suốt *Giai kỳ sinh hóa.* Không một đứt đoạn nào trong sự tập trung của ý chí-tư tưởng của Xê-phi-ra thứ năm được phép làm hỏng sự phóng chiếu và tiến hoá đến hoàn thiện của vũ trụ các hình tướng cụ thể.

Divine thought is embodied in this mighty One. He is Lord of Mind, the embodiment of the directive Intelligence of the "formal" universe. In one sense he is the universe of thought, the One Mind, and of him all other minds are part, being contained within him and being expressions of himself. The power of this Being is that of Universal Will expressed as thought, or *Fohat-Atma-Manas.*

Tư tưởng thiêng liêng được hiện thân trong Đấng hùng mạnh này. Ngài là Chúa Tể của Trí Tuệ, hiện thân của Trí Tuệ chỉ đạo trong vũ trụ "hình tướng". Theo một nghĩa, Ngài là vũ trụ của tư tưởng, là Trí Tuệ Duy Nhất, và mọi trí khác đều là một phần của Ngài, được chứa đựng trong Ngài và là những biểu hiện của chính Ngài. Quyền năng của Sinh Mệnh này là Ý Chí Vũ Trụ được biểu hiện như tư tưởng, hay *Fohat-Atma-Manas.*

THE ELEMENT OF FIRE – NGUYÊN TỐ LỬA

The third Sephira is the innermost Soul of the fifth, which is its manifested Power. Fire is their element. The third Sephira is as white heat, the fifth is as its flame-like radiation. Actually there is neither heat nor flame above the physical world. Hot masses and rising flames, caused physically by combustion of certain elements, have no superphysical

Xê-phi-ra thứ ba là Linh hồn trong cùng của Xê-phi-ra thứ năm, vốn là Quyền Năng biểu hiện của nó. Lửa là nguyên tố của các vị ấy. Xê-phi-ra thứ ba như sức nóng trắng, Xê-phi-ra thứ năm như bức xạ dạng ngọn lửa của sức nóng ấy. Thật ra, không có sức nóng hay ngọn lửa nào bên trên thế giới hồng trần. Các khối nóng và những ngọn lửa bốc lên, về mặt hồng

counterparts. There is no superphysical burning of substance with consequent change of form. Physical fire and flame are the denser counterparts of a subtle universal element, the intelligence, power and activity of which are those of the third and fifth Sephiras. This is a mystery and more may not here be said, except that physical flame is a temporary and local manifestation of the deific Presence, and more particularly of the third and fifth Aspects and Emanations of Deity. Each divine Aspect is outwardly manifest as a Being, an Intelligence whose full nature is beyond human comprehension, save in states of lofty contemplation when divine Immanence is perceived and the divine Transcendence intuitively discerned.

trần do sự cháy của một số nguyên tố gây ra, không có đối phần siêu hồng trần. Không có sự cháy siêu hồng trần của chất liệu với biến đổi hình tướng theo sau. Lửa và ngọn lửa hồng trần là các đối phần đậm đặc hơn của một nguyên tố vũ trụ vi tế, mà trí tuệ, quyền năng và hoạt động của nó là của Xê-phi-ra thứ ba và thứ năm. Đây là một huyền nhiệm và không thể nói thêm ở đây, ngoại trừ rằng ngọn lửa hồng trần là một biểu hiện tạm thời và cục bộ của Sự Hiện Diện thần linh, và đặc biệt hơn là của các Phương diện và Xuất lộ thứ ba và thứ năm của Thượng Đế. Mỗi Phương diện thiêng liêng biểu hiện bên ngoài như một Sinh Mệnh, một Trí Tuệ mà bản chất trọn vẹn vượt ngoài sự hiểu biết của con người, trừ trong các trạng thái chiêm ngưỡng cao cả khi Nội Tại Tính thiêng liêng được nhận biết và Siêu Việt Tính thiêng liêng được trực giác phân biện.

Fire on earth, then, is an expression of divine Intelligence, a localised manifestation of Universal Mind: it is that one of the four modes of manifestation on the physical plane which constitutes the electro-magnetic "soul" of physical substance. The somewhat conical, tongue-like shape of a flame is symbolical of this third Aspect of Deity, for in vertical section it is triangular. The triangle is the archetypal "form" of the fire element, and therefore of the third Sephira.

Vậy, lửa trên Trái Đất là một biểu hiện của Trí Tuệ thiêng liêng, một biểu hiện được định vị của Vũ Trụ Trí: đó là một trong bốn phương thức biểu hiện trên cõi hồng trần, cấu thành "linh hồn" điện-từ của chất liệu hồng trần. Hình dạng hơi nón, giống chiếc lưỡi của ngọn lửa là biểu tượng của Phương diện thứ ba này của Thượng Đế, vì trong mặt cắt dọc nó có dạng tam giác. Tam giác là "hình tướng" nguyên mẫu của nguyên tố lửa, và do đó của Xê-phi-ra thứ ba.

The fifth Sephira transfers the Fire Aspect of Deity to the formal world, where in man it becomes manifest mentally as thought-power, emotionally as desire and physically as heat. In all the varied expressions of the Fire Aspect in Nature and in man, the fifth Sephira is intimately involved as the ensouling Being who is the Mind of Nature.

Xê-phi-ra thứ năm chuyển Phương diện Lửa của Thượng Đế sang thế giới hình tướng, nơi trong con người nó biểu hiện về mặt trí tuệ như quyền năng tư tưởng, về mặt cảm xúc như dục vọng và về mặt hồng trần như sức nóng. Trong mọi biểu hiện đa dạng của Phương diện Lửa trong Thiên Nhiên và trong con người, Xê-phi-ra thứ năm liên hệ mật thiết như Sinh Mệnh phú linh, Đấng là Trí Tuệ của Thiên Nhiên.

The process of physical combustion which produces the impressions of fire, flame and heat upon the senses and mind of man excites

Tiến trình cháy hồng trần, vốn tạo ra các ấn tượng về lửa, ngọn lửa và sức nóng trên giác quan và thể trí của con người, kích thích

into hyper-activity the superphysical noumenon of fire, the Fire Aspect of Deity preponderant in the fifth Sephira. This ensouling fire-principle of Nature has its major embodiment in that Being and in his brother, the third Sephira, who is the noumenon of the noumenon, the soul of the soul, of physical fire.

nguyên tượng siêu hồng trần của lửa vào trạng thái siêu hoạt động, tức Phương diện Lửa của Thượng Đế vốn trội vượt trong Xê-phi-ra thứ năm. Nguyên khí lửa phú linh này của Thiên Nhiên có hiện thân chính trong Sinh Mệnh ấy và trong huynh đệ của Ngài, Xê-phi-ra thứ ba, Đấng là nguyên tượng của nguyên tượng, linh hồn của linh hồn, của lửa hồng trần.

The fifth Sephira, in its turn, is composed of and manifested as innumerable Fire-Gods, Archangels, angels and nature spirits. This vast Host is in perpetual creative activity, continually occupied in the tranference of the *fohatic* fire, the cosmic creative fire-force, from its primal source throughout the five planes of present manifestation.

Đến lượt mình, Xê-phi-ra thứ năm được cấu thành bởi và biểu hiện như vô số Thần Lửa, Tổng Thiên Thần, thiên thần và tinh linh tự nhiên. Đạo Quân bao la này ở trong hoạt động sáng tạo không ngừng, liên tục bận rộn với việc chuyển lửa Fohat, mãnh lực-lửa sáng tạo vũ trụ, từ nguồn nguyên thủy của nó xuyên suốt năm cõi của biểu hiện hiện tại.

The fire of *Fohat* is the agent whereby "virgin" matter is made responsive to and reproductive of the archetypal products of divine Ideation. Cosmic fire, which is no burning flame or heat but a form of electrical energy, is the impregnating agency by the action of which root Substance produces universes and all which they contain. The nature and the shape of those products are decided by a combination of numerical law and divine Thought. Cosmic fire and cosmic mind are therefore intimately related throughout *Manvantara.* No form can come into phenomenal existence without the combined action of both.

Lửa của *Fohat* là tác nhân nhờ đó vật chất "trinh nguyên" trở nên đáp ứng với và có khả năng tái tạo các sản phẩm nguyên mẫu của Ý niệm thiêng liêng. Lửa vũ trụ, vốn không phải ngọn lửa cháy hay sức nóng mà là một dạng năng lượng điện, là tác nhân thụ thai; bằng tác động của nó, Chất Liệu gốc sinh ra các vũ trụ và mọi điều chúng chứa đựng. Bản chất và hình dạng của những sản phẩm ấy do sự kết hợp giữa định luật số học và Tư Tưởng thiêng liêng quyết định. Vì vậy, lửa vũ trụ và trí tuệ vũ trụ liên hệ mật thiết trong suốt *Giai kỳ sinh hóa.* Không hình tướng nào có thể đi vào hiện hữu hiện tượng nếu không có tác động phối hợp của cả hai.

At the physical level, incandescence and flame constitute a release, and therefore an expression, of the creative fire-mind. The degree of the release is dependent upon the amount of material in which incandescence is physically produced. The extent of the expression of *fohatic* fire, and of the fifth and third Sephiras and their Hosts, is also governed by the size of the fire and the degree of incandescence.

Ở cấp độ hồng trần, sự nóng sáng và ngọn lửa cấu thành một sự giải phóng, và do đó là một biểu hiện, của lửa-trí tuệ sáng tạo. Mức độ giải phóng tùy thuộc vào lượng vật liệu trong đó sự nóng sáng được tạo ra về mặt hồng trần. Phạm vi biểu hiện của lửa Fohat, và của Xê-phi-ra thứ năm cùng thứ ba và các Đạo Quân của các vị ấy, cũng chịu sự chi phối của kích thước ngọn lửa và mức độ nóng sáng.

When a fire is kindled, or a match struck, and inflammable substance reduced to ashes, a release occurs on the physical plane of superphysically manifested creative fire. It is this release which acts as an excitant to nature spirits of fire, under which they play and revel exultantly in the physical manifestation of their element.

Khi một ngọn lửa được nhóm lên, hoặc một que diêm được đánh cháy, và chất dễ cháy bị biến thành tro, trên cõi hồng trần xảy ra một sự giải phóng của lửa sáng tạo đã biểu hiện siêu hồng trần. Chính sự giải phóng này tác động như một chất kích thích đối với các tinh linh tự nhiên của lửa, dưới tác động ấy chúng vui chơi và hân hoan trong biểu hiện hồng trần của nguyên tố mình.

In order that conjoined cosmic fire and mind may create physical forms, the four other elements of earth, water, air and ether as subtle elements and potencies must also be present, thus completing the five elements essential to the production of natural forms. In physical fire, the subtle element of fire preponderates excessively and is almost exclusively active. Destruction of form, and not construction, is the inevitable result.

Để lửa và trí tuệ vũ trụ kết hợp có thể sáng tạo các hình tướng hồng trần, bốn nguyên tố khác là đất, nước, khí và dĩ thái, như các nguyên tố và tiềm lực vi tế, cũng phải hiện diện, nhờ đó hoàn tất năm nguyên tố thiết yếu cho việc sản sinh các hình tướng tự nhiên. Trong lửa hồng trần, nguyên tố vi tế của lửa trội vượt quá mức và gần như hoạt động độc quyền. Sự phá hủy hình tướng, chứ không phải sự kiến tạo, là kết quả tất yếu.

CHAPTER III LIFE AND FORM – CHƯƠNG III SỰ SỐNG VÀ HÌNH TƯỚNG

THE SIXTH SEPHIRA – XÊ-PHI-RA THỨ SÁU

THE conjoined Power and Life of the Solar System, manifested as the second Sephira, the solar Lord of Wisdom and all its "sons", find expression as the Life Principle of the material worlds. The One Life of Nature, discrete though it may appear when conceived and viewed from below, is a co-ordinated vehicle for an Intelligence, which is the sixth Sephira. Just as the second Sephira directs the vitalising currents of solar energy at higher levels, so the sixth serves as an expression of the One Life at lower levels including the physical world.

Quyền Năng và Sự Sống kết hợp của hệ mặt trời, biểu hiện như Xê-phi-ra thứ hai, Chúa Tể thái dương của Minh Triết và tất cả các "người con" của Ngài, tìm thấy sự biểu hiện như Nguyên Khí Sự Sống của các thế giới vật chất. Sự Sống Duy Nhất của Thiên Nhiên, dù có thể có vẻ rời rạc khi được quan niệm và nhìn từ bên dưới, là một vận cụ được phối hợp cho một Trí Tuệ, tức Xê-phi-ra thứ sáu. Cũng như Xê-phi-ra thứ hai điều khiển các dòng sinh lực của năng lượng thái dương ở các cấp độ cao hơn, Xê-phi-ra thứ sáu phụng sự như một biểu hiện của Sự Sống Duy Nhất ở các cấp độ thấp hơn, bao gồm cả thế giới hồng trần.

The ocean of the One Life has its shores, which are the physical universe, against which its waves beat continuously in rhythmic pulse. As a beach becomes saturated more and more fully with the rising tides, so physical matter is saturated increasingly with

Đại dương của Sự Sống Duy Nhất có những bờ bến của nó, tức vũ trụ hồng trần, nơi các làn sóng của nó liên tục vỗ vào theo nhịp điệu. Như một bãi biển ngày càng thấm đẫm hơn bởi thủy triều dâng, vật chất hồng trần cũng ngày càng thấm đẫm lưu chất tiếp sinh lực,

the vitalising fluid, which is the One Life. Evolution for physical substance implies an increase in its vital content, a fuller saturation with the One Life, which is continually conveyed into it by the second and sixth Sephiras.

tức Sự Sống Duy Nhất. Tiến hoá đối với chất liệu hồng trần hàm ý sự gia tăng nội dung sinh lực của nó, sự thấm đẫm đầy đủ hơn bởi Sự Sống Duy Nhất, vốn liên tục được Xê-phi-ra thứ hai và thứ sáu truyền vào nó.

The first created, solid physical substance is relatively lifeless. In the beginning its life-content is very low. As evolution proceeds, matter gradually becomes increasingly vitalised; component atoms convey and contain greater proportions of Spirit-Life. They then combine more readily into forms which, in their turn, become proportionately more responsive to thought. Metaphorically, as the tide rises, the degree of saturation increases. High watermark represents the fullest physical manifestation attained in any creative cycle by Spirit-Life and its embodiments, the first, second and sixth Sephiras. Saturation point is reached when physical substance becomes most responsive to thought and most easily moulded by it. Thereafter, the One Mind, as third and fifth Sephiras, finds in every kind of physical substance a highly plastic medium in which to fashion the concepts and products of divine Ideation. All Nature then displays the most perfect adaptation to universal Thought, whether manifested in Sephirothal Hosts or individualised as man.

Chất liệu hồng trần rắn, được sáng tạo đầu tiên, tương đối không có sự sống. Ban đầu nội dung sự sống của nó rất thấp. Khi tiến hoá tiếp diễn, vật chất dần dần được tiếp sinh lực ngày càng nhiều; các nguyên tử cấu thành truyền dẫn và chứa đựng những tỷ lệ lớn hơn của Tinh Thần-Sự Sống. Khi ấy chúng kết hợp dễ dàng hơn thành các hình tướng, và đến lượt mình, các hình tướng ấy trở nên đáp ứng hơn tương ứng với tư tưởng. Nói ẩn dụ, khi thủy triều dâng, mức độ thấm đẫm tăng lên. Dấu nước cao biểu thị sự biểu hiện hồng trần đầy đủ nhất đạt được trong bất cứ chu kỳ sáng tạo nào bởi Tinh Thần-Sự Sống và các hiện thân của nó, tức Xê-phi-ra thứ nhất, thứ hai và thứ sáu. Điểm bão hòa đạt được khi chất liệu hồng trần trở nên đáp ứng nhất với tư tưởng và dễ được tư tưởng uốn nắn nhất. Sau đó, Trí Tuệ Duy Nhất, như Xê-phi-ra thứ ba và thứ năm, tìm thấy trong mọi loại chất liệu hồng trần một môi trường rất dẻo để tạo tác các quan niệm và sản phẩm của Ý niệm thiêng liêng. Khi ấy toàn thể Thiên Nhiên biểu lộ sự thích ứng hoàn hảo nhất với Tư Tưởng vũ trụ, dù biểu hiện trong các Đạo Quân Xê-phi-rốt hay được biệt ngã hóa như con người.

Such, in part, is the "work" of the sixth Sephira and its component Hosts, from Archangels of the solar, vital fluid to the nature spirit inhabitants and embodiments of the subtle element of water. In simplest terms, these beings serve as conductors of *Fohat,* throughout the physical universe, the "life-blood" of Mother Nature by which she is herself sustained and by which she nourishes her children.

Đó, một phần, là "công việc" của Xê-phi-ra thứ sáu và các Đạo Quân cấu thành của vị ấy, từ các Tổng Thiên Thần của lưu chất thái dương, sinh lực, đến các cư dân tinh linh tự nhiên và hiện thân của nguyên tố vi tế nước. Nói đơn giản nhất, những sinh linh này phụng sự như các chất dẫn của *Fohat,* xuyên suốt vũ trụ hồng trần, là "máu sống" của Mẹ Thiên Nhiên, nhờ đó chính bà được duy trì và nhờ đó bà nuôi dưỡng con cái mình.

UNDINES AND SYLPHS—EMANATIONS OF THE SIXTH SEPHIRA – CÁC UNDINE VÀ SYLPH—NHỮNG XUẤT LỘ CỦA XÊ-PHI-RA THỨ SÁU

Innumerable "arteries" and "veins" convey throughout the universe from sun to planets and from planets back to sun the vital electricity, which is its life-blood. Thus the sun is the "heart", the universe the "body". Archangels are interplanetary "transformers" and "transmitters". Angels are planetary "receivers" and "transmitters", and nature spirits are the last superphysical recipients of the charge. This they contain as long as they can and then release or discharge it into the ethenc counterpart of Nature. From there, the physical "beach" or molecular "sands" absorb it and all Nature is thus vitalised, all substance rendered malleable. The Eternal Oblation is fulfilled.

Vô số "động mạch" và "tĩnh mạch" truyền dẫn khắp vũ trụ, từ mặt trời đến các hành tinh và từ các hành tinh trở lại mặt trời, dòng điện sinh lực vốn là máu sống của nó. Như vậy mặt trời là "trái tim", vũ trụ là "thân thể". Các Tổng Thiên Thần là những "máy biến thế" và "máy truyền dẫn" liên hành tinh. Các thiên thần là những "máy thu" và "máy truyền" hành tinh, còn tinh linh tự nhiên là những nơi tiếp nhận siêu hồng trần cuối cùng của điện tích. Chúng chứa đựng điện tích này lâu nhất có thể rồi giải phóng hay phóng xả nó vào đối phần dĩ thái của Thiên Nhiên. Từ đó, "bãi biển" hồng trần hay "cát" phân tử hấp thụ nó, và như vậy toàn thể Thiên Nhiên được tiếp sinh lực, mọi chất liệu trở nên dễ uốn nắn. Sự Hiến Dâng Vĩnh Cửu được hoàn tất.

Intense pleasure is felt by undines and sylphs as they perform their function of recipients and dischargers of solar life. They become filled with ecstasy as they carry out to the limit of their capacity the three functions of absorption of life-force, its retention and compression, and its discharge into their immediate surroundings. This is their life, this their "work", which, as with all nature spirits, is for them but continuous play and, though they do not know it, evolutionary progress is the result. To increase their own joy in this participation in Nature's processes, they try continually to increase their capacity to absorb and retain the vital charge as long as possible. The resultant heightened compression produces an increasingly more powerful, and therefore more joy-producing, discharge.

Các undine và sylph cảm thấy khoái lạc mãnh liệt khi thực hiện chức năng tiếp nhận và phóng xả sự sống thái dương. Chúng tràn đầy xuất thần khi thực hiện đến giới hạn khả năng của mình ba chức năng: hấp thụ sinh lực, giữ lại và nén chặt sinh lực ấy, rồi phóng xả nó vào môi trường chung quanh trực tiếp. Đây là sự sống của chúng, đây là "công việc" của chúng, mà cũng như với mọi tinh linh tự nhiên, đối với chúng chỉ là cuộc vui chơi liên tục; và dù chúng không biết điều đó, kết quả là sự tiến bộ tiến hoá. Để gia tăng niềm vui của chính mình trong sự tham dự vào các tiến trình của Thiên Nhiên, chúng liên tục cố gắng tăng khả năng hấp thụ và giữ điện tích sinh lực càng lâu càng tốt. Sự nén chặt gia tăng do đó tạo nên một sự phóng xả ngày càng mạnh hơn, và vì vậy càng đem lại nhiều hoan hỉ hơn.

Evolutionary stature for all the Sephirothal Hosts is measured by their capacity to absorb, contain and compress. As they are thus engaged from dawn to eve of *Manvantara,* their ability to exercise these three functions

Tầm vóc tiến hoá của tất cả các Đạo Quân Xê-phi-rốt được đo bằng khả năng hấp thụ, chứa đựng và nén chặt của các vị ấy. Vì các vị ấy tham dự vào việc này từ bình minh đến hoàng hôn của *Giai kỳ sinh hóa,* năng lực thực hiện ba

steadily increases. This, for them, is the way of evolutionary progression, which is marked by an increase both in bodily stature and extension of aura.

chức năng này của họ tăng trưởng đều đặn. Đối với họ, đây là con đường tiến bộ tiến hoá, được đánh dấu bằng sự gia tăng cả về tầm vóc thân thể lẫn sự mở rộng của hào quang.

The nature spirit, for example, when first it emanates from its parent-angel, may measure but an inch or two in the vertical and horizontal diameters of its aura. The continuing practice throughout vast ages of the absorption, retention and discharge of the electric life of the sun steadily increases the size of both the spherical aura and the once minute, but ever lovely, form within.

Ví dụ, tinh linh tự nhiên, khi mới xuất lộ từ thiên thần cha mẹ của nó, có thể chỉ đo được một hoặc hai inch theo đường kính dọc và ngang của hào quang. Sự thực hành liên tục trong những thời đại bao la về việc hấp thụ, giữ lại và phóng xả sự sống điện của mặt trời đều đặn làm tăng kích thước của cả hào quang hình cầu lẫn hình tướng từng nhỏ bé, nhưng luôn đẹp đẽ, bên trong.

THE VISIBLE UNIVERSE – VŨ TRỤ HỮU HÌNH

The seventh Sephira is the Lord of all Nature, which is its physical garment. It is immanent throughout this physical vesture, every atom being created and sustained by the power of which both Sephira and universe are the embodiment and manifestation.

Xê-phi-ra thứ bảy là Chúa Tể của toàn thể Thiên Nhiên, vốn là y phục hồng trần của vị ấy. Vị ấy nội tại khắp lớp áo hồng trần này, mỗi nguyên tử đều được sáng tạo và duy trì bởi quyền năng mà cả Xê-phi-ra lẫn vũ trụ đều là hiện thân và biểu hiện.

Fohat is the creator. Mind is the designer. Matter is the medium in which creative Spirit fashions the external universe. Not one form in Nature, from atom to similarly spinning planet, comes into existence save as an outcome of the creative Activity of the fire of *Fohat,* the fashioning mind of Spirit, and the receptive, responsive and productive attributes of matter. For this is the eternal, creative Trinity. This is God, the Father, Son and Mother.

Fohat là đấng sáng tạo. Trí Tuệ là đấng thiết kế. Vật chất là môi trường trong đó Tinh Thần sáng tạo tạo tác vũ trụ bên ngoài. Không một hình tướng nào trong Thiên Nhiên, từ nguyên tử đến hành tinh cũng quay tương tự, đi vào hiện hữu ngoại trừ như kết quả của Hoạt Động sáng tạo của lửa *Fohat,* thể trí tạo tác của Tinh Thần, và các thuộc tính tiếp nhận, đáp ứng và sinh sản của vật chất. Vì đây là Ba Ngôi sáng tạo vĩnh cửu. Đây là Thượng Đế, Cha, Con và Mẹ.

The universe is sevenfold. So also must be and are both the active potency and the action of the triple God. Through the agency of the seven Emanations, each the product of a combination of the three supernal Aspects, the Logos "creates" the seven densities which primordial Substance assumes under *fohatic* action and influence. The seventh of these Powers, the seventh Sephira, is a mighty Representative of the Logos at the level of density of the element of earth, and is

Vũ trụ là thất phân. Do đó, cả tiềm lực hoạt động lẫn hành động của Thượng Đế tam phân cũng phải và thật sự là thất phân. Qua tác nhân của bảy Xuất lộ, mỗi Xuất lộ là sản phẩm của một kết hợp giữa ba Phương diện thiên thượng, Thượng Đế "sáng tạo" bảy mật độ mà Chất Liệu nguyên thủy khoác lấy dưới tác động và ảnh hưởng Fohat. Quyền Năng thứ bảy trong các Quyền Năng này, Xê-phi-ra thứ bảy, là một Đại Diện hùng mạnh của Thượng Đế ở cấp độ mật độ của nguyên tố đất, và biểu

manifested to the senses of man as atom-built, physical substance. Co-ordination is the predominant power of this Sephira, and the construction and maintenance of physical forms throughout their appropriate time-cycles are its preponderant activity. This task of construction and preservation is fulfilled from within the life-currents of atoms and the forms into which they are built. For therein the deific Presence is enshrined.

hiện cho giác quan của con người như chất liệu hồng trần được xây bằng nguyên tử. Sự phối hợp là quyền năng nổi trội của Xê-phi-ra này, và việc kiến tạo cùng duy trì các hình tướng hồng trần trong suốt các chu kỳ thời gian thích hợp là hoạt động trội vượt của vị ấy. Nhiệm vụ kiến tạo và bảo tồn này được hoàn thành từ bên trong các dòng sự sống của nguyên tử và của những hình tướng được xây bằng chúng. Vì trong đó Sự Hiện Diện thần linh được tôn trí.

The Immanence of God, His indwelling Presence throughout physical Nature, is made manifest as the power, the life and the consciousness of the seventh Sephira. The Transcendence of God is expressed by the remaining Six, each of whom is as the transcendent Logos of the plane immediately below it. Beyond the Seven are Three who constitute the supernal Trinity of the universe. Immanent within these Three, and again transcendent beyond, is that incomprehensible One Alone, which is the first Emanation from the Absolute. Within THAT reside all potencies. From THAT emanate all ideation, power and life. By THAT all worlds are created and sustained. To THAT, in due time according to numerical law, all return.

Nội Tại Tính của Thượng Đế, Sự Hiện Diện nội cư của Ngài trong khắp Thiên Nhiên hồng trần, được biểu hiện như quyền năng, sự sống và tâm thức của Xê-phi-ra thứ bảy. Siêu Việt Tính của Thượng Đế được biểu hiện bởi Sáu vị còn lại, mỗi vị như Thượng Đế siêu việt của cõi ngay bên dưới mình. Bên ngoài Bảy vị là Ba vị cấu thành Ba Ngôi thiên thượng của vũ trụ. Nội tại trong Ba vị này, và lại siêu việt bên ngoài, là Đấng Duy Nhất Đơn Độc không thể hiểu thấu, tức Xuất lộ đầu tiên từ Tuyệt Đối. Trong ĐẤNG ẤY cư ngụ mọi tiềm lực. Từ ĐẤNG ẤY phát xuất mọi ý niệm, quyền năng và sự sống. Bởi ĐẤNG ẤY mọi thế giới được sáng tạo và duy trì. Về ĐẤNG ẤY, đúng thời theo định luật số học, tất cả đều trở về.

This One Alone is the Supreme Transcendence, the Primordial Mover "above the surface" of—actually within— pre-cosmic Space. The first "movement" sets going all creative processes, which continue throughout *Manvantara,* just as a pendulum set swinging by a single impulse continues to swing. But the measure of the oscillation and the duration of its continuance depend upon the strength of the initial impulse and the decrees of numerical law. As that agent which imparts to the pendulum that first swing no longer acts, so THAT which imparts to pre-cosmic Substance the first creative impulse no

Đấng Duy Nhất Đơn Độc này là Siêu Việt Tối Cao, Đấng Chuyển Động Nguyên Thủy "bên trên bề mặt" của—thật ra là ở bên trong— Không Gian tiền vũ trụ. "Chuyển động" đầu tiên khởi động mọi tiến trình sáng tạo, vốn tiếp tục suốt *Giai kỳ sinh hóa,* giống như một con lắc được một xung lực duy nhất làm cho dao động thì tiếp tục dao động. Nhưng biên độ dao động và thời gian kéo dài của nó tùy thuộc vào sức mạnh của xung lực ban đầu và các sắc lệnh của định luật số học. Như tác nhân truyền cho con lắc cú dao động đầu tiên ấy không còn tác động nữa, ĐẤNG ẤY, Đấng truyền cho Chất Liệu tiền vũ trụ xung lực sáng

longer acts directly upon the resultant Cosmos. THAT remains, transcendent and alone. Yet from THAT all creation springs; by THAT all creation is moved and lives; in THAT all is contained; to THAT all returns; for, in terms of the outward Cosmos, THAT is infinite and eternal.

tạo đầu tiên, cũng không còn tác động trực tiếp lên Vũ Trụ phát sinh. ĐẤNG ẤY vẫn còn đó, siêu việt và đơn độc. Tuy vậy, từ ĐẤNG ẤY mọi tạo vật phát sinh; bởi ĐẤNG ẤY mọi tạo vật được chuyển động và sống; trong ĐẤNG ẤY tất cả được chứa đựng; về ĐẤNG ẤY tất cả trở về; vì, xét theo Vũ Trụ bên ngoài, ĐẤNG ẤY là vô hạn và vĩnh cửu.

The seventh Sephira and its Hosts are the outermost recipients and manifestors of the creative impulse imparted by the One Alone. They represent the extreme limit of the pendulum's swing. Divine Ideation is the core of the being of the seventh Sephira, which is conjoined Spirit-Mind incarnate. According to the archetypal image existent within divine Thought, the seventh Sephira fashions physical Nature. In this process the whole tenfold Sephiroth is involved. All Sephiras converge and are synthesised in the seventh and its form-producing activity. The One Alone, the Sacred Nine and Universal Law contrive to produce that ultimate wonder of the Cosmos which is physically fashioned divine Ideation, the material universe. The seventh Sephira, who is the tenth if the supernal Three be included, is a synthesis of all, as also is its outer garb, the natural world; for the conjoined whole of the Powers is contained within atom, molecule and form of the physical plane.

Xê-phi-ra thứ bảy và các Đạo Quân của vị ấy là những vị tiếp nhận và biểu hiện ngoài cùng của xung lực sáng tạo do Đấng Duy Nhất Đơn Độc truyền ban. Các vị ấy biểu thị giới hạn cực điểm của cú dao động của con lắc. Ý niệm thiêng liêng là lõi của bản thể Xê-phi-ra thứ bảy, vốn là Tinh Thần-Trí Tuệ kết hợp đang lâm phàm. Theo hình ảnh nguyên mẫu hiện hữu trong Tư Tưởng thiêng liêng, Xê-phi-ra thứ bảy tạo tác Thiên Nhiên hồng trần. Trong tiến trình này, toàn bộ Xê-phi-rốt thập phân đều tham dự. Mọi Xê-phi-ra hội tụ và được tổng hợp trong Xê-phi-ra thứ bảy và hoạt động tạo hình tướng của vị ấy. Đấng Duy Nhất Đơn Độc, Chín Đấng Thiêng Liêng và Định Luật Vũ Trụ cùng phối hợp để tạo ra điều kỳ diệu tối hậu của Vũ Trụ, tức Ý niệm thiêng liêng được tạo tác về mặt hồng trần, vũ trụ vật chất. Xê-phi-ra thứ bảy, là vị thứ mười nếu tính cả Ba vị thiên thượng, là một tổng hợp của tất cả, cũng như lớp áo ngoài của vị ấy, thế giới tự nhiên; vì toàn thể kết hợp của các Quyền Năng được chứa đựng trong nguyên tử, phân tử và hình tướng của cõi hồng trần.

THE ARCHETYPE – NGUYÊN MẪU

Nature's varied forms have their origin in Universal Mind, which is the third expression of the manifested One, as Will and Life are the first and second. The idea of every form arises spontaneously within Universal Mind, as a manifestation under numerical law of that portion of Cosmic Ideation which is to be expressed within a single universe. In origin and "seed", all forms are one. That one form

Các hình tướng đa dạng của Thiên Nhiên có nguồn gốc trong Vũ Trụ Trí, vốn là biểu hiện thứ ba của Đấng Duy Nhất đã biểu hiện, cũng như Ý Chí và Sự Sống là biểu hiện thứ nhất và thứ hai. Ý tưởng về mỗi hình tướng phát sinh tự phát trong Vũ Trụ Trí, như một biểu hiện dưới định luật số học của phần Ý niệm Vũ Trụ sẽ được biểu hiện trong một vũ trụ riêng biệt. Về nguồn gốc và "hạt giống", mọi hình tướng

may be mentally—and therefore imperfectly and incompletely— conceived as a point within a sphere. The point is the germ. The sphere is the egg. From these two, creative centre and circumscribed region, the universe evolves.

là một. Hình tướng duy nhất ấy có thể được quan niệm bằng trí tuệ—và vì thế một cách bất toàn và không trọn vẹn—như một điểm trong một khối cầu. Điểm là mầm. Khối cầu là trứng. Từ hai điều này, trung tâm sáng tạo và vùng được giới hạn, vũ trụ tiến hoá.

Multiplicity of form arises from the single germ or Archetype, as creative Will and Life move outwards from the centre into the field. The potentialities within the germ then begin to become actualities. The latent combinations and permutations of the several components of the germ, each expressive of universal Ideation, become operative influences, as divine Thought seeks external expression as form.

Tính đa dạng của hình tướng phát sinh từ mầm duy nhất hay Nguyên Mẫu, khi Ý Chí và Sự Sống sáng tạo chuyển động ra ngoài từ trung tâm vào trường. Khi ấy, những tiềm năng trong mầm bắt đầu trở thành hiện thực. Các tổ hợp và hoán vị tiềm ẩn của nhiều thành phần trong mầm, mỗi thành phần biểu hiện Ý niệm vũ trụ, trở thành những ảnh hưởng tác động, khi Tư Tưởng thiêng liêng tìm kiếm sự biểu hiện bên ngoài như hình tướng.

The “still” thought of the universe is in essence single; its active thought is multiple. The timeless, changeless Archetype, whilst containing the potentiality of all forms, is itself a single “creation” or projection from divine Ideation. As its vibrating energies, or “chords”, impinge upon the external, enclosing matter, mental forms arise therein. These forms are gradually densified and at the same time diversified. At the physical level the extreme of both density and diversity is attained. Nature there displays her greatest variety as thought after thought of the divine Mind becomes manifest. Thus the One becomes the many, which arise from within the One.

Tư tưởng “tĩnh” của vũ trụ, về bản chất, là đơn nhất; tư tưởng hoạt động của nó là đa dạng. Nguyên Mẫu phi thời gian, bất biến, tuy chứa đựng tiềm năng của mọi hình tướng, tự nó là một “sáng tạo” hay phóng chiếu đơn nhất từ Ý niệm thiêng liêng. Khi các năng lượng rung động của nó, hay các “hợp âm”, tác động lên vật chất bên ngoài bao bọc, các hình tướng trí tuệ phát sinh trong đó. Những hình tướng này dần dần được cô đặc hóa và đồng thời được đa dạng hóa. Ở cấp độ hồng trần, cực điểm của cả mật độ lẫn tính đa dạng đều đạt được. Tại đó, Thiên Nhiên biểu lộ sự phong phú lớn nhất của mình khi hết tư tưởng này đến tư tưởng khác của Trí Tuệ thiêng liêng trở nên biểu hiện. Như vậy Đấng Duy Nhất trở thành cái nhiều, vốn phát sinh từ bên trong Đấng Duy Nhất.

THE FAIRY BUILDERS OF FORM – CÁC TIÊN KIẾN TẠO HÌNH TƯỚNG

The ultimate fashioners of form are the nature spirits of the element of earth—gnome and brownie—assisted by those of air—fairy and sylph. Unconsciously they aid the designer, Universal Thought, by playing in the fields of force set up by the impact of creative energy as “sound” upon responsive, fructified

Các vị tạo tác hình tướng tối hậu là những tinh linh tự nhiên của nguyên tố đất—gnome và brownie—được trợ giúp bởi các tinh linh của khí—tiên và sylph. Một cách vô thức, chúng trợ giúp đấng thiết kế, Tư Tưởng Vũ Trụ, bằng cách vui chơi trong các trường mãnh lực được tạo lập do tác động của năng lượng sáng tạo

matter. This establishment of fields of force of varied geometrical designs occurs, not in dense substance, but in the ether which is both mould and matrix of all forms, Mother Nature's womb. Pleasure is gained by nature spirits in moving, dancing and flying along the lines of force within the fields. This fairy motion accentuates these lines in the ether, as does a pencil line drawn again and again on paper.

như "âm thanh" lên vật chất đáp ứng và đã được thụ tinh. Việc thiết lập các trường mãnh lực với những thiết kế hình học đa dạng này xảy ra không phải trong chất liệu đậm đặc, mà trong dĩ thái, vốn vừa là khuôn vừa là ma trận của mọi hình tướng, tử cung của Mẹ Thiên Nhiên. Các tinh linh tự nhiên đạt được khoái lạc khi di chuyển, nhảy múa và bay dọc theo các tuyến mãnh lực trong các trường. Chuyển động tiên linh này làm nổi bật các tuyến ấy trong dĩ thái, giống như một đường bút chì được vẽ đi vẽ lại trên giấy.

All elements meet at the physical level. All nature spirits participate through play and movement along the lines of force, save those of fire who are associated with the currents of creative energy by which the fields of force are set up. Gnome and brownie, fairy and sylph, unconsciously play their part in the slow production of Nature's forms in etheric and solid matter. The aerial hosts begin the work. Gnomes, brownies and the like within the earth ultimately fashion the purely solid, densest forms.

Mọi nguyên tố gặp nhau ở cấp độ hồng trần. Mọi tinh linh tự nhiên tham dự qua vui chơi và chuyển động dọc theo các tuyến mãnh lực, ngoại trừ các tinh linh của lửa, vốn liên hệ với các dòng năng lượng sáng tạo nhờ đó các trường mãnh lực được thiết lập. Gnome và brownie, tiên và sylph, một cách vô thức, đóng phần của mình trong sự sản sinh chậm rãi các hình tướng của Thiên Nhiên trong vật chất dĩ thái và rắn. Các đạo quân của khí bắt đầu công việc. Các gnome, brownie và những sinh linh tương tự trong đất sau cùng tạo tác các hình tướng thuần rắn, đậm đặc nhất.

The secret of these workers in mineral, metal, jewel and organic forms, is Nature's own and may not be revealed to man, it is said, outside her Sanctuaries, and there only to those who first have willingly lent themselves to the Goddess as co-workers in her "quarries" without thought or hope of reward. The apprentice master-builder learns very gradually, and by experiment, these thaumaturgic secrets of the creation of forms by Will-Thought in co-operation with the Sephirothal Hosts. They can no more be conveyed in words alone than can the secrets of success in any art. They must be discovered, or arise within the craftsman's mind as he experiments.

Bí mật của những người hoạt động này trong các hình tướng khoáng vật, kim loại, ngọc quý và hữu cơ là của chính Thiên Nhiên và, người ta nói, không thể được mặc khải cho con người bên ngoài các Thánh Điện của bà; và tại đó cũng chỉ cho những ai trước hết đã tự nguyện hiến mình cho Nữ Thần như những người cộng tác trong các "mỏ đá" của bà mà không nghĩ tới hay hy vọng phần thưởng. Người học việc của bậc đại kiến tạo học rất từ từ, và bằng thực nghiệm, những bí mật thần thông này về sự sáng tạo hình tướng bằng Ý Chí-Tư Tưởng trong hợp tác với các Đạo Quân Xê-phi-rốt. Chúng không thể được truyền đạt chỉ bằng lời nói, cũng như các bí mật thành công trong bất cứ nghệ thuật nào. Chúng phải được khám phá, hoặc phát sinh trong thể trí của người thợ khi y thực nghiệm.

The little workmen are everywhere and ceaselessly at work. No smallest form of any kind appears unassociated with a builder of form, in none of whom can a thought of self arise. Individuality is not born in them. Inwardly moved by the action within them of Universal Thought, which is their Mother Source, and of their sephirothal senior, their life is one of thought-free, spontaneous play within and with the currents of creative energy flowing through them and their subtle element.

Những người thợ nhỏ bé ở khắp nơi và không ngừng làm việc. Không một hình tướng nhỏ nhất thuộc bất kỳ loại nào xuất hiện mà không liên hệ với một đấng kiến tạo hình tướng; trong không ai trong số họ có thể phát sinh một tư tưởng về bản ngã. Cá thể tính chưa được sinh ra nơi họ. Được thúc đẩy từ bên trong bởi tác động trong họ của Tư Tưởng Vũ Trụ, vốn là Nguồn Mẹ của họ, và của vị trưởng thượng Xê-phi-rốt của họ, đời sống của họ là sự vui chơi tự phát, không tư tưởng, bên trong và cùng với các dòng năng lượng sáng tạo chảy xuyên qua họ và nguyên tố vi tế của họ.

CHAPTER IV THE SEPHIROTHAL TREE – CHƯƠNG IV CÂY XÊ-PHI-RỐT

THE Kabbalah has been variously described as an unwritten or oral tradition, as the esoteric doctrine of the Jewish religion and as the hidden wisdom or theosophy of the Hebrew Rabbis of the Middle Ages, who obtained it from the older secret doctrines concerning divine truths and cosmogony.

Ca-ba-la đã được mô tả theo nhiều cách: như một truyền thống bất thành văn hay khẩu truyền, như giáo lý huyền bí của tôn giáo Do Thái, và như minh triết ẩn giấu hay Thông Thiên Học của các Giáo sĩ Do Thái thời Trung Cổ, những người đã tiếp nhận nó từ các giáo lý bí truyền cổ xưa hơn liên quan đến các chân lý thiêng liêng và vũ trụ luận.

The Hebrew word is derived from the root QBL, “to receive”. Included in the meaning of the word, therefore, is the practice of transmitting esoteric knowledge by word of mouth. On examination, the Kabbalah proves to be a system of theosophy which claims to be of celestial origin and to have reached the early Hebrew patriarchs through the ministry of the angels. King David and King Solomon are said to have been initiated into the Kabbalah, and Rabbi Simeon Ben Jochai daringly took the step of writing a portion of the teachings down at the time of the destruction of the second Temple. His son, Rabbi Eleazar, his secretary and his disciples gathered together his treatises and from them composed the Zohar, meaning “Splendour”, which is the literary source of Kabbalism.

Từ Do Thái này có nguồn gốc từ căn từ QBL, “tiếp nhận”. Vì vậy, trong ý nghĩa của từ này có bao hàm thực hành truyền đạt tri thức huyền bí bằng lời nói. Khi khảo sát, Ca-ba-la tỏ ra là một hệ thống Thông Thiên Học tuyên bố có nguồn gốc thiên giới và đã đến với các tổ phụ Do Thái thuở đầu qua sự phụng sự của các thiên thần. Người ta nói Vua Đa-vít và Vua Sa-lô-môn đã được điểm đạo vào Ca-ba-la, và Giáo sĩ Si-mê-ôn Ben Giô-khai đã táo bạo thực hiện bước ghi chép một phần giáo huấn vào thời điểm Đền Thờ thứ hai bị phá hủy. Con trai ông, Giáo sĩ Ê-lê-a-da, thư ký của ông và các đệ tử của ông đã tập hợp các luận thuyết của ông và từ đó biên soạn nên Sách Huy Hoàng, nghĩa là “Huy Hoàng”, vốn là nguồn văn học của Ca-ba-la giáo.

THE TEN ORDERS OF ANGELS – MƯỜI ĐẲNG CẤP THIÊN THẦN

The Angelic Hosts occupy an important place in the cosmogonical scheme of the Kabbalah. Ten Orders are associated with the ten Sephiras, which constitute the kabbalistic Tree of Life. They are regarded as Emanations of Deity, each Sephira representing a number, a group of exalted ideas, titles and attributes, and a hierarchy of spiritual beings outside of humanity. Each Sephira has a fourfold nature according to its association with each of the four worlds of the Kabbalist. These are: "Atziluth", the Archetypal World, or World of Emanations, the Divine World; "Briah", the World of Creation, also called Khorsis, the World of Thrones; "Yetzirah", the World of Formation and of Angels; "Assiah", the World of Action, the World of Matter.

Các Đạo Quân Thiên Thần giữ một vị trí quan trọng trong hệ thống vũ trụ luận của Ca-ba-la. Mười Đẳng Cấp được liên kết với mười Xê-phi-ra, vốn cấu thành Cây Sự Sống Ca-ba-la. Các vị ấy được xem là các Xuất lộ của Thượng Đế, mỗi Xê-phi-ra biểu thị một con số, một nhóm ý tưởng cao cả, danh hiệu và thuộc tính, cùng một huyền giai các sinh linh tinh thần ở ngoài nhân loại. Mỗi Xê-phi-ra có bản chất tứ phân theo sự liên hệ của nó với mỗi trong bốn thế giới của nhà Ca-ba-la. Đó là: "Thế Giới Xuất Lộ", Thế Giới Nguyên Mẫu, hay Thế Giới của các Xuất Lộ, Thế Giới Thiêng Liêng; "Thế Giới Sáng Tạo", Thế Giới Sáng Tạo, cũng gọi là Khorsis, Thế Giới của các Ngai; "Thế Giới Tạo Hình", Thế Giới Tạo Hình và của các Thiên Thần; "Thế Giới Hành Động", Thế Giới Hành Động, Thế Giới Vật Chất.

In Atziluth, the Sephiras manifest through ten different aspects represented by the ten holy names of God in the Hebrew Scriptures. In Briah, the Sephiras manifest through the ten Archangels. In Yetzirah, they manifest through the Choirs or Hosts of the Angels. In Assiah, and especially on the physical plane, they are associated with the physical planets and the subtle elements of which they are said to be composed. By correspondence they are also associated with the *chakras* in the etheric double of man and their related glandular and nerve centres.

Trong Thế Giới Xuất Lộ, các Xê-phi-ra biểu hiện qua mười phương diện khác nhau, được biểu thị bởi mười thánh danh của Thượng Đế trong Kinh Thánh Do Thái. Trong Thế Giới Sáng Tạo, các Xê-phi-ra biểu hiện qua mười Tổng Thiên Thần. Trong Thế Giới Tạo Hình, các vị ấy biểu hiện qua các Ca Đoàn hay Đạo Quân Thiên Thần. Trong Thế Giới Hành Động, và đặc biệt trên cõi hồng trần, các vị ấy được liên kết với các hành tinh hồng trần và các nguyên tố vi tế mà người ta nói các vị ấy được cấu thành. Theo tương ứng, các vị ấy cũng được liên kết với các *luân xa* trong bản sao dĩ thái của con người và các trung tâm tuyến cùng thần kinh liên hệ của chúng.

The Sephiras are also depicted as circles. As Proclus says: "Before the mathematical numbers, there are the *self-moving* numbers; before the figures apparent, the vital figures, and before producing the material worlds *which move in a circle*, the Creative Power produced the invisible circles." At the head of each hierarchy of spiritual Intelligences is a named Archangel, under whom are

Các Xê-phi-ra cũng được mô tả như các vòng tròn. Như Proclus nói: "Trước các con số toán học, có các con số *tự-chuyển động*; trước các hình thể hữu hình, có các hình thể sinh động; và trước khi tạo ra các thế giới vật chất *chuyển động theo vòng tròn*, Quyền Năng Sáng Tạo đã tạo ra các vòng tròn vô hình." Đứng đầu mỗi huyền giai Trí Tuệ tinh thần là một Tổng Thiên Thần có danh xưng, bên dưới vị ấy là

gradations of angels who perform significant functions in the emanation, formation, preservation and transformation of a universe.

các cấp bậc thiên thần thực hiện những chức năng quan trọng trong sự xuất lộ, tạo hình, bảo tồn và chuyển đổi một vũ trụ.

The Christian religion, which contains much kabbalistic thought, teaches that there are nine Orders of angels called, severally, Angels and Archangels, Thrones, Dominations, Principalities, Virtues, Powers, Cherubim and Seraphim.Certain qualities and activities are assigned to each of these Orders. Angels and Archangels are sent as messengers in matters of high importance, as were Gabriel and Raphael. Thrones contemplate the glory and equity of the divine judgments and teach men to rule with justice. Dominations are supposed to regulate the activities and duties of the angels. Principalities preside over peoples and provinces and serve as angelic rulers of the nations of the world. Virtues have the gift of working miracles. Powers are a check on evil spirits. Cherubim excel in the splendour of knowledge and so enlighten mankind with wisdom; and the Seraphim, being most ardent in divine love, inspire mankind with that quality. In nearly all the Biblical accounts of men's visions of God, He is described as transcendent in glory and surrounded by countless multitudes of His angels.

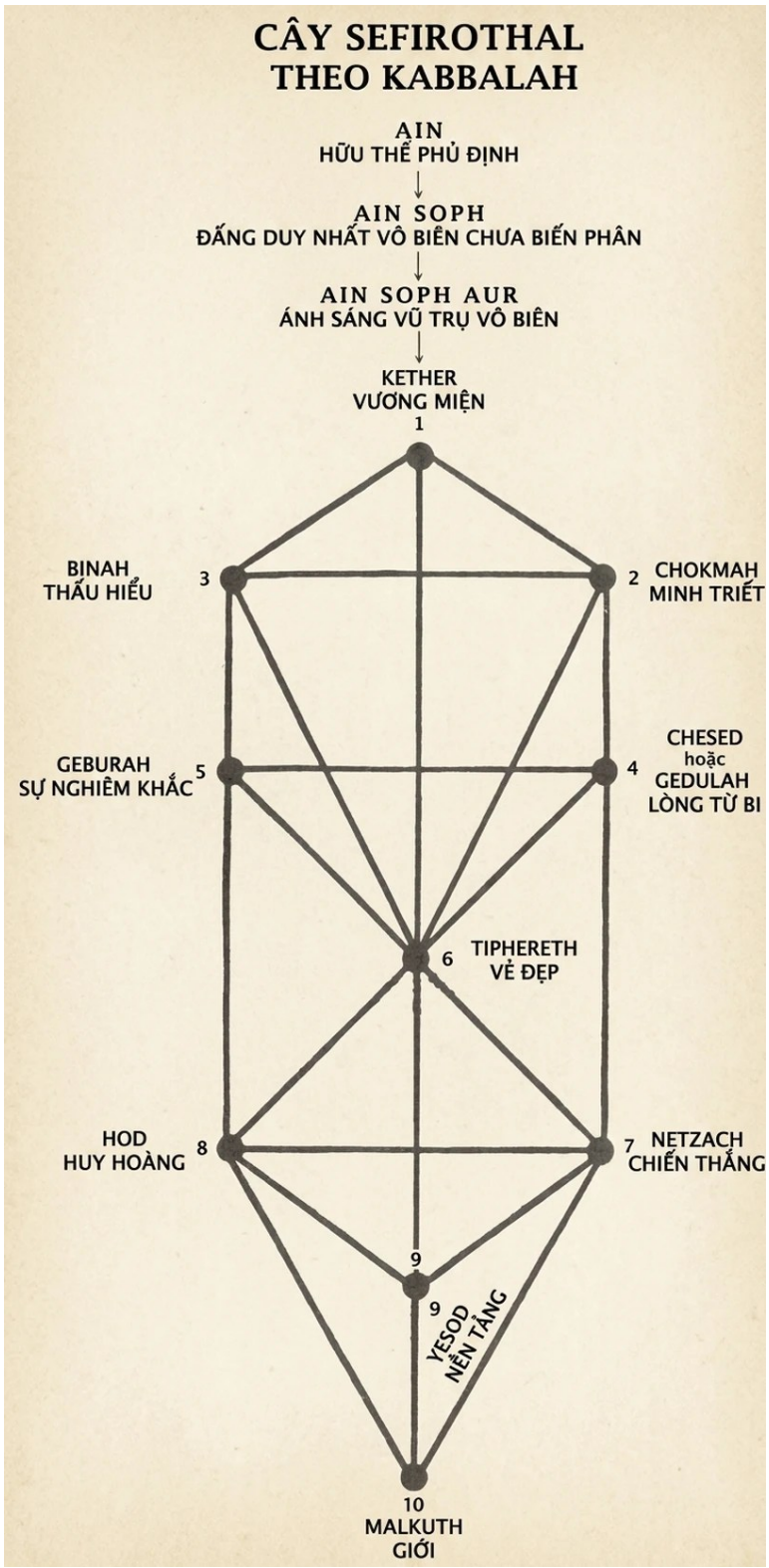
Tôn giáo Cơ Đốc, vốn chứa đựng nhiều tư tưởng Ca-ba-la, dạy rằng có chín Đẳng Cấp thiên thần, lần lượt được gọi là Thiên Thần và Tổng Thiên Thần, Ngai, Chủ Quyền, Lãnh Đạo, Đức Năng, Quyền Năng, Cherubim và Seraphim. Một số phẩm tính và hoạt động được gán cho mỗi Đẳng Cấp này. Thiên Thần và Tổng Thiên Thần được phái đi như sứ giả trong những việc có tầm quan trọng cao, như Gabriel và Raphael đã từng được phái đi. Các Ngai chiêm ngưỡng vinh quang và sự công bình của các phán quyết thiêng liêng và dạy con người cai trị bằng công lý. Các Chủ Quyền được cho là điều tiết các hoạt động và bổn phận của các thiên thần. Các Lãnh Đạo chủ trì các dân tộc và tỉnh miền, và phụng sự như những vị cai quản thiên thần của các quốc gia trên thế giới. Các Đức Năng có ân tứ làm phép lạ. Các Quyền Năng là lực kiềm chế các tinh thần ác. Cherubim vượt trội trong vẻ huy hoàng của tri thức và nhờ vậy soi sáng nhân loại bằng minh triết; còn Seraphim, vì cháy bỏng nhất trong bác ái thiêng liêng, truyền cảm hứng cho nhân loại bằng phẩm tính ấy. Trong gần như mọi tường thuật Kinh Thánh về các linh ảnh của con người về Thượng Đế, Ngài được mô tả là siêu việt trong vinh quang và được bao quanh bởi vô số thiên thần của Ngài.

Kabbalism, whilst naming them differently, gives to these beings their due place and certain additional functions. In common with other cosmogonies, it postulates the existence of an Absolute as the basis of everything. This is regarded as negative existence or no-thing and has been described as an illimitable abyss of glory. This negative existence' has three veils which are called AIN, meaning the negatively existent, AIN SOPH, the limitless

Ca-ba-la giáo, dù gọi các vị ấy bằng những tên khác, vẫn dành cho các sinh linh này vị trí thích đáng và một số chức năng bổ sung. Cũng như các vũ trụ luận khác, nó nêu giả định về sự hiện hữu của một Tuyệt Đối làm nền tảng của mọi sự. Điều này được xem là hiện hữu phủ định hay không-vật, và đã được mô tả như một vực thẳm vinh quang vô biên. Hiện hữu phủ định này có ba bức màn, được gọi là Vô Hữu, nghĩa là cái hiện hữu theo phủ định,

without form, being or likeness with anything else, and AIN SOPH AUR, the limitless light which concentrates into the first and highest Sephira of the Sephirothal Tree called Kether, the Crown. The nine letters AIN SOPH AUR are said to shadow forth the nine Sephiras as hidden ideas or seed-thoughts which, when manifestation begins, are represented by archangelic Beings or Gods. In the description of this process, the Limitless Ocean of Light is said to concentrate a centre, which is the first Sephira, the Crown, which in turn gives birth to the nine others, the last or tenth being called Malkuth, the Kingdom, meaning "all Nature jnanifcsted". Together, the ten Sephiras represent the emanation and development of the powers and attributes of Deity. Each number is an outward symbol for inner creative forces and processes and their personifications as Archangels or guilders of the universe. Some of these are male and some female, or rather of positive and negative potencies, Deity having conformed Itself thus in order that It could create. Man, being made in the image of Deity, is male and female also.

Vô Biên, cái vô hạn không hình tướng, bản thể hay tương đồng với bất cứ điều gì khác, và Ánh Sáng Vô Biên, ánh sáng vô hạn cô đọng thành Xê-phi-ra đầu tiên và cao nhất của Cây Xê-phi-rốt, gọi là Kether, Vương Miện. Chín chữ cái Ánh Sáng Vô Biên được nói là phủ bóng chín Xê-phi-ra như các ý tưởng ẩn giấu hay tư tưởng hạt giống; khi biểu hiện bắt đầu, chúng được biểu thị bởi các Sinh Mệnh Tổng Thiên Thần hay các Thần. Trong sự mô tả tiến trình này, Đại Dương Ánh Sáng Vô Hạn được nói là cô đọng một trung tâm, tức Xê-phi-ra thứ nhất, Vương Miện, đến lượt nó sinh ra chín Xê-phi-ra còn lại, vị cuối hay thứ mười được gọi là Malkuth, Vương Quốc, nghĩa là "toàn thể Thiên Nhiên biểu hiện". Cùng nhau, mười Xê-phi-ra biểu thị sự xuất lộ và phát triển các quyền năng và thuộc tính của Thượng Đế. Mỗi con số là một biểu tượng bên ngoài cho các mãnh lực và tiến trình sáng tạo bên trong cùng các nhân cách hóa của chúng như các Tổng Thiên Thần hay các đấng xây dựng vũ trụ. Một số vị này là nam và một số là nữ, hay đúng hơn thuộc các tiềm lực dương và âm, vì Thượng Đế đã tự thích ứng như vậy để có thể sáng tạo. Con người, được tạo nên theo hình ảnh của Thượng Đế, cũng là nam và nữ.



KETHER – KETHER

The first Sephira is Number One, the Monad of Pythagoras. As already stated, this Sephira is

Sephira thứ nhất là Số Một, Chân thần của Pythagoras. Như đã nói, Sephira này được gọi

called Kether, the Crown, and also the Ancient of the Ancient Ones, the Ancient of Days, the Primordial Point, the White Head, the Inscrutable Height and the Vast Countenance or Macroposopus. In its highest and abstract aspect it is in association with Adam Kadmon (the Heavenly Man)—a collective name—who is a synthesis of the whole Sephirothal Tree, the Archetype of all creation and all humanity, and the first Adam of Genesis. He is also called *Seir Anpin,* "Son of the Concealed Father", and so in this highest aspect must be regarded as the Logos, the Christos of the Fourth Gospel.

là Kether, Vương Miện, và cũng là Đấng Cổ Xưa của các Đấng Cổ Xưa, Đấng Thái Cổ, Điểm Nguyên Sơ, Đầu Trắng, Độ Cao Khôn Dò và Đại Diện Mạo hay Macroposopus. Trong phương diện cao nhất và trừu tượng nhất, nó liên hệ với Adam Kadmon, Đấng Thiên Nhân—một danh xưng tập thể—vốn là tổng hợp của toàn bộ Cây Sephiroth, Nguyên mẫu của mọi sáng tạo và toàn thể nhân loại, và là Adam thứ nhất của Sáng Thế Ký. Ngài cũng được gọi là *Seir Anpin,* "Con của Cha Ẩn Tàng", và vì thế, trong phương diện cao nhất này, phải được xem như Thượng đế Ngôi Lời, Đức Christos của Phúc Âm thứ Tư.

Since one cannot create alone, Kether is said to vibrate across the field of manifestation or to reflect itself in matter to produce a feminine or dyad, from which in turn all creation and all beings emanate, having been hitherto contained within Kether. The Archangel Head of the associated hierarchy of angels is severally named Metatron, Prince of Faces or "beside (or beyond) the Throne", Angel of the Presence, World Prince, El Shaddai, the Omnipotent and Almighty One, the Messenger and Shekinah, also associated with the cloud of glory which rested on the Mercy Seat upon the Ark of the Covenant, within the Holy of Holies. Shekinah is also regarded as identical with AIR SOPH AUR, the veil of AIR AUR, pre-cosmic Substance or virgin Space, the *Mulaprakriti* or *Parabrahmic* root of Hinduism.

Vì một mình thì không thể sáng tạo, Kether được nói là rung động xuyên qua trường biểu hiện, hay phản chiếu chính nó trong vật chất để tạo ra một yếu tố nữ hay nhị nguyên, từ đó đến lượt mọi sáng tạo và mọi sinh linh xuất lộ, vốn trước đó đã được chứa đựng trong Kether. Vị Tổng Lãnh Thiên Thần đứng đầu Huyền giai thiên thần liên hệ được gọi bằng nhiều danh xưng khác nhau: Metatron, Hoàng Tử của các Diện Mạo hay "bên cạnh hay vượt ngoài Thánh Ngai", Thiên Thần của Hiện Diện, Hoàng Tử Thế Gian, El Shaddai, Đấng Toàn Năng và Toàn Quyền, Sứ Giả và Shekinah, cũng liên hệ với đám mây vinh quang từng ngự trên Nắp Xá Tội đặt trên Hòm Giao Ước, trong Nơi Chí Thánh. Shekinah cũng được xem là đồng nhất với AIR SOPH AUR, bức màn của AIR AUR, Chất liệu tiền vũ trụ hay Không Gian trinh nguyên, *Mulaprakriti* hay *Parabrahmic* căn nguyên của Ấn giáo.

The Order of angels is the Chaioth Ha-Qadesh, "Holy Living Creatures". They are associated with the Kerubim, are pictured as sphinxes and regarded as Governors of the four elements in their highest sublimation. They would seem to correspond to the *Lipika,* the Celestial Recorders or "Scribes", the Agents of *Karma* of Hinduism. The hierarchy is concerned with the initiation of the whirling

Đẳng cấp thiên thần là Chaioth Ha-Qadesh, "Các Sinh Vật Thánh Thiêng Sống Động". Các vị này liên hệ với Kerubim, được hình dung như các nhân sư và được xem là các Vị Cai Quản bốn nguyên tố trong sự thăng hoa cao nhất của chúng. Dường như các vị này tương ứng với *Lipika,* các Đấng Ghi Chép Thiên Thượng hay "Thư Lại", các Tác Nhân của *Nghiệp quả* trong Ấn giáo. Huyền giai này liên

motions by means of which primordial atoms or "holes in space" are formed, presumably using the force which in Tibetan is called *Fohat,* the essence of cosmic electricity, the ever-present electrical energy and ceaseless formative and destructive power in the universe, the universal propelling, vital force, the *primum mobile,* whose symbol is the *svastika.* In Kether are thus said to be the "beginnings of the whirls", the first stirrings of the divine creative Essence. One of the chief duties of the members of this Angelic Hierarchy is to receive this Essence in Kether and carry it to the succeeding hierarchy of the Auphanim or "Wheels", associated with the second Sephira.

quan đến việc khởi phát các chuyển động xoáy, nhờ đó các nguyên tử nguyên sơ hay "những lỗ trong không gian" được hình thành, có lẽ bằng cách sử dụng mãnh lực mà trong tiếng Tây Tạng được gọi là *Fohat,* tinh túy của điện vũ trụ, năng lượng điện luôn hiện diện và quyền năng tạo hình lẫn hủy diệt không ngừng trong vũ trụ, mãnh lực thúc đẩy phổ quát và thiết yếu, *primum mobile,* có biểu tượng là *svastika.* Vì thế, trong Kether được nói là có "những khởi đầu của các vòng xoáy", những chuyển động đầu tiên của Tinh chất sáng tạo thiêng liêng. Một trong những nhiệm vụ chính của các thành viên Huyền Giai Thiên Thần này là tiếp nhận Tinh chất ấy trong Kether và chuyển nó đến Huyền giai kế tiếp là Auphanim hay "Các Bánh Xe", liên hệ với Sephira thứ hai.

CHOKMAH – CHOKMAH

Kether produces the other nine Sephiras, the second being Chokmah, Wisdom, a masculine active potency or Father reflected from Kether. Chokmah is the second Adam, from whom is produced Eve, and is associated with Microposopus, the Lesser Countenance. The Archangel Head of the Angelic Hierarchy is Ratziel, "the Herald of Deity", "the Delight of God". The Order of angels is the Auphanim or "Wheels", so-called in reference to the vortex, whirlwind or whirlpool-producing action of the *primum mobile.* From this Order are said to be drawn the Angels of the Planets, who are described in the First Chapter of *Ezekiel.* The planetary correspondence is with the Zodiac and, in some systems, Uranus.

Kether tạo ra chín Sephira còn lại, Sephira thứ hai là Chokmah, Minh triết, một quyền năng nam tính chủ động hay Cha được phản chiếu từ Kether. Chokmah là Adam thứ hai, từ đó Eve được tạo ra, và liên hệ với Microposopus, Tiểu Diện Mạo. Vị Tổng Lãnh Thiên Thần đứng đầu Huyền Giai Thiên Thần là Ratziel, "Sứ Giả của Thượng đế", "Niềm Hoan Hỉ của Thượng đế". Đẳng cấp thiên thần là Auphanim hay "Các Bánh Xe", được gọi như vậy vì liên hệ đến tác động tạo xoáy, gió lốc hay xoáy nước của *primum mobile.* Từ Đẳng cấp này, người ta nói, phát sinh các Thiên Thần của các Hành Tinh, được mô tả trong Chương Một của *Ezekiel.* Sự tương ứng hành tinh là với Hoàng Đạo và, trong một vài hệ thống, với Sao Thiên Vương.

BINAH – BINAH

The third Sephira is a feminine, passive potency called Binah, Intelligence, the Understanding, co-equal and contemporaneous with Chokmah, to whom she is as Eve, the Mother Supernal. Binah is

Sephira thứ ba là một quyền năng nữ tính, thụ động, gọi là Binah, Trí thông minh, Sự Thấu Hiểu, đồng đẳng và đồng thời với Chokmah, đối với Chokmah thì bà như Eve, Mẹ Thiên Thượng. Binah cũng được gọi là Ama, Vĩnh

also called Ama, Eternal, combined with Ab, Father, for the maintenance of the universe in order. She is sometimes called the Great Sea and, kabbalistically, these two Powers weave the web of the universe. The Archangel Head is Tzaphqiel, "He who beholds God", or "Contemplation of God". The Order of angels is the Arelim, "the Mighty Ones", the Thrones of Christian angelology. The number Two as a principle is like two straight lines which can never enclose a space, and is therefore powerless till number Three forms a primary triangle. This Binah does, and makes evident the supernal, but not the material, active Trinity. This upper Triad remains in the Archetypal World, whilst the seven Sephiras which follow create, sustain and transform the manifested, material World. The planet associated with Binah is Saturn.

Cửu, kết hợp với Ab, Cha, để duy trì vũ trụ trong trật tự. Đôi khi bà được gọi là Biển Cả và, theo Kabbalah, hai Quyền năng này dệt nên tấm lưới của vũ trụ. Vị Tổng Lãnh Thiên Thần đứng đầu là Tzaphqiel, "Đấng chiêm ngưỡng Thượng đế", hay "Sự chiêm ngưỡng Thượng đế". Đẳng cấp thiên thần là Arelim, "Các Đấng Hùng Mạnh", các Ngai trong thiên thần học Kitô giáo. Số Hai như một nguyên khí thì giống hai đường thẳng không bao giờ có thể bao kín một không gian, và vì thế vô lực cho đến khi số Ba tạo thành một tam giác sơ khởi. Binah thực hiện điều này và làm hiển lộ Ba Ngôi thiên thượng, chủ động, nhưng chưa phải là Ba Ngôi vật chất. Tam nguyên thượng này vẫn ở trong Thế Giới Nguyên Mẫu, trong khi bảy Sephira tiếp theo sáng tạo, duy trì và chuyển đổi Thế Giới vật chất, biểu hiện. Hành tinh liên hệ với Binah là Sao Thổ.

The union of Chokmah and Binah, Wisdom and Understanding, produces Supernal Knowledge, called Daath in Kabbalism. Daath itself is not regarded as a Sephira, but is included in some diagrams of the Sephirothal Tree, in which it is placed between Chokmah and Binah.

Sự hợp nhất của Chokmah và Binah, Minh triết và Sự Thấu Hiểu, tạo ra Tri Thức Thiên Thượng, được gọi là Daath trong Kabbalah. Chính Daath không được xem là một Sephira, nhưng được đưa vào một số sơ đồ của Cây Sephiroth, trong đó nó được đặt giữa Chokmah và Binah.

CHESED – CHESED

An active dyad now exists in Chokmah and Binah. Their union produced Chesed, a masculine or active potency. Chesed is Mercy or Love and is also called Gedulah, Greatness or Magnificence. The Archangel Head is Tzadqiel, "Justice of God", "Righteousness of God". The Order of angels is the Chasmalim or "Scintillating Flames", or "Brilliant Ones". They are the Dominations of Christian angelology and are regarded as angels of light. The planet is Jupiter.

Giờ đây một nhị nguyên chủ động hiện hữu trong Chokmah và Binah. Sự hợp nhất của các vị tạo ra Chesed, một quyền năng nam tính hay chủ động. Chesed là Lòng Từ Bi hay Tình thương và cũng được gọi là Gedulah, Sự Vĩ Đại hay Sự Huy Hoàng. Vị Tổng Lãnh Thiên Thần đứng đầu là Tzadqiel, "Công Lý của Thượng đế", "Sự Công Chính của Thượng đế". Đẳng cấp thiên thần là Chasmalim hay "Những Ngọn Lửa Lấp Lánh", hay "Các Đấng Rực Rỡ". Các vị là các Quyền Quản Trị trong thiên thần học Kitô giáo và được xem là những thiên thần ánh sáng. Hành tinh là Sao Mộc.

GEBURAH – GEBURAH

From Four or Chesed emanated the feminine, passive, fifth potency, Geburah, Severity, Strength, Fortitude, Justice. This Sephira is also called Pachad, Fear. The Archangel Head is Khamael, "the Right Hand of God", and is sometimes called the Punishing Angel. The Order of angels is the Seraphim, known in Christian angelology as Powers. They are thus described in *Isaiah* VI. 1-3:

"I saw also the Lord sitting upon a throne, high and lifted up, and his train filled the temple.

"Above it stood the seraphims: each one had six wings; with twain he covered his face, and with twain he covered his feet, and with twain he did fly.

"And one cried unto another, and said, Holy, holy, holy, is the Lord of hosts: the whole earth is full of his glory."

The Hebrew name of the Seraphim is translated "Serpents", and as this is related to the verbal root ShRP, "to burn up", it may be assumed that these are the fiery Serpents associated with the creative fire and processes in both Nature and man. The planet is Mars.

Từ Bốn hay Chesed xuất lộ quyền năng thứ năm, nữ tính, thụ động: Geburah, Sự Nghiêm Khắc, Sức Mạnh, Kiên Cường, Công Lý. Sephira này cũng được gọi là Pachad, Nỗi Sợ. Vị Tổng Lãnh Thiên Thần đứng đầu là Khamael, "Tay Phải của Thượng đế", và đôi khi được gọi là Thiên Thần Trừng Phạt. Đẳng cấp thiên thần là Seraphim, được biết trong thiên thần học Kitô giáo là các Quyền Năng. Các vị được mô tả như sau trong *Isaiah* VI. 1-3:

"Tôi cũng thấy Chúa ngự trên một ngai cao và được tôn vinh, và vạt áo của Ngài phủ đầy đền thờ.

"Phía trên ngai có các seraphim đứng: mỗi vị có sáu cánh; với hai cánh, vị ấy che mặt mình, với hai cánh che chân mình, và với hai cánh vị ấy bay.

"Và vị này xướng với vị kia rằng: Thánh thay, thánh thay, thánh thay, Chúa Tể các đạo binh: toàn thể địa cầu đầy vinh quang của Ngài."

Tên Hebrew của Seraphim được dịch là "Rắn", và vì tên này liên hệ với căn ngữ ShRP, "thiêu đốt", có thể giả định rằng đây là những Rắn lửa liên hệ với lửa sáng tạo và các tiến trình sáng tạo trong cả Thiên Nhiên lẫn con người. Hành tinh là Sao Hỏa.

TIPHERETH – TIPHERETH

From Chesed (masculine) and Geburah (feminine) emanated the sixth and uniting Sephira, Tiphereth, Beauty or Mildness, the heart and centre of the Sephirothal Tree. This is said to be the place allotted by the Israelites to the Messiah and by the early Christians to the Christ. The Archangel Head is Michael, "who is like unto God". The Order of angels is the Malachim, meaning "Kings" and known in Christianity as Virtues. Another system places Raphael here, and Michael in the eighth Sephira. The "planet" is the Sun.

In terms of planes of Nature and levels of

Từ Chesed nam tính và Geburah nữ tính xuất lộ Sephira thứ sáu và hợp nhất, Tiphereth, Vẻ Đẹp hay Sự Dịu Dàng, trái tim và trung tâm của Cây Sephiroth. Nơi này được nói là chỗ mà người Israel dành cho Đấng Messiah và các Kitô hữu sơ kỳ dành cho Đức Christ. Vị Tổng Lãnh Thiên Thần đứng đầu là Michael, "ai giống như Thượng đế". Đẳng cấp thiên thần là Malachim, nghĩa là "Các Vua" và trong Kitô giáo được biết là các Đức Hạnh. Một hệ thống khác đặt Raphael ở đây, và Michael ở Sephira thứ tám. "Hành tinh" là Mặt Trời.

Xét theo các cõi của Thiên Nhiên và các cấp độ

normal human consciousness, Tiphereth marks both a boundary and a place of union between the Divine and the human, the Macrocosm and the microcosm, the Abstract and the concrete. Here is said to exist, symbolically, Paroketh, the so-called Veil of the temple both of seven-planed Nature and of seven-principled man. This Veil must be pierced by those who would ascend in consciousness the middle pillar of the Tree of Life, liberate themselves from the purely human delusion of separated selfhood which must be "crucified" and enter into realisation of unity with the One Great Self of All. Thereafter the occult forces of the abstract or formless worlds and their angelic directors may be invoked both to quicken human evolution by arousing the hidden forces in the force-centres in the personal nature and body of man and to assist in various kinds of occult work.

tâm thức bình thường của con người, Tiphereth đánh dấu cả một ranh giới lẫn một nơi hợp nhất giữa Thiêng Liêng và nhân loại, Đại thiên địa và tiểu thiên địa, Trừu tượng và cụ thể. Ở đây, theo biểu tượng, được nói là có Paroketh, cái gọi là Bức Màn của đền thờ, vừa của Thiên Nhiên thất phân vừa của con người bảy nguyên khí. Bức Màn này phải được xuyên thủng bởi những ai muốn thăng lên trong tâm thức theo trụ giữa của Cây Sự Sống, tự giải thoát khỏi ảo tưởng thuần túy nhân loại về bản ngã biệt lập vốn phải được "đóng đinh" và bước vào chứng nghiệm sự hợp nhất với Đại Ngã Duy Nhất của Tất Cả. Từ đó về sau, các mãnh lực huyền bí của những thế giới trừu tượng hay vô hình tướng cùng các vị chỉ đạo thiên thần của chúng có thể được khẩn cầu, vừa để thúc đẩy tiến hoá nhân loại bằng cách khơi dậy các mãnh lực ẩn tàng trong các trung tâm lực nơi bản chất phàm ngã và thể xác của con người, vừa để trợ giúp trong nhiều loại công việc huyền bí.

By the union of Geburah or Severity, Justice and Chesed or Mercy, Beauty, Harmony, Clemency are produced, and the second Sephirothal Trinity is complete. This sixth Sephira, Tiphereth, with the fourth, fifth, seventh, eighth and ninth, is spoken of as the Microposopus or Lesser Countenance, the reflection into manifestation of Macroposopus, and its antithesis.

Nhờ sự hợp nhất của Geburah hay Sự Nghiêm Khắc, Công Lý với Chesed hay Lòng Từ Bi, Vẻ Đẹp, Hòa Điệu, Sự Khoan Dung được tạo ra, và Ba Ngôi Sephiroth thứ hai được hoàn tất. Sephira thứ sáu này, Tiphereth, cùng với Sephira thứ tư, thứ năm, thứ bảy, thứ tám và thứ chín, được nói đến như Microposopus hay Tiểu Diện Mạo, sự phản chiếu vào biểu hiện của Macroposopus, và là đối cực của nó.

NETZACH – NETZACH

The seventh Sephira is Netzach, Firmness, Victory. The Archangelic Head is called Hamiel, "the Grace of God", and the Order of angels is the Elohim, "the Gods", also called Tsarshisim, "Brilliant Ones", known as Principalities in Christianity. Hamiel, it is, who is said to be thus described in the *Book of Daniel,* Chapter X. 5, 6:

Sephira thứ bảy là Netzach, Sự Kiên Định, Chiến Thắng. Vị Tổng Lãnh Thiên Thần đứng đầu được gọi là Hamiel, "Ân Sủng của Thượng đế", và Đẳng cấp thiên thần là Elohim, "Các Thượng đế", cũng được gọi là Tsarshisim, "Các Đấng Rực Rỡ", trong Kitô giáo được biết là các Quyền Chủ Trị. Chính Hamiel được nói là được mô tả như sau trong *Sách Daniel,* Chương X. 5, 6:

"Then I lifted up mine eyes, and looked, and

"Bấy giờ tôi ngước mắt lên nhìn, và kìa, một

behold a certain man clothed in linen, whose loins were girded with fine gold of Uphaz:

“His body also was like the beryl and his face as the appearance of lightning, and his eyes as lamps of fire, and his arms and his feet like in colour to polished brass, and the voice of his words like the voice of a multitude.”

The planet associated with this Sephira is Venus.

người mặc vải gai, lưng thắt vàng ròng Uphaz:

“Thân thể người ấy giống như beryl, mặt người ấy như ánh chớp, mắt người ấy như những ngọn đèn lửa, tay và chân người ấy có màu như đồng bóng loáng, và tiếng nói của người ấy như tiếng của một đám đông.”

Hành tinh liên hệ với Sephira này là Sao Kim.

HOD – HOD

From Netzach proceeded the feminine, passive potency, Hod, the eighth Sephira, Splendour, the God of Armies. The Archangel Head is Raphael, “Divine Physician”, the Angel of Healing, intermediary between man and God, who is assisted by a hierarchy of ministering angels known in one interpretation as the Beni Elohim, “the Sons of God”, and as Archangels in Christianity. The planet is Mercury.

Từ Netzach phát sinh quyền năng nữ tính, thụ động, Hod, Sephira thứ tám, Sự Huy Hoàng, Thượng đế của các Đạo Binh. Vị Tổng Lãnh Thiên Thần đứng đầu là Raphael, “Lương Y Thiêng Liêng”, Thiên Thần Chữa Lành, trung gian giữa con người và Thượng đế, được trợ giúp bởi một Huyền giai các thiên thần phụng sự, trong một cách diễn giải được biết là Beni Elohim, “Các Con của Thượng đế”, và trong Kitô giáo là các Tổng Lãnh Thiên Thần. Hành tinh là Sao Thủy.

YESOD – YESOD

Hod and Netzach together produced the ninth Sephira. Yesod, the Foundation of Basis, “the Mighty Living One”. The Archangel Head is Gabriel, “the Mighty One of God”. The Order of angels is the Kerubim, “the Holy Living Creatures”, the Angels of Christianity. Evidently an intimate connection exists between the Kerubim of the first Sephira in the supernal worlds and those of Yesod in the etheric counterpart and body of the outer, material universe. They are sometimes called Aishim or “the Flames” and are also referred to as the four angels of the subtle elements of earth, fire, water and air.

Hod và Netzach cùng nhau tạo ra Sephira thứ chín. Yesod, Nền Tảng của Cơ Sở, “Đấng Sống Động Hùng Mạnh”. Vị Tổng Lãnh Thiên Thần đứng đầu là Gabriel, “Đấng Hùng Mạnh của Thượng đế”. Đẳng cấp thiên thần là Kerubim, “Các Sinh Vật Thánh Thiêng Sống Động”, các Thiên Thần của Kitô giáo. Rõ ràng có một mối liên hệ mật thiết giữa Kerubim của Sephira thứ nhất trong các thế giới thiên thượng và Kerubim của Yesod trong đối phần và thể dĩ thái của vũ trụ vật chất bên ngoài. Đôi khi các vị được gọi là Aishim hay “Những Ngọn Lửa” và cũng được nói đến như bốn thiên thần của các nguyên tố vi tế đất, lửa, nước và khí.

The Kerubim are associated with the constellations of Taurus, Leo, Scorpio and Aquarius, or the Bull, the Lion, the Eagle and the Man. Part of their duty is said to be to gather the forces of Nature on the astral plane

Kerubim liên hệ với các chòm sao Kim Ngưu, Sư Tử, Hổ Cáp và Bảo Bình, hay Bò Mộng, Sư Tử, Đại Bàng và Con Người. Một phần nhiệm vụ của các vị được nói là thu gom các mãnh lực của Thiên Nhiên trên cõi cảm dục và tuôn

and pour them into the Kingdom of Earth, Malkuth, and to control them in all their complex manifestations. They are also regarded as agents of the *Lipika* or Recorders, the Lords of *Karma* and Regents of the four quarters of the universe. The planet is the Moon. Netzach, Hod and Yesod together complete the third Trinity in the Sephirothal Tree.

chúng vào Vương Quốc của Trái Đất, Malkuth, đồng thời kiểm soát chúng trong mọi biểu hiện phức tạp. Các vị cũng được xem là tác nhân của *Lipika* hay các Đấng Ghi Chép, các Chúa Tể của *Nghiệp quả* và các Vị Nhiếp Chính bốn phương của vũ trụ. Hành tinh là Mặt Trăng. Netzach, Hod và Yesod cùng nhau hoàn tất Ba Ngôi thứ ba trong Cây Sephiroth.

MALKUTH – MALKUTH

From the ninth Sephira came the tenth and last, completing the decade of the numbers. It is called Malkuth, the Kingdom of Earth, all Nature, and also the Queen, Matrona, the Inferior Mother. Malkuth is sometimes called Shekinah and so would seem to represent the veil both of primordial Matter and of physical Nature.

Từ Sephira thứ chín phát sinh Sephira thứ mười và cuối cùng, hoàn tất thập phân của các con số. Nó được gọi là Malkuth, Vương Quốc của Trái Đất, toàn thể Thiên Nhiên, và cũng là Nữ Hoàng, Matrona, Mẹ Hạ Đẳng. Đôi khi Malkuth được gọi là Shekinah và vì thế dường như biểu thị bức màn của cả Vật Chất nguyên sơ lẫn Thiên Nhiên hồng trần.

Two Archangels are associated with Malkuth. They are the Metatron of Kether and his brother and co-worker, Sandalphon, the kabbalistic Prince of Angels. Sandalphon, the Dark Angel, may be regarded as the densely material *shakti* or power of Metatron, the Bright Angel. Since the physical plane of the planet Earth is the place of the outworking of man's physical *karma,* Sandalphon is sometimes regarded as an Angel of personal *karma*. Metatron, on the other hand, is associated with the Celestial Agents of *Karma* who are concerned with the *karma* of the human race as a whole. The Archangel of our Earth in particular is said to be Auriel, "the Light of God". The Order of angels is the Ishim or "Fires". No single planet, unless it be the Earth, is allotted to Malkuth, which apparently includes the whole of physical Nature and is concerned with the four subtle and material elements and their use in the building and transformation of the "kingdom" of the visible universe.

Hai Tổng Lãnh Thiên Thần liên hệ với Malkuth. Đó là Metatron của Kether và huynh đệ kiêm cộng sự của Ngài, Sandalphon, Hoàng Tử Thiên Thần theo Kabbalah. Sandalphon, Thiên Thần Hắc Ám, có thể được xem là *shakti* hay quyền năng vật chất đậm đặc của Metatron, Thiên Thần Sáng Chói. Vì cõi hồng trần của hành tinh Trái Đất là nơi diễn ra nghiệp quả hồng trần của con người,*karma,* Sandalphon đôi khi được xem là một Thiên Thần của *nghiệp quả* cá nhân. Mặt khác, Metatron liên hệ với các Tác Nhân Thiên Thượng của *Nghiệp quả* vốn liên quan đến *nghiệp quả* của toàn thể nhân loại. Tổng Lãnh Thiên Thần của Trái Đất chúng ta nói riêng được nói là Auriel, "Ánh Sáng của Thượng đế". Đẳng cấp thiên thần là Ishim hay "Các Ngọn Lửa". Không có hành tinh đơn lẻ nào, trừ phi là Trái Đất, được gán cho Malkuth, vốn dường như bao gồm toàn bộ Thiên Nhiên hồng trần và liên quan đến bốn nguyên tố vi tế và vật chất cùng việc sử dụng chúng trong công cuộc xây dựng và chuyển đổi "vương quốc" của vũ trụ hữu hình.

THE TREE OF LIFE IN MAN – CÂY SỰ SỐNG TRONG CON NGƯỜI

Such, in part, is the Tree of Life of the Kabbalah, said to be derived from the primeval Secret Doctrine of the East.

Đó, một phần, là Cây Sự Sống của Kabbalah, được nói là có nguồn gốc từ Giáo Lý Bí Nhiệm nguyên thủy của phương Đông.

It is regarded as one of the great master symbols and keys of occult science. With the Hebrew alphabet, it is said to exemplify the principle that evolution is simple or single at the source, and infinitely complex in manifestation.

Nó được xem là một trong những biểu tượng chủ yếu và chìa khóa vĩ đại của khoa học huyền bí. Cùng với bảng chữ cái Hebrew, nó được nói là minh họa nguyên lý rằng tiến hoá thì đơn giản hay đơn nhất tại nguồn, và phức tạp vô hạn trong biểu hiện.

This mathematical diagram sets forth a system by which man can rise to spiritual heights by manifesting in and through himself the qualities of the ten Sephiras. As he awakens in himself his inherent powers, represented in the universe by each of the ten Sephiras, and in himself physically by his nerve and glandular centres and superphysically by his *chakras* and their vivifying triune Serpent Fire, he enters into conscious *rapport* with the Orders of angels associated with each, and ultimately with their Archangelic Heads. Thus attuned, he collaborates with them and they with him, in the fulfilment of the Great Work to which both angels and men are called.

Sơ đồ toán học này trình bày một hệ thống nhờ đó con người có thể vươn đến những độ cao tinh thần bằng cách biểu hiện trong và qua chính mình các phẩm tính của mười Sephira. Khi y đánh thức trong chính mình các quyền năng cố hữu, được biểu thị trong vũ trụ bởi mỗi một trong mười Sephira, và trong chính y về mặt hồng trần bởi các trung tâm thần kinh và tuyến, còn về mặt siêu hồng trần bởi các *chakra* cùng Lửa Rắn tam phân làm sinh động chúng, y đi vào mối *liên hệ* có ý thức với các Đẳng cấp thiên thần liên hệ với từng Sephira, và cuối cùng với các Vị Tổng Lãnh Thiên Thần đứng đầu của các Đẳng cấp ấy. Được điều hợp như vậy, y cộng tác với các vị và các vị cộng tác với y, trong việc hoàn thành Đại Công Trình mà cả thiên thần lẫn con người đều được kêu gọi tham dự.

In every man, indeed, exist potentially *Rashith Ha-Galgalim,* the *primum mobile,* the beginning of whirling motions of Kether; the *Masloth,* the sphere of the Zodiac, of Chokmah; the *Shabbathai* or rest, Saturn of Binah; the *Tzedeq,* righteousness, Jupiter of Chesed; the *Madim,* vehement strength, Mars of Geburah; the *Shemesh,* the solar light, the Sun of Tiphereth; the *Nogah,* glittering splendour, Venus of Netzach; the *Kokab,* the stellar light, Mercury of Hod; the *Levanah,* the lunar flame, the Moon of Yesod; the *Cholom Yesodoth,* the breaker of the foundations, the elements of Malkuth. All these exist potentially within

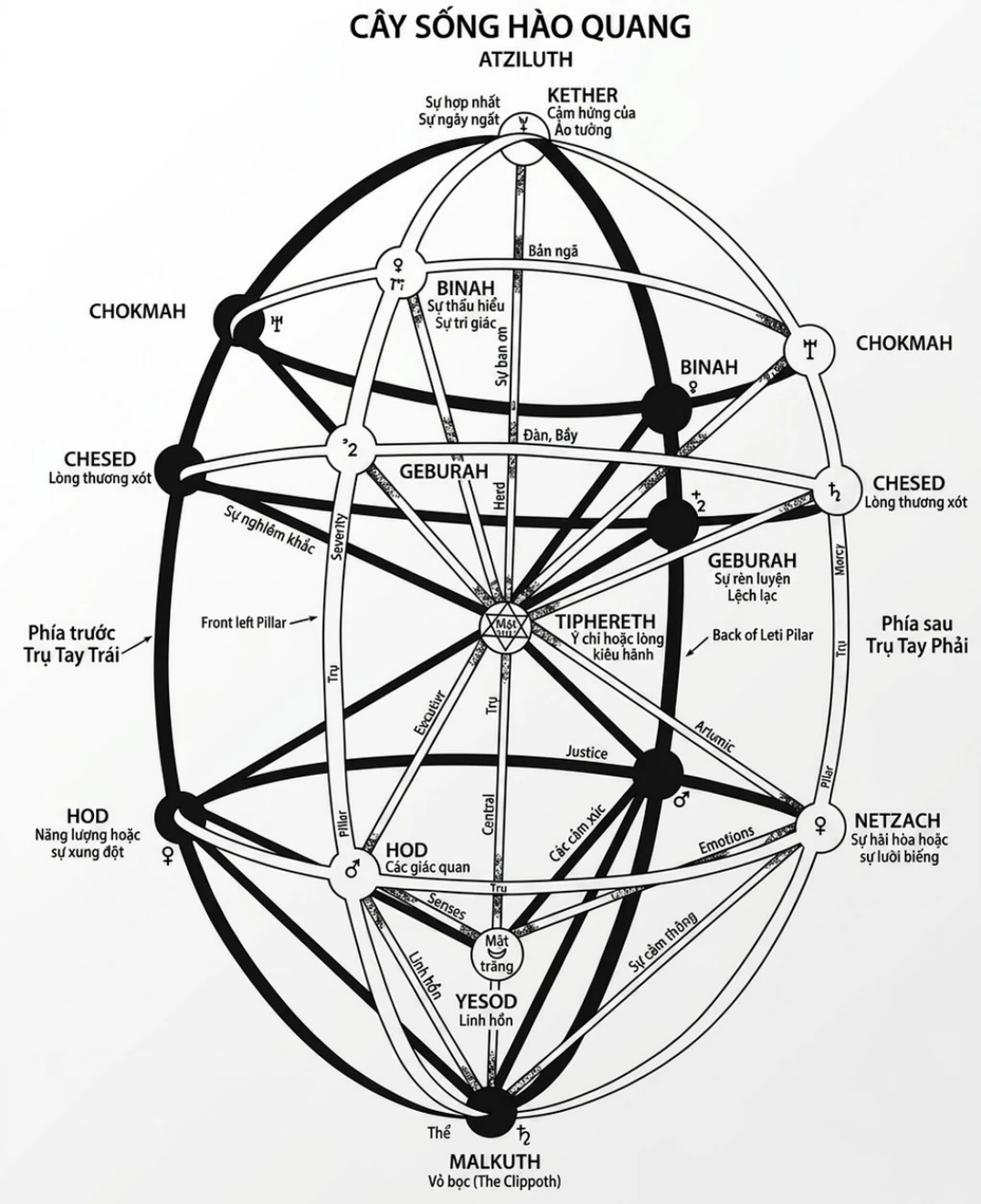
Thật vậy, trong mỗi người đều tiềm tàng *Rashith Ha-Galgalim, primum mobile,* khởi đầu của các chuyển động xoáy của Kether; *Masloth,* khối cầu của Hoàng Đạo, thuộc Chokmah; *Shabbathai* hay sự nghỉ ngơi, Sao Thổ của Binah; *Tzedeq,* sự công chính, Sao Mộc của Chesed; *Madim,* sức mạnh dữ dội, Sao Hỏa của Geburah; *Shemesh,* ánh sáng mặt trời, Mặt Trời của Tiphereth; *Nogah,* vẻ huy hoàng lấp lánh, Sao Kim của Netzach; *Kokab,* ánh sáng tinh tú, Sao Thủy của Hod; *Levanah,* ngọn lửa mặt trăng, Mặt Trăng của Yesod; *Cholom Yesodoth,* kẻ phá vỡ các nền tảng, các nguyên tố của Malkuth. Tất cả những điều này đều

every man, and throughout his existence he gradually unfolds the whole pattern and image of Deity which ultimately is made manifest in him. Then he fulfils his destiny as enunciated by our

tiềm tàng trong mỗi người, và trong suốt cuộc hiện tồn của mình, y dần dần khai mở toàn bộ mô hình và hình ảnh của Thượng đế, điều cuối cùng sẽ được biểu hiện nơi y. Bấy giờ y hoàn thành định mệnh của mình như đã được Chúa của chúng ta

Lord: “Ye shall be perfect, even as your Father which is in heaven is perfect”, and completes, as far as he himself is concerned, the Great Work.

phán: “Các ngươi hãy nên hoàn thiện, như Cha các ngươi ở trên trời là hoàn thiện”, và, trong chừng mực liên quan đến chính y, hoàn tất Đại Công Trình.



THE AURIC TREE OF LIFE – CÂY SỰ SỐNG HÀO QUANG

In the diagram, the Auric Tree of Life, an attempt is made to portray the microcosmic tree as it presumably exists in man. This diagram shows the areas in the subtle bodies which are vibrating in unison with the Regents of the planets and the Zodiacal Signs, each of whom have their representations in the nature, the aura and the physical body of

Trong sơ đồ, Cây Sự Sống Hào Quang, người ta cố gắng mô tả cây tiểu thiên địa như nó có lẽ hiện hữu trong con người. Sơ đồ này cho thấy những vùng trong các thể vi tế đang rung động đồng điệu với các Vị Nhiếp Chính của các hành tinh và các Dấu Hiệu Hoàng Đạo, mỗi vị đều có sự biểu hiện của mình trong bản chất, hào quang và thể xác của con người, nhờ đó

man, thereby linking Macrocosm with microcosm.

nối kết Đại thiên địa với tiểu thiên địa.

The middle pillar of the diagram corresponds to the spinal cord and the feminine column containing Binah, Geburah and Hod would be on the right side, and the masculine pillar containing Chokmah, Chesed and Netzach on the left. These three currents of force may also refer to the threefold creative Serpent Fire in Nature and in man with its triple currents and their channels called *Ida* (feminine), *Pingala* (masculine) and *Sushumna* (neutral and spinal).

Trụ giữa của sơ đồ tương ứng với tủy sống, và cột nữ tính chứa Binah, Geburah và Hod sẽ ở bên phải, còn trụ nam tính chứa Chokmah, Chesed và Netzach ở bên trái. Ba dòng mãnh lực này cũng có thể quy chiếu đến Lửa Rắn sáng tạo tam phân trong Thiên Nhiên và trong con người, với ba dòng của nó và các kênh của chúng gọi là *Ida* nữ tính, *Pingala* nam tính và *Sushumna* trung tính và thuộc cột sống.

If the two currents of force represented by the two pillars (white in the diagram) in the front of the aura are followed over the head, where they will presumably cross, then they will travel down the back of the aura (black in the diagram) on opposite sides to make four pillars in all, with the central one in the midst.

Nếu hai dòng mãnh lực được biểu thị bởi hai trụ, màu trắng trong sơ đồ, ở phía trước hào quang được lần theo lên trên đầu, nơi chúng có lẽ sẽ giao nhau, thì chúng sẽ đi xuống phía sau hào quang, màu đen trong sơ đồ, ở hai bên đối diện, tạo thành tổng cộng bốn trụ, với trụ trung tâm ở giữa.

In practical, esoteric Kabbalism these forces, *chakras* and correspondences with the Creative Intelligences of the universe are aroused into conscious activity by means of various forms of meditation, ritual invocations to the Gods who are addressed by their Divine Names and other *mantric* titles, magical ceremonials and very potent prayers. This Chapter closes with one version of an ancient kabbalistic prayer.

Trong Kabbalah huyền bí thực hành, các mãnh lực, *chakra* và các tương ứng này với những Trí Tuệ Sáng Tạo của vũ trụ được đánh thức vào hoạt động có ý thức bằng nhiều hình thức tham thiền, các lời khẩn cầu nghi lễ dâng lên các Thượng đế được xưng hô bằng các Danh Xưng Thiêng Liêng của các Ngài và những tước hiệu *mantric* khác, các nghi lễ huyền thuật và những lời cầu nguyện rất mạnh mẽ. Chương này kết thúc bằng một phiên bản của một lời cầu nguyện Kabbalah cổ xưa.

Universal God, One Light, One Life, One Power,

Thượng đế Phổ Quát, Một Ánh Sáng, Một Sự Sống, Một Quyền Năng,

Thou All in All, beyond expression, beyond comprehension, Oh,

Ngài là Tất Cả trong tất cả, vượt ngoài diễn đạt, vượt ngoài thấu hiểu, Ôi,

Nature! Thou something from No-thing,

Thiên Nhiên! Ngài là một điều gì đó phát sinh từ Không-gì-cả,

Thou symbol of Wisdom,

Ngài là biểu tượng của Minh triết,

In myself I am nothing,

Trong chính tôi, tôi chẳng là gì,

In Thee I am I. **Trong Ngài, tôi là Tôi.**

I live in Thee, **Tôi sống trong Ngài,**

Live Thou in me, **Xin Ngài sống trong tôi,**

And bring me out of the region of self, **Và đưa tôi ra khỏi vùng của bản ngã,**

Into the eternal Light. **Vào Ánh Sáng vĩnh cửu.**

AMEN AMEN

THE TEN SEPHIROTH – MƯỜI SEPHIROTH

AIN, the negatively existent **AIN, cái hiện hữu theo nghĩa phủ định**

AIN SOPH, the limitless **AIN SOPH, cái vô hạn**

AIN SOPH AUR, the limitless light **AIN SOPH AUR, ánh sáng vô hạn**

ADAM KADMON, THE HEAVENLY MAN, THE LOGOS **ADAM KADMON, ĐẤNG THIÊN NHÂN, THƯỢNG ĐẾ NGÔI LỜI**

In Whom the Ten Sephiroth Are Synthesised and from whom they emanate **Trong Ngài, mười Sephiroth được tổng hợp và từ Ngài chúng xuất lộ**

NUMBER NAME MEANING	ORDER OF ANGELS MEANING FUNCTION	ARCHANGEL MEANINGS	CLASSIFICATIONS	PLANE PRINCIPLE OF MAN PLANET	FUNCTION DIVINE NAME AND MEANING	INVERSE SEPHIRAS	
						ORDERS	ARCH-DEMONS
1. KETHER Crown	CHERUBIM Holy living creatures (4-faced)Solar Lipika In Yetzirah	METATRON Angel of the Presence World Prince Shekinah In Briah	Positive Yod of Tetra-grammaton Atziluth Archetypal Macroposopus	Adi Chiah Primum Moblie	Emanates Nine Sephiras Eheieh (I am) The Lord who Blinks	Thamiel	Satan-Moloch
2. CHOKMAH Wisdom	AUPHANIM Cherubim Wheels	RATZIEL The Herald of Deity	Positive Yod Briah Creative The Throne of Glory	Anupadaka Chiah Zodiac	The Father Jehovah Existence as male and female	Chaigidel	Beelzebub-God of Files God of the Sacred Scarabei God of the Dwelling
3. BINAH Intelligence	ARELIM Mighty Oaes Thrones	TZAPHQIEL Contemplation of God	Negative He Briah	Atma Spiritual Will Nechamah Saturn	The Supernal Mother Jehovah Elohim. Exist-ence as Gods	Satariel	Lucifuge
4. CHESED Mercy	CHASHMALIM Brilliant Ones Dominations	TZADQIEL Justice of God	Positive Vau Yetzirah Microposopus	Buddhi Intuition Jupiter	EI	Gamchico-th	Ashtaroth
5. GEBURAH	SSERAPHIM Burning, Fiery	KHAMAEL SAMAEL Severity	Negative Vau Yetzirah	Higher Mind Casual Body and Ruach	Elohim Gibor	Galab	Asmodeus The evil spirit of concupiscen-ce

	Serpents Powers	of God	Microposopus	Mars or Saturn			Ashmedai the Destroyer
6. TIPHERETH beauty Clemency The Spiritual Sun	MALACHIM Kings Virtues	MICHAEL Like unto God	Androgyne Vau Yetzirah Microposopus	Middle mind Antahkarana Ruach And Auric Envelope Sun	Eloah Vadaeth	Tagaririm	Belphegor
7. NETZACH Victory	ELOHIM Gods Tsarshisim Brilliant Ones Principalities	HAMIEL Grace of God	Positive Vau Yetzirah Microposopus	Astral Emotional Body and Ruach Venus	The Fighting God JehovahTzabaoth The Lord of Sabaoth	Harab-Serapel	Baal
8. HOD Splendour	BENI ELOHIM Sons of God Wind Brcath Holy Ghost Archangels	RAPHAEL Divine Physician	Negative Vau Yetzirah Microposopus	Lower Mind Mental Body and Ruach Mercury and Mars	Elohim Tzabaoth	Samael Incarnation of Human Vices Death Satan	Adrammalech
9. YESOD Foundation	CHERUBIM Four beasts whatchers Angels	GABRIEL Man-God	Androgyne Vau Yetzirah Microposopus	Etheric Etheric Body and Nephesch Prana-Kama Moon	A Nursing Mother Shaddai EI Chai The Pourer Forth	Gamalied	Lilith, First Wife of Adam Night Lamia or Female Demon
10. MALKUTH Kingdom The material Universe KLIPOTH	ISHIM The Multitude of the Redeemed	Metatron (second phase) Sandalphon Messias	Negative He Asiah	Physical Veil of Nephesch - Physical Body Four Element	The Inferior Mother Bride and Queen of Microposopus Adonai Melekh Lord King	Nahemoth	Nahema
	The world of darknes and shells, elementaries, evil spirits, demons						

CHAPTER V THE INVERSE SEPHIRAS AND THE PROBLEM OF EVIL – CHƯƠNG V CÁC SEPHIRA ĐẢO NGHỊCH VÀ VẤN ĐỀ CÁI ÁC

SATAN AND ARMAGEDDON – SATAN VÀ ARMAGEDDON

IN occult philosophy, Deity is Eternal Life, manifested in form according to numerical law in *Manvantara* and unmanifest in any form conceivable by the human mind in *Pralaya.* In one aspect, Satan is Eternal Substance, resistingly shaped into forms by the One Life during *Manvantara,* and remaining formless during *Pralaya.*

TRONG triết học huyền bí, Thượng đế là Sự Sống Vĩnh Cửu, biểu hiện trong hình tướng theo định luật số học trong *Giai kỳ sinh hóa* và không biểu hiện trong bất cứ hình tướng nào mà thể trí con người có thể quan niệm được trong *Giai kỳ qui nguyên.* Theo một phương diện, Satan là Chất liệu Vĩnh Cửu, được Đấng Duy Nhất uốn nắn một cách kháng cự thành các hình tướng trong *Giai kỳ sinh hóa,* và vẫn vô hình tướng trong *Giai kỳ qui nguyên.*

The Archangels and angels in their ten Orders

Các Tổng Lãnh Thiên Thần và thiên thần

make manifest Eternal Life according to the "Word". In one of their many aspects, the Inverse Sephiras are expressions of Eternal Substance and its inherent spirit of resistance to Life. In man these two meet, and his Herculean task is to bring them to perfect equipoise. As adept, he achieves this in his own nature. As Logos, he establishes it in a Solar System of his own emanation. Since man is the only being in whom spirit and matter are equally present, he becomes the battleground of the universe. Armageddon is waged within him. The spirit in him suffers continual "defeat" until the day of the development of the Higher Mind. From that time onwards, the "defeat" of matter is assured. When the light of intuition begins to shine within man, victory is in his hands. As a race he then establishes brotherhood on his Planetary home. As an individual he "enters the Stream",becoming an Initiate of the Greater Mysteries, and later an Adept.

trong mười Đẳng cấp của các Ngài làm biểu hiện Sự Sống Vĩnh Cửu theo "Linh từ". Trong một trong nhiều phương diện của mình, các Sephira Đảo Nghịch là những biểu hiện của Chất liệu Vĩnh Cửu và tinh thần kháng cự cố hữu của nó đối với Sự Sống. Trong con người, hai điều này gặp nhau, và nhiệm vụ như Hercules của y là đưa chúng đến trạng thái quân bình hoàn hảo. Với tư cách chân sư, y đạt được điều này trong bản chất của chính mình. Với tư cách Thượng đế Ngôi Lời, y thiết lập nó trong một Hệ mặt trời do chính y xuất lộ. Vì con người là sinh linh duy nhất trong đó tinh thần và vật chất hiện diện ngang nhau, y trở thành chiến trường của vũ trụ. Armageddon được tiến hành bên trong y. Tinh thần trong y chịu "thất bại" liên tục cho đến ngày Thượng trí phát triển. Từ đó trở đi, "thất bại" của vật chất là điều chắc chắn. Khi ánh sáng của trực giác bắt đầu chiếu rạng trong con người, chiến thắng nằm trong tay y. Với tư cách một nhân loại, bấy giờ y thiết lập tình huynh đệ trên quê nhà Hành Tinh của mình. Với tư cách cá nhân, y "nhập Lưu",trở thành một điểm đạo đồ của các Bí Nhiệm Lớn, và về sau là một Chân sư.

As manifested powers, both spirit and matter are septenates, and find expression in and through seven principles. Those of Deity are the modifications in Divine consciousness of which the seven states of matter are the material product. The seven principles of Satan, in the occult sense, are those seven planes of matter and their seven sub-planes. Neither Satan as a personal devil, an isolated embodiment of infamy, nor God as an extra-Cosmic, almighty, infinite yet personal, moral Governor, whose laws can be abrogated or modified by personal persuasion or bargaining, as assumed in the popular imagination or the theological mind, has any place in occult philosophy. There is truth in the concept of a Cosmic pair of opposites, spirit and matter, activity and inertia, construction and destruction, I-am-ness and

Như các quyền năng biểu hiện, cả tinh thần lẫn vật chất đều là những thất phân, và tìm thấy biểu hiện trong và qua bảy nguyên khí. Các nguyên khí của Thượng đế là những biến thái trong tâm thức Thiêng Liêng mà bảy trạng thái của vật chất là sản phẩm vật chất của chúng. Bảy nguyên khí của Satan, theo nghĩa huyền bí, là bảy cõi vật chất ấy và bảy cõi phụ của chúng. Cả Satan như một ác quỷ cá nhân, một hiện thân cô lập của sự đê tiện, lẫn Thượng đế như một Đấng Cai Quản đạo đức, toàn năng, vô hạn nhưng có tính cá nhân, ở ngoài Vũ trụ, mà các định luật của Ngài có thể bị bãi bỏ hay sửa đổi bằng sự thuyết phục cá nhân hoặc mặc cả, như trí tưởng tượng bình dân hay tâm trí thần học giả định, đều không có chỗ trong triết học huyền bí. Có chân lý trong quan niệm về một cặp đối cực Vũ trụ: tinh thần và vật chất, hoạt động và quán tính,

I-am-all-ness, but their man-made images are a delusion.

xây dựng và hủy diệt, tính Ta-là và tính Ta-là-tất-cả, nhưng các hình ảnh do con người tạo ra về chúng chỉ là ảo tưởng.

Nevertheless, in their exoteric aspects, almost all religions have promulgated the idea of an Evil Being in perpetual opposition to the Supreme Deity. Popular Christianity is no exception, though, as is the case with so many of its doctrines, the Satanic form has changed with the passage of time. Dante described the Devil as a giant with three heads, coloured red, yellow and black. Milton and Goethe presented a tragic, yet heroic and even reasonable, man of the world. The Devil has also been made to wear a one-piece suit of red and to be armed with* a pitchfork. Behind these popular images is a concept of Satan as a fallen angel, a once-pure spirit, continually tempting man to sin. Since evil is a negative quality, being merely the lack of good in man, and Satan is the embodiment of that evil, he cannot be regarded as a positive, existing principle. Rather does he represent the absence of the good, empty spaces in the omnipresent web of the universe, interstices, perhaps, in the warp and weft upon which the great Weaver perpetually weaves, or manifests outwardly, Divine ideas.

Tuy nhiên, trong các phương diện ngoại môn của chúng, hầu như mọi tôn giáo đều đã truyền bá ý tưởng về một Sinh Mệnh Ác trong sự đối lập vĩnh viễn với Thượng đế Tối Cao. Kitô giáo bình dân cũng không ngoại lệ, mặc dù, như trường hợp của rất nhiều giáo lý của nó, hình tướng Satan đã thay đổi theo thời gian. Dante mô tả Quỷ Dữ như một gã khổng lồ có ba đầu, mang màu đỏ, vàng và đen. Milton và Goethe trình bày một con người của thế gian bi kịch, nhưng anh hùng và thậm chí hợp lý. Quỷ Dữ cũng đã bị làm cho mặc một bộ đồ liền thân màu đỏ và cầm* một cây chĩa. Đằng sau những hình ảnh bình dân này là quan niệm về Satan như một thiên thần sa ngã, một tinh thần từng thanh khiết, liên tục cám dỗ con người phạm tội. Vì cái ác là một phẩm tính tiêu cực, chỉ là sự thiếu vắng điều thiện trong con người, và Satan là hiện thân của cái ác ấy, y không thể được xem là một nguyên khí hiện hữu, tích cực. Đúng hơn, y biểu thị sự vắng mặt của điều thiện, những khoảng trống trong tấm lưới toàn hiện của vũ trụ, có lẽ là những kẽ hở trong sợi dọc và sợi ngang trên đó Đấng Dệt Vĩ Đại mãi mãi dệt nên, hay biểu hiện ra bên ngoài, các ý tưởng Thiêng Liêng.

The existence of both Devil and evil is intimately associated with the attribute of free-will in man. Within the structure of cosmic law, and apart from the irresistible evolutionary thrust, man possesses the freedom to think, plan, speak and act either in accordance with Nature's purpose or against it. When, whether consciously or unconsciously, he operates against it, he becomes an antagonist of cosmic purpose. In consequence, he generates for himself adverse or "evil" experiences and conditions of life. If he continues, he tends to become cut oif from

Sự hiện hữu của cả Quỷ Dữ lẫn cái ác liên hệ mật thiết với thuộc tính ý chí tự do trong con người. Bên trong cấu trúc của định luật vũ trụ, và ngoài xung lực tiến hoá không thể cưỡng lại, con người có tự do suy nghĩ, lập kế hoạch, nói năng và hành động hoặc phù hợp với mục đích của Thiên Nhiên, hoặc chống lại nó. Khi, dù có ý thức hay vô thức, y vận hành chống lại mục đích ấy, y trở thành kẻ đối kháng với mục đích vũ trụ. Do đó, y tạo ra cho chính mình những kinh nghiệm và điều kiện sống bất lợi hay "ác". Nếu y tiếp tục, y có khuynh hướng bị cắt lìa khỏi các dòng của Mãnh lực Sự Sống

the currents of the universal Life-force, isolated, a being of death rather than of life. Some men have thus continued to exercise their freedom of action. They are the so-called black magicians, the Dark Powers, the followers of the Left Hand Path, the Lords of the Dark Face, the dread Brothers of the Shadow. Their destiny is not to be annihilated, but to sink into the condition known as *Avichi,* the "wave-less", the opposite pole to Nirvana to which the Adepts of the Right Hand Path attain. Ultimately, in a later cycle of manifestation, these who become highly developed embodiments of self-separateness re-embark upon the involutionary and evolutionary journey. Satan himself, if regarded as an existent being, would seem to have exercised this freedom; for at some time he must have chosen a path of individualistic, self-separative motive and action.

Thus, in one aspect, Satan is a personification of *Ahamkara,* the I-making impulse from which arises the delusion of self-separateness within omnipresent Spirit-Life. All evil, and in consequence all human sorrow, is said to spring from this heresy of "separateness". In another aspect, the fabulous monster which is the Satan of popular theology may be regarded as an excuse, a scapegoat, someone to take the blame for the errors into which humanity falls whilst passing through the purely emotional and mental (especially) phases of its evolution.

The action of the Inverse Sephira, Beelzebub, "God of Flies", Prince of Devils, may be taken as an example of the place granted in occult philosophy to some of the dark Numerations. They are regarded in general as personifications of the resistance of matter to the harmonising process which Nature must achieve in and through her son—man—before the close of *Maha-Manvantara.* This resistance cannot with truth be regarded as evil, since

phổ quát, trở nên cô lập, một sinh linh của chết hơn là của sống. Một số người đã tiếp tục sử dụng tự do hành động của mình như vậy. Họ là những nhà hắc thuật được gọi như thế, các Quyền Lực Hắc Ám, những người theo tả đạo, các Chúa Tể của Diện Mạo Hắc Ám, những Huynh Đệ đáng sợ của Bóng Tối. Định mệnh của họ không phải là bị tiêu diệt, mà là chìm vào trạng thái được biết là *Avichi,* cái "không sóng", cực đối lập với Niết Bàn mà các Chân sư của chánh đạo đạt tới. Cuối cùng, trong một chu kỳ biểu hiện về sau, những kẻ trở thành các hiện thân phát triển cao của sự tự biệt lập lại lên đường trong hành trình giáng hạ tiến hoá và thăng thượng tiến hoá. Chính Satan, nếu được xem như một sinh linh hiện hữu, dường như đã sử dụng sự tự do này; vì vào một thời điểm nào đó, y hẳn đã chọn một con đường của động cơ và hành động cá nhân chủ nghĩa, tự phân ly.

Như vậy, theo một phương diện, Satan là sự nhân cách hóa của *Ahamkara,* xung lực tạo cái Tôi, từ đó phát sinh ảo tưởng về sự tự biệt lập trong Tinh Thần-Sự Sống toàn hiện. Mọi cái ác, và do đó mọi khổ đau của con người, được nói là phát sinh từ tà thuyết "biệt lập" này. Theo một phương diện khác, con quái vật huyền thoại vốn là Satan của thần học bình dân có thể được xem như một lời bào chữa, một vật tế thần, một kẻ gánh tội cho những sai lầm mà nhân loại rơi vào khi đi qua các giai đoạn thuần cảm xúc và trí tuệ, đặc biệt là trí tuệ, trong tiến hoá của mình.

Hoạt động của Sephira Đảo Nghịch, Beelzebub, "Thượng đế của Ruồi", Hoàng Tử của Quỷ Dữ, có thể được lấy làm ví dụ về vị trí dành trong triết học huyền bí cho một số Phân Số hắc ám. Nói chung, chúng được xem là những nhân cách hóa của sự kháng cự của vật chất đối với tiến trình hài hòa hóa mà Thiên Nhiên phải đạt được trong và qua con của bà—con người—trước khi *Đại giai kỳ sinh hóa* kết thúc. Sự kháng cự này không thể thật sự được xem

without it there could be no development and expression of latent powers.

là cái ác, vì nếu không có nó thì các quyền năng tiềm tàng không thể phát triển và biểu hiện.

As the scarab beetle encloses the seed of its life in a ball of mud, so, it would seem, does Beelzebub, also named Lord of Scarabs, enshroud the Monads of men in material vehicles. Having performed its enclosing function, the scarab rolls the ball of mud to a sunny spot and leaves it to its own devices and to the influence of the sun. Ultimately the egg hatches and brings forth the larva which becomes the winged scarab, in its turn parent of further eggs. Beelzebub, in its esoteric meaning, may perhaps be regarded as a personification of that impulse, which the scarab shares with all Nature, to enclose life in forms, Monads in bodies, and to send them forth on their cyclic journeyings or bind them to the wheel of major and minor cycles. That is probably why the scarab was sacred in Egypt; for as an insect, it habitually exhibits one of Nature's most mysterious powers and attributes.

Như bọ hung bao bọc hạt giống sự sống của nó trong một viên bùn, thì dường như Beelzebub, cũng được gọi là Chúa Tể của Bọ Hung, cũng che phủ các chân thần của con người trong các vận cụ vật chất. Sau khi thực hiện chức năng bao bọc, bọ hung lăn viên bùn đến một nơi có nắng và để nó tự xoay xở, dưới ảnh hưởng của mặt trời. Cuối cùng, trứng nở và sinh ra ấu trùng, rồi trở thành bọ hung có cánh, đến lượt nó lại là cha mẹ của những trứng khác. Theo ý nghĩa huyền bí, Beelzebub có lẽ có thể được xem như sự nhân cách hóa của xung lực mà bọ hung cùng chia sẻ với toàn thể Thiên Nhiên: bao bọc sự sống trong các hình tướng, các chân thần trong các thể, và đưa chúng ra đi trên những cuộc hành trình chu kỳ của chúng, hoặc buộc chúng vào bánh xe của các chu kỳ lớn và nhỏ. Có lẽ đó là lý do tại sao bọ hung được xem là thiêng liêng ở Ai Cập; vì với tư cách một côn trùng, nó thường xuyên biểu lộ một trong những quyền năng và thuộc tính huyền nhiệm nhất của Thiên Nhiên.

One Order of the Inverse Sephiras, possibly the second and third Numerations, are Intelligences who fashioned the mental, emotional and etheric-physical bodies of the first three Races of men to inhabit this earth in this world period. These *Pitris,* as they are called in Hinduism, also fulfilled the office of "inducting "or "luring "the Monad-Egos of those Races into the bodies which they had constructed for them. Since this materialising function appears evil from the point of view of the evolutionary arc which tends towards spiritualisation, these Intelligences are sometimes referred to as the Satanic Hierarchies. As is stated in Part V, "The Miracle of Birth and the World Mother", when investigating the descent of human Egos into birth, I received evidence that a corresponding

Một Đẳng cấp của các Sephira Nghịch, có thể là các Số Đếm thứ hai và thứ ba, là những Trí Tuệ đã tạo dựng các thể trí, cảm xúc và dĩ thái-hồng trần của ba Giống dân đầu tiên của nhân loại cư ngụ trên Trái Đất này trong chu kỳ thế giới này. Các *Pitris,* như chúng được gọi trong Ấn giáo, cũng hoàn thành chức năng "dẫn nhập "hay "lôi cuốn "các Chân thần-Chân ngã của những Giống dân ấy vào các thể mà chúng đã kiến tạo cho họ. Vì chức năng vật chất hóa này có vẻ là ác từ quan điểm của cung tiến hóa vốn hướng đến sự tinh thần hóa, nên những Trí Tuệ này đôi khi được gọi là các Huyền Giai Satan. Như đã nêu trong Phần Năm, "Phép Lạ của Sự Sinh và Mẹ Thế Giới", khi khảo sát sự giáng hạ của các Chân ngã con người vào sự sinh ra, tôi đã nhận được bằng chứng rằng một chức năng tương ứng vẫn còn được các

function is still performed by members of the Angelic Hosts for all human beings on the pre-natal or downward "arc "of the cycle of each successive birth, when the Ego projects a ray of its power, life and consciousness from the realm of Spiritual Intelligence in which it abides. Members of one Order of the Angelic Hosts assist in building the mental, emotional, etheric-physical bodies, in their mutual adjustment and in the induction of human consciousness into them.

Whilst the enshrouding, burying, embodying function of certain of the Inverse Sephiras does impose temporary limitations upon the life within, it cannot truly be regarded as evil. Neither can the Intelligences concerned with these processes, be regarded, with any truth, as Satanic; for descent is essential to ascent, temporary embodiment to the development of latent powers. In the Egyptian religion, the God "Khepera, 'he who rolls was the 'father' of the Gods and the creator of all things in heaven and earth ... self-begotten and self-born . . . identified with the rising sun and new birth generally."

In Kabbalism, the Inverse Sephiras are opposite Numerations to the Superior Sephiras. They are personifications of functions apparently opposed to those which the Superior Sephiras perform. The former are on the side of matter and the latter on that of spirit. The former accentuate the *guna* of *tamas,* the latter *rajas.* The middle pillar in the diagram of the Sephirothal Tree represents, in one aspect, man the harmoniser, the balancer, the embodied principle of equilibrium. His office in the universe is to establish and maintain *sattva.*

The symbol of involution, the blazing sword with curved blade, resembling a lightning flash, is portrayed in the Tree of Life by means of a line drawn from Kether through Chokmah, Binah. Chesed, Geburah, Tiphereth,

thành viên của các Đạo Binh Thiên Thần thực hiện cho mọi con người trên cung tiền-sinh hay giáng hạ "cung "của chu kỳ mỗi lần sinh kế tiếp, khi Chân ngã phóng chiếu một tia quyền năng, sự sống và tâm thức của nó từ cõi Trí Tuệ Tinh Thần nơi nó an trú. Các thành viên của một Đẳng cấp thuộc các Đạo Binh Thiên Thần trợ giúp trong việc xây dựng các thể trí, cảm xúc, dĩ thái-hồng trần, trong sự điều chỉnh lẫn nhau của chúng và trong việc dẫn nhập tâm thức con người vào chúng.

Dù chức năng che phủ, chôn vùi, nhập thể của một số Sephira Nghịch quả thật áp đặt những giới hạn tạm thời lên sự sống bên trong, nó không thể thực sự được xem là ác. Những Trí Tuệ liên quan đến các tiến trình này cũng không thể, với bất cứ chân lý nào, được xem là Satan; vì sự giáng hạ là thiết yếu cho sự thăng lên, sự nhập thể tạm thời là thiết yếu cho sự phát triển các quyền năng tiềm tàng. Trong tôn giáo Ai Cập, vị Thượng đế "Khepera, 'đấng lăn' là 'cha' của các Thần và là đấng sáng tạo mọi sự trên trời và dưới đất... tự sinh và tự xuất sinh... được đồng nhất với mặt trời mọc và sự sinh mới nói chung."

Trong Kabbalism, các Sephira Nghịch là những Số Đếm đối nghịch với các Sephira Thượng Đẳng. Chúng là sự nhân cách hóa của các chức năng dường như đối lập với những chức năng mà các Sephira Thượng Đẳng thực hiện. Nhóm trước đứng về phía vật chất, còn nhóm sau đứng về phía tinh thần. Nhóm trước nhấn mạnh *guna* của *tamas,* nhóm sau *rajas.* Cột giữa trong đồ hình của Cây Sephiroth biểu trưng, theo một phương diện, cho con người là kẻ điều hòa, kẻ quân bình, nguyên khí nhập thể của sự quân bình. Chức năng của y trong vũ trụ là thiết lập và duy trì *sattva.*

Biểu tượng của giáng hạ tiến hóa, thanh kiếm rực lửa với lưỡi cong, giống như tia chớp, được mô tả trong Cây Sự Sống bằng một đường kẻ từ Kether qua Chokmah, Binah, Chesed, Geburah, Tiphereth, Netzach, Hod và Yesod

Netzach, Hod and Yesod into Malkuth. The evolutionary path, symbolised by the caduceus, the wand of Hermes, in one of its many meanings, is obtained by two lines rising from Malkuth, proceeding upwards and crossing over at each Sephira of the central pillar.

vào Malkuth. Con đường thăng thượng tiến hoá, được biểu tượng bằng trượng caduceus, cây gậy của Hermes, theo một trong nhiều ý nghĩa của nó, được tạo thành bởi hai đường đi lên từ Malkuth, tiến lên trên và giao nhau tại mỗi Sephira của cột trung tâm.

THE ARCH-FIENDS – CÁC ĐẠI ÁC MA

The Inverse Sephiras in their ten degrees thus answer to the decade of the Sephiroth, but in inverse ratio, as darkness and impurity increase with the descent of each degree. This position becomes apparent when the functions of the Inverse Sephiras are compared with those of their corresponding Superior Sephiras. The former are also referred to as the Lords of Unbalanced Forces, sometimes associated with "the Kings that reigned in the land of Edom, before there reigned any king over the children of Israel". Kabbalistically they are linked with the Qliphoth who were Intelligences or *Pitris* connected with the deepest phases of the process of involution or forthgoing at which, before the path of return was entered upon, a condition of unbalance or non-equilibrium between spirit and matter existed for a time. In terms of human evolution the kings of Edom referred to the Archetypal, shadowy, non-physical, "pre-Adamite "first race of men on earth which was androgynous or created before the balance of the sexes. The equilibrated compound of spirit and matter, positive and negative, male and female came about after the separation of the sexes in the later Third Root Race.

Như vậy, các Sephira Nghịch trong mười cấp độ của chúng tương ứng với thập vị của Sephiroth, nhưng theo tỷ lệ nghịch, vì bóng tối và bất tịnh gia tăng theo sự giáng xuống của mỗi cấp độ. Vị trí này trở nên rõ ràng khi các chức năng của các Sephira Nghịch được so sánh với các chức năng của các Sephira Thượng Đẳng tương ứng. Nhóm trước cũng được gọi là các Chúa Tể của Những Mãnh Lực Bất Quân Bình, đôi khi được liên kết với "các vua đã trị vì trong đất Edom, trước khi có bất cứ vua nào trị vì trên con cái Israel". Theo Kabbalah, chúng được liên hệ với Qliphoth, vốn là các Trí Tuệ hay *Pitris* liên quan đến những giai đoạn sâu nhất của tiến trình giáng hạ tiến hoá hay sự đi ra, trong đó, trước khi Con Đường Trở Về được bước vào, đã có trong một thời gian một tình trạng mất quân bình hay không-quân-bình giữa tinh thần và vật chất. Theo tiến hóa nhân loại, các vua Edom chỉ Giống dân đầu tiên trên Trái Đất, có tính nguyên mẫu, bóng mờ, phi-hồng trần, "tiền-Adam "vốn là lưỡng tính hay được tạo ra trước khi có sự quân bình của hai phái tính. Hợp thể quân bình của tinh thần và vật chất, dương và âm, nam và nữ, xuất hiện sau sự phân chia hai phái tính trong Giống dân gốc thứ Ba về sau.

The Orders of retrograde spirits and Arch-fiends correspond to the angels and Archangels, and are enumerated by A. E. Waite in his book *The Doctrine and Literature of the Kabalah* as follows:

Các Đẳng cấp của những tinh thần thoái hóa và các Đại ác ma tương ứng với các thiên thần và Tổng lãnh thiên thần, và được A. E. Waite liệt kê trong sách của ông *Giáo Lý và Văn Học của Kabalah* như sau:

"THAUMIEL, the doubles of God, said to be

"THAUMIEL, những đối ngẫu của Thượng đế,

two-headed and so named, because they pretend to be equal to the Supreme Crown. This is properly the title of the averse *Sephira* corresponding to *Kether.* The cortex is CATHARIEL, according to the Supplements of the Zohar. Satan and Moloch are said to be the arch-demons, but the attributions are hopelessly confused throughout, partly owing to the obscure classifications of the Zohar and the contradictions of later Kabalists.

được nói là có hai-đầu và được gọi như vậy vì chúng giả vờ ngang hàng với Vương Miện Tối Cao. Đây đúng ra là danh xưng của *Sephira* nghịch tương ứng với *Kether.* Lớp vỏ là CATHARIEL, theo các Phụ Lục của Zohar. Satan và Moloch được nói là các đại quỷ, nhưng các quy thuộc đều rối rắm đến vô vọng, một phần do các phân loại mù mờ của Zohar và các mâu thuẫn của những nhà Kabbalah về sau.

"CHAIGIDIEL, a term connecting with the significance of *placenta,* or, according to other authorities, with that of obstruction, in the sense of an impediment to the heavenly influx. This averse *Sephira* corresponds to *Chokmah.* Its cortices are the OGHIEL or GHOGIEL which cleave to illusory or material appearances in opposition to those of reality and wisdom. This explanation is, of course, very late. The arch-demon is said to be ADAM BELIAL, and so again is Beelzebuth. The Dukes of Esau are also connected with this number.

"CHAIGIDIEL, một thuật ngữ liên hệ với ý nghĩa của *nhau thai,* hoặc, theo các thẩm quyền khác, với ý nghĩa của sự cản trở, theo nghĩa một chướng ngại đối với luồng tuôn đổ thiên thượng. *Sephira* nghịch này tương ứng với *Chokmah.* Các lớp vỏ của nó là OGHIEL hay GHOGIEL vốn bám chặt vào các vẻ ngoài ảo tưởng hay vật chất, đối lập với những gì thuộc về thực tại và minh triết. Dĩ nhiên, lời giải thích này rất muộn. Đại quỷ được nói là ADAM BELIAL, và Beelzebuth cũng lại được nói như vậy. Các Công tước của Esau cũng được liên hệ với số này.

SATHARIEL, the concealment of God, meaning that this averse *Sephira,* unlike *Binah,* or Intelligence, hides the face of mercy. In the Supplements of the Zohar it is termed sheiriel, from the hirsute body of Esau. The Dukes of Esau are referred to this number, instead of to the averse correspondence of *Chokmah,* by the same work. lucifuge is said to be the arch-demon, but this is obviously not a Kabalistic term; it is known, however, to the grimories and to some later demonologists of the Latin church.

SATHARIEL, sự che giấu Thượng đế, nghĩa là *Sephira* nghịch này, không giống *Binah,* hay Trí Tuệ, che khuất khuôn mặt của lòng thương xót. Trong các Phụ Lục của Zohar, nó được gọi là sheiriel, từ thân thể đầy lông của Esau. Cũng tác phẩm ấy quy các Công tước của Esau vào số này, thay vì vào tương ứng nghịch của *Chokmah,*. lucifuge được nói là đại quỷ, nhưng rõ ràng đây không phải là một thuật ngữ Kabbalah; tuy nhiên, nó được biết đến trong các sách ma thuật và với một số nhà quỷ học về sau của giáo hội Latinh.

GAMCHICOTH, OR GOG SHEKLAH, disturber of all things, the averse correspondence of *Chesed.* According to the Zoharic Supplements the cortex seems to be azariel. The arch-demon is astaroth in late Kabalism.

GAMCHICOTH, HAY GOG SHEKLAH, kẻ khuấy động mọi sự, là tương ứng nghịch của *Chesed.* Theo các Phụ Lục Zohar, lớp vỏ dường như là azariel. Đại quỷ là astaroth trong Kabbalism muộn.

GOLAB, or burning in the sense of incendiarism. This is the averse

GOLAB, hay sự cháy theo nghĩa phóng hỏa. Đây là tương ứng nghịch của *Geburah* và là

correspondence of *Geburah* and the antithesis of the Seraphim or Fiery Serpents. The cortex is usiel. The arch-demon of late Kabalism is asmodeus.

phản đề của Seraphim hay các Xà Lửa. Lớp vỏ là usiel. Đại quỷ của Kabbalism muộn là asmodeus.

TOGARINI, wranglers, because, according to Isaac de Loria, this averse correspondence of *Tiphereth* strives with the supernal *Geburah.* The cortices are called zomiel and the arch-demon is BELAHEGOR.

TOGARINI, những kẻ tranh cãi, vì theo Isaac de Loria, tương ứng nghịch này của *Tiphereth* tranh đấu với *Geburah* thiên thượng. Các lớp vỏ được gọi là zomiel và đại quỷ là BELAHEGOR.

HARAB SERAP, dispersing raven, referring to the idea that this bird drives out its young, the averse correspondence of *Netzach.* The cortices are the theumiel and the arch-demon is baal chan an.

HARAB SERAP, quạ phân tán, ám chỉ ý tưởng rằng loài chim này đuổi con non của nó đi, là tương ứng nghịch của *Netzach.* Các lớp vỏ là theumiel và đại quỷ là baal chan an.

SAMAEL, or embroilment, corresponding to *Hod,* the supernal Victory. The cortices are THEUNIEL according to the Supplements of the Zohar, and ADRAMALEK is the name assigned to the archdemon by late writers.

SAMAEL, hay sự gây rối, tương ứng với *Hod,* Chiến Thắng thiên thượng. Các lớp vỏ là THEUNIEL theo các Phụ Lục của Zohar, và ADRAMALEK là tên được các tác giả muộn gán cho đạiquỷ.

***GAMALIEL,* the obscene, in averse correspondence with *Jesod,* which signifies the generation of the higher order, OGIEL, which other classifications attribute to the averse correspondence of *Chesed,* seems to be the cortex mentioned in the Zoharic Supplements, and the arch-fiend is LILITH, according to late Kabalism.**

***GAMALIEL,* kẻ dâm ô, trong tương ứng nghịch với *Jesod,* vốn biểu thị sự sinh thành của đẳng cấp cao hơn, OGIEL, mà các phân loại khác quy cho tương ứng nghịch của *Chesed,* dường như là lớp vỏ được nhắc đến trong các Phụ Lục Zohar, và đại ác ma là LILITH, theo Kabbalism muộn.**

LILITH is, however, according to another tabulation, the averse correspondence of *Malkuth,* with whom later Kabalism connects NAHEMA, the demon of impurity."

LILITH tuy nhiên, theo một bảng kê khác, là tương ứng nghịch của *Malkuth,* mà Kabbalism muộn liên hệ với NAHEMA, con quỷ của sự bất tịnh."

THE SATANIC HIERARCHIES – CÁC HUYỀN GIAI SATAN

Lofty Intelligences, *Dhyan Chohans,* the Archangels and angels of Kabbalism, direct both the involutionary and the evolutionary processes and ensure their "success". Those assisting on the downward arc tend to be regarded by man as Satanic. Those active on the upward arc are regarded as redemptive. Scriptural allegories present them as antagonists and man looks upon them as

Những Trí Tuệ cao cả, *Dhyan Chohans,* các Tổng lãnh thiên thần và thiên thần của Kabbalism, điều khiển cả các tiến trình giáng hạ tiến hoá lẫn tiến hóa và bảo đảm "thành công" của chúng. Những vị trợ giúp trên cung giáng hạ có khuynh hướng bị con người xem là Satan. Những vị hoạt động trên cung thăng thượng được xem là có tính cứu chuộc. Các ẩn dụ trong thánh kinh trình bày

devilish and divine respectively. In reality, they are mutually equipoised powers working for temporarily opposite objectives.

họ như những đối thủ, và con người nhìn họ lần lượt như ma quỷ và thiêng liêng. Trong thực tại, họ là những quyền năng quân bình lẫn nhau, đang làm việc cho các mục tiêu tạm thời đối lập.

The Irish poet, James Stephens, intuited and expressed this profoundly occult teaching in his poem, *The Fullness of Time*:

Nhà thơ Ireland, James Stephens, đã trực nhận và diễn đạt giáo lý huyền bí sâu xa này trong bài thơ của ông, *Sự Viên Mãn của Thời Gian*:

"On a rusty iron throne,
Past the furthest star of space,
I saw Satan sit alone,
Old and haggard was his face;
For his work was done, and he Rested in eternity.
"And to him from out the sun Came his father and his friend,
Saying,—Now the work is done Enmity is at an end—
And He guided Satan to Paradises that He knew.
"Gabriel, without a frown;
Uriel, without a spear;
Raphael, came singing down,
Welcoming their ancient peer;
And they seated him beside One who had been crucified."

"Trên ngai sắt hoen gỉ,
Vượt ngôi sao xa nhất của không gian,
Tôi thấy Satan ngồi một mình,
Gương mặt y già nua và hốc hác;
Vì công việc y đã hoàn tất, và y an nghỉ trong vĩnh cửu.
"Và từ mặt trời, đến với y là cha và bạn của y,
Phán rằng,—Nay công việc đã xong, hận thù đã chấm dứt—
Và Ngài dẫn Satan đến những Thiên Đàng mà Ngài biết.
"Gabriel, không chau mày;
Uriel, không ngọn giáo;
Raphael, ca hát đi xuống,
Chào đón bạn đồng hàng cổ xưa của các Ngài;
Và các Ngài đặt y ngồi bên cạnh Đấng đã chịu đóng đinh."

THE NATURE OF EVIL – BẢN CHẤT CỦA ÁC

Pneumatology apart, Satan as the personification and incarnation of pure evil has, in occult philosophy, no existence by himself. Evil is but the absence of good. It exists only for him or her who is made its victim. *Demon Deus inversus est.* The Devil is the shadow of himself which a man sees when he turns his back to the light. Nature is neither good nor evil, and manifestation follows only

Gác khoa thần linh học sang một bên, Satan với tư cách sự nhân cách hóa và hiện thân của ác thuần túy, trong triết học huyền bí, không có sự tồn tại tự thân. Ác chỉ là sự vắng mặt của thiện. Nó chỉ tồn tại đối với người nam hay người nữ bị biến thành nạn nhân của nó. *Demon Deus inversus est.* Quỷ là cái bóng của chính con người mà y nhìn thấy khi quay lưng lại với ánh sáng. Thiên Nhiên không thiện

unchanging and impersonal law.

The existence and human experience of the duality of spirit and matter, light and darkness, motion and inertia, expansion and contraction, cause man to think of these as good and evil respectively. If resistance provides a fulcrum, then it is regarded as good. If it frustrates—as by the all-too-familiar "malice of the object" —or harms man, then it is evil in his eyes. The analogy of the searchlight partly illustrates this. Outside the beam and, as it were, pressing upon it from every side, is darkness. Light and darkness are perceived as a pair of opposites. The light-giving effects of the beam ceases at the limit of its range. There darkness begins. Thereafter darkness reigns. The instant the current is switched off, darkness reigns everywhere. If light is good, then the searchlight might be classed by man as good and the darkness as evil. But what, in fact, is that darkness which man calls evil? It is matter not subjected to light. Darkness is unlighted matter. Man calls it evil, and for him the Devil personifies this state.

Plotinus, in his Tractate on *The Nature and Source of Evil,* translated by Stephen McKenna and B. S. Page, says:

"Evil is from the Ancient Kind which we read is the underlying Matter not yet brought to order by the Ideal Form.

"Given that The Good is not the only existent thing, it is inevitable that by the outgoing from it or, if the phrase be preferred, the continuous down-going, or away-going from it, there should be produced a Last something after which nothing more can be produced; this will be evil.

"As necessarily as there is Something after the First, so necessarily there is a Last; this Last is Matter, the thing that has no residue of good in

cũng không ác, và sự biểu hiện chỉ tuân theo định luật bất biến và phi cá nhân.

Sự tồn tại và kinh nghiệm của con người về Nhị nguyên của tinh thần và vật chất, ánh sáng và bóng tối, chuyển động và Quán tính, mở rộng và co rút, khiến con người lần lượt nghĩ về chúng như thiện và ác. Nếu lực cản cung cấp một điểm tựa, thì nó được xem là thiện. Nếu nó làm thất bại—như qua "ác ý của vật thể" quá quen thuộc—hoặc gây hại cho con người, thì trong mắt y nó là ác. Hình ảnh tương đồng của đèn pha phần nào minh họa điều này. Bên ngoài chùm sáng, và như thể ép lên nó từ mọi phía, là bóng tối. Ánh sáng và bóng tối được nhận thức như một cặp đối cực. Các hiệu quả phát sáng của chùm sáng chấm dứt ở giới hạn tầm chiếu của nó. Ở đó bóng tối bắt đầu. Sau đó bóng tối ngự trị. Ngay khi dòng điện bị tắt, bóng tối ngự trị khắp nơi. Nếu ánh sáng là thiện, thì con người có thể xếp đèn pha vào loại thiện và bóng tối vào loại ác. Nhưng trên thực tế, bóng tối mà con người gọi là ác ấy là gì? Đó là vật chất chưa chịu ánh sáng. Bóng tối là vật chất không được soi sáng. Con người gọi nó là ác, và đối với y, Quỷ nhân cách hóa trạng thái này.

Plotinus, trong khảo luận của ông về *Bản Chất và Nguồn Gốc của Ác,* do Stephen McKenna và B. S. Page dịch, nói rằng:

"Ác đến từ Loại Cổ Xưa mà chúng ta đọc thấy là Vật Chất nền tảng chưa được Hình Tướng Lý Tưởng đưa vào trật tự.

"Nếu thừa nhận rằng Thiện không phải là sự vật hiện tồn duy nhất, thì điều tất yếu là do sự đi ra từ nó, hoặc nếu muốn dùng cụm từ ấy, sự liên tục đi xuống, hay đi xa khỏi nó, sẽ tạo ra một cái Sau Cùng nào đó mà sau nó không còn gì có thể được tạo ra nữa; cái này sẽ là ác.

"Cũng tất yếu như có Cái Gì Đó sau Đấng Đầu Tiên, thì cũng tất yếu có một Cái Sau Cùng; Cái Sau Cùng này là Vật Chất, sự vật không

it; here is the necessity of evil."

To this, whilst concurring, the occultist would doubtless add "according to the mind and values of man". For in their essential existence, spirit and matter are neither moral nor unmoral, neither good nor bad. They exist as apparent opposites; that is all. Matter appears to resist spirit. But so does the fulcrum of lever, yet without a fulcrum, leverage is impossible. So, apart from human values and human experience, evil as an actual creation does not exist. The origin of evil is in the mind of man. All things can appear as either evil or good, according to human experience and human use of them. Shakespeare echoed this teaching in his words: "Nothing is either good or bad, but thinking made it so."

còn chút tàn dư thiện nào trong nó; ở đây là sự tất yếu của ác."

Đối với điều này, trong khi đồng ý, nhà huyền bí học chắc chắn sẽ thêm "theo thể trí và các giá trị của con người". Vì trong sự tồn tại cốt yếu của chúng, tinh thần và vật chất không có đạo đức cũng không vô đạo đức, không thiện cũng không xấu. Chúng tồn tại như những đối cực biểu kiến; chỉ vậy thôi. Vật chất dường như chống lại tinh thần. Nhưng điểm tựa của đòn bẩy cũng vậy, thế mà nếu không có điểm tựa thì không thể có tác dụng đòn bẩy. Do đó, tách khỏi các giá trị và kinh nghiệm của con người, ác như một tạo vật thực sự không tồn tại. Nguồn gốc của ác nằm trong thể trí con người. Mọi sự có thể hiện ra như ác hoặc thiện, tùy theo kinh nghiệm của con người và cách con người sử dụng chúng. Shakespeare đã vọng lại giáo lý này trong lời của ông: "Không có gì tự nó là thiện hay ác, chỉ tư tưởng khiến nó thành như vậy."

PART IV CO-OPERATION – PHẦN IV SỰ HỢP TÁC

CHAPTER I CEREMONIAL AS A MEANS OF CO-OPERATION BETWEEN ANGELS AND MEN – CHƯƠNG I NGHI LỄ NHƯ MỘT PHƯƠNG TIỆN HỢP TÁC GIỮA THIÊN THẦN VÀ CON NGƯỜI

THE INDWELLING LIFE – SỰ SỐNG NỘI TẠI

THE ministry of the angels, a cardinal doctrine of many faiths, has long been a living reality to a great many people. Occult research supports the doctrine, revealing that, as part of that ministry, certain Orders of angels are regularly present at religious Services and certain other Ceremonials; for whenever superphysical forces are evoked and directed, whether by means of thought and will alone or by the use of symbols, signs and words of power, appropriate Orders of angels at once appear as the natural agents of those forces. Their function is both to conserve and direct the

Sứ vụ của các thiên thần, một giáo lý chủ yếu của nhiều tín ngưỡng, từ lâu đã là một thực tại sống động đối với rất nhiều người. Khảo cứu huyền bí ủng hộ giáo lý này, mặc khải rằng, như một phần của sứ vụ ấy, một số Đẳng cấp thiên thần thường xuyên hiện diện tại các Buổi Lễ tôn giáo và một số Nghi lễ khác; vì bất cứ khi nào các mãnh lực siêu hồng trần được gợi lên và điều hướng, dù chỉ bằng tư tưởng và ý chí hay bằng việc sử dụng các biểu tượng, dấu hiệu và Quyền năng từ, thì các Đẳng cấp thiên thần thích hợp lập tức xuất hiện như những tác nhân tự nhiên của các mãnh lực ấy. Chức năng của các Ngài vừa

forces generated by ceremonial action, prayer and adoration and to serve as channels for the power and the blessing which descend in response. This ministration is far more effectively carried out when recognised by ministrants and congregation.

Two other aspects of the subject are, however, worthy of consideration. There are the effect upon the evolving life in Nature of Church Services such as the Celebration of the Holy Eucharist and the participation in human worship of the nature spirits and the Angelic Hosts. A digression is, however, necessary in order to present the point of view from which I write concerning the life and consciousness of Nature. Under certain conditions of heightened awareness, the universal, indwelling, divine Life becomes visible, though translation of such vision into brain consciousness and words presents many difficulties. When this state is attained, the divine Life in Nature is seen as an all-pervading, glowing, golden Life-force, omnipresent as an ensouling principle in every atom of every world. Physical forms then disappear. One is within and part of an all-pervading ocean of golden, glowing Life, which consists of myriads of points of light, interconnected by lines of force, the whole being part of an apparently infinite, living web of exceedingly fine mesh which pervades all beings, all things, all worlds. Each of the points is found to be a source of Life, almost a sun, within which Life-force wells up as from an inexhaustible fount. From these centres, the golden power flows along the great web, vitalising all substance. There is no dead matter. All beings and all things are seen to be filled with the indwelling Life or Fire of God.

là bảo tồn và điều hướng các mãnh lực được tạo ra bởi hành động nghi lễ, cầu nguyện và tôn kính, vừa là phụng sự như các kênh dẫn cho quyền năng và phúc lành giáng xuống để đáp ứng. Sự phụng sự này được thực hiện hiệu quả hơn rất nhiều khi được các vị hành lễ và hội chúng nhận biết.

Tuy nhiên, hai phương diện khác của chủ đề này đáng được xem xét. Đó là hiệu quả của các Buổi Lễ Nhà Thờ, như Lễ Cử Hành Thánh Thể, đối với sự sống đang tiến hóa trong Thiên Nhiên, và sự tham dự của các tinh linh tự nhiên cùng các Đạo Binh Thiên Thần vào việc thờ phượng của con người. Tuy nhiên, cần có một đoạn lược luận để trình bày quan điểm mà từ đó tôi viết về sự sống và tâm thức của Thiên Nhiên. Dưới một số điều kiện của sự nhận biết được nâng cao, Sự Sống thiêng liêng, phổ quát, nội tại trở nên khả kiến, dù việc chuyển dịch linh ảnh ấy vào tâm thức bộ não và ngôn từ gặp nhiều khó khăn. Khi trạng thái này đạt được, Sự Sống thiêng liêng trong Thiên Nhiên được thấy như một Mãnh lực-Sự sống vàng óng, rực sáng, thấm nhuần khắp mọi nơi, hiện diện khắp nơi như một nguyên khí phú linh trong mỗi nguyên tử của mỗi thế giới. Khi ấy các hình tướng hồng trần biến mất. Người ta ở bên trong và là một phần của đại dương Sự Sống vàng óng, rực sáng, thấm nhuần khắp mọi nơi, gồm vô số điểm sáng, liên kết với nhau bằng các đường mãnh lực, toàn thể là một phần của một mạng lưới sống động dường như vô hạn, có mắt lưới cực kỳ tinh vi, thấm nhuần mọi sinh linh, mọi sự vật, mọi thế giới. Mỗi điểm được thấy là một nguồn Sự Sống, gần như một mặt trời, bên trong đó Mãnh lực-Sự sống tuôn trào như từ một nguồn suối vô tận. Từ các trung tâm này, quyền năng vàng óng chảy dọc theo mạng lưới vĩ đại, tiếp sinh lực cho mọi chất liệu. Không có vật chất chết. Mọi sinh linh và mọi sự vật được thấy là đầy tràn Sự Sống nội tại hay Lửa của Thượng đế.

An inspired poet truly described this state of consciousness:

Một thi sĩ được cảm hứng đã mô tả thật đúng trạng thái tâm thức này:

"Lo! Heaven and earth are burning, shining, filled

With that surpassing glory which Thou art.

Lost in its light each mortal weakness, stilled

Each rapt adoring heart."

"Kìa! Trời và đất đang cháy sáng, rạng ngời, tràn đầy

Vinh quang siêu tuyệt là chính Ngài.

Trong ánh sáng ấy, mọi yếu đuối phàm nhân tan mất, lặng yên

Mỗi trái tim ngây ngất tôn thờ."

In the light of this vision, it would seem that the life of Nature is quickened every time the Holy Eucharist and certain other rituals are performed. The degree of response varies in each of the kingdoms of Nature and depends upon evolutionary development. In the mineral kingdom in which consciousness "sleeps" it is relatively dull; in the plant in which consciousness "dreams" it is greater; in the animal and in nature spirits, in both of which consciousness "awakens", it is greater still; and in self-conscious beings such as angels and men it is greatest of all. At each Celebration, the power of response throughout the five kingdoms is increased, and this aid in the attainment of heightened awareness is part of the usefulness of every valid religious Rite.

Trong ánh sáng của linh ảnh này, dường như sự sống của Thiên Nhiên được làm cho linh hoạt mỗi khi Thánh Thể và một số nghi lễ khác được thực hiện. Mức độ đáp ứng thay đổi trong mỗi giới của Thiên Nhiên và tùy thuộc vào sự phát triển tiến hóa. Trong giới kim thạch, nơi tâm thức "ngủ" thì nó tương đối mờ nhạt; trong cây cỏ, nơi tâm thức "mơ" thì nó lớn hơn; trong giới động vật và trong các tinh linh tự nhiên, nơi ở cả hai tâm thức "thức tỉnh", nó còn lớn hơn nữa; và trong các sinh linh có ngã thức như thiên thần và con người, nó lớn nhất trong tất cả. Ở mỗi Lễ Cử Hành, quyền năng đáp ứng trong khắp năm giới được gia tăng, và sự trợ giúp này

trong việc đạt tới sự nhận biết được nâng cao là một phần hữu ích của mọi Nghi lễ tôn giáo chân chính.

In illustration, Nature may be likened to a plant which depends upon sunlight for its growth and flowering. If, after many cloudy days, the sun suddenly appears in all its brilliance, the life-processes of the plant are greatly stimulated, as the experiments of Sir Jagadish Chandra Bose, the great Indian scientist, so clearly demonstrated. If, in addition, the sun itself could be brought down to the plant without harming it and the plant receive into itself directly and individually an added measure of sunlight, then its whole growth would be correspondingly stimulated. It has seemed to me that a similar but spiritual, quickening occurs at Holy Communion, when the Lord Christ, the Sun of Divine Love, as also the Son of God, in His own Person draws near to all Nature and through the Sacred Elements is received by man.

Để minh họa, Thiên Nhiên có thể được ví như một cây trồng tùy thuộc vào ánh sáng mặt trời để tăng trưởng và nở hoa. Nếu sau nhiều ngày mây phủ, mặt trời bỗng xuất hiện trong toàn bộ vẻ rực rỡ của nó, các tiến trình sự sống của cây được kích thích mạnh mẽ, như các thí nghiệm của Sir Jagadish Chandra Bose, nhà khoa học Ấn Độ vĩ đại, đã chứng minh rất rõ. Nếu thêm vào đó, chính mặt trời có thể được đưa xuống với cây mà không làm hại nó, và cây trực tiếp, riêng biệt tiếp nhận vào trong mình một lượng ánh sáng mặt trời tăng thêm, thì toàn bộ sự tăng trưởng của nó cũng sẽ được kích thích tương ứng. Đối với tôi, dường như một sự làm linh hoạt tương tự nhưng có tính tinh thần xảy ra trong Lễ Hiệp Thông Thánh, khi Đức Chúa Christ, Mặt Trời của Tình Thương thiêng liêng, cũng là Con của Thượng đế, trong chính Ngôi Vị của Ngài đến gần toàn thể Thiên Nhiên và, qua các Yếu Tố Thiêng Liêng, được con người tiếp nhận.

THE HOLY EUCHARIST – THÁNH THỂ

My understanding of this wider significance of Church worship was deepened by observation of the response of Nature and the participation of the angels at an open-air Celebration of the Holy Eucharist in Java. The selected site of the temporary Church, which was a garden on the slopes of Arjoena Mountain, permitted a splendid view across a great plain to Mount Kawi and, in the remote distance, to Mount Semeroe.

Sự thấu hiểu của tôi về thâm nghĩa rộng lớn hơn này của việc thờ phượng trong Nhà Thờ đã được đào sâu nhờ quan sát sự đáp ứng của Thiên Nhiên và sự tham dự của các thiên thần tại một Lễ Cử Hành Thánh Thể ngoài trời ở Java. Địa điểm được chọn cho Nhà Thờ tạm thời, vốn là một khu vườn trên sườn Núi Arjoena, cho phép nhìn thấy một cảnh quan tráng lệ qua một đồng bằng rộng lớn đến Núi Kawi và, ở khoảng cách xa xôi, đến Núi Semeroe.

Before the service began, nature spirits assembled near the Church in large numbers, attracted by the preparations and the intent of all concerned. As might be expected in this lovely land of luxuriant tropical vegetation, fairies and tree-spirits predominated in this

Trước khi buổi lễ bắt đầu, các tinh linh tự nhiên tụ họp gần Nhà Thờ với số lượng lớn, bị thu hút bởi những chuẩn bị và ý định của tất cả những người liên quan. Như có thể dự đoán trong vùng đất xinh đẹp với thảm thực vật nhiệt đới sum suê này, các tiên nữ và tinh linh

assembly, whilst the great mountain Gods participated from their stations above their respective peaks. In addition, certain high Gods of earth, water, air and fire attended, as would seem to be the case at every such Celebration, when they contribute their special power and direct the participation in the Service of their subordinates and the forces of their element. This is especially noticeable at the *Offertorium,* in which all Nature seems to unite with man in the offering of the elements and in selfsurrender to the Lord of Life.

cây chiếm ưu thế trong cuộc tụ hội này, trong khi các vị Thần núi vĩ đại tham dự từ vị trí của các Ngài phía trên những đỉnh núi tương ứng. Ngoài ra, một số vị Thần cao cả của đất, nước, khí và lửa cũng tham dự, như dường như vẫn xảy ra ở mọi Lễ Cử Hành như thế, khi các Ngài đóng góp quyền năng đặc biệt của mình và điều hướng sự tham dự vào Buổi Lễ của các thuộc cấp và các mãnh lực thuộc nguyên tố của các Ngài. Điều này đặc biệt đáng chú ý tại *Offertorium,* trong đó toàn thể Thiên Nhiên dường như hợp nhất với con người trong sự dâng hiến các yếu tố và trong sự tự hiến cho Chúa Tể của Sự Sống.

As angels and nature spirits from near and far thus shared in human worship, the Celebration in Java assumed a magnitude far beyond anything visible at the physical level. At the moment of Consecration when, as always, the Power and the Presence of the Lord descended in a golden radiance, with the Host at its heart, the angels bowed low in reverence. The Life in all Nature in the neighbourhood of the Church seemed to glow more brilliantly. The consciousness of mineral and plant seemed to awake and respond, as the glory of His Presence shone from the altar as the truly magical words of Consecration were uttered. Angels joined mentally with the human congregation in fullest measure in the *te adoremus* and *adeste fideles,* their participation appearing to be far more vivid than man's, since human consciousness is dulled by incarnation. At the *ite missa est,* as is usual, the spiritual forces generated by the whole ceremony were liberated upon the world, angels accompanying them on their spiritualising mission. The Gods of Nature and the nature spirits, having received into themselves these quickening forces, later released them into those aspects of Nature with which they were variously associated.

Khi các thiên thần và tinh linh tự nhiên từ gần và xa cùng tham dự vào sự thờ phượng của con người như vậy, Lễ Cử Hành ở Java đạt đến một tầm vóc vượt xa bất cứ điều gì có thể thấy ở cấp độ hồng trần. Vào khoảnh khắc Thánh Hiến, khi, như luôn luôn, Quyền Năng và Sự Hiện Diện của Chúa giáng xuống trong một hào quang vàng óng, với Bánh Thánh ở trung tâm, các thiên thần cúi thấp trong lòng tôn kính. Sự Sống trong toàn thể Thiên Nhiên quanh vùng Nhà Thờ dường như rực sáng hơn. Tâm thức của giới kim thạch và thực vật dường như thức tỉnh và đáp ứng, khi vinh quang của Sự Hiện Diện của Ngài chiếu sáng từ bàn thờ lúc những lời Thánh Hiến thực sự huyền thuật được thốt ra. Các thiên thần hợp nhất trong trí với hội chúng nhân loại đến mức trọn vẹn nhất trong *te adoremus* và *adeste fideles,* sự tham dự của các Ngài dường như sinh động hơn con người rất nhiều, vì tâm thức con người bị làm mờ bởi sự nhập thể. Tại *ite missa est,* như thường lệ, các mãnh lực tinh thần được tạo ra bởi toàn bộ nghi thức được giải phóng lên thế giới, các thiên thần đi cùng chúng trong sứ mệnh tinh thần hóa. Các Thần của Thiên Nhiên và các tinh linh tự nhiên, sau khi đã tiếp nhận vào trong mình các mãnh lực làm linh hoạt này, về sau phóng thích chúng vào những phương diện của Thiên Nhiên mà

các vị ấy lần lượt liên hệ.

Thus, externally, through the Rite which He instituted, and by the co-operation of angels and men, the Lord of Love keeps His promise to be with us "always even unto the end of the World". Interiorly, He needs no ceremonial to keep this promise; for in His mystical at-one-ment with the Spiritual Selves of all mankind, He pours into them His perfected and quickening Life and Light and Power. Even so, awareness in consciousness of His perpetual atoning Ministry could be aided by united worship in forms found to be elevating to those of various temperaments.

Như vậy, bên ngoài, qua Nghi lễ mà Ngài đã thiết lập, và nhờ sự hợp tác của thiên thần và con người, Chúa Tể của Tình Thương giữ lời hứa của Ngài là ở cùng chúng ta "luôn luôn cho đến tận cùng Thế Giới". Bên trong, Ngài không cần nghi lễ nào để giữ lời hứa này; vì trong sự hợp nhất thần bí của Ngài với các Bản Ngã Tinh Thần của toàn thể nhân loại, Ngài tuôn đổ vào họ Sự Sống, Ánh Sáng và Quyền Năng hoàn thiện và làm linh hoạt của Ngài. Dẫu vậy, sự nhận biết trong tâm thức về Sứ Vụ Cứu Chuộc thường hằng của Ngài có thể được hỗ trợ bởi sự thờ phượng hợp nhất trong những hình thức được thấy là nâng cao đối với những người thuộc các khí chất khác nhau.

CHAPTER II ANGELIC CO-OPERATION IN THE MAYAN, HINDU AND JEWISH RELIGIONS – CHƯƠNG II SỰ HỢP TÁC THIÊN THẦN TRONG CÁC TÔN GIÁO MAYA, ẤN ĐỘ VÀ DO THÁI

THE DEVIC SEAL – ẤN DẤU THIÊN THẦN

WHILST ceremonial intelligently performed is one of the most effective means of co-operation between angels and men, it is by no means essential. The human mind is a powerful broadcasting and receiving station. When empowered by strong will, trained in concentration and illumined by intuitive recognition of the unity of life, the mind becomes an exceedingly potent instrument.

TRONG KHI nghi lễ được thực hiện một cách thông minh là một trong những phương tiện hữu hiệu nhất để hợp tác giữa thiên thần và con người, nó tuyệt nhiên không thiết yếu. Thể trí con người là một trạm phát và thu mạnh mẽ. Khi được tiếp quyền năng bởi ý chí mạnh mẽ, được rèn luyện trong sự tập trung và được soi sáng bởi sự nhận biết trực giác về tính duy nhất của sự sống, thể trí trở thành một khí cụ cực kỳ mạnh mẽ.

When human thought is strongly directed towards a particular Order of angels, a mental signal is despatched and received by members of that Order. If the sender has attained to a certain universality of consciousness, and his motive is. In consequence entirely selfless, the angels will unfailingly respond. Man may then direct his thought-force into, and himself enter, the chosen field of work, assured of angelic co-operation.

Khi tư tưởng con người được hướng mạnh mẽ đến một Đẳng cấp thiên thần đặc biệt, một tín hiệu trí tuệ được phóng đi và được các thành viên của Đẳng cấp ấy tiếp nhận. Nếu người gửi đã đạt tới một mức độ phổ quát nào đó của tâm thức, và động cơ của y do đó hoàn toàn vô ngã, các thiên thần sẽ đáp ứng không sai chạy. Khi ấy con người có thể điều hướng mãnh lực tư tưởng của mình vào, và chính mình bước vào, lĩnh vực công việc đã chọn, với sự chắc

chắn về hợp tác thiên thần.

This combined activity may consist of such ministrations to others as spiritual healing, inspiration, protection, or aid in overcoming weakness of character. Collaboration may also be sought in order to achieve needed inspiration in the execution of altruistic work. Angels are powerful allies in such ministrations, being able both to open up the channels of inspiration between the higher consciousness and the brain and telepathically to convey a train of illuminating ideas to receptive minds.

Hoạt động phối hợp này có thể gồm những sự phụng sự đối với người khác như trị liệu tinh thần, cảm hứng, bảo hộ, hoặc trợ giúp trong việc vượt qua sự yếu kém của Tính cách. Sự cộng tác cũng có thể được tìm kiếm nhằm đạt được cảm hứng cần thiết trong việc thực hiện công việc vị tha. Các thiên thần là những đồng minh đầy quyền năng trong những sự phụng sự như thế, vì các Ngài có thể vừa mở các kênh cảm hứng giữa tâm thức cao hơn và bộ não, vừa truyền bằng viễn cảm một chuỗi các ý tưởng soi sáng đến những thể trí tiếp nhận.

The regular practice of invoking the help of the angels is found to produce a change in the human aura. The link thus formed is visible as an area of brilliant light vibrating at the frequencies characteristic of the auras of the angels. When this *devic* seal, as it is called, is vivified by ceremonial action or by thought and will alone, it "transmits" a signal on the wave-lengths of the particular Order of angels whose aid is being invoked. This call is then "picked up" by the angels to whom it corresponds in terms of vibratory frequency. Their attention thus gained, they are at once ready to render assistance.

Việc thực hành đều đặn sự khẩn cầu trợ giúp của các thiên thần được thấy là tạo ra một biến đổi trong hào quang con người. Mối liên kết được hình thành như vậy có thể thấy được như một vùng ánh sáng rực rỡ rung động theo các tần số đặc trưng của hào quang các thiên thần. Khi ấn dấu *thiên thần* này, như nó được gọi, được làm cho sống động bởi hành động nghi lễ hoặc chỉ bởi tư tưởng và ý chí, nó "truyền" một tín hiệu trên các bước sóng của Đẳng cấp thiên thần đặc biệt mà sự trợ giúp đang được khẩn cầu. Lời gọi này khi ấy được các thiên thần tương ứng với nó về tần số rung động "bắt được". Khi sự chú ý của các Ngài đã được thu hút như vậy, các Ngài lập tức sẵn sàng trợ giúp.

Although clairvoyance is of help in this process, it also is not essential. Regular practice, based upon intuitive recognition of the truth of these ideas, will quickly provide strong evidence, if not proof, of the reality and efficacy of co-operation between angels and men. Such co-operation is indeed, continually occurring in the realm of the Higher Self of man, unaware of the fact though the lower self may be.

Mặc dù thông nhãn có ích trong tiến trình này, nó cũng không thiết yếu. Sự thực hành đều đặn, dựa trên sự nhận biết trực giác về chân lý của các ý tưởng này, sẽ nhanh chóng cung cấp bằng chứng mạnh mẽ, nếu không phải là chứng cứ, về thực tại và hiệu lực của sự hợp tác giữa thiên thần và con người. Quả thật, sự hợp tác như thế đang liên tục diễn ra trong cõi của Bản Ngã Cao Siêu nơi con người, dù phàm ngã có thể không hay biết điều đó.

As previously stated, each of the well-established nations of the world is presided over by an angel Ruler who assists the race in

Như đã nêu trước đây, mỗi quốc gia đã được thiết lập vững chắc trên thế giới đều được một thiên thần Chủ Tinh chủ trì, vị này trợ giúp

the fulfilment of its destiny. These great Archangels—" Thrones" in Christian angelology—inspire the nation through the national Ego or Oversoul, and its leaders through their Higher Selves. Under such conditions of angelic inspiration, a statesman becomes possessed of powers hitherto unsuspected in him. As long as he selflessly serves his nation, his power will grow. Should selfish interests blind him to his duty to the State, angelic and other inspiration would be withdrawn and his power decline, a phenomenon not infrequently observable in the lives of public men. Whilst such co-operation is always available and is not infrequently given, its effectiveness is greatly increased when it is initiated and recognised by man.

nhân loại trong việc hoàn thành định mệnh của nó. Các Tổng lãnh thiên thần vĩ đại này—"Các Ngai" trong thiên thần học Kitô giáo—gợi cảm hứng cho quốc gia qua Chân ngã hay đại hồn quốc gia, và cho các nhà lãnh đạo của nó qua các Bản Ngã Cao Siêu của họ. Dưới những điều kiện của cảm hứng thiên thần như vậy, một chính khách trở nên sở hữu các quyền năng mà trước đó trong ông chưa hề được ngờ tới. Chừng nào ông phụng sự quốc gia mình một cách vô ngã, quyền năng của ông sẽ tăng trưởng. Nếu các lợi ích ích kỷ làm ông mù lòa trước bổn phận đối với Nhà Nước, cảm hứng thiên thần và các cảm hứng khác sẽ được rút lại và quyền năng của ông suy giảm, một hiện tượng không hiếm khi có thể quan sát trong đời sống của các nhân vật công chúng. Dù sự hợp tác như vậy luôn sẵn có và không hiếm khi được ban cho, hiệu quả của nó tăng lên rất nhiều khi con người khởi xướng và nhận biết nó.

The Gods were thus recognised by the peoples of olden days and their aid was invoked. Belief in them by the peoples of ancient Egypt, Greece, Assyria and India should not, however, be regarded as evidence of polytheism. The existence of one Supreme Being was always recognised, the Gods being regarded as subordinate manifestations of aspects and powers of that One Alone. These beings were not mere figments of the imagination, nor were they solely personifications of natural forces, laws and phenomena. Occult research reveals that certain of them had a real existence and were none other than the Angelic Hosts with whom the people of those days, particularly the Initiates of the Sanctuaries, consciously co-operated.

Các Thần đã được các dân tộc thời xưa nhận biết như vậy, và sự trợ giúp của các Ngài được khẩn cầu. Tuy nhiên, niềm tin nơi các Ngài của các dân tộc Ai Cập, Hy Lạp, Assyria và Ấn Độ cổ đại không nên được xem là bằng chứng của đa thần giáo. Sự tồn tại của một Đấng Tối Cao duy nhất luôn luôn được nhận biết, còn các Thần được xem là những biểu hiện phụ thuộc của các phương diện và quyền năng của Đấng Duy Nhất ấy. Những sinh linh này không phải chỉ là sản phẩm tưởng tượng, cũng không chỉ là sự nhân cách hóa của các mãnh lực, định luật và hiện tượng tự nhiên. Khảo cứu huyền bí mặc khải rằng một số trong các Ngài có sự tồn tại thực sự và không ai khác hơn là các Đạo Binh Thiên Thần mà người dân thời ấy, đặc biệt là các Điểm đạo đồ của các Thánh điện, đã hợp tác một cách có ý thức.

MAYAN GODS – CÁC THẦN MAYA

Interesting records of such collaboration have been discovered in Central America.

Những ghi chép thú vị về sự cộng tác như thế đã được phát hiện ở Trung Mỹ. Theo các khảo

According to the researches of Ricardo Mimenza Castillo of Yucatan, who has for many years been interested in Mayan research, this ancient people practised co-operation between angels and men. Apparently every department of life was supposed to be presided over by an appropriate deity. Here is a list of them as given in the *St. Louis Star:*

cứu của Ricardo Mimenza Castillo ở Yucatan, người trong nhiều năm đã quan tâm đến nghiên cứu Maya, dân tộc cổ đại này đã thực hành sự hợp tác giữa thiên thần và con người. Dường như mọi lĩnh vực của đời sống đều được cho là do một thần linh thích hợp chủ trì. Sau đây là danh sách các vị ấy như được nêu trong *St. Louis Star:*

"Hunab-Ku, comparable to Zeus, goddess of medicine; Ixazahualoh, goddess of weaving; Ixchebelyax, goddess of painting; Zuhuykah, goddess of virginity; Zitholontum, god of medicine; Xocvitun, god of singing; Akinzoc, god of music; Pizlimtec, god of poetry; Kukulcan, god of war; Ahchuykak, the twins of the past and of attributes; Acate, god of commerce; Mutulzec, god of tortures; Chas, god of agriculture; Tabai, god of fishing; Kinichkakmo, god of fire; Ztab, god of suicide; Ekxhuah, god of travellers; to which are to be added the following tutelary deities: Kinch Ahan Haban, god of Campeche; Chun Caan, god of T-ho; Kabul, god of a place not known, but also the right hand of Izamal; Kakupacat, god of fire and Hun Ahau, also known as Yum Kimil, god of the underworld.

"Hunab-Ku, có thể so sánh với Zeus, nữ thần y học; Ixazahualoh, nữ thần dệt; Ixchebelyax, nữ thần hội họa; Zuhuykah, nữ thần trinh khiết; Zitholontum, thần y học; Xocvitun, thần ca hát; Akinzoc, thần âm nhạc; Pizlimtec, thần thi ca; Kukulcan, thần chiến tranh; Ahchuykak, cặp song sinh của quá khứ và của các thuộc tính; Acate, thần thương mại; Mutulzec, thần tra tấn; Chas, thần nông nghiệp; Tabai, thần đánh cá; Kinichkakmo, thần lửa; Ztab, thần tự sát; Ekxhuah, thần của những người du hành; thêm vào đó là các thần bảo hộ sau đây: Kinch Ahan Haban, thần của Campeche; Chun Caan, thần của T-ho; Kabul, thần của một nơi chưa được biết, nhưng cũng là tay phải của Izamal; Kakupacat, thần lửa và Hun Ahau, cũng được biết đến là Yum Kimil, thần của âm phủ.

"To make these names pronounceable, it should be stated that Mayan and Aztec "x "had the sound of "sh "in English.

"Để làm cho các tên này có thể phát âm được, cần nói rằng chữ "x" trong Maya và Aztec có âm "sh" trong tiếng Anh.

"Whether by accident or relationship, many of these Mayan gods had their counterparts in the mythology of the Greeks. For instance, the Mayan underworld was very similar to that presided over by Pluto. It was a place wrapped in eternal darkness and all those cast into it for transgressions in life suffered without end from cold, hunger, thirst, sleepiness, tortures, the sight of cruel spectacles, and were obliged to keep on wandering in the fashion of the Wandering Jew.

"Dù do ngẫu nhiên hay do quan hệ, nhiều vị thần Maya này có các đối phần của họ trong thần thoại Hy Lạp. Chẳng hạn, âm phủ Maya rất giống với nơi do Pluto chủ trì. Đó là một nơi bị bao phủ trong bóng tối vĩnh cửu, và tất cả những ai bị ném vào đó vì các vi phạm trong đời đều chịu khổ vô tận vì lạnh, đói, khát, buồn ngủ, tra tấn, cảnh tượng tàn ác, và bị buộc phải tiếp tục lang thang theo kiểu Người Do Thái Lang Thang.

"The Mayans also had their heaven or

"Người Maya cũng có thiên đường hay lạc

paradise. It was an abode blessed with an ideal climate in which all plant and animal life flourished as nowhere in this physical world. The souls that were translated into this Elysium spent their time in what may be called the Platonian discussions of the purpose of existence and the true nature of the supreme God. From these labours they rested by listening to music and regaling themselves with perfumes and other delights.

cảnh của họ. Đó là một nơi cư ngụ được ban phúc với khí hậu lý tưởng, nơi mọi đời sống thực vật và động vật phát triển thịnh vượng như không nơi nào trong thế giới hồng trần này. Các linh hồn được chuyển vào cõi Elysium này dành thời gian của họ cho những điều có thể gọi là các cuộc luận đàm kiểu Plato về mục đích của sự tồn tại và bản chất đích thực của Thượng đế tối cao. Sau những công việc ấy, họ nghỉ ngơi bằng cách lắng nghe âm nhạc và thưởng thức hương thơm cùng những lạc thú khác.

"This heaven was presided over by four Bacabes, the Bacabe being a sort of angel, one of whom sat at each of the principal cardinal points and was assisted by one of the Chaques, gods of wind and rain. The four Chaques were of different hues. The one in the north was white, the one in the south yellow, he in the east, red and he in the west, black.

"Cõi trời này do bốn Bacabes chủ quản, Bacabe là một loại thiên thần, mỗi vị ngự tại một trong các điểm phương chính yếu và được một trong các Chaques, các thần gió và mưa, trợ giúp. Bốn Chaques có những sắc thái khác nhau. Vị ở phương bắc màu trắng, vị ở phương nam màu vàng, vị ở phương đông màu đỏ và vị ở phương tây màu đen.

"The underworld was under the rule of Abcatanas, whose duty it was to foster the sacred tree with its four roots and four branches. Here, as in the celestial regions, everything was arranged in fours, due possibly to the notion of the Mayans that the earth was a square plane.

"Cõi âm nằm dưới sự cai quản của Abcatanas, vị có phận sự nuôi dưỡng cây thiêng với bốn rễ và bốn cành của nó. Ở đây, cũng như trong các vùng thiên giới, mọi sự đều được sắp xếp theo bộ bốn, có thể do quan niệm của người Maya rằng Trái Đất là một mặt phẳng hình vuông.

"In Chicen-Itza, Hunab-Ku, the Supreme, is pictured as the god from whose eyes flow two streams of tears, one to the right and one to the left of him. From these streams rise all floral and faunal life. The general interpretation of this is that Hunab-Ku is engaged in the creation either as act of sacrifice or grief.

"Tại Chicen-Itza, Hunab-Ku, Đấng Tối Cao, được mô tả như vị thần từ đôi mắt tuôn chảy hai dòng lệ, một dòng về bên phải và một dòng về bên trái của Ngài. Từ những dòng này phát sinh toàn bộ sự sống thực vật và động vật. Cách giải thích tổng quát về điều này là Hunab-Ku đang dấn thân vào công cuộc sáng tạo, hoặc như một hành vi hi sinh, hoặc như một nỗi sầu thương.

"All in all, the Mayan concept of religion was unusually spiritual and refined and lacked entirely the grossness of what came to be known as the religion of the Aztecs, a similar people living contemporaneously on the Tableland of Anahuac, more especially the

"Nhìn chung, quan niệm tôn giáo của người Maya đặc biệt tinh thần và tinh tế, hoàn toàn thiếu sự thô bạo của điều về sau được biết đến như tôn giáo của người Aztec, một dân tộc tương tự sống cùng thời trên Cao nguyên Anahuac, đặc biệt hơn là các bộ lạc khi ấy cư

tribes that inhabited then the valley of Mexico.

ngụ trong thung lũng Mexico.

"The Mayan temples resemble the structure of the Aztecs in their major feature which was the pyramid base of the sanctuary. It is still a question whether the Mayan borrowed this important detail from the builders of the pyramids who left the ruins at San Juan Teotihuacan, in the valley of Mexico, to tell their heroic tale; or whether the Mayan remains at Chicen-Itza were the prototype."

"Các đền thờ Maya giống với cấu trúc của người Aztec ở đặc điểm chính yếu, đó là nền kim tự tháp của thánh điện. Vẫn còn là một vấn đề liệu người Maya đã vay mượn chi tiết quan trọng này từ những đấng kiến tạo kim tự tháp, những người để lại các tàn tích tại San Juan Teotihuacan, trong thung lũng Mexico, để kể lại câu chuyện anh hùng của họ; hay liệu các di tích Maya tại Chicen-Itza mới là nguyên mẫu."

The sound of these unusual names is very interesting. Experimenting with them, I found that they have a distinct *mantric* value. A continuous repetition of some of them, with a strong intent to evoke its possessor, has the effect of calling certain of these Mayan Gods and Goddesses. Here is an interesting field of experiment for any reader who is sufficiently sensitive to know when an answer is obtained to an evocation of this kind, *which, however, should never be made without a definite and lawful purpose.*

Âm thanh của những tên gọi lạ thường này rất thú vị. Khi thử nghiệm với chúng, tôi thấy rằng chúng có một giá trị *mantram* rõ rệt. Việc lặp lại liên tục một vài tên trong số đó, với ý định mạnh mẽ nhằm gợi lên chủ nhân của tên ấy, có tác dụng triệu gọi một số Nam Thần và Nữ Thần Maya này. Đây là một lĩnh vực thử nghiệm thú vị cho bất cứ độc giả nào đủ nhạy bén để biết khi nào đã nhận được một đáp ứng đối với một sự gợi lên thuộc loại này, *tuy nhiên, điều này không bao giờ nên được thực hiện nếu không có một mục đích xác định và hợp pháp.*

The Mayan angels present a characteristic appearance, their faces somewhat resembling those of Mayan and Peruvian statues. Many of them seem to have close affinity with the sun and with sun worship. Kakupacat, for example, would appear to be a salamander of great power and to be associated with solar fire resident in the centre of the earth, also which manifested through volcanoes. Kinichkakmo apparently represents surface fire and the element of fire generally. A point of interest in the account of the Mayan Gods is the reference to the four Bacabes of the cardinal points with their assistant Chaques and symbolic colours. Of these, the God of the East was red, that of the North, white, that of the South, yellow and that of the West, black.

Các thiên thần Maya có một dáng vẻ đặc trưng, khuôn mặt của họ phần nào giống với các tượng Maya và Peru. Nhiều vị trong số họ dường như có mối liên hệ mật thiết với mặt trời và với việc thờ phụng mặt trời. Chẳng hạn, Kakupacat dường như là một salamander có quyền năng lớn và liên hệ với Lửa Thái dương cư ngụ trong trung tâm Trái Đất, cũng là lửa biểu hiện qua các núi lửa. Kinichkakmo dường như đại diện cho lửa bề mặt và Nguyên tố lửa nói chung. Một điểm đáng chú ý trong tường thuật về các Nam Thần Maya là sự đề cập đến bốn Bacabes của các điểm phương chính yếu cùng với các Chaques phụ tá và các màu sắc biểu tượng của họ. Trong số này, Thần phương Đông màu đỏ, Thần phương Bắc màu trắng, Thần phương Nam màu vàng và Thần phương Tây màu đen.

THE DEVARAJAS – CÁC DEVARAJA

Hinduism is replete with information concerning the Gods and prescribed methods for their invocation. The Hindu name of the *Devaraja,* or Regent, of the East is Dhritarashtra, Lord of Air, and for His subordinate hosts, *Gandharvas,* their symbolic colour being white. This suggests the attribute of power for the East, as in the Mayan arrangement, which in its later epoch was possibly contemporary with early Indian civilisation. The *Gandharvas* are the *devas* of music, embodiments of the power of the sound of the creative "Word". The Hindu name of the *Devaraja* of the West is Virupaksha, Lord of Fire, and His hosts, Nagas, their symbolic colour being red. The Hindu name for the *De varaja,* or Regent, of the South, is Yirudhaka, Lord of Waters, and His hosts are called Kumbhandas, the symbolic colour being blue. The *Devaraja,* or Regent of the North, is called Vaishravana, also Kuvera, Lord of Earth, and His hosts are the Yakshas, the symbolic colour being golden.

Ấn giáo chứa đầy thông tin liên quan đến các Nam Thần và các phương pháp được quy định để khẩn cầu các Ngài. Tên Ấn giáo của *Devaraja,* hay Đấng Nhiếp Chính, của phương Đông là Dhritarashtra, Chúa Tể của Khí, và tên của các đoàn tùy thuộc của Ngài là *Gandharvas,* màu biểu tượng của họ là trắng. Điều này gợi ý thuộc tính quyền năng dành cho phương Đông, cũng như trong cách sắp xếp của người Maya, vốn ở thời kỳ muộn hơn có thể đồng thời với nền văn minh Ấn Độ sơ kỳ. Các *Gandharvas* là những *deva* của âm nhạc, hiện thân của quyền năng âm thanh của "Linh từ" sáng tạo. Tên Ấn giáo của *Devaraja* phương Tây là Virupaksha, Chúa Tể của Lửa, và các đoàn của Ngài là Nagas, màu biểu tượng của họ là đỏ. Tên Ấn giáo của *De varaja,* hay Đấng Nhiếp Chính, phương Nam là Yirudhaka, Chúa Tể của Nước, và các đoàn của Ngài được gọi là Kumbhandas, màu biểu tượng là xanh lam. *Devaraja,* hay Đấng Nhiếp Chính phương Bắc, được gọi là Vaishravana, cũng là Kuvera, Chúa Tể của Đất, và các đoàn của Ngài là Yakshas, màu biểu tượng là vàng kim.

ACCORDING TO THE HEBREWS – THEO NGƯỜI HEBREW

Some Jewish traditions say that there are four Orders or Companies of angels, each with an Archangel Head, the first Order being that of Michael, the second of Gabriel, the third of Uriel and the fourth of Raphael. The Cherubim were angels of the power of the strength of God. They seem to have been associated with the East or, as it was called in the Temple, the Mercy Seat. St. Paul, describing the ancient rites of the Jews in his *Epistle to the Hebrews,* Chapter IX, says:

Một vài truyền thống Do Thái nói rằng có bốn Bộ hay Đoàn thiên thần, mỗi đoàn có một Tổng lãnh Thiên thần đứng đầu; Bộ thứ nhất là của Michael, bộ thứ hai của Gabriel, bộ thứ ba của Uriel và bộ thứ tư của Raphael. Cherubim là các thiên thần của quyền năng thuộc sức mạnh của Thượng đế. Họ dường như liên hệ với phương Đông, hay như được gọi trong Đền Thờ, Ngai Xá Tội. Thánh Paul, khi mô tả các nghi lễ cổ xưa của người Do Thái trong *Thư gửi tín hữu Hebrew,* Chương IX, nói:

"And after the second veil, the tabernacle which is called the Holiest of all; . . . and over it the cherubims of glory shadowing the mercy seat."

"Và sau bức màn thứ hai là nhà tạm được gọi là Nơi Chí Thánh;... và phía trên nó là các cherubim vinh quang phủ bóng trên ngai xá tội."

The Archangel Michael, who is the Angelic

Tổng lãnh Thiên thần Michael, Đấng là Vị

Head of the Ray of power, would seem to be the Ruler of the Cherubim, for in *Genesis* III, verse 24, we are informed:

Đứng Đầu Thiên Thần của Cung quyền năng, dường như là Đấng Cai Quản Cherubim, vì trong *Sáng Thế Ký* III, câu 24, chúng ta được cho biết:

"He placed at the east of the garden of Eden Cherubim and a flaming sword which turned every way to keep the way of the tree of life."

"Ngài đặt ở phía đông vườn Eden các Cherubim và một thanh gươm rực lửa xoay về mọi phía để giữ con đường dẫn đến cây sự sống."

The esoteric teachings of the Hebrews known as the Kabbalah are replete with information concerning the Angelic Hosts. Reference is made to them in Part III.

Các giáo huấn huyền bí của người Hebrew, được biết đến là Kabbalah, chứa đầy thông tin liên quan đến các Đoàn Thiên Thần. Chúng được đề cập trong Phần III.

THE WHEEL TURNS – BÁNH XE XOAY CHUYỂN

Evidence of the reality of the Orders of the angels and of co-operation with them is thus afforded by the similarity of the descriptions which are to be found in the separate records of the various ancient races and peoples of the world. Since those days, humanity has entered a cycle in which intellectual development, in its early stage destructive of intuition and mystical experience, predominates and from which only now it is beginning to emerge. When in the present cycle the phase is entered corresponding to that in which communion occurred between Gods and men in preceding cycles, the angels will again be seen by men and their functions made the subject of scientific research. Such a phase 1 believe to be now approaching. Indeed, signs of it are not wanting in the world to-day.

Bằng chứng về thực tại của các Bộ thiên thần và về sự hợp tác với họ như vậy được cung cấp bởi sự tương đồng của những mô tả có trong các ghi chép riêng biệt của nhiều giống dân và dân tộc cổ xưa khác nhau trên thế giới. Từ những ngày ấy, nhân loại đã bước vào một chu kỳ trong đó sự phát triển trí tuệ, ở giai đoạn đầu vốn phá hoại trực giác và kinh nghiệm thần bí, chiếm ưu thế, và chỉ đến nay nhân loại mới bắt đầu thoát ra khỏi chu kỳ ấy. Khi trong chu kỳ hiện tại, nhân loại bước vào giai đoạn tương ứng với giai đoạn mà sự giao cảm giữa các Nam Thần và con người đã xảy ra trong các chu kỳ trước, các thiên thần sẽ lại được con người nhìn thấy và các chức năng của họ sẽ trở thành đối tượng nghiên cứu khoa học. Tôi tin rằng một giai đoạn như thế hiện đang đến gần. Thật vậy, trong thế giới ngày nay không thiếu những dấu hiệu của nó.

In twenty-five years of world travel, I have found that the angels are living realities to an increasing number of people. Many students of occult philosophy regularly invoke their aid in healing, in Temple, Church and Masonic ceremonials and in meditation for the purpose of radiating spiritual power, blessing and peace upon the world. As man's ethical and social wisdom develops he will be entrusted with deeper knowledge of Nature's hidden

Trong hai mươi lăm năm du hành khắp thế giới, tôi đã nhận thấy rằng các thiên thần là những thực tại sống động đối với ngày càng nhiều người. Nhiều đạo sinh triết học huyền bí thường xuyên khẩn cầu sự trợ giúp của họ trong chữa lành, trong các nghi lễ Đền Thờ, Giáo Hội và Tam Điểm, cũng như trong tham thiền nhằm mục đích tỏa rải quyền năng tinh thần, phúc lành và bình an trên thế giới. Khi minh triết đạo đức và xã hội của con người

forces, laws and processes. In the new age of brotherhood and peace the dawn of which, despite many signs to the contrary, may even now be seen, there are grounds for hope that angels will once more walk with men.

phát triển, y sẽ được giao phó tri thức sâu xa hơn về các mãnh lực, định luật và tiến trình ẩn tàng của Thiên nhiên. Trong kỷ nguyên mới của tình huynh đệ và hòa bình, bình minh của nó, bất chấp nhiều dấu hiệu trái ngược, ngay cả bây giờ cũng có thể được nhìn thấy, có cơ sở để hy vọng rằng các thiên thần một lần nữa sẽ bước đi cùng con người.

CHAPTER III THE RADIATION OF POWER – CHƯƠNG III SỰ TỎA RẢI QUYỀN NĂNG

THOUGHT-PROJECTION – PHÓNG CHIẾU TƯ TƯỞNG

IN this Chapter information is offered concerning the means whereby spiritual and mental forces may be evoked and, with angelic co-operation, radiated upon the world. Such knowledge may be used both for evil and for good. All selfish use of spiritual power is evil. Occult activity for material self-benefit, with the deliberately chosen motive of personal advantage, is black magic. Misery inevitably follows its practice. The employment of spiritual and mental powers for the welfare of all mankind, withput thought of return, is white magic and brings blessings to the world. May those who read on be inspired to use impersonally, dispassionately and solely for the welfare of the race the knowledge conveyed in this Chapter.

Trong Chương này, thông tin được đưa ra liên quan đến các phương tiện nhờ đó các mãnh lực tinh thần và trí tuệ có thể được gợi lên và, với sự hợp tác của thiên thần, được tỏa rải trên thế giới. Tri thức như thế có thể được dùng cho cả điều ác lẫn điều thiện. Mọi cách sử dụng quyền năng tinh thần vì ích kỷ đều là ác. Hoạt động huyền bí vì lợi ích vật chất cho bản thân, với động cơ được cố ý chọn là lợi thế cá nhân, là Hắc thuật. Khổ đau tất yếu theo sau việc thực hành nó. Việc sử dụng các quyền năng tinh thần và trí tuệ vì phúc lợi của toàn thể nhân loại, không nghĩ đến sự đáp trả, là Chánh Thuật và đem phúc lành đến cho thế giới. Mong rằng những ai đọc tiếp sẽ được cảm hứng để sử dụng tri thức được truyền đạt trong Chương này một cách vô ngã, điềm nhiên và chỉ vì phúc lợi của nhân loại.

The mind and brain of man are powerful mental radio stations. Thought moulds not only the character of the thinker, but also that of all recipients of mental broadcasting. The impress produced by the thought of man upon fellow man helps to form individual and national characteristics, and influences both human destiny and the progress of civilisation. So intimate and unceasing is this psychical interaction, that all share in the achievements of each, whilst at the same time few can wholly dissociate themselves from

Thể trí và bộ não của con người là những trạm phát thanh trí tuệ đầy quyền năng. Tư tưởng không chỉ khuôn đúc Tính cách của người suy tưởng, mà còn khuôn đúc Tính cách của tất cả những người tiếp nhận sự truyền phát trí tuệ. Ấn tượng do tư tưởng của con người tạo ra trên đồng loại giúp hình thành các đặc tính cá nhân và quốc gia, đồng thời ảnh hưởng đến cả vận mệnh nhân loại lẫn sự tiến bộ của văn minh. Sự tương tác thông linh này mật thiết và không ngừng đến nỗi tất cả đều chia sẻ thành tựu của từng người, đồng thời ít ai có

responsibility for the widespread ugliness, cruelty and crime which are the curse of this planet. For these last are the products of ugly, cruel and criminal thoughts.

thể hoàn toàn tách mình khỏi trách nhiệm đối với sự xấu xa, tàn nhẫn và tội ác lan rộng vốn là tai họa của hành tinh này. Vì những điều sau cùng ấy là sản phẩm của các tư tưởng xấu xa, tàn nhẫn và tội lỗi.

When people combine in groups, their power to influence mentally the thought, character and conduct of others is multiplied. The tremendous potentiality for good of groups of dedicated and trained servants of the race who combine to use their thought power for beneficent purposes at once becomes obvious; for service of incalculable value could be performed by such groups. In this work, unity of both purpose and method is of supreme importance. The existence and maintenance of perfect harmony between the members of such groups is essential; for discord would be accentuated by the play of the forces generated and evoked. There must also be wise direction and careful choice of both leaders and members of thought-projection groups.

Khi người ta kết hợp thành các nhóm, quyền năng của họ trong việc ảnh hưởng về mặt trí tuệ đến tư tưởng, Tính cách và hành vi của người khác được nhân lên. Tiềm năng thiện lành to lớn của các nhóm người phụng sự nhân loại đã thánh hiến và được huấn luyện, những người hợp nhất để sử dụng quyền năng tư tưởng của mình cho các mục đích nhân từ, lập tức trở nên hiển nhiên; vì các nhóm như thế có thể thực hiện một công việc phụng sự có giá trị khôn lường. Trong công việc này, sự thống nhất về cả mục đích lẫn phương pháp có tầm quan trọng tối thượng. Sự hiện hữu và duy trì hòa hợp hoàn hảo giữa các thành viên của những nhóm như thế là thiết yếu; vì sự bất hòa sẽ được làm nổi bật bởi tác động của các mãnh lực được tạo ra và gợi lên. Cũng phải có sự chỉ đạo minh triết và lựa chọn cẩn trọng cả những người lãnh đạo lẫn các thành viên của các nhóm phóng chiếu tư tưởng.

The ideas to be projected must be selected with great care. Unquestionable and unchanging truths alone may be safely broadcast; for every truth has behind and within it its own spiritual force. Every philosophic verity is a power as well as an idea. Thought upon a truth taps the power of that truth. Thought-projection by mental affirmation and verbal expression of a truth liberates that power. Ideas selected for projection must therefore subscribe to at least three rules. They must be basically true, non-compulsive (being sent out as offerings only) and wholly beneficent in their influence. In addition, to produce the maximum effect, they must be conceived and affirmed impersonally and with complete clarity.

Các ý tưởng được phóng chiếu phải được chọn lựa với sự cẩn trọng lớn lao. Chỉ những chân lý không thể nghi ngờ và không thay đổi mới có thể được truyền phát an toàn; vì mỗi chân lý đều có mãnh lực tinh thần riêng ở phía sau và bên trong nó. Mỗi chân lý triết học vừa là một quyền năng vừa là một ý tưởng. Tư tưởng về một chân lý khai mở quyền năng của chân lý ấy. Sự phóng chiếu tư tưởng bằng xác quyết trí tuệ và biểu đạt bằng lời của một chân lý giải phóng quyền năng đó. Vì vậy, các ý tưởng được chọn để phóng chiếu phải tuân theo ít nhất ba quy luật. Chúng phải căn bản là chân thật, không cưỡng bách, vì chỉ được gửi đi như những hiến phẩm, và hoàn toàn nhân từ trong ảnh hưởng của chúng. Ngoài ra, để tạo ra hiệu quả tối đa, chúng phải được quan niệm và xác quyết một cách vô ngã và với sự rõ ràng hoàn

toàn.

Members of thought-projection groups should therefore be spiritually minded people, moved solely by a sincere aspiration to serve. They must be capable of impersonal eifort in which they have no leading part, being ready, once a trusted leader has been appointed, completely to subordinate the personality. They must also be capable of clear thought, sustained concentration and powerful mental affirmation. They should not be mediumistic, unduly negative and passive people being unsuitable for this kind of work. The seeing of visions during supposed meditation, response to presences, desire to describe them and a general concern with personal psychism, are inadvisable in members of groups organised solely for positive and impersonal activity. Members must also be able to meet regularly and consistently for group work, and to maintain silence; for such work loses power when indiscriminately discussed.

Vì vậy, các thành viên của các nhóm phóng chiếu tư tưởng nên là những người có khuynh hướng tinh thần, chỉ được thúc đẩy bởi một khát vọng chân thành phụng sự. Họ phải có khả năng nỗ lực vô ngã, trong đó họ không giữ vai trò lãnh đạo, sẵn sàng, một khi một người lãnh đạo đáng tin cậy đã được bổ nhiệm, hoàn toàn đặt phàm ngã dưới quyền điều động. Họ cũng phải có khả năng tư tưởng rõ ràng, tập trung bền bỉ và xác quyết trí tuệ mạnh mẽ. Họ không nên là những người có tính đồng tử, quá tiêu cực và thụ động, vì không thích hợp với loại công việc này. Việc thấy các linh ảnh trong khi được cho là tham thiền, đáp ứng với các hiện diện, mong muốn mô tả chúng và sự quan tâm chung đến thông linh cá nhân đều không nên có nơi các thành viên của những nhóm được tổ chức chỉ cho hoạt động tích cực và vô ngã. Các thành viên cũng phải có thể gặp nhau đều đặn và nhất quán để làm việc nhóm, và giữ im lặng; vì công việc như thế mất quyền năng khi bị bàn luận một cách bừa bãi.

The co-operation of the Angelic Hosts can be of the greatest value in such activities. Again a warning must be given; for two dangers exist. One of these is that faith in and attempted co-operation with the angels might degenerate into mere superstition and self-deceit. Against this, the experimenter must ever be on guard, being above all things a realist with a severely practical mind. The other danger is that heightened mental power and glimpses of the cooperating Intelligences might produce the illusion of the receipt of personal favours, and so lead to the evil of pride. Perpetually preserved impersonality and humility are the safeguards against this second danger. Since the Angelic Hosts are the embodiment of impersonality, universality of mind is necessary for man to be *en rapport* with them. Only as man universalises his consciousness can he enter the Kingdom of the Gods.

Sự hợp tác của các Đoàn Thiên Thần có thể có giá trị lớn nhất trong những hoạt động như thế. Một lần nữa, cần đưa ra một lời cảnh báo; vì có hai nguy cơ hiện hữu. Một là đức tin vào các thiên thần và nỗ lực hợp tác với họ có thể thoái hóa thành mê tín đơn thuần và tự lừa dối. Người thử nghiệm phải luôn cảnh giác trước điều này, trên hết mọi sự phải là một người thực tế với một thể trí nghiêm ngặt thực tiễn. Nguy cơ kia là quyền năng trí tuệ được tăng cường và những thoáng thấy các Trí Tuệ đang hợp tác có thể tạo ra ảo tưởng rằng mình nhận được ân huệ cá nhân, và do đó dẫn đến điều ác của kiêu ngạo. Tính vô ngã và khiêm nhường được giữ gìn thường xuyên là các biện pháp bảo vệ trước nguy cơ thứ hai này. Vì các Đoàn Thiên Thần là hiện thân của tính vô ngã, nên tính phổ quát của thể trí là cần thiết để con người ở trong sự hòa điệu với họ. Chỉ khi con người phổ quát hóa tâm thức của mình, y

mới có thể bước vào Thiên Giới của các Nam Thần.

Angels are associated with the Power, Light and Life aspects of Nature. When Power is evoked from the Universal Source, focused by man's mind into a stream and then impersonally and accurately directed into a chosen field the Angelic Hosts are provided with suitable conditions for their natural activities. One of these is to conserve, direct and employ as a "tool" the energy of cosmic electricity. This force can be tapped and released at spiritual, mental and psychical levels. The will and mind of man, conjoined as in thought projection, both impress this energy with a mental characteristic and direct it into chosen fields. As the power goes forth on its mission, it must be carefully conserved and accurately directed if it is to produce its greatest effect upon receptive minds.

Các thiên thần liên hệ với các phương diện Quyền Năng, Ánh Sáng và Sự Sống của Thiên nhiên. Khi Quyền Năng được gợi lên từ Nguồn Phổ Quát, được thể trí con người tập trung thành một dòng chảy rồi được hướng dẫn một cách vô ngã và chính xác vào một lĩnh vực đã chọn, các Đoàn Thiên Thần được cung cấp những điều kiện thích hợp cho các hoạt động tự nhiên của họ. Một trong các hoạt động này là bảo tồn, hướng dẫn và sử dụng như một "công cụ" năng lượng của điện vũ trụ. Mãnh lực này có thể được khai mở và giải phóng ở các cấp độ tinh thần, trí tuệ và thông linh. Ý chí và thể trí của con người, được kết hợp như trong phóng chiếu tư tưởng, vừa in dấu lên năng lượng này một đặc tính trí tuệ, vừa hướng nó vào các lĩnh vực đã chọn. Khi quyền năng phát ra theo sứ mệnh của nó, nó phải được bảo tồn cẩn thận và hướng dẫn chính xác nếu muốn tạo ra hiệu quả lớn nhất trên các thể trí có khả năng tiếp nhận.

If their co-operation can be obtained, the angels associate themselves intimately with this focused current of force, conserve it against loss in transit and rapid dissipation on arrival and apply it with maximum effectiveness. Clarity of thought and keenness of concentration in the human operators are, however, still essential to success.

Nếu có thể đạt được sự hợp tác của họ, các thiên thần sẽ liên kết mật thiết với dòng mãnh lực được tập trung này, bảo tồn nó khỏi mất mát trong khi chuyển vận và khỏi làm tiêu tan nhanh chóng khi đến nơi, đồng thời áp dụng nó với hiệu quả tối đa. Tuy nhiên, sự rõ ràng của tư tưởng và sự sắc bén của tập trung nơi những người thao tác là con người vẫn thiết yếu cho thành công.

SUN RITUALS – CÁC NGHI LỄ MẶT TRỜI

In addition to this purely mental method of co-operation, bodily posture, gesture and movement, and colour and words, used with concentrated will-thought in simple ceremonial may, for certain temperaments, facilitate the process of collaboration with the Angelic Hosts. Such Rituals may be employed to evoke beneficent forces and distribute them upon the world.

Ngoài phương pháp hợp tác thuần túy trí tuệ này, tư thế thân thể, cử chỉ và chuyển động, cùng màu sắc và lời nói, khi được dùng với tư tưởng-ý chí tập trung trong nghi lễ đơn giản, có thể, đối với một số khí chất nhất định, tạo thuận lợi cho tiến trình cộng tác với các Đoàn Thiên Thần. Những Nghi lễ như thế có thể được sử dụng để gợi lên các mãnh lực nhân từ và phân phối chúng trên thế giới.

Some thirty people recently participated in this method in the open-air in New Zealand. The ladies wore flowing Grecian dresses with long sleeves, and sashes and head bands coloured according to the nature of the influence to be invoked and radiated. The men were dressed in white flannels and wore similarly coloured sashes. Orange, blue, green and rose were used in rituals invoking and radiating power, purity, healing and love respectively.

Gần đây, khoảng ba mươi người đã tham gia phương pháp này ngoài trời tại New Zealand. Các phụ nữ mặc váy kiểu Hy Lạp buông rủ với tay áo dài, cùng đai lưng và băng đầu có màu tùy theo bản chất của ảnh hưởng được khẩn cầu và tỏa rải. Nam giới mặc đồ nỉ trắng và đeo các đai lưng có màu tương tự. Màu cam, xanh lam, xanh lá và hồng được dùng trong các nghi lễ khẩn cầu và tỏa rải lần lượt quyền năng, sự tinh khiết, chữa lành và tình thương.

The participants marched out upon a large lawn and stood facing inwards in three concentric circles, with a flaming brazier in.the centre. They then began each of the four Rituals by saying together, slowly and with full intent:

Những người tham dự tiến ra một bãi cỏ rộng và đứng quay mặt vào trong thành ba vòng tròn đồng tâm, với một lò than cháy rực ở trung tâm. Sau đó, họ bắt đầu mỗi Nghi lễ trong bốn Nghi lễ bằng cách cùng nói, chậm rãi và với trọn ý định:

"I dedicate myself as a channel for spiritual power (purity, healing, love in successive ceremonies) to the world. I salute the Angelic Hosts."

"Tôi hiến dâng chính mình như một kênh dẫn quyền năng tinh thần, sự tinh khiết, chữa lành, tình thương trong các nghi lễ nối tiếp nhau, đến thế giới. Tôi chào các Đoàn Thiên Thần."

With arms raised above the head and eyes turned upwards:

Hai tay giơ lên trên đầu và mắt hướng lên trên:

"In reverence I invoke spiritual power (purity, healing, love) from our Lord the Sun. I invoke the co-operation of the Angelic Hosts."

"Trong lòng tôn kính, tôi khẩn cầu quyền năng tinh thần, sự tinh khiết, chữa lành, tình thương từ Chúa Tể Mặt Trời của chúng ta. Tôi khẩn cầu sự hợp tác của các Đoàn Thiên Thần."

Turning outwards and lowering arms to a horizontal position:

Quay ra ngoài và hạ tay xuống vị trí ngang:

"May spiritual power (purity, healing, love) pour forth upon the world."

"Nguyện quyền năng tinh thần, sự tinh khiết, chữa lành, tình thương tuôn đổ trên thế giới."

Walking outwards for four paces, the participants, with utmost concentration and in co-operation with the Angelic Hosts, mentally directed the invoked power upon the world. Arms were then lowered to sides, with the words:

Bước ra ngoài bốn bước, những người tham dự, với sự tập trung tối đa và trong sự hợp tác với các Đoàn Thiên Thần, hướng quyền năng đã được khẩn cầu lên thế giới bằng trí tuệ. Sau đó tay được hạ xuống hai bên, với những lời:

"Peace, peace, peace."

"Bình an, bình an, bình an."

Turning inwards, all raised and joined their hands at the throat, bowed their heads and said in unison:

Quay vào trong, tất cả nâng và chắp tay ở cổ họng, cúi đầu và đồng thanh nói:

"Homage and gratitude to the Source of Light. Greetings and gratitude to the Angelic Hosts."

"Tôn kính và tri ân Nguồn Ánh Sáng. Kính chào và tri ân các Đoàn Thiên Thần."

Hands were then lowered and the Ritual was brought to a close. A leader gave the time for all the movements and choral speaking, both of which had been carefully practised.

Sau đó tay được hạ xuống và Nghi lễ kết thúc. Một người lãnh đạo ra hiệu thời điểm cho tất cả các động tác và lời nói đồng ca, cả hai đều đã được luyện tập cẩn thận.

These Rituals were based upon ideas suggested to me by the angel who inspired my book, *The Angelic Hosts.* Sun Rituals are therein described somewhat as follows:

Những Nghi lễ này dựa trên các ý tưởng do thiên thần đã cảm hứng cho cuốn sách *Các Đoàn Thiên Thần* của tôi gợi ý cho tôi. Các Nghi lễ Mặt Trời được mô tả trong đó phần nào như sau:

For the worship of the Spiritual Sun no other temples are needed than the free and open places of the world, the sunlit mountain-tops and plains, the fair valleys, and the open fields, the woods, the meadows and the hills. Withdraw yourselves from every artificial form and draw near to Nature's heart. Assemble, as the angels do, in companies inspired with but a single aim—the worship of the sun. March in stately processions, practise Rituals, engage in joyful dances, chant splendid litanies expressive of the glories of Our Lord the Sun. Standing in circles, in imitation of His glorious form, raise your open hands to the sky. Pour forth your love, your worship and your praise, acknowledging Him as Lord of all your lives.

Để thờ phụng Mặt Trời Tinh Thần, không cần những đền thờ nào khác ngoài các nơi tự do và rộng mở của thế giới, các đỉnh núi và đồng bằng ngập nắng, các thung lũng xinh đẹp, những cánh đồng mở, rừng cây, đồng cỏ và đồi núi. Hãy rút mình khỏi mọi hình tướng nhân tạo và đến gần trái tim của Thiên nhiên. Hãy tụ họp, như các thiên thần vẫn làm, thành các đoàn được cảm hứng chỉ bởi một mục đích duy nhất — thờ phụng mặt trời. Hãy tiến bước trong các đoàn rước trang nghiêm, thực hành các Nghi lễ, tham gia những vũ điệu hoan hỉ, xướng các kinh cầu huy hoàng diễn đạt những vinh quang của Chúa Tể Mặt Trời của Chúng Ta. Đứng thành vòng tròn, noi theo hình tướng vinh quang của Ngài, hãy nâng đôi tay mở rộng lên bầu trời. Hãy tuôn đổ tình thương, sự thờ phụng và lời ngợi ca của các bạn, nhìn nhận Ngài là Chúa Tể của tất cả đời sống các bạn.

Invoke His presence, His power and His life into your midst. Build, by your united thought and aspiration, a chalice to receive the wine of His ever outpoured life. That precious wine shall fill the cup, shall flow into your hearts and lives, and charge you with the power and the splendour of the sun. Your souls shall be irradiated by His light, your wills become

Hãy khẩn cầu Sự Hiện Diện, quyền năng và sự sống của Ngài vào giữa các bạn. Bằng tư tưởng và khát vọng hợp nhất của các bạn, hãy xây một chén thánh để tiếp nhận rượu của sự sống luôn tuôn đổ của Ngài. Rượu quý ấy sẽ làm đầy chén, sẽ chảy vào trái tim và đời sống các bạn, và nạp cho các bạn quyền năng cùng vẻ huy hoàng của mặt trời. Linh hồn các bạn sẽ được

resistless with His power, and your hearts be filled to overflowing with His love.

chiếu rạng bởi ánh sáng của Ngài, ý chí các bạn trở nên không thể cưỡng lại bởi quyền năng của Ngài, và trái tim các bạn được lấp đầy đến tràn trề bởi tình thương của Ngài.

Thus illumined and refreshed, turn your faces outwards, stretch forth your hands and, with concentrated will, pour out His power and His blessing upon the world. The circle shall become like a sun; for His glowing splendour shall descend among you and effulgent beams shall shine through you to bless, quicken and bring peace to all your world.

Được soi sáng và làm tươi mới như thế, hãy quay mặt ra ngoài, đưa tay ra và, với ý chí tập trung, tuôn đổ quyền năng và phúc lành của Ngài trên thế giới. Vòng tròn sẽ trở nên như một mặt trời; vì vẻ huy hoàng rực sáng của Ngài sẽ giáng xuống giữa các bạn và các tia sáng chói lọi sẽ chiếu qua các bạn để ban phúc, làm linh hoạt và đem bình an đến cho toàn thế giới của các bạn.

With united wills and overflowing hearts, mentally flood all your world with the power of the sun. Thereafter turn your thoughts upwards in gratitude and reverence to the Power's Source. Close the Ritual by walking slowly outwards from the centre, forming, as all move together, the symbol of His outpoured light and life and love.

Với các ý chí hợp nhất và trái tim tràn đầy, hãy bằng trí tuệ làm ngập tràn toàn thế giới của các bạn bằng quyền năng của mặt trời. Sau đó, hãy hướng tư tưởng các bạn lên trên trong lòng tri ân và tôn kính đối với Nguồn của Quyền Năng. Hãy khép lại Nghi lễ bằng cách chậm rãi bước ra ngoài từ trung tâm, tạo thành, khi tất cả cùng di chuyển, biểu tượng của ánh sáng, sự sống và tình thương tuôn đổ của Ngài.

Graceful flowing robes in the colours of His spectrum may be worn and the wearers so arranged that His glorious hues may best be displayed. Patterns may be formed with solid blocks of colour, long straight lances, interwoven and blended lines and circular arrangements of the different shades in imitation of His rays. Artists shall design the robes and Rituals. Musicians shall compose the music for the chants, odes, hymns and litanies which poets shall write. So may the worship of Our Lord the Sun be once more established on your earth and His kingdom be made manifest among the nations of the world.

Có thể mặc những áo choàng mềm mại buông rủ theo các màu trong quang phổ của Ngài, và những người mặc được sắp xếp sao cho các sắc thái vinh quang của Ngài được phô bày đẹp nhất. Các mô hình có thể được tạo thành bằng những khối màu đặc, những ngọn giáo dài thẳng, các đường đan xen và hòa trộn, cùng những cách sắp xếp tròn của các sắc độ khác nhau mô phỏng các tia sáng của Ngài. Các nghệ sĩ sẽ thiết kế áo choàng và Nghi lễ. Các nhạc sĩ sẽ soạn nhạc cho những bài xướng tụng, tụng ca, thánh ca và kinh cầu mà các thi sĩ sẽ viết. Như vậy, việc thờ phụng Chúa Tể Mặt Trời của Chúng Ta có thể một lần nữa được thiết lập trên Trái Đất của các bạn, và Thiên Giới của Ngài được làm hiển lộ giữa các quốc gia của thế giới.

Collaboration between angels and men is also enjoined by its angel inspirer in my book *The*

Sự cộng tác giữa thiên thần và con người cũng được vị thiên thần cảm hứng của nó truyền

Brotherhood of Angels and of Men. There it is written:

"Angels and men, two branches of the family of God, may be drawn into close communion and co-operation, the chief purpose of which would be to uplift the human race. To this end the angels on their side are ready to participate as closely as possible in every department of human life and in every human activity in which co-operation is practicable. Those members of the human race who will throw open heart and mind to their angelic brethren, will find an immediate response and a gradually increasing conviction of its reality.

"While the angels make no conditions and impose no restrictions upon the activities and developments resulting from co-operation, they assume that no human brother would invoke them for personal and material gain. They ask for the acceptance of the motto of the Brotherhood (of angels and of men)-The Highest —and its practical application to every aspect of human life. They ask those who would invoke their presence to develop the qualities of *purity, simplicity, directness* and *impersonality,* and to acquire knowledge of the Great Plan whereby the ordered march of evolutionary progress is maintained. In this way every human activity will be founded upon the teachings and doctrines of that Divine and Ancient Wisdom which has always reigned supreme in the councils of the Angelic Hosts."

dạy trong cuốn sách *Tình Huynh Đệ của Thiên Thần và Con Người* của tôi. Trong đó có viết:

"Thiên thần và con người, hai nhánh của gia đình Thượng đế, có thể được thu hút vào sự giao cảm và hợp tác mật thiết, mục đích chính yếu của điều này là nâng cao nhân loại. Vì mục đích ấy, về phía mình, các thiên thần sẵn sàng tham dự hết sức mật thiết vào mọi lĩnh vực của đời sống con người và vào mọi hoạt động nhân loại trong đó sự hợp tác có thể thực hiện được. Những thành viên của nhân loại nào mở rộng trái tim và thể trí cho các huynh đệ thiên thần của mình sẽ thấy một đáp ứng tức thì và một niềm xác tín ngày càng tăng về thực tại của nó.

"Dù các thiên thần không đặt điều kiện và không áp đặt hạn chế nào lên các hoạt động và sự phát triển phát sinh từ sự hợp tác, họ mặc nhiên cho rằng không huynh đệ nhân loại nào sẽ khẩn cầu họ vì lợi ích cá nhân và vật chất. Họ yêu cầu chấp nhận khẩu hiệu của Tình Huynh Đệ của thiên thần và con người — Điều Cao Cả Nhất — và ứng dụng thực tiễn nó vào mọi phương diện của đời sống con người. Họ yêu cầu những ai muốn khẩn cầu Sự Hiện Diện của họ phát triển các phẩm tính *tinh khiết, giản dị, trực tiếp* và *vô ngã,* và thu nhận tri thức về Thiên Cơ Vĩ Đại nhờ đó cuộc tiến bước có trật tự của tiến bộ tiến hoá được duy trì. Bằng cách này, mọi hoạt động nhân loại sẽ được đặt nền trên các giáo huấn và giáo lý của Minh Triết Thiêng Liêng và Cổ Xưa ấy, vốn luôn ngự trị tối thượng trong các hội đồng của các Đoàn Thiên Thần."

PART V ILLUSTRATIONS – PHẦN V MINH HỌA

INTRODUCTION – DẪN NHẬP

THE fifth part of this book consists of Miss

PHẦN thứ năm của cuốn sách này gồm những

Quail's striking pictures and my remarks upon them. As she has painted them to my descriptions, she is responsible only for their execution, not for their composition, colouring or form.

bức tranh nổi bật của Cô Quail và các nhận xét của tôi về chúng. Vì cô đã vẽ chúng theo các mô tả của tôi, cô chỉ chịu trách nhiệm về việc thực hiện, không phải về bố cục, màu sắc hay hình tướng của chúng.

Appropriate portrayal of the appearance of the Gods is, in fact, impossible through the medium of paint applied to a plane surface. Coloured light or fire moving in three dimensions would be needed to produce the effect of intense brilliance, translucence, delicacy and constant motion characteristic of the radiant forms and shining aura of the Gods. Despite especial care and repeated observation, exactitude of description of these beings is almost impossible to one of my limited clairvoyant faculty. The continual changes in the colours and their arrangement, in the direction of the flow of auric forces and in the varying patterns produced, make accuracy exceedingly difficult.

Thật ra, việc mô tả thích đáng dáng vẻ của các Nam Thần bằng phương tiện màu vẽ trên một mặt phẳng là điều bất khả. Cần có ánh sáng màu hoặc lửa chuyển động trong ba chiều để tạo ra hiệu quả rực rỡ mãnh liệt, trong suốt, tinh tế và chuyển động không ngừng, vốn đặc trưng cho các hình tướng rạng rỡ và hào quang sáng chói của các Nam Thần. Dù đã đặc biệt cẩn trọng và quan sát nhiều lần, sự chính xác trong mô tả những sinh linh này hầu như là điều bất khả đối với một người có năng lực thông nhãn hạn chế như tôi. Những thay đổi liên tục trong màu sắc và cách sắp xếp của chúng, trong hướng chảy của các mãnh lực hào quang và trong các mô hình biến thiên được tạo ra, khiến sự chính xác trở nên cực kỳ khó khăn.

At least two differing conditions of the auras of the Gods are discernible, one of expansion and the other of contraction. In expansion, the attention is outward-turned upon the divine Life and Mind in Nature. The aura is then greatly extended outwards from the central form and frequently, also, from behind in three-dimensional, wing-shaped radiations. In this phase, the component forces are flowing at their full power, which produces a great brilliance throughout the whole aura and a dazzling brightness at the various force-centres or wheels. In contraction, the attention of the God is directed towards the source of all Life and Power. The aura then becomes relatively quiescent and, with the exception of the radiations above the head which may increase in both dimension and brilliance, is much reduced in size. Examples of both of these phases are included in the accompanying pictures, although most of

Có thể phân biện ít nhất hai trạng thái khác nhau của hào quang các Nam Thần, một là mở rộng và một là co lại. Trong trạng thái mở rộng, sự chú ý hướng ra ngoài đến Sự Sống và Trí Tuệ thiêng liêng trong Thiên nhiên. Khi ấy hào quang được mở rộng rất xa ra ngoài khỏi hình tướng trung tâm và thường cũng từ phía sau thành các bức xạ ba chiều hình cánh. Trong pha này, các mãnh lực thành phần đang tuôn chảy với toàn bộ quyền năng của chúng, tạo ra một vẻ rực rỡ lớn lao khắp toàn bộ hào quang và một độ sáng chói lòa tại các trung tâm mãnh lực hay các bánh xe khác nhau. Trong trạng thái co lại, sự chú ý của Nam Thần hướng về nguồn của mọi Sự Sống và Quyền Năng. Khi ấy hào quang trở nên tương đối tĩnh lặng và, ngoại trừ các bức xạ phía trên đầu có thể tăng cả về kích thước lẫn độ rực rỡ, bị giảm nhiều về kích cỡ. Những ví dụ của cả hai pha này đều được đưa vào các bức tranh kèm theo, mặc dù phần lớn chúng biểu thị pha

them represent that of expansion. The texture or grain of the aura is exceedingly fine and, despite Miss Quail's splendid achievement, has so far proved impossible of perfect portrayal. There are various layers of force within this aura, each with its own hues and direction of flow. The general effect is of brilliantly coloured, three-dimensional, shot moire silk, composed of flowing forces rather than substance and in constant, wavelike motion. Through this in many cases, from within outwards, streams of radiant energy, often white and of dazzling brightness, are continually flashing.

mở rộng. Kết cấu hay thớ của hào quang cực kỳ mịn và, bất chấp thành tựu xuất sắc của Cô Quail, cho đến nay vẫn chứng tỏ là không thể mô tả hoàn hảo. Có nhiều lớp mãnh lực khác nhau bên trong hào quang này, mỗi lớp có sắc thái và hướng chảy riêng. Hiệu quả tổng quát là như lụa moire ba chiều, nhiều màu rực rỡ, óng ánh, được cấu thành bởi các mãnh lực tuôn chảy hơn là bởi chất liệu, và ở trong chuyển động làn sóng liên tục. Qua đó, trong nhiều trường hợp, từ bên trong ra ngoài, các dòng năng lượng rạng rỡ, thường trắng và sáng chói lòa, liên tục lóe sáng.

The direction of the flow of these auric currents is generally upwards and outwards from force-centres in the middle of the head and at the brow, the throat and the region of the solar plexus. Outlining the central form there is also a fine radiation, usually white or golden in colour. The head is nearly always crowned by upward-flowing, flame-like forces, which bestow upon the more highly-evolved Gods an appearance of regal splendour. For the most part, the universal energies for which the Gods are agents and directors descend from above the head and flow through the aura, greatly increasing its electric quality and brilliance. Other energies appear to arise directly within the body and *chakras,* as if from higher dimensions. As stated earlier, one function of the Gods appears to be to transform, in the electrical sense, these forces by means of the resistance offered by their bodies and by passage through their force-centres. Two of the results produced by this procedure are the transmission of spiritualising force into the substance of the lower planes of Nature down to the physical and the passing on of great currents of "stepped down "energy for the use of the angels and nature spirits in their various tasks upon these planes. Matter itself thus gradually becomes increasingly charged

Hướng chảy của các dòng hào quang này nói chung là đi lên và ra ngoài từ các trung tâm mãnh lực ở giữa đầu và tại trán, cổ họng và vùng tùng thái dương. Bao quanh hình tướng trung tâm cũng có một bức xạ mịn, thường màu trắng hoặc vàng kim. Đầu hầu như luôn được đội vương miện bằng các mãnh lực giống ngọn lửa đang chảy lên trên, ban cho các Nam Thần tiến hoá cao hơn một dáng vẻ huy hoàng vương giả. Phần lớn, các năng lượng phổ quát mà các Nam Thần là những tác nhân và người điều động giáng xuống từ phía trên đầu và chảy qua hào quang, làm tăng mạnh phẩm tính điện và vẻ rực rỡ của nó. Các năng lượng khác dường như phát sinh trực tiếp bên trong thể và *chakra,* như thể từ các chiều kích cao hơn. Như đã nói trước đây, một chức năng của các Nam Thần dường như là chuyển đổi, theo nghĩa điện học, các mãnh lực này bằng phương tiện sức kháng do các thể của họ đưa ra và bằng sự đi qua các trung tâm mãnh lực của họ. Hai trong số các kết quả do tiến trình này tạo ra là việc truyền mãnh lực tinh thần hóa vào chất liệu của các cõi thấp của Thiên nhiên xuống đến cõi hồng trần, và việc chuyển tiếp các dòng năng lượng lớn đã được "giảm cấp" để các thiên thần và tinh linh tự nhiên sử dụng trong những nhiệm vụ khác nhau của họ trên các cõi này. Như vậy, chính vật chất dần dần ngày càng được nạp đầy tinh

with spirit and so more malleable and responsive to consciousness and the forms of Nature gradually resemble more nearly the archetypal ideal.

thần và do đó trở nên dễ uốn nắn hơn, đáp ứng hơn với tâm thức, và các hình tướng của Thiên nhiên dần dần giống lý tưởng nguyên mẫu hơn.

According to occult philosophy, the superphysical worlds, which are the abodes of the Gods, consist of matter of increasing tenuity of substance ranging from the density of the finest ether up to the rarest and most spiritualised condition. These are six in number and each has its own inhabitants, human and angelic. In terms of human awareness in them, these planes may be called the emotional, the mental, the intuitional and that of the spiritual will. Above these four, but at present beyond the range of normal human awareness, are two others which will be entered by later races of men more highly evolved than ourselves.

Theo triết học huyền bí, các thế giới siêu hồng trần, vốn là trú xứ của các Nam Thần, gồm vật chất có độ tinh tế của chất liệu ngày càng tăng, trải từ mật độ của dĩ thái mịn nhất đến trạng thái hiếm loãng nhất và tinh thần hóa nhất. Chúng có sáu cõi, và mỗi cõi có cư dân riêng, gồm nhân loại và thiên thần. Theo mức độ nhận biết của con người trong chúng, các cõi này có thể được gọi là cõi cảm xúc, cõi trí, cõi trực giác và cõi của ý chí tinh thần. Phía trên bốn cõi này, nhưng hiện nay vẫn vượt ngoài phạm vi nhận biết bình thường của con người, còn có hai cõi khác sẽ được các giống dân nhân loại về sau, tiến hoá cao hơn chúng ta, bước vào.

The planes of Nature, seven in number if the physical be included, and each consisting of seven sub-planes, interpenetrate each other, each more subtle plane also extending much further beyond the surface of the earth than those below it in terms of density. They are of two orders, called the form and the formless worlds. The form worlds, in one classification, consist of the physical, emotional and four lower sub-planes of the mental plane. They are so called because in them form predominates over force and rhythm. The bodies in these worlds tend to be concrete and objective, with relatively clear-cut edges, particularly at the physical and mental levels. The formless worlds, which consist of the three higher sub-planes of the mental plane and those of intuition and spiritual will, are so called because in them life and rhythm predominate and form is reduced to its essence or Archetype.

Các cõi của Thiên nhiên, nếu kể cả cõi hồng trần thì có bảy, và mỗi cõi gồm bảy cõi phụ, xuyên thấu lẫn nhau; mỗi cõi tinh tế hơn cũng mở rộng xa hơn nhiều khỏi bề mặt Trái Đất so với các cõi bên dưới nó về mặt mật độ. Chúng thuộc hai loại, được gọi là các thế giới hình tướng và vô hình tướng. Theo một phân loại, các thế giới hình tướng gồm cõi hồng trần, cõi cảm xúc và bốn cõi phụ thấp của cõi trí. Chúng được gọi như vậy vì trong chúng hình tướng chiếm ưu thế hơn mãnh lực và nhịp điệu. Các thể trong những thế giới này có khuynh hướng cụ thể và khách quan, với các ranh giới tương đối rõ nét, đặc biệt ở các cấp độ hồng trần và trí tuệ. Các thế giới vô hình tướng, gồm ba cõi phụ cao của cõi trí và các cõi trực giác cùng ý chí tinh thần, được gọi như vậy vì trong chúng sự sống và nhịp điệu chiếm ưu thế, còn hình tướng được giản lược về tinh chất hay Nguyên Mẫu của nó.

The illustrations represent Gods inhabiting both of these groups of worlds. In the formless, where auras predominate over

Các minh họa biểu thị các Nam Thần cư ngụ trong cả hai nhóm thế giới này. Trong các thế giới vô hình tướng, nơi hào quang chiếm ưu

bodies, they appear as glowing centres of power surrounded by outflowing energies of many hues, almost veiling the form within. In the form worlds, the suggestion of bodily shape is greater, though here also, the shining aura frequently conceals the lordly and the beautiful form. For this reason the outer auras have been omitted from many of the pictures. In all cases, it should be remembered, the Greater Gods are surrounded by far-flung auras of many brilliant hues.

thế hơn thể, họ xuất hiện như những trung tâm quyền năng rực sáng được bao quanh bởi các năng lượng tuôn chảy ra ngoài với nhiều sắc thái, gần như che phủ hình tướng bên trong. Trong các thế giới hình tướng, gợi ý về dáng thể lớn hơn, dù ở đây cũng vậy, hào quang sáng chói thường che giấu hình tướng uy nghi và đẹp đẽ. Vì lý do này, các hào quang bên ngoài đã bị lược bỏ khỏi nhiều bức tranh. Trong mọi trường hợp, cần nhớ rằng các Nam Thần Cao Cả được bao quanh bởi những hào quang trải rộng xa với nhiều sắc thái rực rỡ.

PLATE 1 A SEA NATURE SPIRIT – BẢN MINH HỌA 1 MỘT TINH LINH TỰ NHIÊN CỦA BIỂN

As far as my experience goes, variations of this type of primitive sea fairy are commonly to be seen skimming the surface of the oceans and the lakes of the world. Relatively undeveloped, the sea nature spirit has as yet little or no form. There is a rudimentary head which is the seat of consciousness, whilst a current of streaming white force suggests a body and a wing. More complex examples, with two or even more wing forms, are also to be seen.

Theo kinh nghiệm của tôi, các biến thể của loại tiên biển nguyên thủy này thường được nhìn thấy lướt trên mặt các đại dương và hồ nước của thế giới. Tương đối kém phát triển, tinh linh tự nhiên của biển cho đến nay có ít hoặc không có hình tướng. Có một cái đầu sơ khai là nơi trú của tâm thức, trong khi một dòng mãnh lực trắng tuôn chảy gợi ý một thân thể và một cánh. Những ví dụ phức tạp hơn, với hai hoặc thậm chí nhiều hình cánh hơn, cũng có thể được nhìn thấy.

These creatures fly about the surface of the oceans in innumerable hosts. Sometimes they rise high into the air; at others they plunge into the water to reappear in a few moments in a flash of white light, catching the eye with its brilliance. After a moment's concentration required to focus the appropriate power of vision, the swiftly moving, bird-like form appears to the observer, somewhat as painted by Miss Quail. The distance from head to tip of wing would vary from three to twelve feet, according to phase of manifestation and stage of evolution.

Những sinh vật này bay quanh bề mặt các đại dương thành vô số đoàn. Đôi khi chúng vươn cao lên không trung; lúc khác chúng lao xuống nước để rồi xuất hiện trở lại trong chốc lát trong một lóe sáng trắng, thu hút mắt nhìn bằng vẻ rực rỡ của nó. Sau một khoảnh khắc tập trung cần thiết để chỉnh tiêu điểm quyền năng tầm nhìn thích hợp, hình tướng giống chim chuyển động nhanh hiện ra trước người quan sát, phần nào như Cô Quail đã vẽ. Khoảng cách từ đầu đến chóp cánh có thể thay đổi từ ba đến mười hai feet, tùy theo pha biểu hiện và giai đoạn tiến hoá.



PLATE 2 A SEA SYLPH – BẢN MINH HỌA 2 MỘT SYLPH BIỂN

The sea nature spirit evolves into the type of sea sylph here portrayed. This example has reached individualisation and, with countless similar and different beings, may be seen in the upper air, chiefly above the seas. The average height of the central form at this level of evolution would be from ten to fifteen feet.

Tinh linh tự nhiên của biển tiến hoá thành loại sylph biển được mô tả ở đây. Ví dụ này đã đạt đến biệt ngã hóa và, cùng với vô số sinh linh tương tự và khác biệt, có thể được nhìn thấy trong thượng tầng không khí, chủ yếu phía trên biển. Chiều cao trung bình của hình tướng trung tâm ở cấp độ tiến hoá này vào khoảng mười đến mười lăm feet.



PLATE 3 A SALAMANDER – BẢN MINH HỌA 3 MỘT SALAMANDER

This picture represents a fire nature spirit as described on page 130.

Bức tranh này biểu thị một tinh linh tự nhiên của lửa như đã mô tả ở trang 130.



PLATE 4 A MOUNTAIN SYLPH – BẢN MINH HỌA 4 MỘT SYLPH NÚI

This is one of the many types of non- Đây là một trong nhiều loại sylph chưa biệt

individualised sylphs commonly to be seen in the air over the land. It is in swift motion, with shining inner aura streaming in beautiful, wing-like shapes behind and above it.

Interpenetrating and extending beyond the form and aura here portrayed are the finer radiations, not shown on the Plate, characteristic of every member of the Angelic Hosts. They are generally ovoid, composed of many brilliant hues, and extend for several yards on every side of the beautiful form within.

The orange sylph is possibly associated with the solar life-force or prana with which the air is charged, and which constitutes the vitality of all organic forms. The height of the central figure of the sylph is about five feet.

ngã hóa thường được nhìn thấy trong không trung trên đất liền. Nó đang chuyển động nhanh, với hào quang bên trong sáng chói tuôn chảy thành những hình dạng đẹp như cánh ở phía sau và phía trên nó.

Xuyên thấu và mở rộng vượt ra ngoài hình tướng và hào quang được mô tả ở đây là các bức xạ tinh vi hơn, không được thể hiện trong Bản Minh Họa, vốn đặc trưng cho mọi thành viên của các Đoàn Thiên Thần. Chúng thường có hình trứng, gồm nhiều sắc thái rực rỡ, và mở rộng nhiều yard về mọi phía của hình tướng đẹp đẽ bên trong.

Sylph màu cam có thể liên hệ với sinh lực mặt trời hay prana mà không khí được nạp đầy, và vốn cấu thành sinh lực của mọi hình tướng hữu cơ. Chiều cao của hình trung tâm của sylph khoảng năm feet.



PLATE 5 A LORD OF THE TREE FERNS – BẢN MINH HỌA 5 MỘT CHÚA TỂ CỦA CÁC CÂY DƯƠNG XỈ THÂN GỖ

Whilst the building Orders of the Gods play all important parts in solar and planetary creative processes, another Order is concerned with the evolution of consciousness within the form. This ministration to the evolving life in the mineral kingdom is considered in Part II, Chapter I. Trees and forests also receive similar assistance, the classical concept of the dryad of the trees being founded upon fact. Nearly all well-grown trees have attached to them, in addition to innumerable nature spirit builders, an advanced nature spirit or a God which throughout its life remains within or linked to the astro-etheric double and the aura of the tree. The presence of such a being, through the constant play of its thoughts and auric energies, greatly quickens the evolution of tree life and consciousness. Such nature spirits and Gods are subordinate to more advanced beings in charge of groups of trees of the same genus, as are found in large woods, forests and jungles.

Trong khi các Bộ kiến tạo của các Nam Thần giữ mọi vai trò quan trọng trong các tiến trình sáng tạo thái dương và hành tinh, một Bộ khác liên quan đến sự tiến hoá của tâm thức bên trong hình tướng. Sự chăm sóc đối với sự sống đang tiến hoá trong giới kim thạch này được xem xét trong Phần II, Chương I. Cây cối và rừng cũng nhận được sự trợ giúp tương tự, quan niệm cổ điển về dryad của cây cối vốn đặt nền trên sự thật. Gần như mọi cây phát-triển tốt đều có gắn liền với chúng, ngoài vô số tinh linh tự nhiên kiến tạo, một tinh linh tự nhiên tiến bộ hoặc một Nam Thần, suốt đời vị ấy ở lại bên trong hoặc liên kết với bản sao cảm-dĩ thái và hào quang của cây. Sự hiện diện của một sinh linh như thế, qua tác động liên tục của các tư tưởng và năng lượng hào quang của vị ấy, làm linh hoạt mạnh mẽ sự tiến hoá của sự sống và tâm thức cây. Những tinh linh tự nhiên và Nam Thần như thế tùy thuộc các sinh linh tiến bộ hơn, phụ trách các nhóm cây cùng một chi, như được thấy trong các khu rừng lớn, rừng rậm và rừng nhiệt đới.

As an aid to comprehension of the effect of the presence of nature spirits and Gods upon the consciousness in mineral and plant kingdoms, one may think of a bowl of still water as representing the sleeping group consciousness of hill or mountain, plant or tree. Goldfish placed in this bowl would by their movements keep the water in continual motion, and this is in part the effect produced upon mineral and plant consciousness by the presence and play of the thought and auric forces of nature spirits and Gods.

Để giúp thấu hiểu ảnh hưởng của sự hiện diện của các tinh linh tự nhiên và Nam Thần đối với tâm thức trong giới kim thạch và thực vật, người ta có thể nghĩ đến một bát nước tĩnh lặng như biểu thị hồn nhóm đang ngủ của đồi hay núi, cây cỏ hay cây thân gỗ. Cá vàng được đặt trong bát này, bằng các chuyển động của chúng, sẽ giữ cho nước liên tục chuyển động, và đó một phần là hiệu quả được tạo ra trên tâm thức khoáng vật và thực vật bởi sự hiện diện và tác động của tư tưởng cùng các mãnh lực hào quang của tinh linh tự nhiên và Nam Thần.

Quaint, animal-headed nature spirits were found embedded within the trunks of well-grown tree ferns in the jungles on some of the mountains of Malaya and Ceylon. They were quite primitive beings, with little or no

Những tinh linh tự nhiên kỳ lạ, đầu thú, được tìm thấy nằm sâu trong các thân cây dương xỉ thân gỗ phát triển tốt trong rừng nhiệt đới trên một số ngọn núi của Malaya và Ceylon. Chúng là những sinh linh khá nguyên thủy, có

external awareness. Indeed, they gave the impression of being fast asleep. The plant growth and reproductive processes would be felt by them as faint stimuli, for they are growing with the trees, being intimately associated with their cell life and consciousness.

ít hoặc không có nhận biết bên ngoài. Thật vậy, chúng tạo ấn tượng như đang ngủ say. Sự tăng trưởng của cây và các tiến trình sinh sản sẽ được chúng cảm nhận như những kích thích mờ nhạt, vì chúng đang lớn lên cùng cây, gắn bó mật thiết với đời sống và tâm thức tế bào của cây.

The tree fern God here portrayed was observed over the jungle in the mountain district of Ceylon, near Newara Eliya. Such a being assists the evolution of form and the unfoldment of consciousness of a very large number of tree ferns. It is of interest to observe that the patterns formed by the flow of the lines of force in the aura of this God reproduce within it certain of the tree fern forms. An explanation of this is suggested in the description accompanying Plates 13 and 14.

Nam Thần dương xỉ thân gỗ được mô tả ở đây đã được quan sát phía trên rừng nhiệt đới trong vùng núi Ceylon, gần Newara Eliya. Một sinh linh như thế trợ giúp sự tiến hoá của hình tướng và sự khai mở tâm thức của một số lượng rất lớn cây dương xỉ thân gỗ. Điều đáng chú ý là các mô hình được tạo thành bởi dòng chảy của những đường mãnh lực trong hào quang của Nam Thần này tái tạo bên trong nó một số hình tướng của cây dương xỉ thân gỗ. Một lời giải thích cho điều này được gợi ý trong phần mô tả kèm theo các Bản Minh Họa 13 và 14.

The central form of this being is some fifty feet tall. The aura, however, is capable of extension for at least one hundred yards in all directions and was thus expanded when first seen high in the air, about a mile away. In the picture the outer aura is omitted and the inner aura is shown in phase of contraction, as when the God graciously hovered for a few minutes of mentalcommunion. Through both form and aura currents of force, presumably from the tree fern Archetype, play down into successive areas of the jungle as the God moves above its domain and ministers to its charges.

Hình tướng trung tâm của sinh linh này cao khoảng năm mươi feet. Tuy nhiên, hào quang có khả năng mở rộng ít nhất một trăm yard theo mọi hướng và đã mở rộng như thế khi lần đầu được nhìn thấy ở trên cao trong không trung, cách khoảng một dặm. Trong bức tranh, hào quang bên ngoài bị lược bỏ và hào quang bên trong được thể hiện trong pha co lại, như khi Nam Thần ân cần lơ lửng trong vài phút giao cảm trí tuệ. Qua cả hình tướng và hào quang, các dòng mãnh lực, có lẽ từ Nguyên Mẫu dương xỉ thân gỗ, tuôn xuống những khu vực kế tiếp nhau của rừng khi Nam Thần di chuyển phía trên lãnh địa của mình và chăm sóc những đối tượng được Ngài bảo trợ.



PLATE 6 A LORD OF THE PINES – BẢN MINH HỌA 6 MỘT CHÚA TỂ CỦA CÁC CÂY THÔNG

This being was observed in association with groups of stone pines in the Cape Peninsula, South Africa. As the picture shows, the colouring and the lines of force in the inner aura—the outer is omitted—suggest somewhat the needlelike foliage of the pine. Many well-grown pines were found to have their own tree God resembling the one here portrayed, but smaller in size and lower in evolution. The stature of this God is about thirty feet.

Sinh linh này được quan sát trong liên hệ với các nhóm thông đá ở Bán đảo Cape, Nam Phi. Như bức tranh cho thấy, màu sắc và các đường mãnh lực trong hào quang bên trong — hào quang bên ngoài bị lược bỏ — phần nào gợi đến tán lá dạng kim của cây thông. Nhiều cây thông phát triển tốt được nhận thấy có Nam Thần cây riêng của chúng, giống vị được mô tả ở đây, nhưng nhỏ hơn về kích thước và thấp hơn về tiến hoá. Tầm vóc của Nam Thần này khoảng ba mươi feet.



PLATE 7 A TREE NATURE SPIRIT – BẢN MINH HỌA 7 MỘT TINH LINH TỰ NHIÊN CỦA CÂY

This sixteen-year-old Waringan tree grows in a garden in Madioen, in the Island of Java. It was planted by the lady of the house, who became much attached to it and felt it to be a living, conscious being from whom, she assured me, she received a sense of friendliness and rest.

When taking tea beneath its welcome shade, I became aware of the presence of this delightful tree nature spirit or dryad. I found it to be approaching individualisation, or evolution out of group into individualised consciousness, and to be well aware of the affection of the owner of the tree and responsive to it, which would beneficially affect its development. This nature spirit is approximately five feet tall.

Cây Waringan mười sáu tuổi này mọc trong một khu vườn ở Madioen, trên đảo Java. Nó được trồng bởi nữ chủ nhân ngôi nhà, người trở nên rất gắn bó với nó và cảm thấy nó là một sinh linh sống động, có ý thức, từ đó, bà quả quyết với tôi, bà nhận được một cảm giác thân thiện và nghỉ ngơi.

Khi uống trà dưới bóng mát dễ chịu của nó, tôi nhận biết sự hiện diện của tinh linh tự nhiên cây hay dryad đáng yêu này. Tôi thấy nó đang tiến đến biệt ngã hóa, hay tiến hoá từ tâm thức nhóm sang tâm thức đã biệt ngã hóa, và rất nhận biết tình cảm của chủ cây cũng như đáp ứng với tình cảm ấy, điều này sẽ ảnh hưởng có lợi đến sự phát triển của nó. Tinh linh tự nhiên này cao khoảng năm feet.



PLATE 8 A MOUNTAIN GOD – BẢN MINH HỌA 8 MỘT NAM THẦN NÚI

Here is portrayed a mountain God intimately associated with the element of fire. It was observed at Loskop Mountain, near Harrismith in the Orange Free State, South Africa. The remarkable arrangement of the auric forces and the brilliant colouring are unique in my experience. Both are well portrayed in this fine example of Miss Quail's art. The central figure at the time of observation was partly within the mountain and some fifty feet tall. A greatly extended outer aura, here omitted, shone with similar but more delicate hues

.

Ở đây mô tả một Nam Thần núi liên hệ mật thiết với Nguyên tố lửa. Vị ấy được quan sát tại Núi Loskop, gần Harrismith ở Orange Free State, Nam Phi. Cách sắp xếp đáng chú ý của các mãnh lực hào quang và màu sắc rực rỡ là độc nhất trong kinh nghiệm của tôi. Cả hai đều được mô tả tốt trong ví dụ đẹp đẽ này của nghệ thuật Cô Quail. Hình trung tâm lúc quan sát một phần ở bên trong núi và cao khoảng năm mươi feet. Một hào quang bên ngoài mở rộng rất lớn, ở đây bị lược bỏ, tỏa sáng với các sắc thái tương tự nhưng tinh tế hơn

.



PLATE 9 A MOUNTAIN GOD – BẢN MINH HỌA 9 MỘT NAM THẦN NÚI

This being was observed in the Drakensberg Range in Natal. Two of the most striking features were the remarkable mitre-like effect produced by the uprush of forces from the head and shoulders and the brilliant, four-funnelled force-centres in the region of the solar plexus through which power was flowing into the mountain below. The axes of the rapidly spinning funnels formed an equal-armed cross, the arms of which met within the form of the God and pointed forwards, backwards, to the right and to the left. In this picture the effect of translucency, characteristic of the appearance of all the Gods, is well portrayed. In the process, however, the impression of the tremendous power of the God and of the passage through it at high voltage of mighty forces from above, also of brilliance and radiance, is perhaps, not conveyed quite so adequately as in other pictures.

Watching this God throughout successive days, I was reminded constantly of the vision of Ezekiel[1] .Certain currents in its aura were arranged in the shape of upward-pointing wings, far more three-dimensional than any picture could suggest. The *chakras* received and compressed the descending forces, which were then directed into the mountain below. The central form in this case is at least sixty feet tall and it is one of the most majestic and-splendid members of this Order of the Angelic Hosts that I have ever been privileged to behold.

Sinh linh này được quan sát trong Dãy Drakensberg ở Natal. Hai trong số các đặc điểm nổi bật nhất là hiệu ứng giống mũ giám mục đáng chú ý, do dòng mãnh lực vọt lên từ đầu và vai tạo ra, và các trung tâm mãnh lực bốn phễu rực rỡ ở vùng tùng thái dương, qua đó quyền năng đang chảy vào ngọn núi bên dưới. Các trục của những phễu quay nhanh tạo thành một thập giá có các nhánh bằng nhau, các nhánh ấy gặp nhau bên trong hình tướng của Nam Thần và chỉ về phía trước, phía sau, bên phải và bên trái. Trong bức tranh này, hiệu ứng trong suốt, đặc trưng cho dáng vẻ của tất cả các Nam Thần, được mô tả tốt. Tuy nhiên, trong tiến trình ấy, ấn tượng về quyền năng to lớn của Nam Thần và về sự đi qua Ngài ở điện thế cao của các mãnh lực hùng mạnh từ trên cao, cũng như về sự rực rỡ và chiếu sáng, có lẽ không được truyền đạt đầy đủ như trong các bức tranh khác.

Khi quan sát vị Thượng đế này qua nhiều ngày liên tiếp, tôi luôn được nhắc nhớ đến linh ảnh của Ezekiel[1]. Một số dòng lưu chuyển trong hào quang của Ngài được sắp xếp theo hình những đôi cánh hướng lên trên, có tính ba chiều hơn xa bất cứ bức tranh nào có thể gợi tả. Các -*chakra* tiếp nhận và nén các mãnh lực đang giáng xuống, rồi các mãnh lực ấy được hướng vào ngọn núi bên dưới. Hình tướng trung tâm trong trường hợp này cao ít nhất sáu mươi bộ, và đó là một trong những thành viên uy nghi, rực rỡ nhất của Đoàn Thiên Thần mà tôi từng có đặc ân được chiêm ngưỡng.



PLATE 10 A MOUNTAIN GOD – HÌNH 10 MỘT VỊ THƯỢNG ĐẾ CỦA NÚI

This God was also observed in the Drakensberg Range in Natal, presiding over the region known as the Amphitheatre at

Vị Thượng đế này cũng được quan sát tại dãy Drakensberg ở Natal, chủ trì vùng được gọi là Amphitheatre tại Mont aux Sources. Hơn một

Mont aux Sources. I have more than once received evidence of similarity of type and appearance in the various Gods of one mountain range. Comparison with Plate 9 reveals a similarity between the two Gods of the Drakensberg Range. In both of them the wing-like radiations and the intensely brilliant, vertical force-centres or "wheels" were noticeably common characteristics. The God is shown in phase of expansion, the auric wings extending at least half a mile from tip to tip, whilst the outflowing and descending energies have a very much greater range. In this picture, part of the outer aura is included. The central form is at least sixty feet tall.

lần tôi đã nhận được bằng chứng về sự tương đồng trong kiểu loại và sắc tướng giữa các vị Thượng đế khác nhau của cùng một dãy núi. Việc so sánh với Hình 9 cho thấy sự tương đồng giữa hai vị Thượng đế của dãy Drakensberg. Ở cả hai vị, những bức xạ giống như cánh và các trung tâm mãnh lực hay "bánh xe" thẳng đứng, cực kỳ chói sáng, đều là những đặc điểm chung rất dễ nhận thấy. Vị Thượng đế được trình bày trong pha mở rộng, với đôi cánh hào quang vươn dài ít nhất nửa dặm từ đầu này sang đầu kia, trong khi các năng lượng tuôn ra và giáng xuống có tầm hoạt động rộng hơn rất nhiều. Trong bức tranh này, một phần hào quang bên ngoài được đưa vào. Hình tướng trung tâm cao ít nhất sáu mươi bộ.

PLATE 11 A MOUNTAIN GOD – HÌNH 11 MỘT VỊ THƯỢNG ĐẾ CỦA NÚI

This picture portrays the presiding God of a mountain range, which was observed high above one of the peaks of the Hottentots Hollands Mountains in Cape Province, South Africa. As I observed and gave my description to the artist, the downflow of power was so great and so brilliant as almost to conceal the form and aura of the God. The chief colours shown were lavender, gold and white, the central form of the God and the aura immediately surrounding it shining in those hues with a dazzling radiance quite impossible to reproduce. The uprush of golden-coloured, fiery power above the head was particularly brilliant, bestowing upon the God the appearance of a majestic *Deva* King wearing a crown of flames. In all cases of *devic* direction of natural energies, however prodigious the outpouring of power may be, the God always gives the impression of complete mastery of the forces flowing through and all about it. The central figure is at least eighty feet tall.

Bức tranh này mô tả vị Thượng đế chủ trì một dãy núi, được quan sát ở rất cao phía trên một trong những đỉnh của dãy Hottentots Hollands tại tỉnh Cape, Nam Phi. Khi tôi quan sát và mô tả cho họa sĩ, dòng quyền năng tuôn xuống vĩ đại và rực rỡ đến mức hầu như che khuất hình tướng và hào quang của vị Thượng đế. Những màu chính được biểu hiện là tím oải hương, vàng và trắng; hình tướng trung tâm của vị Thượng đế cùng hào quang bao quanh ngay sát đó tỏa sáng trong những sắc thái ấy với một vẻ rạng rỡ chói lòa hoàn toàn không thể tái hiện. Luồng quyền năng bốc lên, có màu vàng và rực lửa phía trên đầu đặc biệt chói sáng, ban cho vị Thượng đế dáng vẻ của một vị Vua *Deva* uy nghi đội vương miện bằng lửa. Trong mọi trường hợp các năng lượng tự nhiên được định hướng theo lối *deva*, dù sự tuôn đổ quyền năng có phi thường đến đâu, vị Thượng đế luôn tạo ấn tượng về sự làm chủ hoàn toàn các mãnh lực đang chảy xuyên qua và bao quanh Ngài. Hình tướng trung tâm cao ít nhất tám mươi bộ.



PLATE 12 A MOUNTAIN GOD – HÌNH 12 MỘT VỊ THƯỢNG ĐẾ CỦA NÚI

This God was observed at one of the mountain Vị Thượng đế này được quan sát tại một trong

peaks of the Table Mountain Range in the Cape Peninsula, South Africa. Evidently it has close affinity with the element of fire. The picture shows the inner aura and form alone and in phase of contraction, during which it is drawing into itself universal fire-power. This it directs in a concentrated stream, as an awakening force, into the mineral life and consciousness indwelling in the mountain below.

các đỉnh núi của dãy Table Mountain ở bán đảo Cape, Nam Phi. Hiển nhiên Ngài có mối liên hệ mật thiết với nguyên tố lửa. Bức tranh chỉ cho thấy hào quang bên trong và hình tướng, trong pha co rút, khi Ngài đang thu hút vào mình quyền năng lửa vũ trụ. Ngài hướng quyền năng này thành một dòng tập trung, như một mãnh lực đánh thức, vào sự sống và tâm thức của giới kim thạch đang nội tại trong ngọn núi bên dưới.

The upward-flowing streams above the head were enlarged into a cup or bowl of flame, reaching high into the heavens. Fiery energy was playing down into this auric chalice, from which it passed through the form in great sheets, streams and flashes into the surrounding atmosphere and the mountain below.

Những dòng chảy hướng lên phía trên đầu mở rộng thành một chiếc chén hay bát lửa vươn cao lên tận trời. Năng lượng rực lửa đang đổ xuống chiếc chén hào quang này; từ đó, nó đi xuyên qua hình tướng thành những mảng lớn, những dòng chảy và những tia lóe vào bầu khí quyển chung quanh và ngọn núi bên dưới.

In phase of expansion, the God presented the most magnificent appearance. The auric forces then resembled tongues of flame shooting out for hundreds of yards on every side, as if he stood in the midst of a mighty conflagration. The central figure is about sixty feet tall.

Trong pha mở rộng, vị Thượng đế hiện ra với dáng vẻ huy hoàng nhất. Khi ấy, các mãnh lực hào quang giống như những lưỡi lửa phóng ra hàng trăm thước về mọi phía, như thể Ngài đứng giữa một đám cháy hùng mạnh. Hình tướng trung tâm cao khoảng sáu mươi bộ.



PLATES 13 AND 14 A MOUNTAIN GOD – HÌNH 13 VÀ 14 MỘT VỊ THƯỢNG ĐẾ CỦA NÚI

This God was observed in the Cape Peninsula, near the eminence known as Castle Rock, high above the Kirstenbosch Botanical Gardens. Apparently the establishment of the Gardens in this area has offered it an opportunity of extending its operations beyond the mineral and bush consciousness and forms of the mountain into those of the many wild and cultivated flowering plants; for when, studying it for the purpose of these pictures, I noticed that its beautiful lavender and green aura was frequently extended in a great sweep of force to include the whole of the Gardens.

Vị Thượng đế này được quan sát tại bán đảo Cape, gần điểm cao được gọi là Castle Rock, phía trên cao của Vườn Bách thảo Kirstenbosch. Dường như việc thiết lập các khu vườn trong vùng này đã đem lại cho Ngài cơ hội mở rộng hoạt động vượt khỏi tâm thức và hình tướng của khoáng chất và cây bụi trên núi, để đi vào tâm thức và hình tướng của nhiều loài cây hoa dại và cây hoa được trồng; vì khi nghiên cứu Ngài nhằm thực hiện các bức tranh này, tôi nhận thấy hào quang đẹp đẽ màu tím oải hương và xanh lục của Ngài thường được mở rộng thành một vòng quét mãnh lực lớn bao gồm toàn bộ các khu vườn.

The creative energy then flowing through the aura of the God produced within it the geometrical mental forms upon which the shapes of the plants and flowers are founded. This specialisation and intensification, explained in Part I, Chapter III, augments the form-producing capacity of the universal, creative power and thought. Plant devas and nature spirits similarly receive these forces, further specialising them and increasing their power accurately to reproduce in etheric and physical matter the plant forms conceived of by the Major Mind.

Năng lượng sáng tạo khi ấy chảy qua hào quang của vị Thượng đế tạo ra bên trong đó các hình tướng trí tuệ hình học, trên đó hình dạng của cây cối và hoa lá được xây dựng. Sự chuyên biệt hóa và tăng cường này, đã được giải thích trong Phần I, Chương III, làm gia tăng năng lực tạo hình của quyền năng và tư tưởng sáng tạo vũ trụ. Các thiên thần thực vật và tinh linh tự nhiên cũng tiếp nhận các mãnh lực này, tiếp tục chuyên biệt hóa chúng và gia tăng quyền năng của chúng để tái tạo chính xác trong vật chất dĩ thái và hồng trần các hình tướng thực vật do Đại Trí quan niệm.

The High Gods and their individualised subordinates perform this work deliberately and self-consciously as servants of the One Will. Nature spirits serve instinctively in response to impulses natural to them, strengthened on occasion by their deva superiors. The ultra-microscopic builders and the larger nature spirits perform their share in this creative process quite unconsciously. They play with and among the creative forces and the forms which they produce primarily in etheric matter. Their play is, however, quite purposeful, though they are unaware of the fact, for their movements cut lines of force in

Các vị Thượng đế Cao Cả và những thuộc cấp đã biệt ngã hóa của Các Ngài thực hiện công việc này một cách có chủ ý và hữu thức, như những người phụng sự của Ý Chí Duy Nhất. Các tinh linh tự nhiên phụng sự theo bản năng, đáp ứng với những xung động vốn tự nhiên đối với chúng, đôi khi được tăng cường bởi các thiên thần cấp trên của chúng. Những đấng kiến tạo cực vi và các tinh linh tự nhiên lớn hơn thực hiện phần việc của mình trong tiến trình sáng tạo này một cách hoàn toàn vô thức. Chúng vui chơi với và giữa các mãnh lực sáng tạo cùng những hình tướng mà chúng tạo ra chủ yếu trong vật chất dĩ thái. Tuy

the ether which mark out the areas and centres of molecular, and later cell formation. All these processes and activities occur within the consciousness of the presiding God.

nhiên, trò chơi của chúng hoàn toàn có mục đích, dù chúng không biết điều đó, vì các chuyển động của chúng cắt thành những đường mãnh lực trong dĩ thái, đánh dấu các vùng và trung tâm của sự hình thành phân tử, rồi về sau là tế bào. Tất cả những tiến trình và hoạt động này diễn ra trong tâm thức của vị Thượng đế chủ trì.

The second, profile picture shows in part the arrangement of the inner auric forces of the mountain God, the stature of which is about sixty feet. The outer aura is omitted.

Bức tranh thứ hai, nhìn nghiêng, cho thấy một phần cách sắp xếp các mãnh lực hào quang bên trong của vị Thượng đế núi, vóc dáng của Ngài khoảng sáu mươi bộ. Hào quang bên ngoài được lược bỏ.





PLATE 15 THE GOD OF A SNOWCLAD RANGE – HÌNH 15 VỊ THƯỢNG ĐẾ CỦA MỘT DÃY NÚI PHỦ TUYẾT

In this picture an attempt is made to portray the second of the two Gods of the Sierra Nevadas in California, referred to in Part II, Chapter I.

In order to show the concentric arrangement, the colouring and the dazzling whiteness of the outer sphere, a cross section has been taken through the centre of the aura. The *devic* form is approximately fifty feet tall.

Trong bức tranh này, có một nỗ lực nhằm mô tả vị thứ hai trong hai vị Thượng đế của dãy Sierra Nevadas tại California, đã được đề cập trong Phần II, Chương I.

Để cho thấy cách sắp xếp đồng tâm, màu sắc và sắc trắng chói lòa của khối cầu bên ngoài, một mặt cắt ngang đã được lấy qua trung tâm hào quang. Hình tướng *deva* cao xấp xỉ năm mươi bộ.



PLATE 16 A LANDSCAPE GOD – HÌNH 16 MỘT VỊ THƯỢNG ĐẾ CỦA PHONG CẢNH

This very great being is the presiding *deva* of Sinh Mệnh rất vĩ đại này là vị *deva* chủ trì một

an area of the Cape Province, South Africa, covering many thousands of square miles. It is stationed high above the region immediately to the north of the Karoo Desert, its sphere of influence extending to the coast where, at certain of the Capes, landscape *deMas* are established. Natural forces from the South Pole and Antarctic continent flow northwards into South Africa, and doubtless other continents in the Southern Hemisphere. These Gods assist both the development of form and the awakening of consciousness in the mineral kingdom of the desert, plains and mountains of their region and at the same time conserve and direct the forces from the Pole.

vùng thuộc tỉnh Cape, Nam Phi, bao phủ nhiều nghìn dặm vuông. Ngài an vị rất cao phía trên vùng ngay phía bắc sa mạc Karoo; khối cầu ảnh hưởng của Ngài vươn đến bờ biển, nơi tại một số mũi đất có các *deva* phong cảnh được thiết lập. Các mãnh lực tự nhiên từ Nam Cực và lục địa Nam Cực chảy về phía bắc vào Nam Phi, và chắc chắn cũng vào các lục địa khác ở Nam bán cầu. Các vị Thượng đế này trợ giúp cả sự phát triển hình tướng lẫn sự thức tỉnh tâm thức trong giới kim thạch của sa mạc, đồng bằng và núi non thuộc vùng của Các Ngài, đồng thời bảo tồn và định hướng các mãnh lực từ Cực.

Ambassadorial Gods were also perceived moving between the Antarctic and South Africa, whilst others maintained relations between the God here pictured and those of the mountains, jungles, deserts and plains to the North. On many occasions I have become aware of the operation of a system of *devic* inter-communication maintained by travelling Gods, who visit those stationed at important continental regions of the globe.

Các vị Thượng đế sứ giả cũng được nhận thấy di chuyển giữa Nam Cực và Nam Phi, trong khi những vị khác duy trì quan hệ giữa vị Thượng đế được vẽ ở đây với các vị của núi non, rừng rậm, sa mạc và đồng bằng ở phía Bắc. Nhiều lần tôi đã nhận biết hoạt động của một hệ thống liên lạc nội bộ *deva*, được duy trì bởi các vị Thượng đế du hành, những vị thăm viếng các vị an vị tại những vùng lục địa quan trọng của bầu hành tinh.

As indicated in Part II, Chapter II, I have received evidence of the existence of a great planetary, landscape God, so mighty as to be able to hold the whole Earth within its consciousness, a *Deva* King of the physical world. I have also observed the radiation from the centre and surface of the Earth out into interplanetary space of very powerful, natural energies. In addition, from the sun and the planets, and possibly from outer space, great forces reach the globe, as if the Earth were being subjected to a perpetual inflow of power. Moving amidst these interchanged forces, planetary and extra-planetary, Gods of power, like *devic* engineers, are to be seen. As in the case of the landscape God here portrayed, they appear to be responsible for

Như đã chỉ ra trong Phần II, Chương II, tôi đã nhận được bằng chứng về sự tồn tại của một vị Thượng đế phong cảnh hành tinh vĩ đại, hùng mạnh đến mức có thể bao hàm toàn bộ Trái Đất trong tâm thức của Ngài, một vị Vua *Deva* của thế giới hồng trần. Tôi cũng đã quan sát bức xạ từ trung tâm và bề mặt Trái Đất tỏa ra không gian liên hành tinh của những năng lượng tự nhiên rất mạnh mẽ. Ngoài ra, từ mặt trời và các hành tinh, và có thể từ không gian bên ngoài, những mãnh lực vĩ đại đi đến bầu hành tinh, như thể Trái Đất đang chịu một dòng quyền năng tuôn vào không ngừng. Giữa các mãnh lực trao đổi này, thuộc hành tinh và ngoài hành tinh, có thể thấy các vị Thượng đế quyền năng di chuyển, như những kỹ sư *deva*. Như trong trường hợp vị Thượng đế phong

the reception, specialisation and re-direction of these energies. This God is at least one hundred feet tall, whilst its auric forces are capable of extension to a distance of a great many miles.

cảnh được mô tả ở đây, dường như Các Ngài chịu trách nhiệm tiếp nhận, chuyên biệt hóa và tái định hướng các năng lượng này. Vị Thượng đế này cao ít nhất một trăm bộ, trong khi các mãnh lực hào quang của Ngài có thể mở rộng đến một khoảng cách rất nhiều dặm.



PLATE 17 A GOD OF THE GOLD REEF – HÌNH 17 MỘT VỊ THƯỢNG ĐẾ CỦA MẠCH VÀNG

An exposition of creative processes, in which gold is used as an example, and the Gods of Gold are described, is to be found in Part I, Chapter III. This picture, whilst an accurate reproduction of my description, somewhat too much suggests human femininity. The descending gold-creative energies,'the brilliant gold points or centres of force in the aura and the smooth, rhythmic flow characteristic of the force aspect of gold are, nevertheless, well portrayed. The lateral extension of the auras of these Gods was less than usual. The vertical extension, on the other hand, was immense, reaching from some two hundred feet in the air to at least the same distance below the surface of the veldt, whilst the actual gold-producing force played on down to the reef, in some cases six thousand or more feet below.

Một phần trình bày về các tiến trình sáng tạo, trong đó vàng được dùng làm ví dụ và các vị Thượng đế của Vàng được mô tả, có thể tìm thấy trong Phần I, Chương III. Bức tranh này, tuy là sự tái hiện chính xác mô tả của tôi, nhưng hơi gợi quá nhiều về nữ tính con người. Tuy nhiên, các năng lượng sáng tạo vàng đang giáng xuống, những điểm hay trung tâm mãnh lực vàng chói sáng trong hào quang, và dòng chảy trơn láng, nhịp nhàng đặc trưng cho phương diện mãnh lực của vàng, đều được mô tả tốt. Sự mở rộng ngang của hào quang nơi các vị Thượng đế này ít hơn thường lệ. Trái lại, sự mở rộng theo chiều dọc thì bao la, vươn từ khoảng hai trăm bộ trên không xuống ít nhất cùng khoảng cách ấy bên dưới bề mặt đồng cỏ, trong khi mãnh lực thật sự tạo ra vàng tiếp tục tác động xuống mạch quặng, trong một số trường hợp sâu sáu nghìn bộ hoặc hơn.

The central figure was unusually small for such an auric extension, being in this case little more than eight or ten feet tall. The presiding God of the Gold Reef is, however, colossal in stature.

Hình tướng trung tâm nhỏ khác thường so với một sự mở rộng hào quang như thế, trong trường hợp này chỉ cao hơn tám hay mười bộ một chút. Tuy nhiên, vị Thượng đế chủ trì Mạch Vàng có vóc dáng khổng lồ.



PLATE 18 A GOD OF THE SOUTHERN PACIFIC – HÌNH 18 MỘT VỊ THƯỢNG ĐẾ CỦA NAM THÁI BÌNH DƯƠNG

This magnificent ocean God was observed from the south coast of Java. Apparently it is the ruling *deva* of the great area of the Pacific Ocean which extends from Java to Australia. At the higher mental level it is relatively formless, as here portrayed, though the unusual, pointed, oval shape produced by the flowing streams of its auric forces was clearly discernible. As the picture shows, great currents of power descend upon this sea God, are compressed within its aura and then released into the ocean beneath.

Vị Thượng đế đại dương huy hoàng này được quan sát từ bờ biển phía nam Java. Dường như Ngài là *deva* cai quản vùng rộng lớn của Thái Bình Dương trải dài từ Java đến Australia. Ở cấp độ thượng trí, Ngài tương đối vô hình tướng, như được mô tả ở đây, dù hình bầu dục nhọn, khác thường, do các dòng mãnh lực hào quang đang chảy tạo nên, vẫn có thể phân biện rõ ràng. Như bức tranh cho thấy, những dòng quyền năng lớn giáng xuống vị Thượng đế biển này, được nén trong hào quang của Ngài rồi được phóng thích vào đại dương bên dưới.

These forces are both creative and energising. All atomic and molecular patterns, and the forms of marine vegetation and of fish and their shells, are in part a product of these descending, creative energies. The sea God also directs powerful currents of quickening energy into the consciousness incarnate in every atom of the sea water and in the forms of the mineral, the marine plant and the fish kingdoms.

Các mãnh lực này vừa sáng tạo vừa tiếp sinh lực. Tất cả các mô hình nguyên tử và phân tử, cùng các hình tướng của thảm thực vật biển, cá và vỏ của chúng, phần nào là sản phẩm của những năng lượng sáng tạo đang giáng xuống này. Vị Thượng đế biển cũng hướng những dòng năng lượng kích hoạt mạnh mẽ vào tâm thức đang lâm phàm trong từng nguyên tử nước biển và trong các hình tướng của giới kim thạch, giới thực vật biển và giới cá.

This being is subordinate to a still greater God, responsible for the whole Pacific Ocean, in its turn a Vice-regent of the planetary sea God, which performs similar functions (and doubtless many others as yet unknown to me) for the life and consciousness of the oceans of the world. The God here presented is similarly assisted by great hosts of subordinates in a descending scale of evolutionary stature, the more advanced of whom resemble it in appearance.

Sinh Mệnh này lệ thuộc vào một vị Thượng đế còn vĩ đại hơn, chịu trách nhiệm đối với toàn bộ Thái Bình Dương; vị ấy lại là phó vương của vị Thượng đế biển hành tinh, Đấng thực hiện các chức năng tương tự và chắc chắn còn nhiều chức năng khác mà tôi chưa biết đối với sự sống và tâm thức của các đại dương trên thế giới. Vị Thượng đế được trình bày ở đây cũng được trợ giúp tương tự bởi những đoàn thuộc cấp lớn lao theo một thang bậc vóc dáng tiến hóa đi xuống, trong đó những vị tiến bộ hơn giống Ngài về sắc tướng.

At the lower mental and emotional levels these Gods assume concrete shape and operate in oppositely polarised pairs. Thus, although there is no sex in the Kingdom of the Gods, the appearance of male or female or

Ở các cấp độ hạ trí và cảm xúc, các vị Thượng đế này khoác lấy hình dạng cụ thể và hoạt động thành từng cặp phân cực đối nghịch. Vì vậy, dù trong Giới của các vị Thượng đế không có giới tính, đôi khi sắc tướng nam hay nữ,

deva and *devi* is sometimes suggested according to preponderant polarity. Beneath these in evolution are the non-individualised sea nature spirits, and below them again the primitive beings portrayed in Plate 1.

Under the seas, different types of Gods and nature spirits are to be observed. On occasion I have seen huge, whalelike, etheric monsters drifting about somewhat aimlessly in the great depths. The Kingdom of the Sea is indeed a densely populated empire. It is presided over—chiefly, it would seem, from above the surface—by a very great being, the planetary God of the Sea.

hoặc *deva* và *devi*, được gợi ra tùy theo cực tính trội hơn. Bên dưới Các Ngài trong tiến hóa là các tinh linh tự nhiên biển chưa biệt ngã hóa, và thấp hơn nữa là những sinh linh sơ khai được mô tả trong Hình 1.

Dưới các biển, có thể quan sát thấy nhiều kiểu loại Thượng đế và tinh linh tự nhiên khác nhau. Đôi khi tôi đã thấy những quái vật dĩ thái khổng lồ, giống cá voi, trôi dạt khá vô định trong các vực sâu lớn. Quả thật, Giới của Biển là một đế quốc đông đúc. Nó được chủ trì — chủ yếu, dường như vậy, từ phía trên bề mặt — bởi một Sinh Mệnh rất vĩ đại, vị Thượng đế hành tinh của Biển.



PLATE 19 A GOD OF THE SOUTHERN PACIFIC – HÌNH 19 MỘT VỊ THƯỢNG ĐẾ CỦA NAM THÁI BÌNH DƯƠNG

Occasionally the *deva* portrayed in Plate 18 descends to the "form "worlds, assuming

Thỉnh thoảng vị *deva* được mô tả trong Hình 18 giáng xuống các thế giới "hình tướng ", ở đó

there a definite shape somewhat .as shown. Thus seen, it resembles some splendid Sea God from classical mythology, riding the waves upon a shell-like car.

khoác lấy một hình dạng xác định phần nào như được trình bày. Khi được thấy như vậy, Ngài giống một vị Thượng đế Biển rực rỡ nào đó trong thần thoại cổ điển, cưỡi trên sóng bằng một cỗ xe giống vỏ sò.

The flowing curves of the aura resemble those of a shell and doubtless are partly produced by the passage through the God of creative energies expressive of the divine thought or Archetype of the shell form. In the higher worlds the God is of immense stature. In the lower, the central form is some thirty feet tall.

Những đường cong chảy của hào quang giống như đường cong của vỏ sò, và chắc chắn phần nào được tạo ra bởi sự đi xuyên qua vị Thượng đế của các năng lượng sáng tạo biểu lộ tư tưởng thiêng liêng hay Nguyên mẫu của hình tướng vỏ sò. Trong các thế giới cao, vị Thượng đế có vóc dáng bao la. Ở các thế giới thấp, hình tướng trung tâm cao khoảng ba mươi bộ.



PLATE 20 AN ANGEL OF MUSIC – HÌNH 20 MỘT THIÊN THẦN ÂM NHẠC

True music is a temporary, physical expression of the sound of the ever-uttered "Word". Throughout creative Day, the Great

Âm nhạc chân chính là một biểu hiện hồng trần tạm thời của âm thanh của "Linh từ" hằng được phát ra. Suốt Ngày sáng tạo, Hơi

Breath is breathed upon the Great Deep, which responds as an aeolian harp of myriad, vibrant strings. As creative Night draws near, the Great Breath is breathed in. Thereafter silence reigns within the Great Deep.

Thở Vĩ Đại được thở ra trên Vực Thẳm Vĩ Đại, vốn đáp ứng như một cây đàn gió với vô số dây rung động. Khi Đêm sáng tạo đến gần, Hơi Thở Vĩ Đại được hít vào. Sau đó, im lặng ngự trị trong Vực Thẳm Vĩ Đại.

The Monads of living beings are as breaths in the Great Breath. When at the dawn of creative Day the Voice first speaks, the innumerable lesser breaths contribute the component notes of the creative chord, which is the "Word". When at creative Eve the Voice is stilled, the lesser voices die away. Thereafter silence broods upon the face of the Deep.

Các chân thần của những sinh linh sống động giống như những hơi thở trong Hơi Thở Vĩ Đại. Khi vào bình minh của Ngày sáng tạo, Tiếng Nói lần đầu cất lên, vô số hơi thở nhỏ hơn góp vào những âm điệu thành phần của hợp âm sáng tạo, tức là "Linh từ". Khi vào Buổi Chiều sáng tạo, Tiếng Nói lặng đi, các tiếng nói nhỏ hơn cũng tắt dần. Sau đó, im lặng ấp ủ trên mặt Vực Thẳm.

Thus behind and within material universes creative sound subsists, that celestial symphony of which Nature's forms are a physical expression. The "Word" itself exists in two phases, the pre-Cosmic and the Cosmic, the silent and the uttered. When "spoken", the "Word" creates and releases the divinest harmonies and upon these, as dynamic Archetypes, the universe is built.

Như vậy, đằng sau và bên trong các vũ trụ vật chất, âm thanh sáng tạo vẫn tồn tại, bản giao hưởng thiên thượng mà các hình tướng của Thiên Nhiên là một biểu hiện hồng trần. "Linh từ" chính nó tồn tại trong hai pha: tiền Vũ trụ và Vũ trụ, lặng im và được phát ra. Khi được "xướng lên", "Linh từ" sáng tạo và phóng thích những hòa âm thiêng liêng nhất, và trên những hòa âm ấy, như các Nguyên mẫu năng động, vũ trụ được xây dựng.

When the one creative Voice begins to speak, the ten divine Intelligences, the Archangels of the Sephiroth, the first manifested Lords of Light, hear and perfectly express the "Word". This, as creative sound, they transmit throughout the new-born universe. Thereafter, the myriad.

Khi Tiếng Nói sáng tạo duy nhất bắt đầu cất lên, mười Trí Tuệ thiêng liêng, các Tổng thiên thần của Sephiroth, các Chúa Tể Ánh Sáng biểu hiện đầu tiên, nghe và biểu hiện hoàn hảo "Linh từ". Điều này, như âm thanh sáng tạo, Các Ngài truyền khắp vũ trụ mới sinh. Sau đó, vô số.

Hosts of the Logos receive and re-express the music of the "Word "in worlds of growing density.

Đoàn của Thượng đế tiếp nhận và tái biểu hiện âm nhạc của "Linh từ "trong những thế giới ngày càng đậm đặc.

Thus the Kingdom of Music is established, the citizens of which are the Spiritual Selves of angels and of men. In this Kingdom vast hosts of Archangels and angels re-echo the harmonies of the creative "Word", thereby aiding in the construction of the first, archetypal, sound-built forms. Each of these beings is perpetually resonant with the

Như vậy Giới Âm Nhạc được thiết lập, mà công dân của giới ấy là các Chân Ngã Tinh Thần của thiên thần và con người. Trong Giới này, những đoàn Tổng thiên thần và thiên thần bao la vang vọng lại các hòa âm của "Linh từ", nhờ đó trợ giúp việc kiến tạo các hình tướng đầu tiên, nguyên mẫu, được xây dựng bằng âm thanh. Mỗi sinh linh ấy mãi mãi cộng

component chords and notes of the basic theme of the universe, its idea-motif.

hưởng với các hợp âm và âm điệu thành phần của chủ đề căn bản của vũ trụ, mô-típ ý tưởng của nó.

The loftiest Archangels first embody and re-sound the glorious harmonies of the "Word", which are then relayed by their immediate successors in the hierarchical Order. Thence this wondrous music descends through successive ranks of shining beings, until the lower worlds of form are reached. There, too, the Angel Lords of mental and emotional realms re-echo the creative "Word". Lesser angels and their younger brethren, the nature spirits, answer to the song, and by them the densest, material world is built according to the "Word".

Các Tổng thiên thần cao cả nhất trước tiên hiện thân và vang lại những hòa âm huy hoàng của "Linh từ", rồi các hòa âm ấy được những vị kế tiếp trực tiếp của Các Ngài trong Trật tự Huyền Giai chuyển tiếp. Từ đó, âm nhạc kỳ diệu này giáng xuống qua các hàng ngũ kế tiếp của những sinh linh sáng chói, cho đến khi đạt tới các thế giới hình tướng thấp hơn. Ở đó, các Chúa Tể Thiên Thần của các cõi trí tuệ và cảm xúc cũng vang vọng lại "Linh từ" sáng tạo. Các thiên thần nhỏ hơn và những huynh đệ trẻ hơn của họ, tức các tinh linh tự nhiên, đáp lời bài ca, và nhờ họ, thế giới vật chất đậm đặc nhất được xây dựng theo "Linh từ".

An Angel of Music, or Gandharva as it is known in Hinduism, is here depicted not as a portrait but as a type of celestial musician, the inner form only being shown.

Một Thiên Thần Âm Nhạc, hay Gandharva như được biết trong Ấn giáo, được mô tả ở đây không như một chân dung, mà như một kiểu mẫu của nhạc sĩ thiên thượng, chỉ biểu hiện hình tướng bên trong.



PLATES 21 AND 22 A ROSE ANGEL – HÌNH 21 VÀ 22 MỘT THIÊN THẦN HOA HỒNG

The six pictures which follow portray angels who are associated with aspects of divine consciousness, rather than with currents of

Sáu bức tranh tiếp theo mô tả các thiên thần liên hệ với các phương diện của tâm thức thiêng liêng, hơn là với các dòng lưu chuyển

creative Life-force and the mineral and plant kingdoms of Nature. Rose angels, such as the one here portrayed, may be thought of as incarnations of divine wisdom and love, qualities which bring them into intimate contact with the Immortal Selves or Egos of men. Association with such beings is indeed a privilege and their co-operation in the service of humanity can be of the greatest value.

The second picture is an attempt at portraiture. This closer view shows the various force centres. Those in the head are seen to radiate from a common centre, upward through the crown and forward through the eyes. As stated in the opening paragraphs of this fifth part of the book, no static medium, however skilfully used, can possibly convey the delicacy, the glowing radiance, the translucence, which contribute to the general effect of the intense brilliance and the supernal beauty characteristic of the Angelic Hosts. This is especially true of the ethereal, radiant, angelic incarnation of divine love portrayed in these two Plates. The large and glowing aura, chiefly rose, crimson and gold in colour, has been deliberately omitted from both pictures in order that the graceful central form, normally somewhat veiled within it, may clearly be seen.

When, in the performance of certain Rituals of Freemasonry and those described in Part IV, Chapter III, the power and influence of divine love are invoked and poured forth with angelic aid upon the world, angels of this Order would be likely to respond to the invocation and co-operate in the distribution of the power and its application to general and individual needs. This particular rose angel is some twelve feet tall.

của sinh lực sáng tạo và với giới kim thạch cùng giới thực vật của Thiên Nhiên. Các thiên thần hoa hồng, như vị được mô tả ở đây, có thể được xem là những hiện thân của minh triết và bác ái thiêng liêng, những phẩm tính đưa họ vào sự tiếp xúc mật thiết với các Chân Ngã Bất Tử hay chân ngã của con người. Việc liên hệ với những sinh linh như thế quả là một đặc ân, và sự hợp tác của họ trong việc phụng sự nhân loại có thể có giá trị lớn lao nhất.

Bức tranh thứ hai là một nỗ lực phác họa chân dung. Cái nhìn gần hơn này cho thấy các trung tâm mãnh lực khác nhau. Những trung tâm trong đầu được thấy tỏa ra từ một trung tâm chung, hướng lên qua đỉnh đầu và hướng ra trước qua đôi mắt. Như đã nói trong các đoạn mở đầu của phần thứ năm cuốn sách này, không một phương tiện tĩnh nào, dù được sử dụng khéo léo đến đâu, có thể truyền đạt được nét tinh tế, vẻ rạng rỡ bừng sáng, tính trong suốt, vốn góp phần tạo nên hiệu ứng tổng quát của sự chói sáng mãnh liệt và vẻ đẹp thiên thượng đặc trưng cho Đoàn Thiên Thần. Điều này đặc biệt đúng đối với hiện thân thiên thần dĩ thái, rạng rỡ, của bác ái thiêng liêng được mô tả trong hai Hình này. Hào quang lớn và rực sáng, chủ yếu có màu hồng, đỏ thẫm và vàng, đã được cố ý lược bỏ khỏi cả hai bức tranh để hình tướng trung tâm duyên dáng, vốn thường hơi bị che phủ bên trong đó, có thể được nhìn thấy rõ ràng.

Khi, trong việc thực hành một số Nghi lễ của Hội Tam Điểm và những nghi lễ được mô tả trong Phần IV, Chương III, quyền năng và ảnh hưởng của bác ái thiêng liêng được khẩn cầu và tuôn đổ, với sự trợ giúp của thiên thần, lên thế giới, các thiên thần thuộc Trật tự này rất có thể đáp ứng lời khẩn cầu và hợp tác trong việc phân phối quyền năng ấy cũng như áp dụng nó vào các nhu cầu chung và cá nhân. Vị thiên thần hoa hồng đặc biệt này cao khoảng mười hai bộ.





PLATES 23, 24 AND 25 THREE HEALING ANGELS – HÌNH 23, 24 VÀ 25 BA THIÊN THẦN CHỮA LÀNH

These pictures portray three different types of angels engaged in their healing ministry. The general method is first to direct streams of purifying energy into and through the aura of the sufferer, in order to disperse congestions in the etheric and emotional bodies especially and to drive out harmful substances. They then re-attune the chord or "Word "of the individual, usually dissonant in the *psyche* during ill-health, and try to restore the harmonious and rhythmic flow of the inner Life-forces throughout the mental, emotional and physical nature. Finally, they invoke divine healing power which flows through their auras, as well as directly from its Source, into the patients, affecting them locally or generally, or both, according to the needs of the case.

Such ministrations are far more effective when man consciously invokes and co-operates with the healing angels. A successful method of spiritual healing with angelic cooperation consists of dwelling in concentrated thought upon the Lord Christ, the great Healer of the World, reverently entering His presence in thought and seeking to touch the "hem of His garment", which means the fringe of His consciousness. The sufferer is then drawn mentally into His Presence, being visualised as radiantly healthy and flooded throughout his whole nature with the golden, glowing, healing Life of God, as portrayed in these pictures. The following or similar prayer may then be uttered with powerful intent and a pause between each sentence:

"May the healing power of the Lord Christ descend upon (Christian and surnames of the selected suppliants). May the healing

Các bức tranh này mô tả ba kiểu thiên thần khác nhau đang tham gia vào thánh vụ chữa lành của họ. Phương pháp tổng quát trước hết là hướng các dòng năng lượng thanh lọc vào và xuyên qua hào quang của người đau khổ, nhằm làm tan các tắc nghẽn, đặc biệt trong thể dĩ thái và thể cảm xúc, đồng thời xua đuổi các chất liệu có hại. Sau đó, họ tái chỉnh âm hợp âm hay "Linh từ "của cá nhân, thường bị nghịch âm trong *psyche* khi bệnh tật, và cố gắng khôi phục dòng chảy hài hòa, nhịp nhàng của các Sinh lực bên trong khắp bản chất trí tuệ, cảm xúc và hồng trần. Cuối cùng, họ khẩn cầu quyền năng chữa lành thiêng liêng, quyền năng ấy chảy qua hào quang của họ, cũng như trực tiếp từ Nguồn của nó, vào các bệnh nhân, tác động cục bộ hoặc toàn thể, hoặc cả hai, tùy theo nhu cầu của trường hợp.

Những sự trợ giúp như thế hiệu quả hơn rất nhiều khi con người hữu thức khẩn cầu và hợp tác với các thiên thần chữa lành. Một phương pháp chữa lành tinh thần thành công với sự hợp tác của thiên thần gồm việc an trú trong tư tưởng tập trung nơi Đức Chúa Christ, Đấng Chữa Lành vĩ đại của Thế Gian, cung kính đi vào Hiện Diện của Ngài trong tư tưởng và tìm cách chạm đến "gấu áo của Ngài", nghĩa là rìa tâm thức của Ngài. Khi ấy, người đau khổ được đưa bằng trí tuệ vào Hiện Diện của Ngài, được hình dung là khỏe mạnh rạng rỡ và tràn ngập trong toàn bộ bản chất của y Sự Sống chữa lành bằng vàng, bừng sáng, của Thượng đế, như được mô tả trong các bức tranh này. Sau đó, lời cầu nguyện sau đây hoặc tương tự có thể được xướng lên với chủ ý mạnh mẽ và có một khoảng dừng giữa mỗi câu:

"Nguyện quyền năng chữa lành của Đức Chúa Christ giáng xuống trên (tên thánh và họ của những người cầu xin được chọn). Nguyện các thiên thần chữa lành bao quanh

angels encompass them"

After a pause of some minutes, during which the thought is powerful yet reverently centred upon the Lord Christ, His outpoured healing power and the healing angels, the meditation may be closed with the words:

"May the light of His love enfold them forever, Amen"

Healing angels have been found to be continuing their ministering function for at least twenty-four hours after such an invocation. Regular practice by this or similar methods will quickly demonstrate the efficacy of angelic co-operation in spiritual healing. Those who participate are warned against the exercise of personal will in order to attain desired results. Once the healing power has been invoked, always with the fullest faith, the results should be left to the *karma* and evolutionary needs of the individuals. When there is a strong desire that some loved one should be healed, surrender to the divine Will and the great Law should be expressed in such words as "according to the Will of God "or "as may be most expedient for them".

The occultist learns to work without thought of results. As said in Part IV, Chapter III, in no circumstances should he use his will power and occult knowledge to obtain by force, personal, material benefits for himself or for others. Such would be grey, if not black magic, the error into which Judas fell in selling his Lord for thirty pieces of silver. As Judas died by his own hand, so all who fall into this same error are in danger of a form of spiritual suicide.

họ"

Sau một khoảng dừng vài phút, trong đó tư tưởng mạnh mẽ nhưng cung kính tập trung nơi Đức Chúa Christ, quyền năng chữa lành được Ngài tuôn đổ và các thiên thần chữa lành, bài tham thiền có thể khép lại bằng những lời sau:

"Nguyện ánh sáng tình thương của Ngài bao bọc họ mãi mãi, Amen"

Người ta thấy các thiên thần chữa lành tiếp tục chức năng phụng sự của họ ít nhất hai mươi bốn giờ sau một lời khẩn cầu như vậy. Việc thực hành đều đặn theo phương pháp này hoặc các phương pháp tương tự sẽ nhanh chóng chứng minh hiệu lực của sự hợp tác thiên thần trong chữa lành tinh thần. Những ai tham dự được cảnh báo không nên vận dụng ý chí cá nhân nhằm đạt những kết quả mong muốn. Một khi quyền năng chữa lành đã được khẩn cầu, luôn với đức tin trọn vẹn nhất, các kết quả nên được phó thác cho *karma* và các nhu cầu tiến hóa của các cá nhân. Khi có một ước muốn mạnh mẽ rằng một người thân yêu nào đó được chữa lành, sự quy phục Ý Chí thiêng liêng và Định luật vĩ đại nên được diễn đạt bằng những lời như "theo Ý Chí của Thượng Đế "hay "như điều gì có thể thích hợp nhất cho họ".

Nhà huyền bí học học cách làm việc mà không nghĩ đến kết quả. Như đã nói trong Phần IV, Chương III, trong bất cứ hoàn cảnh nào y cũng không nên dùng quyền năng ý chí và tri thức huyền bí của mình để cưỡng đoạt những lợi ích vật chất, cá nhân cho bản thân hay cho người khác. Điều đó sẽ là huyền thuật xám, nếu không phải Hắc thuật, sai lầm mà Judas đã rơi vào khi bán Chúa của mình lấy ba mươi đồng bạc. Như Judas đã chết bởi chính tay mình, tất cả những ai rơi vào cùng sai lầm ấy đều có nguy cơ chịu một hình thức tự sát tinh thần.







PLATE 26 AN ANGEL OF JAVA – HÌNH 26 MỘT THIÊN THẦN CỦA JAVA

A remarkable Buddhist Shrine, known as the Borobudor, was built in the island of Java, some eight hundred years ago. This is an immense stone structure, with scenes from the life of the Lord Buddha beautifully carved on the sides of the four great galleries. This Shrine has become a place of pilgrimage and is regarded by many as a centre of spiritual power. Investigation revealed the presence of a very great presiding Angel, conserver and distributor of the power of the Shrine and source of potent spiritual forces which flow over the island of Java and the surrounding seas.

The height of the central figure is probably from twelve to fifteen feet, but in the case of an Ego which attained Adept-ship as man and then transferred to the Angelic Kingdom, the height of the body is not an indication of spiritual stature.

Một Thánh điện Phật giáo đáng chú ý, được gọi là Borobudor, đã được xây dựng trên đảo Java khoảng tám trăm năm trước. Đây là một công trình đá đồ sộ, với những cảnh trong đời Đức Phật được chạm khắc đẹp đẽ trên các mặt của bốn hành lang lớn. Thánh điện này đã trở thành một nơi hành hương và được nhiều người xem là một trung tâm quyền năng tinh thần. Việc khảo sát cho thấy sự hiện diện của một Thiên Thần chủ trì rất vĩ đại, Đấng bảo tồn và phân phối quyền năng của Thánh điện, đồng thời là nguồn của những mãnh lực tinh thần mạnh mẽ chảy tràn trên đảo Java và các vùng biển chung quanh.

Chiều cao của hình tướng trung tâm có lẽ từ mười hai đến mười lăm bộ, nhưng trong trường hợp một chân ngã đã đạt đến Chân sư vị với tư cách con người rồi chuyển sang Giới Thiên Thần, chiều cao của thể không phải là dấu hiệu của tầm vóc tinh thần.



PLATE 27 A KUNDALINÌ DEVI - HÌNH 27 MỘT KUNDALINI DEVI

According to one view, *kundalini*—also called the Serpent Fire—is the power of giving or transmitting Life. *Prana*— known physically as vitality—is the power of organising Life. *Fohat*—known physically as electricity—is the power of using and manipulating Life. These

Theo một quan điểm, *kundalini*—cũng được gọi là Lửa Rắn—là quyền năng ban cho hay truyền dẫn Sự Sống. *Prana*—được biết về mặt hồng trần là sinh lực—là quyền năng tổ chức Sự Sống. *Fohat*—được biết về mặt hồng trần là điện—là quyền năng sử dụng và thao tác Sự

three cosmic forces of the Third, Second and First Aspects of the Logos respectively are present as ensouling energies of all substances on every plane of Nature. *Fohat* is the universal constructive Force of Cosmic Electricity and the ultimate hidden power in this universe, the power which charges a universe with Life, with Spirit; it is described as the Will and the Mind, the very Self, of God. This supreme force is in all creatures. When specialised and enclosed within the spinal cord of man it is called *kundalini* or the power that moves in a serpentine path; hence its other name the Serpent Fire, in man, it is sheathed with care, but man must learn to set it free; for it is the God in him, without which he would cease to be.

Ba mãnh lực vũ trụ này, lần lượt thuộc Phương diện thứ Ba, thứ Hai và thứ Nhất của Thượng đế, hiện diện như các năng lượng phú linh của mọi chất liệu trên mọi cõi của Thiên Nhiên. *Fohat* là Mãnh lực kiến tạo vũ trụ của Điện Vũ Trụ và là quyền năng ẩn tàng tối hậu trong vũ trụ này, quyền năng nạp cho một vũ trụ Sự Sống, Tinh thần; nó được mô tả là Ý Chí và Trí, chính Bản Ngã, của Thượng đế. Mãnh lực tối cao này có trong mọi tạo vật. Khi được chuyên biệt hóa và bao bọc trong tủy sống của con người, nó được gọi là *kundalini* hay quyền năng chuyển động theo một con đường ngoằn ngoèo như rắn; vì thế tên gọi khác của nó là Lửa Rắn. Trong con người, nó được bọc giữ cẩn thận, nhưng con người phải học cách giải phóng nó; vì đó là Thượng đế trong y, không có nó y sẽ ngừng hiện tồn.

Kundalini is in essence creative and, though as yet but slightly aroused, with all other forces and powers of Nature, is represented in the physical body of man. There, at this period of human evolution, it manifests itself as the source of both the sex impulse and the nerve fluid. It resides, coiled serpentlike, in the sacral *chakra* or "wheel "at the base of the spine, which in its turn is a relay station for the similarly coiled up energy in the centre of the Earth, itself a storehouse of solar *kundalini.*

Kundalini về bản chất là sáng tạo, và dù cho đến nay chỉ mới được khơi dậy rất ít, cùng với mọi mãnh lực và quyền năng khác của Thiên Nhiên, nó được biểu hiện trong thể xác của con người. Ở đó, trong thời kỳ tiến hóa hiện nay của nhân loại, nó biểu hiện như nguồn gốc của cả xung động tính dục lẫn lưu chất thần kinh. Nó trú ngụ, cuộn lại như rắn, trong *chakra* xương cùng hay "bánh xe "ở đáy cột sống, vốn đến lượt mình là một trạm chuyển tiếp cho năng lượng cuộn lại tương tự ở trung tâm Trái Đất, tự thân là một kho chứa *kundalini* mặt trời.

When fully aroused, either by yoga or as a natural result of evolutionary progress, *kundalini* flows up an etheric canal in the spinal cord called the *sushumna nadi,* passing through each of the other *chakras* on its journey. As it passes through the spinal centres in which the *chakras* arise, some of its force flows down the axis of the funnel of each, vivifying it occultly and thereby awakening the individual to self-conscious awareness in the superphysical worlds.

Khi được khơi dậy hoàn toàn, hoặc bằng yoga hoặc như một kết quả tự nhiên của tiến bộ tiến hóa, *kundalini* chảy lên một ống dĩ thái trong tủy sống gọi là *sushumna nadi,* đi qua mỗi *chakra* khác trên hành trình của nó. Khi nó đi qua các trung tâm cột sống nơi các *chakra* phát sinh, một phần mãnh lực của nó chảy xuống theo trục của phễu mỗi trung tâm, làm nó sống động một cách huyền bí và nhờ đó đánh thức cá nhân đến sự nhận biết ngã thức trong các thế giới siêu hồng trần.

When *kundalini* touches the spleen centre, it

Khi *kundalini* chạm đến Luân xa lá lách, nó

gives the power of travelling at will on the astral plane whilst away from the physical body. When it touches and opens the heart centre, the forces of the Buddhic or Christ consciousness in man resident in the vehicle of intuition, if sufficiently unfolded, begin to flow through the neophyte at the physical level and the "mystic rose" —the heart *chakra*—" blooms "upon his breast. The powers of the Christ consciousness—knowledge of the oneness of life, direct, intuitive spiritual perception, wisdom and a profound compassion—then begin to manifest themselves through thought and word and deed. The throat centre, when vivified, bestows the power of clairaudience, or of responding to superphysical sound vibrations as well as to those physical sounds which are beyond the normal auditory range. The brow centre, when occultly vitalised, bestows the faculty of clairvoyance and when the coronal *chakra* is opened, the neophyte acquires the faculties of using superphysical awareness whilst still awake in the physical body and of leaving and returning to the body at will without any break in consciousness.

ban quyền năng du hành tùy ý trên cõi cảm dục khi rời khỏi thể xác. Khi nó chạm đến và mở trung tâm tim, các mãnh lực của tâm thức Bồ đề hay tâm thức Christ trong con người, cư ngụ trong vận cụ trực giác, nếu đã khai mở đủ, bắt đầu chảy qua người sơ cơ ở cấp độ hồng trần, và "đóa hồng thần bí" —*chakra* tim—" nở hoa "trên ngực y. Các quyền năng của tâm thức Christ—tri thức về tính duy nhất của sự sống, tri giác tinh thần trực tiếp bằng trực giác, minh triết và lòng từ bi sâu xa—khi ấy bắt đầu biểu hiện qua tư tưởng, lời nói và hành động. Trung tâm cổ họng, khi được tiếp sinh lực, ban quyền năng thông nhĩ, hay khả năng đáp ứng với các rung động âm thanh siêu hồng trần cũng như với những âm thanh hồng trần vượt ngoài tầm nghe bình thường. Trung tâm giữa mày, khi được tiếp sinh lực một cách huyền bí, ban năng lực thông nhãn; và khi *chakra* đỉnh đầu được mở ra, người sơ cơ đạt được các năng lực sử dụng sự nhận biết siêu hồng trần trong khi vẫn thức tỉnh trong thể xác, và rời khỏi cũng như trở lại thể theo ý muốn mà không có bất cứ gián đoạn nào trong tâm thức.

As *kundalini* rises up the *sushumna nadi* it is accompanied by two complementary forces, one positive and the other negative. Each of these flows along its own canal in the spinal cord, sometimes called *pingala* and *ida* respectively, though these names are also given to the forces themselves. These two oppositely polarised, *akashic* forces meet and cross at each of the *chakras* as they rise, and finally pass, one of which in consequence becomes hypersensitive.They then function somewhat as do the valves or the amplifiers of a radio receiving set, thereby enabling consciousness within the brain to pick up superphysical forces and become aware of superphysical phenomena. Indeed, the cerebro-spinal system of man, when occultly vivified, resembles in many respects a

Khi *kundalini* đi lên *sushumna nadi*, nó được đi kèm bởi hai mãnh lực bổ túc, một dương và một âm. Mỗi mãnh lực này chảy dọc theo ống riêng của nó trong tủy sống, đôi khi được gọi lần lượt là *pingala* và *ida*, dù các tên này cũng được dùng cho chính các mãnh lực ấy. Hai mãnh lực *akashic* phân cực đối nghịch này gặp và giao nhau tại mỗi *chakra* khi chúng đi lên, và cuối cùng đi qua, một trong số đó do vậy trở nên siêu nhạy cảm.Khi ấy chúng hoạt động phần nào giống như các van hay bộ khuếch đại của một máy thu vô tuyến, nhờ đó cho phép tâm thức trong bộ não bắt được các mãnh lực siêu hồng trần và nhận biết các hiện tượng siêu hồng trần. Thật vậy, hệ não-tủy của con người, khi được tiếp sinh lực một cách huyền bí, về nhiều phương diện giống như một máy thu truyền hình. Tuy nhiên, một

television receiving set. One difference, however, is that superphysical broadcasts are projected upon the screen of the mind-brain, and are clairvoyantly perceived. The full manifestation of these occult faculties during waking consciousness demands a long and ardous training, and depends upon the complete vivification of the pituitary and pineal glands by means of *kundalini* and its complementary forces.

In the paths followed by these three currents one recognises the caduceus, the staff of the God Hermes, consisting of a rod around which two serpents are coiled, a winged sphere crowning the symbol. *Kundalini* ascending the *sushumna nacdi* is represented by the rod, and the forces flowing along *ida* and *pingala* by the two serpents, whilst the winged sphere symbolises in part the freed soul of the man who has awakened and learned to use these hidden powers. Such a man does indeed become as a Hermes, a messenger from heaven to earth; for he ranges free in the higher worlds and brings to men the knowledge and wisdom of those realms. Ultimately he also rescues or liberates Persephone, symbolic of the human soul, from the Underworld or normal limitations imposed upon it during waking hours by the occultly unvivified physical body.

Like all basic forces in Nature, *kundalini* is the manifestation of an Intelligence, an Archangel in fact, though of a nature beyond human comprehension. The picture in part portrays a glimpse unexpectedly obtained whilst passing through the preparatory stages which precede meditation. First a living caduceus was seen of intense, fiery power connecting earth and sun. Contemplating this, I seemed to become aware of a Solar Intelligence or *Kundalini Devi,* somewhat as here portrayed.

điểm khác biệt là các phát sóng siêu hồng trần được phóng chiếu lên màn hình của thể trí-bộ não, và được tri nhận bằng thông nhãn. Sự biểu hiện đầy đủ của các năng lực huyền bí này trong tâm thức thức tỉnh đòi hỏi một sự rèn luyện lâu dài và gian khổ, đồng thời tùy thuộc vào việc tuyến yên và tuyến tùng được tiếp sinh lực hoàn toàn nhờ *kundalini* và các mãnh lực bổ túc của nó.

Trong những con đường mà ba dòng lực này đi theo, người ta nhận ra cây trượng caduceus, cây trượng của Thần Hermes, gồm một cây gậy quanh đó có hai con rắn cuộn lại, và một khối cầu có cánh đội trên đỉnh biểu tượng. *Kundalini* đi lên theo *sushumna nacdi* được tượng trưng bằng cây gậy, còn các mãnh lực tuôn chảy dọc theo *ida* và *pingala* bằng hai con rắn, trong khi khối cầu có cánh phần nào tượng trưng cho linh hồn đã được giải thoát của con người đã thức tỉnh và học cách sử dụng các quyền năng ẩn tàng này. Một người như thế quả thật trở nên như Hermes, một sứ giả từ trời xuống đất; vì y tự do rong ruổi trong các cõi giới cao hơn và đem đến cho con người tri thức cùng minh triết của những cảnh giới ấy. Cuối cùng, y cũng cứu thoát hay giải phóng Persephone, biểu tượng của linh hồn con người, khỏi Âm phủ hay những giới hạn bình thường áp đặt lên nó trong giờ thức bởi thể xác chưa được tiếp sinh lực một cách huyền bí.

Như mọi mãnh lực căn bản trong Thiên nhiên, *kundalini* là sự biểu hiện của một Trí Tuệ, thật ra là một Tổng Thiên Thần, dù thuộc một bản chất vượt ngoài sự thấu hiểu của con người. Bức hình phần nào mô tả một thoáng nhìn bất ngờ có được khi đang trải qua các giai đoạn chuẩn bị trước tham thiền. Trước hết, người ta thấy một caduceus sống động với quyền năng rực lửa mãnh liệt, nối liền đất và mặt trời. Khi chiêm ngưỡng điều này, dường như tôi nhận biết được một Trí Tuệ Thái Dương hay *Kundalini Devi,* phần nào như được mô tả ở

đây.



PLATE 28 AND 29 THE MIRACLE OF BIRTH AND THE WORLD MOTHER – HÌNH 28 VÀ 29 PHÉP MẦU CỦA SỰ SINH RA VÀ ĐỨC MẸ THẾ GIỚI

During investigations of pre-natal life I constantly became aware of the presence and ministration of certain types of angels which were assisting in the dual process of the construction of the new bodies, mental, emotional, etheric and physical, and the induction into them of the reincarnating Ego. Though I did not realise it at the time, I have now come to believe that, during the involutionary arc or descent into incarnation of each life cycle, these angels perform for every individual a function closely resembling that carried out on behalf of the race by the *Pitris,* the so-called ancestors of man, sometimes occultly referred to as the Satanic Hierarchies.

Trong khi khảo sát đời sống trước khi sinh, tôi thường xuyên nhận biết sự hiện diện và hoạt động phụng sự của một vài loại thiên thần đang trợ giúp trong tiến trình kép: kiến tạo các thể mới — trí tuệ, cảm xúc, dĩ thái và hồng trần — và dẫn nhập Chân ngã tái sinh vào các thể ấy. Dù lúc đó tôi chưa nhận ra, nay tôi đã đi đến chỗ tin rằng, trong cung giáng hạ tiến hoá hay cuộc đi xuống vào lâm phàm của mỗi chu kỳ sống, các thiên thần này thực hiện cho mỗi cá nhân một chức năng rất giống với chức năng được các *Pitris,* những vị được gọi là tổ tiên của con người, đôi khi được huyền bí học gọi là các Huyền Giai Satan, thực hiện thay cho nhân loại.

A study of these angels revealed them as agents of a great Intelligence which presides over and directs all maternal processes throughout Nature. The teachings of occult philosophy relate this Being to the Feminine or Mother Aspect of the Deity, of which. She is a manifestation and a representative.

Việc nghiên cứu các thiên thần này cho thấy họ là tác nhân của một Trí Tuệ vĩ đại, Đấng chủ trì và điều khiển mọi tiến trình mẫu tính trong toàn thể Thiên nhiên. Các giáo huấn của triết học huyền môn liên hệ Sinh Mệnh này với Phương diện Nữ tính hay Mẫu tính của Thượng đế, mà Bà là một biểu hiện và một đại diện.

Matter itself, universal substance or *prakriti,* is the *arche* or womb wherein all worlds gestate, from which all are born and to which all return. The true World Mother is this primary substance of a universe when first differentiated from the root of matter or *mulaprakriti;* for therein reside the seeds of all living things and the powers of conservation and reproduction.

Chính vật chất, chất liệu vũ trụ hay *prakriti,* là *arche* hay tử cung, nơi mọi thế giới được thai nghén, từ đó tất cả được sinh ra và tất cả đều trở về. Đức Mẹ Thế Giới đích thực là chất liệu nguyên sơ này của một vũ trụ khi lần đầu biến phân khỏi căn nguyên của vật chất hay *mulaprakriti;* vì trong đó cư ngụ các hạt giống của mọi sinh vật và các quyền năng bảo tồn cùng sinh sản.

When differentiation occurs at the dawn of Cosmos, following the night of Chaos, the three Aspects of the primordial Trinity, the Creator, the Preserver and the Transformer,

Khi sự biến phân xảy ra vào buổi bình minh của Vũ trụ, sau đêm của Hỗn mang, ba Phương diện của Ba Ngôi nguyên thuỷ — Đấng Sáng Tạo, Đấng Bảo Tồn và Đấng Chuyển Hoá — trở

become self-manifest and creatively active. They are then represented by lofty divine Intelligences, Powers or Emanations, themselves the highest fruits of preceding *Manvantaras,* whose bodies are "of the essence of the higher divine light". Intelligences of such a nature, when emanated from root substance, direct the course of evolution under immutable Law. They are no Beings such as the human mind can conceive. They constitute both the highest Sephirothal Triad and the Seven which proceed from them, or rather the Spirit behind each. They may perhaps be described as Very Soul of the Very Soul of the universe.

nên tự biểu hiện và hoạt động sáng tạo. Bấy giờ, Các Ngài được đại diện bởi những Trí Tuệ, Quyền Năng hay Xuất lộ thiêng liêng cao cả, chính các Đấng ấy là những quả trái cao nhất của các *Manvantaras,* trước đó, có các thể "thuộc tinh chất của ánh sáng thiêng liêng cao hơn". Những Trí Tuệ có bản chất như thế, khi được xuất lộ từ chất liệu căn nguyên, điều khiển dòng tiến hoá dưới Định luật bất biến. Các Ngài không phải là những Sinh Mệnh mà thể trí con người có thể hình dung. Các Ngài cấu thành cả Tam nguyên Sephiroth cao nhất lẫn Bảy Đấng xuất phát từ Tam nguyên ấy, hay đúng hơn là Tinh thần phía sau mỗi Đấng. Có lẽ có thể mô tả Các Ngài là chính Linh Hồn của Linh Hồn vũ trụ.

The cosmic maternal Principle is universally manifest and its conserving and reproducing attributes are active throughout all Nature. Physically, it is expressed both as chemical, negative polarity and as femininity throughout the whole organic world. It is active within every single cell as also in every multi-cellular organism. Without it nothing could be conceived and born, nothing preserved, nothing reproduced. Superphysically, the maternal Principle is of equal importance. For man, it is the Auric Envelope, the *arche* of the Spiritual Soul, the *Augoeides* or Causal Body, the womb wherein gestate Initiate, Adept, Logos-to-be.

Nguyên khí mẫu tính vũ trụ biểu hiện khắp nơi, và các thuộc tính bảo tồn cùng sinh sản của nó hoạt động trong toàn thể Thiên nhiên. Về mặt hồng trần, nó được biểu lộ vừa như cực tính âm trong hoá học, vừa như nữ tính trong toàn bộ thế giới hữu cơ. Nó hoạt động trong từng tế bào riêng lẻ cũng như trong mọi cơ thể đa bào. Không có nó, không gì có thể được thụ thai và sinh ra, không gì được bảo tồn, không gì được sinh sản. Vượt trên hồng trần, nguyên khí mẫu tính cũng có tầm quan trọng ngang như vậy. Đối với con người, nó là Bao hào quang, *arche* của Linh Hồn Tinh Thần, *Augoeides* hay thể nguyên nhân, tử cung trong đó thai nghén điểm đạo đồ, Chân sư, Thượng đế tương lai.

All nations have recognised, honoured and worshipped this maternal Principle in Nature. All their exoteric religions have personified it as a Goddess, an Archangel Mother of universes, races, nations and men. These personifications of the World Mother are amongst the very noblest concepts of the human mind, which in creating, reverencing and serving them reaches its highest degree of idealism, devotion and religious self-expression. Such reverence, such devotion

Mọi dân tộc đều đã nhận biết, tôn vinh và thờ phụng nguyên khí mẫu tính này trong Thiên nhiên. Tất cả các tôn giáo công truyền của họ đều nhân cách hoá nó như một Nữ Thần, một Tổng Thiên Thần Mẫu của các vũ trụ, nhân loại, quốc gia và con người. Những nhân cách hoá này của Đức Mẹ Thế Giới nằm trong số các quan niệm cao quý nhất của thể trí con người; khi tạo dựng, tôn kính và phụng sự các hình tượng ấy, thể trí ấy đạt tới mức độ cao nhất của chủ nghĩa lý tưởng, sự sùng tín và biểu

and such'worship as are offered to World Mothers are therefore worthy of the deepest respect and, gross superstition apart— ever to be resisted—may usefully be encouraged. For through human devotion, human beings may be reached from on high. Through human aspiration, highest love and supplication, man is susceptible to both his own Spiritual Self and the influence of the Adept Ministrants of mankind. The Madonna ideal, for example, has been and still is of incalculable value in consoling, purifying and ennobling humanity. Through it, a realisation of the Mother-Love of God has been brought within reach of millions of suffering and aspiring people. The concepts of Kwan Yin, Isis, Ishtar, Parvati and other Goddesses are similarly founded upon the existence, nature and function of the same great being. Perhaps because I am a Christian and the cases I was examining were also Christian, the Madonna-like forms here pictured presented themselves to my mind.

hiện tôn giáo của chính mình. Vì thế, sự tôn kính, sự sùng tín và sự thờ phụng như được dâng lên các Đức Mẹ Thế Giới đều đáng được kính trọng sâu xa nhất, và — ngoại trừ mê tín thô thiển, điều luôn phải được chống lại — có thể được khuyến khích một cách hữu ích. Vì qua sự sùng tín của con người, các sinh linh con người có thể được tiếp cận từ trên cao. Qua khát vọng, tình thương cao cả nhất và lời cầu xin của con người, con người trở nên nhạy cảm với cả Chân Ngã Tinh Thần của chính mình lẫn ảnh hưởng của các Chân sư Phụng sự nhân loại. Chẳng hạn, lý tưởng Madonna đã từng và vẫn đang có giá trị không thể tính được trong việc an ủi, thanh luyện và nâng cao nhân loại. Qua lý tưởng ấy, sự chứng nghiệm về Tình Thương Mẫu Tính của Thượng đế đã được đưa vào tầm với của hàng triệu người đang đau khổ và đang khát vọng. Các quan niệm về Kwan Yin, Isis, Ishtar, Parvati và các Nữ Thần khác cũng được đặt nền trên sự hiện hữu, bản chất và chức năng của cùng Sinh Mệnh vĩ đại ấy. Có lẽ vì tôi là một tín đồ Kitô giáo, và những trường hợp tôi đang khảo sát cũng là Kitô giáo, nên các hình tướng giống Madonna được vẽ ở đây đã hiện ra trước thể trí tôi.

The planetary World Mother is conceived in certain schools of occult philosophy as a highly-evolved Archangel Representative and Embodiment on earth of the Feminine Aspect of the Deity. She is also thought of as an Adept Official in the Inner Government of the World, in whom all the highest qualities of womanhood and motherhood shine forth in their fullest perfection.

Trong một số trường phái triết học huyền môn, Đức Mẹ Thế Giới hành tinh được quan niệm như một Đại Diện Tổng Thiên Thần tiến hoá rất cao và là Hiện Thân trên Trái Đất của Phương diện Nữ tính của Thượng đế. Bà cũng được xem như một Chức Sự Chân sư trong Nội Chính của Thế Giới, nơi mọi phẩm tính cao nhất của nữ tính và mẫu tính toả sáng trong sự toàn thiện trọn vẹn nhất.

Since she is beyond all limitation of form, no picture can truly represent Her. In Plate 28 She, in a Madonna-like form, and her ministering angels appear in close association with a mother and her unborn child as the time of birth draws near. Plate 29 symbolically portrays her in Her solar aspect,

Vì Bà vượt ngoài mọi giới hạn của hình tướng, không bức hình nào có thể thật sự biểu hiện Bà. Trong Hình 28, Bà, trong một hình tướng giống Madonna, cùng các thiên thần phụng sự của Bà xuất hiện trong mối liên hệ gần gũi với một người mẹ và đứa con chưa sinh của bà khi giờ sinh nở đến gần. Hình 29 mô tả Bà một

brooding in divine love over all worlds.

cách biểu tượng trong phương diện thái dương của Bà, đang ấp ủ mọi thế giới trong tình thương thiêng liêng.

In reverent salutation to Her as Queen of the Angels, I bring to a close this illustrated study of the Angelic Hosts.

Trong lời kính chào tôn nghiêm dâng lên Bà với tư cách Nữ Vương của các Thiên Thần, tôi khép lại công trình nghiên cứu minh hoạ này về các Đạo Binh Thiên Thần.

My previous visits to this great Buddhist Shrine in Java have been described as having revealed to me the presence of a very great presiding Angel, conserver and distributor of the power of the Shrine and source of potent spiritual forces which flow over the Island, of Java and the surrounding seas. The height of the central figure is probably from twelve to fifteen feet, but in the case of an Ego which attained Adeptship as man and then transferred to the Angelic Kingdom, the height of the body is not an indication of spiritual stature.

Những lần viếng thăm trước đây của tôi đến Thánh điện Phật giáo vĩ đại này ở Java đã được mô tả là đã mặc khải cho tôi sự hiện diện của một Thiên Thần chủ trì rất vĩ đại, vị bảo tồn và phân phối quyền năng của Thánh điện, đồng thời là nguồn của các mãnh lực tinh thần mạnh mẽ tuôn chảy trên đảo Java và các vùng biển chung quanh. Chiều cao của hình thể trung tâm có lẽ từ mười hai đến mười lăm bộ, nhưng trong trường hợp một Chân ngã đã đạt Chân sư Đoàn khi còn là người rồi sau đó chuyển sang Giới Thiên Thần, chiều cao của thể không phải là dấu hiệu của tầm vóc tinh thần.

The kindness and generosity of friends in Sourabaya made possible a further visit in January, 1971. Although not thinking especially of this great Being at the time, whilst some seven or more miles still separated our party from the Shrine itself, I again became aware of the presiding presence and power of the *Devaraja*. In consequence, 1 realised that its influence is by no means limited to the immediate region of the Shrine, but in varying degrees reached over the whole of Java and the seas and Islands far beyond. In addition, great rays of spiritual power shone forth in many directions throughout the superphysical worlds, as was partly indicated by the picture in my book.

Lòng tốt và sự rộng lượng của các bạn hữu tại Sourabaya đã giúp tôi có thể viếng thăm thêm một lần nữa vào tháng Giêng năm 1971. Dù lúc ấy tôi không đặc biệt nghĩ đến Sinh Mệnh vĩ đại này, khi nhóm nhỏ của chúng tôi còn cách chính Thánh điện chừng bảy dặm hoặc hơn, tôi lại nhận biết sự hiện diện chủ trì và quyền năng của *Devaraja*. Do đó, tôi nhận ra rằng ảnh hưởng của Ngài tuyệt nhiên không giới hạn trong vùng trực tiếp quanh Thánh điện, mà với những mức độ khác nhau vươn khắp toàn đảo Java, các vùng biển và các đảo xa hơn nhiều. Ngoài ra, những tia sáng lớn của quyền năng tinh thần chiếu toả theo nhiều hướng trong khắp các thế giới siêu hồng trần, như bức hình trong sách của tôi đã phần nào chỉ ra.

Having arrived with our small party at the summit of the Shrine. I sought by meditation again and more deeply, if it might be, to receive such instruction as the Great *Devaraja*

Sau khi cùng nhóm nhỏ của chúng tôi lên đến đỉnh Thánh điện, tôi tìm cách, bằng tham thiền, một lần nữa và sâu xa hơn, nếu có thể, tiếp nhận giáo huấn mà *Devaraja* Vĩ Đại có thể

might deign to give. . . From his mind to mine there gradually began to flow a stream of ideas concerning the life, the force and the consciousness of the universe and their self-expression as angels and as men. This description of the process is not strictly accurate, however; because during such communication, the sense of duality is reduced to a minimum. Rather did the two centres of consciousness, those of the great angel and myself, become almost coexistent, temporarily forming one "being "*within* which the stream of ideas arose. This, I believe, is essentially true of all interchanges which occur above the level of the formal mind, and especially at those of spiritual Wisdom and spiritual Will. In the latter, it is assumed, duality virtually disappears and oneness, uttermost interior unity, alone remains.

The *Devarajas* and *Devas* whose consciousnesses and being are established in the *Arupa* worlds, are of themselves entirely free of any restrictions of location, even the idea of which can have little or no place in the higher *Manasic, Buddhic* and *Atmic* planes. When, therefore, one refers to an *Arupa Dev a* by the name of a physical plane locality or centre, the title can be either incorrect or misleading, especially if it suggests spatial limitations which restrict the consciousness established at levels where the idea or space-location cannot exist.

How, then, it may be asked, may one permissibly associate an *Arupa Deva* with a place or even consecrated Shrine on the physical plane? A brief dissertation on the subject of Cosmogenesis may perhaps aid one's understanding or at least partially answer the question. All Creative Logoi, meaning Emanators of universes, may be thought of as voluntarily making a sacrifice which, in its fullness, is beyond the comprehension of man.

hạ cố ban cho... Từ thể trí của Ngài đến thể trí của tôi, dần dần bắt đầu tuôn chảy một dòng ý tưởng liên quan đến sự sống, mãnh lực và tâm thức của vũ trụ cùng sự tự biểu hiện của chúng thành các thiên thần và con người. Tuy nhiên, mô tả tiến trình này như vậy không hoàn toàn chính xác; bởi trong sự giao tiếp như thế, ý thức về Nhị nguyên được giảm xuống mức tối thiểu. Đúng hơn, hai trung tâm tâm thức, trung tâm của vị đại thiên thần và của chính tôi, trở nên hầu như đồng hiện hữu, tạm thời tạo thành một "sinh thể "*bên trong* đó dòng ý tưởng khởi lên. Tôi tin rằng điều này về cơ bản đúng với mọi sự trao đổi xảy ra bên trên cấp độ của thể trí hình tướng, và đặc biệt ở các cấp độ của minh triết tinh thần và Ý Chí tinh thần. Ở cấp độ sau, có thể giả định rằng Nhị nguyên hầu như biến mất, và chỉ còn lại sự duy nhất, sự hợp nhất nội tại tột cùng.

Các *Devarajas* và *Devas* có tâm thức và hiện tồn được thiết lập trong các thế giới *Arupa*, tự thân hoàn toàn thoát khỏi mọi giới hạn về vị trí; ngay cả ý niệm về điều đó cũng rất ít hoặc không có chỗ trong các cõi *Manasic, Buddhic* và *Atmic* cao hơn. Vì vậy, khi người ta gọi một *Arupa Dev a* bằng tên của một địa phương hay trung tâm trên cõi hồng trần, danh xưng ấy có thể hoặc không chính xác hoặc gây hiểu lầm, nhất là nếu nó gợi ý những giới hạn không gian vốn hạn chế một tâm thức được thiết lập ở các cấp độ nơi ý niệm về vị trí trong không gian không thể hiện hữu.

Vậy thì, có thể hỏi, làm sao người ta được phép liên hệ một *Arupa Deva* với một nơi chốn hay thậm chí với một Thánh điện đã được thánh hiến trên cõi hồng trần? Một khảo luận ngắn về đề tài Vũ trụ khởi nguyên có lẽ có thể giúp sự thấu hiểu của người ta, hoặc ít nhất phần nào trả lời câu hỏi. Mọi Thượng đế Sáng Tạo, nghĩa là các Đấng Xuất Lộ của những vũ trụ, có thể được nghĩ đến như tự nguyện thực hiện một sự hi sinh mà trong sự viên mãn của nó, vượt ngoài tầm thấu hiểu của con người.

Timelessness, meaning absolute freedom from time-restrictions, and spacelessness, meaning absolute freedom from space-restrictions or even the remotest concepts of either of these—may be thought of as partially surrendered by both Creative Logoi and the Heads of those Hierarchies of Creative Intelligences who participate with the Logoi in the procedures of the objective space-time manifestation of THAT which is eternal and infinite.

Sự phi thời gian, nghĩa là tự do tuyệt đối khỏi các giới hạn của thời gian,- và sự phi không gian, nghĩa là tự do tuyệt đối khỏi các giới hạn của không gian, hay ngay cả khỏi những khái niệm xa xôi nhất về cả hai điều ấy — có thể được xem như phần nào được cả các Thượng đế Sáng Tạo lẫn các Đấng đứng đầu những Huyền Giai của các Trí Tuệ Sáng Tạo, vốn cùng tham dự với các Thượng đế trong các thủ tục biểu hiện khách quan trong không-thời gian của CÁI vĩnh cửu và vô hạn, tự nguyện từ bỏ.

One example of this surrender is an *Arupa Deva* who, in accordance with the procedures of involution and evolution and the Directors thereof, agrees to use specially selected places on Earth as centres through which the powers for which he is agent may reach the world of forms and so also the Life which is evolving within the restrictions of form. The very great *Devaraja* of Borobudor may, I suggest, be regarded as one who long ago became associated with the great Shrine for such purposes. The *Devaraja* is in no sense limited to that particular part or place upon the surface of the planet Earth, but voluntarily agrees to whatever limitation there may be in order to fulfil the functions which are assigned to it or which it has accepted.

Một ví dụ về sự từ bỏ này là một *Arupa Deva*, Đấng, phù hợp với các thủ tục của giáng hạ tiến hoá và tiến hoá cùng các Đấng Điều Khiển các thủ tục ấy, đồng ý sử dụng những nơi được tuyển chọn đặc biệt trên Trái Đất làm các trung tâm qua đó các quyền năng mà Ngài là tác nhân có thể đến với thế giới của hình tướng, và nhờ đó cũng đến với Sự Sống đang tiến hoá trong các giới hạn của hình tướng. Tôi xin gợi ý rằng *Devaraja* rất vĩ đại của Borobudor có thể được xem là một Đấng từ lâu đã liên hệ với Thánh điện lớn vì những mục đích như thế. *Devaraja* tuyệt nhiên không bị giới hạn vào phần hay nơi chốn đặc biệt ấy trên bề mặt của hành tinh Trái Đất, nhưng tự nguyện chấp nhận bất cứ giới hạn nào có thể có để hoàn thành các chức năng được giao cho Ngài hoặc Ngài đã chấp nhận.

These are in part to subjugate matter itself, particularly physical matter, to the rhythmic impact and interpenetration of forces which the *Devaraja* has “stepped down “from higher levels. Throughout the ages, this passage of energy through dense substance gradually reduces its inertia and so reduces the resistance of matter to Spirit, to evolving life and to spiritualising consciousness.

Những chức năng này một phần là khuất phục chính vật chất, đặc biệt là vật chất hồng trần, trước tác động có nhịp điệu và sự thâm nhập lẫn nhau của các mãnh lực mà *Devaraja* đã “hạ giảm “từ các cấp độ cao hơn. Qua các thời đại, sự đi qua của năng lượng này xuyên qua chất liệu đậm đặc dần dần làm giảm tính trì trệ của nó, và do đó làm giảm sức kháng cự của vật chất đối với Tinh thần, đối với sự sống đang tiến hoá và đối với tâm thức đang được tinh thần hoá.

A second function, I gathered, is to reduce the degree of impenetrability or resistance to

Tôi hiểu rằng một chức năng thứ hai là giảm mức độ bất khả thâm nhập hay sức kháng cự

Spirit of the layers or highest sub-planes of matter of each of the planes of nature. As the ages pass, these barriers gradually become more readily penetrated by consciousness, this being one of the effects of the energy or "driving force "which the *Deva* directs into the substance of the *rupa* planes.

A third function consists of the subjection of the indwelling and. evolving Life to the receipt and passage through it of energies which "awaken "it to gradually increased interior and external sensitivity and responses, thereby quickening the evolutionary processes. This third, function is more especially helpful to the Life evolving through the organic kingdoms than the inorganic, although all Nature is stimulated and its evolution hastened by the Angelic Hosts. Thus, the "*Devaraja* of Borobudor "may be thought of as of planetary or terrene evolutionary stature and in no sense limited in consciousness to the great Shrine.

Such in part are thoughts which arose in my mind as I meditated on the summit of Borobudor.

đối với Tinh thần của các lớp hay các cõi phụ cao nhất của vật chất thuộc mỗi cõi của thiên nhiên. Khi các thời đại trôi qua, những hàng rào này dần dần trở nên dễ được tâm thức thâm nhập hơn; đây là một trong những hiệu quả của năng lượng hay "mãnh lực thúc đẩy "mà *Deva* hướng vào chất liệu của các cõi *rupa*.

Một chức năng thứ ba gồm việc đặt Sự Sống nội tại và đang tiến hoá dưới sự tiếp nhận và để cho các năng lượng đi xuyên qua nó, những năng lượng "đánh thức "nó đến mức độ nhạy cảm và đáp ứng nội tại lẫn bên ngoài ngày càng tăng, nhờ đó làm nhanh thêm các tiến trình tiến hoá. Chức năng thứ ba này đặc biệt hữu ích cho Sự Sống đang tiến hoá qua các giới hữu cơ hơn là các giới vô cơ, mặc dù toàn thể Thiên nhiên đều được các Đạo Binh Thiên Thần kích thích và tiến hoá của nó được thúc nhanh. Như vậy, "*Devaraja* của Borobudor "có thể được nghĩ đến như một Đấng có tầm vóc tiến hoá hành tinh hay địa cầu, và tuyệt nhiên không bị giới hạn trong tâm thức vào Thánh điện lớn ấy.

Đó phần nào là những tư tưởng đã khởi lên trong thể trí tôi khi tôi tham thiền trên đỉnh Borobudor.





L'ENVOI – LỜI TIỄN ĐƯA

"The Gods await the conscious re-union of the mind of man with the Universal Mind. Humanity awakens slowly. Matter-blinded through centuries, few men as yet perceive the mind within the substance, the life within the form.

"In search of power and wealth, men have traversed the whole earth, have penetrated the wilds, scaled the peaks and conquered the polar wastes. Let them now seek within the form, scale the heights of their own consciousness, penetrate its depth, in search of that inner Power and Life by which alone they may become strong in will and spiritually enriched.

"He who thus throws open his life and mind to the Universal Life and Mind indwelling in all things will enter into union therewith and to him the Gods will appear."

A Mountain God

"Các Thần đang chờ sự tái hợp nhất hữu thức của thể trí con người với Vũ Trụ Trí. Nhân loại thức tỉnh chậm chạp. Bị vật chất làm mù qua nhiều thế kỷ, cho đến nay ít người nhận ra được trí tuệ bên trong chất liệu, sự sống bên trong hình tướng.

"Để tìm kiếm quyền lực và của cải, con người đã đi khắp địa cầu, đã xuyên vào những miền hoang dã, trèo lên các đỉnh cao và chinh phục các hoang mạc vùng cực. Giờ đây, hãy để họ tìm kiếm bên trong hình tướng, leo lên các đỉnh cao của chính tâm thức mình, xuyên vào chiều sâu của nó, để tìm kiếm Quyền Năng và Sự Sống bên trong ấy, nhờ đó mà thôi họ có thể trở nên mạnh mẽ trong ý chí và phong phú về tinh thần.

"Ai mở rộng đời sống và thể trí của mình như thế cho Sự Sống Phổ Quát và Trí Tuệ Phổ Quát đang nội tại trong mọi vật, người ấy sẽ bước vào sự hợp nhất với điều đó, và các Thần sẽ hiện ra với y."

Một Thần Núi

BIBLIOGRAPHY – THƯ MỤC

***ABC of Atoms, The,* (Bertrand Russell).**

***Angelic Hosts, The,* (Geoffrey Hodson).**

An Outline of Theosophy, (C. W. Leadbeater).

A Study in Consciousness, (A. Besant).

***Bhagavad Gita, The,* (Trans. A. Besant).**

Brotherhood oj Angels and of Men, The, (Geoffrey Hodson),

Causal Body, The, (A. E. Powell).

***Chakras, The,* (C. W. Leadbeater).**

***Clef des Mysteres,* (Eliphas Levi).**

***Collected Poems,* (Janies Stephens).**

***Vỡ Lòng về các Nguyên tử,* (Bertrand Russell).**

***Các Đạo Binh Thiên Thần,* (Geoffrey Hodson).**

Đại Cương Thông Thiên Học, (C. W. Leadbeater).

Một Nghiên Cứu về Tâm Thức, (A. Besant).

***Chí Tôn Ca,* (Dịch: A. Besant).**

Huynh Đệ Đoàn của Thiên Thần và Con Người, (Geoffrey Hodson),

Thể Nguyên Nhân, (A. E. Powell).

***Các Luân Xa,* (C. W. Leadbeater).**

***Chìa Khoá các Bí Nhiệm,* (Eliphas Levi).**

***Thi Tập,* (Janies Stephens).**

Coming of the Angels, The, (Geoffrey Hodson).	*Sự Đến của các Thiên Thần,* (Geoffrey Hodson).
Coming of the Fairies, The, (Sir Arthur Conan Doyle).	*Sự Đến của các Tiên,* (Sir Arthur Conan Doyle).
Devachanic Plane, The, (C. W. Leadbeater).	*Cõi Devachan,* (C. W. Leadbeater).
Doctrine and Literature of the Kabalah, The, (A. E. Waite).	*Giáo Lý và Văn Học Kabalah,* (A. E. Waite).
Essential Unity of All Religions, The, (Bhagavan Das).	*Sự Hợp Nhất Căn Bản của Mọi Tôn Giáo,* (Bhagavan Das).
Etheric Double, The, (A. E. Powell).	*Bản Sao Dĩ Thái,* (A. E. Powell).
***Fairies,* (E. L. Gardner).**	***Các Tiên,* (E. L. Gardner).**
Fairies at Work and at Play, (Geoffrey Hodson).	*Các Tiên Khi Làm Việc và Khi Vui Chơi,* (Geoffrey Hodson).
First Principles of Theosophy, (C. Jinarajadasa).	*Các Nguyên Lý Đầu Tiên của Thông Thiên Học,* (C. Jinarajadasa).
Gods of Egypt, The, (Budge).	*Các Thần của Ai Cập,* (Budge).
***Great Design, The,* (Sir James Arthur Thompson).**	***Thiết Kế Vĩ Đại,* (Sir James Arthur Thompson).**
Hidden Side of Christian Festivals, The, (C. W. Leadbeater).	*Mặt Ẩn của các Lễ Hội Kitô Giáo,* (C. W. Leadbeater).
Initiation and the Perfecting of Man, (A. Besant).	*Điểm Đạo và Sự Hoàn Thiện Con Người,* (A. Besant).
Inner Government of the World, The, (A. Besant).	*Nội Chính của Thế Giới, (A. Besant).*
Inner Side of Church Worship, The, (Geoffrey Hodson).	*Mặt Bên Trong của Sự Thờ Phượng trong Nhà Thờ,* (Geoffrey Hodson).
Journal of Parapsychology.	*Tạp Chí Tâm Lý Học Siêu Thường.*
Kabbalah Unveiled, The, (S. L. MacGregor Mathers).	*Kabbalah Được Vén Màn,* (S. L. MacGregor Mathers).
Key to Theosophy, The, (H. P. Blavatsky).	*Chìa Khoá Thông Thiên Học,* (H. P. Blavatsky).
Lotus Fire, The, (G. S. Arundale).	*Lửa Hoa Sen,* (G. S. Arundale).
Main Currents in Modern Thought, (Editor: F. Kunz).	*Các Dòng Chính trong Tư Tưởng Hiện Đại,* (Biên tập: F. Kunz).
Man and His Bodies, (A. Besant).	*Con Người và các Thể của Y,* (A. Besant).
Man, Visible and Invisible, (C. W. Leadbeater).	*Con Người, Hữu Hình và Vô Hình,* (C. W. Leadbeater).

Masters and the Path, The, (C. W. Leadbeater).	*Các Chân sư và Đường Đạo,* (C. W. Leadbeater).
Miracle of Birth, The, (Geoffrey Hodson).	*Phép Mầu của Sự Sinh Ra,* (Geoffrey Hodson).
Monad, The, (C. W. Leadbeater).	*Chân Thần,* (C. W. Leadbeater).
Mysterious Universe, The, (Sir James Jeans).	*Vũ Trụ Huyền Bí,* (Sir James Jeans).
Nature and Source of Evil, (Plotinus. Trans. S. McKenna).	*Bản Chất và Nguồn Gốc của Cái Ác,* (Plotinus. Dịch: S. McKenna).
Physics and Philosophy, (Sir James Jeans).	*Vật Lý và Triết Học,* (Sir James Jeans).
Reach of the Mind, The, (J. B. Rhine).	*Tầm Với của Thể Trí,* (J. B. Rhine).
Reincarnation, Fact or Fallacy? (Geoffrey Hodson).	*Tái Sinh, Sự Thật hay Ngụy Thuyết*? (Geoffrey Hodson).
Review, The, (of Calcutta).	*Tạp Chí,* (của Calcutta).
St. Alban Hymnal.	*Thánh Ca St. Alban.*
Science of Seership, The, (Geoffrey Hodson).	*Khoa Học về Sự Thông Nhãn,* (Geoffrey Hodson).
Science of the Sacraments, The, (C. W. Leadbeater).	*Khoa Học về các Bí Tích,* (C. W. Leadbeater).
Secret Doctrine, The, (H. P. Blavatsky).	*Giáo Lý Bí Nhiệm,* (H. P. Blavatsky).
Seven Human Temperaments, The,' (Geoffrey Hodson).	*Bảy Khí Chất Con Người,'* (Geoffrey Hodson).
Seven Rays, The, (Ernest Wood).	*Bảy Cung,* (Ernest Wood).
Solar System, The, (A. E. Powell).	*Hệ Mặt Trời,* (A. E. Powell).
Soul and Its Vestures, The, (A. Besant).	*Linh Hồn và các Lớp Áo của Nó,* (A. Besant).
Theosophical Glossary, The, (H. P. Blavatsky).	*Thuật Ngữ Thông Thiên Học,* (H. P. Blavatsky).
Thought Forms, (A. Besant and C. W. Leadbeater).	*Các Hình Tư Tưởng,* (A. Besant and C. W. Leadbeater).
Thought Power: its Control and Culture, (A. Besant).	*Quyền Năng Tư Tưởng: Sự Kiểm Soát và Văn Hoá của Nó,* (A. Besant).
Transcendental Magic, (Eliphas Levi).	*Huyền Thuật Siêu Việt,* (Eliphas Levi).
Web of the Universe, The, *(E. L. Gardner).*	Mạng Lưới của Vũ Trụ, *(E. L. Gardner).*
World Mother as Symbol and Fact, The (C. W. Leadbeater).	Đức Mẹ Thế Giới như Biểu Tượng và Sự Thật (C. W. Leadbeater).

ABOUT THE AUTHOR – VỀ TÁC GIẢ

GEOFFREY HODSON was born and educated	GEOFFREY HODSON sinh ra và được giáo dục

in England. During the First World War he served with distinction in the British Army and afterwards became actively interested in Theosophical studies. He carried out occult research in collaboration with medical men, physicists, anthropologists and archeologists.

tại Anh. Trong Thế Chiến thứ nhất, ông phục vụ xuất sắc trong Quân đội Anh và sau đó tích cực quan tâm đến các nghiên cứu Thông Thiên Học. Ông tiến hành nghiên cứu huyền môn với sự cộng tác của các bác sĩ, nhà vật lý, nhà nhân học và nhà khảo cổ học.

For some sixty years Mr Hodson lectured for the Theosophical Society, speaking in America, England, Europe, South Africa, India, New Zealand, Australia and the Far East. He was the author of about forty Theosophical and other books, dealing with such topics as meditation, the spiritual life, health and disease, and the life and powers of the occultist. He carried out special and first-hand investigation of fairies and angelic evolution.

Trong khoảng sáu mươi năm, ông Hodson thuyết giảng cho Hội Thông Thiên Học, diễn thuyết tại Mỹ, Anh, châu Âu, Nam Phi, Ấn Độ, New Zealand, Úc và Viễn Đông. Ông là tác giả của khoảng bốn mươi cuốn sách Thông Thiên Học và các sách khác, bàn đến những đề tài như tham thiền, đời sống tinh thần, sức khoẻ và bệnh tật, cùng đời sống và các quyền năng của nhà huyền bí học. Ông tiến hành khảo sát đặc biệt và trực tiếp về các tiên và sự tiến hoá thiên thần.

Mr Hodson was four times Director of Studies at the School of the Wisdom at the International Headquarters of the Theosophical Society, Adyar, Chennai.

Ông Hodson bốn lần là Giám đốc Nghiên cứu tại Trường Minh Triết ở Trụ sở Quốc tế của Hội Thông Thiên Học, Adyar, Chennai.

He was awarded the Subba Row Medal in 1954 for his contributions to Theosophical literature.

Ông được trao Huy chương Subba Row năm 1954 vì những đóng góp của ông cho văn học Thông Thiên Học.

For information on Theosophy and the Theosophical Society please read on.

Để biết thông tin về Thông Thiên Học và Hội Thông Thiên Học xin đọc tiếp.

Theosophy and The Theosophical Society – Thông Thiên Học và Hội Thông Thiên Học

The Theosophical Society, founded in 1875, is a worldwide body whose primary object is Universal Brotherhood based on the realization that life, in all its diverse forms, human and nonhuman, is indivisibly One. The Society imposes no belief on its members, who are united by a common search for truth and the desire to learn the meaning and purpose of existence by engaging themselves in study, reflection, purity of life and loving service.

Hội Thông Thiên Học, được thành lập năm 1875, là một tổ chức toàn cầu có mục tiêu chính là Tình Huynh Đệ Phổ Quát, đặt nền trên sự nhận ra rằng sự sống, trong mọi hình tướng đa dạng của nó, nhân loại và phi nhân loại, là Một một cách bất khả phân. Hội không áp đặt niềm tin nào lên các thành viên, những người được hợp nhất bởi cuộc tìm kiếm chung về chân lý và ước muốn học biết ý nghĩa cùng mục đích của hiện hữu bằng cách dấn thân vào học hỏi, suy tư, đời sống thanh khiết và phụng sự bằng tình thương.

Theosophy is the wisdom underlying all religions when they are stripped of accretions and superstitions. It offers a philosophy which renders life intelligible and demonstrates that justice and love guide the cosmos. Its teachings contribute to the unfolding of the latent spiritual nature in the human being, without dependence or fear.

For general information, contact:

International Secretary

The Theosophical Society

Adyar, Chennai 600 020, India

Tel: (+91-44) 2491-2474/Fax: 2490-2706

E-mail: theossoc@dataone.in

Website: http://www.ts-adyar.org

For catalogue, enquiries and to order books and magazines, contact:

The Theosophical Publishing House Adyar, Chennai 600 020, India

Tel: (+91-44) 2491-1338 & 2446-6613

Fax: (+91-44) 2490-1399

E-mail: tphindia@gmail.com

tphindia@dataone.in

Website: http://www.ts-adyar.org/catalogue.asp

Thông Thiên Học là minh triết nằm dưới mọi tôn giáo khi chúng được gỡ bỏ các lớp bồi đắp và mê tín. Nó đưa ra một triết học làm cho đời sống trở nên có thể hiểu được và chứng minh rằng công lý cùng tình thương hướng dẫn vũ trụ. Các giáo huấn của nó góp phần vào sự khai mở bản chất tinh thần tiềm ẩn trong con người, không lệ thuộc và không sợ hãi.

Để biết thông tin chung, liên hệ:

Thư ký Quốc tế

Hội Thông Thiên Học

Adyar, Chennai 600 020, India

Điện thoại: (+91-44) 2491-2474/Fax: 2490-2706

E-mail: theossoc@dataone.in

Website: http://www.ts-adyar.org

Để nhận danh mục, hỏi thông tin và đặt mua sách cùng tạp chí, liên hệ:

Nhà Xuất Bản Thông Thiên Học Adyar, Chennai 600 020, India

Điện thoại: (+91-44) 2491-1338 & 2446-6613

Fax: (+91-44) 2490-1399

E-mail: tphindia@gmail.com

tphindia@dataone.in

Website: http://www.ts-adyar.org/catalogue.asp

Trong cuốn sách hết sức khác thường này, Geoffrey Hodson, một trong những nhà huyền bí học vĩ đại nhất thời đại chúng ta, đưa ra một tường thuật hấp dẫn về sự tiến hoá liên quan đến một giới tự nhiên song song với loài người, cụ thể là giới của cá thiên sứ cao cấp, được biết đến ở phương Đông là giới của *Deva-s* hay 'the Shining Ones'.

Mọi tôn giáo đều có các thiên thần và tổng lãnh thiên thần của mình. Truyền thuyết, thần thoại và văn gian của mọi quốc gia trên khắp thế giới và mọi thời đại đều nói đến các thiên thần và các tinh linh tự nhiên, về tinh linh của núi, mây và sông, và về những con quỷ tinh nghịch thích chơi khăm con người. Tuy nhiên, rất ít thông tin cụ thể có sẵn về họ hoặc các chức năng và hoạt động của họ.

The Kingdom of the Gods dựa trên kiến thức được mặc khải trong các cuốn sách huyền bí như *The Secret Doctrine* của H. P. Blavatsky và các cuộc điều tra bằng thông nhãn của các nhà huyền bí học như Annie Besant, C. W. Leadbeater và chính tác giả.

Đối với bằng chứng về sự tồn tại của những sinh thể vô hình này, tác giả chỉ ra rằng, mặc dù không thể có bằng chứng chứng minh về thành quả của trải nghiệm thần bí, nhưng việc kiểm tra bằng nghiên cứu cá nhân là có thể và ông nói, 'Sự kiểm tra đó tôi đã cố gắng áp dụng, và cuốn sách này một phần là bản ghi lại những phát hiện của riêng tôi'.

Những mô tả đồ họa về các Deva-s khác nhau — của nước, của lửa, của núi và biển, của cây và thực vật, của âm nhạc, của các quốc gia riêng lẻ — cùng với những hình minh họa đầy màu sắc về hình tướng của họ như được thấy bằng tầm nhìn thông nhãn, đưa người ta một cách vô thức vào một trải nghiệm tuyệt vời về 'tình bạn của các thiên thần'.

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG THIÊN HỌC, ADYAR